

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI

**LỊCH SỬ**  
**ĐẢNG BỘ**  
**TỈNH QUẢNG NGÃI**  
**(1930 - 1975)**



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI**

**LỊCH SỬ**  
**ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI**  
**(1930 - 1975)**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**  
Hà Nội - 2019

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

**CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN**

LÊ VIẾT CHỮ  
NGUYỄN THANH QUANG  
TRẦN NGỌC CĂNG  
TRẦN VĂN MINH  
PHẠM THANH HẢI

**BIÊN SOẠN**

VÕ VĂN HÀO (Chủ biên)  
THÁI THỊ KIM NGÀ

**THAM GIA GIÚP ĐỠ BIÊN SOẠN**

PHẠM THANH BIÊN  
LÊ TẤN TỎA  
TỪ TÂN VŨ  
PHẠM SY  
PHẠM ĐÌNH KHỐI



**CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**  
(1890 - 1969)



**THỦ TƯỚNG PHẠM VĂN ĐỒNG**  
**(1906 - 2000)**

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Quảng Ngãi, vùng đất núi Án, sông Trà, nằm ở vùng duyên hải miền Trung - Tây Nguyên, phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía nam giáp tỉnh Bình Định, phía tây nam giáp tỉnh Kon Tum, phía đông giáp biển. Thiên nhiên hùng vĩ và nên thơ, có núi, có sông, có ghềnh thác, có biển thuận lợi cho con người sinh sống nên từ buổi bình minh của lịch sử, vùng đất Quảng Ngãi đã là nơi cư trú của người Việt cổ. Con người nơi đây đã sớm hun đúc nên tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng. Vùng đất này cũng đã sản sinh ra nhiều danh nhân, làm rạng rỡ quê hương, đất nước như Trương Định, Lê Trung Đình, Nguyễn Nghiêm, Phạm Văn Đồng...

Ở Quảng Ngãi, phong trào cách mạng phát triển sớm, nổ ra mạnh mẽ nên Quảng Ngãi trở thành trung tâm của phong trào cách mạng của các tỉnh Nam Trung Bộ những năm 1930 - 1945, là quê hương của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ anh hùng - tiền thân của lực lượng vũ trang của nhân dân Liên khu V. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Quảng Ngãi là một trong những căn cứ quan trọng, là hậu phương vững chắc, đóng góp sức người, sức của làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Quảng Ngãi anh hùng với chiến thắng Ba Gia, Vạn Tường (năm 1965), góp phần đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng

miền Nam, thống nhất đất nước. Thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược là kết quả của chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà trực tiếp là sự chỉ đạo kịp thời của Khu ủy Khu V; đó là thắng lợi của truyền thống đoàn kết toàn dân, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, ác liệt, quyết chiến và quyết thắng trước kẻ thù, giải phóng quê hương.

Nhằm ghi nhận và tái hiện chặng đường đấu tranh cách mạng, xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi từ khi Đảng bộ được thành lập, lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ thắng lợi, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức chỉnh lý, bổ sung, sửa chữa và phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1930 - 1975)***.

Cuốn sách ghi lại những chặng đường lịch sử vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi qua các thời kỳ với truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng anh dũng; những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng quê hương; tái hiện quá trình Đảng bộ tỉnh tiếp thu và vận dụng sáng tạo các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng vào điều kiện cụ thể của tỉnh, có kế hoạch cụ thể, đúng đắn, sát hợp với tình hình thực tiễn nhằm lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, góp phần thống nhất đất nước. Những thành tựu và bài học kinh nghiệm quý báu của Đảng bộ trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi được tổng kết là cơ sở vững chắc để Đảng bộ tỉnh tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình tổ chức biên tập, chỉnh lý, bổ sung các sự kiện, nhân vật, số liệu, tư liệu,... song do nguồn tư liệu chưa đầy đủ, nhiều nhân chứng lịch sử đã mất nên cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để cuốn sách tiếp tục được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

*Tháng 11 năm 2018*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT





ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

## LỜI NÓI ĐẦU

Quảng Ngãi nằm ở vùng duyên hải miền Trung, là vùng đất văn hiến có bề dày lịch sử - văn hóa lâu đời, nơi hội tụ, tiếp biến, giao thoa của ba nền văn hóa Sa Huỳnh - Chăm-pa - Đại Việt. Vùng đất địa linh, nhân kiệt này sản sinh những anh hùng, hào kiệt làm rạng danh quê hương, đất nước như Trương Định, Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Trương Quang Trọng, Nguyễn Nghiêm, Phạm Văn Đồng...

Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi rất tự hào từng là trung tâm của phong trào cách mạng các tỉnh Nam Trung Bộ những năm 1930 - 1945, quê hương của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ anh hùng - tiền thân của lực lượng vũ trang nhân dân Liên khu V; tự hào là một trong những vùng tự do, hậu phương lớn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954). Quảng Ngãi cũng là nơi diễn ra cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (năm 1959), mở đầu cho phong trào Đồng khởi ở miền Trung; nơi đã làm nên chiến thắng Ba Gia, Vạn Tường (năm 1965), góp phần đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ - ngụy, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Sau năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Quảng Ngãi đã nỗ lực khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội. Trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Quảng Ngãi là một tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, chứa đựng

nhiều tiềm năng và lợi thế để xây dựng Quảng Ngãi trở thành tỉnh giàu mạnh, góp phần cùng cả nước thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Để ghi nhận công lao vô cùng to lớn của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc (1930 - 1975), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo sưu tầm, khai thác, xác minh tư liệu để biên soạn cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, xuất bản năm 1985, tái bản năm 2005 và cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, xuất bản năm 1999.

Sau khi phát hành các cuốn sách trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhận được sự đồng tình, hoan nghênh của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong và ngoài tỉnh, đồng thời cũng nhận được nhiều ý kiến đóng góp, đề nghị tiếp tục sưu tầm, bổ sung, đánh giá một số sự kiện, nhân vật lịch sử chính xác, khoa học hơn. Tiếp thu những ý kiến đó, từ năm 2006, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo việc sưu tầm và xác minh tư liệu, tài liệu để bổ sung, chỉnh sửa, biên soạn và xuất bản cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1930 - 1975)***.

Nội dung cuốn sách kế thừa kết quả nghiên cứu của những tài liệu, tư liệu lịch sử trong các cuốn sách đã xuất bản trước đây; đồng thời bổ sung các sự kiện, nhân vật lịch sử trong các phong trào cách mạng thời kỳ 1930 - 1975 mới được khai thác, sưu tầm từ Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Trung tâm Lưu trữ quốc gia, Viện Lịch sử Đảng, Bộ Tư lệnh Quân khu V, Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy; tư liệu, tài liệu của các đồng chí đã từng trực tiếp tham gia lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng từ năm 1930 đến năm 1975; lịch sử đảng bộ các huyện, thành phố, các ban, ngành, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh và nhiều tài liệu, tư liệu do các nhân chứng lịch sử cung cấp.

Ban biên soạn đã được nhiều cơ quan, đơn vị, nhân chứng lịch sử đóng góp ý kiến quý báu trong việc chọn lọc, đánh giá, thẩm định, bổ sung nhiều sự kiện, nhân vật lịch sử quan trọng. Mặc dù có nhiều cố gắng, song nhiều sự kiện đã lùi vào dĩ vãng, nhiều tư liệu thất lạc, nhiều nhân chứng lịch sử không còn nên cuốn sách khó tránh khỏi hạn chế, Ban Thường vụ Tỉnh ủy rất mong đồng chí, đồng bào, các cơ quan, đơn vị tiếp tục đóng góp ý kiến để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Nhân dịp xuất bản cuốn sách, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, các đồng chí lão thành cách mạng, đồng chí, đồng bào, các cơ quan, đơn vị, địa phương,... đã tạo điều kiện giúp đỡ hoàn thành cuốn sách.

Xin trân trọng giới thiệu với đồng bào, đồng chí và bạn đọc cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1930 - 1975)***.

*Quảng Ngãi, tháng 10 năm 2018*

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

## *Chương mở đầu*

# **QUẢNG NGÃI - ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG**

## **I- ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**

Quảng Ngãi là một tỉnh ven biển miền Trung, nằm khoảng giữa chiều dài của đất nước, có quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam chạy qua, phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía nam giáp tỉnh Bình Định, phía tây giáp các tỉnh Kon Tum và Gia Lai, phía đông giáp Biển Đông. Diện tích tự nhiên 5.135,2 km<sup>2</sup>. Chiều dài của tỉnh theo hướng bắc - nam khoảng 100 km, chiều rộng theo hướng đông - tây khoảng hơn 60 km. Bờ biển Quảng Ngãi dài khoảng 130 km, có hai cảng biển lớn là Sa Kỳ và Dung Quất.

Nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung, ngoài quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam chạy qua, các vùng và các địa phương của tỉnh còn nối liền với nhau bằng các tỉnh lộ, đường liên huyện, liên xã. Đặc biệt, quốc lộ 24 nối Tây Nguyên với khu kinh tế Dung Quất tạo điều kiện tốt để phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại và quốc phòng của tỉnh.

Hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi có 1 thành phố (thành phố Quảng Ngãi), 6 huyện đồng bằng (Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ), 6 huyện miền núi (Tây Trà,

Trà Bồng, Sơn Tây, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ) và huyện đảo Lý Sơn, cách cảng Sa Kỳ khoảng 25 km về phía đông.

Quảng Ngãi xưa vốn là Cổ Lũy động, đến thời Hồ Hán Thương, năm 1402, Cổ Lũy động chia thành châu Tư và châu Nghĩa trực thuộc lộ Thăng Hoa nước Đại Ngu. Năm Hồng Đức thứ hai (1471), Vua Lê Thánh Tông thu phục và hợp nhất hai châu thành phủ Tư Nghĩa. Năm Nhâm Dần (1602) đời Lê Kính Tông, Nguyễn Hoàng đổi phủ Tư Nghĩa thành phủ Quảng Nghĩa. Năm 1776, nhà Tây Sơn đổi phủ Quảng Nghĩa thành phủ Hòa Nghĩa. Năm 1805, Vua Gia Long đổi phủ Hòa Nghĩa thành phủ Tư Nghĩa, đồng thời đặt ra dinh Quảng Nghĩa và đến năm 1808 lại đổi dinh Quảng Nghĩa thành trấn Quảng Nghĩa. Năm 1832, Vua Minh Mệnh đổi trấn Quảng Nghĩa thành tỉnh Quảng Nghĩa. Trong thời thuộc Pháp, tỉnh có tên gọi là Quảng Ngãi. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước ngày bầu cử Quốc hội khóa I (ngày 06-01-1946), tỉnh có tên gọi là tỉnh Lê Trung Đình, sau đó trở lại tên tỉnh Quảng Ngãi. Đến cuối năm 1975, tỉnh Quảng Ngãi hợp nhất với tỉnh Bình Định, lấy tên là tỉnh Nghĩa Bình. Đến ngày 01-7-1989, tỉnh Quảng Ngãi được tái lập.

Năm 1932, dân số Quảng Ngãi có 428.059 người. Năm 1975 có 768.273 người, gồm các dân tộc: Kinh, Hrê, Cor, Ca Dong và một số dân tộc thiểu số khác. Người Kinh đa số sinh sống ở các huyện đồng bằng và một số ít sống ở miền núi. Đồng bào các dân tộc thiểu số sống ở các huyện miền núi của tỉnh và một số xã của các huyện đồng bằng như Tư Nghĩa, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành.

Khí hậu Quảng Ngãi chia làm hai mùa rõ rệt. Mùa nắng từ tháng 01 đến tháng 9, mùa mưa từ tháng 10 đến tháng 12. Nhiệt độ trung bình cả năm là 25,7<sup>0</sup>C, độ ẩm

trung bình 86%, lượng mưa trung bình 3.423 mm, số giờ nắng trung bình 1.996 giờ.

Quảng Ngãi có hai vùng địa hình: trung du, miền núi và vùng đồng bằng chạy dài sát ven biển, với bốn sông lớn là Trà Bồng, Trà Khúc, Sông Vệ, Trà Câu, chảy ra các cửa biển Sa Cần, Sa Kỳ, Cổ Lũy, Mỹ Á.

Vùng trung du, miền núi Quảng Ngãi chiếm gần 2/3 diện tích tự nhiên, địa hình hiểm trở, núi rừng trùng điệp nối liền với dãy Trường Sơn, là nơi bắt nguồn của các con sông lớn trong tỉnh. Miền núi Quảng Ngãi có những núi cao cũng là những di tích lịch sử ghi dấu sự phát triển của phong trào cách mạng của tỉnh qua các thời kỳ như núi Cà Đam cao khoảng 1.431 m, núi Đá Vách cao khoảng 1.500 m, núi Cao Muôn cao khoảng 1.085 m so với mực nước biển...; có nhiều lâm sản như quế, chè, cau, trầm hương, mây, mật ong... và nhiều loài động vật quý hiếm; nhiều loại cây rừng vừa là thực phẩm phong phú, vừa là các vị thuốc quý. Miền núi Quảng Ngãi còn là địa bàn chiến lược hết sức quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ và xây dựng quê hương.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, miền núi Quảng Ngãi luôn là căn cứ địa vững chắc của phong trào cách mạng trong tỉnh và Liên khu V, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là quê hương khởi nghĩa Ba Tơ (ngày 11-3-1945), khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (ngày 28-8-1959), nơi ra đời của Đội du kích Ba Tơ - tiền thân của lực lượng vũ trang Quân khu V và các đại đội 339, 89, 299 - những đơn vị đầu tiên của lực lượng vũ trang Quảng Ngãi cũng như Quân khu V trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Quảng Ngãi cũng là quê hương của chiến thắng Ba Gia (ngày 31-5-1965), chiến thắng Vạn Tường

lịch sử (ngày 18-8-1965), góp phần đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược.

Đồng bằng tỉnh Quảng Ngãi nhỏ hẹp, chỉ chiếm 1/3 diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Đất đai tương đối màu mỡ, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, chủ yếu tập trung ở các huyện Mộ Đức, Tư Nghĩa, thành phố Quảng Ngãi... Còn lại phần lớn là đất bạc màu, đất đồi bán sơn địa. Đồng bằng Quảng Ngãi lại bị nhiều sông ngòi và đồi núi thấp chạy ra sát biển chia cắt.

Quảng Ngãi có bờ biển dài, nhiều cửa biển, đặc biệt là cảng biển nước sâu Dung Quất - nơi có điều kiện để phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Ngoài khơi có huyện đảo Lý Sơn là vị trí tiền tiêu, pháo đài bảo vệ Tổ quốc. Quảng Ngãi còn có nhiều danh lam, thắng cảnh. Thành cổ nằm sát bờ phía nam sông Trà Khúc còn được gọi là Thành Gấm.

Quảng Ngãi là nơi giao thoa của các nền văn hóa Sa Huỳnh - Chămpa - Đại Việt, nơi lưu giữ nhiều dấu tích của nền văn hóa cổ xưa: di chỉ Gò Trá (xã Tịnh Thọ, Sơn Tịnh) và di chỉ Gò Văng (xã Sơn Kỳ, Sơn Hà) thuộc thời kỳ đồ đá mới; di chỉ Long Thạnh (xã Phổ Thạnh, Đức Phổ) thuộc sơ kỳ đồng thau; di chỉ Bình Châu (xã Bình Châu, Bình Sơn) thuộc trung kỳ đồng thau và nổi bật là văn hóa Sa Huỳnh thuộc thời kỳ đồ sắt sớm...

Từ khi Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi ra đời, lãnh đạo phong trào cách mạng, trên địa bàn tỉnh có thêm nhiều di tích lịch sử gắn với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Núi Xương Rồng thuộc làng Tân Hội (xã Phổ Phong, Đức Phổ) là nơi thành lập tổ chức Dự bị Cộng sản (tháng 7-1929) làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ tỉnh. Tân Hội cũng là nơi ra đời của Đảng bộ tỉnh, là quê hương của đồng chí Nguyễn Nghiêm, người chiến sĩ cách mạng kiên cường, Bí thư đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi. Đoạn sông Trà Câu gần cửa Mỹ Á (Đức Phổ) là nơi diễn ra



**BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2011**



Hội nghị đại biểu liên tỉnh (ngày 23-4-1935), quyết định chuyển Địa phương Chấp ủy Trung Trung Kỳ thành Ban cán sự Trung Nam của Xứ ủy Trung Kỳ. Ba Tơ - nơi diễn ra cuộc khởi nghĩa Ba Tơ lịch sử (ngày 11-3-1945), là nơi ra đời của Đội du kích Ba Tơ. Các chiến khu Cao Muôn (xã Ba Vinh, Ba Tơ), Núi Lớn (xã Phở Phong, Đức Phở), Vĩnh Sơn (xã Tịnh Hiệp, Sơn Tịnh) là nơi Đội du kích Ba Tơ xây dựng căn cứ, chuẩn bị lực lượng tham gia cuộc khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công trong toàn tỉnh. Vĩnh Lộc (xã Tịnh Bình, Sơn Tịnh) là địa điểm Hội nghị liên tịch các tỉnh Trung Kỳ vào giữa tháng 7-1945, thông qua kế hoạch chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa khi thời cơ đến. Thi Phở Nhất (xã Đức Tân, Mộ Đức) là nơi Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp mở rộng, quyết định phát động cuộc khởi nghĩa toàn tỉnh khi vừa mới nhận được tin quân đội Nhật đầu hàng Đồng minh. Gò Rô (xã Trà Phong, Trà Bồng) là nơi diễn ra Đại hội đoàn kết quyết tâm chống đế quốc Mỹ của hơn 200 đại biểu các dân tộc Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, cũng là nơi khởi đầu của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (ngày 28-8-1959). Ba Gia ở phía tây huyện Sơn Tịnh là nơi diễn ra chiến công của quân và dân ta trong các ngày 29, 30, 31-5-1965, tiêu diệt một chiến đoàn nguy, góp phần làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ. Vạn Tường (xã Bình Hải, Bình Sơn) là nơi lần đầu tiên quân và dân ta đánh bại gần 8.000 quân tinh nhuệ của đế quốc Mỹ, có tàu chiến và máy bay yểm trợ, mở đầu cho cao trào diệt Mỹ ở miền Nam (ngày 18-8-1965). Ngày 15-02-1967, quân và dân ta làm nên chiến thắng Đồi Tranh, Quang Thạnh (xã Tịnh Thọ, Sơn Tịnh), tiêu diệt một tiểu đoàn quân địch ngay trong công sự kiên cố của chúng...

Quảng Ngãi cũng là nơi kẻ thù gây ra những vụ thảm sát cực kỳ man rợ. Chứng tích Bình Hòa (xã Bình Hòa, Bình Sơn)

là nơi địch gây ra vụ thảm sát hơn 400 đồng bào trong các ngày 05 và 06-12-1966. Chúng tích Sơn Mỹ (xã Tịnh Khê, Sơn Tịnh) ghi lại tội ác tày trời của giặc Mỹ thảm sát 504 người, hầu hết là người già, phụ nữ và trẻ em vào sáng ngày 16-3-1968... Trên đất Quảng Ngãi nơi nào cũng có những dấu tích lịch sử anh hùng của dân tộc và ở đâu cũng có dấu vết tội ác của kẻ thù.

Là một tỉnh nông nghiệp, thời tiết khắc nghiệt, nhân dân Quảng Ngãi với tinh thần cần cù, thông minh và sáng tạo trong lao động, qua nhiều thế hệ đã biến những vùng đất khô cằn trở nên màu mỡ.

Đọc theo các bờ sông, nhất là sông Trà Khúc, người dân Quảng Ngãi đã dựng những bờ xe nước lớn, liên kết từ 10 đến 12 bánh xe bằng tre để lấy nước từ dưới lòng sông tưới cho các cánh đồng. Những nơi xa sông, suối, nông dân đào giếng, dùng cần vọt lấy nước hoặc dùng gàu dai tát nước qua nhiều bậc, nhiều tầng vào các ruộng bậc thang.

Nghề thủ công có từ lâu đời, nổi tiếng nhất là nghề nấu đường mía. Nhân dân chế biến từ mía ra các loại sản phẩm ngon như đường cát, đường muông, đường phèn, đường phổi, kẹo gương... Nghề khai quặng, nấu sắt, rèn nông cụ, làm đồ binh khí phát triển khá sớm ở nhiều địa phương trong tỉnh. Ở làng Chú Tượng (xã Đức Hiệp, Mộ Đức) có nghề đúc đồng nổi tiếng. Nhiều địa phương có nghề cần xà cừ trên gỗ rất tinh xảo. Ở các huyện Bình Sơn, Đức Phổ có nghề làm đồ gốm. Hầu hết ở các huyện đồng bằng đều có nghề kéo sợi, ương tơ, dệt vải, đan lát một số dụng cụ sản xuất và sinh hoạt từ nguyên liệu tre, mây, cói. Đồng bào ven biển có nghề làm mắm... Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), Quảng Ngãi là nơi cung cấp cho toàn Liên khu V rất nhiều vải, giấy, hàng tiêu dùng thiết yếu khác.

Trong quá trình đấu tranh với thiên nhiên để tồn tại và phát triển, nhân dân Quảng Ngãi đã vun đắp nên truyền thống lao động cần cù, sáng tạo với cốt cách của riêng mình. Những nét đẹp đó được thể hiện khá rõ nét trong ca dao, tục ngữ:

*Ai về Quảng Ngãi mà xem,  
Bãi dâu tơ óng, đồng ken lúa vàng.  
Xóm thôn sực nức mùi dàng,  
Nhấp chè Tam Bảo, luận bàn văn chương.*

Cũng giống như nhiều tỉnh ở miền Nam Trung Bộ, đại bộ phận cư dân tỉnh Quảng Ngãi là nông dân các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, vì chống lại triều đình phong kiến phản động, thối nát nên bị bắt đưa vào cùng với binh lính khai khẩn ruộng đất theo chế độ binh điền. Họ bị bóc lột, đối xử rất tàn tệ.

Từ khi thực dân Pháp đặt ách thống trị trên đất nước ta, cơ cấu xã hội, giai cấp ở Quảng Ngãi bắt đầu có sự phân hóa sâu sắc. Bên cạnh các giai cấp vốn có trong xã hội phong kiến là địa chủ, nông dân lao động, đầu thế kỷ XX xuất hiện một bộ phận giai cấp tư sản, tiểu tư sản thành thị và giai cấp công nhân. Các tầng lớp nhân dân lao động bị bần cùng hóa do chính sách độc quyền kinh tế, nô dịch của thực dân Pháp và sự bóc lột tận xương tủy của bọn tay sai phong kiến. Phần lớn nông dân bị bọn thực dân, phong kiến cướp đoạt ruộng đất, phải làm thuê, làm mướn.

Giai cấp địa chủ phong kiến tuy ít về số lượng nhưng chiếm tới 56% ruộng đất canh tác toàn tỉnh (38.000/67.800 ha). Điển hình như địa chủ Nguyễn Thân (Mộ Đức) có trên 1.000 mẫu ruộng lộc điền. Phần lớn địa chủ phong kiến phản động là những đại thần nhà Nguyễn khét tiếng gian ác, làm tay sai đắc lực cho thực dân Pháp.

Bộ phận tư sản dân tộc ở Quảng Ngãi ít và yếu, vì công nghiệp và thương nghiệp kém phát triển. Việc buôn bán, trao đổi hàng hóa trong cộng đồng dân cư chủ yếu tập trung ở các

thị xã, thị trấn. Tuy vậy, qua hai cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, một số nhà tư sản ra đời tại thị xã và vùng Thu Xà (xã Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa). Số tư sản còn lại xuất thân từ địa chủ, tiểu chủ, tiểu thương, viên chức, chiếm một vị trí nhất định trong nền kinh tế thuộc địa nửa phong kiến. Thành phần này tập trung ở một số lĩnh vực như làm môi giới, đại lý, thầu khoán, dịch vụ tiểu thủ công nghiệp và khai thác lâm, thổ sản. Tuy vậy, do địa vị kinh tế nhỏ yếu, lại bị các chủ tư sản Pháp chèn ép, nên các nhà tư sản ở Quảng Ngãi dễ thỏa hiệp với kẻ thù và rơi vào chủ nghĩa cải lương.

Giai cấp nông dân là lực lượng đông đảo, chiếm đa số dân cư trong tỉnh. Chính sách khai thác tài nguyên và thuê mướn nhân công rẻ mạt, chiếm đất lập đồn điền, thi hành chế độ sưu cao, thuế nặng của giai cấp địa chủ phong kiến và tư sản thương nghiệp làm cho nông dân ngày càng bị phá sản, kiệt quệ, nghèo khổ và số đông lâm vào cảnh không có ruộng đất để sản xuất. Vì vậy, phần lớn nông dân lao động phải cày thuê, cuốc mướn cho địa chủ từ năm này qua năm khác, làm cho sự phân hóa giai cấp ngày càng sâu sắc và kéo dài kiếp sống nghèo hèn, cơ cực. Đồng bào các dân tộc miền núi chịu khổ cực trăm bề, cuộc sống thường xuyên lâm vào cảnh nghèo đói. Vì vậy, mâu thuẫn đối kháng giữa nhân dân Quảng Ngãi với đế quốc, thực dân và địa chủ phong kiến tay sai ngày càng quyết liệt, sâu sắc. Căm hờn, tủi nhục vì cảnh nô lệ, lầm than, giai cấp nông dân ngày càng khắc sâu lòng căm thù quân cướp nước và bán nước:

*Ai ơi! Quảng Ngãi quê ta,  
Đất dầm nước mắt, nước pha máu đào!  
Sông dài, biển rộng non cao,  
Cũng không chứa hết xiết bao nhọc nhằn!  
Dân làm, Tây cướp, vua ăn,  
Thuyền tràn sĩ khí, buồm căng oán hờn...*

Tuy bị các thế lực thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề nhưng được tôi luyện trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt và chống giặc ngoại xâm, nông dân Quảng Ngãi đã rèn đúc cho mình tinh thần thượng võ, ham học, cần cù, sáng tạo, bền bỉ vượt qua những khó khăn, thử thách để tồn tại, có ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất chống thù trong, giặc ngoài.

Trải qua các phong trào đấu tranh, nhân dân Quảng Ngãi mà phần đông là nông dân đã phát huy ý chí chiến đấu ngoan cường, tinh thần bất khuất, lòng yêu nước sâu sắc, sự khát khao được sống trong một đất nước độc lập, tự do, nhất là từ khi có Đảng ra đời lãnh đạo Nhân dân Việt Nam đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Tầng lớp tiểu tư sản Quảng Ngãi xuất hiện từ sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp (1914 - 1919), bao gồm tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, những người làm các nghề tự do trong xã hội, những viên chức nhỏ. Tầng lớp trí thức, trừ một số ít người trở thành quan lại trong triều đình phong kiến đứng về phía kẻ thù chống lại nhân dân, còn đa số bị thực dân, phong kiến, tư bản bóc lột khá nặng nề về kinh tế và không có địa vị chính trị nên họ sớm ý thức được nỗi nhục của người dân mất nước, sẵn sàng đứng về phía nhân dân lao động đấu tranh chống thực dân, phong kiến. Do đó, trí thức ở Quảng Ngãi có người tuy đỗ đạt cao nhưng không ra làm quan. Một số khác nhạy cảm trước xu thế của thời đại đã tìm hiểu, tiếp thu và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin ở địa phương. Sau này, nhiều người trở thành cán bộ lãnh đạo chủ chốt không chỉ ở các địa phương trong tỉnh, mà còn ở nhiều tỉnh Nam Trung Bộ và trong cả nước.

Công nhân trong tỉnh ít về số lượng. Họ xuất thân từ nông dân, những thợ thủ công, tiểu chủ, tiểu thương bị bản cùng hóa

và bị phá sản do chính sách kinh tế của chế độ thực dân, phong kiến. Họ lao động cực nhọc, tiền lương rẻ mạt, làm việc trong các cơ sở sửa chữa, dịch vụ, đông nhất là công nhân làm đường xe lửa. Có một số người vừa làm thợ ở thị xã, thị trấn vừa làm ruộng ở nông thôn theo thời vụ. Hơn ai hết, họ là những người yêu nước, căm thù giặc sâu sắc, có ý thức và khả năng tiếp thu, vận dụng sáng tạo các trào lưu, tư tưởng tiến bộ và cách mạng của thời đại.

## II- TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG

Trong điều kiện, hoàn cảnh chung của đất nước, từ một xã hội phong kiến chuyên chế trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến, phong trào cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi mang đậm tính chất của cuộc đấu tranh dân tộc, giữa các tầng lớp nhân dân trong tỉnh với bọn đế quốc, thực dân và phong kiến tay sai. Trong các phong trào đấu tranh, đồng bào các dân tộc Quảng Ngãi luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ nhau trong mọi hoàn cảnh.

Dưới ách thống trị hà khắc của các triều đại phong kiến phản động, nhiều cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân liên tiếp nổ ra trong những năm cuối của thế kỷ XVII và những thập kỷ đầu của thế kỷ XVIII, trong đó có cuộc đấu tranh bền bỉ, anh dũng của đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi, nổi bật là sự kiện Đá Vách.

Cuối thế kỷ XVIII, dưới ngọn cờ của phong trào Tây Sơn, nhân dân Quảng Ngãi hăng hái tham gia cuộc khởi nghĩa, một lòng theo nghĩa quân tiến hành cuộc đấu tranh chống lại triều đình phong kiến thối nát và giặc ngoại xâm.

Từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, nhân dân Quảng Ngãi đã tích cực tham gia các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước như

Trương Định<sup>1</sup>, Lê Trung Đình<sup>2</sup>, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan... Tuy thất bại nhưng các phong trào đã làm cho kẻ thù hoảng sợ, đồng thời hun đúc thêm truyền thống yêu nước của nhân dân Quảng Ngãi. Từ tháng 7-1894 đến năm 1896, một lần nữa nhân

1. Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh (nay là thành phố Quảng Ngãi). Năm 24 tuổi, ông theo cha là Trương Cầm vào Gia Định. Năm 1859, khi thực dân Pháp chiếm thành Gia Định, Trương Định đem nghĩa binh lên đóng ở Thuận Kiều để ngăn chặn. Trong quá trình lãnh đạo nghĩa quân chống Pháp, Trương Định đã đánh thắng giặc Pháp ở mặt trận Thị Nghè, Cây Mai... Năm 1860, Trương Định tham gia giữ đồn Kỳ Hòa, được triều đình phong chức Phó lãnh binh. Sau khi đồn Kỳ Hòa thất thủ, ông cùng nghĩa binh rút về Gò Công xây dựng căn cứ kháng chiến chống Pháp. Trương Định đã tổ chức nhiều trận phục kích địch ở Gò Công, Tân An, Mỹ Tho, Chợ Lớn, làm cho Pháp bị tổn thất nặng nề. Sau khi triều đình Huế cắt ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho thực dân Pháp, Trương Định kiên quyết chống lại lệnh của triều đình, lãnh đạo nghĩa quân và cùng nhân dân chống Pháp. Nghĩa quân và nhân dân tôn Trương Định làm Bình Tây Đại Nguyên soái. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân Trương Định mở rộng từ Gò Công đến Chợ Lớn, Gia Định, sát đến biên giới Campuchia. Cuối năm 1864, trong một trận chiến tại căn cứ Tân Hòa, ông rơi vào vòng vây của quân Pháp. Trong lúc chiến đấu, không may ông bị trúng đạn của địch. Không để rơi vào tay giặc và bảo toàn khí tiết, Trương Định rút gươm tự vẫn vào ngày 20-8-1864, khi mới 44 tuổi.

2. Cử nhân Lê Trung Đình, người làng Phú Nhơn huyện Sơn Tịnh (nay là phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi) đã cùng tú tài Nguyễn Tự Tân (Bình Sơn) phát động và lãnh đạo nhân dân đứng lên chiếm thành Quảng Ngãi (ngày 13-7-1885), chuẩn bị lực lượng chống thực dân Pháp. Do sự phản bội của Nguyễn Thân, thực dân Pháp bắt được hai ông và đem ra xử chém. Trước khi bị hành quyết, Lê Trung Đình khảng khái đọc những câu thơ:

Kim nhật lung trung điểu,  
 Minh triều trở thượng ngư  
 Thủ thân hà sức tích  
 Xã tắc ai kỳ khu.  
*(Nay là chim trong lồng  
 Mai đã cá trên thớt  
 Thân này tiếc gì đâu  
 Gian nan tình đất nước).*



dân Quảng Ngãi lại vùng dậy tham gia khởi nghĩa dưới ngọn cờ của Thái Thú (Nguyễn Long Phụng) và nhà yêu nước Trần Du.

Trong những năm đầu thế kỷ XX, bên cạnh phong trào Duy Tân do các sĩ phu yêu nước phát động còn có nhiều cuộc đấu tranh của nông dân chống bắt phu, chống bóc lột bằng tô tức, chống chiếm đoạt ruộng đất và nhất là chống cường hào gian lận trong việc cấp công điền ở thôn, xã. Sôi nổi hơn cả là phong trào Đồng bào trong những năm 1906 - 1907 và cuộc đấu tranh khát thuế, cự sưu diễn ra từ ngày 24-3 đến ngày 23-4-1908 thu hút hàng vạn người tham gia. Trong cuộc đấu tranh này, bất chấp sự đàn áp của địch, đồng bào đã vây chặt thành Quảng Ngãi, buộc tên công sứ Đôđê phải cách chức Tuần vũ Lê Từ và hứa giải quyết một số yêu sách. Hưởng ứng phong trào đấu tranh, nhân dân khắp nơi trong tỉnh nhóm họp ở các đình chùa, nổi trống, mõ suốt đêm làm cho bộ máy cai trị của địch từ huyện, tổng đến xã bị tê liệt.

Sau những hoạt động sôi nổi, các nhà yêu nước một mặt tiếp tục cử người ra nước ngoài học tập, mặt khác bí mật tổ chức lực lượng, vận động binh lính, quyên góp tiền của, lương thực, mua sắm vũ khí, tìm nơi lập căn cứ và cử người liên lạc với các tỉnh chờ thời cơ khởi nghĩa<sup>1</sup>. Sau một thời gian móc nối, liên lạc,

---

1. Những thanh niên Quảng Ngãi xuất dương lần đầu có Võ Quán, Nguyễn Duy Hộ...; lần sau có Võ Tông, Đoàn Trọng Đường, Huỳnh Long Thạnh, Phạm Cao Đài, Lê Khôi Luân... Riêng Võ Tông cùng với Võ Quán sang Trung Quốc học tại Trường Quân sự Quảng Đông. Võ Tông bị Quốc dân Đảng giám sát chặt chẽ. Năm 1914, ông chuyển sang hoạt động ở Thái Lan, tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (năm 1926). Đầu năm 1930, nhận được chỉ thị của Nguyễn Ái Quốc, Võ Tông và Đặng Thái Thuyên lên đường đi dự Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam nhưng không đến kịp, vì đường sá trở ngại. Khi trở về Thái Lan, ông bị địch bắt, đưa về nước và bị kết án khổ sai chung thân, đày đi Lao Bảo... Sau khi thoát khỏi nhà tù thực dân, ông tiếp tục hoạt động cách mạng. Năm 1948, ông là Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Ngãi.

Ban chỉ huy liên tỉnh hình thành gồm các ông: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Đỗ Tự, Phan Thành Tài (Quảng Nam), Nguyễn Thụy, Lê Ngung (Quảng Ngãi) và tiến hành khởi nghĩa năm 1916<sup>1</sup>. Cuộc khởi nghĩa tuy không thành nhưng đã gây được tiếng vang trong dân chúng.

Trong khi đó, đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi tổ chức nhiều cuộc đấu tranh dưới nhiều hình thức và quy mô khác nhau, kéo dài từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. Ở Ba Tơ có cuộc nổi dậy của đồng bào Hrê, do Đinh Rua, Đinh Rói lãnh đạo, lập căn cứ ở Cao Muôn. Ở Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long liên tiếp nổ ra các cuộc khởi nghĩa do các ông Đinh Ổ, Bok Hét, Đinh Bó, Đinh Tôm, Đinh Mút... lãnh đạo, đặc biệt là phong trào Nước xu đỏ ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi trong những năm 1937 - 1939. Với nhiều cuộc nổi dậy đấu tranh, từ năm 1900 đến năm 1945, thực dân Pháp chưa bao giờ làm chủ được miền núi Quảng Ngãi.

Sống trong cảnh bị thực dân Pháp, tay sai phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề, nhân dân Quảng Ngãi không ngừng vùng lên đấu tranh, thể hiện tinh thần, ý chí chiến đấu kiên cường, bất khuất, kiên trì, sáng tạo, liên tục có mặt trong các phong trào yêu nước. Tinh thần đó, ý chí đó là sự tiếp nối truyền thống tốt đẹp, sức sống mãnh liệt của cộng đồng các dân tộc Quảng Ngãi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, gắn kết chặt chẽ với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của cộng đồng các

---

1. Cuộc khởi nghĩa dự kiến diễn ra ngày 03-5-1916 nhưng do thiếu cảnh giác nên kế hoạch bị bại lộ. Tuy vậy, ở Quảng Ngãi, cuộc khởi nghĩa vẫn tiến hành theo kế hoạch. Địch tập trung khủng bố dữ dội, hàng trăm người bị chết, hàng ngàn người bị bắt, 42 người bị đày đi Lao Bảo, Thái Nguyên, 9 người bị tử hình, trong đó có Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Trần Thêm, Võ Cẩn, Võ Cư, Mai Tuấn, Hứa Thọ...

dân tộc Việt Nam. Đó còn là sự kết tinh mỗi tình đoàn kết keo sơn, anh em ruột thịt giữa đồng bào các dân tộc ở Quảng Ngãi, là sự kết hợp chặt chẽ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc với các nội dung đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ ở khắp các vùng trong tỉnh.

Trong các phong trào yêu nước đó, nổi bật nhất là phong trào nông dân và phong trào của các sĩ phu yêu nước. Các phong trào này thường xuyên quyện chặt với nhau, nổ ra liên tục, chủ yếu bằng hình thức vũ trang bạo động.

Tuy chưa giành được thắng lợi nhưng các cuộc đấu tranh đó đã làm cho kẻ thù khiếp sợ. Tinh thần, ý chí đấu tranh bất khuất, kiên cường, anh dũng của nhân dân được thể hiện ngay từ những ngày đầu chống thực dân Pháp xâm lược như nhà yêu nước Nguyễn Duy Cung thể hiện trong bài *Bình Thành cáo thị*:

*"Thà làm ma trung nghĩa  
Thê chết chẳng nao núng  
Nếu sống mà hổ nhục..."*

Lòng yêu nước nồng nàn, niềm khao khát độc lập, tự do và ý chí kiên cường, truyền thống đấu tranh anh dũng của nhân dân Quảng Ngãi là những nhân tố cơ bản, làm nền tảng cho việc tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, dẫn đến sự ra đời của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi.

## *Chương I*

# **ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO CÁC PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VÀ KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THẮNG LỢI (1930 - 1945)**

## **I- ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1931**

### **1. Quá trình thành lập Đảng bộ**

Những năm đầu của thế kỷ XX, phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân Quảng Ngãi tiếp tục phát triển với nhiều hình thức, bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội trong khuôn khổ hợp pháp, nửa hợp pháp ở từng vùng, chuyển sang đấu tranh mang tính chất chính trị công khai, diễn ra sôi nổi ở khắp các nơi trong tỉnh và có sự liên hệ, ảnh hưởng tới một số tỉnh bạn. Tuy nhiên, cũng như trên toàn quốc, các cuộc đấu tranh đó đã lâm vào khủng hoảng sâu sắc về đường lối và giai cấp lãnh đạo. Trong bối cảnh đó, những hoạt động yêu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc có tác động mạnh đến tư tưởng của những thanh niên tiến bộ lúc bấy giờ.

Sau khi thoát khỏi Nhà tù Côn Đảo, cụ Trần Kỳ Phong<sup>1</sup> - một nhà cách mạng yêu nước nổi tiếng, đã truyền bá tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Cách mạng Tháng Mười Nga và hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc mà cụ tiếp thu được trong tù cho tầng lớp thanh niên và một số nhà nho yêu nước ở Quảng Ngãi. Cụ sáng tác nhiều bài thơ, ca, phú, luận để tuyên truyền tư tưởng mới trong một số thanh niên tiến bộ. Thông qua việc dạy học, làm nghề bốc thuốc, cụ đi khắp nơi trong tỉnh để bắt liên lạc với các nhà nho yêu nước có chí khí đấu tranh. Tuy nhiên, nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, về Cách mạng Tháng Mười Nga của các nhà yêu nước Quảng Ngãi chỉ mới ở mức độ đấu tranh để xây dựng thế giới đại đồng, không có chiến tranh, không còn áp bức, bóc lột, không còn người giàu, người nghèo, song thực hiện ước mơ đó như thế nào thì họ chưa nhận thức được rõ.

Cũng trong thời gian này, một số thanh niên trí thức yêu nước, có tư tưởng tiến bộ ở Quảng Ngãi đang theo học tại Huế, Hà Nội đã tham gia phong trào để tang Phan Chu Trinh và đòi thả Phan Bội Châu..., được tiếp xúc với nhiều sách, báo có nội dung tiến bộ của nước ngoài, nhất là của Pháp và Trung Quốc, bước đầu nhận biết về chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp thu được ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười Nga và đem những hiểu biết ấy về tuyên truyền, phổ biến trong tỉnh.

---

1. Cụ Trần Kỳ Phong (1872 - 1941) người làng Châu Me (xã Bình Châu, Bình Sơn), đậu tú tài năm Nhâm Dần (1902), tại trường thi Bình Định. Cụ từng tham gia các phong trào Cần Vương, Duy Tân, khất thuế và bị tòa án địch xử tử hình, sau hạ xuống còn lưu đày vĩnh viễn, Toàn quyền Đông Dương hạ xuống còn 13 năm khổ sai và sau đó giảm án 2 năm. Ngày 09-3-1921, cụ Trần Kỳ Phong mãn hạn tù, rời Nhà lao Côn Đảo nhưng vẫn bị chính quyền giám sát. Trở về quê hương, cụ tích cực hoạt động cách mạng, mở trường dạy học, dìu dắt nhiều thanh niên tham gia cách mạng. Chính quyền thực dân kết án cụ 11 tháng tù, vì có liên quan đến Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Sau khi Đảng bộ Quảng Ngãi ra đời, cụ tiếp tục hoạt động ủng hộ cách mạng.

Tại Mộ Đức, Hội Thiếu niên Ái quốc ra đời với sự tham gia của Trần Toại, Hồ Độ, Lê Trọng Kha, Võ Sỹ..., chủ trương tập hợp những thanh niên từ 18 đến 25 tuổi để học chữ quốc ngữ, nghiên cứu sách, báo, luyện tập võ nghệ... qua đó xây dựng, bồi dưỡng tinh thần cách mạng cho họ. Những hoạt động của Hội được đông đảo quần chúng hưởng ứng, khuyến khích và giúp đỡ. Tuy nhiên, chỉ sau một thời gian ngắn, Hội bị thực dân Pháp phát hiện, khủng bố và tan rã.

Cũng trong thời gian này, tại một địa điểm gần thị trấn Đồng Cát (Mộ Đức), tổ chức Công ái xã được thành lập với sự tham gia của những thanh niên yêu nước như Nguyễn Nghiêm, Trần Kỳ Truyện, Nguyễn Thiệu, Lê Ngọc Thụy... Công ái xã truyền bá, giáo dục cho tầng lớp thanh niên những tư tưởng cách mạng mới, cùng nhau nghiên cứu những sách mácxít viết bằng chữ Hán như: *Mã Khắc Tư chủ nghĩa, Liệt Ninh chủ nghĩa, Thế giới sử...* Song, Công ái xã cũng chưa có tôn chỉ, mục đích, đường lối hoạt động rõ ràng. Khi được tin Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chính thức thành lập (tháng 6-1925), Công ái xã cử Nguyễn Thiệu tìm bắt liên lạc.

Năm 1926, nhiều thanh niên yêu nước Quảng Ngãi gia nhập tổ chức Hưng Nam Hội, sau đổi thành Việt Nam Cách mạng Đảng<sup>1</sup>. Lúc này trong nội bộ Việt Nam Cách mạng Đảng (tiền thân của Đảng Tân Việt) có sự đấu tranh gay gắt về đường lối. Những đảng viên trong tổ chức Việt Nam Cách mạng Đảng ở Quảng Ngãi do Hồ Độ, Trương Quang Trọng... đứng đầu kiên

---

1. Hưng Nam Hội thành lập ngày 14-7-1925, lúc đầu mang tên Phục Việt (tên đầy đủ là Phục Hưng Việt Nam); tháng 9-1926, đổi thành Việt Nam Cách mạng Đảng. Tháng 7-1927, được tiếp xúc các văn kiện của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tổ chức này đổi tên thành Việt Nam Cách mạng Đồng chí Hội; tháng 7-1928, đổi thành Tân Việt Cách mạng Đảng.

quyết chống lại phái có xu hướng cải lương; tán thành việc hợp nhất với tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Cuối năm 1926, một số thanh niên, học sinh Quảng Ngãi, trong đó có Đặng Tòng, Phạm Việt My sau khi tham gia bãi khóa ở Huế đã vào Sài Gòn, bắt liên lạc với tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, trở về địa phương xây dựng phong trào. Từ năm 1927 trở đi, những thanh niên yêu nước như Nguyễn Thiệu<sup>1</sup>, Trương Quang Trọng<sup>2</sup>, Hồ Độ, Lê Trọng Kha học tập ở nước ngoài

---

1. Nguyễn Thiệu (1903 - 1989), quê ở làng Thạch Trụ, xã Đức Lân (Mộ Đức). Từ năm 1924 đến năm 1929, đồng chí tham gia phong trào yêu nước và tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên; tháng 5-1929 đồng chí là một trong bốn đại biểu dự Đại hội Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Hương Cảng (Trung Quốc). Tháng 11-1929, đồng chí tham gia thành lập An Nam Cộng sản Đảng ở Nam Kỳ, là một trong năm đại biểu tham gia Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 02-1930). Từ năm 1930 đến năm 1931, đồng chí là Xứ ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ, Bí thư liên tỉnh Bến Tre - Mỹ Tho - Cà Mau. Năm 1932, đồng chí bị thực dân Pháp bắt, kết án chung thân, đày đi Côn Đảo. Từ năm 1945 đến năm 1954, đồng chí là Tỉnh ủy viên, từng giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1954, đồng chí tập kết ra Bắc, công tác tại Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, sau đó là Viện trưởng Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Đồng chí mất năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trương Quang Trọng (1906 - 1931), người làng Phú Nhơn (Sơn Tịnh, nay là phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi). Năm 1925, đồng chí theo học năm thứ 2 Trường Đại học Y Hà Nội, cùng với Phạm Văn Đồng và Nguyễn Thiệu tham gia phong trào đòi ân xá cụ Phan Bội Châu, để tang cụ Phan Chu Trinh. Bị địch khủng bố, đồng chí bỏ học về quê, tham gia thành lập tổ chức Việt Nam Cách mạng Đảng sau chuyển thành Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi, được bầu làm Bí thư và là đại biểu Kỳ bộ Trung Kỳ. Tháng 7-1929, đồng chí chủ trì thành lập tổ chức Dự bị Cộng sản; bị địch bắt ngày 19-8-1929 và đày đi Kon Tum. Tại ngục Kon Tum, đồng chí là một trong những người cầm đầu cuộc đấu tranh lưu huyết chống thực dân Pháp bắt tù chính trị phải đi làm khổ sai trên đường 14. Đồng chí đã hy sinh ngày 12-12-1931.

trở về, tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng có hệ thống và sâu sắc hơn về chủ nghĩa Mác - Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga trong tầng lớp thanh niên.

Mùa hè năm 1927, Nguyễn Thiệu cùng học với Trương Quang Trọng và Phạm Văn Đồng ở Hà Nội với danh nghĩa là đại diện Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phụ trách Kỳ bộ Trung Kỳ về Quảng Ngãi, cùng với những người trong Tỉnh bộ Tân Việt như Hồ Độ, Trương Quang Trọng và một số thanh niên họp tại một địa điểm ở Hòa Bản (xã Tịnh Thiện, Sơn Tịnh) để bàn việc mở các lớp huấn luyện, gây dựng cơ sở của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi.

Sau khi tiếp thu nội dung, tinh thần cơ bản của Chương trình, Điều lệ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, những bài giảng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc được tập hợp trong cuốn *Đường cách mệnh*, những thanh niên tiến bộ của Đảng Tân Việt, như Hồ Độ, Trương Quang Trọng, Nguyễn Nghiêm... thống nhất gia nhập vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tại cuộc họp được tổ chức tại bờ biển Mỹ Khê (Tịnh Khê), gồm các đồng chí Hồ Độ, Trương Quang Trọng, Nguyễn Nghiêm, Lê Trọng Kha, Phạm Viết My, Huỳnh Tấn, Đặng Tòng..., với sự tham dự của đồng chí Nguyễn Thiệu, tổ chức Đảng Tân Việt ở Quảng Ngãi chính thức tuyên bố chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Đồng chí Trương Quang Trọng được bầu làm Bí thư Tỉnh hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Quảng Ngãi.

Ngay sau khi được thành lập, Tỉnh hội mở nhiều lớp huấn luyện cấp tốc, thành lập cơ quan ấn loát ở Tân Hội, Hùng Nghĩa (xã Phô Phong, Đức Phổ), xuất bản tờ báo *Dân cày và Thanh niên* với mục đích phổ biến những văn kiện của Tổng bộ, những bài giảng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện ở Quảng Châu. Qua các tài liệu, bài giảng, chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Quảng Ngãi ngày càng sâu rộng,



nhận thức của thanh niên, học sinh và quần chúng yêu nước cách mạng từng bước được nâng lên, đẩy lùi dần khuynh hướng cải lương, tư tưởng phi vô sản.

Nhờ những hoạt động đó, chỉ sau một thời gian ngắn, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập ở hầu khắp các huyện đồng bằng trong tỉnh. Các tổ chức quần chúng như Nông hội, Hội Thể thao... được xây dựng và phát triển khá mạnh, nhất là ở các huyện Đức Phổ, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn. Tỉnh hội lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi quyền lợi hằng ngày, bảo vệ và phát triển lực lượng cách mạng, chống việc gian lận quân cấp công điền ở làng Bồ Đề (xã Đức Nhuận, Mộ Đức), chống việc cúng tế, ăn uống linh đình ở làng Liên Chiêu (xã Phổ Thuận, Đức Phổ), rải truyền đơn trong Hoa kiều đòi chính quyền Tưởng Giới Thạch thả những nhà cách mạng Việt Nam bị tình trưởng Quảng Đông bắt giam... Tỉnh hội cũng lập một số hội buôn như Mỹ Thành, Kim Thạch ở Đức Phổ, có mối quan hệ tốt với các hội buôn Quảng Minh Đường, Quảng Hòa Tế, Quảng Thịnh ở thị xã Quảng Ngãi, Thanh Tân ở Đức Phổ... để gây quỹ và làm cơ sở liên lạc.

Trong quá trình hoạt động thực tiễn, Tỉnh hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Quảng Ngãi càng nhận thức được sự cần thiết phải có tổ chức Đảng Cộng sản mới có thể đưa phong trào cách mạng tiến lên được. Do đó, tháng 7-1928, trong Hội nghị đại biểu của Kỳ bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Trung Kỳ họp tại Đà Nẵng, các đại biểu đã tranh luận về tình hình của Tổng bộ và việc chuyển tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thành Đảng Cộng sản. Sau Hội nghị, đồng chí Trương Quang Trọng về truyền đạt lại toàn bộ nội dung tranh luận cho các đồng chí trong Tỉnh hội, tạo được sự thống nhất trong việc đề nghị thành lập Đảng Cộng sản để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Tháng 5-1929, đồng chí Trương Quang Trọng là một trong bốn đại biểu của Kỳ bộ Trung Kỳ dự Đại hội đại biểu toàn quốc

lần thứ nhất của Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Hương Cảng, Trung Quốc. Tại Đại hội, đề nghị giải tán Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, thành lập Đảng Cộng sản không được chấp nhận, đoàn đại biểu Kỳ bộ Bắc Kỳ bỏ ra về và thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng (ngày 17-6-1929). Lần lượt sau đó, An Nam Cộng sản Đảng được thành lập ở Nam Kỳ (tháng 11-1929), Đông Dương Cộng sản Liên đoàn được thành lập ở Trung Kỳ (tháng 01-1930).

Trương Quang Trọng cùng Phạm Văn Đồng, Nguyễn Sĩ Sách, Nguyễn Thiệu bàn luận với nhau nhiều lần, thống nhất nhận định đã đến lúc phải giải tán tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và thành lập tổ chức cộng sản.

Tháng 7-1929, đồng chí Trương Quang Trọng - Bí thư Tỉnh bộ, triệu tập các đồng chí Nguyễn Nghiêm, Phạm Viết My, Đặng Tòng, Hồ Độ, Lê Trọng Kha họp tại núi Xương Rồng (xã Phở Phong, Đức Phổ). Đồng chí Trương Quang Trọng thông báo tình hình đại hội của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, đồng thời nêu lên những băn khoăn về tình hình trong nước cùng lúc có nhiều nhóm cộng sản, nên chưa biết gia nhập nhóm cộng sản nào. Sau khi thảo luận, Hội nghị nhất trí tuyên bố tất cả cán bộ và hội viên của Tỉnh bộ phải hoạt động theo tinh thần của một tổ chức cộng sản, đồng thời quyết định thành lập tổ chức Dự bị Cộng sản, làm nhiệm vụ của Ban vận động thành lập Đảng bộ Cộng sản của tỉnh do đồng chí Nguyễn Nghiêm phụ trách.

Hội nghị cũng thông báo danh sách các hội viên trong tỉnh và các tỉnh bạn đã bị lộ, đề ra những biện pháp tích cực để đối phó với những cuộc khủng bố lớn của địch. Hội nghị bố trí một số đồng chí có năng lực thoát khỏi sự đàn áp, bắt bớ của địch để chịu trách nhiệm xúc tiến thành lập Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi, do các đồng chí Nguyễn Nghiêm và Phạm Viết My đảm nhận, đồng thời tìm bắt liên lạc với các tổ chức cộng sản.

Thực hiện nghị quyết của Hội nghị Tỉnh bộ, cán bộ, hội viên tích cực hoạt động, xây dựng các chi bộ Dự bị Cộng sản, chuẩn bị cho việc thành lập Đảng bộ tỉnh. Giữa lúc đó, thực dân Pháp và bọn tay sai tiến hành truy bắt số hội viên thanh niên bị chúng phát hiện. Trong tháng 8-1929, địch bắt 21 người<sup>1</sup>, trong đó có các đồng chí Trương Quang Trọng, Hồ Độ. Ngày 26-10-1929, chúng kết án số hội viên bị bắt từ một đến chín năm tù.

Như vậy, Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Ngãi không còn, nhưng trong thực tế những cán bộ và hội viên còn lại vẫn tích cực hoạt động, chuẩn bị điều kiện tiến tới thành lập Đảng bộ Cộng sản tỉnh.

Trước tình hình trong một nước có đến ba tổ chức cộng sản cùng hoạt động, tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng, đồng chí Nguyễn Ái Quốc với danh nghĩa là đại diện Quốc tế Cộng sản triệu tập Hội nghị hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 02-1930), tại Cửu Long, Hương Cảng, Trung Quốc. Hội nghị đã thông qua *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng* và *Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam*.

Tháng 3-1930, sau khi bắt liên lạc với Xứ ủy Trung Kỳ, đồng chí Nguyễn Nghiêm triệu tập đại biểu các huyện và một số đồng chí ở Nam Bộ về làng Tân Hội (xã Phổ Phong, Đức Phổ) để truyền đạt nghị quyết thống nhất Đảng toàn quốc, đồng thời tuyên bố chính thức thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên của Đảng bộ Cộng sản Quảng Ngãi và chuyển những chi bộ Dự bị Cộng sản thành những chi bộ Cộng sản. Hội nghị bầu ra Tỉnh ủy lâm thời, gồm các đồng chí Nguyễn Nghiêm, Phạm Việt My, Trần Hàm,

---

1. Theo hồ sơ của Mật thám Pháp, trong danh sách có 23 người nhưng chúng chỉ bắt được 21 người.

Trần Thị Hiệp, Nguyễn Tín. Đồng chí Nguyễn Nghiêm được cử làm Bí thư<sup>1</sup>.

Sự ra đời của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi là sự kiện chính trị đánh dấu bước chuyển biến rất cơ bản của phong trào cách mạng ở các địa phương trong tỉnh. Từ đây, cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân lao động đều có sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của một tổ chức cách mạng tiên phong. Ngay từ khi mới được thành lập, Đảng bộ đã trực tiếp lãnh đạo, phát động quần chúng đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp và tay sai.

## **2. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân đấu tranh trong cao trào cách mạng 1930 - 1931**

Ngay sau ngày thành lập, Tỉnh ủy lâm thời họp phiên đầu tiên tại nhà đồng chí Nguyễn Nghiêm, quyết định tiến hành một số công tác lớn: Đẩy mạnh việc xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng làm nòng cốt lãnh đạo phong trào; thành lập cơ quan ấn loát, ra báo của Đảng bộ tỉnh, huyện; sáng tác thơ, ca, hò, vè để tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng cho đông đảo quần chúng trong tỉnh. Xây dựng tài chính của Đảng bộ, góp tiền mua một chiếc ô tô chở khách trên đoạn đường

---

1. Nguyễn Nghiêm (1904 - 1931), quê ở làng Tân Hội xã Phổ Phong (Đức Phổ). Thân sinh đồng chí Nguyễn Nghiêm là Tú tài Nguyễn Tuyên. Năm 1908, cụ Tú Tuyên tham gia phong trào Duy Tân, khát thuế, bị thực dân Pháp bắt, đày đi Côn Đảo. Năm 1917, cụ Tú Tuyên ra tù về quê, Nguyễn Nghiêm phụ giúp cha dạy học và bốc thuốc. Từ năm 1923, Nguyễn Nghiêm tiếp xúc với cụ Trần Kỳ Phong và nhiều nhà yêu nước trong tỉnh. Cuối năm 1925, đồng chí tham gia thành lập Công ái xã, rồi Việt Nam Cách mạng Đảng, sau đó là Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Từ năm 1926, với bí danh Mười Hòa, đồng chí là một trong những cán bộ chủ chốt, tích cực tham gia phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi, được giao trọng trách xúc tiến thành lập Đảng bộ tỉnh và là Bí thư Tỉnh ủy lâm thời, sau đó là Bí thư Tỉnh ủy chính thức, trực tiếp lãnh đạo cao trào cách mạng 1930 - 1931 ở Quảng Ngãi. Đồng chí bị địch bắt ngày 06-3-1931 và bị tử hình ngày 23-4-1931.

Quảng Ngãi - Đà Nẵng, Quảng Ngãi - Sài Gòn để vừa gây quỹ, vừa làm phương tiện giao thông liên lạc của Đảng bộ; tích cực chuẩn bị tài liệu, truyền đơn và lực lượng để phát động quần chúng đấu tranh, trước mắt là kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động (ngày 1-5) được tổ chức lần đầu tiên ở Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Đảng; cử người liên lạc với Xứ ủy Trung Kỳ và Đảng bộ các tỉnh bạn để có sự chỉ đạo và phối hợp thống nhất hành động.

Chỉ trong một thời gian ngắn (từ tháng 3 đến tháng 4-1930), tổ chức cơ sở đảng, các đoàn thể quần chúng phát triển ở nhiều phủ, huyện. Toàn tỉnh có 80 đảng viên, 26 chi bộ ở 7 huyện (Đức Phổ: 4, Mộ Đức: 6, Tư Nghĩa: 3, Sơn Tịnh: 5, Ba Tơ: 2, Nghĩa Hành: 3, Bình Sơn: 3), các huyện này đều lập được huyện ủy lâm thời. Các đoàn thể như Đoàn Thanh niên Cộng sản, Hội Phụ nữ, Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Tự vệ đỏ phát triển mạnh, đều khắp các địa phương. Chỉ tính riêng Nông hội đỏ có 1.200 hội viên. Tờ báo *Dân cày*, cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ tỉnh, được tiếp tục xuất bản. Các báo *Bạn gái*, *Tiến lên* ra đời, cùng với báo *Dân cày* được in và phát hành, phổ biến rộng rãi các văn kiện, tài liệu của Đảng<sup>1</sup>... Cùng thời gian này, đồng chí Phan Thái Ất, phái viên của Xứ ủy Trung Kỳ được phân công về Quảng Ngãi hoạt động, góp phần đẩy mạnh phong trào cách mạng trong tỉnh.

Để phát động phong trào đấu tranh của quần chúng, hưởng ứng sự ra đời của Đảng bộ tỉnh, đồng thời tổ chức kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động, chiều ngày 30-4-1930, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy, tại thị xã Quảng Ngãi, làng Phú Lộc và Tiên Đào (xã Bình Trung, Bình Sơn), các chi bộ tổ chức rải truyền đơn và treo cờ Đảng. Tài liệu số 106 ngày 01-5-1930 của Công sứ Quảng Ngãi gửi Giám đốc mật thám Trung Kỳ có đoạn viết: "1) Trong phạm vi làng Phú Lộc và Tiên Đào có

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 41-42.

5 truyền đơn và một lá cờ đỏ. 2) Tại làng Chánh Lộ, cách Bắnggalô và trường tiểu học Nam 0,5 kilômét về phía nam, độ 30 truyền đơn bằng văn xuôi; độ 50 truyền đơn dưới hình thức câu hát, một vài biểu ngữ, độ mấy trăm nhãn nhỏ đề chữ "Cộng sản" và 2 cờ đỏ. 3) Tại làng Vạn Mỹ, 10 kilômét phía nam tỉnh lỵ, 1 cờ và 2 biểu ngữ"<sup>1</sup>.

Nhiều cuộc mítting được tổ chức với đông đảo quần chúng tham gia ở Sa Huỳnh, Tân Hội, Hùng Nghĩa, Vạn Lý (Đức Phổ), Gò Huyện (Mộ Đức), Tư Cung, Sung Tích, An Vĩnh, An Kỳ (Sơn Tịnh), Châu Me (Bình Sơn)... Các cuộc mítting, rải truyền đơn, treo cờ Đảng trong lễ kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1-5, cùng với việc phát hành các tờ báo *Dân cày*, *Bạn gái*, *Tiến lên* của Đảng bộ đã tạo không khí phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân. Nhân dân sẵn sàng hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng xuống đường đấu tranh chống thực dân Pháp và phong kiến tay sai.

Cùng với cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân Quảng Ngãi do Đảng bộ tỉnh lãnh đạo làm cho kẻ thù hoang mang, lo sợ và tìm cách đối phó.

Để đẩy mạnh công tác phát triển Đảng và các đoàn thể quần chúng, phát huy mạnh mẽ hơn nữa ảnh hưởng của Đảng, tháng 6-1930, Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi được triệu tập tại làng Hùng Nghĩa (xã Phổ Phong, Đức Phổ) để đánh giá tình hình, đề ra nhiệm vụ và bầu Ban Chấp hành chính thức của Đảng bộ tỉnh. Đồng chí Phan Thái Ất, đại diện Phân ban Xứ ủy Trung Kỳ và đồng chí Nguyễn Nghiêm tham dự, chỉ đạo Đại hội. Đại hội nhất trí đánh giá những chủ trương và chỉ đạo thực hiện của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh vừa qua là đúng đắn, nhất là việc xây dựng và phát triển tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng khá nhanh. Phong trào đấu tranh

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 42.

của các tầng lớp nhân dân diễn ra sôi nổi, đều khắp, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố, lan rộng. Vai trò của đảng viên và cốt cán trong các đoàn thể được đông đảo quần chúng tín nhiệm. Song, nhìn chung phong trào mới chỉ là bước đầu tập dượt, chưa đều khắp, còn nhiều thiếu sót cần phải khắc phục. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ, gồm hầu hết các đồng chí trong Ban Chấp hành lâm thời, do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư, đồng chí Phan Thái Ất<sup>1</sup> làm Phó Bí thư.

---

1. Phan Thái Ất (1894 - 1967), quê ở xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Từ năm 1923, đồng chí tham gia lập Hội Tâm giao gồm những thanh niên tiến bộ yêu nước để tuyên truyền, cổ động và quyên góp tiền bạc ủng hộ thanh niên xuất dương sang Thái Lan, Trung Quốc du học. Đồng chí cũng xin tiền của gia đình, lập “Trại cây” tại bãi Bơi Lơi (theo mô hình “Trại cây” của cụ Đặng Thúc Hứa, Việt kiều ở Thái Lan) và mở hiệu buôn Yên Xuân tại quê nhà, nhằm tập hợp thanh niên tiến bộ trong vùng đến đọc sách báo và bàn chuyện đánh Pháp. Năm 1926, đồng chí gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tỉnh Nghệ An, làm Bí thư Huyện bộ Anh Sơn. Tháng 9-1929, đồng chí tham gia tổ chức Đông Dương Cộng sản Đảng. Tháng 11-1929, đồng chí được cử làm Bí thư Tổng Nông hội đỏ Nghệ An. Do bị địch truy lùng gắt gao, cuối năm 1929, đồng chí được Kỳ bộ Trung Kỳ điều động vào các tỉnh Nam Trung Bộ xây dựng tổ chức đảng. Tháng 02-1930, đồng chí được bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Phân cục Kỳ bộ Trung Kỳ. Tháng 4-1930, đồng chí được phân công về Quảng Ngãi hoạt động. Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ nhất (tháng 6-1930), đồng chí được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Tháng 3-1931, đồng chí Nguyễn Nghiêm bị địch bắt, đồng chí được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Tháng 7-1931, đồng chí bị địch bắt giam và kết án tử hình. Do sự đấu tranh quyết liệt của nhân dân, địch giảm án đồng chí xuống tù chung thân và đày đi Buôn Ma Thuột, Côn Đảo. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đồng chí đã tự nguyện xin sang giúp nước bạn Campuchia xây dựng cơ sở cách mạng trong vai trò là Bí thư Ban cán sự Đảng Đông Nam Cao Miên và Tổng thư ký Tổng bộ Liên đoàn Việt kiều Cứu quốc Cao Miên. Năm 1953, đồng chí trở về nước tiếp tục hoạt động cách mạng. Năm 1961, đồng chí về Nghệ An làm cố vấn, trực tiếp tham gia lãnh đạo Chiến dịch An Ngãi quật khởi (Đây cũng là năm tổ chức việc kết nghĩa giữa hai tỉnh Nghệ An - Quảng Ngãi). Năm 1967, đồng chí từ trần do vết thương tái phát.

Để đẩy mạnh các mặt công tác với tinh thần khẩn trương hơn, Đại hội tổ chức tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đường lối của Đảng; lãnh đạo các tầng lớp nhân dân tiến hành đấu tranh chống địch mạnh mẽ hơn nữa nhằm vào các yêu cầu: bỏ thuế đình, thuế đò, thuế chợ, giảm thuế điền, chia lại công điền, giảm lúa tô, nợ lãi, xóa nợ cho dân nghèo không có tài sản; đòi bỏ độc quyền muối, rượu và chế độ kiểm lâm; không được bắt dân đi làm xấu ở những vùng rừng sâu nước độc, không được bắt lính, cu li đưa sang Pháp và thuộc địa Pháp; mở thêm trường học, bệnh viện; thực hiện các quyền tự do dân chủ, như tự do đi lại làm ăn, tự do lập hội, tự do ngôn luận; đòi độc lập Đông Dương - nước Việt Nam là của người Việt Nam. Những nội dung trên được diễn đạt bằng thơ, ca, hò, vè, đăng trên các báo *Dân cày*, *Bạn gái*, *Tiến lên* nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên, hội viên làm tài liệu tuyên truyền, vận động quần chúng đứng lên đòi những quyền dân sinh, dân chủ.

Sau Đại hội, không khí phấn khởi, tin tưởng và quyết tâm lan rộng trong Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh.

Ngày 01-8-1930, kỷ niệm ngày Quốc tế chống chiến tranh, mặc dù địch tìm mọi cách ngăn cản, kiểm soát gắt gao, nhưng truyền đơn, cờ, khẩu hiệu được rải và treo ở nhiều nơi trong tỉnh nhằm phản đối chiến tranh đế quốc, ủng hộ Liên Xô, ủng hộ phong trào đấu tranh của các nước thuộc địa và đòi các quyền dân sinh, dân chủ.

Trong cuộc đấu tranh này, đồng chí Ngô Đán được tổ chức phân công cùng cơ sở quần chúng treo cờ và rải truyền đơn trước đồn Trì Bình (xã Bình Nguyên, Bình Sơn). Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, đồng chí bị địch bắt. Chúng dùng mọi cực hình tra tấn, nhưng đồng chí kiên quyết không khai báo. Đồng chí đã hy sinh trong tù vào tháng 3-1931. Tấm gương trung nghĩa



của đồng chí nêu cao chí khí của người cộng sản, được tuyên truyền trong toàn Đảng bộ và đông đảo nhân dân, góp phần động viên, cổ vũ phong trào đấu tranh của quần chúng. Lúc này phong trào đấu tranh của nhân dân Nghệ An và Hà Tĩnh đang dâng cao. Xứ ủy Trung Kỳ chỉ thị cho đảng bộ các tỉnh đấu tranh chia lửa với Xôviết Nghệ - Tĩnh.

Cuối tháng 9-1930, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tổ chức hội nghị. Đồng chí Nguyễn Phong Sắc, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ đi công tác ở phía Nam đã đến Quảng Ngãi để kiểm tra tình hình, truyền đạt chủ trương của Đảng và dự hội nghị. Hội nghị kiểm điểm tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ nhất và vạch ra kế hoạch phát động đợt đấu tranh rộng lớn trong toàn tỉnh nhằm hưởng ứng phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh với các mục tiêu: Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến sâu rộng hơn nữa chủ trương, đường lối của Đảng, rèn luyện ý chí, nâng cao tinh thần cách mạng, ý thức giác ngộ dân tộc và giai cấp cho cán bộ, đảng viên và hội viên các đoàn thể quần chúng; đấu tranh đòi xóa bỏ sưu, thuế vô lý, nhất là thuế thân (thuế đình) và giảm thuế điền thổ; vạch trần sự tàn ác, lừa bịp của bọn đế quốc và bè lũ phong kiến tay sai, buộc chúng phải xóa nợ lãi, giảm tô tức, nâng tiền công cày, công cấy, công gặt... Các khẩu hiệu chính của cuộc đấu tranh là: Đả đảo đế quốc Pháp và Nam triều phong kiến! Việt Nam độc lập, chính quyền về tay công nông binh! Giao nhà máy cho thợ thuyền, ruộng đất về tay dân cày! Thực hiện nam nữ bình quyền! Miễn thuế đình, thuế đò, thuế chợ... giảm thuế điền thổ; Hoãn nợ, hoãn sưu! Ủng hộ Nghệ An đỏ, chống khủng bố Nghệ - Tĩnh! Ủng hộ Liên bang Xôviết.

Tỉnh ủy thành lập ban lãnh đạo đấu tranh (cả chính thức và dự bị) ở các cấp, lập tiền đội và hậu đội để bảo vệ các cuộc

đấu tranh, lập ban tuyên truyền cổ động chịu trách nhiệm may cờ, băng biểu ngữ, khẩu hiệu, truyền đơn... Các ban chỉ huy được Tỉnh ủy tập hợp tại một điểm bí mật, "làm thử cho thuần thực". Tỉnh ủy chọn Đức Phổ là địa phương có phong trào cách mạng khá mạnh để tiến hành trước và rút kinh nghiệm phổ biến chỉ đạo những cuộc đấu tranh tiếp theo ở các địa phương khác. Bài *Quốc tế ca* được phổ biến cho cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng học thuộc lòng để hát trong các cuộc đấu tranh nhằm nêu cao tinh thần và ý chí cách mạng.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, cấp ủy các phủ, huyện, các chi bộ, các tổ chức quần chúng khẩn trương hoàn thành công tác chuẩn bị.

Tại Đức Phổ, nơi được chọn làm điển hình, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Huyện ủy đã tổ chức hội nghị vạch ra kế hoạch tiến hành đấu tranh. Đồng chí Nguyễn Nghiêm được phân công trực tiếp lãnh đạo cuộc biểu tình. Ban lãnh đạo gồm một số đồng chí trong Huyện ủy Đức Phổ vừa mới được Tỉnh ủy công nhận chính thức. Đồng chí Cao Luân, Ủy viên Ban lãnh đạo cuộc biểu tình, được phân công nắm tình hình địch trong huyện lỵ. Một số đồng chí huyện ủy viên được phân công trực tiếp lãnh đạo các mũi tiến công của quần chúng.

Để chi viện cho cuộc biểu tình ở Đức Phổ, Tỉnh ủy giao nhiệm vụ cho các tổ chức đảng ở các huyện Mộ Đức và Ba Tơ huy động quần chúng đốn cây, lăn đá làm chướng ngại vật trên quốc lộ 1 từ Thạch Trụ đến Thi Phổ và trên tỉnh lộ 5A (nay là quốc lộ 24) từ Thạch Trụ đến gần châu lỵ Ba Tơ. Tỉnh ủy còn cho lập các đội "phòng triệt" và "phòng ngăn" làm nhiệm vụ canh gác trên các con đường đi tỉnh lỵ, bắt giữ bọn mật thám, lý hương báo tin cho địch.

Tối ngày 07-10-1930, lúc canh hai, đúng như kế hoạch đề ra, quần chúng tham gia biểu tình từ các làng thuộc tổng Phở Cẩm, tổng Vân, tổng Ca, như Hùng Nghĩa, Tân Hội, Vạn Lý (Phở Phong), Văn Trường (Phở Văn), Mỹ Thuận, Kim Giao (Phở Thuận), Bích Chiêu, Nhơn Phước, An Điền, An Tây (Phở Nhơn), Thanh Lâm, An Ninh, An Trường (Phở Ninh), Tân Tự, Hải Môn (Phở Minh)... chia thành nhiều cánh kéo về tập trung tại gò Cây Thị gần trường Lộ Bàn (Phở Ninh) dự mítting, nghe đồng chí Phan Thái Ất, Phó Bí thư Tỉnh ủy diễn thuyết, phân tích ý nghĩa cuộc đấu tranh và cổ vũ tinh thần quần chúng.

Sau khi nghe diễn thuyết và động viên tinh thần, rạng sáng ngày 08-10, đoàn biểu tình xếp theo đoàn, đội có đoàn trưởng, đội trưởng chỉ huy thành 5 hàng tiến về huyện lỵ. Mọi người đều mang theo dù, gậy, dây thừng, cơm gói, đuốc, đèn, cờ đỏ búa liềm và băng, khẩu hiệu... Đồng chí Huỳnh Long Thụy, quê ở Phở Phong phát cao cờ Đảng dẫn đầu, tiếp theo sau là những người mang băng, biểu ngữ. Lúc này đoàn biểu tình đã lên đến 3.000 người. Tiếng hô khẩu hiệu, tiếng thúc giục "tiến lên, tiến tới" xen lẫn tiếng trống mõ, tù và vang lên rộn rã. Đội tự vệ ra sức giữ gìn trật tự, siết chặt đội ngũ. Đội phản gián theo dõi phát hiện và bắt một số tên phản động, mật thám trà trộn vào để phá đám hoặc lén đi báo cho địch.

Gần sáng, đoàn biểu tình đến huyện lỵ đã lên tới gần 5.000 người. Đoàn đi đến đâu, quần chúng gia nhập thêm tới đó. Trước khí thế của đoàn biểu tình, tri huyện Phan Lang và toàn bộ lại mục, lính tráng trốn chạy lên vùng Gò Hội. Đoàn biểu tình xông vào huyện đường, đốt cháy công văn, hồ sơ, ấn tín, thả tù nhân trong các trại giam, dán áp phích, rải truyền đơn, treo cờ đỏ búa liềm, hô vang các khẩu hiệu, tuần hành trong huyện lỵ và các xã xung quanh. Đoàn biểu tình làm chủ huyện lỵ đến 7 giờ sáng ngày 08-10-1930 rồi giải tán.

Cuộc biểu dương lực lượng của nhân dân Đức Phổ dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và Huyện ủy Đức Phổ đã giành thắng lợi lớn, báo hiệu cao trào cách mạng mới đang dâng lên mạnh mẽ.

Cũng trong đêm ngày 07, rạng ngày 08-10-1930, hàng ngàn người dân Mộ Đức được Đảng bộ huyện huy động từ Gò Huyện, Đồng Ngổ, Bàu Góc, Phú An, Chú Tượng, Bồ Đề, Thi Phổ kéo vào, từ Kỳ Tân, Long Phụng, Minh Tân, Đôn Lương, Quýt Lâm, Trà Vinh kéo lên... tập trung ở cổng Cao, Thiết Trường (Đức Tân) để nghe đồng chí Bùi Định diễn thuyết. Đoàn biểu tình hô vang các khẩu hiệu: Phản đối cuộc tàn sát của đế quốc Pháp và Nam triều đối với Xôviết Nghệ - Tĩnh! Ủng hộ Liên bang Xôviết và Cách mạng Tháng Mười Nga! Đả đảo vua quan, cường hào địa chủ bán nước! Thành lập chính quyền công nông binh! Người cày có ruộng! Việt Nam hoàn toàn độc lập!

Đội "phòng triệt" của huyện chặt các cây mù u bên đường làm chướng ngại vật, chắn ngang quốc lộ 1 và đường từ Thạch Trụ đi Ba Tơ để cản địch từ thị xã vào, từ đồn Ba Tơ xuống đàn áp cuộc biểu tình ở Đức Phổ. Các đội tự vệ đỏ được bố trí bám sát theo dõi bọn mật thám, hương lý phản động không cho chúng về tỉnh lý báo tin cho địch. Truyền đơn, băng cờ được treo và rải ở nhiều thôn. Đồng bào dựng nhiều chướng ngại vật từ thị xã đến Đức Phổ và Ba Tơ.

Địch lúng túng đối phó, khi điều được binh lính đàn áp từ tỉnh lý vào đến Đức Phổ thì đã gần trưa. Chúng chỉ biết chứng kiến cảnh đổ nát ở huyện đường và lá cờ đỏ búa liềm tung bay phấp phới.

Hai cuộc biểu tình ở phía nam tỉnh làm cho quân chúng rất phấn khởi, còn địch thì vô cùng tức tối. Chúng huy động lực lượng đàn áp nhân dân, bắt cán bộ, đảng viên, những người

cầm đầu ở nhiều nơi, nhất là ở Đức Phổ. Trước tình hình đó, để bảo toàn lực lượng, Tỉnh ủy phải di chuyển địa điểm làm việc từ Tân Hội, Hùng Nghĩa (xã Phổ Phong, Đức Phổ) về Gò Huyện (xã Đức Tân, Mộ Đức).

Ngày 13-10-1930, Tỉnh ủy triệu tập hội nghị tại thôn Nghĩa Lập (xã Đức Hiệp, Mộ Đức) do đồng chí Nguyễn Nghiêm chủ trì để kiểm điểm tình hình hoạt động của hai huyện Đức Phổ, Mộ Đức và đề ra chủ trương, biện pháp đưa phong trào đấu tranh mạnh hơn nữa. Sơn Tịnh và Mộ Đức được chọn làm trọng điểm cho đợt đấu tranh mới. Các huyện khác vẫn phải tích cực huy động lực lượng sẵn sàng tiếp ứng. Tỉnh ủy đề ra một số khẩu hiệu đấu tranh mới cho sát hợp với tình hình: Giảm giờ làm, tăng tiền công cho công nhân; Tăng tiền công cấy, công cày, công gặt cho người làm thuê; Giảm, hoãn miễn nợ lãi, lúa tô cho tá điền; Bỏ các loại xâu thuế khác.

Tỉnh ủy nhấn mạnh các mặt công tác cần tiến hành khẩn trương. Các cấp ủy phải hết sức chú trọng công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng trong nội bộ Đảng; làm cho nhân dân nhận thức rõ lý tưởng, mục tiêu và ý nghĩa của cuộc đấu tranh; quan tâm hơn nữa công tác vận động quần chúng tham gia cách mạng, đặc biệt chú ý lực lượng học sinh, binh lính, đồng bào ở thị trấn, thị xã và nhân dân các dân tộc miền núi. Hội nghị đề ra những biện pháp cụ thể để góp phần tích cực vào việc củng cố, mở rộng và phát triển tổ chức cơ sở đảng, các đoàn thể quần chúng trong tỉnh. Lúc này đồng chí Nguyễn Nghiêm và Phan Thái Ất được Xứ ủy giao nhiệm vụ giữ liên lạc và quan hệ với các tỉnh phía nam.

Về mặt tổ chức, Hội nghị quyết định chia Tỉnh ủy làm hai phân ban là Bắc Trà và Nam Trà để lãnh đạo phong trào cách mạng đang lên cao trong tỉnh. Phân ban Nam Trà do đồng chí

Nguyễn Nghiêm phụ trách, đồng chí Nguyễn Công Phương<sup>1</sup> thường trực, thay đồng chí Nguyễn Nghiêm khi vắng. Phân ban Bắc Trà do đồng chí Phan Thái Ất phụ trách, các đồng chí Phạm Viết My, Tôn Diêm làm thành viên. Sau Hội nghị Tỉnh ủy, một đợt đấu tranh mới lại nổ ra từ cuối tháng 10 đến đầu tháng 12-1930.

Ngày 30-10-1930 (ngày 9-9 năm Canh Ngọ), hàng ngàn quần chúng ở các thôn An Vĩnh, An Kỳ, Kỳ Xuyên (Tỉnh Kỳ) hàng ngũ chỉnh tề kéo về Tur Cung Nam (Tỉnh Khê), Tur Cung Bắc (Tỉnh Hòa) cùng đồng bào các làng Hòa Bản (Tỉnh Thiện), Sung Tích (Tỉnh Long), Châu Sa (Tỉnh Châu), An Nhơn (Tỉnh An)... thuộc tổng Châu, biểu tình thị uy, sau đó rầm rộ kéo về huyện lỵ Sơn Tịnh để phản đối thực dân Pháp đàn áp dã man phong trào Nghệ An đỏ, hưởng ứng cuộc đấu tranh của nhân dân Đức Phổ và Mộ Đức. Cuộc biểu tình diễn ra dưới sự chỉ huy trực tiếp của các đồng chí Trần Quang Ngọc, Võ Bang, do đồng chí Mai Thị Thục cầm cờ dẫn đầu, đến làng An Nhơn (Tỉnh An) cách huyện lỵ 5 km thì dừng lại nghe đồng chí Phạm Ngọc Trân diễn thuyết, rồi tiếp tục tiến về huyện lỵ. Hoảng sợ trước khí thế của quần chúng, thực dân Pháp và bè lũ tay sai điều động lực lượng ngăn cản, đàn áp. Khi đoàn biểu tình còn cách quận lỵ 1 km, khoảng 30 tên lính khố xanh và lê dương mang theo vũ khí, yêu cầu đoàn biểu tình giải tán, nếu không sẽ nổ súng. Đoàn biểu tình vẫn giữ vững hàng ngũ, giương cao băng, cờ và cử người trao cho tên chỉ huy người Pháp bản yêu sách. Tuy bị bọn địch giật băng, cờ và bắt các đồng chí lãnh đạo ra lệnh giải tán, nhưng đoàn biểu tình vẫn không nao núng. Cuộc giằng co kéo dài đến 9 giờ sáng cùng ngày. Đoàn biểu tình giải tán sau khi tên chỉ huy người Pháp nhận

---

1. Đồng chí Nguyễn Công Phương lúc này là Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành.

bản yêu sách và hứa sẽ báo lên cấp trên giải quyết, thả những người bị bắt.

Tại tổng Thượng, tổng Trung và tổng Hòa, quần chúng cũng xuống đường đấu tranh. Nhiều cuộc mítting được tổ chức hỗ trợ nhân dân tổng Châu. Tiếng hô khẩu hiệu, tiếng trống, mõ huyền não kéo dài từ đêm 30 đến ngày 31-10-1930.

Cả phía đông và tây Sơn Tịnh đều bùng bùng khí thế cách mạng.

Ở hai đầu nam, bắc sông Trà Khúc liên tiếp có những cuộc biểu tình với quy mô lớn. Thực dân Pháp và tay sai hết sức hoang mang, không kịp tổ chức lực lượng đối phó. Bọn hào lý, tổng xã hoang mang dao động, bỏ trốn, hoặc nằm im, hoặc ngả theo quần chúng và không ít người đi theo các đoàn biểu tình.

Đêm 15, rạng ngày 16-11-1930 (ngày 23-9 năm Canh Ngọ), hàng ngàn quần chúng Mộ Đức được huy động, trong đó đông nhất là phụ nữ, đã biểu tình thị uy kéo về huyện lỵ đóng ở Thạch Trụ, vừa đi vừa hô các khẩu hiệu. Đến Tú Sơn, cách huyện lỵ 2 km, tên chỉ huy đồn người Pháp và lính lê dương, lính tập ra ngăn chặn và bắn thị uy. Đoàn biểu tình vẫn tiến tới, buộc địch phải nhận bản yêu sách. Do thiếu cảnh giác, một số đồng chí bị địch phát hiện và bắt như Trần Thị Hiệp, Trần Phát, Bùi Định. Khi đồng chí Trần Thị Hiệp bị địch bắt, chị Trần Thị Phối, người chỉ huy dự bị liền giật lấy cờ đỏ búa liềm từ tay giặc Pháp, tiếp tục động viên đoàn biểu tình tiến lên.

Nhiều cuộc mítting, biểu tình thị uy ở Văn Bản, Tràng Mao, Gò Mả; lễ truy điệu những chiến sĩ hy sinh ở các làng thuộc xã Đức Hiệp, Đức Nhuận, Đức Chánh, Đức Lân được tổ chức. Tự vệ tại các làng thuộc xã Đức Phong và các làng lân cận (nay thuộc xã Đức Thạnh, Đức Minh) gần nửa đêm ngày 18-11-1930

kéo đến bắt và cảnh cáo tên ác ôn tổng đoàn Phạm Diêm. Một số tên mật thám bị trừng trị. Truyền đơn và cờ Đảng xuất hiện nhiều nơi trong huyện.

Trước tình hình đó, địch điều lực lượng từ thị xã về trấn giữ các đồn ở Quán Lát (xã Đức Chánh, Mộ Đức), Hòa Bản (xã Tịnh Thiện, Sơn Tịnh) và nhiều nơi khác. Lính khổ đỏ, khổ xanh, lê dương, sơn đá và đoàn phu, đoàn thập, lính bang tá được huy động để đối phó. Cũng như Nghệ An, Quảng Ngãi là tỉnh mà Toàn quyền Đông Dương và Khâm sứ Trung Kỳ ra lệnh đàn áp, khủng bố khốc liệt. Ở Quảng Ngãi, hai huyện Sơn Tịnh và Mộ Đức được đặt dưới quyền quan võ. Nhiều bí thư huyện ủy, chi ủy, đảng viên và quần chúng trung kiên bị địch bắt<sup>1</sup>. Nhà đồng chí Nguyễn Nghiêm cùng một số nhà cửa của các đồng chí khác và quần chúng cách mạng bị đốt, có nhà bị đốt đi đốt lại nhiều lần.

Bất chấp sự đàn áp, khủng bố của kẻ thù, tại Đức Phổ, phong trào đấu tranh vẫn tiếp tục diễn ra quyết liệt. Ngày 01-12-1930 (ngày 12-10 năm Canh Ngọ), quần chúng ở phía tây huyện tổ chức biểu tình thị uy, đòi xử tội tên lý trưởng Lộ Bàn (Phổ Ninh). Tên này phải bỏ trốn. Trong tháng 12, hàng ngàn quần chúng phía bắc và phía đông huyện, từ Trà Câu kéo lên huyện lỵ, trên đường đi phát hiện và bắt một tên mật thám đang đi báo tin cho địch. Đến Vĩnh Bình, cách huyện lỵ 2 km về phía bắc, đoàn biểu tình dừng lại để nghe diễn thuyết. Tên mật thám bị đưa ra cảnh cáo. Ngoài các hoạt động kể trên, nhân dân các làng, xã trong huyện còn đấu tranh chống âm mưu dụ hàng, đầu thú của Tuần vũ Nguyễn Bá Trác, chống đi sâu, rào làng, thu thuế...

---

1. Các đồng chí Bí thư Huyện ủy bị địch bắt, gồm: Nguyễn Tuyền, Huỳnh Toàn Cầu (Đức Phổ), Trần Huy (Mộ Đức), Phạm Quang Lãng (Bình Sơn), Nguyễn Công Phương (Nghĩa Hành), Phạm Viết My (Sơn Tịnh).



Cũng vào thời điểm này, cơ sở đảng, cơ sở cách mạng hầu hết các làng, xã, tổng trong tỉnh đều tiếp tục tổ chức nhiều cuộc mít tinh, biểu tình, trấn áp và giáo dục bọn cường hào, ác bá. Quần chúng hăng hái tham gia canh gác, làm trinh sát, liên lạc. Đặc biệt, các nhà nho yêu nước, các sĩ phu sáng tác nhiều thơ, ca, hò, vè vạch mặt kẻ thù, cổ vũ phong trào.

Với khí thế cách mạng ngày càng dâng cao, lực lượng cách mạng không ngừng phát triển, các tổ chức quần chúng như Hội tương tế, tương trợ, trợ táng, cấy, cày, tát nước, làm nhà, đi cùi... được mở rộng khắp nơi. Tổ chức cơ sở đảng phát triển đều khắp. Cuối năm 1930, toàn tỉnh có 90 chi bộ độc lập và chi bộ ghép, với số lượng gần 300 đảng viên. Các tổng ủy, huyện ủy được củng cố. Đường dây liên lạc giữa Quảng Ngãi và các tỉnh bạn được chấp nối, tạo điều kiện cho việc thống nhất hành động.

Tháng 12-1930, đồng chí Nguyễn Nghiêm tham dự cuộc họp của Phân ban Xứ ủy tại Đà Nẵng. Trong cuộc họp này, Xứ ủy chính thức phân công đồng chí Nguyễn Nghiêm và Phan Thái Ất phụ trách, giúp đỡ các Đảng bộ Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa... Sau khi dự cuộc họp và về đến Bình Sơn, đồng chí Nguyễn Nghiêm mang thẻ tùy thân có tên là Trần Lưu, bị tên mật thám Cửu Lợi phát hiện. Đồng chí mưu trí lừa được tên Cửu Lợi và chạy thoát vào nhà dân.

Các cuộc đấu tranh ở Quảng Ngãi từ tháng 5 đến tháng 11-1930 cũng được phản ánh trong Chỉ thị về thành lập Hội Phản đế đồng minh của Thường vụ Trung ương Đảng ngày 18-11-1930: "Rồi tới Quảng Ngãi, tuy phong trào chưa bằng Nghệ Tĩnh, nhưng nó vẫn là mạnh nhất trong phía nam Trung Kỳ"<sup>1</sup> và

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr.229.

"những tỉnh đã có cao trào như Nghệ - Tĩnh, hay những tỉnh đã có phong trào mạnh như Quảng Ngãi, Thái Bình, thì tỉnh đảng bộ lựa lấy một đồng chí có thái độ chính trị đứng ra vận động một ban chấp hành của phản đế hội từ năm đến bảy hay chín người"<sup>1</sup>.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng Quảng Ngãi, thực dân Pháp tăng cường lực lượng và tiến hành hàng loạt các biện pháp đàn áp, khủng bố khốc liệt. Địch tập trung ở Quảng Ngãi khoảng 3.000 quân, bao gồm các loại lính lê dương, sơn đá, khố đỏ, khố xanh, tuần sát chia nhau chốt giữ các huyện lỵ, những nơi xung yếu trên các trục đường giao thông và những nơi có phong trào phát triển mạnh. Ngoài quân chính quy, chúng còn gấp rút tăng cường xây dựng các lực lượng địa phương, phân công nhiệm vụ cho từng lực lượng: lính lê dương và lính khố đỏ làm lực lượng ứng chế; lính khố xanh và lính bang tá làm lực lượng chiếm đóng, khủng bố; đoàn phu, đoàn thập tập trung canh gác. Toàn bộ binh lính đều đặt dưới sự chỉ huy của phân khu quân sự Quảng Ngãi. Đến tháng 3-1931, địch có 3 đại đội ứng chiến, gồm 2 đại đội lính da trắng và một đại đội bảo an dưới quyền chỉ huy của tên thiếu tá tiểu đoàn trưởng.

Pháp đã biến bộ máy cai trị thành bộ máy đàn áp, khủng bố do tên công sứ Pháp đứng đầu. Những nơi xung yếu như Mộ Đức, Sơn Tịnh, địch đặt thêm chức "đại lý" nhằm tăng quyền hạn cho bọn tay sai ở địa phương trong việc đánh phá phong trào, thành lập sở mật thám, cài nội gián<sup>2</sup> đặt thêm chức

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.2, tr. 230-231.

2. Còn gọi là "A.B đoàn", viết tắt của từ "Anti Bolchevik", chỉ những tên nội gián lén lút chui vào hàng ngũ của Đảng, chia rẽ cách mạng bằng các khẩu hiệu tả khuynh, chống lại các sách lược của Đảng.

"bang tá" cho các tổng ở đồng bằng, chức "tộc biểu" trong từng họ hoặc từng chi họ để dễ kiểm soát.

Thực dân Pháp còn ra sức tuyên truyền chống phá ta, ca ngợi công ơn nước mẹ "Đại Pháp", công sức của triều đình Huế, xuất bản tờ báo *Tả trực* cho Quảng Nam và Quảng Ngãi; tờ báo *Bình Phú tân văn* cho Bình Định và Phú Yên để xuyên tạc phong trào cách mạng.

Kết hợp với việc khủng bố tràn lan, nhất là thủ đoạn tàn sát tại chỗ hàng loạt các chiến sĩ cách mạng và đồng bào ta, địch còn dùng thủ đoạn chiêu hàng, bắt ép quần chúng cách mạng phải treo cờ quy thuận<sup>1</sup>. Chúng thúc ép các gia đình có người tham gia cách mạng thoát ly hay lánh nạn kêu gọi người thân trở về đầu thú. Thâm độc và xảo quyệt hơn, chúng đưa bọn quan lại, địa chủ cường hào chạy trốn trở về đảm nhận các chức vụ bang tá, tổng đoàn, xã đoàn, tộc biểu... để nắm và điều khiển lực lượng chống cộng ở làng, xã, đánh phá phong trào cách mạng địa phương.

Do chính sách khủng bố trắng và nhiều biện pháp thâm độc, xảo quyệt của địch, phong trào cách mạng tỉnh Quảng Ngãi gặp khó khăn và bị tổn thất lớn. Hầu hết các đồng chí trong Phân ban Nam Trà đều bị sa lưới địch. Số cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng bị bắt, tính đến tháng 02-1931 có tới 1.359 người. Phân ban Xứ ủy Trung Kỳ bị phá vỡ. Đường dây liên lạc giữa Đảng bộ tỉnh với Xứ ủy tạm thời bị gián đoạn.

Cuối tháng 12-1930, Tỉnh ủy họp tại làng Đông Dương (xã Tịnh Ấn Tây, Sơn Tịnh), do đồng chí Nguyễn Nghiêm chủ trì, quyết định đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vạch trần

---

1. Cờ màu vàng, hình vuông (tượng trưng cho cờ Nam triều), trên đầu cán cờ đính cờ tam tài nhỏ của Pháp.

các luận điệu, thủ đoạn lừa bịp, xuyên tạc của địch, tiếp tục chống khủng bố trắng; quyết tâm bảo vệ những thành quả cách mạng giành được, thúc đẩy phong trào phát triển mạnh hơn; đấu tranh trực diện với kẻ thù ở các huyện lỵ, tỉnh lỵ; bao vây, cô lập các đồn địch, tuyệt đối không hợp tác, không bán lương thực, thực phẩm cho địch.

Phong trào đấu tranh cách mạng diễn ra ngày càng sôi nổi và quyết liệt với các hình thức như rải truyền đơn, treo cờ Đảng, mít tinh, biểu tình, tuần hành thị uy, bãi chợ, bãi khóa kết hợp với giám sát chặt chẽ và trừng trị bọn tay sai của địch ở thôn, xã, tổng diễn ra hầu khắp các huyện đồng bằng từ Đức Phổ đến Bình Sơn. Ngày 15-01-1931 (ngày 25-11 năm Canh Ngọ), tại phía đông Tư Nghĩa nổ ra cuộc biểu tình do hai đồng chí Bùi Phong và Trần Tư (Thanh) lãnh đạo với sự tham gia của hơn 1.000 người ở Thu Xà, Vạn Tượng, Ba La... Đoàn biểu tình vừa kéo đến tập trung ở Ba La, cách tỉnh lỵ 1 km đòi trị tội tên phó tổng đoàn Nguyễn Mai và bắt cảnh cáo một số tên khác thì bị địch khủng bố, bắn chết 9 người và làm một số người bị thương. Đồng chí Bùi Phong là người cầm cờ dẫn đầu đoàn biểu tình bị chúng bắt, tra tấn rất dã man và hy sinh anh dũng trong tù.

Ngày 17-01-1931, tại phía tây Tư Nghĩa, cuộc biểu tình của đông đảo quần chúng dưới sự chỉ huy của đồng chí Từ Ty tập trung tại Bãi Két, Xuân Phổ rồi kéo xuống chợ Gò, chợ Thu Phổ (Nghĩa Điền). Các chợ đều thực hiện bãi chợ khiến địch lúng túng tìm cách đối phó. Sau cuộc tuần hành này, đồng chí Từ Ty bị địch bắt. Ngày 19-01-1931, cuộc biểu tình lớn của quần chúng vùng đông Tư Nghĩa được tổ chức do đồng chí Nguyễn Năng Lự (tức Độ) chỉ huy, với sự tham gia của 6.000 quần chúng ở hai tổng Nghĩa Hà và Nghĩa Hòa và đông Sơn Tịnh, chia làm ba cánh kéo về thị xã. Cánh thứ nhất gồm

đồng bào các làng Hải Châu, Hào Môn, Thu Xà, Hưng Nhơn kéo lên. Cánh thứ hai gồm đồng bào các làng Cổ Lũy, Trường Yên, Phổ An, Phú Thọ, Hồ Tiếu, Thanh Khiết, Vạn Tượng, Ba La đổ về. Cánh thứ ba gồm đồng bào các làng An Phú, An Nhơn (xã Tịnh An, Sơn Tịnh) do đồng chí Kiều Hoàng chỉ huy, vượt sông Trà Khúc kéo sang. Tất cả tập trung tại bãi cát Vạn Tượng (xã Nghĩa Dũng, Tư Nghĩa) để sắp xếp hàng ngũ.

Đoàn biểu tình giương cao cờ Đảng kéo về Ba La. Bọn lính lê dương từ thị xã xuống mai phục sẵn, bắn vào đoàn biểu tình làm 6 người chết, nhiều người bị thương, nhiều người bị bắt, trong đó có đồng chí Kiều Hoàng. Tuần vũ Nguyễn Bá Trác trực tiếp chỉ huy cuộc đàn áp này. Tuy bị đàn áp và chịu nhiều tổn thất, nhưng ngày 21-01-1931, hơn 4.000 nông dân các làng, xã xung quanh tỉnh lỵ được các chi bộ huy động vẫn tham gia biểu tình, tuần hành, kéo đến phía tây thành Quảng Ngãi đấu tranh và bị địch khủng bố ác liệt. Mặc dù vậy, tiếp sau đó 4 ngày, hơn 3.000 người ở các làng Tân Mỹ, Phổ An, Trường Yên, Phú Thọ (Tư Nghĩa)... được huy động kéo đến đồn Thương Chánh, Cổ Lũy đòi địch bãi bỏ các loại thuế, giảm thuế thương chánh, buộc chúng phải nhượng bộ.

Cũng trong tháng 01-1931, các huyện phía bắc đều sẵn sàng kế hoạch và chuẩn bị lực lượng để hưởng ứng, hỗ trợ phong trào đấu tranh của đồng bào các huyện phía nam. Tại Sơn Tịnh, ngày 17-01-1931, hơn 2.000 người thuộc tổng Châu được huy động giương cao cờ, khẩu hiệu, mang theo gậy, dây và lương thực tiến về huyện lỵ đấu tranh. Khi đoàn biểu tình kéo đến ngã huyện đường, tên tri huyện ra lệnh cho quân lính bắn vào đoàn biểu tình, làm chết 4 người (Tư Cung Nam 2 người, Tư Cung Bắc 2 người) và làm bị thương 7 người khác. Mặc dù bị đàn áp đẫm máu, các đảng viên, cán bộ và quần chúng vẫn không nao núng, băng bó cho những người bị thương và tiếp tục

đấu tranh, đòi địch bồi thường nhân mạng, không cho chúng đem người chết đi nơi khác để phi tang. Cuối cùng tên tri huyện phải chấp nhận yêu sách. Chiều hôm ấy, nhân dân tổng Châu đưa những người bị địch sát hại về địa phương chôn cất, vừa đi vừa hô vang các khẩu hiệu: "Phản đối hành động giết người vô nhân đạo", "Đả đảo đế quốc Pháp và Nam triều phong kiến". Nhân dân đứng hai bên đường và đi theo đoàn đưa tang rất đông.

Đêm 18, rạng ngày 19-01-1931, quần chúng các làng Thọ Lộc, Trường Xuân, Ngân Giang, Hà Nhai, Lâm Lộc (Tỉnh Hà), Phước Lộc (Tỉnh Sơn) tập trung tại Gò Tạng, thuộc làng Hà Nhai chuẩn bị kéo xuống huyện lỵ thì bị địch chặn lại. Tuy bị địch bắt đi một số người và buộc phải giải tán nhưng đoàn biểu tình vẫn tiếp tục đấu tranh.

Ngày 19-01-1931, 3.000 quần chúng tổng Thượng (Tây Sơn Tỉnh) được huy động từ Đồng Ké kéo xuống chân núi Tròn (Tỉnh Sơn) tập hợp cùng quần chúng ở đây tổ chức mítting tố cáo tội ác của địch. Quần chúng đeo băng tang, giương cao cờ kéo xuống huyện lỵ hô vang các khẩu hiệu. Đoàn biểu tình được quần chúng hưởng ứng tham gia ngày càng đông. Địch vội vàng điều lính ra chặn và đóng chặt cổng huyện đường. Đoàn biểu tình tiến gần ngõ huyện đường thì bị địch xả súng bắn làm một người chết. Những người biểu tình xông vào huyện đường đòi bồi thường tính mạng. Tri huyện Nguyễn Hữu Trụ hoảng sợ, buộc phải chấp nhận yêu sách, hứa giải quyết và bồi thường. Ban chỉ huy đoàn biểu tình hướng dẫn quần chúng trở về Gò Huyện, nghe đồng chí Phạm Thị Trinh diễn thuyết rồi giải tán.

Sau đó, khoảng 2.000 quần chúng tổng Trung được huy động kéo đến tập trung ở Gò Tạng nghe đồng chí Nguyễn Tải tố cáo hành động đàn áp dã man của bọn đế quốc phong kiến,

đòi thả ngay những người bị bắt, kêu gọi mọi người tiếp tục xuống đường đấu tranh. Đoàn biểu tình chuẩn bị kéo về huyện lỵ thì lính lê dương từ thị xã kéo sang bắn chết 5 người, làm bị thương 14 người và bắt đi một số người khác.

Ngày 28-01-1931, một cuộc biểu tình được tổ chức ở huyện Bình Sơn. Đoàn biểu tình chia thành nhiều cánh: cánh Lộc Thịnh, Phước Thuận do đồng chí Lê Luân chỉ huy; cánh Tân Phước, Thanh Trà do đồng chí Tạ Thành chỉ huy; cánh Trà Bông kéo xuống Thạch An, An Điền do hai đồng chí Đào Du, Bùi Kha chỉ huy; cánh Hải Ninh, Vĩnh An do hai đồng chí Lê Vĩ, Phạm Thị Xuy chỉ huy; cánh Tân Hy, Lệ Thủy, Thanh Thủy do hai đồng chí Lê Tặc và Phan Lang chỉ huy; cánh Châu Me, Liêm Quang, Tham Hội do đồng chí Trần Tiến Trục (Nhượng) chỉ huy. Tất cả các cánh đều tổ chức thành đội ngũ chỉnh tề, nhưng vì hiệp đồng không chặt chẽ nên kế hoạch kéo về tập trung biểu tình ở phủ lỵ không thực hiện được.

Hơn 500 quần chúng xuất phát từ Hải Ninh lên đến Bình An Nội (Bình Chánh) theo quốc lộ 1 tiến về huyện lỵ. Khi đoàn biểu tình kéo đến đồn Nước Mặn, đồng bào tham gia lên đến 2.000 người, tay cầm cờ, đuốc rực trời và hô vang các khẩu hiệu: "Ủng hộ Liên bang Xôviết, ủng hộ Xôviết Nghệ - Tĩnh!", "Đả đảo khủng bố, đả đảo các thứ thuế!"; đồng thời tiến đến đập phá nhà các tên cường hào, ác bá như: Hương Kiềm Long, Phó Toàn, Xã Cầm...

Trước khí thế đấu tranh sục sôi của quần chúng, tri phủ Bình Sơn Phạm Đình Thi và tên quan hai Pháp Lagam dẫn quân ra chợ Nước Mặn, bên đồn Trì Bình, hứa sẽ chuyển các yêu sách của đoàn biểu tình về tỉnh và ra lệnh giải tán cuộc biểu tình. Quần chúng đòi chúng phải giải quyết các yêu sách. Địch xả súng bắn làm nhiều người chết và bị thương, đồng thời bắt một số đồng chí, như Lê Vĩ, Nguyễn Công Say...

Ngày 30-01-1931 (ngày 12 tháng Chạp năm Canh Ngọ), gần 2.000 quần chúng ở Trà Bồng kéo xuống Thạch An (xã Bình Mỹ, Bình Sơn), nghe đồng chí Nguyễn Lang diễn thuyết, phát động phong trào, nêu cao khí thế quần chúng đấu tranh chia lửa với các huyện. Địch huy động lính khố xanh và lê dương kéo đến đàn áp khốc liệt. Đồng chí Nguyễn Lang và một số đồng chí anh dũng hy sinh, một số bị thương và bị bắt, trong đó có các đồng chí Đào Du, Nguyễn Bá Huệ, Bùi Chất.

Tại Châu Me (xã Bình Châu, Bình Sơn), ngày 08-02-1931, gần 5.000 người tập trung tại chợ để nghe diễn thuyết, hô vang các khẩu hiệu, trừng trị một số tên tay sai.

Tại Nghĩa Hành, từ tháng 10 đến tháng 11-1930, cờ Đảng xuất hiện ở núi Lá Hai, cây Đa Thê (Hành Phước), rừng Phát, Kỳ Thọ (Hành Đức), nhà địa chủ Bang Trình (Hành Minh) ở Động Giữa, đèo Lộc Lãnh (Hành Tín Đông), cây sanh Ba Đình, núi Rế và cây đa đầu cắm ông Thi, gò Mả Đích, Thuận Phong (Hành Thịnh). Quần chúng cách mạng cảnh cáo, răn đe bọn địa chủ, cường hào gian ác.

Ngày 06-01-1931, nhóm Ngọ Vĩ<sup>1</sup> treo cờ búa liềm và tổ chức diễn thuyết tại Núi Đất với hàng trăm người tham dự. Hôm sau địch lùng bắt nhiều người tham gia, trong đó có các đồng chí Lê Mai - Bí thư và Phạm Khắc Tường. Ngày 28-01-1931, Huyện ủy Nghĩa Hành họp dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Hoàng - Bí thư, lập kế hoạch tiến hành một cuộc biểu tình lớn, chia làm hai cánh: cánh đông bắc sông Vệ tập trung và xuất phát từ Hòa Vinh lên, trên đường đi sẽ trừng trị một số lý hương

---

1. Nhóm gồm các đồng chí của Chi bộ Hành Dũng: Nguyễn Hữu Sào, Nguyễn Văn Bạch, Nguyễn Diên Bật, Nguyễn Yên, Phạm Khắc Tường do đồng chí Lê Mai làm Bí thư và tự đặt tên là nhóm Ngọ Vĩ (cuối năm Canh Ngọ).



phân động ở An Chi (Hành Phước), Kỳ Thọ (Hành Đức), Hiệp Phố (Hành Trung); cánh tây nam sông Vệ từ suối Bùn (Hành Tín Đông) xuống. Trên đường đi cũng thực hiện một số nhiệm vụ như cánh đông bắc. Hai cánh sẽ gặp nhau tại Phú Lâm (Hành Thiện) và tiến về huyện lỵ. Cờ đỏ búa liềm và truyền đơn được chuẩn bị sẵn để phân phối cho các cánh biểu tình. Bảy đội xích vệ, mỗi đội gồm 20 người được giao nhiệm vụ, trang bị giáo, mác, dao, gậy... để hỗ trợ cuộc biểu tình và canh gác một số điểm xung yếu như đèo Đá Bàn, đèo Quán Thơm, đường đi sông Vệ, đường đến chợ Chùa, đường đi cầu Cây Búa.

Vào 6 giờ chiều ngày 05-02-1931, quần chúng cách mạng nhất tề nổi trống mõ, thổi tù và, cầm đèn, đuốc xuống đường tuần hành. Đoàn của các làng thuộc xã Hành Thịnh sang sông Vệ nhập với đoàn An Chi, đoàn Hòa Vinh nhập với Hiệp Phố. Cuộc biểu tình thu hút hơn 2.000 người tập trung tại Gò Đất Kỳ Thọ (Hành Đức) để nghe diễn thuyết đến 2 giờ sáng hôm sau, trước khi tiến về huyện lỵ. Lúc đồng bào đang nghe diễn thuyết thì hàng trăm tên lính lê dương, khố xanh, khố đỏ từ thị xã Quảng Ngãi kéo lên bao vây, xả súng bắn chết 17 người và làm nhiều người bị thương.

Cũng từ 6 giờ chiều ngày 05-02-1931, ở cánh tây nam sông Vệ, quần chúng cách mạng rầm rập xuống đường tuần hành, làm chủ các làng thuộc xã Hành Tín, Hành Thuận, đốt nhà một số tên cường hào gian ác và tiến về Phú Lâm lúc 2 giờ sáng ngày 06-02-1931. Khi nghe tin cánh biểu tình phía đông bắc bị đàn áp, cuộc biểu tình cánh tây nam tự giải tán để bảo toàn lực lượng.

Thực dân Pháp và tay sai huy động các lực lượng quân sự, mật thám, nhất là số lính ở đồn Đá Bàn và huyện lỵ tiến hành lùng bắt, đàn áp rất dã man đồng bào ở khắp nơi trong huyện. Chúng đốt 200 ngôi nhà của nhân dân ở Long Bình, Đồng Miếu,

Phú Khương, Phú Thọ (Hành Tín Tây). Riêng ở Long Bình, nhà cửa của nhân dân bị đốt sạch, chỉ còn sót lại đình làng.

Tại Mộ Đức, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, từ cuối tháng 01 đến giữa tháng 02-1931, quần chúng tiến hành nhiều cuộc tuần hành thị uy phối hợp với các huyện bạn.

Vào các đêm 16 và 17-01-1931, quần chúng các làng Thạch Thang và An Thạch (Đức Phong) nổi dậy đốt cháy các điểm canh của địch, làm cho chúng hoang mang, lo sợ và bỏ chạy.

Trong hai ngày 29 và 31-01-1931, hàng ngàn quần chúng được huy động ở các làng Trà Ninh (Đức Phong), Đạm Thủy, Đôn Lương (Đức Minh), Thi Phổ (Đức Tân), Hòa An, An Phong (Đức Chánh) tiến hành biểu tình, kéo đến tập trung tại đình Văn Hà, có sự hỗ trợ của lực lượng tự vệ đồ đấu tranh đòi thực hiện các yêu sách, chống khủng bố, đàn áp nhân dân của thực dân Pháp và tay sai. Các làng thuộc các xã Đức Phú, Đức Hòa, Đức Hiệp... tổ chức mítting, nổi trống mõ thị uy, chọn một số người có uy tín đưa đơn kiện đến tri phủ Nguyễn Hạ Hoàng yêu cầu phải xây đập Bến Thóc bằng xi măng để đảm bảo nước cho dân sản xuất. Tri phủ Nguyễn Hạ Hoàng hứa sẽ giải quyết.

Tối ngày 07 rạng ngày 08-02-1931, hàng ngàn người từ các hướng trong huyện kéo về Châu Me (Đức Phong) hô vang các khẩu hiệu: "Đả đảo đế quốc Pháp!", "Đả đảo bọn Nam triều phong kiến tay sai!", "Việt Nam hoàn toàn độc lập!"...

Ngày 02-02-1931, Huyện ủy Tư Nghĩa phối hợp với Huyện ủy Mộ Đức, Nghĩa Hành phát động nhân dân các xã phía nam biểu tình. Đồng bào tập trung tại Núi Đất, An Đại rồi kéo sang Kỳ Thọ (Hành Đức) để phối hợp với nhân dân huyện Nghĩa Hành đấu tranh. Khi đoàn biểu tình kéo đến Kỳ Thọ thì bị địch đàn áp, phải giải tán.

Ngày 05-02-1931, quần chúng phía bắc Đức Phổ tổ chức vũ trang tuần hành kéo về Tân Hội trị tội bọn chủ Cát, Xã Đạ... rồi giải tán.

Riêng đảo Lý Sơn, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, nhân dân nổi dậy làm chủ đảo trong ngày 09-02-1931.

Trước làn sóng đấu tranh ngày càng mạnh mẽ của quần chúng cách mạng, bộ máy chính quyền tay sai cấp thôn, xã, tổng của địch ở nhiều vùng nông thôn trong tỉnh bị tê liệt. Một số tên chánh, phó tổng, lý trưởng bỏ làng chạy trốn vào thị xã, thị trấn hoặc các đồn bót địch. Tại những nơi này, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng hoặc Nông hội đỏ, hàng đêm, quần chúng cách mạng công khai hội họp, mítting, trấn áp bọn tay sai. Thuế chợ, thuế đò, thuế môn bài bị bãi bỏ. Tiền công cày, công cấy và công gặt được tăng. Mức tô tức giảm nhiều. Nạn trộm cắp, cờ bạc, mê tín dị đoan giảm hẳn. Các đoàn thể quần chúng phát triển khá mạnh, như: Công hội đỏ (phần đông là thợ thủ công và lao động nghèo ở thị xã), Nông hội đỏ, Hội Phụ nữ, Hội Thanh niên, học sinh, Hội cứu tế đỏ, Hội phản đế, Đoàn Thanh niên Cộng sản và các đội tự vệ, xích vệ... phát triển đến hàng chục người. Lực lượng tự vệ đỏ được thành lập ở nhiều nơi trong tỉnh làm nhiệm vụ canh gác, bảo vệ các cuộc biểu tình, tuần hành, mítting, theo dõi chặt chẽ bọn tay sai của địch ở xã, thôn. Ở vùng tây Sơn Tịnh, Đảng bộ tổ chức cho tự vệ, xích vệ kéo lên núi An Bàn (Tur Nghĩa) luyện tập, với số lượng lên đến hàng trăm người. Quần chúng các vùng lân cận tham gia tiếp tế cơm nước và canh gác, báo tin khi cần thiết. Được thử thách trong phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp và tay sai, nhiều quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng, nhiều cơ sở đảng phát triển đều khắp trong tỉnh. Toàn tỉnh có 110 chi bộ, riêng huyện Sơn Tịnh có 25 chi bộ và trên 100 đảng viên.

Nhìn chung, thực lực giữa ta và địch thay đổi nhiều so với tháng 10-1930. Lực lượng cách mạng áp đảo lực lượng phản cách mạng ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn. Tại những nơi này, thông qua các tổ chức cách mạng, lần đầu tiên quần chúng giành quyền làm chủ từng phần, tự quản công tác xã hội, thực hiện từng bước các quyền lợi về kinh tế, giữ gìn trật tự thôn, xóm. Cơ sở đảng được mở rộng và phát triển. Các tổ chức cách mạng của quần chúng được xây dựng thành hệ thống từ cơ sở đến cấp tỉnh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ. Nhiều kinh nghiệm tốt trong đấu tranh và xây dựng tổ chức cách mạng được các cấp ủy đúc kết kịp thời và phổ biến rộng rãi. Nhờ đó, khí thế cách mạng của quần chúng được giữ vững và nâng cao. Phong trào cách mạng trong toàn tỉnh phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, có sự nhảy vọt về chất, tạo đà cho các đợt đấu tranh sau này.

Vào các ngày 16, 17, 18-02-1931, Tỉnh ủy phát động "3 ngày căm thù" chống thực dân Pháp và tay sai trong toàn tỉnh.

Tại Ba Tơ, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy lâm thời, đồng bào các làng On, Tân Long, Chọi Liêm, Hóc Kè, Trường An, Suối Loa (Ba Động) đội ngũ chính tề, biểu tình tuần hành kéo về châu lỵ Ba Tơ. Bọn kiểm lý khiếp sợ, binh lính địch cố thủ trong đồn và nhận hứa giải quyết một số yêu sách của đồng bào. Cả một vùng rộng lớn hoàn toàn tự do từ đêm 16 đến ngày 23-02-1931. Trưa ngày 24-02-1931, địch điều lính lê dương từ tỉnh kéo lên đàn áp bắt đi một số cán bộ cốt cán, nhưng các tổ chức quần chúng vẫn giữ được liên lạc, tiếp tục hoạt động.

Trong những ngày tiếp theo, từ nông thôn đến thị trấn, thị xã, quần chúng treo băng cờ, rải truyền đơn; công nhân nghỉ làm việc, học sinh nghỉ học, các hộ buôn bán không họp chợ, không bán lương thực, thực phẩm; đồng bào không đi lại ngoài đường... Nhân dân họp thành từng nhóm tổ cáo tội ác của địch,

trao đổi kinh nghiệm qua các cuộc đấu tranh, tổ chức lễ truy điệu các liệt sĩ và chuẩn bị lực lượng cho các cuộc đấu tranh tiếp theo.

Để đáp ứng kịp thời nhiệm vụ trong tình hình mới, Tỉnh ủy chủ trương cần phải có tổ chức dự bị, gấp rút xây dựng và củng cố các hội quần chúng, như Hội cứu tế đói, Hội trợ táng, Hội đồng canh, Tổ vòng đổi công, Đoàn cày, Đoàn cấy, Đoàn gặt,... tạo điều kiện cho đồng bào giúp nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống và giữ vững tinh thần cách mạng, ý chí chiến đấu.

Công tác tuyên truyền giáo dục, các hoạt động văn hóa, văn nghệ được chú ý. Thơ ca, hò về cách mạng được phổ biến trong nhân dân. Báo chí cách mạng như tờ *Dân cày*, *Bạn gái* của Tỉnh ủy; *Lưỡi liềm* của Huyện ủy Sơn Tịnh, *Khôn sống* của Phủ ủy Bình Sơn, *Lao động* của Huyện ủy Tư Nghĩa, *Con đường sống* của Huyện ủy Đức Phổ, *Tiến lên* của Huyện ủy Mộ Đức... được in ấn, phân phát để phổ biến chủ trương của Đảng đến cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng<sup>1</sup>.

Công tác vận động binh lính địch, phân hóa hàng ngũ bọn tay sai cũng thu được kết quả đáng kể. Một số lính lê dương đóng ở tỉnh lỵ và nhiều đồn trong tỉnh giác ngộ, không có hành động chống lại cách mạng. Nhiều nơi, đồng bào còn tranh thủ vận động một số binh lính địch, nhất là đoàn phu, bảo vệ cơ sở cách mạng và phong trào quần chúng.

Mặc dù địch ra sức khủng bố, đàn áp khốc liệt, nhưng nhờ chủ trương chuyển hướng tổ chức và hoạt động nên phong trào đấu tranh tiếp tục phát triển, tổ chức đảng và các đoàn thể vẫn giữ được sinh hoạt.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 71-72.

Giữa lúc phong trào các huyện đang lên, các tổ chức đoàn thể cách mạng trong tỉnh được củng cố và phát triển, ngày 06-3-1931 (ngày 18 tháng Giêng năm Tân Mùi) do sự phản bội của tên Nguyễn Hòa, thông qua tên Nguyễn Định (tức Chi) đang làm tại tiệm buôn Nghĩa Hiệp chỉ điểm, địch bắt đồng chí Nguyễn Nghiêm tại cấm Giám Tộ, thuộc làng Nhu Năng (xã Nghĩa Hiệp, Tư Nghĩa).

Tỉnh ủy họp bất thường cử đồng chí Phan Thái Ất làm Bí thư; đề ra những chủ trương tiếp tục đẩy mạnh phong trào, giáo dục tinh thần cách mạng cho đảng viên, cán bộ; cử một số cán bộ giúp các tỉnh theo sự chỉ đạo của cấp trên. Tỉnh ủy cử cán bộ cùng đi với đồng chí Trần Hường (cán bộ của Xứ ủy) về Xứ ủy để báo cáo tình hình Quảng Ngãi và ủng hộ Xứ ủy 2.500 đồng (tiền Đông Dương). Tháng 4-1931, đồng chí Trần Hường được Xứ ủy phân công trở lại công tác ở Quảng Ngãi, tham gia Tỉnh ủy, phụ trách Nam Trà, trực tiếp chỉ đạo cuộc biểu tình ngày 01-5-1931. Đồng chí Trần Hường thông báo ý kiến chỉ đạo của Xứ ủy và giao cho Đảng bộ Quảng Ngãi nhiệm vụ làm trung tâm liên lạc và giúp đỡ phong trào cách mạng các tỉnh phía nam Trung Kỳ. Một số đồng chí của Đảng bộ Quảng Ngãi được cử tăng cường cho đảng bộ các tỉnh như đồng chí Trần Cừ (Minh Cảnh) vào làm Bí thư Đảng bộ Bình Định, đồng chí Trần Toại (Kim Tương) vào làm Bí thư Đảng bộ Phú Yên, đồng chí Hồ Thiết tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Khánh Hòa...

Cuối tháng 3-1931, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị mở rộng tại thôn Diên Phước (xã Tịnh Phong, Sơn Tịnh), có 27 cán bộ tham dự. Hội nghị do đồng chí Phan Thái Ất chủ trì, bàn kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống khủng bố, cướp bóc, hãm hiếp, đòi thả những người bị bắt, bồi thường thiệt hại do chúng gây ra; chú trọng phát triển phong trào ở miền núi,

trong công chức, học sinh, binh lính địch. Đảng bộ phát động một đợt đấu tranh trên quy mô toàn tỉnh nhằm biểu dương lực lượng của quần chúng, đòi thả đồng chí Nguyễn Nghiêm, tổ chức kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động, bổ sung một số đồng chí tham gia cấp ủy và ra *Tạp chí Cộng sản* vào cuối tháng 4-1931<sup>1</sup>.

Hơn một tháng bị giam cầm, tuy luôn bị Công sứ Pháp và Tuần vũ Nguyễn Bá Trác nhiều lần trực tiếp dụ dỗ và dùng mọi cực hình tra tấn nhưng đồng chí Nguyễn Nghiêm vẫn giữ vững tinh thần kiên trung, bất khuất.

Sáng sớm ngày 23-4-1931 (ngày 06-3 âm lịch), thực dân Pháp đưa đồng chí Nguyễn Nghiêm ra xử chém tại bờ nam sông Trà Khúc, nơi chúng đã từng giết hại nhiều nhà yêu nước trước đó.

Trước lúc hy sinh, đồng chí Nguyễn Nghiêm đã để lại cho đồng chí, đồng bào những câu thơ động viên giữ vững tinh thần và tiếp tục đấu tranh cách mạng, tin tưởng ngày tất thắng:

*Noi gương kẻ trước thờ non nước,  
Tiếp chí người sau rửa hận thù.  
Lá cờ giai cấp bên tay phất,  
Lưỡi kiếm anh hùng cổ điểm tô.  
Rồi đây bão táp vùi thân giặc,  
Việt Nam độc lập đẹp muôn thu<sup>2</sup>.*

Đồng chí còn để lại đôi câu đối:

"Trước Đoan Dương vài tháng, gần kỷ niệm mười ngày,  
rượu rót, đèn chong, gai mắt tiệc đưa phùng đạo tặc;

1. Cuối tháng 4 đầu tháng 5, *Tạp chí Cộng sản* đã xuất hiện ở Quảng Ngãi. Theo tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 74.

Năm Ngãi - Nam một mối, gánh Bình - Phú đôi vai, gông đề, roi ép, nhúc tai lời chúc lũ gia nô"<sup>1</sup>.

Thương tiếc đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đầu tiên, Tỉnh ủy tổ chức lễ truy điệu, đề tang và phát động tuần lễ căm thù địch từ ngày 25 đến ngày 30-4-1931, kết hợp với biểu dương khí thế cách mạng kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1-5. Điều văn trong lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Nghiêm được phổ biến rộng rãi trong quần chúng<sup>2</sup>.

Đêm 25-4-1931, cờ Đảng, truyền đơn, khẩu hiệu đấu tranh được các cơ sở đảng treo, dán và rải khắp nơi trong tỉnh với nội dung: Phản đối thực dân Pháp và Nam triều phong kiến

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 74-75.

2. "... Ngày 6 tháng 3 (23-4), là ngày căm thù sâu sắc;  
 Quân dã man cướp sống bạn đồng tâm!  
 Năm 30-31, năm chiến đấu vẻ vang;  
 Đảng Cộng sản Đông Dương giương cao cờ quyết thắng!  
 Chúng làm tướng: giết Anh là đập tắt phong trào;  
 Anh mỉm cười với chúng, càng nêu cao phẩm chất  
 Nhớ lại: lúc còn nằm trong ngục thất  
 Vẫn tranh thủ tuyên truyền binh lính, nhắc nhở anh em  
 Cho đến khi ra pháp trường, vẫn ung dung đọc bài từ trần, ngâm thơ  
 già bạn  
 Nhiệm vụ nặng, bản thân coi nhẹ, rất đáng kính yêu!  
 Giành sống chung, đành chịu thác riêng, vô cùng anh dũng.  
 Xác tuy chết, tinh thần không chết,  
 Chết đi theo Các Mác - Lênin.  
 Người không còn, danh tiếng vẫn còn, còn sống mãi với Trà Giang,  
 Bút Linh.  
 Một người xướng, ngàn vạn người tiếp ứng, quyết phục thù, nối chí  
 ngày mai,  
 Một kẻ ngã, ức triệu người đứng lên, thề xẻ thịt phanh thây chúng nó...".  
 (Theo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 75-76).



xử chém đồng chí Nguyễn Nghiêm và những người tham gia hoạt động chính trị! Chống khủng bố trắng! Bỏ hẳn thuế thân, thuế đò, thuế chợ! Chia lại và chia hết công điền cho nông dân lao động! Ủng hộ Xôviết Nghệ - Tĩnh! Ủng hộ Liên bang Xôviết!

Liên tiếp trong các ngày từ 26 đến 30-4-1931, một đợt đấu tranh mới trong toàn tỉnh nổ ra và phát triển thành cao trào. Ở nhiều nơi xuất hiện cờ đỏ búa liềm, truyền đơn, khẩu hiệu phản đối thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai Nam triều; nhiều cuộc mítting, biểu tình phản đối thực dân, phong kiến và làm lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Nghiêm được tổ chức. Đồng bào, đồng chí bị bắt giam ở Nhà lao Quảng Ngãi đấu tranh bằng các hình thức như làm reo, hô khẩu hiệu, tuyệt thực... để phản đối việc xử chém đồng chí Nguyễn Nghiêm và chế độ hà khắc của nhà tù thực dân.

Đêm 30-4, rạng ngày 01-5-1931, hàng vạn đồng bào khắp nơi trong tỉnh lại nổi dậy kéo về tỉnh lỵ và các phủ, huyện, châu lỵ đấu tranh với địch. Nhân dân ở hầu hết các thị trấn tham gia tuần hành, thị uy, mítting, bãi chợ, bãi khóa, không ra đồng cấy cấy. Đồng bào, đồng chí trong các trại giam của địch tiếp tục đấu tranh.

Có thể nói, đây là đợt đấu tranh đồng loạt, có quy mô lớn, sôi nổi, rầm rộ và mạnh mẽ nhất trong cao trào 1930 - 1931 ở Quảng Ngãi, làm cho địch lo sợ, tập trung quân để đàn áp khốc liệt.

Trong cuộc biểu tình tại vùng đông Mộ Đức, khi quần chúng kéo đến Quýt Lâm, Trà Ninh (xã Đức Phong, Mộ Đức), giặc Pháp nổ súng giết chết 73 người và làm nhiều người bị thương. Cuộc biểu tình ở 4 tổng thuộc Sơn Tịnh bị địch giết hại 20 người, làm bị thương nhiều người. Cuộc biểu tình tây Tư Nghĩa bị địch đàn áp giết hại 12 người ở gần ga Ông Bó... Sau đó,

địch lại tiếp tục tiến hành các cuộc càn quét, đốt phá, bắt bớ tra tấn hàng trăm đồng chí, đồng bào yêu nước.

Mặc dù bị địch thẳng tay đàn áp, nhưng tuần lễ phát động căm thù giặc kết hợp với biểu dương khí thế Ngày Quốc tế Lao động đã khơi dậy trong quần chúng tinh thần cách mạng mãnh liệt.

Trong đợt khủng bố này, địch bắt giam hơn 6.000 người, trong đó có gần 2.000 người bị kết án (2 người án tử, 9 án tù chung thân, 19 án tù từ 11 đến 13 năm, 500 án tù từ 5 đến 10 năm; 900 án tù từ 2 đến 5 năm), đày đi Buôn Ma Thuột hơn 300 người, Lao Bảo 20 người và Bà Nà 120 người. Mặt khác, địch ra sức tăng cường kim kẹp, mua chuộc, lừa bịp, lung lạc tinh thần nhân dân, gây chia rẽ giữa Đảng và quần chúng cách mạng, tiếp tục bày trò "quy thuận", "treo cờ vàng" bằng luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc.

Ngày 25-5-1931, Tỉnh ủy họp tại Trà Sơn (xã Tịnh Ấn Đông, huyện Sơn Tịnh) đánh giá toàn bộ tình hình, bàn kế hoạch sắp đến, nghiên cứu các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Xứ ủy Trung Kỳ.

Cuộc họp nhận định, thời gian qua phong trào cách mạng trong tỉnh phát triển rất mạnh. Đảng viên và quần chúng thể hiện sự nhiệt tình yêu nước đấu tranh quyết liệt, bất chấp mọi hy sinh để chia lửa với Nghệ - Tĩnh và các tỉnh bạn; địch lâm vào thế bị động, lúng túng và đàn áp quyết liệt phong trào cách mạng. Ta bị tổn thất khá lớn, trong đó hầu hết các đồng chí lãnh đạo cốt cán ở tỉnh, phủ, huyện, xã bị địch bắt, tù đày, tra tấn dã man; nhiều đồng chí, đồng bào hy sinh.

Tỉnh ủy chủ trương phải ra sức tăng cường công tác bảo vệ, củng cố tổ chức cơ sở đảng, đoàn thể quần chúng và các cơ quan lãnh đạo của Đảng, nhất là những nơi bị tổn thất,

chưa có người lãnh đạo; xây dựng phong trào miền núi, nhanh chóng bồi dưỡng cán bộ các cấp, đẩy mạnh công tác binh vận; tăng cường hoạt động ở thị xã; chăm lo giúp đỡ những gia đình bị tổn thất do địch gây ra; quyết định mở đợt tuyên truyền, giáo dục quần chúng đứng lên vạch trần âm mưu, tội ác của địch, tiếp tục hướng dẫn quần chúng đấu tranh bảo vệ và đòi những quyền lợi bức thiết hằng ngày, đòi bồi thường những thiệt hại, đòi thả những người bị bắt và chuẩn bị cho đợt đấu tranh mới nhân Ngày Quốc khánh nước Pháp (14-7) và Ngày chống chiến tranh đế quốc (1-8). Một số khẩu hiệu mới được đặt ra: Phản đối đế quốc chiến tranh! Phản đối khủng bố trắng. Thả hết chính trị phạm! Giao ruộng đất cho dân cày, xưởng máy cho thợ thuyền! Xứ Đông Dương của người Đông Dương! Việt Nam hoàn toàn độc lập!

Chủ trương trên đang được khẩn trương triển khai thực hiện thì một tổn thất mới lại đến với Đảng bộ. Ngày 27-7-1931, do sự phản bội của tên Huỳnh Tú (tức phó tổng Quỳnh) nên cơ quan Tỉnh ủy đóng ở Cẩm Trà Sơn bị giặc Pháp bao vây, đồng chí Phan Thái Ất và một số đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy bị bắt<sup>1</sup>. Tiếp đó, phần lớn các đồng chí lãnh đạo ở các huyện, thị, cơ sở cách mạng, đảng viên, quần chúng lần lượt rơi vào tay địch. Đường dây liên lạc giữa tỉnh, huyện và các tỉnh bạn bị gián đoạn.

Mặc dù bị tổn thất nặng nề, nhưng những cuộc đấu tranh ngày 01-8 vẫn diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú như mítting, rải truyền đơn, treo cờ Đảng, đòi công cày, công cấy, đòi chia lại công điền ở nông thôn... Từ chính trị đấu tranh phản đối đánh đập, tra tấn, đòi cải thiện chế độ sinh hoạt của

---

1. Có tài liệu ghi ngày 21-7-1931.

tù nhân. Các đồng chí trong nhà lao vẫn sáng tác nhiều thơ, ca, hò, vè tuyên truyền đấu tranh. Một số bài thơ được chuyển ra ngoài, góp phần giáo dục, động viên phong trào, cổ vũ tinh thần và ý chí chiến đấu của đảng viên, quần chúng.

Lúc này phong trào đấu tranh ở Bình Định và một số tỉnh phía nam Trung Kỳ vẫn tiếp tục được duy trì, mặc dù các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Bình Định, Phú Yên được Phân ban Xứ ủy Nam Trung Kỳ cử vào tăng cường đã bị địch bắt cùng với nhiều đồng chí khác tại địa phương.

Đảng bộ Quảng Ngãi tuy mới thành lập nhưng đã thể hiện tốt vai trò lãnh đạo nhân dân đấu tranh trong cao trào cách mạng 1930 - 1931, sớm chia lửa với Xôviết Nghệ - Tĩnh. Phong trào đó diễn ra liên tục, sôi nổi từ phía Nam ra phía Bắc, từ nông thôn đến các thị trấn, thị xã, miền núi và hải đảo, bắt chập mọi sự khủng bố dã man của địch.

Phong trào cách mạng 1930 - 1931 ở Quảng Ngãi đã huy động được hầu hết các tầng lớp nhân dân, đông đảo nhất là nhân dân lao động, từ đồng bằng đến miền núi, miền biển, thị trấn, thị xã, tranh thủ được hầu hết tầng lớp học sinh, trí thức và một bộ phận không nhỏ viên chức, binh lính địch nhất là ở các làng, xã. Lãnh đạo các cuộc biểu tình, đấu tranh đa số là cán bộ cốt cán. Hầu hết người cầm cờ đi đầu là phụ nữ. Khẩu hiệu của các cuộc đấu tranh chính trị gắn liền với các khẩu hiệu đòi dân sinh, dân chủ. Cao trào chia lửa chẳng những cho Nghệ - Tĩnh mà cho cả miền Nam Trung Kỳ. Một mặt trận phản đế rộng rãi trong miền đã hình thành trong đấu tranh dưới sự chỉ đạo của Phân ban Xứ ủy Nam Trung Kỳ thuộc Xứ ủy Trung Kỳ, mà Quảng Ngãi là nơi chịu trách nhiệm.

Trong cao trào cách mạng 1930 - 1931, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi sớm nắm chắc ngọn cờ dân tộc dân chủ của Đảng,

vận dụng và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cách mạng: dân tộc và dân chủ. Ngay từ buổi đầu, Đảng bộ đã sớm tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng cho quần chúng, trong đó chủ yếu là nông dân lao động, tập hợp, giác ngộ họ đấu tranh chống lại những phần tử cơ hội. Đảng bộ sớm xây dựng được đội ngũ cốt cán từ tỉnh đến cơ sở, bám chặt trong quần chúng cách mạng. Nhờ đó, phong trào đấu tranh nổ ra rất mạnh mẽ, đều khắp, liên tục và quyết liệt, bằng nhiều hình thức đấu tranh từ rải truyền đơn, treo cờ, mít tinh, biểu tình, tuần hành thị uy đến trừng trị bọn tay sai,... Mặc dù phải trải qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, ác liệt nhưng phong trào được giữ vững từ tháng 10-1930 đến tháng 7-1931, có phương hướng đấu tranh rõ ràng, từng bước đạt những kết quả nhất định trên các mặt chính trị, kinh tế, trong đó có bốn đợt tiến hành đấu tranh lớn. Trong đấu tranh, Đảng bộ luôn chấp hành nghị quyết, chỉ thị của cấp trên một cách nghiêm túc và sáng tạo; dám chịu trách nhiệm, tự xây dựng tổ chức khi bị đứt liên lạc với cấp trên và có tinh thần hợp tác với các tỉnh bạn. Mặt khác, Đảng bộ nắm vững phương pháp dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng. Đây là bước phát triển mới của phong trào cách mạng Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Cao trào 1930 - 1931 ở Quảng Ngãi thật sự là cuộc tổng diễn tập khá quy mô, liên tục, sôi nổi, có một vị trí xứng đáng, đóng góp vào cuộc đấu tranh của nhân dân cả nước.

Cuộc đấu tranh của nhân dân Quảng Ngãi dưới sự lãnh đạo của Đảng đã góp phần tô thắm lịch sử vẻ vang của Đảng, của dân tộc, tạo nền tảng vững chắc cho phong trào cách mạng tỉnh nhà tiếp tục giành thắng lợi to lớn hơn trong những năm tiếp theo.

II- CÙNG CỐ TỔ CHỨC ĐẢNG,  
TIẾP TỤC LÃNH ĐẠO CUỘC ĐẤU TRANH  
CHỐNG PHẢN ĐỘNG THUỘC ĐỊA, CHỐNG PHÁTXÍT,  
ĐÒI CÁC QUYỀN DÂN SINH, DÂN CHỦ VÀ HÒA BÌNH  
(1932 - 1939)

**1. Cùng cố Đảng bộ và lãnh đạo cuộc đấu tranh chống  
khủng bố (1932 - 1935)**

Trước sự khủng bố, đàn áp khốc liệt của thực dân Pháp, cao trào cách mạng 1930 - 1931 tạm thời lắng xuống. Mặc dù chịu nhiều tổn thất, nhưng uy tín của Đảng không ngừng lan rộng trong các tầng lớp nhân dân.

Thực dân Pháp và tay sai đẩy mạnh việc kìm kẹp nhân dân, xây dựng mạng lưới mật thám dày đặc, lập hội tề làng, hội tộc biểu, rào các làng, truy lùng đảng viên, quần chúng cách mạng, giết nhiều tù chính trị và người yêu nước. Chúng ra lệnh cấm nhân dân chứa người lạ mặt trong nhà, không cho tụ tập quá 5 người, hạn chế việc đi lại làm ăn của nhân dân, thi hành chính sách mị dân, lừa bịp, ra sức tuyên truyền cổ súy cho chương trình cải cách năm 1932 do vua bù nhìn Bảo Đại đề xướng... Đồng thời với các thủ đoạn trên, địch còn thực hiện một số cải cách đối với địa chủ và tư sản mại bản nhằm củng cố chỗ dựa của chúng.

Trước tình hình phong trào cách mạng cả nước cũng như trong tỉnh gặp nhiều khó khăn, các đồng chí cán bộ, đảng viên thoát khỏi các cuộc lùng bắt của địch trước đây, sống hợp pháp trong quần chúng tìm mọi cách liên lạc với nhau để hoạt động, kiên trì bám cơ sở, ổn định tư tưởng quần chúng, tổ chức lạc

quyên giúp gia đình các đồng chí, đồng bào bị địch bắt ổn định cuộc sống, phát động quần chúng tố cáo những hành động giết chóc, tra tấn, cướp bóc của địch. Nhân dân các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh viết đơn gửi Khâm sứ Trung Kỳ tố cáo những hành động cướp bóc của lính lê dương đồn Trì Bình. Những đồng chí bị địch bắt giam trong các nhà lao động viên nhau giữ vững tinh thần, nghị lực, tiến hành những cuộc đấu tranh đòi cải thiện chế độ nhà tù và tìm cách bắt liên lạc với phong trào bên ngoài. Họ tự tổ chức học tập văn hóa, chính trị, bồi dưỡng phương pháp hoạt động, tinh thần đấu tranh cho đảng viên trẻ, quần chúng tích cực sắp mãn hạn tù để gây dựng lại phong trào cách mạng trong tỉnh.

Với lòng trung thành, tin tưởng vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, của những đảng viên cốt cán; sự che chở, bảo vệ cơ sở đảng, đoàn thể của quần chúng cách mạng, cùng với các tấm gương anh dũng, kiên cường, nêu cao khí tiết, phẩm chất cộng sản của những đồng chí bị bắt, bị tra khảo, đặc biệt là tấm gương sáng ngời của đồng chí Nguyễn Nghiêm - Bí thư Tỉnh ủy đầu tiên, đồng chí Trương Quang Trọng - Bí thư Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nên phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi sớm được khôi phục. Những tháng cuối năm 1931, truyền đơn, cờ đỏ búa liềm xuất hiện, các cuộc mít tinh nhỏ cũng được tổ chức ở một số nơi trong tỉnh<sup>1</sup>. Những sự kiện đó có tác dụng rất lớn trong việc cổ vũ đồng chí, đồng bào tiếp tục đấu tranh.

---

1. Tờ báo *Đông Pháp*, tháng 12-1931 đưa tin "Tại Núi Bút (Quảng Ngãi) có rải truyền đơn cộng sản" (Dẫn theo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 86-87).

Mùa xuân năm 1932, một số đồng chí nguyên là hội viên của Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên bị bắt từ năm 1929 mãn hạn tù, trở về hoạt động tại các địa phương trong tỉnh, trong đó có đồng chí Huỳnh Tấn, Võ Sỹ... nhanh chóng bắt liên lạc với số đảng viên và cơ sở cách mạng còn lại, xây dựng các chi bộ ở Đức Phổ, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Bình Sơn. Chỉ sau một thời gian ngắn, tổ chức cơ sở đảng và quần chúng cách mạng được chấp nối và hình thành lại các cơ quan lãnh đạo. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được thành lập lại do đồng chí Võ Sỹ làm Bí thư<sup>1</sup>.

Để nhanh chóng khôi phục và phát triển phong trào cách mạng toàn tỉnh, Tỉnh ủy chủ trương nhanh chóng củng cố và phát triển cơ sở đảng và các đoàn thể quần chúng, hình thành mạng lưới liên lạc và các tổ chức lãnh đạo từ tỉnh đến cơ sở,

---

1. Đồng chí Võ Sỹ, sinh năm 1910, trong một gia đình nhà nho yêu nước ở làng Minh Tân (xã Đức Minh, Mộ Đức). Đồng chí sớm giác ngộ cách mạng, tham gia các tổ chức yêu nước như Công ái xã, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tháng 8-1929, đồng chí bị địch bắt cùng với 20 hội viên thanh niên và bị địch kết án 2 năm tù, bị giam ở Nhà lao Quảng Ngãi. Trong tù, đồng chí Võ Sỹ được các đồng chí lãnh đạo cùng bị bắt giam tại đây giáo dục, bồi dưỡng, diu dắt, giao nhiệm vụ. Cuối năm 1930, đồng chí Võ Sỹ ra tù, tiếp tục hoạt động cách mạng. Đầu năm 1932, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi được khôi phục, đồng chí được chỉ định làm Bí thư. Giữa năm 1932, đồng chí bị địch bắt lần thứ hai, bị kết án tù khổ sai chung thân, đày đi Côn Đảo. Tại đây, đồng chí được cử làm Bí thư chi bộ nhà tù, cùng các đồng chí Tôn Đức Thắng, Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Đức Thuận... lãnh đạo anh em tù chính trị đấu tranh với bọn cai ngục, buộc chúng phải nhượng bộ. Cách mạng Tháng Tám thành công, đồng chí được đón về đất liền và đổi tên là Lê Văn Sỹ. Đồng chí được phân công làm Bí thư Đặc Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Năm 1948, đồng chí hy sinh. Hiện nay tại Thành phố Hồ Chí Minh, có một con đường lớn được mang tên Lê Văn Sỹ.



với cấp trên, với các đồng chí trong các nhà lao; vận động binh lính địch làm binh biến, chuẩn bị lễ kỷ niệm ngày sinh ba đồng chí Lênin, Lép-néc-h, Lúcxămbua và mở đợt tuyên truyền, giáo dục, rèn luyện tư tưởng, giữ vững chí khí cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng tích cực<sup>1</sup>.

Thực hiện chủ trương trên, các cấp ủy đảng tăng cường hoạt động, gây dựng phong trào. Do sơ suất, công việc bại lộ, địch bắt gần 20 cán bộ, trong đó có các đồng chí trong Tỉnh ủy, kể cả đồng chí Võ Sỹ. Công văn mật số 121 ngày 18-01-1932 của địch có đoạn viết: Khám phá ra âm mưu tổ chức lại Đảng Cộng sản do những người thanh niên cũ và mấy người cộng sản đã hết hạn tù hay được phóng thích có điều kiện. Âm mưu đẩy do sự tuyên truyền của một số tù nhân Nhà lao Quảng Ngãi đối với các đồng chí của họ được phóng thích. Những kẻ cầm đầu đã bị bắt<sup>2</sup>...

Tuy bị tổn thất nặng nề nhưng các đồng chí còn lại vẫn tiếp tục hoạt động, khôi phục cơ quan lãnh đạo, phát triển phong trào bằng nhiều hình thức tổ chức và đấu tranh phong phú.

Ngày 12-3-1932, 4.500 công nhân làm đường xe lửa đoạn Đức Phổ - đèo Bình Đê bãi công, biểu tình vây xe ô-tô của chủ thầu, đòi tăng tiền công, giảm giờ làm. Cùng ngày, công nhân

---

1. Thông báo ngày 12-01-1932 của Khâm sứ Trung Kỳ (Huế) và Công văn mật số 121, ngày 18-01-1932 của mật thám Trung Kỳ báo cho Công sứ và Thị trưởng toàn Trung Kỳ biết Đảng Cộng sản ở Quảng Ngãi sẽ tổ chức kỷ niệm vào ngày 24-01-1932 nhân dịp tròn 1 năm ngày biểu tình ở Tư Nghĩa và ngày mất của Lênin (Dẫn theo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, *Sđd*, tr. 88).

2. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

làm đường xe lửa đoạn Phú Vang đến Bình Sơn cũng bãi công đòi trả công đủ, chủ thầu phải nhận giải quyết. Ngày 24-3-1932, cờ Đảng được treo từ núi Thiên Bút đến trung tâm thị xã Quảng Ngãi và một số vùng lân cận. Một số nơi như Hùng Nghĩa, Tân Hội (xã Phổ Phong, Đức Phổ), Phú Mỹ, Minh Tân (xã Đức Minh, Mộ Đức), các xã ở tổng Châu (Sơn Tịnh), đều có tổ chức lễ mítting kỷ niệm ba đồng chí Lenin, Lépnhéc, Lúcxămbua.

Công tác binh vận thu được một số kết quả. Một số đồng chí bị bắt giam ở các đồn Hòa Bản (xã Tịnh Thiện, Sơn Tịnh), như Nguyễn Chánh, Trương Đình Đầu, Phạm Hồ, Nguyễn Hiệp giác ngộ được 7 lính lê dương, lôi kéo một bộ phận binh lính ở đồn Hòa Bản, viết truyền đơn bằng tiếng Pháp và rải ở một số đồn có lính lê dương, lính khố xanh đóng ở các phủ, huyện trong tỉnh. Theo kế hoạch đề ra, số cơ sở trong đồn sẽ làm binh biến cướp đồn, lấy vũ khí rồi kéo lên núi cùng đồng bào các dân tộc thiểu số xây dựng căn cứ địa cách mạng, chuẩn bị chiến đấu lâu dài. Tỉnh ủy không đồng tình với kế hoạch này mà chỉ chủ trương cho các đồng chí bị giam ở đây vượt ngục ra ngoài hoạt động. Kế hoạch nêu trên chưa kịp thực hiện thì địch phát hiện, liền chuyển số binh lính được giác ngộ đi nơi khác, đưa các đồng chí bị bắt giữ về nhà lao tỉnh, rồi đày đi Buôn Ma Thuột. Mặc dù vậy, các đơn vị lính lê dương và khố đỏ đồn Hòa Bản nhân ngày 01-5-1932 vẫn tập trung hát bài *Quốc tế ca*.

Những cuộc đấu tranh và các hoạt động của Đảng bộ làm cho kẻ thù hoảng sợ. Chúng không ngờ "phong trào cách mạng" ở Quảng Ngãi vẫn xuất hiện sau các cuộc khủng bố, đàn áp, bắt bớ và đày ải hàng ngàn đảng viên, quần chúng. Địch lại khủng bố ác liệt, nhiều đồng chí trong cấp ủy và nhiều cán bộ,

đảng viên, quần chúng cách mạng bị bắt. Cuộc "tái tổ chức Đảng Cộng sản" lần thứ nhất ở Quảng Ngãi bị đàn áp<sup>1</sup>.

Tháng 6-1932, một số đồng chí bị địch bắt giam được thả về, cùng với số đảng viên và quần chúng ở các địa phương gây dựng lại tổ chức cơ sở đảng và các đoàn thể cách mạng, tìm bắt liên lạc với cấp trên và các tỉnh bạn. Cơ sở đảng và các tổ chức quần chúng được xây dựng ở một số nơi như Đức Phổ, Bình Sơn...

Tháng 7-1932, một đoàn Ủy ban điều tra của Pháp do Toàn quyền Páxkiê dẫn đầu, trong đó có Chánh Mật thám Quảng Ngãi Livécxê, phóng viên báo *L'Humanité*, cơ quan Trung ương Đảng Cộng sản Pháp sang điều tra tình hình ở Đông Dương đã đến Quảng Ngãi. Họ đến Nhà lao Quảng Ngãi, gặp đồng chí Trần Thị Hiệp và Phạm Thị Trinh. Hai đồng chí tố cáo chế độ lao tù hà khắc, tàn bạo của thực dân Pháp và bè lũ tay sai. Viên toàn quyền đuối lý trước những lời lẽ tố cáo đanh thép đó.

Cuối năm 1932, đồng chí Huỳnh Tấu<sup>2</sup> bắt liên lạc với các đồng chí ở Quảng Nam, góp phần gây dựng lại cơ sở đảng ở Tam Kỳ, đó là chi bộ An Hòa, gồm có các đồng chí Võ Minh, Trần Học Giới, Lương Hiệp Phó, được đồng chí Lê Văn Ba quê ở Bình Thạnh (Bình Sơn), đi bán cước câu, tuyên truyền,

---

1. Báo cáo tình hình chính trị Trung Kỳ, tập 5 viết: Từ tháng 01 đến tháng 6-1932 có hoạt động tái tổ Đảng Cộng sản ở Mộ Đức, Sơn Tịnh, 60 tuyên truyền viên đã bị bắt... Có truyền đơn rải ở Châu Ổ, tri phủ (Bình Sơn) đã thu hồi và đốt... Hồ sơ lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

2. Đồng chí Huỳnh Tấu là một trong những lãnh đạo của Tỉnh bộ Thanh niên bị địch bắt giam từ tháng 8-1929. Mãn hạn tù, đồng chí về quê hoạt động cách mạng dưới vỏ bọc là thầy thuốc. Thời gian này, đồng chí ở nhà ông Tánh (thôn Bàu Bèo), Bình Chánh, huyện Bình Sơn.

giác ngộ, rồi giới thiệu cho đồng chí Huỳnh Tấn, thay mặt Tỉnh ủy Quảng Ngãi kết nạp vào Đảng và thành lập chi bộ. Về sau, chi bộ An Hòa phát triển thành ba tổ chức đảng và được đồng chí Tổng Văn Trân - Bí thư Ban cán sự miền Nam Trung Kỳ công nhận thành ba chi bộ. Năm 1933, ba đồng chí đầu tiên của Chi bộ An Hòa được công nhận là Ban lâm thời Tỉnh ủy Quảng Nam, có trách nhiệm vận động cách mạng ra các phủ, huyện trong tỉnh<sup>1</sup>.

Từ cuối năm 1932, cơ sở Đảng và các tổ chức quần chúng phát triển khá rộng trong toàn tỉnh. Yêu cầu cấp thiết của phong trào lúc này là cần phải nhanh chóng khôi phục lại đội ngũ lãnh đạo.

Tháng 3-1933, Tỉnh ủy được thành lập lại, tiến hành hội nghị ở làng Thủy Thạch (xã Phổ Cường, Đức Phổ). Đồng chí Phạm Quy, Bí thư Huyện ủy Đức Phổ được cử làm Bí thư Tỉnh ủy lâm thời. Tỉnh ủy đề ra những nhiệm vụ cấp bách của Đảng bộ là: Kiên trì tập hợp giáo dục quần chúng, chống tư tưởng cầu an mệt mỏi, sợ địch; vạch trần âm mưu tội ác của kẻ thù; xây dựng, củng cố lại hệ thống Đảng và các tổ chức quần chúng, chú trọng đến công nhân và những người đang làm đường ray xe lửa; liên hệ với các tỉnh bạn, giúp xây dựng cơ sở Đảng ở những nơi còn trống để cùng nhau phối hợp hành động, tìm bắt liên lạc với cấp trên; mỗi tháng, Tỉnh ủy lâm thời họp một lần để kiểm điểm công tác và bàn phương hướng hành động.

Nhờ những chủ trương đúng đắn của Tỉnh ủy, phong trào cách mạng trong tỉnh dần dần được khôi phục và phát triển.

---

1. Dẫn theo Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1945) (Sơ thảo)*, Nxb. Đà Nẵng, 1991, t.I, tr. 133.

Hệ thống tổ chức cơ sở đảng và các đoàn thể quần chúng, như Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Đoàn Thanh niên được củng cố và mở rộng, nhất là ở các huyện Đức Phổ, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn. Năm 1934, toàn tỉnh có trên 40 đảng viên. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được củng cố, do đồng chí Phạm Xuân Hòa làm Bí thư.

Công tác vận động quần chúng được Tỉnh ủy hết sức chú ý, đặc biệt là đối với công nhân làm đường ray xe lửa và các tầng lớp dân nghèo ở thị xã, thị trấn. Những cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân, tù chính trị nhà lao tiếp tục nổ ra. Ngày 29-4-1933, tù chính trị nữ ở phòng 4, Nhà lao Quảng Ngãi tuyệt thực, phản đối hành động tàn bạo và đánh trả bọn cai ngục. Nông dân Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành dưới sự chỉ đạo của tổ chức Nông hội đỏ, dựa vào các tổ chức biến tướng như Hội vòng công, Hội đổi công, đoàn cày, đoàn cấy, đoàn gặt đấu tranh đòi tăng tiền công, đòi chia lại công điền, công thổ, chống nạn tham nhũng của bọn địa chủ, cường hào, đòi quyền dân sinh, dân chủ. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của 300 nông dân nổ ra ngày 22-6-1933, phản đối bọn chủ thầu đập Suối Đá tự ý tăng tiền thủy lợi phí. Tháng 8-1933, tù chính trị từ Nhà đày Buôn Ma Thuật bị thực dân Pháp chuyển về Nhà lao Quảng Ngãi đấu tranh, phản đối chế độ lao dịch. Ngày 29-7-1933, ở Sơn Tịnh và một số nơi khác trong tỉnh, Đảng bộ còn tổ chức biểu dương thanh thế bằng các cuộc rải truyền đơn, mítting, treo cờ đỏ búa liềm.

Cuối năm 1933, liên lạc giữa Tỉnh ủy Quảng Ngãi và các tỉnh Nam Trung Kỳ được nối lại. Lúc này Xứ ủy Trung Kỳ chưa được khôi phục. Được sự thống nhất của các tỉnh bạn, Tỉnh ủy Quảng Ngãi mời đại biểu các tỉnh Quảng Nam, Bình Định họp bàn chương trình và kế hoạch hành động chung, chuẩn bị cho cuộc họp liên tỉnh sắp đến.

Cũng trong thời gian này, theo sự phân công của Tỉnh ủy, đồng chí Bùi Bình vào Nam Kỳ bắt liên lạc với Đảng. Nhờ đó, Tỉnh ủy liên hệ được với Ban Chấp ủy liên địa phương miền Nam Đông Dương - là cơ quan lãnh đạo của hai miền có quan hệ với Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng. Tỉnh ủy báo cáo tình hình hoạt động của Đảng bộ và kế hoạch triển khai công tác của Ban trừ bị Hội nghị đại biểu liên tỉnh. Ban Chấp ủy liên địa phương miền Nam Đông Dương công nhận sự hoạt động của các đảng bộ Trung Trung Kỳ và giúp đỡ về tài chính cho các đảng bộ.

Đầu năm 1934, đại biểu 5 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa được triệu tập họp tại Hà Trung (xã Tịnh Hà, Sơn Tịnh) bàn các vấn đề: củng cố và phát triển cơ sở đảng ở các tỉnh; xây dựng các đoàn thể quần chúng cách mạng; đẩy mạnh công tác tuyên truyền huấn luyện, xuất bản báo *Cờ đỏ* làm cơ quan ngôn luận; giữ vững đường dây liên lạc giữa các tỉnh và với cấp trên; xây dựng tài chính của Đảng.

Hội nghị bầu Ban địa phương Chấp ủy Trung Trung Kỳ do đồng chí Phạm Xuân Hòa - Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi làm Bí thư.

Như vậy, ở miền Trung lúc này có một cơ quan lãnh đạo với các tên gọi là Ban địa phương Chấp ủy Trung Trung Kỳ do Đảng bộ Quảng Ngãi là trung tâm kết nối phong trào.

Những tháng cuối năm 1934, Tỉnh ủy bắt liên lạc và nhận một số tài liệu của Tỉnh ủy Nghệ An, trong đó có tờ *Cộng sản từng thư* số 11, *Nghệ An báo Đảng* do Đảng Cộng sản Đông Dương xuất bản. Từ đây, mối liên lạc giữa Đảng bộ Quảng Ngãi cũng như của Ban địa phương Chấp ủy Trung Trung Kỳ với Xứ ủy Nam Kỳ lâm thời, Ban Chấp ủy liên địa phương miền Nam Đông Dương và một số tỉnh phía bắc Trung Kỳ, với cấp trên bắt đầu được khai thông.

Trên cơ sở những thuận lợi đó, Tỉnh ủy nhanh chóng củng cố, mở rộng tổ chức cơ sở đảng và các đoàn thể quần chúng. Công tác tuyên truyền, giáo dục quần chúng của Đảng bộ được đẩy mạnh. Đảng bộ phát hành báo *Dân nghèo* phổ biến các tài liệu của Ban địa phương Chấp ủy Trung Trung Kỳ do Tỉnh ủy Nghệ An cung cấp để nâng cao nhận thức chính trị cho cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng, vạch trần âm mưu và tội ác của bọn cướp nước và bè lũ tay sai bán nước, phân hóa và cô lập kẻ thù<sup>1</sup>. Nhờ đó, phong trào cách mạng trong tỉnh lại có bước phát triển mới. Công nhân và những người làm đường xe lửa tiếp tục đấu tranh chống bọn cai ký, chủ thầu đánh đập, cúp phạt, đòi tăng lương, đòi trợ cấp thuốc men khi ốm đau hay bị thương. Nông dân đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng, nhất là chống nạn phụ thu lạm bổ của bọn cường hào địa phương. Những người làm muối chống bọn Tây đoan cướp bóc.

Tháng 8-1934, tù chính trị trong nhà lao tiếp tục đấu tranh chống việc bắt tù chính trị đi xâu nặng nhọc. Phong trào sáng tác thơ ca, học tập văn hóa, chính trị, đúc kết kinh nghiệm đấu tranh được tổ chức trong các nhà lao. Toàn tỉnh lúc này có 140 đảng viên, nhiều nhất là huyện Đức Phổ.

---

1. Công văn mật số 6 ngày 29-6-1934 của Chánh Mật thám Pháp viết: Đã phát hiện được tại Quảng Ngãi một tài liệu in ở Nam Kỳ (*Chuyện tình non*), một truyền đơn in máy (dưới truyền đơn ký tên là Ban Tuyên truyền và tổ chức Nông hội tỉnh), một tờ báo *Dân nghèo*.

Chánh Mật thám Pháp cho rằng, hai tài liệu này được in trong tỉnh và những người biên tập của báo *Dân nghèo* có liên lạc với báo *Tương lai tạp chí* ở Nha Trang. Đầu tháng 5, chúng thu được những tài liệu mới như *Tạp chí Cộng sản* và *Điều lệ* của Nông hội. Dẫn theo tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Bọn thống trị phải cay đắng thừa nhận rằng: "Điều tai hại lớn nhất là cộng sản đã gây nên sự đảo lộn, đặc biệt là làm giảm uy quyền của hương lý đối với dân chúng..."<sup>1</sup>.

Cuối năm 1934, sau khi nhận được thư triệu tập của Trung ương, Ban địa phương Chấp ủy Trung Trung Kỳ được xem như Xứ ủy Trung Kỳ. Cuộc họp tại làng Thủy Thạch (xã Phổ Cường, Đức Phổ) để cử đoàn đại biểu đi dự Đại hội lần thứ nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương và thông qua báo cáo gửi Trung ương về tình hình Đảng bộ các tỉnh Trung Trung Kỳ, đồng thời xin Trung ương về chủ trương công tác sắp tới. Hội nghị cử đồng chí Nguyễn Tùng (đại biểu Quảng Ngãi) đi dự Đại hội Đảng lần thứ nhất tại Ma Cao, Trung Quốc. Nhưng vì trễ tàu, đồng chí Nguyễn Tùng không đi dự Đại hội được, phải ở lại cơ quan Tuyên huấn của Ban Chấp ủy Liên địa phương miền Nam Đông Dương để học tập, trao đổi kinh nghiệm công tác và tham dự Đại hội Đảng bộ Nam Kỳ.

Đại hội Đảng lần thứ nhất được tiến hành tại Ma Cao, Trung Quốc từ ngày 27 đến ngày 31-3-1935 đề ra ba nhiệm vụ chủ yếu của toàn Đảng trong thời gian trước mắt là: củng cố và phát triển Đảng; tranh thủ quần chúng rộng rãi; chống chiến tranh đế quốc.

Tháng 4-1935, Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương cử đồng chí Tổng Văn Trân về các tỉnh miền Trung phổ biến Nghị quyết Đại hội và tiến hành một số công tác về tổ chức.

Ngày 23-4-1935, Hội nghị đại biểu các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa được tổ chức trên một chiếc thuyền lưu động trên dòng sông Trà Câu gần

---

1. Công văn mật số 6 ngày 29-6-1934. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.



cửa biển Mỹ Á (Đức Phổ). Đồng chí Tổng Văn Trân về dự và xác nhận: Tổ chức cơ sở đảng ở các tỉnh Nam Trung Kỳ đã dần khôi phục và mở rộng; số lượng đảng viên tăng nhanh. Đức Phổ là huyện có nhiều đảng viên nhất của tỉnh Quảng Ngãi; các đoàn thể quần chúng cách mạng được xây dựng và phát triển đều khắp ở các địa phương; phong trào quần chúng ở các tỉnh đang chuyển biến mạnh.

Đồng chí Tổng Văn Trân truyền đạt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ nhất và những ý kiến chỉ đạo của Trung ương cho các đảng bộ. Hội nghị thảo luận và nhất trí đề ra những nhiệm vụ cụ thể: Ra sức củng cố, phát triển tổ chức cơ sở đảng và quần chúng đều khắp các địa phương. Chú trọng việc xây dựng cơ sở đảng trong công nhân làm đường xe lửa. Mở những lớp huấn luyện ngắn ngày đào tạo cán bộ, nâng cao trình độ chính trị cho đảng viên mới. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ quần chúng cách mạng; lưu hành trong Đảng bộ các tài liệu với tên gọi "*Chuyện tình non*" nhằm che mắt địch, nhưng nội dung lại là những nhận định về tình hình địch ta, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trong thời kỳ mới; A.B.C - tài liệu học tập chính trị phổ thông, tạp chí *Cờ đỏ*, báo *Dân cày* của Trung ương... Tiến hành thường xuyên các hình thức tuyên truyền và đấu tranh thích hợp như treo cờ Đảng, rải truyền đơn; tổ chức những cuộc mítting phát động quần chúng đấu tranh đòi giảm thuế, xâu, tô tức, đòi tăng lương, giảm giờ làm; chuẩn bị kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1-5-1935; tích cực xây dựng tài chính cho Đảng.

Hội nghị bầu Ban cán sự Trung Nam của Xứ ủy Trung Kỳ do đồng chí Phạm Xuân Hòa làm Bí thư.

Thực hiện nghị quyết của Ban cán sự Trung Nam của Xứ ủy Trung Kỳ, Tỉnh ủy lâm thời triệu tập hội nghị Tỉnh ủy mở rộng để thảo luận, quán triệt và quyết định những công tác lớn, như khăn trương tiến hành củng cố, phát triển sâu rộng tổ chức

cơ sở đảng trong toàn tỉnh, chú trọng các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành và miền núi. Chú ý vận động công nhân và quần chúng lao động đang làm đường xe lửa. Phát triển lực lượng hội viên trong các đoàn thể quần chúng nông hội, phụ nữ, thanh niên, cứu tế đỏ, hội tương tế ở những nơi có phong trào, chú ý những nơi còn yếu. Mở lớp huấn luyện ngắn ngày cho đảng viên mới, cốt cán. Xuất bản lại tờ báo *Dân cày* làm cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ tỉnh, chọn một số cán bộ trẻ đưa đi học dài ngày ở cấp trên. Vạch kế hoạch và chương trình cuộc mít tinh ngày 1-5-1935 sát hợp với điều kiện và hoàn cảnh của từng làng, xã, tổng, huyện, phủ. Bàn nội dung tuyên truyền giáo dục quần chúng, các hình thức và khẩu hiệu đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ. Bàn biện pháp để gây quỹ cho Đảng bộ.

Hội nghị củng cố lại Tỉnh ủy, đồng chí Phạm Xuân Hòa tiếp tục làm Bí thư.

Nhờ tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng, chỉ thị cụ thể của Trung ương do đồng chí Tổng Văn Trân phổ biến và các chủ trương của Tỉnh ủy, phong trào cách mạng trong tỉnh có bước phát triển mới.

Công nhân làm đường xe lửa đình công chống bọn chủ thầu đánh đập, phạt vạ, đòi tăng tiền công, ốm đau được cung cấp thuốc men. Nông dân một số nơi ở Đức Phổ, Sơn Tịnh, Mộ Đức đấu tranh đòi chia lại công điền, chống sưu cao, thuế nặng. Báo *Dân cày* - cơ quan ngôn luận của Đảng bộ tỉnh, được phát hành lại. Chi bộ làng An Thọ (xã Phổ Hòa, Đức Phổ) ra báo *Lao động* được hai kỳ. Cơ sở đảng và các tổ chức quần chúng được củng cố, phát triển thêm đảng viên và hội đoàn viên.

Kế hoạch huy động quần chúng tiến hành biểu dương lực lượng kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1-5 được triển khai ở các nơi trong tỉnh. Mọi công tác chuẩn bị sắp hoàn thành thì địch tiến hành đàn áp, truy lùng, bắt bớ đảng viên, cơ sở

cách mạng. Chúng bắt một số đồng chí tham gia Hội nghị liên tịch các tỉnh Nam Trung Kỳ, trong đó có đồng chí Tống Văn Trân. Cơ sở đảng và các tổ chức quần chúng cách mạng bị vỡ nặng. Hầu hết các đồng chí trong Tỉnh ủy, một số huyện ủy, chi ủy bị địch bắt, trong đó có cả đồng chí Phạm Xuân Hòa - Bí thư Tỉnh ủy.

Ngày 12-7-1935, địch mở phiên tòa tại tỉnh lỵ Quảng Ngãi với tên gọi Vụ án Tái tổ Đảng Cộng sản Đông Dương và kết án 44 đồng chí<sup>1</sup>. Đây là một tổn thất lớn của Đảng bộ tỉnh nhưng tại phiên tòa, các đảng viên của Đảng đã thể hiện bản lĩnh, khí phách của người cộng sản. Họ đã biến phiên tòa đế quốc thành diễn đàn lên án tội ác của chúng. Đồng chí Phạm Xuân Hòa đã

---

1. Mức kết án như sau:

- Phạm Quy, Nguyễn Tùng, Phạm Xuân Hòa, Nguyễn Lựu mỗi người 20 năm tù khổ sai, 20 năm quản thúc, tài sản bị tịch thu và bán đấu giá nộp vào quỹ nhà nước.

- Lê Phó, Huỳnh Tấu, Tạ Triên, Tô Đình Biểu mỗi người 15 năm tù, 20 năm quản thúc, tài sản bị tịch thu và bán đấu giá nộp vào quỹ nhà nước.

- Nguyễn Sanh Châu, Võ Bầm, Lê Luân, Nguyễn Du (tức Đà) mỗi người 12 năm tù, 20 năm quản thúc, tài sản bị tịch thu và bán đấu giá nộp vào quỹ nhà nước.

- Nguyễn Hạnh, Phạm Min, Phạm Sư, Lê Khoa, Nguyễn Chánh Đệ, Trần Phú, Phạm Thấy (tức Trợ), Trần Huấn mỗi người 10 năm tù, 20 năm quản thúc, tài sản bị tịch thu và bán đấu giá nộp vào quỹ nhà nước.

- Phạm Cưu, Nguyễn Sanh, Võ Đồi, Nguyễn Hiền, Phạm Chương, Trần Trợ (tức Khai) mỗi người 7 năm tù, 10 năm quản thúc.

- Trần Sum, Trần Đạt, Phạm Khánh (tức Trợ), Huỳnh Chư (tức Nghích), Nguyễn Lư (tức xã Hai), Bùi Định mỗi người 5 năm tù, 10 năm quản thúc.

Ngoài ra, hồ sơ còn ghi tòa tuyên án nhưng không ghi tên, gồm có: 2 án 4 năm tù, 4 năm quản thúc; 7 án 3 năm tù, 3 năm quản thúc; 2 án 2 năm tù, 2 năm quản thúc; 1 án 2 năm tù treo, nếu trong vòng 5 năm bị kết án mà tái phạm sẽ cộng thêm 2 năm án cũ; 45 người miễn án; 4 người không truy tố vì đã chết.

(Theo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 100-101).

thét vào mặt chúng: "Chỉ có quân cướp nước và bè lũ tay sai bán nước mới đáng xử trị, còn chúng tôi làm cách mạng là để cứu lấy non sông, giống nòi thoát cảnh nô lệ, lầm than, chỉ có công chứ không có tội tình gì hết". Nhiều đồng chí lên tiếng vạch mặt kẻ thù và đồng thanh hô to các khẩu hiệu: Hoàng Việt hình luật là gian trá! Đế quốc Pháp là quân cướp nước! Đả đảo Nam triều phong kiến tay sai bán nước!

Phiên tòa náo loạn, quan tòa hoảng sợ. Chúng ra lệnh báo động, điều thêm lính khố xanh, cảnh sát đến bao vây và áp tải các đồng chí về nhà lao. Trên đường về nhà lao, các đồng chí vừa đi vừa hô khẩu hiệu: Đả đảo đế quốc Pháp xâm lược! Đả đảo Nam triều phong kiến! Đả đảo Hoàng Việt hình luật! Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm! Việt Nam độc lập muôn năm!

Cuộc đấu tranh trước tòa án thực dân nêu cao khí thế chính nghĩa của những người cộng sản. Ảnh hưởng và uy tín của Đảng trong nhân dân lan rộng tại thị xã và toàn tỉnh khiến một số người trong bộ máy tay sai của địch cũng phải khâm phục, kính nể. Báo *Tiếng dân* của Huỳnh Thúc Kháng ở Huế đã đăng tin về cuộc đấu tranh này.

Những đồng chí bị kết án trong phiên tòa của địch ở Quảng Ngãi lần lượt bị chuyển đến các nhà lao trong nước. Nhiều đồng chí bị đi đày khổ sai.

Cuối năm 1935, một số đồng chí mãn hạn tù, bị địch đưa về quản thúc ở địa phương, trong đó có đồng chí Nguyễn Công Phương. Ban Tỉnh ủy lâm thời được xây dựng lại do đồng chí Nguyễn Công Phương làm Bí thư.

Như vậy, trong những năm 1932 - 1935, mặc dù thực dân Pháp và tay sai đàn áp khủng bố dã man, nhưng Đảng bộ Quảng Ngãi đã vượt qua mọi gian khổ, hy sinh vừa đấu tranh củng cố và bảo vệ lực lượng, vừa là trung tâm thực hiện nhiệm vụ của Xứ ủy Trung Kỳ.

Phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi thời kỳ 1932 - 1935 là sự tiếp nối liên tục các phong trào cách mạng trước đó. Đảng viên này bị địch bắt thì đảng viên khác thay thế, cấp ủy này bị địch phá vỡ thì cấp ủy khác được xây dựng, chủ động tìm bắt liên lạc với cấp trên các tỉnh bạn, giữ vững và giương cao ngọn cờ lãnh đạo của Đảng. Đảng bộ luôn duy trì, củng cố và phát triển mối liên hệ mật thiết với quần chúng nhân dân và tổ chức được những cuộc đấu tranh giành quyền lợi thiết thực hằng ngày. Điều đó chứng tỏ ở Quảng Ngãi, sau cao trào 1930 - 1931, tuy bị địch khủng bố, đàn áp dã man, phong trào có lúc bị tổn thất, nhiều cán bộ, đảng viên bị địch bắt, song không có thời gian thoái trào. Những năm 1932 - 1935, lực lượng cách mạng nhanh chóng được khôi phục, bảo vệ, giữ gìn và phát triển. Phong trào vẫn nổ ra liên tục. Tổ chức cơ sở đảng, đoàn thể quần chúng vẫn phát triển đều khắp trong tỉnh. Địch không thể nào tiêu diệt được "cái họa cộng sản" trên đất Quảng Ngãi như chúng mong muốn.

Những kết quả đã giành được trong những năm 1932 - 1935 có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Đó là cơ sở thuận lợi để Đảng bộ đưa phong trào địa phương tích cực tham gia vào cao trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương trong những năm 1936 - 1939.

## **2. Đảng bộ lãnh đạo phong trào đấu tranh chống phản động thuộc địa, chống phátxít, chống chiến tranh, đòi các quyền dân sinh, dân chủ, hòa bình (1936 - 1939)**

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 để lại nhiều hậu quả nặng nề về các mặt kinh tế, chính trị, xã hội trên toàn thế giới. Để tăng cường bóc lột nhân dân các nước thuộc địa bù đắp cho kinh tế chính quốc, bộ máy thống trị của thực dân Pháp ở Đông Dương thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân Đông Dương, tăng cường vơ vét của cải vật chất, bắt phu, bắt lính.

Trong khi đó, phe trục phátxít Đức - Ý - Nhật ráo riết chuẩn bị chiến tranh, chia lại thị trường thế giới, chiếm một số nước lân cận. Nguy cơ chiến tranh thế giới ngày càng rõ nét.

Trước tình hình đó, Quốc tế Cộng sản tổ chức Đại hội lần thứ VII từ ngày 25-7 đến ngày 20-8-1935 tại Mátxcova. Đại hội vạch rõ kẻ thù trước mắt của nhân dân thế giới lúc này là chủ nghĩa phátxít; nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân là đấu tranh chống chủ nghĩa phátxít, chống chiến tranh, đòi dân sinh, dân chủ và hòa bình, bảo vệ Liên Xô.

Đối với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, Đại hội chỉ rõ: Do tình hình thế giới và trong nước thay đổi, nên vấn đề mặt trận thống nhất chống đế quốc có một tầm quan trọng đặc biệt.

Tháng 01-1936, Mặt trận Nhân dân Pháp được thành lập có sự tham gia của Đảng Cộng sản Pháp. Mặt trận Nhân dân Pháp giành thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử tháng 4-1936 và lên cầm quyền vào tháng 6-1936. Phong trào đấu tranh chống phátxít của nhân dân Pháp ngày càng dâng cao. Chính phủ Pháp ban hành một số quyền lợi cho quần chúng lao động trong nước và thuộc địa theo Cương lĩnh của Mặt trận Nhân dân đề ra.

Đối với các nước thuộc địa, Cương lĩnh của Mặt trận Nhân dân Pháp nêu việc thành lập phái đoàn của Quốc hội Pháp điều tra tình hình các nước thuộc địa, đặc biệt là Bắc Phi và Đông Dương, ân xá cho tù chính trị, ban hành các quyền tự do dân chủ, quyền tự do nghiệp đoàn, cải thiện điều kiện làm việc cho giới lao động...

Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, cùng với phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp và việc Mặt trận Nhân dân Pháp lên nắm chính quyền tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào đấu tranh của nhân dân Đông Dương.

Tháng 7-1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Thượng Hải (Trung Quốc) dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Hồng Phong, Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, Tổng Bí thư

của Đảng. Hội nghị quyết định tạm thời chưa nêu khẩu hiệu đánh đổ thực dân Pháp và giai cấp địa chủ, giành độc lập và ruộng đất cho dân cày, mặc dù nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và phong kiến không hề thay đổi. Hội nghị nêu rõ: Mục tiêu trước mắt của Đảng và Nhân dân ta lúc này là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phátxít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Kẻ thù chủ yếu trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai. Hội nghị nêu khẩu hiệu ủng hộ Mặt trận Nhân dân Pháp, ủng hộ Chính phủ phái tả ở Pháp và quyết định thành lập Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương (đến năm 1938 đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương), bao gồm các giai cấp, đảng phái, dân tộc, đoàn thể chính trị xã hội và tôn giáo khác nhau. Hội nghị chủ trương chuyển hình thức tổ chức bí mật không hợp pháp sang hình thức tổ chức công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp nhằm tập hợp và hướng dẫn quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao, thông qua đó giáo dục, phát triển phong trào cách mạng<sup>1</sup>.

Hội nghị tháng 7-1936 có ý nghĩa lịch sử rất quan trọng, nêu rõ tình hình, nhiệm vụ, mục tiêu trước mắt cũng như các hình thức tổ chức và đấu tranh để tiến hành củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng, tập hợp và mở rộng hơn nữa Mặt trận Dân tộc thống nhất, đưa phong trào đấu tranh cách mạng của Nhân dân ta lên một bước mới.

Tại Quảng Ngãi, chính sách vơ vét, bóc lột thậm tệ của thực dân Pháp và tay sai, cộng với thiên tai dồn dập làm cho đời sống của nhân dân trong tỉnh, nhất là nhân dân lao động càng thêm khổ cực. Ngoài việc bóc lột bằng thuế sâu, tô tức nặng nề với nông dân, thực dân còn đánh đập, cúp phạt, gian lận đối với

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr. 326.

công nhân, mua chuộc, lợi dụng một số người trong tầng lớp tiểu tư sản để chia rẽ hàng ngũ quần chúng cách mạng. Bọn tởrốtkit trong tỉnh cũng bắt đầu hoạt động mạnh.

Từ cuối năm 1935, Tỉnh ủy lâm thời cử người vào các tỉnh phía Nam để tìm bắt liên lạc với cấp trên. Hệ thống tổ chức đảng trong tỉnh dần dần được khôi phục. Các tổ chức quần chúng hợp pháp như Hội tương tế, Hội trợ táng, Tổ đọc sách báo được tổ chức và hoạt động ở một số nơi. Cơ quan thường trực bí mật của Tỉnh ủy được xây dựng ở thị xã Quảng Ngãi để kịp thời làm đầu mối liên lạc và chỉ đạo phong trào cách mạng.

Đầu năm 1936, tổ chức cơ sở đảng, tổ chức quần chúng cách mạng và các tổ chức hợp pháp có ở khắp nơi, nhất là các Tổ đọc sách báo, từ nhóm đầu tiên ở làng Hòa Vinh (xã Hành Phước, Nghĩa Hành) lan sang Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, từ Tín Thành thư quán ở thị xã Quảng Ngãi đến Tín Thành thư xã ở phía nam tỉnh. Đảng bộ mua nhiều sách, báo có nội dung tiến bộ phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Các đồng chí ở thị xã cho ra đời nhóm Bút Đỏ hoạt động cùng với Tín Thành thư quán. Nhân dân làng Hòa Vinh (xã Hành Phước, Nghĩa Hành) đấu tranh chống bọn cường hào đục khoét tiền của của nhân dân.

Nhân Ngày Quốc tế Lao động 1-5-1936, Tỉnh ủy tổ chức treo cờ đỏ búa liềm và rải truyền đơn ở nhiều nơi trong thị xã và huyện Bình Sơn.

Thắng lợi của Mặt trận Nhân dân Pháp buộc thực dân Pháp ở các nước thuộc địa phải thả nhiều tù chính trị. Địch đưa đồng chí Phạm Văn Đồng từ Nhà lao Côn Đảo về quản thúc tại quê nhà. Tại đây, đồng chí bắt liên lạc với Tỉnh ủy, phổ biến tình hình và đường lối mới, tham gia viết bài cho tờ *Tạp chí Đỏ* của Đảng bộ như: "Tình hình quốc tế và sự chỉ đạo chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương"; "Những đảng viên cộng sản và những người dân chủ phải làm gì?", "Bộ mặt thật của bọn tởrốtkit",



"A.B đoàn"; đồng thời trao mật hiệu và hướng dẫn Tỉnh ủy bắt liên lạc với Xứ ủy Trung Kỳ nhận chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

Tháng 7-1936, Tỉnh ủy họp tại nhà đồng chí Nguyễn Công Phương và chủ trương lập Ban liên lạc chính trị phạm để thẩm tra lại cán bộ, đảng viên cũ và mới kết nạp trong những năm 1932 - 1935 chưa bị địch bắt, cầm tù; tiếp tục phát triển đảng viên mới; tiến hành thống nhất tổ chức đảng từ cơ sở đến huyện, tỉnh. Tỉnh ủy chia làm hai bộ phận: bộ phận chuyên trách công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể quần chúng và bộ phận chuyên trách lãnh đạo các tổ chức cách mạng, đấu tranh với địch đòi các quyền dân sinh, dân chủ bằng nhiều hình thức thích hợp, vận động nhân dân quyên góp tiền cứu tế cho các đồng chí ở nhà lao và những gia đình lâm nạn. Song song với công tác củng cố các tổ chức Công hội, Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ bí mật làm nòng cốt, phải tích cực đẩy mạnh phát triển các hình thức tổ chức quần chúng hợp pháp, nửa hợp pháp một cách rộng rãi cả ở nông thôn, thị trấn, thị xã, nhà ga, bến ô tô... Lợi dụng triệt để những xu thế của phong trào do Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp tạo ra để đẩy mạnh đấu tranh công khai hợp pháp, như thu thập dân nguyện, đòi mở Đông Dương đại hội, đòi tự do dân chủ, cải thiện đời sống cho nhân dân... Dựa vào sách, báo công khai của Đảng, soạn thảo những tài liệu tuyên truyền giáo dục sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng và chủ nghĩa Mác - Lênin cho cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng. Tích cực tìm bắt liên lạc với các tỉnh bạn và cấp trên. Về phương châm hoạt động, phải lấy công khai che giấu bí mật và lấy bí mật lãnh đạo thúc đẩy công khai, lấy kinh tế che giấu chính trị, lấy hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp che giấu không hợp pháp hoặc tùy từng lúc, từng nơi mà sử dụng linh hoạt kết hợp các hình thức đấu tranh đó cho thích hợp.

Tháng 8-1936, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp quyết định cho nhân dân Đông Dương được tự do đề đạt nguyện vọng trong vòng trật tự và pháp luật. Trong thời gian này, tại Nam Kỳ và Trung Kỳ nổi lên nhiều hoạt động của đông đảo các tầng lớp nhân dân đòi mở Đông Dương Đại hội.

Ngày 13-8-1936, Ủy ban trụ bị Đông Dương Đại hội được thành lập ở Nam Kỳ. Tại Trung Kỳ, một cuộc họp gần 500 đại biểu các giới trong nhân dân các tỉnh Trung Kỳ, trong đó nòng cốt là các chiến sĩ cộng sản và những người có cảm tình với cách mạng được tiến hành ngày 20-9-1936 tại Viện Dân biểu ở Huế để cử ra Ủy ban lâm thời chi nhánh Trung Kỳ Đông Dương Đại hội, gồm 26 người. Các tổ chức này xúc tiến các mặt công tác, cử người về các tỉnh hoạt động, tạo ảnh hưởng lớn khắp các tỉnh.

Thi hành các quyết định của Hội nghị Tỉnh ủy và hưởng ứng phong trào Đông Dương Đại hội, Đảng bộ cử đồng chí Nguyễn Chánh vào Nam để bắt liên lạc với các đồng chí ở Nam Kỳ; đồng chí Trần Long ra Huế để bắt liên lạc với các đồng chí trong Xứ ủy, liên lạc với Ban Biên tập báo *Sông Hương* - tờ báo công khai của Xứ ủy Trung Kỳ. Đồng chí Nguyễn Chánh vào Nam Kỳ liên lạc được với các đồng chí đang hoạt động công khai trong Ban trụ bị Đông Dương Đại hội, nhận cuốn sách *Mặt trận Nhân dân Pháp với nguyện vọng của dân chúng Đông Dương* và nhiều nội dung về Đông Dương Đại hội đem về.

Lúc này, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy tích cực áp dụng nhiều hình thức, biện pháp công tác nhằm đẩy mạnh phong trào cách mạng địa phương lên bước phát triển mới.

Đầu tháng 9-1936, hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban lâm thời chi nhánh Trung Kỳ Đông Dương Đại hội, Tỉnh ủy mời một số chính trị phạm các huyện về họp ở Thiết Trường (thị trấn Mộ Đức) bàn việc phát động phong trào Đông Dương Đại hội trong tỉnh. Giữa lúc công việc đang tiến hành sôi nổi, khẩn trương

thì ngày 15-9-1936, chính quyền thực dân ở thuộc địa ký lệnh giải tán Ủy ban hành động, tịch thu các báo cổ động cho Đông Dương Đại hội và đàn áp phong trào bằng nhiều hình thức như khám xét nhà, bắt giam các đại biểu cộng sản hoặc có cảm tình với Ủy ban trừ bị Đông Dương Đại hội.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương tạm ngừng cuộc vận động Đông Dương Đại hội nhằm giữ cho phong trào trong tỉnh không lâm vào thế bất hợp pháp.

Ngày 28-11-1936, Tỉnh ủy triệu tập một số đảng viên cũ họp tại chùa Thiên Ân (Sơn Tịnh) nhân ngày lễ Hạ nguyên để trao đổi tình hình, nhiệm vụ mới và lập ra Ban liên lạc chính trị phạm của tỉnh. Thông qua Ban liên lạc chính trị phạm, Tỉnh ủy nắm lại tình hình đảng viên cũ, củng cố lại hệ thống tổ chức đảng của Đảng bộ, lập ra một bộ phận hoạt động công khai nhằm tiến tới thành lập Mặt trận Dân chủ tỉnh. Cùng với công tác củng cố tổ chức, công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng được Đảng bộ lãnh đạo thực hiện có kết quả. Tỉnh ủy soạn thảo tài liệu *Kiên cố Đảng*<sup>1</sup>, sao chép Điều lệ Đảng<sup>2</sup>, ra *Tạp chí Đỏ*<sup>3</sup> lưu hành nội bộ, lập ra các tổ, nhóm đọc sách, báo làm cơ sở cho Tín Thành thư quán. Nhờ đó, những chủ trương, tin tức của Đảng được đăng tải trên sách, báo công khai, phổ biến kịp thời cho đông đảo đảng viên và quần chúng.

---

1. *Kiên cố Đảng* là tài liệu xây dựng Đảng về mặt tư tưởng và tổ chức do đồng chí Nguyễn Công Phương biên soạn sau khi ra tù vào cuối năm 1935. Năm 1940, Xứ ủy Trung Kỳ duyệt và cho xuất bản.

2. Điều lệ Đảng được biên soạn theo trí nhớ của nhiều đồng chí. Tuy chưa đầy đủ và đúng như Điều lệ nhưng không có sai sót lớn, giúp cho việc giáo dục đảng viên, xét kết nạp đảng viên,...

3. *Tạp chí Đỏ* đặt tại Trường An (xã Ba Động, Ba Tơ), xuất bản mỗi tháng một số, ra mắt vào tháng 9-1936, xuất bản đến số thứ ba thì bị lộ và phải đình bản.

Các hình thức tổ chức hợp pháp như Hội trợ táng, Hội tương tế, đoàn cây, tát nước... ở nông thôn, các đội bóng đá, các hội ái hữu trong thợ may, buôn bán nhỏ ở các chợ thị trấn, thị xã được củng cố và thành lập nhằm tập hợp và đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng.

Đồng chí Phan Đăng Lưu, đại diện Xứ ủy Trung Kỳ từ Huế về Nghĩa Hành gặp đồng chí Nguyễn Công Phương trao đổi nhiều chủ trương mới. Sau đó, Tỉnh ủy cử người ra bắt liên lạc với Xứ ủy Trung Kỳ. Đồng chí Phan Đăng Lưu trực tiếp truyền đạt những chủ trương của Trung ương Đảng trong tình hình mới, những công việc cần kíp mà các đảng bộ miền Trung cần làm, đồng thời giới thiệu những cơ sở tốt của các tỉnh bạn để Tỉnh ủy Quảng Ngãi tìm bắt liên lạc chuẩn bị hình thành Ban cán sự liên tỉnh mới ở Nam Trung Kỳ. Trước việc phái bộ Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp, do Guýttxanh Gôđa dẫn đầu sắp sang Đông Dương điều tra tình hình và tổ chức thu thập nguyện vọng của nhân dân Đông Dương, Xứ ủy chỉ thị cho Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức đón tiếp Gôđa và đưa dân nguyện cho Chính phủ Pháp, thông qua cuộc huy động quần chúng trong cuộc đón tiếp này để đưa phong trào đấu tranh công khai trong toàn tỉnh tiến lên những bước mới.

Quán triệt chủ trương của Trung ương và Xứ ủy, Tỉnh ủy vạch kế hoạch hành động, chuẩn bị các điều kiện phát triển quần chúng tiến hành đấu tranh rộng lớn với các khẩu hiệu: "Ủng hộ Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp, chống bọn phátxít và bọn phản động thuộc địa!", "Cải thiện đời sống nhân dân!", "Tự do đi lại, tự do báo chí, tự do nghiệp đoàn!", "Bãi bỏ các thứ thuế vô lý, các thứ phụ thu ngoại ngạch, không hợp lý!", "Thả hết tù chính trị và xóa bỏ án quản thúc đối với chính trị phạm!", "Cải thiện đời sống sinh hoạt của tù nhân trong các nhà tù!",...

Cuối năm 1936, Tỉnh ủy được củng cố, đồng chí Phạm Trung Mưu được cử làm Bí thư Tỉnh ủy. Để tiếp tục làm nhiệm vụ

kết nối phong trào cách mạng các tỉnh Nam Trung Kỳ, đồng chí Phạm Trung Mưu được chỉ định làm Bí thư liên tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.

Tỉnh ủy thành lập Ban đón tiếp Gôđa gồm một số cán bộ, đảng viên cốt cán và nhân sĩ trí thức trong tỉnh như: Phạm Viết My, Nguyễn Tín... Cụ Trần Kỳ Phong - cựu chính trị phạm, nhân sĩ trí thức, người có nhiều uy tín trong các tầng lớp nhân dân được cử làm trưởng ban.

Các mặt công tác được xúc tiến khá khẩn trương theo đúng kế hoạch của Tỉnh ủy. Các địa phương trong tỉnh tiến hành vận động, thu thập dân nguyện và phát động cao trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ; đồng thời đấu tranh chống lại những quan điểm tả khuynh của bọn tởrótkit. Các cán bộ, đảng viên còn thuyết phục các nghị viên dân biểu tuyên truyền kêu gọi nhân dân hưởng ứng các cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, đòi cải thiện đời sống, giảm sưu cao, thuế nặng. Bọn tởrótkit bị vạch mặt, cô lập và phân hóa.

Trước phong trào đấu tranh của quần chúng đòi dân sinh, dân chủ đang diễn ra sôi nổi và mạnh mẽ, thực dân Pháp theo lệnh của Khâm sứ Trung Kỳ ra lệnh cấm hội họp, cấm biểu tình, mítting, cấm lấy dân nguyện và đón tiếp Gôđa. Tỉnh ủy chỉ đạo Ban đón tiếp Gôđa cử người ra Huế, đòi Khâm sứ Trung Kỳ hoặc chính quyền địa phương phải để cho nhân dân Quảng Ngãi chuẩn bị việc đón tiếp phái bộ của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp. Khâm sứ Trung Kỳ phải chấp nhận yêu cầu đó. Tuy nhiên, chính quyền thực dân ở Quảng Ngãi tìm mọi cách cản trở, hù dọa, ngăn chặn, phá hoại các cuộc chuẩn bị đón tiếp Gôđa và các cuộc đấu tranh của quần chúng.

Tuy gặp nhiều trở ngại, khó khăn, nhưng các công việc chuẩn bị đấu tranh, đón tiếp phái đoàn Gôđa được chuẩn bị khá

chu đáo, diễn ra ngoài ý muốn của địch và là bất ngờ lớn đối với bọn cầm quyền ở tỉnh.

Ngày 01-3-1937, gần 3 vạn quần chúng từ khắp các vùng miền núi, đồng bằng, thị trấn, từ Dốc Sỏi đến đèo Bình Đê, hàng ngũ chỉnh tề, giương cao băng cờ, khẩu hiệu kéo về thị xã. Đoàn đại biểu đón tiếp, do cụ Trần Kỳ Phong làm trưởng đoàn, đưa yêu sách có hàng vạn chữ ký của quần chúng cho Gôđa trước sự tức tối của nhà cầm quyền Pháp và bọn tay sai Nam triều.

Cuộc biểu dương lực lượng đón phái đoàn Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp giành thắng lợi có ảnh hưởng sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

Bọn cầm quyền Pháp và tay sai bắt giam các đồng chí Trần Khuy (tức Trần Nam Trung), Phạm Viêt My và 6 người khác, ra lệnh giải tán Tín Thành thư quán, cấm lưu hành các báo chí cách mạng. Chính quyền thực dân còn lôi kéo một số phần tử đội lốt tôn giáo, lập ra Hội Phật học, đưa tên Livécxê - chánh mật thám Quảng Ngãi làm chủ tịch danh dự.

Bọn tởrốtkít cũng nhân cơ hội này tuyên truyền xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng ta, phá hoại phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của Nhân dân.

Để tiếp tục đẩy mạnh phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị cán bộ mở rộng ngày 13-6-1937 tại một địa điểm gần ga Ông Bó, thị xã Quảng Ngãi nhằm kiểm điểm tình hình và đề ra một số chủ trương mới: Kiên quyết đấu tranh chống bọn A.B đoàn, bọn tởrốtkít, bọn quốc gia giả hiệu... Đấu tranh chống những biểu hiện "tả" và "hữu" khuynh trong nội bộ Đảng, tích cực củng cố Đảng bộ. Củng cố và phát triển các tổ chức bí mật và bán hợp pháp, hợp pháp với phương châm: "lấy bí mật thúc đẩy công khai, lấy công khai che giấu bí mật"; đẩy mạnh đấu tranh đòi quyền

lợi chính trị và kinh tế, nhất là đòi chia lại ruộng đất công. Chuẩn bị mở Đại hội Đảng bộ tỉnh.

Sau hội nghị, Tỉnh ủy được củng cố và tăng cường thêm. Về tổ chức, Tỉnh ủy chia làm hai bộ phận: Bộ phận phụ trách công tác bí mật và bộ phận phụ trách công tác công khai. Bộ phận phụ trách công tác bí mật tham gia vào Ủy ban vận động dân chủ để lãnh đạo phong trào công khai. Bộ phận phụ trách công khai dựa vào sách, báo công khai của Đảng để giáo dục, nâng cao sự hiểu biết của đông đảo quần chúng, cán bộ, đảng viên về tình hình và nhiệm vụ mới của Đảng, chủ trương và kế hoạch của Đảng bộ đề ra trong Hội nghị Tỉnh ủy.

Đêm ngày 04 rạng ngày 05-6-1937 tại trung tâm tỉnh lỵ diễn ra cuộc biểu dương lực lượng, thu hút đông đảo quần chúng tham gia đón và đưa yêu sách cho Toàn quyền Bô-rê-viê đòi thả các đại biểu của nhân dân bị nhà cầm quyền bắt giam.

Tháng 7-1937, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị đại biểu bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Đồng chí Nguyễn Trí - Ủy viên Xứ ủy Trung Kỳ được cử làm Bí thư<sup>1</sup>. Các đồng chí Trần Long, Nguyễn Chánh, Trần Huy, Nguyễn Công Phương, Nguyễn Cát... được cử làm ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Đồng chí Trần Huy được giao trách nhiệm tìm bắt liên lạc với Xứ ủy, đồng chí Nguyễn Chánh được phân công phụ trách bộ phận công tác công khai.

Tháng 8-1937, thi hành chỉ thị của cấp trên, Tỉnh ủy vận động ba nhân sĩ có cảm tình với Đảng là Võ Hàng (Bình Sơn), Võ Đình Thụy (Tur Nghĩa) và Trần Thường (Đức Phổ) ứng cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ. Ba đại biểu được quần chúng tín

---

1. Cùng thời điểm này, đồng chí Nguyễn Trí được cử làm Bí thư liên tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.

nhiệm bầu vào Nghị viện khóa 1937 - 1941. Tỉnh ủy cử cán bộ gặp từng vị dân biểu vận động họ tranh thủ đi các địa phương để thu thập "dân nguyện" làm cơ sở đấu tranh, buộc địch thực hiện một số yêu sách trước mắt như: Giảm thuế, bớt sưu, đòi tự do đi lại, hội họp. Tại cuộc họp Viện Dân biểu, ngày 16-9-1938, các dân biểu Quảng Ngãi bỏ phiếu chống các dự án tăng thuế thân và thuế điền thổ của Khâm sứ Trung Kỳ.

Song song với việc giáo dục tư tưởng, công tác xây dựng, mở rộng, phát triển các tổ chức nghề nghiệp như hội trợ táng, nhóm thể thao, nhóm đọc sách báo, nhóm đi củi, đoàn cày, đoàn cấy, đoàn gặt, đập lúa, các tổ vòng công, đôi công, hội đồng canh, hội bảo trợ tù chính trị tiếp tục phát triển, giữ vững sinh hoạt.

Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Nông hội, Công hội (sau đổi thành Hội ái hữu và nghiệp đoàn) ở nông thôn và thị trấn, thị xã cũng được phát triển và bố trí đảng viên làm nòng cốt trong việc giáo dục chính trị, hướng dẫn nhân dân đấu tranh. Hội ái hữu thợ may, hội đoàn kết tương trợ trong thợ hồ, thợ mộc ở thị xã hoạt động khá mạnh. Hội ái hữu thợ may có các đồng chí Trương Quang Giao, Bùi Định, Trần Xương tham gia vào ban trị sự.

Những cuộc đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng; chống bao chiếm, bao tá; chống bọn cường hào, hương lý; cướp giật ruộng công, đòi chia lại công điền, đòi nâng tiền công cày, công cấy, công gặt, công tát nước của nông dân diễn ra ở hầu khắp các vùng nông thôn, mang lại những kết quả thiết thực. Ở những nơi có nhiều ruộng công điền tập trung như Nghĩa Hành, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, nông dân trực tiếp đấu tranh với hương lý đòi chia lại công điền công bằng và hợp lý theo nguyên tắc bắt thăm "xấu bù tốt, xa bù gần và bù gấp đôi"; đối với ruộng công, trước đây dùng làm quỹ hương dụng quá nhiều, nay chỉ giữ lại



một ít, số còn lại phải đem bán đấu giá. Nông dân ở Thi Phổ Nhi (xã Đức Thạnh, Mộ Đức), Hành Phước (Nghĩa Hành), Phước Lộc (xã Tịnh Sơn, Sơn Tịnh), Nghĩa Thắng (Tur Nghĩa) có những cuộc đấu tranh quyết liệt làm cho bọn tổng lý không thể nào giải quyết nổi, phải báo về tỉnh trực tiếp giải quyết.

Cùng với phong trào đấu tranh của nông dân, những cuộc đấu tranh của công nhân, thợ thủ công, thợ may, thợ cắt tóc, thợ mộc cũng diễn ra sôi nổi. Chị em tiểu thương đấu tranh đòi giảm thuế môn bài, thuế chỗ ngồi theo giá quy định. Những cuộc đấu tranh chống bọn tây đoan, kiểm lâm bắt thuốc, rượu, gỗ, lính tráng hà hiếp quần chúng cũng liên tục diễn ra.

Thông qua phong trào đấu tranh công khai của các tầng lớp nhân dân, những phần tử tích cực trong phong trào đã xuất hiện nhiều. Các tổ chức quần chúng cách mạng như Đoàn Thanh niên dân chủ, Hội Phụ nữ tân tiến, Hội Nông dân tương tế phát triển. Các hội biến tướng ái hữu, vòng công, tương tế được củng cố và có ảnh hưởng tốt trong các tầng lớp nhân dân, làm chỗ dựa cho quần chúng.

Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng cũng được phát triển và củng cố. Đến cuối năm 1937, nhiều làng, xã có chi bộ ghép hoặc chi bộ độc lập, toàn tỉnh có trên 280 đảng viên.

Tháng 3-1938, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp nhận định tình hình và đề ra nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng là thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Mặt trận cần phải liên lạc với các đảng phái, các nhóm người Pháp ở Đông Dương tán thành cải cách để thương lượng thực hiện sự liên hiệp hành động trong mục tiêu chống phátxít, chống chiến tranh, đòi dân chủ, cơm áo, hòa bình.

Lúc này Tỉnh ủy bắt liên lạc được với Xứ ủy và tổ chức Hội nghị trong một chiếc thuyền trên sông Trà Khúc. Đại diện Xứ ủy Trung Kỳ có đồng chí Bùi San tham dự. Hội nghị đánh giá

tình hình từ khi có chủ trương mới của Trung ương và khẳng định: Đảng bộ tỉnh giành được một số kết quả trên các mặt lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành những quyền lợi thiết thực, phát triển được phong trào công khai, huy động được đông đảo quần chúng tham gia đón tiếp Gôđa, Toàn quyền Bờrêviê..., đấu tranh đánh bại được tư tưởng phản động của bọn tởrốtkit, các hoạt động lợi dụng tôn giáo để ru ngủ quần chúng, tạo ra được sự nhất trí về tư tưởng, tổ chức và hành động, đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng bộ đối với phong trào cách mạng trong tỉnh.

Đồng thời, Hội nghị cũng nêu ra những nhược điểm, khuyết điểm cần khắc phục là chưa chú ý đúng mức đến công tác vận động đồng bào các dân tộc miền núi cũng như công nhân làm đường xe lửa, một số đảng viên chỉ thích hoạt động công khai, hợp pháp, coi nhẹ công tác bí mật, xây dựng tổ chức đảng... Hội nghị thảo luận những chủ trương mới do đại diện Xứ ủy truyền đạt, đề ra một số công tác, biện pháp tiến hành nhằm khắc phục các khuyết, điểm vừa qua để đẩy mạnh phong trào, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Hội nghị bầu đồng chí Nguyễn Thành Nghi làm Bí thư. Ban liên tỉnh được củng cố gồm các đồng chí: Nguyễn Thành Nghi - Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Nguyễn Chánh, Nguyễn Văn và một số đồng chí khác. Đồng chí Nguyễn Chánh được cử làm Bí thư liên tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.

Ban liên tỉnh lấy hiệu may Tiến Hóa ở thị xã Quy Nhơn (Bình Định) làm trụ sở để chỉ đạo ba tỉnh, đồng thời lập quán cơm bình dân ở thị xã Quảng Ngãi làm nơi liên lạc, ăn, ở cho cán bộ liên tỉnh hoạt động.

Cuối những năm 30 của thế kỷ XX, Chiến tranh thế giới thứ hai có nguy cơ bùng nổ ở châu Âu. Quân phiệt Nhật đánh

chiếm Trung Quốc, trực tiếp uy hiếp bán đảo Đông Dương. Lợi dụng tình hình đó, thực dân Pháp tăng cường đàn áp phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ, cơm áo, hòa bình, ra sức vơ vét sức người, sức của ở các nước thuộc địa bằng các thủ đoạn như tăng thuế, lạc quyền, quốc trái, bắt lính, bắt phu... để phục vụ chiến tranh. Chúng ngăn cấm không cho công dân lập các tổ chức nghiệp đoàn, ái hữu; theo dõi kiểm soát chặt chẽ những người tham gia đấu tranh, truy lùng, khủng bố cơ sở đảng và quần chúng cách mạng.

Từ tháng 6-1937, Chính phủ Pháp từ tả ngả sang hữu. Giữa năm 1938, Chính phủ Pháp lộ rõ bộ mặt phản động, tăng cường đàn áp các lực lượng dân chủ trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa.

Trước tình hình đó, Xứ ủy Trung Kỳ chỉ đạo và hướng dẫn các đảng bộ tiến hành một số hoạt động mới.

Tháng 6-1938, Tỉnh ủy triệu tập hội nghị cán bộ mở rộng địa điểm bên bờ sông Vệ để kiểm điểm các mặt công tác vừa qua và đề ra kế hoạch tiến hành đợt đấu tranh mới. Hội nghị quyết định phát động đợt đấu tranh chống chính sách vơ vét của địch, chống chiến tranh phátxít, đòi thực hiện quyền tự do dân chủ của nhân dân theo các khẩu hiệu: Phản đối thuế mới của thực dân Pháp! Thi hành chính sách thuế cũ của Viện Dân biểu Trung Kỳ; Ban bố các quyền tự do dân chủ cho nhân dân; Toàn xá chính trị phạm; Phòng thủ Đông Dương, chống phátxít Nhật gây chiến; Ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc; Ủng hộ Liên bang Xôviết; Tiếp tục củng cố và phát triển các hình thức tổ chức quần chúng, nhất là các hình thức biến tướng như các hội tương tế, trợ táng, cày, cấy, lợp nhà, tát nước, làm bờ xe, phường hội buôn, tổ đọc sách báo... nhằm tập hợp quần chúng đông đảo, rộng rãi hơn nữa; Tăng cường lực lượng cách

mạng, đấu tranh chống địch và thực hiện tinh thần đoàn kết tương thân, tương ái, giúp nhau trong đời sống hằng ngày.

Hội nghị còn đề ra nhiều biện pháp nhằm kiên quyết đấu tranh loại trừ ảnh hưởng của bọn tò rốtkít khỏi các tổ chức và hoạt động của quần chúng do Đảng lãnh đạo; ra sức tranh thủ lôi kéo tầng lớp trên, nhất là các dân biểu cùng tham gia đấu tranh trên mặt trận công khai hợp pháp đòi tự do, dân chủ, bảo vệ hòa bình.

Về công tác xây dựng Đảng, Hội nghị nêu rõ là phải kiên quyết đấu tranh khắc phục các biểu hiện chạy theo tổ chức và hoạt động công khai hợp pháp, thỏa mãn với các thành tích đạt được; hoặc bảo thủ, rụt rè, không dám lãnh đạo quần chúng đấu tranh, ngại địch khủng bố; đồng thời, cần phải đấu tranh chống lại các hành động quá tả, làm cho địch có thể lấy cớ đánh phá phong trào cách mạng và cơ sở đảng; ra sức củng cố và phát triển Đảng đi vào chiều sâu, hoạt động bí mật, đề phòng bọn mật thám, A.B đoàn chui vào tổ chức phá hoại nội bộ.

Thực hiện nghị quyết của hội nghị, nhiều hình thức tổ chức tập hợp quần chúng để trao đổi, bàn bạc, vạch trần âm mưu, thủ đoạn của địch như hội họp, mítting diễn ra ở nhiều nơi.

Cuộc vận động rộng rãi các tầng lớp nhân dân ký vào bản yêu sách đòi thực hiện phòng thủ Đông Dương, đòi thi hành chính sách thuế của Viện Dân biểu Trung Kỳ, đòi hủy bỏ việc tăng thuế được tổ chức với hàng vạn chữ ký của nhân dân. Đảng bộ cử người mang bản yêu sách ra Huế tham gia vào cuộc đấu tranh nhân cuộc họp hằng năm của Viện Dân biểu Trung Kỳ.

Nhiều cuộc mítting, biểu tình với quy mô khá lớn diễn ra. Ngày 03-02-1939, hơn 1.000 quần chúng vùng đông Sơn Tĩnh

giương cao cờ, khẩu hiệu biểu tình kéo về huyện lỵ. Đoàn vừa đến chân núi Thiên Ân thì bị một toán lính gồm 30 tên lính khố xanh do viên quan một Pháp chỉ huy từ thị xã Quảng Ngãi kéo sang đàn áp. Đoàn biểu tình vẫn giương cao cờ, biểu ngữ và hô vang các khẩu hiệu. Đồng chí Trương Quang Giao đến trước mặt viên quan một Pháp nói rõ nguyện vọng của nhân dân và đưa yêu sách. Lo sợ ảnh hưởng của cuộc biểu tình lan rộng, chúng nhận yêu sách và mời đồng chí Trương Quang Giao về huyện, đề nghị nhân dân giải tán, yêu sách sẽ giải quyết sau. Đoàn biểu tình giữ nguyên đội hình quay về Châu Sa (Tịnh Châu). Nhân lúc chợ còn đông người, đồng chí Cao Kế đứng lên bục cao diễn thuyết, nói rõ nội dung các yêu sách của nhân dân mà thực dân Pháp đã nhận và hứa giải quyết. Quần chúng trong chợ và xung quanh hoan hô mừng thắng lợi.

Trước sức mạnh của quần chúng, bọn thống trị không dám đàn áp, nhưng ngay đêm hôm ấy, chúng lùng bắt một số đồng chí trong ban chỉ huy cuộc biểu tình, trong đó có đồng chí Trương Quang Giao. Yêu sách cuộc biểu tình của quần chúng ở Sơn Tịnh chẳng những không được giải quyết mà còn bị địch đàn áp, bắt bớ, truy lùng những người yêu nước, gây căng thẳng khắp huyện Sơn Tịnh và nhiều nơi khác.

Đứng trước tình hình đó, Tỉnh ủy phân công đồng chí Trần Quý Hai ra Bình Sơn cùng với Đảng bộ ở đây chỉ đạo quần chúng tiếp tục đấu tranh.

Ngày 25-02-1939, nhân dân Châu Me (xã Bình Châu, Bình Sơn) và An Vĩnh, An Kỳ, Kỳ Xuyên, Tư Cung Nam, Tư Cung Bắc, Mỹ Khê Tây, Diêm Điền... (Sơn Tịnh), dưới hình thức đi xem hát bội ban ngày tại Châu Me do đồng chí Bùi Ghé chỉ huy, tổ chức một cuộc mítting ngay tại đình làng. Sau khi chỉnh đốn tổ chức và nêu rõ mục đích của cuộc đấu tranh, đoàn

biểu tình kéo về phủ lý Bình Sơn, vừa đi được 1 km thì bị bọn lính ở đồn Châu Me chặn lại đàn áp và bắt đồng chí Bùi Ghé cùng với một số người khác.

Hưởng ứng sáng kiến của Mặt trận Dân chủ Đông Dương và Chi nhánh Đảng Xã hội Pháp ở miền Bắc Đông Dương, Tỉnh ủy tổ chức nhiều cuộc mít tinh phản đối phátxít Nhật xâm lược Trung Quốc, vận động quyên góp tiền và hiện vật giúp nhân dân Trung Quốc kháng chiến chống Nhật, với khẩu hiệu "Giúp nhân dân Trung Quốc chống Nhật là phòng thủ Đông Dương!".

Thi hành chỉ thị của Xứ ủy, nhân dịp kỷ niệm 150 năm Cách mạng tư sản Pháp (14-7-1789 - 14-7-1939), Tỉnh ủy chủ trương huy động đông đảo quần chúng toàn tỉnh kéo về tỉnh lý đấu tranh, biến ngày vui chơi của địch thành ngày biểu tình chống nguy cơ chiến tranh, chống phátxít. Nhân dân giương cao cờ, băng, khẩu hiệu đòi tự do, cơm áo, hòa bình, tích cực phòng thủ Đông Dương, chống phátxít Nhật gây chiến tranh, đòi không tăng thuế, tăng sưu, bắt lính. Cuộc vui chơi của địch bị phân tán, rối loạn. Chúng tổ chức vây bắt các đồng chí diễn thuyết. Quần chúng trực diện đấu tranh, đòi thả những người bị chúng bắt, trong đó có các đồng chí Bùi Định và Phan Chất<sup>1</sup>.

Từ năm 1936 đến gần cuối năm 1939, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, nhiều cuộc đấu tranh sôi nổi liên tục nổ ra từ nông

---

1. Ngày 18-7-1939, địch mở phiên tòa tại thành Quảng Ngãi có đông đảo quần chúng đến xem. Tại phiên tòa, đồng chí Bùi Định và Phan Chất đã vạch trần tội ác của thực dân Pháp và bè lũ tay sai, kêu gọi nhân dân tiếp tục đấu tranh bảo vệ các quyền lợi đã giành được, đòi để nhân dân tham gia phòng thủ Đông Dương. Địch kết án đồng chí Bùi Định 10 năm tù, đồng chí Phan Chất 5 năm tù.

thôn đến thành thị. Phong trào đấu tranh của đồng bào miền núi cũng diễn ra đều khắp, mạnh mẽ.

Cùng với phong trào đấu tranh của nhân dân đồng bằng những năm 1935 - 1936, tại các làng thuộc tổng Kê (Sơn Hà), đồng bào Ca Dong do ông Chà Reo chỉ huy liên tục nổi dậy chống việc bắt nhân dân đi xây làm đường từ Di Lăng đi Konplông, gây cho địch rất nhiều khó khăn. Cuối năm 1936, dưới sự chỉ huy của các ông Đinh Ó, Đinh Râu, Đinh Xo, nghĩa quân kéo xuống đánh đồn Di Lăng.

Đặc biệt, từ năm 1937, đồng bào các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi tham gia phong trào Nước Xu Đỏ của các dân tộc ở Bắc Tây Nguyên với những nội dung giống như nhân dân miền xuôi chống xâm, chống thuế và giành quyền làm chủ núi rừng. Phong trào ngày càng lan rộng, tập hợp hầu hết các dân tộc và liên kết với các tỉnh lân cận: Gia Lai, Kon Tum, Quảng Nam. Quyết liệt và mạnh mẽ nhất là cuộc đấu tranh đồng bào Cor ở Trà Bồng do Phó Mục Gia chỉ huy, mà trung tâm là vùng núi Cà Đam. Mùa hè năm 1938, nhân dân các dân tộc ở huyện Trà Bồng nổi dậy, dưới sự chỉ huy của ông Phó mục Gia, Đinh Hốt... kéo về châu lỵ Trà Bồng đốt phá nhà lao, giết Chánh Tam - tay sai gian ác của địch và đánh đồn Trà Bồng.

Đầu năm 1939, nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Đinh Chân, Đinh Nhâm, Đinh Bói, phục kích tại Gò Rô (xã Trà Phong, Trà Bồng), giết một số lính Pháp đi càn quét các làng quanh vùng Tà Dục. Bọn địch lên làng Khuông, bị quân của Đinh Rức chặn đánh tại nước Krông Năng.

Tháng 10-1939, nghĩa quân các ông Đinh Hốt, Đinh Na chặn đánh địch đi càn quét làng Tà Dục, tại đèo Tà Ót (xã Trà Tân, Trà Bồng), buộc địch phải bỏ cuộc càn quét.

Từ đó trở đi, địch không còn kiểm soát được nhiều nơi ở vùng cao Tây Quảng Ngãi. Nhân dân làm chủ núi rừng dưới sự chỉ huy của các lãnh tụ nghĩa quân cho đến Cách mạng

Tháng Tám năm 1945. Những cuộc đấu tranh của đồng bào miền núi trong tỉnh làm tăng thêm thế và lực của cách mạng, phối hợp với phong trào đấu tranh của nhân dân miền xuôi, gây cho địch rất nhiều lúng túng<sup>1</sup>.

Tháng 8-1939, Xứ ủy triệu tập bí thư liên tỉnh để phổ biến tình hình và nhiệm vụ mới. Đồng chí Nguyễn Chánh - Bí thư liên tỉnh Ngãi - Bình - Phú đi dự hội nghị. Đồng chí Lê Duẩn - Bí thư Xứ ủy trực tiếp truyền đạt tình hình và nhiệm vụ của phong trào cách mạng trong giai đoạn mới. Sau đó, đồng chí Nguyễn Chánh về phổ biến cho Ban liên tỉnh và Tỉnh ủy triển khai xuống các cấp ủy trong tỉnh.

Tỉnh ủy phân công đồng chí Nguyễn Chánh phụ trách phía tây tỉnh, đồng chí Nguyễn Thành Nghi phụ trách phía đông tỉnh.

Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, nước Pháp bị uy hiếp và đe dọa. Chính phủ Đalađiê Rây nô thi hành hàng loạt chính sách nhằm giải tán các tổ chức yêu nước, thủ tiêu các quyền tự do dân chủ mà nhân dân thuộc địa giành được trong cao trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Ngày 28-9-1939, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức hội nghị tại Lâm Lộc (xã Tịnh Hà, Sơn Tịnh). Hội nghị đề ra nhiệm vụ khẩn cấp trước mắt là chống đàn áp, chống khủng bố, chống chiến tranh, chống vợ vét sức người, sức của của nhân dân trong tỉnh.

---

1. Tên Công sứ Đồng Nai Thượng có công văn gửi Khâm sứ Trung Kỳ và Công sứ Đắc Lắc ám chỉ rằng: Phong trào này là do Cộng sản chỉ phối, lãnh đạo: "Người chỉ huy phong trào Nước Xu Đò Sam B्रăm do Machămray (tức Võ Phụng Hiên) cầm đầu... Có phải cái trung tâm chỉ huy các cuộc khởi loạn đó là xuất phát từ Ba Tư hay không?" (Báo cáo mật số 71CD của Công sứ Đồng Nai Thượng..., tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi).



Hội nghị quyết định: phổ biến *Thông cáo khẩn cấp* về tình hình và nhiệm vụ mới của Trung ương cho toàn thể cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ, tiếp tục đấu tranh chống chiến tranh phátxít, chống thực dân Pháp, tiến tới giành độc lập dân tộc. Chinh đốn các tổ chức quần chúng, phân tán nhỏ, hoạt động bí mật, nhưng vẫn duy trì và phát triển các hình thức biến tướng công khai, hợp pháp "có việc mà không có hình" như đám cưới, đám tang để nuôi dưỡng tinh thần cách mạng, bảo vệ cơ sở, tích lũy lực lượng, đề phòng địch đánh phá. Chuyển tổ chức đảng vào hoạt động bí mật, điều động một số cán bộ, đảng viên bị địch phát hiện đi địa phương khác hoạt động; tích cực gây dựng cơ sở đảng, cơ sở cách mạng ở vùng đồng bào miền núi, tạo điều kiện thuận lợi tiến lên xây dựng căn cứ sau này.

Đồng chí Nguyễn Chánh được cử làm Bí thư Tỉnh ủy. Tuy nhiên, chỉ 10 ngày sau, các đồng chí Nguyễn Chánh, Nguyễn Thành Nghi, Nguyễn Công Phương, Trần Lương và nhiều chiến sĩ cách mạng khác bị địch bắt. Lần lượt sau đó, các tổ chức đảng và cơ sở cách mạng bị địch đánh phá. Đảng bộ và phong trào cách mạng trong tỉnh chịu nhiều tổn thất lớn.

Tóm lại, trong những năm 1932 - 1939, chấp hành đường lối của Trung ương, của Xứ ủy Trung Kỳ, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã từng bước củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng, tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống phản động thuộc địa, chống phátxít; đồng thời khéo léo lợi dụng khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp trong cao trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương để tổ chức phong trào vận động dân chủ mạnh mẽ và rộng khắp, dưới nhiều hình thức phong phú, giành được một số quyền lợi nhất định, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp chung của Đảng ta, dân tộc ta trong thời kỳ 1936 - 1939.

Đặc biệt, trong thời kỳ 1936 - 1939, phong trào cách mạng tỉnh Quảng Ngãi diễn ra khá liên tục và sôi nổi với nhiều hình thức

tổ chức và đấu tranh công khai hợp pháp, từ những cuộc mít tinh nhỏ đến cuộc biểu tình có quy mô lớn đòi cơm áo, hòa bình, giảm giờ công, giành quyền lợi hằng ngày, chống thuế, xâu, làm đường. Đối với nông dân, nổi bật là những cuộc đấu tranh đòi chia lại công điền, công thổ ở Nghĩa Hành, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa. Đối với các giới học sinh, tiểu tư sản có các phong trào đọc sách báo, lập các hội hè, chơi bóng đá. Đặc biệt là phong trào ở đồng bằng có sự phối hợp khá nhịp nhàng với phong trào chống xâu của đồng bào miền núi, nhất là đồng bào Cor ở Trà Bồng. Những cuộc đấu tranh tiếp đón phái đoàn của Gôđa, của Toàn quyền Bôrêviê, vận động lấy chữ ký gửi lên Viện Dân biểu Trung Kỳ, chống chính sách thuế mới của thực dân Pháp cũng huy động được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Hầu hết các nhân sĩ, trí thức trong tỉnh đã được Đảng bộ vận động đứng về phía nhân dân. Hình thức đấu tranh tuy công khai nhưng không kém phần quyết liệt, đòi quyền lợi về kinh tế và chính trị. Đối với đồng bào miền núi, các cuộc đấu tranh mang màu sắc bất hợp pháp có vũ trang tự vệ cũng là một nét đặc biệt trong thời kỳ này.

Hình thức tổ chức nhân dân đấu tranh thời kỳ này được Đảng bộ vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với tình hình để tập hợp quần chúng vào các hội, nhóm gắn liền với nghề nghiệp, lợi ích của bản thân mình.

Tuy liên tục bị đánh phá, nhưng tổ chức đảng thường xuyên được củng cố và giữ vững vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng trong tỉnh, được đảng bộ các tỉnh tin nhiệm. Mặc dù còn thiếu kinh nghiệm trong việc hoạt động công khai, không che giấu lực lượng nòng cốt bí mật, thiếu cảnh giác, nhưng qua thực tiễn Đảng bộ Quảng Ngãi đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh chống bọn tởrốtkit, chống A.B đoàn, giữ vững tư tưởng trong Đảng.

Những kết quả đạt được trong việc củng cố, xây dựng lực lượng, tổ chức quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp, đòi các quyền dân sinh, dân chủ là bước tập dượt, rèn luyện, tích lũy quan trọng để Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bước vào giai đoạn đấu tranh mới với nhiều cam go, thử thách.

### III- THÀNH LẬP BAN VẬN ĐỘNG CỨU QUỐC; KHỞI NGHĨA BA TỖ, TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THẮNG LỢI (1939 - 1945)

#### **1. Chuyển hướng chỉ đạo của Đảng bộ theo đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng**

Ngày 01-9-1939, phátxít Đức tấn công Ba Lan, mở màn cho Chiến tranh thế giới thứ hai. Cùng lúc đó, phátxít Nhật kéo quân vào chiếm Đông Dương. Nhân dân ta lâm vào cảnh "một cổ hai tròng".

Lợi dụng chiến tranh, thực dân Pháp ở Đông Dương thi hành chính sách cai trị thời chiến, bắt Nhân dân ta phải cung ứng nhân tài, vật lực cho nhu cầu của chính quốc Pháp và bọn quân phiệt Nhật ở Đông Dương. Chúng ráo riết bắt người, cướp của, tăng thuế, cưỡng bức Nhân dân ta phải mua quốc trái. Không khí khủng bố, đàn áp lan nhanh khắp các miền đất nước. Các quyền tự do dân chủ giành được trong những năm 1936 - 1939 bị xóa bỏ.

Ngày 27-01-1940, toàn quyền Pháp ở Đông Dương ra sắc lệnh cưỡng bức cư trú những phần tử chống đối ở các nước thuộc địa. Theo sắc lệnh này, những phần tử nguy hiểm bị tập trung vào một nơi, bị bắt buộc làm việc khổ sai và khi cần và thì giam ở một nơi nhất định. Sắc lệnh quy định: Nếu tự ý bỏ đi

một nơi khác thì bị phạt tù từ 1 đến 5 năm, nếu từ chối không chịu khổ sai thì bị phạt tù từ 6 ngày đến 5 năm và bị phạt từ 500 quan đến 30.000 quan (tiền Pháp). Trường hợp tái phạm tăng gấp đôi<sup>1</sup>.

Ngày 29-9-1939, để lãnh đạo phong trào cách mạng trong tình hình mới, Trung ương Đảng ra thông cáo cho các cấp bộ Đảng, nêu rõ: "Hiện nay tình hình đã thay đổi nhiều. Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng"<sup>2</sup>. Các tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng của Đảng phải tiếp tục rút vào hoạt động bí mật nhanh chóng và triệt để.

Hội nghị Trung ương 6 họp từ ngày 06 đến ngày 08-11-1939 đề ra chủ trương chuyển hướng chiến lược cách mạng cho phù hợp với tình hình mới. Hội nghị xác định mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hội nghị khẳng định: "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập"<sup>3</sup>. Về phương pháp cách mạng thì phải biết tập hợp tất cả phong trào đấu tranh lẻ tẻ vào cuộc đấu tranh chung, phản đối chiến tranh, chống thực dân Pháp và bè lũ tay sai, dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mệnh giải phóng dân tộc.

Tại Quảng Ngãi, do địch khủng bố ác liệt, Đảng bộ bị tổn thất nặng, đường dây liên lạc với cấp trên bị đứt, hệ thống

---

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 133.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.6, tr. 756, 536.

tổ chức cơ sở đảng bị phá vỡ, cơ sở cách mạng bị đánh phá khắp nơi. Nhiều cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng bị địch bắt và giam giữ ở các nhà lao trong và ngoài tỉnh. Từ cuối năm 1940, địch lập các căng an trí để giam lỏng các tù chính trị vừa mới bị bắt giam và cả những đồng chí đã mãn hạn tù để đề phòng sự chống đối. Địch cho bố trí mạng lưới mật thám dày đặc để giám sát các hoạt động của phong trào cách mạng cơ sở, gây không khí căng thẳng, ngột ngạt khắp nơi.

Thực dân Pháp xây dựng căn cứ Di Lãng (Sơn Hà), làm đường chiến lược ở miền tây: Sơn Hà - Giá Vụt - Ba Tơ - Konplông. Về kinh tế, bọn cai trị Pháp và tay sai thi hành chính sách kinh tế thời chiến, trưng thu lúa gạo, sung công phương tiện vận chuyển cơ giới, bắt các địa phương cung cấp nhân lực phục vụ các công trình quân sự. Về chính trị, chúng ra sức tuyên truyền lừa bịp, đưa ra những khẩu hiệu mị dân như "Cần lao - Gia đình - Tổ quốc", "Pháp - Việt trùng hưng"; dụ dỗ thanh niên "tòng chinh" đi giúp "mẫu quốc"; bày ra các cuộc đua xe, thể thao để hòng lung lạc tinh thần cách mạng của quần chúng.

Một số vị trí quan trọng như tỉnh lỵ, Cổ Lũy, Sở đèn Ba - Tân - Gân, cầu Trường Xuân, cầu Châu Ô, Sa Huỳnh..., phátxít Nhật cho quân chiếm đóng. Chúng bắt phu đi làm đường, trưng thu xe cộ, thuyền bè, gây nhiều khó khăn, trở ngại cho việc đi lại, làm ăn của nhân dân. Mặt khác, chúng ra sức mị dân, tuyên truyền lừa bịp bằng những khẩu hiệu "Khối thịnh vượng chung", "Khối Đại Đông Á", "Đồng văn, đồng chủng", "Người Nhật sang giúp người Việt Nam giành độc lập"... Những phần tử cơ hội, làm tay sai cho quân Nhật, nhất là bọn Việt gian đội lốt đạo Cao Đài, bọn tởrốtkit, v.v. tăng cường hoạt động. Một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện mơ hồ về bản chất của phátxít Nhật.

Trong bối cảnh đó, tháng 4-1940, hội nghị cán bộ do đồng chí Nguyễn Công Phương chủ trì được tổ chức tại lò gạch ở huyện Trà Bồng. Trà Bồng là nơi địch giam cầm các đồng chí bị bắt trong đợt khủng bố tháng 10-1939, trong đó có đồng chí Nguyễn Công Phương và một số đồng chí khác. Hội nghị quyết định thành lập Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Võ Xuân Hào làm Bí thư và đề ra một số nhiệm vụ: Củng cố hệ thống tổ chức đảng từ tỉnh đến cơ sở. Xây dựng cơ sở quần chúng nhỏ, gọn, bí mật, đi đôi với việc tiếp tục phát triển các hình thức tổ chức tương trợ trong sản xuất và đời sống hằng ngày. Bất liên lạc với các tổ chức đấu tranh chống địch của đồng bào miền núi, chuẩn bị điều kiện để xây dựng căn cứ cách mạng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, lập cơ quan ấn loát của tỉnh. Tìm bất liên lạc với Trung ương, Xứ ủy và các tỉnh bạn, củng cố đường dây liên lạc thông suốt.

Sau Hội nghị, Tỉnh ủy móc nối liên lạc được với Xứ ủy Trung Kỳ. Ngày 28-10-1940, đồng chí Nguyễn Đức Dương được Xứ ủy cử vào gặp trực tiếp đồng chí Võ Xuân Hào truyền đạt những chủ trương mới của Trung ương và Xứ ủy, giao cho Tỉnh ủy một số tài liệu: Nghị quyết Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương; Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương; Điều lệ Nông hội, Điều lệ phản đế cứu quốc và Điều lệ phản chiến hội; hai số báo *Bê xiềng sắt*<sup>1</sup>.

Ngày 04-11-1940, thực hiện chỉ thị của Xứ ủy, hội nghị cán bộ được tổ chức tại nhà đồng chí Võ Soạn (Định) ở làng Thi Phổ Nhì (xã Đức Thạnh, Mộ Đức) để bàn công tác và bổ sung người cho Tỉnh ủy lâm thời.

---

1. Theo Báo cáo của Liverset - Chánh mật thám tỉnh Quảng Ngãi cuối năm 1941 về những mưu toan tổ chức lại Đảng Cộng sản Quảng Ngãi. Hồ sơ lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Ngày 17-11-1940, Tỉnh ủy chính thức được thành lập gồm ba đồng chí: Võ Xuân Hào, Tạ Bá Tường, Nguyễn Trí. Đồng chí Võ Xuân Hào được cử làm Bí thư.

Công việc của Đảng bộ được tiến hành tích cực, tổ chức cơ sở và lãnh đạo các cấp cùng nhiều tổ chức quần chúng trong tỉnh dần dần được phục hồi, mở rộng.

Ngày 26-11-1940, đồng chí Nguyễn Đức Dương bị địch bắt tại Đà Nẵng. Một số tài liệu đồng chí mang theo có liên quan đến Đảng bộ và phong trào cách mạng Quảng Ngãi rơi vào tay giặc. Ngày 10-01-1941, địch tiến hành đánh phá Đảng bộ Quảng Ngãi. Nhiều cơ sở cách mạng tan rã, cán bộ lãnh đạo bị địch bắt, nhiều nhất là ở Mộ Đức, Nghĩa Hành (Mộ Đức lúc này có 32 đảng viên và 10 chi bộ).

Tháng 10-1940, đồng chí Đỗ Xáng mãn hạn tù, trên đường về đã gặp và được đồng chí Phan Đăng Lưu phổ biến tinh thần cơ bản của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, 7 và trao cho một cuốn sách có tiêu đề: *Du kích đội đích thực tổ chức nhiệm vụ cấp kỳ tha* (Nhiệm vụ của đội du kích và một số vấn đề khác), đồng thời hướng dẫn một số phương pháp đấu tranh cần tiến hành trong thời kỳ mới. Về Quảng Ngãi, đồng chí Đỗ Xáng cùng một số đồng chí ở Sơn Tịnh tổ chức được đội du kích với gần 80 đội viên. Đội du kích được tập luyện và tổ chức rèn vũ khí ở Tịnh Giang (Sơn Tịnh). Những hoạt động ban đầu của đội du kích tạo được niềm tin trong quần chúng.

Ngày 10-01-1941, địch cho quân tiến hành đàn áp, hơn 70 người, trong đó có 8 cựu chính trị phạm và đồng chí Đỗ Xáng bị địch bắt, đưa đi đày.

Những hoạt động khôi phục lại phong trào ở phía nam và phía bắc tỉnh lại gặp nhiều khó khăn.

Sau đợt khủng bố của địch, một số đảng viên còn lại hoạt động tại tỉnh hoặc tạm lánh ở các tỉnh khác. Giữa lúc đó, đồng chí

Nguyễn Năng Lự từ Nam Kỳ trở về đem theo những chủ trương mới của Đảng, tìm bắt liên lạc với nhiều nơi trong tỉnh nhằm khôi phục lại tổ chức và phong trào cách mạng.

Tháng 3-1941, hội nghị cán bộ được tổ chức tại thôn Vạn Mỹ (xã Nghĩa Phương, Tư Nghĩa) bàn chương trình hoạt động và thành lập Tỉnh ủy lâm thời. Cuộc họp bị lộ, đồng chí Nguyễn Năng Lự chủ động cho giải tán, chờ thời điểm thích hợp sẽ tổ chức lại. Tuy vậy, ngay sau đó, do Lâm Tài chỉ điểm, đồng chí Nguyễn Năng Lự bị địch bắt và đưa đi đày ở Buôn Ma Thuột. Những hoạt động của Đảng bộ nhằm khôi phục lại phong trào gặp nhiều trở ngại, liên tiếp bị tổn thất. Nhiều đảng viên, cán bộ cốt cán của tỉnh bị địch bắt.

Lúc này, Xứ ủy Trung Kỳ cũng bị địch đánh phá, tổn thất rất nặng. Bộ máy lãnh đạo phải tổ chức lại nhiều lần để khôi phục và lãnh đạo phong trào.

Tuy bị địch liên tục đánh phá nhưng các đồng chí đảng viên trong tỉnh vẫn bám sát cơ sở cách mạng, phong trào quần chúng để tiếp tục hoạt động theo mục tiêu, chương trình đề ra, tạo cơ sở chính trị tốt để Tỉnh ủy sớm được tái lập.

## **2. Phong trào cách mạng chuyển sang bước phát triển mới, khởi nghĩa Ba Tư thắng lợi (ngày 11-3-1945)**

Cuối năm 1940 đầu năm 1941, Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra ngày càng ác liệt và lan rộng. Ở nước ta, Nhật - Pháp cấu kết với nhau tăng cường khủng bố, đàn áp phong trào đấu tranh của quần chúng, bắt nhân dân ta phải cung ứng nhân tài, vật lực, phục vụ cho nhu cầu chiến tranh. Các cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, Bắc Sơn, binh biến Đô Lương nổ ra và bị thực dân Pháp đàn áp khốc liệt.

Trước tình hình đó, ngày 28-01-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về đến Cao Bằng. Người bắt tay ngay vào việc xây dựng căn cứ địa,



xây dựng các đoàn thể cứu quốc, chuẩn bị triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng được tiến hành tại Pác Bó, Cao Bằng, do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Đại biểu của các Xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ và một số đồng chí hoạt động ở ngoài nước về tham dự Hội nghị. Trên cơ sở đánh giá tình hình thế giới và trong nước, Hội nghị khẳng định, nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc: "Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"<sup>1</sup>.

Hội nghị chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ của mỗi nước ở Đông Dương, quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh thay cho Mặt trận Thống nhất dân tộc Phản đế Đông Dương. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh "lấy ngọn cờ đỏ có ngôi sao vàng năm cánh làm huy hiệu"<sup>2</sup>. Về chuẩn bị giành chính quyền, Hội nghị khẳng định "Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang"<sup>3</sup>, "với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn"<sup>4</sup>.

Với việc xác định lại tính chất của cuộc cách mạng ở Đông Dương là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, dẫn tới sự

---

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.7, tr. 113, 122-123, 129, 131-132.

chuyển hướng chỉ đạo chiến lược trong hàng loạt các vấn đề, Hội nghị Trung ương 8 có ý nghĩa lịch sử to lớn, khẳng định và phát triển sáng tạo tư tưởng cách mạng của Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong cao trào cứu nước 1939 - 1945, một trong những nhân tố cơ bản dẫn tới thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Nội dung của Hội nghị và thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc kêu gọi đồng bào đoàn kết đánh đuổi Nhật - Pháp đã cổ vũ toàn Đảng, toàn dân ta khẩn trương xây dựng, phát triển Mặt trận Việt Minh và tích cực chuẩn bị lực lượng cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Trong lúc này, ở Quảng Ngãi, phong trào cách mạng trong tỉnh tuy liên tiếp bị địch đàn áp, tổn thất nặng, nhưng các đồng chí bị địch giam ở các nhà lao Di Lãng (Sơn Hà), thị trấn Trà Bồng, thị trấn Ba Tơ vẫn tìm mọi cách liên lạc với bên ngoài nhằm khôi phục lại tổ chức đảng để lãnh đạo phong trào.

Để đối phó, địch sắp xếp lại các nhà lao. Nhà lao Ba Tơ và Di Lãng (Sơn Hà) được tổ chức thành căng an trí để giam lỏng những tù chính trị phạm đã mãn hạn tù. Nhà lao Trà Bồng giải thể, số cán bộ chúng cho là nguy hiểm bị đày đi Huế, Buôn Ma Thuột... hoặc đưa vào căng an trí Di Lãng và Ba Tơ. Ba Tơ là nơi có địa thế hiểm trở, địch bố trí một hệ thống đồn bốt có lính canh giữ nghiêm ngặt. Những người bị quản lý trong căng an trí hằng ngày phải trình diện hai lần vào buổi sáng và buổi chiều. Cùng thời gian này, địch lần lượt đưa một số đồng chí từ căng an trí Di Lãng lên căng an trí Ba Tơ. Một số rất ít đồng chí còn lại ở cơ sở tìm cách bắt liên lạc với các tỉnh bạn để hoạt động.

Cuối năm 1941, đồng chí Thúc (Thùy), người làng Long Giang (xã Bình Thới, Bình Sơn) bắt liên lạc với đồng chí Đào Thuận Thang, làng An Hòa, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, tổ chức được tiểu tổ "Nông dân cứu quốc" ở một số làng trong phủ Bình Sơn, nhưng các cơ sở này ngay sau đó cũng bị khủng bố phải dừng hoạt động.

Ở căn cứ an trí Ba Tơ, một số đảng viên, trong đó có đồng chí Nguyễn Đôn bí mật lập ra Ủy ban vận động cách mạng để xây dựng phong trào cách mạng trong tỉnh. Nhưng do chưa nắm vững đường lối, chủ trương mới của Đảng nên hoạt động của tổ chức này còn lúng túng, khó khăn.

Đầu năm 1942, đồng chí Huỳnh Tấn cùng với một số đồng chí khác bị địch đưa về quản thúc tại Ba Tơ, bắt liên lạc với đồng chí Nguyễn Đôn, thành lập chi bộ Đảng gồm 5 đảng viên. Đồng chí Huỳnh Tấn được cử làm Bí thư chi bộ. Chi bộ làm nhiệm vụ Tỉnh ủy lâm thời, đồng thời lấy danh nghĩa là Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi để hoạt động trong toàn tỉnh. Thông qua những lần người nhà lên thăm, chi bộ tìm cách bắt liên lạc với cơ sở cũ, với các tỉnh bạn và cấp trên... Từ đó, tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 và những thông tin về đồng chí Nguyễn Ái Quốc được truyền đạt, phổ biến cho cán bộ, đảng viên và quần chúng. Các cơ sở đảng trong tỉnh dần dần được khôi phục, nhất là ở các vùng phụ cận Ba Tơ như Nghĩa Hành, Mộ Đức và Sơn Tịnh. Một số lớp tập huấn ngắn ngày cho đảng viên, cơ sở từ đồng bằng lên được tổ chức.

Từ cuối năm 1942, hai đồng chí Chu Huệ và Trần Hữu Doanh từ Nhà lao Đắc Mil (Đắc Lắc) về đến Quảng Ngãi, tìm đường lên Ba Tơ gặp đồng chí Huỳnh Tấn, được giao nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy Quảng Ngãi bắt liên lạc với Xứ ủy. Đầu năm 1943, đồng chí Chu Huệ được đồng chí Tố Hữu phái vào truyền đạt những ý kiến

của cấp trên cho Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi. Nhờ đó, Tỉnh ủy đã bắt liên lạc với cấp trên và các đồng chí ở Quảng Nam.

Tháng 5-1943, đồng chí Phạm Kiệt cũng bị địch đưa từ Nhà lao Buôn Ma Thuột về căng an trí Ba Tơ, mang theo bản tóm tắt Nghị quyết Trung ương 8. Khi còn trong tù, đồng chí Phạm Kiệt cùng một số người khác được đồng chí Trương Văn Lĩnh hướng dẫn một số bài cơ bản về quân sự. Một cuộc hội nghị cán bộ được triệu tập tại trại tằm của đồng chí Trần Toại<sup>1</sup> ở Trường An (xã Ba Động, Ba Tơ) truyền đạt nội dung Nghị quyết Trung ương 8 và đề ra chương trình kế hoạch hành động, thành lập Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Huỳnh Tấn làm Bí thư. Tỉnh ủy lâm thời kiêm luôn nhiệm vụ của Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh Quảng Ngãi.

Tỉnh ủy lâm thời mở một số lớp huấn luyện cấp tốc ngắn ngày, bồi dưỡng chủ trương, chính sách, phương pháp công tác cho một số cán bộ chủ chốt ở các huyện phía nam, đồng thời sử dụng cơ quan ẩn loát lưu động trên sông Liên và lập cơ quan ẩn loát mới tại Suối Bùn (xã Hành Tín Đông, Nghĩa Hành) in các

---

1. Trần Toại, hiệu là Kim Tương, sinh năm 1890 trong một gia đình nhà nho yêu nước ở làng Thi Phổ Nhất (Mộ Đức). Đồng chí tham gia các cuộc vận động yêu nước trong những năm 1908 - 1916, sau đó lên vùng đất của người anh ruột ở Ba Tơ để sinh sống và hoạt động cách mạng. Đầu năm 1931, đồng chí được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên, lấy bí danh Kim Tương. Sau cuộc đấu tranh ngày 01-5-1931, địch ra sức truy nã "đầu sỏ cộng sản Kim Tương". Tháng 7-1931, đồng chí bị địch bắt khi đang điều trị bệnh tại Quy Nhơn. Tháng 10-1931, địch mở phiên tòa xét xử, đồng chí đã đứng lên kết tội thực dân Pháp và tay sai, bị chúng kết án tù khổ sai chung thân, đày đi Buôn Ma Thuột và sau đó đưa về quản thúc tại quê nhà. Cả gia đình đồng chí đều có nhiều đóng góp trong cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đồng chí được cử làm Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời tỉnh Lê Trung Đình.

tài liệu: Thư kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Tuyên ngôn, Chương trình, Điều lệ của Mặt trận Việt Minh, Chương trình hành động của Tỉnh ủy lâm thời. Các tài liệu này lần lượt được gửi đến các địa phương trong tỉnh.

Cuối tháng 6-1943, hội nghị cán bộ mở rộng được Tỉnh ủy lâm thời triệu tập ở Bằng Chay, Tân Long, xã Ba Động do đồng chí Huỳnh Tấn chủ trì.

Hội nghị đã kiểm điểm tình hình và nhận định phong trào cách mạng của tỉnh trong thời gian qua đã phát triển khá, song ảnh hưởng và tổ chức chưa được lan rộng đều khắp. Hội nghị quyết định mở đợt hoạt động với những hình thức rải truyền đơn, treo cờ đỏ sao vàng, tán phát Thư kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong toàn tỉnh nhân ngày Quốc khánh của nước Pháp (ngày 14-7-1943), kêu gọi quần chúng tham gia Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc để "đánh đuổi Pháp - Nhật"<sup>1</sup>.

Những lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc cùng với những tài liệu tuyên truyền, trong đó có bài thơ kêu gọi thanh niên đi cứu nước của đồng chí Huỳnh Tấn đã động viên, cổ vũ các tầng lớp nhân dân trong tỉnh tham gia Việt Minh, tham gia đấu tranh cứu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ.

Đêm 16, rạng ngày 17-7, truyền đơn của Việt Minh được rải dọc quốc lộ 1 từ Bình Sơn đến Tư Nghĩa và một số nơi khác trong và ngoài tỉnh. Truyền đơn có ký tên "Việt Nam độc lập đồng minh" và "Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi". Lần đầu tiên, Chương trình Mặt trận Việt Minh được in, rải ở ba địa điểm Liên Trì (xã Bình Hiệp, Bình Sơn), gần núi Bút (phía nam thị xã Quảng Ngãi), Vĩnh Hưng (Chợ Cung, Đức Phổ). Truyền đơn

---

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, *Sđd*, tr. 146.

và cờ đỏ sao vàng cũng xuất hiện ở Cầu Cát thuộc địa phận La Hà (Tur Nghĩa)...

Ảnh hưởng của Đảng và Việt Minh lan rộng. Địch lại lập tức huy động lực lượng để đối phó, khủng bố, đánh phá các cơ sở cách mạng. Sau khi đồng chí Chu Huệ bị bắt (ngày 25-8-1943), địch tiến hành truy bắt nhiều cán bộ, đảng viên và cơ sở đảng ở phía nam. Đồng chí Huỳnh Tấu<sup>1</sup> - Bí thư Tỉnh ủy cũng bị địch bắt. Trước tình hình đó, các đồng chí trong Tỉnh ủy, lâm thời tại cảng an trí Ba Tư họp bàn kế hoạch ẩn náu về các địa phương hoạt động, không để địch bắt. Với lòng trung thành, dũng cảm, giữ trọn khí tiết, bảo vệ Đảng của các đồng chí bị địch bắt nên đại bộ phận cơ sở đảng và Việt Minh ở các huyện phía bắc và miền núi của tỉnh vẫn tiếp tục duy trì hoạt động. Cơ sở Việt Minh, các tổ chức đảng được củng cố, tăng cường. Các đồng chí còn lại ở cảng an trí Ba Tư tiếp tục hoạt động và đảm nhận vai trò trung tâm lãnh đạo phong trào cách mạng toàn tỉnh.

Tháng 02-1944, địch đưa đồng chí Trương Quang Giao, tiếp sau đó là các đồng chí Trần Quý Hai, Trần Lương từ Nhà đày Buôn Ma Thuột về Ba Tư. Đó là những cán bộ lãnh đạo có uy tín trong hoạt động cách mạng, cũng như tích cực đấu tranh trong nhà lao. Nhờ đó, sức mạnh của Tỉnh ủy được tăng cường, đồng chí Trần Lương, Trần Quý Hai còn được tham gia học tập

---

1. Huỳnh Tấu, sinh năm 1904 tại làng Đông Yên (Bình Dương, Bình Sơn), là học trò của cụ Trần Kỳ Phong. Đồng chí tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, bị địch bắt, cầm tù. Ra tù năm 1932, đồng chí tiếp tục tham gia củng cố Đảng bộ tỉnh, được bầu vào Tỉnh ủy và Liên Tỉnh ủy miền Nam Trung Kỳ. Đồng chí lại bị địch bắt, kết án 15 năm tù, 20 năm quản thúc và đày đi Buôn Ma Thuột. Hè năm 1942, địch đưa đồng chí về cảng an trí Ba Tư. Tại đây, đồng chí tích cực tham gia xây dựng lại Tỉnh ủy, là Bí thư Tỉnh ủy đồng thời làm nhiệm vụ Ủy ban vận động cách mạng tỉnh, bị địch bắt, tra tấn và hy sinh trong tù năm 1944.

về quân sự, đây là một thuận lợi mới cho Đảng bộ sau những tổn thất vừa qua. Các đồng chí trong căng an trí Ba Tư gấp rút củng cố tổ chức, xây dựng lại cơ quan lãnh đạo và triển khai các công tác khác.

Cuối tháng 12-1944, tại lò gạch, bên suối Nước Năng, Tỉnh ủy lâm thời được thành lập lại gồm 5 đồng chí: Trương Quang Giao, Trần Quý Hai, Trần Lương, Phạm Kiệt và Nguyễn Đôn, hầu hết đều là những đồng chí từ Nhà đày Buôn Ma Thuột trở về. Đồng chí Trương Quang Giao được cử làm Bí thư.

Trong lúc đó, tình hình thế giới và trong nước ngày càng có lợi cho phong trào cách mạng của Nhân dân ta. Liên Xô và quân Đồng minh tiếp tục giành thế chủ động trên các mặt trận, đẩy Đức và phe phátxít vào thế bị động, liên tiếp bị thất bại. Ảnh hưởng của Việt Minh ngày càng lan rộng.

Tháng 10-1944, trong *Thư gửi đồng bào toàn quốc*, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nêu rõ: "Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các Đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh"<sup>1</sup>.

Tháng 12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập. Lúc này, Nhật - Pháp vẫn còn tạm thời hòa hoãn với nhau, nhưng như dự báo của Đảng, năm 1944 mâu thuẫn Nhật - Pháp ở Đông Dương đã lên tới đỉnh cao giống như "Cái nhọt bọc sẽ phải vỡ mủ"<sup>2</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr. 538.

2. Dẫn theo Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr. 102-103.

Tại Quảng Ngãi, cơ sở cách mạng được mở rộng ra nhiều vùng ở các huyện đồng bằng. Ở Ba Tơ, cơ sở cách mạng trong đồng bào các dân tộc thiểu số được gây dựng ở một số nơi. Một số già làng được các cơ sở cách mạng vận động ngả về phía nhân dân như già Kiêu, Đinh Rua, Đinh Rói... Cơ sở trong binh lính ở đồn binh Ba Tơ cũng được gây dựng. Các đoàn thể quần chúng cứu quốc như nông dân, thanh niên, phụ nữ có bước phát triển. Nhận rõ được tình hình đó, Tỉnh ủy lâm thời quyết định tổ chức cuộc giải thoát tập thể khỏi căng an trí Ba Tơ về các địa phương hoạt động và chủ trương khi có thời cơ thuận lợi sẽ tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền cục bộ ở Ba Tơ. Tỉnh ủy cũng cử người sang căng an trí Di Lãng để bàn kế hoạch phối hợp hoạt động. Một số đồng chí ở căng an trí Di Lãng đồng tình hưởng ứng, nhưng chưa hình thành được tổ chức lãnh đạo toàn căng.

Để triển khai chủ trương và kế hoạch đã được thống nhất, Tỉnh ủy phân công: Một bộ phận ở vùng núi chăm sóc xây dựng cơ sở cách mạng, căn cứ du kích, xây dựng lực lượng vũ trang. Một bộ phận về đồng bằng, phát động đợt tuyên truyền rộng rãi trong tỉnh và các địa phương lân cận, phổ biến đường lối, chủ trương của Mặt trận Việt Minh kêu gọi Nhân dân đứng lên đánh đuổi Nhật - Pháp.

Phụ trách bộ phận và triển khai các mặt công tác ở miền núi do đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn chịu trách nhiệm. Đồng chí Trần Lương phụ trách phía nam tỉnh, gồm các huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức và Đức Phổ, bắt liên lạc với các tỉnh phía nam. Đồng chí Trương Quang Giao, Trần Quý Hai phụ trách phía bắc tỉnh, gồm phủ Bình Sơn và các huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, riêng đồng chí Trần Quý Hai tìm cách bắt liên lạc với các tỉnh phía bắc, đặc biệt là với Quảng Nam, Xứ ủy và Trung ương. Đồng chí Trương Quang Giao phụ trách chung triển khai



các mặt công tác ở trung tâm Sơn Tịnh, Tư Nghĩa để giữ mối liên lạc và chỉ đạo các hướng hoạt động.

Công tác chuẩn bị được tiến hành rất khẩn trương, nhưng một sự kiện mới xảy ra, sớm hơn dự kiến của Tỉnh ủy. Đó là, đêm 09-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, làm chủ toàn bộ Đông Dương. Pháp không hề chống cự, và ở nhiều nơi chúng đã tháo chạy.

Ngày trong đêm 09-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng, nhận định cuộc đảo chính sẽ tạo ra một tình thế khủng hoảng chính trị sâu sắc, làm cho những điều kiện của cuộc tổng khởi nghĩa đã chín muồi. Hội nghị chủ trương lấy khẩu hiệu: Đánh đuổi Nhật, Pháp và phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc khởi nghĩa<sup>1</sup>. Hội nghị còn quyết định cho phép những nơi nào có điều kiện thì phát triển chiến tranh du kích, giành chính quyền địa phương; chuyển sang những hình thức đấu tranh cao và mạnh hơn, như biểu tình thị uy, lập ủy ban nhân dân cách mạng...

Ở Quảng Ngãi, sau sự kiện này, thời cơ cách mạng xuất hiện. Các tổ chức cứu quốc, cả chính trị và vũ trang phát triển khá mạnh và tiếp tục được củng cố.

Tuy chưa nhận được Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", nhưng với tinh thần chủ động, khi được tin từ cơ sở báo lên, tối ngày 10-3-1945, tại nhà một cơ sở ở gần đồn Ba Tư, Tỉnh ủy mở hội nghị để phân tích, đánh giá tình hình, tập trung thảo luận các vấn đề:

*Thứ nhất*, phát động quần chúng xây dựng và phát triển cơ sở, căn cứ, chớp thời cơ tiến hành khởi nghĩa từng phần ở

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sổ*, t.7, tr. 367.

những nơi có điều kiện. Hội nghị nhất trí là phải chớp thời cơ tiến hành khởi nghĩa, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang, căn cứ để làm cơ sở cho việc tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh.

*Thứ hai*, trong xác định kẻ thù chính của cách mạng lúc này. Dựa vào Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 và căn cứ tình hình của địa phương, cuộc họp nhất trí kết luận: Đảng bộ phải dám chịu trách nhiệm trước Đảng mà giải quyết vấn đề cho phù hợp với tình hình thực tế; lấy khẩu hiệu "Đánh đuổi phátxít Nhật, tẩy sạch thực dân Pháp" để chỉ đạo cuộc vận động cách mạng trong tỉnh sắp tới.

*Thứ ba*, phương pháp tiến hành và phạm vi khởi nghĩa. Hội nghị quyết định mục tiêu của cuộc khởi nghĩa là giành chính quyền ở châu lỵ, đồn binh Ba Tơ và một số vùng xung quanh, đồng thời có thể tiến hành ở một số nơi khác nếu có điều kiện, kể cả ở vùng đồng bằng. Phải sử dụng bạo lực của quần chúng, trong khi địch ở Ba Tơ còn ít và đã hoang mang. Ta lại có cơ sở trong đồn binh. Quần chúng ở Ba Tơ, nhất là cơ sở cứu quốc Việt Minh ở các làng thuộc xã Ba Động, Ba Đình tương đối đông và phát triển khá. Do đó, ta cần huy động quần chúng cơ sở tham gia cùng đội quân an trí tiến hành "kỳ tập" giành thắng lợi, lập chính quyền cách mạng.

*Thứ tư*, hình thức đấu tranh. Hội nghị quyết định cần dùng các hình thức cao hơn kể cả sử dụng hình thức vũ trang, tổ chức các lực lượng vũ trang ở cơ sở bao gồm tự vệ cứu quốc, tiểu tổ du kích, những hình thức bạo lực công khai để cổ động phong trào, uy hiếp địch, vì Nhật chưa có cơ sở nhiều và chưa nắm được bộ máy tay sai.

*Thứ năm*, phải gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ du kích ở miền núi để làm chỗ dựa cho phong trào cách mạng khi cần thiết.

*Thứ sáu*, thời gian khởi nghĩa. Hội nghị nhất trí là phải chớp thời cơ trong lúc Nhật chưa lên được Ba Tơ, bộ máy tay sai ở đây đã quá hoang mang, nếu chậm thì khó cho ta. Hội nghị quyết định phải hành động ngay vào sáng sớm ngày 11-3-1945, tức ngày 27 tháng Giêng (âm lịch), lúc ta kéo lên trình diện, bất ngờ chiếm đồn khố xanh, rồi tràn sang chiếm Nha kiểm lý. Nếu gặp trở ngại thì nhất thiết phải hành động vào các ngày 12, 13-3-1945 (tức ngày 28, 29 tháng Giêng âm lịch).

*Thứ bảy*, thành lập Ban lãnh đạo khởi nghĩa gồm các đồng chí Trương Quang Giao, Phạm Kiệt, Trần Lương, Trần Quý Hai và Nguyễn Đôn, do đồng chí Trương Quang Giao làm Trưởng ban. Toàn ban lãnh đạo khởi nghĩa cũng là Tỉnh ủy lâm thời.

Sự nhất trí cao của Hội nghị là cơ sở để nhận thức đúng đắn về chớp thời cơ, giành thắng lợi trong cuộc khởi nghĩa.

Thực hiện quyết định và kế hoạch khởi nghĩa của Hội nghị, đồng chí Trương Quang Giao thay mặt Tỉnh ủy triệu tập tất cả đảng viên và các đồng chí chưa được khôi phục lại danh hiệu đảng viên ở cảng an trí để phổ biến chủ trương và kế hoạch hành động. Tất cả đều đồng lòng hưởng ứng và sẵn sàng hành động với tinh thần tin tưởng và phấn khởi.

Tỉnh ủy lâm thời phân công đồng chí Nguyễn Đôn liên hệ với Việt Minh Ba Tơ và đồng chí Trần Toại để huy động quần chúng tham gia giành chính quyền và chiếm đồn binh ở châu lỵ. Một số đồng chí khác đi Nghĩa Hành và các vùng lân cận.

Tất cả đều được tiến hành trong đêm 10-3. Trời vừa sáng, theo kế hoạch, các đồng chí ở cảng an trí có đảng viên làm nòng cốt, được trang bị một ít súng và gậy gộc kéo đến chiếm đồn binh, nhưng cửa đồn đóng chặt. Địch không cho lính ra ngoài hay về nhà. Chúng nghe tin Nhật - Pháp bắn nhau nên đối phó bằng cách cắm trại.

Trong lúc ban lãnh đạo đang bàn phương án khác thì được tin có tên giám binh Pháp chạy trốn quân Nhật từ thị xã Quảng Ngãi lên Ba Tơ nhằm kéo số lính ở đây lên Giá Vụt xây dựng lực lượng chống Nhật. Ban lãnh đạo quyết định kéo toàn bộ lực lượng xuống đón bắt tên giám binh để thuyết phục và buộc chúng giao đồn binh, vũ khí và hợp tác với ta chống Nhật. Tuy nhiên, kế hoạch không thành công, việc chiếm đồn không thực hiện được.

Ban lãnh đạo khởi nghĩa họp khẩn cấp vào trưa ngày 11-3 tại suối Loa để bàn kế hoạch mới. Cuộc họp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, nhận thấy việc giành chính quyền không thể thực hiện đơn thuần bằng bạo lực hay thương lượng với địch bởi "thành công không thể đùa giỡn với khởi nghĩa". Nhận định phải tuân thủ quan điểm bạo lực, phải có sự chỉ huy cụ thể và quyết đoán, tiến hành cho kỳ được cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Ba Tơ. Thời cơ vẫn còn, phải kịp thời hành động.

Ban khởi nghĩa phân công: Đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn trong Tỉnh ủy và đồng chí Nguyễn Khoách (đảng viên trong đội quân khởi nghĩa) vào Ban Chỉ huy, cấp tốc kéo toàn đội lên tiến hành khởi nghĩa ở Ba Tơ. Đồng chí Võ Thứ vừa mới lên Ba Tơ gia nhập đội quân này. Đồng chí Trần Lương về huy động quần chúng ở Mộ Đức, Nghĩa Hành, Đức Phổ tiến hành khởi nghĩa và ủng hộ khởi nghĩa Ba Tơ, đồng thời bắt liên lạc với tỉnh Bình Định. Đồng chí Trần Quý Hai phụ trách các huyện phía bắc tỉnh, gồm Sơn Tịnh, Bình Sơn, bắt liên lạc với tỉnh Quảng Nam và cấp trên. Đồng chí Trương Quang Giao về trung tâm thị xã, Tư Nghĩa cùng các đồng chí ở đây tiến hành huy động quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền, giữ mối quan hệ chỉ đạo các hướng và bắt liên lạc với cấp trên. Trước khi về địa phương, đồng chí Trương Quang Giao được giao nhiệm vụ sang Nghĩa Hành để thuyết phục đơn vị lính địch

tham gia khởi nghĩa hoặc ủng hộ súng, đồng thời gặp các đồng chí người Thanh Hóa bị tù ở Quảng Ngãi đang thoát ra kéo lên Ba Tơ tham gia hoạt động.

Bộ phận lãnh đạo, chỉ huy ở Ba Tơ nhanh chóng kéo quân về Ba Tơ. Quân chúng từ Trường An, Suối Loa, Hoàng Đồn, Nước Gia, Nước Lá đến Măng Đốc được các đồng chí Trần Toại, Huỳnh Thanh và các đồng chí trong Việt Minh Ba Tơ phát động nổi dậy làm chủ xóm làng, gia nhập các hội cứu quốc và tham gia giành chính quyền ở châu lỵ và đồn binh Ba Tơ. Càng về chiều người càng đông.

Một cuộc mítting lớn được tổ chức tại sân vận động Ba Tơ, sau đó biến thành cuộc biểu tình thị uy. Quân chúng hô vang các khẩu hiệu: Đánh đổ phátxít Nhật, tẩy sạch thực dân Pháp! Việt Nam hoàn toàn độc lập! Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm! Ủng hộ Mặt trận Việt Minh!... Tiếng hô khẩu hiệu và không khí nhộn nhịp xung quanh châu lỵ, đồn binh uy hiếp tinh thần binh lính và bọn tay sai ở châu lỵ. Tên giám binh Pháp và tên chỉ huy đồn binh trốn chạy về hướng Giá Vụt.

Sau cuộc mítting, đội quân khởi nghĩa gồm 17 đồng chí tiến vào Nha kiểm lý - cơ quan nguy quyền của châu Ba Tơ - buộc kiểm lý Bùi Danh Ngũ cùng các chánh tổng, chủ làng đang họp phải giao nộp toàn bộ vũ khí, giấy tờ, con dấu cho quân khởi nghĩa và hứa chấp hành mệnh lệnh của cách mạng.

Chính quyền địch ở châu lỵ nhanh chóng tan rã. Thừa thắng, quân khởi nghĩa chia làm ba cánh, bao vây và tấn công đồn khố xanh châu lỵ. Ta vừa bắn chỉ thiên, vừa kêu gọi binh lính trong đồn đầu hàng cách mạng. Cơ sở bên trong thuyết phục số lính trong đồn. Bên ngoài quân chúng từ nhiều hướng kéo về, đèn đuốc sáng rực, tiếng hô khẩu hiệu, tiếng loa kêu gọi binh lính đầu hàng vang rền. Khi cổng đồn được mở, đội quân khởi nghĩa xông vào, bắt tất cả lính ở trong đồn ra xếp hàng

ngoài sân. Tên đội Phở và giám binh Pháp đã bỏ đồn chạy về phía tây.

Ta thu toàn bộ súng, đạn, lương thực trong đồn. Cờ tam tài của địch bị hạ xuống. Cờ đỏ sao vàng được kéo lên, báo tin mừng thắng lợi.

Đội quân khởi nghĩa cử người về các làng, xã ở Cơ Nhất, Vực Liêm, Măng Đốc, Giá Vụt báo tin, huy động đồng bào dự mítting mừng thắng lợi. Một số súng, đạn được trang bị cho đội quân, số còn lại được bố trí cất giấu ở các xóm Vạn Chài, Trường An, Cơ Nhất.

Cũng đêm ấy, dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, đồng bào ven đường số 5A (nay là quốc lộ 24) từ Hóc Kè xuống Chọi Liêm, Hùng Nghĩa, Tân Hội (xã Phở Phong, Đức Phở) ngã cây, phá cầu, lăn đá làm chướng ngại vật ngăn chặn quân Nhật kéo lên Ba Tư; sau đó tiến hành giành chính quyền, tịch thu triện của lý hương, làm chủ xóm làng, tham gia các hội cứu quốc, ủng hộ đồng bào Ba Tư khởi nghĩa. Quận chúng ở Khánh Giang, Trường Lệ, Suối Bùn (xã Hành Tín Đông), Phú Khương, Phú Thọ (xã Hành Tín Tây, Nghĩa Hành) kéo tới đình làng họp mítting dưới sự huy động của Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc để nghe diễn giải về nhiệm vụ chống Nhật, cứu nước, về khởi nghĩa vũ trang đánh đổ chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng, chi viện cho cuộc khởi nghĩa Ba Tư.

Tin khởi nghĩa Ba Tư thắng lợi lan nhanh đến các vùng trong tỉnh. Rạng sáng ngày 12-3, một cuộc mítting lớn được tổ chức tại sân vận động trước đồn Ba Tư. Đồng chí Phạm Kiệt, người chỉ huy cuộc khởi nghĩa tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch, xóa bỏ các thứ thuế, sưu, lập chính quyền cách mạng ở Ba Tư, kêu gọi đồng bào hăng hái tham gia hàng ngũ cứu quốc.

Tiếng hô khẩu hiệu "Việt Nam độc lập muôn năm" vang lên. Đồng chí Nguyễn Đôn, thay mặt chính quyền cách mạng đọc lời tuyên cáo:

"Kính thưa toàn thể đồng bào!

Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tơ theo tiếng gọi của giang sơn, nhận lấy nhiệm vụ nặng nề lịch sử phó thác, đã mạnh mẽ tiên phong phát cờ khởi nghĩa, tiếp tục hưởng ứng đồng bào Nam Kỳ và đội du kích Bắc Sơn, dựng lên chính quyền cách mạng Ba Tơ.

Chính quyền cách mạng Ba Tơ là một bộ phận khăng khít của chính quyền cách mạng toàn quốc, vừa là phần tử chống phátxít của Mặt trận Dân chủ thế giới. Từ giờ phút này, chính quyền cách mạng tuyên bố xóa bỏ các thứ thuế, nợ nần của Pháp lập ra. Nhiệm vụ của chính quyền cách mạng là cùng toàn dân Kinh, Thượng đánh đổ phátxít Nhật, tẩy sạch thực dân Pháp, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập.

Đội quân du kích Ba Tơ là lực lượng của cách mạng, của Đảng, của toàn thể đồng bào, có nhiệm vụ chiến đấu cho nền độc lập, tự do của đất nước, bảo vệ đồng bào. Đồng bào hãy nuôi dưỡng bảo vệ nó hoàn thành nhiệm vụ.

Chúng tôi xin tuyên thệ trước đồng bào: Ủy ban nhân dân cách mạng nguyện noi theo vết máu của tiền nhân, quyết rửa hờn cho giống nòi, phục thù cho Tổ quốc.

Chúng tôi kêu gọi đồng bào, lúc này hơn lúc nào hết, đồng bào Kinh, Thượng hãy mau mau đoàn kết lại, không phân biệt gái, trai, già trẻ, không phân biệt giàu, nghèo, không phân biệt tôn giáo hãy chung lưng đấu cật góp tài, góp sức tham gia vào cuộc cách mạng đem lại độc lập cho nước nhà..."<sup>1</sup>.

Sau khi nghe tuyên cáo, đồng bào nhất loạt hô khẩu hiệu biểu thị quyết tâm: "Đánh đuổi phátxít Nhật! Tẩy sạch thực dân Pháp! Việt Nam hoàn toàn độc lập!".

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 157-158.

Sau buổi lễ ra mắt, Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tơ đem toàn bộ tài sản trong đồn (chính, ché, nồi đồng, quần áo, vải, ngựa, dê, lúa, gạo...) do thực dân Pháp cướp của nhân dân trong vùng, chia cho đồng bào nghèo, chỉ giữ lại chiếc máy đánh chữ, súng đạn và một con ngựa để làm phương tiện liên lạc, vận chuyển cho đội du kích Ba Tơ.

Đội du kích tỏa ra các vùng xung quanh, cùng với Việt Minh các làng thuộc xã Ba Động, Ba Đình và nhiều xã vùng cao tổ chức ăn thề, nguyện cùng nhau đoàn kết, giữ vững lòng trung thành với cách mạng, ủng hộ đội quân khởi nghĩa. Một số đồng chí lên tận vùng cao gặp Già Kiêu, Đình Rua, Đình Rói bàn việc xây dựng và phát triển căn cứ, bàn việc chống Nhật nếu chúng kéo quân lên đàn áp cuộc khởi nghĩa.

Chiều ngày 13-3, Ban Chỉ huy Đội du kích, đồng thời là Ban lãnh đạo, chỉ đạo cuộc khởi nghĩa Ba Tơ họp kiểm điểm tình hình, khẳng định cuộc khởi nghĩa tiến hành thuận lợi và nhanh chóng giành thắng lợi, quần chúng tham gia đông đảo, chính quyền được thành lập, các làng xung quanh tiến hành khởi nghĩa làm chủ xóm làng, nhưng quần chúng lo ngại Nhật sẽ lên Ba Tơ, khủng bố phong trào. Cuộc họp chủ trương nhanh chóng chuyển chính quyền vào hoạt động bí mật, bằng bất cứ giá nào cũng phải duy trì và chuyển đội du kích Ba Tơ lên xây dựng căn cứ ở núi Cao Muôn.

Thực hiện chủ trương trên, Ban Chỉ huy phân công đồng chí Phạm Kiệt phụ trách việc chuẩn bị sắp xếp và chuyển đội du kích lên căn cứ. Đồng chí Nguyễn Đôn cùng với các đồng chí Việt Minh Ba Tơ, trực tiếp là các đồng chí Trần Toại và Huỳnh Thanh phụ trách việc chuyển chính quyền vào hoạt động bí mật, trực tiếp tuyên truyền, vận động Bùi Danh Ngũ và lý hương, già làng không theo địch. Đồng chí Nguyễn Khoách lên



Giá Vụt, gặp Già Kiêu bàn việc tiếp tế cho đội du kích. Đồng chí Võ Phán cùng một số đồng chí khác được phân công trở về hoạt động ở đồng bằng.

Chiều ngày 14-3, đội quân chuyển sang phía bắc sông Liên để hành quân lên căn cứ như đã định. Đến Hang Én, đội quân dừng lại làm lễ tuyên thệ dưới cờ, thề hy sinh vì Tổ quốc.

Một số điều kỷ luật của đội quân cũng được thông báo cho toàn đội biết.

Trong những ngày khởi nghĩa, 20 đồng chí ở Thanh Hóa từ Nhà lao Quảng Ngãi vượt ngục tìm đường lên Ba Tơ xin tham gia đội du kích. Đội du kích Ba Tơ chỉ nhận ba đồng chí: Cẩn, Mộc và Già Hương, các đồng chí còn lại được đội giúp đỡ trở về quê hương.

Rạng sáng ngày 15-3, trên đường hành quân lên căn cứ, các đội viên gặp đồng chí Trần Lương, từ đồng bằng lên thông báo tình hình và ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về việc chuyển đội du kích lên xây dựng căn cứ ở núi Cao Muôn, xây dựng lực lượng, chuẩn bị sẵn sàng cho phong trào kháng Nhật, cứu nước trong thời gian tới.

Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ giành được thắng lợi. Đây là cuộc khởi nghĩa nổ ra ở trung tâm châu ly, trực tiếp đánh vào khâu yếu nhất của bộ máy chính quyền thực dân, ở vùng miền núi có địa thế cơ động và rất thuận tiện. Ở Ba Tơ, chính quyền thực dân suy yếu, bọng tay sai hoang mang, dao động, còn phátxít Nhật chưa kịp thiết lập bộ máy cai trị. Trong khi đó, thế và lực của cách mạng áp đảo lực lượng phản cách mạng. Nhân dân các dân tộc thiểu số có lòng căm thù giặc sâu sắc, sẵn sàng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy thể hiện sự chủ động, kiên quyết và sáng tạo.

Đây là một cuộc khởi nghĩa từng phần, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng toàn tỉnh tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi có ảnh hưởng to lớn, thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần cách mạng, khí thế đấu tranh của nhân dân các dân tộc trong tỉnh và các địa phương lân cận.

Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi, chứng minh chủ trương đúng đắn của Đảng được đề ra từ Hội nghị Trung ương 8: "... với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành được thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn"<sup>1</sup>.

Thắng lợi đó cũng chứng tỏ phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi đã được Đảng bộ kế thừa và phát huy đến cao độ trong việc giành chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ để lại nhiều kinh nghiệm quý báu:

- *Có Đảng lãnh đạo với đường lối cách mạng đúng là nguyên nhân của mọi thắng lợi.* Cũng như nhiều nơi khác, phần đông các đồng chí đảng viên đều được trực tiếp học tập tinh thần và nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5-1941) tại Nhà đày Buôn Ma Thuột. Khi ra tù, tuy bị "an trí", nhưng nhờ có tinh thần cách mạng triệt để, quyết tâm cao, ý chí và nghị lực kiên cường, các đồng chí đã lập ra Tỉnh ủy lâm thời ở Ba Tơ, vượt qua sự kiểm soát của địch, hoạt động bám sâu vào quần chúng, bám chặt vào cơ sở cách mạng, tiến hành xây dựng, củng cố và phát triển phong trào, tích cực chuẩn bị thực lực cách mạng.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.7, tr. 131-132.

- *Nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng trong đấu tranh giành chính quyền.* Quan điểm này được ban lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vận dụng trong quá trình chỉ đạo cuộc khởi nghĩa Ba Tơ. Ban lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đẩy mạnh công tác vận động binh lính địch, phát huy ưu thế tuyệt đối của bạo lực cách mạng, áp đảo quân thù, buộc chúng phải đầu hàng.

- *Tiếp tục đưa cách mạng tiến lên giành lấy thắng lợi hoàn toàn.* Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ rất quan trọng, nhưng chỉ là thắng lợi bước đầu trong tiến trình lâu dài và gian khổ của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Vấn đề có tính chất quyết định là phải biết giữ vững nó, trên cơ sở đó tạo ra thế và lực mới để tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn trong tổng khởi nghĩa. Nhận thức sâu sắc quan điểm đó, sau thắng lợi của cuộc khởi nghĩa, Ban lãnh đạo đã đề ra chủ trương bảo vệ lực lượng cách mạng, củng cố những thành quả đã giành được, mở rộng phong trào rộng khắp toàn tỉnh. Ban lãnh đạo cũng đã kịp thời chuyển Đội du kích Ba Tơ lên xây dựng căn cứ địa cách mạng ở vùng rừng núi, sau đó chuyển xuống đồng bằng, dấy lên cao trào kháng Nhật, cứu nước trong toàn tỉnh.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ chứng tỏ sự vận dụng đường lối đúng đắn của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh; thể hiện sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, ý chí quyết chiến, quyết thắng và nghệ thuật chỉ đạo khởi nghĩa của Đảng bộ tỉnh, của truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường, bất khuất và lòng yêu nước nồng nàn, ý chí căm thù giặc của nhân dân Quảng Ngãi.

Từ đây, thực lực cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi được tăng cường, góp phần vào thắng lợi của cao trào kháng Nhật, cứu nước, giành chính quyền về tay nhân dân.

### **3. Cao trào kháng Nhật, cứu nước và tổng khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945**

Sau cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (ngày 11-3-1945), tương quan lực lượng giữa ta và địch thay đổi có lợi cho phong trào cách mạng. Nhân dân ta có đủ điều kiện để tiến hành cuộc khởi nghĩa to lớn hơn. Nhiều nơi trong cả nước, nhân dân đang tiến hành các hoạt động đấu tranh chống Nhật, phát triển lực lượng, tuyên truyền động viên và tập hợp quần chúng vào đội ngũ cách mạng.

Ngày 15-4-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này. Hội nghị quyết định phát triển lực lượng vũ trang và thống nhất Việt Nam Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thành Việt Nam Giải phóng quân.

Ở Quảng Ngãi, những nhóm chính trị thân Nhật như Ủy ban độc lập, nhóm Đông Dương đại hội của Ngô Đình Diệm, nhóm Quốc dân Đảng, nhóm Phản đế Tự cường, nhóm Thanh niên tiền tuyến, nhóm Tân Việt Nam... tung tin thất thiệt, gây hoang mang trong quần chúng. Những tên thân Nhật đội lốt tôn giáo, nhất là đạo Cao Đài đi sâu vào một số vùng nông thôn, lôi kéo quần chúng ủng hộ phátxít Nhật, chống lại Việt Minh. Phátxít Nhật đưa quân càn quét Ba Tơ, nơi có đội du kích Ba Tơ đang xây dựng căn cứ, luyện tập, nhằm tiêu diệt phong trào cách mạng ở những nơi này. Những hoạt động của địch gây tác động đến tư tưởng của một số người, nhất là quần chúng trung gian. Thậm chí, một số cán bộ, đảng viên từng trải trong hoạt động cách mạng cũng ngộ nhận, mơ hồ.

Trước tình hình đó, cuối tháng 3-1945, Tỉnh ủy lâm thời triệu tập hội nghị tại Gò Huyện (xã Đức Tân, Mộ Đức), do đồng chí Trương Quang Giao - Bí thư Tỉnh ủy chủ trì. Hội nghị có sự tham dự của các đồng chí hoạt động ở chiến khu, ở đồng bằng, trong đó có đồng chí Nguyễn Chánh mới từ căn cứ an trí La Hy (Thừa Thiên Huế) về dự. Hội nghị đánh giá tình hình, bàn chương trình hành động và quyết định một số vấn đề: Chưa nên phát động khởi nghĩa ở đồng bằng vì tương quan lực lượng giữa ta và địch chưa thay đổi có lợi hoàn toàn cho ta, tầng lớp trung gian chưa ngã về cách mạng. Cần phải bảo toàn lực lượng cả chính trị và vũ trang, đồng thời ra sức xây dựng và phát triển các lực lượng cách mạng, trong đó có lực lượng tự vệ cứu quốc và các tiểu tổ du kích. Đội du kích cứu quốc quân Ba Tơ, gọi tắt là Đội du kích Ba Tơ cần tiến hành vũ trang tuyên truyền và xây dựng căn cứ địa. Xúc tiến mạnh các mặt công tác; đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục chủ trương mới của Đảng; vạch trần những thủ đoạn bịp bợm của phátxít Nhật và bè lũ tay sai; xây dựng các đoàn thể cứu quốc, đưa phong trào tiến lên. Bổ sung người vào Tỉnh ủy, Ủy ban vận động cứu quốc. Trong tình hình mới có nhiều thuận lợi, ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và sự ra đời đội quân du kích tập trung thoát ly ngày càng cổ vũ các tầng lớp quần chúng trong và ngoài tỉnh, cần vận dụng các hình thức đấu tranh công khai, nửa công khai kết hợp với bí mật hoạt động để xây dựng thực lực cách mạng. Hội nghị nhất trí bổ sung các đồng chí Nguyễn Chánh, Bùi Định vào Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Chánh được phân công tham gia lãnh đạo và làm Bí thư Chi bộ Đội du kích Ba Tơ.

Nhờ những chủ trương và phương thức hoạt động kịp thời, đúng đắn, thích hợp với tình hình mới nên ảnh hưởng của Việt Minh, của khởi nghĩa Ba Tơ và Đội du kích Ba Tơ ngày càng lan rộng, cổ vũ, động viên đồng bào tham gia xây dựng

thực lực cách mạng. Các tổ chức cứu quốc được củng cố và phát triển trong toàn tỉnh. Việt Minh và Ủy ban vận động cứu quốc được hình thành ở các cấp. Sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường. Ban quân sự tỉnh được thành lập gồm các đồng chí Nguyễn Chánh, Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách, chịu trách nhiệm chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng vũ trang và xây dựng căn cứ.

Tỉnh ủy phân công đồng chí Trần Lương phụ trách phía nam tỉnh, cùng với đồng chí Phạm Sanh trực tiếp bắt liên lạc với các tỉnh phía nam, trước hết là Bình Định. Đồng chí Trần Quý Hai và một số đồng chí khác phụ trách các huyện từ sông Trà Khúc trở ra, bắt liên lạc với các tỉnh phía bắc, trước hết là với Quảng Nam. Đồng chí Trương Quang Giao - Bí thư Tỉnh ủy lâm thời lãnh đạo chung có trách nhiệm bắt liên lạc với Trung ương và Xứ ủy, đồng thời phụ trách khu trung tâm gồm Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi.

Ngay sau đó, đồng chí Trần Lương<sup>1</sup> bắt được liên lạc với một số đồng chí ở Bình Định. Đồng chí Phạm Sanh vào Bình Định cùng với các đồng chí ở đây hoạt động. Đồng chí Trần Quý Hai cũng bắt được liên lạc với các đồng chí ở Quảng Nam.

Cuối tháng 5-1945, các đảng viên cũ ở Hoài Nhơn (Bình Định) chính thức bắt liên lạc với Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi. Tỉnh ủy Quảng Nam liên lạc được với Tỉnh ủy Quảng Ngãi để tổ chức hội nghị liên tỉnh tại Hóc Cỏ (Tam Kỳ), do đồng chí Trần Quý Hai (đại biểu Tỉnh ủy Quảng Ngãi) chủ trì. Hội nghị bàn phương hướng phối hợp hoạt động giữa hai tỉnh<sup>2</sup>.

---

1. Tháng 7-1945, đồng chí Trần Lương được cử làm Bí thư Ban cán sự Đảng tỉnh Bình Định.

2. Dẫn theo Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1945)* (Sơ thảo), Sđd, tr. 270.

Hội nghị phân tích tính tất yếu của sự kiện Nhật đảo chính Pháp, vạch rõ những thủ đoạn mua chuộc, lừa bịp rất nguy hiểm của chúng. Hội nghị nhận định tình hình chính trị không thể ổn định nhanh được vì Nhật mới làm đảo chính, chưa nắm và điều hành được bộ máy thống trị vốn là tay sai của Pháp để lại. Hội nghị quyết định phải gấp rút mở rộng lực lượng cách mạng trong hai tỉnh Nam - Ngãi, coi cách mạng Quảng Nam và cách mạng Quảng Ngãi gắn bó với nhau, lấy Đội du kích Ba Tơ làm nòng cốt, vận động ủng hộ Đội du kích Ba Tơ, phát triển Đội du kích Ba Tơ ra Trà Bồng (Quảng Ngãi), Trà My (Quảng Nam), lập căn cứ địa ở vùng núi, chuẩn bị đối phó với tình hình khi có khó khăn<sup>1</sup>.

Quân Nhật ngày càng hoạt động ráo riết, đưa quân lên căn cứ Cao Muôn càn quét hòng tiêu diệt Đội du kích Ba Tơ. Đội du kích gặp không ít khó khăn, nhưng cơ sở cứu quốc vẫn được mở rộng ở nhiều nơi, kể cả vùng cao Ba Tơ. Hầu hết những thủ lĩnh chống Pháp trong đồng bào dân tộc thiểu số lúc bấy giờ như Đinh Rua, Đinh Rói, Già Kiêu đều đứng về phía cách mạng. Tháng 4-1945, địch chia quân làm nhiều cánh kéo lên truy lùng du kích Ba Tơ. Đến làng ông Run, chúng đe dọa, bắt Già Kiêu phải dẫn đường đi đánh Đội du kích Ba Tơ, nhưng ông bất hợp tác với địch. Việc tiếp tế cho đội cũng gặp nhiều khó khăn. Các cơ sở ở đồng bằng chuyển lương thực cho đội nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, trong khi đó đội giữ nghiêm kỷ luật "không động đến cây kim, sợi chỉ của dân", thậm chí không nhận lương thực tiếp tế của nhân dân ở những nơi quá thiếu thốn. Do phải di chuyển từ rừng này qua núi khác, nơi ăn, chốn ở thiếu thốn, nên sức khỏe cán bộ, chiến sĩ bị ảnh hưởng.

---

1. Dẫn theo Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1945) (Sơ thảo), Sđd*, tr. 270.

Tuy gặp rất nhiều khó khăn nhưng tinh thần của đội vẫn vững vàng. Trong lúc này, các đoàn thể cứu quốc, các tổ chức vũ trang ở các huyện đồng bằng phát triển nhanh. Nhiều đồng chí từ các nhà lao Đắc Tô, Buôn Ma Thuột tiếp tục về tỉnh, kể cả một số đồng chí ở các tỉnh khác cũng tìm đến Quảng Ngãi đề nghị được tham gia hoạt động.

Trước tình hình đó, cuối tháng 4-1945, Tỉnh ủy họp Hội nghị mở rộng tại làng Thi Phổ Nhất (xã Đức Tân, Mộ Đức), tiếp tục đề ra những công tác mới nhằm đẩy mạnh phong trào kháng Nhật, cứu nước. Hội nghị một lần nữa nhấn mạnh: Phải kiên quyết đập tan các tổ chức tay sai của Nhật, vạch trần những luận điệu lừa bịp của chúng, vận động quần chúng đứng lên đấu tranh chống bắt phu, bắt lính; đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, của Việt Minh trong các tầng lớp quần chúng, giành ưu thế tuyệt đối về chính trị cả ở miền núi, nông thôn, đồng bằng và thị trấn, thị xã. Đưa đội du kích về đồng bằng, kịp thời cổ vũ phong trào và xây dựng lực lượng cứu quốc, phát triển lực lượng vũ trang tập trung, xây dựng hai chiến khu: phía bắc gọi là chiến khu Phan Đình Phùng ở Vĩnh Sơn, Vĩnh Tuy (xã Tịnh Hiệp, Sơn Tịnh), phía nam gọi là chiến khu Hoàng Hoa Thám ở Núi Lớn (xã Phổ Phong, Đức Phổ); lập quỹ nuôi quân, mua sắm vũ khí, thuốc men, lương thực, vải vóc, quân trang,... Cho ấn hành và phân phát những tài liệu tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân, nhất là tầng lớp trí thức, công chức, vận động trong binh lính địch cho trí thức và công chức, thư của Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh gửi anh em binh lính trong hàng ngũ địch, thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng gửi đồng bào toàn tỉnh.

Hội nghị cũng nêu rõ cần phải tăng cường sự lãnh đạo về mọi mặt, đẩy mạnh việc phát triển đảng viên, xây dựng chi bộ ở những nơi quan trọng; thành lập Ban Quân nhu, Ban Tài chính,



Ban Tuyên truyền huấn luyện, Ban Chấp hành các đoàn thể cứu quốc; đổi tên Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi thành Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi của Tổng bộ Việt Minh, ra báo *Chơn độc lập*, cử cán bộ chuyên trách công tác ở thị xã, thị trấn, đẩy mạnh công tác binh vận.

Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng trong tỉnh tích cực chuẩn bị mọi điều kiện để tiến hành cuộc khởi nghĩa to lớn, giành chính quyền trong toàn tỉnh khi thời cơ xuất hiện.

Tỉnh ủy vừa sử dụng báo chí, vừa tổ chức những đội tuyên truyền xung phong, tuyên truyền, giác ngộ và tổ chức quần chúng cách mạng tham gia các đoàn thể cứu quốc, các đội tự vệ cứu quốc, tiểu tổ du kích, ủng hộ nuôi quân. Chỉ trong vòng ba tháng, từ tháng 5 đến tháng 7-1945, số lượng hội viên cứu quốc lên đến hàng vạn người, bộ máy chỉ đạo của một số đoàn thể được xây dựng từ xã lên tổng, phủ, huyện, tỉnh<sup>1</sup>. Đoàn thể có số hội viên nhiều và phát triển nhanh là Hội Nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc và Thanh niên cứu quốc. Các chi hội Công nhân hỏa xa cứu quốc, Binh lính cứu quốc cũng được xây dựng. Phong trào cứu quốc có nơi gần như công khai, làm chủ ở nhiều vùng, nhất là ở vùng từ quốc lộ 1A giáp với các vùng căn cứ, những nơi Tỉnh ủy đóng cơ quan. Một số viên chức của chính quyền bù nhìn đứng về phía cách mạng, còn lại phần lớn hoang mang, dao động cực độ. Tri phủ, tri huyện Mộ Đức, Đức Phổ, Bình Sơn bất liên lạc và nhận việc của Việt Minh. Một số tổ thái độ trung lập. Nhiều chánh, phó tổng, tổng đoàn, lý hương các làng tham gia hàng ngũ cứu quốc của Việt Minh. Nhiều quan lại, cường hào, địa chủ lần lượt tham gia các hội thân hào cứu quốc

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 170.

hoặc ủng hộ thóc, lúa, tiền bạc cho cách mạng. Có nơi cả bộ máy chính quyền thôn, xã xin tự nguyện thực hiện mọi công việc của Mặt trận Việt Minh và giao nộp cả tiền quỹ, thóc lúa cho cách mạng sử dụng. Lực lượng thanh niên tiên tuyến của Chính phủ Trần Trọng Kim, các đảng phái, các nhóm phản động không dám hành động và tan rã.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy, các đồng chí Nguyễn Chánh, Nguyễn Đôn lên chiến khu nhằm phổ biến nghị quyết mới, đồng thời tổ chức lại bộ máy lãnh đạo đội du kích về chính trị và quân sự, vạch kế hoạch cụ thể đưa đội du kích về đồng bằng theo quyết định của Tỉnh ủy, đứng chân ở hai đầu nam, bắc tỉnh xây dựng hai chiến khu Vĩnh Sơn và Núi Lớn<sup>1</sup>.

Sau hơn hai tháng chuyển về hoạt động ở đồng bằng, từ trên 20 người, Đội du kích Ba Tư phát triển thành hai đại đội. Mỗi đại đội có từ 5 trung đội, mỗi trung đội có 5 tiểu đội. Số quân mỗi đại đội lúc đó tương đương một tiểu đoàn hiện nay.

Đại đội Phan Đình Phùng đóng quân ở phía bắc, lấy Vĩnh Sơn, Vĩnh Tuy (Tĩnh Hiệp, Sơn Tĩnh) làm căn cứ. Đồng chí Phạm Kiệt làm Đại đội trưởng, đồng chí Nguyễn Chánh làm Chính trị viên, đồng chí Võ Thứ và đồng chí Phan Phong làm Đại đội phó.

Đại đội Hoàng Hoa Thám đóng quân ở Núi Lớn (xã Phở Phong, Đức Phổ), lúc đầu do đồng chí Nguyễn Đôn làm Chính trị viên kiêm Đại đội trưởng. Đến tháng 6-1945, đồng chí Trần Công Khanh được phân công làm Đại đội trưởng, đồng chí

---

1. Phụ trách chiến khu phía bắc gồm các đồng chí: Phạm Kiệt, Nguyễn Chánh, Nguyễn Khoách, Phan Phong, Võ Huynh (Thứ), Lê Đồng, Võ Nhiếp, Lê Cần, Phạm Bá Mộc, Bùi Cả, Đinh Nhép, Võ Tuôi.

Phụ trách chiến khu phía nam gồm các đồng chí: Nguyễn Đôn, Nguyễn Tấn Phước, Phạm Hương, Nguyễn Trinh Anh, Nguyễn Hường (Hoa), Lê Lạc (Đức), Nguyễn Cừ, Huỳnh Quang Lâu, Huỳnh Họa, Nguyễn Hy (Thành).

Nguyễn Đôn làm Chính trị viên, đồng chí Lê Văn Đức và đồng chí Nguyễn Khoách làm Đại đội phó.

Hai đại đội vừa luyện tập, vừa cử người đi các địa phương để huấn luyện cho du kích cứu quốc và tự vệ cứu quốc, vừa chọn người trong các lực lượng này bổ sung cho các đại đội du kích Ba Tơ. Một số huyện như Ba Tơ, Sơn Tịnh... cũng có những bãi tập cho các đội du kích. Lực lượng vũ trang cứu quốc ở các làng, xã, tổng, huyện, kể cả thị trấn, thị xã, trong công nhân xe lửa ngày càng phát triển. Do đó, việc đảm bảo vật chất, vũ khí cho lực lượng vũ trang tập trung cũng như du kích, tự vệ ở các làng, xã lúc này đang là công tác cấp thiết.

Tháng 6-1945, Tỉnh ủy họp bàn, ra chỉ thị quy định phương hướng, nội dung, kế hoạch vận động và quản lý tài chính quân nhu các cấp, quyết định lấy ngày 27 tháng Giêng âm lịch (tức ngày 11-3 là ngày khởi nghĩa Ba Tơ) làm Ngày lạc quyền mua sắm khí giới cho đội du kích, mở rộng các hình thức quyên góp tiền bạc, lương thực, sắt thép, quân trang, quân dụng như ống nhòm, vũ khí, súng ống mà quần chúng lấy được khi quân Pháp bỏ chạy; lập hũ gạo cứu quốc, hũ gạo nuôi quân, chăm lo đảm bảo vật chất, sinh hoạt, hoạt động của các lực lượng vũ trang. Báo *Chơn độc lập* kịp thời phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách cho đông đảo quần chúng nhân dân, làm cơ sở cho việc tuyên truyền, giải thích, uốn nắn sự mơ hồ, dao động của một số người chưa nhận thức đúng tình hình, đồng thời vạch trần các luận điệu gian trá, xảo quyệt của địch và các nhóm phản động. Tạp chí *Xung phong* của Đội du kích Ba Tơ cũng ra đời để giáo dục đội viên và các lực lượng bán vũ trang trong tỉnh. Tỉnh ủy còn quyết định huy động thợ rèn ở các làng, xã lên chiến khu rèn vũ khí cho đội du kích.

Nhờ sự nuôi dưỡng của nhân dân, từ 17 chiến sĩ đầu tiên, Đội du kích Ba Tơ phát triển nhanh chóng thành một đội quân

mạnh mẽ, lên tới hàng trăm chiến sĩ với 200 khẩu súng các loại. Toàn tỉnh có hàng nghìn đội viên trong các tiểu tổ du kích (còn gọi là du kích dự bị) và đội viên tự vệ cứu quốc<sup>1</sup>.

Các đoàn thể cứu quốc phát động phong trào quyên góp tài chính, vật dụng, lương thực, quần áo, quân nhu, quân khí cho cách mạng, cho Đội du kích Ba Tơ. Phong trào không chỉ ở trong nội bộ tỉnh mà còn phát triển ra các tỉnh bạn, như Bình Định, Quảng Nam, Khánh Hòa. Có tỉnh vừa giúp vật chất, vừa chọn cán bộ để tăng cường cho Quảng Ngãi, phụ trách một số mặt công tác như Quảng Trị có đồng chí Trần Công Khanh, Quảng Nam có các đồng chí Hà Văn Tính và Trần Tổng được tăng cường cho công tác quân sự, báo chí, tuyên truyền, tổ chức hàng ngũ công nhân hỏa xa cứu quốc... Sự liên kết với các tỉnh bạn tạo thành thế liên hoàn gắn bó mật thiết, tin cậy, hỗ trợ lẫn nhau.

Trong một thời gian ngắn, các lò rèn vũ khí ở hai chiến khu được tổ chức. Sắt thép, băng ca từ các ngả được đưa lên chiến khu. Ngày đêm, trên các ngả đường đều có đoàn gánh gồng, mang cống, thuyền nhỏ, xe thồ vận chuyển lương thực, quân nhu lên hai chiến khu, có lúc còn dùng cả xe ô tô để vận chuyển. Từ một vài ang gạo, lúa, bắp, một vài chiếc áo, quần, đến hàng chục cây vải, hàng nghìn đồng bạc Đông Dương lúc bấy giờ được quần chúng tích cực đóng góp. Nhiều cá nhân trong bộ máy tay sai của Nhật, trong một số nhóm phản động cũng muốn xin gia nhập hàng ngũ Việt Minh. Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi của Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị số 6 nêu rõ những điều kiện để kết nạp như: Đứng trước quảng đại quần chúng tự chỉ trích hành động phản quốc của mình; viết tài liệu tự chỉ trích trên báo cách mệnh...

---

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 173.

Để tranh thủ thời gian vận động quần chúng trung gian đứng về phía cách mạng, những đội tuyên truyền xung phong của tỉnh, phủ, huyện, tổng về các thôn, xã tổ chức mítting, giải thích cho đồng bào hiểu rõ chủ trương kháng Nhật, cứu nước của Việt Minh; phân tích phê phán, vạch trần những luận điệu bịp bợm của quân Nhật và tay sai. Đối với những tên cầm đầu ngoan cố, cách mạng nghiêm khắc cảnh cáo, giám sát, bao vây, cô lập chúng. Ngoài ra, Việt Minh còn tiến hành đấu tranh trực diện với bọn tay sai. Ủy ban vận động cứu quốc khu đông nam Mộ Đức làm tan rã tổ chức Thanh niên tiền tuyến. Hầu hết các cuộc hiếu dụ do địch tiến hành để gọi là "trấn an" quần chúng, phát triển tổ chức của chúng trong tỉnh đều không được quần chúng hưởng ứng tham gia mà còn bị vạch mặt. Sức mạnh và thanh thế của Việt Minh, của Đội du kích Ba Tơ phát triển mạnh, từ phía tây quốc lộ 1 mở rộng sang phía đông, sát các vùng biển, kể cả đảo Lý Sơn. Các chiến khu Vĩnh Sơn, Núi Lớn phát triển lực lượng du kích lên đến các vùng ở Sơn Hà, Trà Bồng nối với Quảng Nam, phía nam ảnh hưởng đến Minh Long, Konplông (Kon Tum), Hoài Nhơn và An Lão (Bình Định).

Tuy nhiên, Tỉnh ủy vẫn chưa nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ ủy và Trung ương.

Xuất phát từ tình hình trên, Tỉnh ủy quyết định cử đồng chí Trần Huy đi chấp mối liên lạc với cấp trên để báo cáo tình hình và xin chỉ thị.

Căn cứ vào Nghị quyết Trung ương 8 của Đảng và Chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*, tháng 6-1945, Tỉnh ủy họp phân tích tình hình và đề ra nhiệm vụ mới, quyết định thành lập ban soạn thảo kế hoạch tiến hành tổng khởi nghĩa trong toàn tỉnh, gồm các đồng chí Nguyễn Chánh, Nguyễn Công Phương, Trần Quý Hai, Nguyễn Trí và Trần Huy.

Sau một tuần thảo luận, bàn bạc, dự thảo kế hoạch khởi nghĩa được thông qua với các nội dung:

a) Nhận định về tính chất, thái độ của quân Đồng minh, trừ Liên Xô, đều là kẻ cướp, khi đánh Nhật xong chúng sẽ tìm cơ xâm chiếm nước ta, tiếp tay cho bọn phản động chống lại cách mạng. Hầu hết bọn chúng đều không thể tin cậy được;

b) Bất kỳ tình huống nào, ta phải dựa vào thực lực của mình để tiến hành khởi nghĩa giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh đến. Tuyệt đối giữ nền độc lập, khi cần phải tiếp xúc với quân Đồng minh chỉ nêu khẩu hiệu hợp tác đánh Nhật, chứ không liên minh với chúng, vì liên minh dễ biến ta thành lực lượng để chúng chi phối, trở thành tay sai cho chúng thực hiện mưu đồ cướp nước ta;

c) Phương pháp để giành chính quyền là phát động quần chúng vũ trang khởi nghĩa, nhất tề đứng dậy cùng các lực lượng vũ trang sẵn có và binh lính giác ngộ trong quân đội địch mà đập tan chính quyền bù nhìn, uy hiếp buộc quân Nhật đầu hàng, tước vũ khí của Nhật, khi thời cơ trực tiếp của cách mạng đến phải chủ động nhanh chóng chớp lấy;

d) Cử người tìm bắt liên lạc trực tiếp với Trung ương và quan hệ chặt chẽ hơn nữa với các tỉnh bạn. Trong khi chờ đợi sự chỉ đạo của cấp trên, cần tiến hành mở hội nghị liên tịch các tỉnh Trung Bộ từ Quảng Bình trở vào để thông qua kế hoạch hành động, kế hoạch khởi nghĩa và kế hoạch phối hợp giữa các tỉnh và bầu Ban Thường trực điều khiển chung cuộc khởi nghĩa cả miền;

đ) Dự kiến điều kiện khởi nghĩa: Nhận được Chỉ thị của Trung ương, quân Đồng minh đổ bộ lên đất Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận để đánh Nhật, các tỉnh bạn nổi lên khởi nghĩa, nhân dân Nhật khởi nghĩa hoặc phátxít Nhật đầu hàng Đồng minh;

e) Biện pháp thực hiện: Tổ chức học tập tình hình và nhiệm vụ khẩn cấp cho cán bộ, đảng viên, hội viên các đoàn thể cứu quốc, các tổ chức vũ trang tập trung và cơ sở cứu quốc trong tỉnh. Xúc tiến việc mở đại hội các đoàn thể cứu quốc để hình thành các ban chấp hành từ huyện đến tỉnh. Phát động quần chúng tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc khởi nghĩa, sắm sửa vũ khí, tổ chức lực lượng và kế hoạch tiến hành từng cấp. Tiến hành các buổi lễ duyệt binh ở hai chiến khu nam, bắc tỉnh để động viên tinh thần quyết chiến, quyết thắng, hy sinh vì Tổ quốc và giao nhiệm vụ, kế hoạch hành động cụ thể cho mỗi đơn vị<sup>1</sup>.

Kế hoạch trên được phổ biến trong toàn tỉnh. Các cấp ủy đảng ra sức thực hiện để hoàn chỉnh các mặt chuẩn bị. Đồng chí Trần Huy mang kế hoạch này lên đường tìm cách liên lạc với Trung ương để báo cáo tình hình.

Đầu tháng 7-1945, sự liên kết giữa các tỉnh từ Quảng Bình trở vào Khánh Hòa đã thông. Quan hệ với Trung ương cũng được chấp nối. Nhiều tài liệu, chỉ thị, thông tin về các hoạt động của các lực lượng vũ trang, chính trị ở miền Bắc, miền Trung được gửi đến Tỉnh ủy. Được sự tin nhiệm của các đảng bộ, Tỉnh ủy Quảng Ngãi triệu tập hội nghị liên tỉnh Quảng Bình, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa ở Vĩnh Lộc (xã Tịnh Bình, Sơn Tịnh)<sup>2</sup>. Hầu hết các đồng chí

---

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 176-177.

2. Theo lịch sử đảng bộ các tỉnh Quảng Bình, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa đã công bố và ghi chép của đồng chí Trương Quang Giao, Hội nghị có sự tham gia của các đại biểu: Nguyễn Chí Thanh, đại biểu tỉnh Khánh Hòa; Lê Tự Nhiên (Lê Tự Đồng), đại biểu tỉnh Phú Yên; Trần Lương, đại biểu tỉnh Bình Định; Nguyễn Thúy và Phan Thềm, đại biểu tỉnh Quảng Nam; Hồng Xích Tâm, đại biểu tỉnh Quảng Bình.

trong Tỉnh ủy Quảng Ngãi đều tham dự hội nghị. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh, đại biểu Khánh Hòa mang theo 30 đồng bạc Đông Dương của Đảng bộ Khánh Hòa ủng hộ Đội du kích Ba Tơ<sup>1</sup>. Hội nghị nhận định tình hình địch, ta và bàn biện pháp thống nhất hành động, cử ban liên lạc, lấy Quảng Ngãi làm trung tâm cho phong trào các tỉnh Nam Trung Bộ, làm nhiệm vụ của Xứ ủy (đến thời điểm này Xứ ủy Trung Kỳ chưa được thành lập lại). Hội nghị thông qua và góp ý kiến thêm vào dự thảo kế hoạch chuẩn bị tổng khởi nghĩa của tỉnh Quảng Ngãi. Đặc biệt, hội nghị nhận định khi nào thời cơ đến phải kịp thời phát động quần chúng vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền trong vùng và có sự phối hợp giữa các tỉnh.

Đồng chí Tố Hữu, được sự phân công của Xứ ủy về dự Hội nghị. Đồng chí Tố Hữu đã thông báo tình hình trong và ngoài nước, phân tích sâu thêm tình thế cách mạng hiện tại và nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng, toàn dân là phải kiên quyết đứng lên giành lấy chính quyền từ tay phátxít Nhật. Một số vấn đề về chính sách, sách lược mới của Trung ương Đảng cũng được đồng chí Tố Hữu phổ biến rộng rãi, nên hội nghị nhận thức sâu sắc, vững chắc thêm. Hội nghị càng thêm tin tưởng, phấn khởi, tỏ rõ quyết tâm và tranh thủ thời gian thực hiện cho kịp thời.

Đồng chí Tố Hữu hoan nghênh sáng kiến của Đảng bộ Quảng Ngãi và các đảng bộ các tỉnh miền Trung đã dũng cảm nhận lấy trách nhiệm trước Đảng, vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng vào tình hình cụ thể của địa phương và giành được những thắng lợi đáng ghi nhận, nhất là

---

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 178.



tiến hành cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh, tổ chức được sự liên kết giữa các tỉnh để phối hợp hoạt động hỗ trợ lẫn nhau, nhằm thống nhất hành động và tổ chức cuộc hội nghị liên tịch này.

Tuy chưa phải hội nghị của một cấp ủy miền, nhưng được sự chỉ đạo của cấp trên, hội nghị cử đồng chí Nguyễn Chí Thanh đại biểu Khánh Hòa, đồng chí Trần Quý Hai đại biểu Quảng Ngãi đi dự Hội nghị toàn quốc của Đảng và Hội nghị Quốc dân ở Tân Trào do Tổng bộ Việt Minh triệu tập. Theo ý kiến của đồng chí Tố Hữu, Hội nghị còn giao cho Tỉnh ủy Quảng Ngãi chịu trách nhiệm phối hợp mọi hoạt động đấu tranh cách mạng giữa các tỉnh trong vùng, nhất là khi có thời cơ nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Đồng chí Bùi Định được cử làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, trực tiếp phụ trách thị xã Quảng Ngãi, chịu trách nhiệm chuẩn bị khởi nghĩa ở địa bàn quan trọng này.

Trong nửa đầu tháng 8-1945, các mặt công tác chuẩn bị cho khởi nghĩa cơ bản hoàn thành. Các lực lượng trung gian và hầu hết nhân sĩ, trí thức ngả về phía cách mạng. Các cấp chính quyền tay sai của địch rệu rã, nhiều người tình nguyện tham gia hàng ngũ Việt Minh. Việt Minh có thể gặp trực tiếp các tri huyện, thậm chí cả tuần vũ và những người đứng đầu cấp tỉnh phân tích tình thế cách mạng. Họ không dám phản ứng và ngăn cản các hoạt động của Việt Minh. Bọn cơ hội, phản động đội lột tôn giáo, Quốc dân Đảng không dám hoạt động.

Để chủ động nắm bắt thời cơ giành chính quyền, trong khi có một vài thông tin về số phản động đội lột đạo Cao Đài đang chuẩn bị cướp chính quyền trong năm Dậu, giờ Dậu, ta tiến hành tuyên truyền phân tích tình hình để tranh thủ đại đa số tín đồ, đồng thời nghiêm khắc cảnh cáo số phản động tay sai. Tỉnh ủy chỉ đạo kế hoạch tổ chức duyệt binh cho hai đại đội

du kích tập trung ở hai chiến khu. Ngày 10-8, một cuộc duyệt binh do Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi của Tổng bộ Việt Minh tỉnh tổ chức tại chiến khu Vĩnh Sơn để trao cờ và giao nhiệm vụ cho Đại đội Phan Đình Phùng. Buổi lễ được tổ chức rất trang trọng với sự có mặt của tất cả đội viên và Ban chỉ huy đại đội, trung đội. Đồng chí Hồ Thiết, đại diện cho Ủy ban vận động cứu quốc của Tổng bộ Việt Minh tỉnh trực tiếp trao cờ, động viên và giao nhiệm vụ cho đội. Đồng chí Nguyễn Chánh thay mặt Đại đội nhận cờ và hứa quyết tâm làm tròn nhiệm vụ. Đồng chí Nguyễn Đôn - Chính trị viên Đại đội Hoàng Hoa Thám ở chiến khu Núi Lớn phía nam, thay mặt cho Đại đội Hoàng Hoa Thám tham dự, rút kinh nghiệm để tổ chức buổi lễ ở đơn vị mình. Buổi lễ còn có đại biểu các đoàn thể cứu quốc như phụ nữ, thanh niên,... Đồng chí Đinh Trung, đại diện cho Ủy ban vận động cứu quốc Bình Định đến dự và tặng quà gồm 1 ống nhòm, 1 la bàn và 1 bản đồ quân sự... "Để đẩy mạnh phong trào du kích phát triển lên một bước mới, Tỉnh ủy đồng ý cho chi bộ Phan Đình Phùng đánh các trận nhỏ trên đường giao thông từ Đồng Ké đi Hà Thành và từ Châu Ổ đi Trà Bồng"<sup>1</sup>.

Đồng chí Phạm Kiệt - Đại đội trưởng Đại đội Phan Đình Phùng thay mặt cán bộ, chiến sĩ hứa quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ đánh đuổi Nhật, Pháp thắng lợi.

Các đại biểu dự định vào dự lễ duyệt binh của Đại đội Hoàng Hoa Thám ở chiến khu phía nam, tuy nhiên, tình hình và thời cơ phát triển quá nhanh, ngoài dự tính của ta, nên cuộc duyệt binh ở chiến khu Hoàng Hoa Thám không kịp tổ chức.

---

1. Phạm Kiệt: *Hồi ký Từ núi rừng Ba Tơ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1977, tr. 107.

Ngày 14-8, qua đài địch, cơ sở của ta nắm được thông tin Hồng quân Liên Xô đánh tan đội quân Quan Đông của Nhật. Mỹ thả hai quả bom nguyên tử xuống Hirôshima và Nagasaki. Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Trưa ngày 14-8-1945, tuy chưa nhận được lệnh của Trung ương nhưng nắm bắt tình hình và thời cơ một cách chủ động, đồng chí Trương Quang Giao tổ chức họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nhận định: Thời cơ khởi nghĩa đã đến! Phải cấp tốc huy động quần chúng nổi dậy vũ trang khởi nghĩa, đánh đổ toàn bộ chính quyền địch, giành chính quyền về tay nhân dân. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định nhanh chóng chớp thời cơ và cấp tốc ban hành hai Chỉ thị số 8 và số 9 gửi đến các cấp bộ, các lực lượng vũ trang trong tỉnh lúc 15 giờ ngày 14-8-1945.

Chỉ thị số 8 viết:

"Giặc Nhật đã đầu hàng Đồng minh. Các cấp hội, các ban chấp hành phải cấp bách huy động toàn dân chúng vũ trang để kịp thời khởi nghĩa.

Các đội tự vệ, tiểu tổ du kích phải sẵn sàng. Ban chấp hành cấp hội nào cũng đều phải thi hành kỷ luật triệt để.

Huy động bằng hình thức công khai, truyền đơn, cờ, áp phích, công khai biểu tình, mítting, võ trang bắt giữ bọn Việt gian.

Tình thế cấp bách phải thi hành triệt để chỉ thị, không được chậm trễ. Các đồng chí phải nỗ lực.

Hy sinh cho Tổ quốc".

Liên sau đó, Chỉ thị số 9 cũng được ban hành, trong đó viết:

"1. Tước khí giới quân Nhật và bảo an trong những nơi đã võ trang quần chúng, cương quyết thi hành.

2. Phải huy động tự vệ, du kích bảo vệ và giữ gìn chiến sĩ và cơ quan cách mệnh.

3. Phải huy động thợ rèn trong mỗi làng để rèn khí giới công khai.

4. Các cấp bộ, các ban chấp hành tổng, làng đều phải may cờ Việt Minh, băng cho nhiều..."<sup>1</sup>.

Cuộc họp quyết định giao Thường trực Tỉnh ủy đảm nhận nhiệm vụ Ban lãnh đạo khởi nghĩa trong toàn tỉnh, do đồng chí Trương Quang Giao phụ trách. Ở các địa phương đã có sự phân công trước, do các đồng chí Tỉnh ủy viên đảm nhận nhiệm vụ này cùng với các đồng chí lãnh đạo ở từng địa phương. Các đồng chí phụ trách quân sự cấp tốc trở về các chiến khu, đưa lực lượng vũ trang đánh vào các đồn thượng du, các đồn bảo an tước khí giới quân Nhật ở những nơi có điều kiện để hỗ trợ cho quần chúng khởi nghĩa ở các huyện, phủ lỵ và thị xã.

Đúng 16 giờ ngày 14-8, tiếng trống khởi nghĩa vang lên từ Thị Phố Nhất (xã Đức Tân, Mộ Đức), nơi đóng cơ quan của Tỉnh ủy, sau đó lan nhanh đi các nơi. Con bão táp cách mạng bùng lên trong toàn tỉnh, từ huyện này sang huyện khác, từ xã này đến xã khác. Mệnh lệnh được truyền đến đâu thì lập tức nhân dân ở đó vũ trang gậy gộc cùng với các tổ chức tự vệ cứu quốc và du kích cứu quốc dưới sự lãnh đạo của tổ chức đảng và Việt Minh vùng lên khởi nghĩa.

Ban lãnh đạo của tỉnh chuyển về Xuân Phổ (xã Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa) để trực tiếp chỉ đạo cuộc khởi nghĩa trong toàn tỉnh và ở thị xã. Các lực lượng vũ trang tập trung ở hai chiến khu cũng triển khai lực lượng theo kế hoạch và mệnh lệnh của Tỉnh ủy và Ban lãnh đạo khởi nghĩa.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 182.

Chiều và đêm 14-8, hầu hết các làng dọc quốc lộ 1, nhân dân vùng dậy giành chính quyền. Riêng ở thị xã, khởi nghĩa chưa kịp tiến hành bên trong nội thị, ở bên ngoài quần chúng đã nổi dậy. Các lực lượng cứu quốc ở ga xe lửa huy động quần chúng nổi dậy chiếm nhà ga và các vùng lân cận. Ngày 15-8, Tỉnh ủy ra Chỉ thị thành lập chính quyền cách mạng ở các làng, tổng, phủ, huyện, tỉnh. Đến đêm 15-8 hầu hết các làng, xã, tổng, phủ, huyện, kể cả thị xã và đảo Lý Sơn, nhân dân nổi dậy giành chính quyền.

Tại Mộ Đức, Ủy ban khởi nghĩa phủ được thành lập gồm các đồng chí Võ Xuân Hào - Bí thư Huyện ủy, Võ Xuân Đàm, Võ Xuân Phú, Phan Đồng, Bùi Bình, Phạm Quang Lược, do đồng chí Phạm Quang Lược làm Chủ tịch.

Cách mạng bùng lên từ các làng thuộc xã Đức Tân lan nhanh đến các làng thuộc xã Đức Nhuận, Đức Chánh, Đức Lân dọc quốc lộ 1, rồi đến các làng thuộc xã Đức Phong, Đức Minh, Đức Phú, Đức Hòa,... Nhiều tên Việt gian bị bắt. Các đồn bảo an bị tự vệ cứu quốc và du kích cứu quốc tấn công. Lính bảo an ở các đồn Quán Lát, Thiết Trường, Thạch Trụ... đầu hàng và giao súng cho cách mạng. Tri phủ Mộ Đức và toàn bộ nha lại đầu hàng. Chính quyền cách mạng ở phủ được thành lập do đồng chí Phạm Quang Lược làm Chủ tịch. Cũng trong khoảng thời gian này, tại cổng Thợ Xưa, Mỏ Cày (xã Đức Chánh) đã diễn ra trận đánh ác liệt, không cân sức giữa lực lượng du kích Ba Tơ với hàng trăm quân Nhật. Kết quả, hàng chục lính Nhật bị chết tại chỗ, phía ta có 7 đồng chí hy sinh (trong đó có 5 du kích Ba Tơ) và 4 đồng chí khác bị thương.

Tại Đức Phổ, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Trần Ruộng, Ban khởi nghĩa huyện lập tức huy động quần chúng khởi nghĩa ngay sau khi tiếp nhận được mệnh lệnh. Tối ngày

14-8, tiếng trống mõ thúc giục quần chúng vùng lên khởi nghĩa. Du kích tự vệ cứu quốc vũ trang bằng dao, gậy gộc kéo đi vây bắt những phần tử chống đối cách mạng, những tên gây nhiều tội ác với nhân dân. Nhiều tên bị bắt, một số tên khác tìm đường trốn thoát.

Ở thị trấn Đức Phổ có một tiểu đội lính Nhật đang đóng quân. Tối ngày 14-8, Ban lãnh đạo khởi nghĩa tổng Phổ Tri thông qua một cơ sở cách mạng có quan hệ với Nhật gửi cho chúng bức thư đề nghị không can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam, ra đường không mang vũ khí. Chúng phải chấp nhận điều kiện đó. Nhân dân kéo vào chiếm huyện đường. Nửa đêm ngày 14-8, hai đại diện của Việt Minh tổng Phổ Tri vào huyện đường tiếp nhận sự đầu hàng của tri huyện Trần Văn Việt.

Cuộc khởi nghĩa diễn ra đồng loạt, giành thắng lợi nhanh chóng trong đêm ngày 14-8 ở hầu hết các xã trong huyện Đức Phổ.

Ngày 15-8, quần chúng cách mạng biểu tình thị uy, tổ chức mítting. Riêng ở Tân Diêm (cách Sa Huỳnh 2 km về phía bắc) có 1 tiểu đội lính bảo an đang đóng quân. Ở Sa Huỳnh có hai tên Nhật ở trong đồn Thương Chánh được vũ trang bằng súng máy, có hầm ngầm, công sự.

Trưa ngày 15-8, du kích và tự vệ cứu quốc đột nhập vào trại bảo an Tân Diêm, bắt 10 tên bảo an, thu 10 súng, bắt giam lý trưởng Tân Diêm, rồi kéo vào phối hợp với các lực lượng khởi nghĩa ở La Vân tiến về Sa Huỳnh uy hiếp địch. Với khí thế của lực lượng quần chúng vũ trang khởi nghĩa, Việt Minh thuyết phục được tiểu đội bảo an ở Sa Huỳnh đầu hàng và cho chúng về với gia đình.

Chiều ngày 15-8, lực lượng khởi nghĩa tiến công đồn Thương Chánh, Sa Huỳnh. Hai tên Nhật dựa vào công sự chống

cự, bắn trả làm hai chiến sĩ hy sinh. Trong khi đó, công nhân ga Sa Huỳnh tháo đường ray ở đầu phía nam cầu Lỗ làm lật nhào một đầu tàu hỏa xuống sông. Bọn Nhật từ phía nam ra quyết chiếm lại Sa Huỳnh, bị ta đánh trả quyết liệt. Đồng chí Trần Bá Hiệp - Ủy viên Ban lãnh đạo khởi nghĩa tổng Phổ Vân bị địch bắt và giết hại.

Trong ngày 16-8, hai toán lính Nhật đến làng An Ninh (Phổ Ninh) bị ta đánh phải quay ra, lui về thị xã. Ở một số nơi khác, quân Nhật phản kích, ta vừa thuyết phục vừa đánh trả quyết liệt, buộc chúng phải rút quân.

Chính quyền các xã được thành lập. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện Đức Phổ được thành lập do đồng chí Võ Tông làm Chủ tịch.

Tại Ba Tơ, đồng chí Nguyễn Trí cùng với các đồng chí Việt Minh ở các làng thuộc hai xã Ba Đình, Ba Động, gồm Trần Mai, Trần Hóa, Nguyễn Như Côn, Huỳnh Bê, Giáo Cát, Phạm Chánh, Phạm Mậu,... huy động lực lượng, kêu gọi nhân dân tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền ở các làng thuộc hai xã và thị trấn. Sau khi nhận được lệnh lúc 6 giờ ngày 15-8, khởi nghĩa đã lan ra các làng thuộc các xã dọc đường số 5 và toàn châu. Châu lý và đồn Ba Tơ đã bị quân khởi nghĩa chiếm lúc 10 giờ ngày 15-8 tên. Bùi Danh Ngũ bị bắt. Lính ở đồn Ba Tơ đầu hàng, giao nộp vũ khí. Một số tên phản động ở địa phương bị trừng trị.

Ủy ban cách mạng lâm thời châu Ba Tơ được thành lập, lúc đầu do đồng chí Huỳnh Thanh phụ trách, sau đó chuyển giao cho ông Đình Khanh (người dân tộc Hrê), một chánh tổng sớm đứng về phía cách mạng làm Chủ tịch.

Đồng chí Nguyễn Trí cử một đoàn cán bộ lên Konplông (Kon Tum) kêu gọi nhân dân đứng lên khởi nghĩa, kêu gọi chỉ

huy và binh lính đồn Konplông hạ vũ khí, giao đồn cho cách mạng. Bọn lính và chỉ huy đồn đầu hàng giao nộp toàn bộ vũ khí. Chính quyền cách mạng lâm thời thành lập, sau đó bàn giao lại cho Việt Minh Kon Tum tiếp quản.

Trước đó, một đơn vị của du kích Ba Tơ ở Đại đội Hoàng Hoa Thám theo mệnh lệnh của Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy đại đội lên giúp nhân dân Ba Tơ, Minh Long giành chính quyền, nhưng khi đến nơi thì mọi việc đã hoàn thành. Đơn vị lập tức chuyển quân về Đức Phổ, Nghĩa Hành theo kế hoạch khởi nghĩa.

Tại Nghĩa Hành, mệnh lệnh khởi nghĩa do đồng chí Nguyễn Thứ mang về đến Hòa Vinh (Hành Phước) lúc 16 giờ ngày 14-8. Lập tức, các lực lượng quần chúng và tự vệ, du kích cứu quốc nhanh chóng tập hợp, mang theo gậy gộc, dao rựa. Cùng lúc, nhân dân trong làng thuộc các xã Hành Phước, Hành Tín, Hành Thịnh hò reo hưởng ứng. Lực lượng khởi nghĩa nổi dậy lùng bắt Việt gian, lý hương, thu đồng triện. Tối ngày 14-8, Ủy ban vận động cứu quốc huyện Nghĩa Hành họp bất thường để thống nhất chủ trương, kế hoạch phát động quần chúng tiến hành vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền. Sáng ngày 15-8, các làng, xã trong huyện nhận được lệnh khởi nghĩa. Nhân dân và các lực lượng tự vệ, du kích cứu quốc xã Hòa Vinh xông vào đồn Hòa Vinh yêu cầu lính Nhật hạ vũ khí đầu hàng. Ta giằng co với địch, đồng thời báo tin lên cấp trên. Một đơn vị du kích Ba Tơ kéo đến, bọn Nhật bỏ đồn tháo chạy về thị xã.

Ngày 15-8, toàn huyện nổi dậy với sự tiếp sức của lực lượng du kích Ba Tơ do đồng chí Nguyễn Đôn trực tiếp chỉ huy. Hai trung đội du kích Ba Tơ cùng với lực lượng khởi nghĩa địa phương bao vây huyện lỵ. Tên tri huyện đầu hàng và ra lệnh đồn bảo an giao súng cho quân khởi nghĩa. Lúc 16 giờ, Ủy ban khởi nghĩa tuyên bố giành được chính quyền trong toàn huyện và tiến hành



xử trị bọn Việt gian. Tối ngày 15-8, Ủy ban khởi nghĩa họp, quyết định thành lập chính quyền cách mạng huyện.

Ủy ban cách mạng lâm thời huyện Nghĩa Hành, gồm 5 đồng chí, do đồng chí Trương Đình Khánh làm Phó Chủ tịch. Một tuần lễ sau đó, Tỉnh ủy cử đồng chí Nguyễn Công Phương làm Chủ tịch.

Tại Sơn Hà, Việt Minh xã Hà Tân được Việt Minh tỉnh giao nhiệm vụ hoạt động trên toàn địa bàn Sơn Hà. Trước đây, các đồng chí Lâm Hữu Bá, Lê Trọng Lung, Đặng Ngọc Liên, Trần Quang Hải (tức Di), On (Bảy Đậu), Nguyễn Chuẩn (tức Tài) được giao trách nhiệm hoạt động ở vùng cao Sơn Hà. Đồng chí Nguyễn Quang Lâm từng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng khi đang hoạt động ở đây và xây dựng một trung đội du kích thoát ly vào ngày 14-7-1945, do đồng chí Đinh Ngót làm Trung đội trưởng, Đinh Anh làm Trung đội phó, trực thuộc Đại đội Phan Đình Phùng và có quan hệ với chiến khu Tà Ôt (Tư Nghĩa).

Việc khởi nghĩa giành chính quyền của các lực lượng cứu quốc và nhân dân ở Sơn Hà được tiến hành thuận lợi với sự trợ giúp của các đơn vị du kích Ba Tơ ở chiến khu Phan Đình Phùng, do các đồng chí Nguyễn Chánh và Phạm Kiệt chỉ huy.

Ngày 15-8, Việt Minh xã Hà Tân đang họp bàn kế hoạch khởi nghĩa thì được tin lực lượng du kích Ba Tơ do đồng chí Phan Phong và đồng chí Phan Điệt chỉ huy chiếm xong châu lỵ Sơn Hà ở làng Rê (Sơn Giang), nên lập tức đưa người về châu lỵ tiếp quản. Các đồng chí Nguyễn Ngọc Mai, Đặng Ngọc Liên, Nguyễn Thị Kỳ cùng với các đồng chí chỉ huy du kích Ba Tơ trực tiếp tiếp nhận sự đầu hàng của địch, thu 35 súng. Lực lượng du kích Ba Tơ để lại 4 chiến sĩ do đồng chí Hạ Thanh Nga chỉ huy cùng với địa phương truy quét, bắt bọn phản động và tay sai Nhật, Pháp...

Trong lúc đó, lực lượng du kích Ba Tơ bao vây đồn Di Lăng. Địch ngoan cố không đầu hàng. Lúc 18 giờ ngày 15-8-1945, đồng chí Nguyễn Chánh và Phạm Kiệt thực hiện kế hoạch "điệu hổ ly sơn", bắt tên chỉ huy Quản Trân và buộc tên này gọi lính đầu hàng. Ta chiếm được đồn. Hai trung đội du kích Ba Tơ để lại 6 chiến sĩ giữ đồn và nhanh chóng chuyển quân về Xuân Phổ. Ngày 17-8, Việt Minh điều một trung đội du kích làng An Kim (Tĩnh Giang) do đồng chí Lê Chi, chính trị viên lên làm nhiệm vụ ổn định tình hình ở Sơn Hà.

Ủy ban cách mạng lâm thời châu Sơn Hà được thành lập, do đồng chí Nguyễn Minh làm Chủ tịch, ra mắt nhân dân ngày 20-8-1945.

Tại Minh Long, chiều ngày 14-8, Ban vận động cứu quốc nhận được lệnh khởi nghĩa của tỉnh, kèm theo thư của đồng chí Nguyễn Đăng Vân từ Nghĩa Hành gửi lên. Ban cử đồng chí Lê Quang Ngọc cấp tốc xuống Nghĩa Hành bàn kế hoạch, nhận khẩu hiệu và truyền đơn cách mạng đem về. Giữa đường, đồng chí Ngọc gặp đồng chí Nguyễn Trí từ Mộ Đức lên báo tin về những việc phải làm ngay và gấp rút về Minh Long. Ngay trong đêm ngày 14-8, lúc 20 giờ, Ban vận động cứu quốc họp bàn và quyết định chuyển thành Ban chỉ huy khởi nghĩa trong toàn châu. Theo kế hoạch, Ban huy động toàn bộ lực lượng chính trị, vũ trang cùng quần chúng chia làm ba bộ phận: một bộ phận đánh chiếm đồn Minh Long; một bộ phận đánh chiếm Nha kiểm lý; một bộ phận bắt lý hương các xã giao ấn tín. Mỗi bộ phận đều có một đồng chí trong Ban chỉ huy trực tiếp phụ trách.

Lúc 21 giờ, lực lượng vũ trang khởi nghĩa gồm 8 người, do đồng chí Lê Quang Ngọc chỉ huy đánh chiếm Đồn bảo an. Dựa vào sự quen biết, đồng chí Ngọc gọi lính trong đồn mở cửa. Cửa đồn mở, đồng chí Ngọc và anh em xông vào, buộc lính trong đồn

phải đầu hàng. Lực lượng đánh chiếm Nha kiểm lý do đồng chí Nguyễn Trí và Trần Đề chỉ huy. Lực lượng khởi nghĩa mưu trí buộc tên kiểm lý Phạm Văn Lý giao nộp toàn bộ sổ sách, ấn tín và 6 khẩu súng cho lực lượng khởi nghĩa.

Chỉ trong vòng 3 giờ đồng hồ, lực lượng khởi nghĩa chiếm xong Đồn bảo an và Nha kiểm lý. Trong khi đó, đồng chí Lê Đình Dung chỉ huy quân khởi nghĩa, bắt được tên lý trưởng Đề và Tăng Long, hương kiểm xã.

Khởi nghĩa ở Minh Long thắng lợi. Trước đó, một trung đội du kích Ba Tư (trung đội Củ Đình) do đồng chí Hoa (Hường, Niên) chỉ huy, đồng chí Phạm Khai làm chính trị viên kéo lên hỗ trợ cho lực lượng khởi nghĩa, nhưng khi đến nơi thì khởi nghĩa đã thắng lợi. Ban chỉ huy khởi nghĩa huyện giao cho đội du kích Ba Tư 15 khẩu súng chiến lợi phẩm và giữ lại 5 khẩu súng trang bị cho lực lượng tự vệ, du kích cứu quốc ở địa phương làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự, trị an.

10 giờ sáng ngày 15-8, khoảng 100 quần chúng được huy động tham gia cuộc tuần hành thị uy chung quanh nha lý, hô vang các khẩu hiệu: Đả đảo thực dân Pháp! Đả đảo phátxít Nhật! Đả đảo bọn Việt gian phản quốc! Cách mạng thành công muôn năm! Việt Nam độc lập muôn năm! Sau đó, đoàn biểu tình đến trường học Minh Long dự lễ ra mắt Ủy ban cách mạng lâm thời nha Minh Long, do đồng chí Trần Đề làm Chủ tịch.

Tại Sơn Tịnh, trước ngày khởi nghĩa, tình thế cách mạng chín muồi, Ủy ban vận động cứu quốc đảm nhiệm chức năng của Ủy ban khởi nghĩa. Các Ủy ban khởi nghĩa tổng, xã được thành lập, lực lượng phòng triệt được tổ chức. Các tổ chức tự vệ cứu quốc, du kích cứu quốc được tập luyện và trang bị gậy gộc, dao, giáo, mác; lập danh sách những tên ác ôn cần phải

trừng trị. Kế hoạch khởi nghĩa được vạch ra và chờ lệnh của cấp trên.

16 giờ ngày 14-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa huyện nhận được lệnh khởi nghĩa của tỉnh, liền ra mệnh lệnh cho các ủy ban tổng, xã huy động tất cả các lực lượng cứu quốc và nhân dân vùng lên khởi nghĩa. Lập tức tiếng tù và, tiếng mõ, xèng la vang lên khắp các nẻo đường xóm, thôn. Bọn Việt gian ngoan cố bị bắt. Các ngã đường đều được du kích tự vệ chốt giữ để kiểm soát người lạ mặt đến địa phương. Mọi người dân đều tự trang bị vũ khí có sẵn như dao, mác, gậy gộc... tham gia cuộc khởi nghĩa.

Ở huyện đường Sơn Tịnh, chính quyền tay sai và lực lượng bảo an hoảng hốt bỏ chạy, chỉ còn một ít lần trốn trong đồn. Ủy ban khởi nghĩa huyện quyết định giao cho đồng chí Nguyễn Thủy và Ban khởi nghĩa Tổng Hòa trực tiếp lãnh đạo các lực lượng du kích cùng quần chúng tiến hành đánh chiếm huyện lỵ. Đến ngày 16-8-1945, lực lượng khởi nghĩa các làng Diên Phước, Phú Nhuận, Phong Niên phối hợp với các xã ven sông Trà Khúc chia thành nhiều mũi đột nhập vào phủ đường. Khiếp sợ trước khí thế của lực lượng khởi nghĩa, địch phải đầu hàng. Tri phủ Phạm Phú Tiết và bọn tay sai bị bắt. Ta thu nhiều tài liệu, hồ sơ, súng đạn. 22 giờ đêm ngày 16-8, bộ máy tay sai của địch trên địa bàn huyện Sơn Tịnh tan rã, chính quyền về tay nhân dân.

Ủy ban cách mạng lâm thời các xã, tổng lần lượt được thành lập. Ủy ban cách mạng lâm thời huyện Sơn Tịnh được thành lập, đồng chí Phan Xích được cử làm Chủ tịch.

Tại Trà Bồng, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, lực lượng của đội du kích Ba Tơ do đồng chí Võ Thứ chỉ huy từ chiến khu Vĩnh Sơn lên hỗ trợ lực lượng cứu quốc và quần chúng tiến hành khởi nghĩa. Việt Minh ở Trà Bồng nhận

được lệnh khởi nghĩa, chiều tối ngày 14-8, các đồng chí Đào Du, Bùi Thanh, Bùi Anh triệu tập lực lượng nông cốt, phân công một bộ phận chặt cây chặn đường từ Châu Ổ lên Trà Bồng để ngăn cản quân Nhật; một bộ phận vây bắt Việt gian; một bộ phận phối hợp với du kích Ba Tơ vây đánh chiếm đồn Trà Bồng; một bộ phận huy động các thợ may ở Đông Phú, Vinh Hòa may cờ đỏ sao vàng. Tất cả công việc đều được tiến hành từ đêm ngày 14-8. Hai trung đội du kích Ba Tơ từ chiến khu kéo ra Trà Hòa (Trà Bình) tiến lên các làng thuộc xã Trà Phú, Trà Thủy, qua Trà Xuân thì gặp quân Nhật áp sát châu ly. Theo kế hoạch, lực lượng khởi nghĩa địa phương phối hợp với lực lượng du kích Ba Tơ bao vây uy hiếp địch. Tên kiểm lý và toàn bộ lính đầu hàng nhanh chóng. Những tên phản động cầm đầu cũng bị bắt. Toàn bộ chính quyền địch bị lật đổ. Khi chiếm xong châu ly, lực lượng du kích Ba Tơ kéo về đồng bằng, Việt Minh tỉnh chỉ định đồng chí Bùi Anh phụ trách chính quyền cách mạng châu Trà Bồng.

Sau đó, Ủy ban cách mạng lâm thời châu Trà Bồng được thành lập, ra mắt nhân dân, do đồng chí Đào Du làm Chủ tịch.

Tại Bình Sơn, lệnh khởi nghĩa về từ chiều tối ngày 14-8, trong đêm đã đến được hầu hết các xã. Sáng ngày 15-8, đồng chí Phạm Chương, thành viên Ủy ban vận động cứu quốc của Tổng bộ Việt Minh tỉnh triệu tập hội nghị, gồm đại diện các tổng tại Ngọc Trì (Bình Chương) để phổ biến mệnh lệnh và bàn kế hoạch khởi nghĩa. Ủy ban khởi nghĩa phù cùng với Ban khởi nghĩa các tổng trực tiếp chỉ huy các địa phương tiến hành khởi nghĩa ngay trong ngày 15-8 và ra lệnh trong ngày 15-8 toàn bộ chính quyền phải về tay nhân dân. Cũng trong ngày, khi được tin nhân dân khởi nghĩa ở nhiều nơi, tri phủ Phạm Phú Huru cùng gia đình bỏ phủ đường chạy về quê Quảng Nam. Cai, đề

đóng cửa phủ chờ Việt Minh đến để bàn giao ấn tín, sổ sách. Hầu hết lý hương các làng xã, tổng đều đem nộp sổ sách, đồng triện cho lực lượng khởi nghĩa. Một số tên phản động bị bắt. Một số chức sắc và phần tử phản động đội lốt tôn giáo chống đối cách mạng bị trừng trị.

Trong khi đó, quân Nhật còn chốt giữ đầu cầu phía bắc Châu Ô. Một đơn vị của du kích Ba Tơ từ Trà Bồng tiến về giúp huyện Bình Sơn đánh Nhật và tiến hành khởi nghĩa. Các lực lượng tự vệ và du kích cứu quốc (du kích dự bị) các làng thuộc xã Bình Trung, Bình Dương được huy động đánh quân Nhật. Lực lượng du kích Ba Tơ dùng thuyền áp sát đồn nhưng bị quân Nhật phát hiện, chúng bắn chìm thuyền và làm hai chiến sĩ hy sinh. Tuy nhiên, trước tình thế chung nên quân Nhật cũng không thể chốt giữ được ở đây, đến ngày 16-8, chúng buộc phải rút về tỉnh lỵ, lập tức lực lượng khởi nghĩa về tiếp quản huyện lỵ. Ủy ban vận động cách mạng lâm thời huyện Bình Sơn được thành lập, do đồng chí Lê Vỹ làm Chủ tịch.

Ngày 19-8, du kích Tiên Đào (Bình Trung) chặn bắt một xe ô tô chở hai tên Trần Bình - đốc lý Đà Nẵng và Phan Thúc Ngô - tổng đốc Nghệ An. Bọn chúng khai là vào Sài Gòn nhận mệnh lệnh Nhật về ám sát Bảo Đại, rước Cường Để về làm quốc trưởng.

Ngày 20-8-1945, du kích An Hải (Bình Châu) lập mưu giết 2 tên Nhật và 1 tên bảo an đang canh giữ nhà đèn Phú Quý có hành động chống cự cách mạng, thu được 3 khẩu súng<sup>1</sup>.

Tại Lý Sơn, sau khởi nghĩa Ba Tơ, Trương Túc - bang tá<sup>2</sup> Lý Sơn, cùng gia đình bỏ chạy khỏi đảo. Công việc chuẩn bị khởi

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 194-195.

2. Bang tá là một chức quan nhỏ trong chính quyền thực dân Pháp phụ trách trật tự an ninh ở các địa phương.

nghĩa được chỉ bộ Đảng và Việt Minh Lý Sơn tiến hành rất khẩn trương. Một trung đội du kích gồm 18 đội viên được thành lập. Các đồng chí Nguyễn Thu (Bê Bê) và Nguyễn Ngọc Lan được cấp trên cử ra đảo huấn luyện du kích cứu quốc. Gươm, giáo, mác, mã tấu được rèn để vũ trang cho đội và quần chúng cách mạng. Các đoàn thể cứu quốc được chuẩn bị tư tưởng sẵn sàng hành động khi thời cơ đến.

Nhận được lệnh khởi nghĩa, chỉ bộ Đảng họp quyết định ngày 16-8-1945 là ngày toàn dân khởi nghĩa trên đảo Lý Sơn. Ủy ban quân sự cách mạng đảo Lý Sơn được thành lập, do đồng chí Phạm Nật làm Trưởng ban; đồng chí Phạm Lệ làm Phó ban kiêm Trung đội trưởng trung đội du kích; đồng chí Dương Hãnh làm Phó ban phụ trách xã Hải Yên; đồng chí Nguyễn Thanh Lược làm Phó ban phụ trách xã Vĩnh Long. Ủy ban khởi nghĩa quyết định giao cho trung đội du kích bắt một số tên tay sai của Pháp. Lúc này, đồng chí Cao Thanh Trà là cơ sở cách mạng trong hàng ngũ binh lính địch cũng tham gia cuộc khởi nghĩa.

Ngày 16-8, Việt Minh Lý Sơn huy động đông đảo các lực lượng cứu quốc và quần chúng vũ trang biểu tình thị uy, hô vang các khẩu hiệu: Đả đảo Việt gian bán nước! Ủng hộ Mặt trận Việt Minh! Nước Việt Nam độc lập muôn năm! Cuộc biểu tình lan ra khắp đảo. Lực lượng khởi nghĩa chiếm đồn bang tá, địch hốt hoảng bỏ chạy. Ta tịch thu toàn bộ tài liệu và 8 khẩu súng trường. Đồng triện của lý hương hai xã bị tịch thu. Cuộc khởi nghĩa trên đảo giành thắng lợi.

Ủy ban cách mạng lâm thời đảo Lý Sơn được thành lập và ra mắt đồng bào trong cuộc mítting này. Đồng chí Phạm Nật được cử làm Chủ tịch. Lý Sơn được lấy tên là tổng Trần Thành. Đồng chí Dương Hãnh làm Chủ tịch xã Hải Yên, sau đó đổi tên

là xã Dương Sạ. Đồng chí Phạm Lệ làm Chủ tịch xã Vĩnh Long. Lý Sơn trực thuộc huyện Bình Sơn.

Tại Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi, chiều ngày 14-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa tỉnh do đồng chí Trương Quang Giao phụ trách trực tiếp chỉ đạo khởi nghĩa.

Ngay trong đêm ngày 14-8-1945, tiếng trống cách mạng vang lên dồn dập từ làng Xuân Phổ. Mệnh lệnh lan truyền khắp các xóm, thôn. Đồng chí Bùi Định - Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách thị xã cùng đồng chí Phạm Trung Mưu - Bí thư Phủ ủy Tư Nghĩa và đồng chí Từ Ty họp bàn thống nhất kế hoạch khởi nghĩa.

Khi nhận được lệnh, ban khởi nghĩa các xã nhanh chóng huy động quần chúng theo kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền. Bộ máy chính quyền địch ở các thôn, xã tan rã. Hầu hết bọn Việt gian bị bắt.

Tại phủ đường Tư Nghĩa, ta cử người mang thư kêu gọi tri huyện Cao Hữu Đồng đầu hàng. Cao Hữu Đồng lại giao chức tri huyện cho Trần Kim Liên. Lực lượng khởi nghĩa ở nam Sông Vệ, Tổng An và Tổng Hà được huy động vây chặt huyện đường, buộc tên tri huyện Trần Kim Liên phải đầu hàng.

Ngày 15-8, quân Nhật ở thị xã kéo quân lên Xuân Phổ (Nghĩa Kỳ) sục sạo, lùng tìm cơ quan chỉ đạo khởi nghĩa của tỉnh và huyện Tư Nghĩa. Ta vừa phải di chuyển địa điểm để bảo toàn lực lượng, vừa đánh trả quyết liệt, buộc chúng phải rút về tỉnh lỵ. Ba tên hiến binh Nhật bị ta tiêu diệt.

Chiều ngày 16-8, quân Nhật đưa một trung đội lên để tìm cơ quan chỉ đạo và đòi thi thể của những binh lính đã thiệt mạng. Trước đó, lực lượng du kích Ba Tơ được điều từ Di Lăng về ngăn chặn, tiêu diệt một số địch. Tuy nhiên, đội du kích Ba Tơ



cũng chịu thiệt hại, một số chiến sĩ anh dũng hy sinh, trong đó có đồng chí Trung đội trưởng Phan Điệt.

Tại đồn Thương Chánh (Cổ Lũy), lực lượng khởi nghĩa bao vây, kêu gọi địch đầu hàng, nhưng chúng ngoan cố chống lại. Lực lượng khởi nghĩa phải chát củi đốt cháy quanh đồn, buộc địch phải đầu hàng trong đêm ngày 16-8-1945.

Cuộc khởi nghĩa ở Tư Nghĩa thắng lợi. Ủy ban cách mạng lâm thời phủ Tư Nghĩa được thành lập, ra mắt nhân dân trong cuộc mítting tại sân vận động La Hà, do đồng chí Từ Ty làm Chủ tịch.

Tại thị xã, đồng chí Bùi Định trực tiếp chỉ đạo, cùng các đồng chí Trần Xương, Đoàn Thành, Cao Hùng tổ chức phối hợp cùng các lực lượng tiến hành khởi nghĩa.

Ngay trong đêm 14-8, công nhân xe lửa và nhà máy đèn tháo gỡ, cất giấu các máy móc quan trọng. Hệ thống điện bị tê liệt, xe lửa không chạy được. Anh em công nhân xe lửa tập trung về Thu Phở (xã Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa). Bên ngoài nội thị, các chợ không họp. Các cửa hàng buôn bán và dịch vụ đóng cửa. Quần chúng chuẩn bị cờ, vũ khí và tổ chức tuần hành ở ngoại thị. Một số lính ở đồn khố đồ bỏ chạy, số còn lại không dám hoạt động.

Đêm 15-8, lực lượng khởi nghĩa huy động nhân dân thị xã cùng với chi hội Binh nhân Cứu quốc trong đồn khố xanh nổi dậy chiếm đồn thu toàn bộ vũ khí, gồm 36 súng trường, một trung liên và 36 súng lục. Hầu hết số lính trong đồn đứng về phía lực lượng khởi nghĩa. Những cai đội và binh lính chống đối bị đưa về tập trung ở Ba La để học tập và cho về địa phương. Cũng trong đêm, đồn khố đồ chỉ còn 10 tên cũng bị các lực lượng khởi nghĩa đánh chiếm và thu toàn bộ vũ khí. Lực lượng khởi nghĩa thu toàn bộ hồ sơ của Sở mật thám tỉnh. Bùi Trọng Lệ, Chánh sở mật thám chạy trốn và bị bắt

ngày 17-8. Đêm 16-8-1945, quân khởi nghĩa đánh chiếm Dinh tỉnh trưởng và các cơ quan của ngụy quyền. Tỉnh trưởng Lương Trọng Hối giao toàn bộ ấn tín, tiền bạc, vũ khí cho cách mạng. Lực lượng khởi nghĩa giữ Lương Trọng Hối để liên lạc, đàm phán với Nhật.

Lúc này, tại thị xã còn một tiểu đoàn lính Nhật và một đại đội lính khố xanh gồm 300 tên bảo an, nhưng trước sức mạnh của lực lượng khởi nghĩa, quân Nhật và bảo an không có phản ứng gì đáng kể. Một tổ quân Nhật đóng ở ga Ông Bó, một tổ khác đóng ở nhà Đinh Chấn Thông (Hoa kiều) bị lực lượng khởi nghĩa bắt giao nộp cho Ủy ban khởi nghĩa thị xã. Nhật điều quân đi một số nơi, bị ta chặn đánh ở Ba La, Ngọc Áng, Mỏ Cày. Khi đồng chí Bùi Định được cử điều đình với quân Nhật thì bị chúng bắt giữ làm con tin. Ủy ban khởi nghĩa tiếp tục cử đồng chí Trần Tổng điều đình với địch. Từ ngày 18-8-1945, ta và Nhật điều đình theo bốn điều kiện do ta đưa ra, trong đó có điều kiện bắt chúng giao nộp toàn bộ vũ khí. Viện cố chưa tiếp được lệnh của trên nên chúng nhất quyết từ chối điều kiện này. Cuối cùng, đến ngày 21-8-1945 hai bên thống nhất ba điều kiện của cách mạng nêu ra. Lập tức lực lượng khởi nghĩa thông báo cho các cấp không bao vây thị xã, để quân chúng đi lại và quân Nhật chuẩn bị rút về Đà Nẵng. Đến chiều ngày 25-8-1945, Việt Minh Quảng Ngãi và quân Nhật ký vào bản giao ước với nội dung như sau: 1) Quân Nhật không can thiệp vào nội trị Việt Nam và các cuộc vận động quần chúng của Việt Minh; 2) Việt Minh không xâm phạm quân Nhật, dán yết thị và truyền đơn chống quân Nhật nữa; 3) Quân Nhật tuyệt đối không đánh Nhân dân Việt Nam và quân đội Việt Nam; quân đội Việt Nam hoặc Nhân dân Việt Nam tự ý đánh quân Nhật thì quân Nhật sẽ kiên quyết đối phó, về bên Việt Minh cũng vậy, tuyệt đối

không đánh quân Nhật, nếu quân Nhật tự ý đánh quân Việt Minh thì Việt Minh cũng kiên quyết đối phó lại như thế"<sup>1</sup>.

Sau khi ký thỏa thuận, toàn bộ quân Nhật rút về đồn khố xanh ở góc phía tây nội thành.

Cùng với việc đề bẹp ý chí kháng cự của quân Nhật và tay sai, Tỉnh ủy và chính quyền cách mạng phá tan âm mưu toan lập chính quyền phản cách mạng của Ngô Đình Diệm. Diệm bị bắt từ phía nam và dẫn về Quảng Ngãi. Lúc này, Hồ Tá Khanh - Bộ trưởng trong Chính phủ Trần Trọng Kim và Lê Huy Thước - Tổng thư ký Thanh niên được Chính phủ Trần Trọng Kim phái vào yêu cầu Việt Minh Quảng Ngãi hợp tác với chúng để lập chính phủ mới. Ta bác bỏ và trừng trị một số tên phản động đội lốt tôn giáo giết hại cán bộ và du kích Ba Tơ. Tuy vậy, một số nơi du kích và lực lượng khởi nghĩa lạm sát trong việc xử trị những tên phản động ngoan cố<sup>2</sup>.

Rạng sáng ngày 30-8, hàng chục vạn quần chúng từ các nơi trong tỉnh kéo về tỉnh lỵ cùng quần chúng ở thị xã dự mítting chào mừng lễ ra mắt Ủy ban cách mạng lâm thời tỉnh Lê Trung Đình, tên mới của tỉnh Quảng Ngãi.

Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Lê Trung Đình gồm có: Trần Toại - Chủ tịch<sup>2</sup>, Hồ Thiết - Phó Chủ tịch, Trần Quý Hai và Nguyễn Quang Lâm - Thường trực, phụ trách hành chính và tư pháp. Các ủy viên gồm Phạm Kiệt - phụ trách quân sự; Nguyễn Duân - phụ trách kinh tế và cứu tế; Võ Hựu - phụ trách tuyên truyền kiêm lao động; Huỳnh Chư - phụ trách

---

1, 2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Sđd, tr. 202.

2. Một thời gian sau, đồng chí Trần Toại ốm, đồng chí Nguyễn Công Phương, Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời huyện Nghĩa Hành, được cử lên thay.

tài chính; Bùi Diệp - phụ trách công chính kiêm thủy, lâm; Nguyễn Định - phụ trách giáo dục; Đào Trọng Hiến - phụ trách y tế.

Ủy ban cách mạng lâm thời thị xã do ông Trần Trọng Hải làm Chủ tịch cũng ra mắt nhân dân.

Cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Quảng Ngãi đã giành được thắng lợi to lớn chỉ trong ba ngày (từ chiều ngày 14 đến tối ngày 16-8-1945). Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lần đầu tiên nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nhất tề đứng lên đập tan toàn bộ bộ máy chính quyền của bọn đế quốc và tay sai, giành chính quyền về tay nhân dân, là kết quả tất yếu của cả quá trình vận động cách mạng từ khi Đảng bộ tỉnh được thành lập, trải qua các cuộc diễn tập, đấu tranh của nhân dân toàn tỉnh trong suốt các thời kỳ cách mạng.

Trải qua 15 năm đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng, tuy chưa được sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương và thường xuyên đứt liên lạc với Xứ ủy, nhưng Đảng bộ Quảng Ngãi đã bám chắc vào đường lối của Đảng, kết hợp vận dụng sáng tạo kinh nghiệm đấu tranh qua các thời kỳ lịch sử, biết phát huy yếu tố truyền thống yêu nước của quê hương vào hoàn cảnh cụ thể để đề ra chủ trương, phương pháp và các hình thức tổ chức tập hợp lực lượng cũng như các phương thức đấu tranh cơ bản, phù hợp với từng giai đoạn cách mạng. Điều đó đã được chứng minh trong cuộc vận động giải phóng dân tộc những năm 1939 - 1945. Thời kỳ này, Đảng bộ đặc biệt chú trọng vận động tuyên truyền, giáo dục nhân dân các dân tộc thiểu số tham gia vào các tổ chức cách mạng. Miền núi đã trở thành căn cứ cách mạng của tỉnh. Tổ chức lãnh đạo của Đảng bộ và cơ sở quần chúng cách mạng được gây dựng lại cũng ở miền núi và tỏa đi khắp các miền trong

tỉnh. Cũng chính nơi này, Đảng bộ đã lãnh đạo thắng lợi cuộc khởi nghĩa Ba Tơ ngày 11-3-1945. Nhờ học tập, quán triệt, vận dụng sáng tạo nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, Tỉnh ủy lâm thời lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi trong cuộc khởi nghĩa Ba Tơ. Cuộc khởi nghĩa không những đã thiết lập được chính quyền cách mạng mà còn ra đời Đội du kích Ba Tơ, lực lượng vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh, lực lượng tiên thân của quân đội nhân dân ở miền Nam Trung Bộ, nòng cốt cho cuộc đấu tranh của quần chúng trước và trong ngày tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh vào tháng 8-1945. Những yếu tố đó đã góp phần quan trọng làm cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Quảng Ngãi giành thắng lợi trọn vẹn, nhanh chóng, kịp thời, sớm nhất trong cả nước.

## *Chương II*

# **ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TRONG TỈNH CÙNG CẢ NƯỚC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)**

## **I- ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN QUẢNG NGÃI TRONG NĂM ĐẦU XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI, TÍCH CỰC CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN (8-1945 – 12-1946)**

### **1. Tỉnh Quảng Ngãi sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945**

Tháng 8-1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi trong cả nước. Ngày 2-9-1945, tại Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ cách mạng lâm thời, trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Vừa mới ra đời, nhà nước non trẻ đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, phức tạp. Chế độ thực dân, phong kiến để lại trên đất nước ta những hậu quả nặng nề: tài chính kiệt quệ, kho bạc trống rỗng, ngân hàng Đông Dương còn nằm trong tay thực dân Pháp, nạn đói và dịch bệnh hoành hành ở nhiều địa phương, công nghiệp lạc hậu, què quặt, phần lớn các xí nghiệp, nhà máy nằm trong tay tư sản Pháp, Nhật. Chính sách ngu dân của thực dân Pháp làm cho hơn 90% dân số nước ta bị mù chữ; các tệ nạn

xã hội và nhiều tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan ăn sâu trong tư tưởng, suy nghĩ và lối sống của đông đảo nhân dân. Hệ thống chính quyền cách mạng từ Trung ương đến địa phương còn non trẻ, chưa được củng cố; cán bộ chưa có kinh nghiệm trong công tác điều hành và quản lý. Lực lượng vũ trang chưa có nhiều kinh nghiệm, trang bị còn thiếu thốn. Đảng ta chưa có kinh nghiệm trong lãnh đạo, xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, khối đoàn kết toàn dân tuy được chú ý xây dựng nhưng chưa được củng cố vững mạnh. Các thế lực phản động trong và ngoài nước cấu kết với nhau hòng xóa bỏ thành quả cách mạng, lật đổ chính quyền nhân dân còn non trẻ, khôi phục lại ách thống trị của thực dân, phong kiến.

Trước tình hình đó, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh kịp thời đề ra các chủ trương, chính sách, tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân đoàn kết, hiệp lực xây dựng, củng cố chính quyền, ổn định đời sống nhân dân, sẵn sàng đối phó với các âm mưu phá hoại của các thế lực đế quốc và phản động.

Quảng Ngãi là một trong những tỉnh nghèo nhất Nam Trung Bộ, chịu ảnh hưởng rất nặng nề của chế độ cũ, trình độ dân trí rất thấp, gần 95% dân số bị mù chữ; kinh tế nghèo nàn lạc hậu, sản xuất nông nghiệp nhỏ bé, luôn bị thiên tai, dịch bệnh hoành hành. Nạn đói cơm, lạt muối luôn đe dọa đời sống nhân dân trong tỉnh.

Hệ thống chính quyền từ tỉnh đến cơ sở mới thành lập nên đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng kịp yêu cầu mới của cách mạng. Nhiều đảng viên từng tham gia các phong trào cách mạng trước đây bị địch bắt giam, sau khi ra tù hoặc vượt ngục về địa phương chưa bắt được liên lạc với tổ chức đảng<sup>1</sup>.

---

1. Đến tháng 4-1945, toàn tỉnh có 5 chi bộ, với 28 đảng viên. Ngày 10-6-1945, Tỉnh ủy lâm thời triệu tập Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ tại thôn Minh Tân, xã Đức Minh, huyện Mộ Đức, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ chính thức, gồm có 6 đồng chí, đồng chí Trương Quang Giao được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Mô (Bùi Định) làm Phó Bí thư. Thời kỳ này ở 6 phủ (huyện) đồng bằng đều có chi bộ ghép, toàn tỉnh có 35 đảng viên.

Bên cạnh những khó khăn, thử thách, phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi có những thuận lợi rất cơ bản. Phong trào cách mạng trong tỉnh diễn ra liên tục, mạnh mẽ, nhất là từ khi Đảng ta ra đời, lãnh đạo cách mạng Việt Nam; nhân dân Quảng Ngãi có tinh thần yêu nước, nhiệt tình cách mạng; có lực lượng vũ trang ra đời sớm, có căn cứ địa vững chắc ở miền núi và vùng giáp ranh; có tổ chức đảng, mặt trận và các đoàn thể cứu quốc phát triển rộng khắp các vùng, miền trong tỉnh.

Để tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào cách mạng, Ban Việt Minh tỉnh ra mắt công khai, do đồng chí Trương Quang Giao - Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ nhiệm, đồng chí Nguyễn Thành Nghi làm Phó Chủ nhiệm.

Cuối tháng 9-1945, đồng chí Trương Quang Giao nhận nhiệm vụ làm Chính trị ủy viên tại Ủy ban Quân chính Nam phần Trung Bộ, đồng chí Trần Quý Hai được cử làm Bí thư Tỉnh ủy.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Xứ ủy Trung Kỳ, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tập trung sức giải quyết những nhiệm vụ cấp bách lúc này là: củng cố, tăng cường sự lãnh đạo Đảng, xây dựng chính quyền cách mạng non trẻ, phát triển thực lực cách mạng, ổn định và phát triển sản xuất, chăm lo cải thiện đời sống của nhân dân lao động, giải quyết những tàn dư của chế độ cũ để lại.

Để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử quan trọng đó, vấn đề then chốt nhất được Đảng bộ xác định lúc này là phải nhanh chóng củng cố, xây dựng, phát triển cơ sở đảng, cử cán bộ, đảng viên trực tiếp gặp gỡ, tuyên truyền, vận động các đồng chí vừa thoát khỏi nhà tù thực dân trở về tham gia công tác, đồng thời xác minh, xem xét để phục hồi đảng tịch và kết nạp lại theo hướng dẫn của Trung ương Đảng.



Về việc xác minh, xem xét phục hồi đảng tịch cho đảng viên, Nghị quyết của Xứ ủy Trung Kỳ họp từ ngày 21 đến ngày 23-6-1946 nêu rõ nội dung khôi phục đảng tịch cho đảng viên cũ như sau: "Đối với những đảng viên cũ phạm kỷ luật Đảng, hoặc từ lâu tự ý xa Đảng, hoặc chịu không nổi sự tra tấn của quân thù, thì xét họ chịu hoạt động, nên kết nạp vào Đảng lại, trừ những kẻ đã hành động phản quốc làm tay sai cho quân thù. Đối với các đồng chí cũ ấy, không nên nhắc đi nhắc lại những tội lỗi cũ làm cho họ khổ tâm, mất nhuệ khí, phải tỏ thái độ khoan hồng của Đảng"<sup>1</sup>. Nghị quyết của Hội nghị cán bộ Trung ương từ ngày 31-7 đến ngày 01-8-1946 cũng nhấn mạnh: "Chú ý đưa vào Đảng những đồng chí cũ trong thời kỳ bí mật vì có này có khác xa Đảng, hoặc về quá khứ đã phạm lỗi nhẹ, nhưng nay đã biết hối cải và chịu khó làm việc; trong những trường hợp đặc biệt muốn khôi phục đảng tịch cho những đồng chí đã lầm lỗi quá nặng, cần phải có sự thẩm tra và đồng ý của thượng cấp"<sup>2</sup>.

Quán triệt chủ trương của Đảng, Tỉnh ủy đã tuyên truyền, vận động, tiến hành xác minh, khôi phục đảng tịch cho các đảng viên của Đảng bộ. Đầu năm 1946, toàn Đảng bộ có 183 đảng viên, đến tháng 12-1946, số lượng đảng viên trong toàn tỉnh đã lên đến 2.200 đồng chí. Tỉnh ủy cũng ban hành quyết định yêu cầu các địa phương, cơ sở thành lập Trường Đảng huyện, giao nhiệm vụ cho Đảng bộ các huyện, thị xã tổ chức các lớp bồi dưỡng, giáo dục tư tưởng chính trị, lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, những nhận thức về Đảng Cộng sản Đông Dương, giúp cho các cấp ủy thực hiện công tác phát triển đảng viên mới và khôi phục đảng tịch cho

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.8, tr. 94, 110.

các đồng chí đảng viên cũ có thời gian sinh hoạt Đảng không liên tục trước đây.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Tỉnh ủy quyết định thành lập Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác, do đồng chí Nguyễn Công Phương làm Chủ tịch, các đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Sơn, Phạm Viết My làm Phó Chủ tịch.

Tháng 02-1946, đồng chí Trần Quý Hai - Bí thư Tỉnh ủy được bổ sung vào Xứ ủy Trung Kỳ phụ trách Việt Minh các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Đồng chí Huỳnh Viết được chỉ định làm Quyền Bí thư Tỉnh ủy đến tháng 6-1946.

Để góp phần đào tạo, nâng cao trình độ văn hóa, giác ngộ chính trị, giác ngộ cách mạng cho cán bộ, đảng viên, ngày 25-9-1945, Tỉnh ủy gửi 10 thanh niên đi học khóa quân chính đầu tiên mở tại Hà Nội. Tháng 10-1945, 7 đồng chí được cử đi Huế học lớp đào tạo cán bộ do Việt Minh Trung Bộ tổ chức.

Tháng 6-1946, tại Trường Nông khí An Nhơn ở xã Tịnh Thành, huyện Sơn Tịnh, Xứ ủy mở lớp huấn luyện Lê Hồng Phong cho cán bộ các tỉnh Trung Kỳ. Nhiều cán bộ Quảng Ngãi được tham gia lớp học này. Tại đây, các học viên được nghe các đồng chí Nguyễn Sơn, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Duy Trinh, Lê Duẩn, Bùi San... giảng bài. Tháng 8-1946, Xứ ủy Trung Bộ mở lớp đào tạo cán bộ Đảng, Tỉnh ủy cử nhiều đồng chí tham gia học tập. Trong năm 1946, toàn tỉnh mở 9 khóa huấn luyện ở tỉnh và huyện, với tổng số 550 đảng viên dự học<sup>1</sup>.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 20.

Qua các lớp huấn luyện, cán bộ, đảng viên thấm nhuần sâu sắc quan điểm, lập trường của chủ nghĩa cộng sản và các chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ. Nhờ đó, trình độ và năng lực của đội ngũ đảng viên, cán bộ các cấp được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Tháng 6-1946, Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II<sup>1</sup>, tại Trường Nông khí An Nhơn (xã Tịnh An, Sơn Tịnh). Tham dự Đại hội có đại biểu các chi đảng bộ trong toàn tỉnh. Đồng chí Nguyễn Sơn, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến miền Nam Trung Bộ, Xứ ủy viên Xứ ủy Trung Kỳ trực tiếp chỉ đạo đại hội. Đại hội thảo luận, đánh giá cao những thành tích của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh đạt được từ khi giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng thời vạch ra những khuyết điểm, hạn chế cần khắc phục ngay trong thời gian tới. Đại hội khẳng định: Đảng bộ đã trưởng thành, chế độ dân chủ nhân dân tuy mới ra đời nhưng đã chứng tỏ được bản chất ưu việt của nó, được nhân dân tin tưởng, gắn bó và ra sức bảo vệ. Tổ chức chính quyền, các hội đoàn thể của quần chúng ngày càng được củng cố, phát huy được vai trò tích cực trong việc động viên quần chúng nhân dân tham gia đóng góp xây dựng chính quyền, xây dựng chế độ mới. Đội ngũ cán bộ được rèn luyện từng bước gánh vác được công việc ở địa phương.

Đại hội cũng chỉ rõ: Vấn đề tồn tại lớn nhất mà Đảng bộ cần phải khắc phục chính là tư tưởng hữu khuynh, chủ quan

---

1. Để thống nhất thứ tự các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh, đại hội đảng bộ lần này được xác định là Đại hội lần thứ II kể từ ngày thành lập Đảng bộ năm 1930.

của một số cán bộ, đảng viên trong tình hình mới. Trong lúc cần cán bộ, đảng viên để lãnh đạo công tác, nhiều chi bộ đã kết nạp đảng viên chỉ quan tâm đến số lượng mà thiếu tuyên truyền, thử thách, giác ngộ, rèn luyện. Do nhận thức chưa đúng đắn, một số đồng chí lãnh đạo nặng về việc sử dụng cán bộ, đảng viên trẻ có học vấn thuộc tầng lớp trên, coi nhẹ những cán bộ, đảng viên có xuất thân là bản cổ nông, từng trải, tích cực, hăng hái trong đấu tranh cách mạng, nên đã thay đổi, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ trong các cơ quan đảng, chính quyền, các ngành, giới trong tỉnh. Điều đó phần nào làm ảnh hưởng đến sự đoàn kết, nhất trí trong lãnh đạo của các cấp ủy, cũng như tư tưởng của nhiều cán bộ, đảng viên.

Đại hội thông qua nghị quyết về những công việc chủ yếu, cấp bách trong thời gian tới là:

1) Tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường củng cố khối đoàn kết toàn dân trên nền tảng liên minh công nông. Mặt trận Việt Minh, Liên Việt và các đoàn thể cần phát huy hơn nữa vai trò của mình trong việc tập hợp nhân dân tham gia xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ.

2) Lãnh đạo nhân dân tích cực phát triển kinh tế tự cấp tự túc, đóng góp sức người, sức của cho chiến trường miền Nam và các tỉnh bạn.

3) Đẩy mạnh công tác xây dựng, phát triển đảng, chú ý kết nạp đảng viên trẻ, có văn hóa, chú ý quan tâm đưa các đồng chí lớn tuổi đi học văn hóa, chính trị để về công tác tốt hơn.

4) Chấn chỉnh bộ máy chính quyền, đoàn thể.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 15 đồng chí, Ban Thường vụ có 5 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Hồng Châu được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đến tháng 5-1947, đồng chí

Nguyễn Hồng Châu được cử đi học, đồng chí Trương Quang Tuân được cử làm Bí thư Tỉnh ủy.

## **2. Tích cực xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng, chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm**

Sau khi giành được chính quyền, vấn đề cơ bản của cuộc cách mạng đặt ra cho Đảng bộ, nhân dân Quảng Ngãi là phải củng cố, bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, trước hết là ổn định tình hình chính trị trong tỉnh, kiện toàn và phát triển khối đoàn kết toàn dân, xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh, chống giặc đói, giặc dốt, cải thiện đời sống nhân dân vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn, tích cực chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương, chi viện cho các chiến trường đang bị thực dân Pháp tạm chiếm.

Đảng bộ chỉ đạo chính quyền, công an và các ngành có liên quan kiên quyết đấu tranh diệt trừ bọn phản động tập hợp lực lượng chống phá chính quyền cách mạng non trẻ, trong đó có tổ chức Thế giới cách mạng đảng do Trần Kỳ Truyền cầm đầu<sup>1</sup>.

Ngày 23-9-1945, tại thị xã Quảng Ngãi, Hội nghị đại biểu các đoàn thể trong Mặt trận Việt Minh bầu ra Ban lãnh đạo

---

1. Trần Kỳ Truyền từng là Bí thư phủ (huyện) bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Bình Sơn năm 1929, bị thực dân Pháp bắt đi tù. Nhưng do tiếp thu chủ nghĩa cộng sản một cách cứng nhắc, tự cho mình là người cách mạng chân chính, tháng 01-1946, Trần Kỳ Truyền đứng ra thành lập tổ chức Thế giới cách mạng đảng, có những hoạt động tuyên truyền, nói xấu Việt Minh, xuyên tạc Đảng Cộng sản Đông Dương và Hồ Chủ tịch, gây ảnh hưởng xấu trong quần chúng nhân dân ở nhiều xã khu đông huyện Bình Sơn, bắt giam một số đồng chí cán bộ lãnh đạo tỉnh. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Quảng Ngãi giao cho lực lượng công an tỉnh, huyện truy bắt và phá tan tổ chức phản động này.

Việt Minh tỉnh Quảng Ngãi, do đồng chí Nguyễn Thành Nghi làm Chủ nhiệm<sup>1</sup>. Trước khi giành chính quyền, số lượng quần chúng tham gia Việt Minh là 120.000 người, đến đầu năm 1946 lên 250.000 người.

Để phù hợp với tình hình mới, Đảng bộ lãnh đạo tiến hành đổi tên Ủy ban cách mạng lâm thời các cấp thành Ủy ban hành chính lâm thời (tháng 10-1945). Các cơ quan quản lý thuộc Ủy ban hành chính lâm thời được củng cố, kiện toàn, đặc biệt là các ngành: thủy lợi, canh nông, bưu điện.

Tháng 10-1945, nhiều hội đoàn thể cứu quốc mới được thành lập, kết nạp hội viên, như: Công nhân cứu quốc, Liên đoàn văn hóa cứu quốc, Công giáo cứu quốc, Phật giáo cứu quốc...

Tháng 5-1946, Hội Liên hiệp quốc dân tỉnh Quảng Ngãi (gọi tắt là Liên Việt) được thành lập, do ông Võ Hàng được cử làm Hội trưởng. Hội Liên Việt ra đời nhằm tập hợp đông đảo các cá nhân, các đảng phái chưa tham gia vào Mặt trận Việt Minh.

Nhờ linh hoạt, sáng tạo về tổ chức và hoạt động nên khối đoàn kết toàn dân được tăng cường, mở rộng, là nền tảng vững chắc để nhân dân tiếp tục đóng góp ngày càng nhiều cho cách mạng. Khắp nơi trong tỉnh, từ thành thị đến nông thôn, từ rừng núi đến đồng bằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và Mặt trận Việt Minh tỉnh, các tổ chức đoàn thể góp phần không nhỏ trong việc tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ đến từng người dân, giúp họ hiểu hơn về Đảng, về chế độ mới và thấy rõ được trách nhiệm công dân của mình.

Ngày 06-01-1946, thực hiện chủ trương của Đảng, cùng với cử tri trong cả nước, cử tri tỉnh Quảng Ngãi nô nức đi bầu cử

---

1. Năm 1948, đồng chí Nguyễn Trí thay đồng chí Nguyễn Thành Nghi làm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh.

Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam độc lập. Kết quả, toàn tỉnh Quảng Ngãi có 271.187/350.000 cử tri đi bỏ phiếu<sup>1</sup>. Số đại biểu Quốc hội trúng cử ở điểm bầu cử tỉnh Quảng Ngãi có 8 người (bầu lần 1 trúng 7 đại biểu, bầu lần 2 trúng 1 đại biểu), gồm: Phạm Văn Đồng, Phạm Quang Lược, Hồ Thiết, Lê Hồng Long, Nguyễn Trí, Nguyễn Duân, Hà Văn Tính, Đinh May.

Sau cuộc bầu cử Quốc hội, uy tín của Đảng và chính quyền các cấp ngày càng tăng, lòng tin của nhân dân ngày càng vững chắc, vai trò, vị trí của người lao động ngày càng được phát huy. Thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội trong cả nước có ý nghĩa quyết định trong công cuộc củng cố chính quyền cách mạng còn rất non trẻ, làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch, hòng chia rẽ cộng đồng các dân tộc Việt Nam, lật đổ chính quyền cách mạng.

Ngày 17-02-1946, 280.000 cử tri trong tỉnh tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh. Tại kỳ họp thứ nhất ngày 15-4-1946, Hội đồng nhân dân tỉnh bầu đồng chí Nguyễn Công Phương làm Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, đồng chí Nguyễn Quang Lâm (Tám Tú) làm Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh.

Ngày 14-4-1946, cử tri trong tỉnh tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân xã<sup>2</sup>.

Tháng 02-1946, thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành hợp nhất một số làng nhỏ

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 26.

2. Trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) không bầu Hội đồng nhân dân cấp huyện.

thành xã lớn, bỏ cấp tổng<sup>1</sup>. Tuy nhiên, chủ trương này được thực hiện nóng vội, không phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương, nên gây nhiều khó khăn, phức tạp, nhất là vấn đề công điền, công quỹ, tiền hiền, một số làng không chịu liên hiệp với nhau; khả năng lãnh đạo của đảng viên, cán bộ cơ sở còn yếu, chưa đủ sức quản lý một đơn vị hành chính lớn và phức tạp hơn trước. Thành phần lãnh đạo của Ủy ban hành chính xã phần lớn là trung nông, một số phú nông, hào lý cũ tiến bộ, tiểu tư sản, chỉ có từ một đến hai đảng viên cộng sản tham gia.

Sau khi giành chính quyền, nhất là sau ngày thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ (ngày 23-9-1945), Thường vụ Trung ương Đảng và Chính phủ lâm thời đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng lực lượng vũ trang để bảo vệ chính quyền cách mạng. Thực hiện chủ trương của Trung ương, cuối tháng 9-1945, Xứ ủy và Ủy ban cách mạng lâm thời Trung Bộ mở Hội nghị quân sự do đồng chí Nguyễn Chánh - Ủy viên trưởng Quốc phòng miền Nam Trung Bộ chủ trì, bàn kế hoạch sẵn sàng chiến đấu, ngăn chặn các cuộc tiến công xâm lược của thực dân Pháp ở Trung Bộ.

Quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ và Xứ ủy, Tỉnh ủy Quảng Ngãi chú trọng công tác xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang địa phương ngày càng lớn mạnh, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ chính quyền cách mạng. Mỗi huyện có một đơn vị vũ trang tập trung làm nhiệm vụ thường trực và từ một đến hai đại đội du kích tập trung luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu.

---

1. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Quảng Ngãi có 679 làng, sau khi sáp nhập lại toàn tỉnh còn hơn 100 xã. Các "sách" (làng) của đồng bào miền núi cũng nhập thành 26 làng lớn.



Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy địa phương, mặc dù vũ khí, trang bị còn rất thô sơ, chỉ có giáo, mác, mã tấu, dao rựa... nhưng các chiến sĩ du kích, dân quân tự vệ ở các thôn, xã cùng với các đơn vị công an đảm nhiệm việc trấn áp bọn phản động, sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an ninh, trật tự ở địa phương.

Do yêu cầu công tác, nhiều cán bộ, thanh niên ở các địa phương trong tỉnh được Trung ương và Xứ ủy điều động nhận nhiệm vụ ở địa phương khác. Tháng 9-1945, theo chủ trương của Trung ương, Ủy ban quân chính Nam phần Trung Bộ được thành lập do đồng chí Phạm Kiệt làm Chủ tịch, đồng chí Trương Quang Giao làm Chính trị ủy viên, đồng chí Nguyễn Đôn làm Phó Chủ tịch, có nhiệm vụ chỉ đạo kháng chiến, ngăn chặn địch ở mặt trận Khánh Hòa - Nha Trang, cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên. Nhiều thanh niên tỉnh Quảng Ngãi tình nguyện gia nhập Vệ quốc đoàn. Nhiều nữ thanh niên cũng hăng hái gia nhập lực lượng vũ trang. Tỉnh thành lập một đại đội nữ do đồng chí Trần Thị Sâm (Nguyên) chỉ huy, tham gia tuần tra canh gác bảo vệ các cơ quan, công sở. Nhiều người thoát ly gia đình tham gia phục vụ tại các bệnh viện, các công xưởng... Ngay từ những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến, nhiều đơn vị của Đội du kích Ba Tơ được điều động chiến đấu ở mặt trận phía Nam<sup>1</sup>.

---

1. Ba trung đội: Võ Tuôi, Trần Giã (Nguyễn Giã), Trần Thành (tên của 3 chiến sĩ đã hy sinh trong ngày khởi nghĩa) cùng đồng chí Nguyễn Chánh ra Huế phối hợp với quân đồng minh giải giáp quân đội Nhật và làm nhiệm vụ bảo vệ Xứ ủy và Ủy ban cách mạng lâm thời Trung Bộ. Một số khác được điều động cho các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Quảng Nam, làm nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang cho các tỉnh; thành lập Chi đội Giải phóng quân Lê Trung Đình, sau đổi thành Chi đội 2 (quân số tương đương một trung đoàn), làm nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang và trực tiếp tham gia chiến đấu ở các tỉnh Bình Định, Đắc Lắc, Gia Lai, Kon Tum, Thừa Thiên Huế... một đơn vị làm nhiệm vụ quốc tế ở tỉnh Xavannah (Lào).

Đặc biệt, trong phong trào Nam tiến, cuối năm 1945 cứ 100 thanh niên tỉnh Quảng Ngãi nhập ngũ có 87 người lên đường ra mặt trận<sup>1</sup>.

Cuối tháng 9-1945, nhiều cán bộ, chiến sĩ của Chi đội Giải phóng quân Lê Trung Đình, do các chiến sĩ du kích Ba Tơ làm nòng cốt, được lệnh tham gia chiến đấu chống giặc Pháp ở Hàng Xanh, cầu Bình Lợi, thuộc mặt trận Bắc Sài Gòn. Ở đồng bằng sông Cửu Long, một trung đội của Chi đội Lê Trung Đình tham gia chiến đấu ở các tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cà Mau<sup>2</sup>... Nhiều cán bộ, chiến sĩ khác được điều động đi chiến đấu ở các mặt trận Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Thừa Thiên Huế và làm nòng cốt xây dựng lực lượng ở những đơn vị mới.

Đến cuối tháng 01-1946, hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ của tỉnh có mặt chiến đấu ở hầu hết các mặt trận nóng bỏng lúc bấy giờ, như vùng ven Sài Gòn, miền Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, Nha Trang, đường 21, biên giới Việt Nam - Campuchia, đường 14, đường 19, Trung Lào... Hàng trăm cán bộ, chiến sĩ đã anh dũng hy sinh vì Tổ quốc.

Tính chung trong hai năm 1945 - 1946, tỉnh Quảng Ngãi đã gửi 10 chi đội (khoảng 15.000 người) đi chiến đấu ở nhiều mặt trận, góp phần xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền cách mạng, tham gia chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài<sup>3</sup>. Nhiều cán bộ, chiến sĩ trải qua thử thách ác liệt và tích cực rèn luyện đã trở thành cán bộ chỉ huy nổi tiếng của Quân đội nhân dân

---

1. Xem Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 315-316.

2. Xem Nguyễn Việt Tá (Chủ biên): *Miền Đông Nam Bộ kháng chiến, tập 1 (1945 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1990, tr. 5.

3. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Phong trào Nam tiến (1945 - 1946)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, tr. 337.

Việt Nam, như Nguyễn Chánh, Trần Văn Trà, Trần Lương (Trần Nam Trung), Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Trần Quý Hai, Võ Thứ, Võ Bẩm...

Tháng 7-1946, tại Quảng Ngãi, Phân ban Quốc dân thiểu số quyết định thành lập Tiểu đoàn quốc dân thiểu số mang tên người anh hùng Nơ Trang Long<sup>1</sup>, gồm những cán bộ, chiến sĩ người dân tộc thiểu số các tỉnh Tây Nguyên, miền tây các tỉnh Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Theo đề nghị của Hoàng thân Xuphanuvông, tháng 11-1946, một đại đội của Chi đội Lê Trung Đình được đưa sang phối hợp chiến đấu với quân và dân tỉnh Xavannah (Lào). Mặc dù gặp khó khăn do thời tiết, phong tục tập quán, nhưng đơn vị nhanh chóng tổ chức tiến công chiếm lại thị trấn Sê Pôn, tiếp tục đánh địch ở Mường Phìn, Pha Lan, truy kích địch, tiêu diệt, gọi hàng và bắt gần 500 tên địch.

Cùng với huy động sức người tham gia chiến đấu ở các mặt trận, Tỉnh ủy, chính quyền và Mặt trận Việt Minh tuyên truyền, vận động nhân dân hăng hái đóng góp tiền bạc, lương thực, thực phẩm để bảo đảm hậu cần, tiếp tế phục vụ cho các đoàn quân Nam tiến đi qua các địa phương trong tỉnh. Đối với các binh sĩ bị thương ở các mặt trận chuyển về và các gia đình binh sĩ, Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tổ chức chăm sóc chu đáo.

Để có vũ khí trang bị cho bộ đội, ngoài những xưởng sửa chữa rèn vũ khí thô sơ của Đội du kích Ba Tơ, Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính và Mặt trận Việt Minh tinh cử người ra Đà Nẵng tìm mua súng, đạn của Pháp, Nhật còn để lại. Phong trào tự mua sắm,

---

1. Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu V: *Lịch sử công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang Quân khu V, tập 1 (1945 - 2000)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr. 58.

chế tạo vũ khí được Đảng bộ phát động trong cán bộ, chiến sĩ, dân quân tự vệ toàn tỉnh.

Đồng chí Hà Văn Tính được giao nhiệm vụ nghiên cứu, tổ chức các xưởng sửa chữa, sản xuất vũ khí. Hai xưởng rèn sản xuất vũ khí thô sơ của Đội du kích Ba Tơ có tên là Phan Điệt và Từ Nhạ<sup>1</sup> tiếp tục phát triển sản xuất lựu đạn, mìn, sửa chữa các loại vũ khí cho lực lượng vũ trang miền Nam Trung Bộ. Nhiều thợ kỹ thuật giỏi, tay nghề cao ở các địa phương trong tỉnh được huy động vào làm việc trong các xưởng sản xuất vũ khí.

Từ ngày 01-6 đến ngày 22-11-1946, Liên Khu ủy V và Ủy ban kháng chiến miền Nam Trung Bộ mở Trường Lục quân trung học tại thị xã Quảng Ngãi, tổ chức thi tuyển, đào tạo cấp tốc cán bộ có trình độ trung cấp cho chiến trường miền Nam. Đồng chí Nguyễn Sơn - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ, làm Hiệu trưởng, trực tiếp giảng dạy<sup>2</sup>. Học viên là những thanh niên, học sinh, công chức trẻ tuổi của toàn Liên khu, được lựa chọn đưa về đào tạo thành những

---

1. Từ Nhạ là tên của một tiểu đội trưởng hy sinh khi đang làm nhiệm vụ huấn luyện chiến sĩ tại chiến khu Vĩnh Sơn, Tĩnh Hiệp, Sơn Tịnh. Phan Điệt là tên của Trung đội trưởng du kích Ba Tơ đã hy sinh trong trận chiến đấu chống phátxít Nhật ngày 16-8-1945 tại Xuân Phổ, Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa.

2. Đồng chí Nguyễn Sơn được phong thiếu tướng đợt đầu tiên vào năm 1948 của Quân đội nhân dân Việt Nam; ông cũng được Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa phong quân hàm tướng năm 1955, nên còn gọi là "Luồng quốc tướng quân". Tham gia giảng dạy tại Trường Lục quân còn có đồng chí Lê Duẩn (trên đường vào Nam công tác có ghé thăm Quảng Ngãi), cùng các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Chánh, Trần Lương (Trần Nam Trung) và một số giảng viên người Áo, sĩ quan Nhật đã theo Việt Minh. Địa điểm của trường đóng tại đồn khố đồ cũ của Pháp, nay thuộc Tổ dân phố 2 (đường Hùng Vương), phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi.

cán bộ trung đội, làm nòng cốt cho các đơn vị quân đội trong Liên khu. Trong chương trình huấn luyện, ngoài những bài giảng về quân sự, các học viên được học nhiều về đường lối, quan điểm của Đảng, Chính phủ, những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.

Việc mở các trường bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ, chiến sĩ quân đội đã kịp thời đào tạo được nhiều cán bộ, đáp ứng nhu cầu bức thiết của lực lượng vũ trang trong toàn Liên khu. Nhiều học viên trưởng thành, trở thành cán bộ chủ chốt trong quân đội, có nhiều đóng góp cho đất nước.

Một trong những nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng bộ và chính quyền Quảng Ngãi sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức cứu đói, chữa bệnh, ổn định và cải thiện từng bước đời sống nhân dân.

Cùng với việc bãi bỏ những thứ thuế do chế độ cũ đặt ra như: thuế thân, thuế chợ, thuế đò... ngay sau ngày giành chính quyền, Ủy ban cách mạng lâm thời tỉnh ra chỉ thị về việc giảm tô, giảm tức, xóa bỏ những món nợ của địa chủ. Ruộng đất của Việt gian, phản động bị tịch thu và chia cho nông dân nghèo sản xuất. Đối với ruộng đất vắng chủ, nông hội địa phương tạm thời quản lý và giao cho những người không có ruộng hoặc ít ruộng canh tác.

Những việc làm cụ thể, thiết thực trên được đông đảo quần chúng nhân dân hoan nghênh. Đời sống nhân dân, chủ yếu là nông dân nghèo được cải thiện. Quyền lợi, vai trò của người nông dân được đề cao, sự bóc lột của địa chủ đối với dân nghèo ngày càng bị hạn chế.

Tháng 11-1945, khi nạn đói xảy ra ở các huyện miền núi Ba Tơ, Trà Bồng và ven biển Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ, Tỉnh ủy và các tổ chức chính quyền trong tỉnh thành lập Ban cứu đói, phát động nhân dân toàn tỉnh tiết kiệm lương thực,

giúp đỡ đồng bào vùng có nạn đói xảy ra. Chỉ trong một thời gian ngắn, đồng bào đóng góp hàng chục tấn gạo, muối cứu giúp những người quá khó khăn<sup>1</sup>. Nhờ đó nạn đói được khắc phục, đời sống nhân dân từng bước dần ổn định. Phong trào tiết kiệm lương thực được nhân dân triệt để thực hiện.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ và Hồ Chủ tịch, Tỉnh ủy phát động phong trào tiết kiệm giúp đồng bào miền Bắc đang bị nạn đói hoành hành. Chỉ trong ngày đầu tiên, nhân dân toàn tỉnh đã góp được 126.142 đồng và 70 tấn gạo. Sau một thời gian ngắn, nhân dân trong tỉnh góp được 600 tấn gạo giúp đồng bào miền Bắc và 107.284 đồng vào quỹ Ngày Nam Bộ<sup>2</sup>. Các đoàn thể cứu quốc cũng tích cực động viên hội viên triệt để tiết kiệm và đóng góp, hỏi thăm các chiến sĩ, thương bệnh binh.

Tỉnh ủy còn chỉ đạo chính quyền kêu gọi đồng bào toàn tỉnh nỗ lực tăng gia sản xuất, tự lực cánh sinh, với khẩu hiệu không một tấc đất bỏ hoang, không một mảnh vườn bỏ phí, tấc đất tấc vàng. Các loại cây lương thực ngắn ngày như khoai lang, bắp, đậu, rau xanh... được trồng ở khắp nơi.

Từ tháng 10-1945, hợp tác xã được thành lập ở các địa phương trong tỉnh. Các làng đều có Chi cuộc hợp tác xã để giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm, cung cấp những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống, tránh được nạn đầu cơ, tích trữ của tư thương. Lúc mới thành lập, hợp tác xã có 8.000 cổ phần với số vốn 1.500.000 đồng<sup>3</sup>.

Đầu năm 1946, Hội đồng canh được thành lập, nhằm giúp nông dân cải thiện cuộc sống và sản xuất. Nông dân cùng nhau đóng góp công cụ sản xuất và sức lao động để canh tác. Do cách thức tổ chức hoạt động chưa phù hợp, nên Hội đồng canh chỉ

---

1, 2, 3. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 33, 34-35.

tồn tại trong một thời gian ngắn. Tuy vậy, Hội cũng góp phần tích cực trong việc giải quyết một phần khó khăn cho nông dân nghèo.

Các ngành nghề thủ công ở địa phương như rèn, gốm, đan lát, dệt vải, dệt chiếu, làm giấy... được khôi phục, đời sống của nhân dân có bước cải thiện, giúp cho nhiều gia đình nông dân và ngư dân nghèo thoát khỏi cảnh túng thiếu.

Trước hoàn cảnh chính quyền cách mạng luôn bị kẻ thù chống phá, hơn nữa nền kinh tế tài chính nước nhà đang trong tình trạng kiệt quệ; để có tiền mua sắm vũ khí, lương thực, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến chống thù trong, giặc ngoài, ổn định đời sống nhân dân, ngày 04-9-1945, Chính phủ ban hành Sắc lệnh tổ chức “Quỹ độc lập” nhằm động viên nhân dân đóng góp tiền bạc, của cải. Từ ngày 17 đến ngày 24-9-1945, cùng với đồng bào toàn quốc, nhân dân Quảng Ngãi tích cực tham gia đóng góp trong “Tuần lễ vàng”. Tỉnh tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực đóng góp nhiều nhất cho đất nước. Mọi nhà, mọi người đều hăng hái thi đua xây dựng Quỹ độc lập, Quỹ đảm phụ. Nhiều người đem kỹ vật gia truyền của tổ tiên như nồi đồng, lư hương... đóng góp; nhiều chị em góp cả những kỹ vật thiêng liêng như nhẫn cưới, hoa tai; đồng bào miền núi đóng góp cả nồi đồng, chiêng, chình, ché quý giá của gia đình để quyên góp. Tiêu biểu là phụ nữ ở làng Thanh Sơn (xã Phở Cường, Đức Phở) có 65/108 chị đóng góp vào Quỹ độc lập được 50 chỉ vàng, cao nhất trong toàn tỉnh.

Tính đến ngày 22-10-1945, toàn tỉnh góp vào Quỹ độc lập được 52,930 kg vàng<sup>1</sup>. Sự hưởng ứng tích cực của nhân dân

---

1. Theo Báo cáo của Ủy ban tài chính Trung Bộ, ngày 23-11-1945; còn theo Báo cáo công tác của Việt Minh Lê Trung Đình, con số này là 42 kg vàng. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Quảng Ngãi cùng với Nhân dân cả nước đã góp phần giải quyết kịp thời những yêu cầu cấp bách của Đảng, Chính phủ trong giai đoạn đầu xây dựng chính quyền cách mạng còn muôn vàn khó khăn.

Ngày 03-01-1946, Chính phủ ra Sắc lệnh số 18/SL phát hành giấy bạc Việt Nam từ Nam Trung Bộ trở vào. Một số tỉnh của Nam Trung Bộ, như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên được chọn làm nơi lưu hành thí điểm<sup>1</sup>. Việc phát hành kịp thời đồng tiền Việt Nam là cơ sở rất quan trọng trong việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Nhân dân tiêu dùng đồng tiền mới là thắng lợi rất lớn của nền tài chính Việt Nam.

Cùng với "diệt giặc đói", Đảng bộ và chính quyền rất chú trọng đến việc "diệt giặc dốt" trong nhân dân. Do hậu quả chính sách ngu dân của thực dân Pháp, phần lớn nhân dân trong tỉnh không biết chữ. Vì vậy, công tác chống giặc dốt được Đảng bộ và các cấp chính quyền rất quan tâm. Phong trào thi đua xóa nạn mù chữ phát động rộng khắp, được đông đảo các tầng lớp nhân dân sôi nổi hưởng ứng. Phong trào này không chỉ có ý nghĩa về mặt văn hóa - giáo dục mà còn có ý nghĩa lớn về mặt chính trị, giúp nhân dân nâng cao lòng yêu nước, ý thức giác ngộ chính trị, trình độ hiểu biết xã hội, tham gia làm chủ và đóng góp được nhiều công sức vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Với tinh thần: Đi học là yêu nước! Dạy bình dân học vụ là yêu nước! Giúp đỡ bình dân học vụ là yêu nước! Chống nạn mù chữ cũng như chống ngoại xâm! Giặc dốt diệt, Việt Nam cường!,

---

1. Đến ngày 23-11-1946, Quốc hội mới có quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.



phong trào diễn ra rầm rộ với nhiều hình thức phong phú, sinh động. Các lớp bình dân học vụ được mở khắp các thôn, xóm, từ cụ già đến chị em phụ nữ, các cháu thiếu niên... đều thi đua học chữ. Con dạy cha mẹ, cháu dạy cho ông bà, người biết chữ dạy người chưa biết chữ, người biết chữ nhiều dạy cho người biết chữ ít. Phong trào bình dân học vụ trong tỉnh diễn ra sôi nổi..., bảng viết là nền gạch, nền đất, mo cau..., phấn viết là gạch non, than củi... Những câu ca, hò vè được sáng tác đã động viên mọi người chăm chỉ, quyết tâm đi học:

*Ban ngày sản xuất, tặng gia*

*Ban đêm đèn, sách, ta ra trường làng.*

Đào Lý Sơn mặc dù xa cách đất liền, điều kiện vô cùng thiếu thốn, song cũng mở được 20 lớp học bình dân.

Chị em phụ nữ dưới chế độ cũ là những người bị nhiều thiệt thòi, tỷ lệ mù chữ khá cao. Trong phong trào diệt giặc dốt, chị em đóng vai trò rất quan trọng và tích cực. Những người biết chữ lại trở thành những chiến sĩ diệt giặc dốt tích cực, xuất sắc nhất. Chỉ tính từ tháng 9-1945 đến tháng 6-1946, toàn tỉnh có 94.839 người thoát nạn mù chữ. Đến cuối năm 1946, toàn tỉnh có 191.800 người theo học các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa<sup>1</sup>.

Giáo dục phổ thông phát triển mạnh, các thôn, xã đều có lớp, trường học. Học sinh đến lớp ngày càng tăng. Năm học 1944 - 1945, toàn tỉnh có 216 lớp tiểu học với 11.246 học sinh và 252 giáo viên. Đến năm học 1945 - 1946, tăng lên 314 lớp tiểu học với 23.083 học sinh và 572 giáo viên<sup>2</sup>. Những em

---

1, 2. Báo cáo thành tích giáo dục của Liên khu V qua chín năm kháng chiến. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

học sinh đạt thành tích xuất sắc đều được khen thưởng, động viên kịp thời.

Thực hiện chủ trương của Liên khu ủy V, tháng 10-1946, Trường Trung học Lê Khiết được thành lập tại tỉnh Quảng Ngãi<sup>1</sup>. Ngay từ năm học đầu tiên Trường đã có hơn 500 học sinh. Mặc dù gặp khó khăn, thiếu thốn về mọi mặt, trường vẫn duy trì hoạt động suốt trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, đào tạo được hàng ngàn học sinh có trình độ phổ thông trung học cho toàn Liên khu V. Nhiều học sinh của Trường trưởng thành, trở thành nhà lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, nhà khoa học, cán bộ chính trị, quân sự, nhà văn, nhạc sĩ nổi tiếng.

Do hậu quả của chế độ thực dân, phong kiến, lại thêm nạn đói, dịch bệnh xảy ra nhiều nơi, nên đã tác động không nhỏ đến đời sống của nhân dân. Trong điều kiện thiếu thuốc chữa bệnh, đội ngũ cán bộ làm y tế còn quá ít, Đảng bộ và chính quyền khuyến khích, động viên khám và điều trị bệnh bằng những cây thuốc nam có sẵn ở địa phương. Đồng thời, các cấp chính quyền và Mặt trận phát động nhân dân thực hiện nếp sống mới, vệ sinh xóm làng, nhân dân biết đào giếng, ăn chín, uống nước sôi để nguội, ăn đũa hai đầu, làm hố xí hai ngăn, dọn vệ sinh nhà cửa sạch sẽ để ngăn ngừa dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe<sup>2</sup>.

---

1. Lúc đầu Trường đóng ở thị xã Quảng Ngãi, do bị thực dân Pháp đánh phá nên năm 1947, Trường chuyển lên Nghĩa Hành và được duy trì đến tháng 4-1954. Học sinh là con em của đồng bào các tỉnh Nam Trung Bộ.

2. Sáng kiến làm hố xí hai ngăn lúc đầu được thực hiện thí điểm ở xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, sau đó được nhân ra diện rộng trên toàn địa bàn tỉnh. Sáng kiến này được Bộ trưởng Bộ Y tế Phạm Ngọc Thạch đánh giá có ý nghĩa lớn, được phổ biến và triển khai trong toàn quốc.

Cùng với việc chăm lo phát triển dân trí, chăm sóc sức khỏe nhân dân, Tỉnh ủy còn chú trọng lãnh đạo phát triển nền văn hóa mới, con người mới, đẩy lùi những tư tưởng, tập quán, thói quen lạc hậu. Tháng 9-1945, Ty Tuyên truyền của tỉnh được thành lập do đồng chí Lê Thái Hòa làm Trưởng ty. Đến năm 1946, Liên đoàn Văn hóa cứu quốc tỉnh tiếp tục được thành lập để chăm lo các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, xuất bản được tạp chí *Đời sống mới*, tích cực tuyên truyền những tác phẩm văn học cách mạng, những nhận thức về chế độ dân chủ nhân dân và vận động nhân dân thực hiện nếp sống mới, góp phần từng bước hình thành nền văn hóa mới.

Các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc, trộm cắp... ngày càng giảm. Nếp sống lành mạnh được phổ biến sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Một số sách báo được đưa về cơ sở. Đông đảo nhân dân, nhất là thanh niên, thường xuyên tìm đọc sách, báo cách mạng. Các làng ở đồng bằng đều có địa điểm đọc sách báo, nhiều huyện thành lập phòng thông tin tuyên truyền và thư viện. Ban văn hóa lưu động của Liên đoàn Văn hóa cứu quốc thường xuyên về các địa phương tuyên truyền, cổ động những nội dung về "đời sống mới". Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển ở hầu khắp các thôn, xóm. Các đội văn nghệ quần chúng thường xuyên tổ chức biểu diễn, nhất là trong những dịp lễ, tết. Nhiều bài hát, vở kịch được sáng tác, phổ biến, động viên nhân dân hăng hái tham gia tòng quân, tăng gia sản xuất, học tập...

Các hội, đoàn thể cứu quốc phối hợp, tổ chức những hội, nhóm tương tế thu hút hội viên, nhân dân tham gia để giúp đỡ lẫn nhau lúc hoạn nạn, đau ốm...

"Trại nhà nghèo" được thành lập tại thị xã Quảng Ngãi do ông Trần Trọng Hải, Chủ tịch Hội Tế bần tỉnh phụ trách. Trại có nhiệm vụ nuôi dưỡng người nghèo tàn tật cô đơn, trẻ em mồ côi lang thang. Trại còn tổ chức dạy chữ, dạy nghề cho mọi người. Đầu năm 1946, cán bộ và các em trong Trại thêu chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhờ Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp gửi tặng Người<sup>1</sup>.

Như vậy, chỉ hơn một năm, sau khi giành được chính quyền, từ tháng 8-1945 đến cuối năm 1946, tuy số lượng đảng viên còn rất ít, nhưng Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã lãnh đạo các tầng lớp nhân dân vượt qua nhiều thử thách nặng nề, phức tạp, từng bước ổn định đời sống. Các mặt văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, xây dựng nếp sống mới được phát triển. Chính quyền nhân dân các cấp được củng cố, phát huy vai trò quản lý, điều hành các lĩnh vực sản xuất và đời sống xã hội; động viên nhân dân hăng hái tăng gia sản xuất phục vụ đời sống và đóng góp, giúp đỡ vùng bị nạn đói hoành hành. Những âm mưu, hành động chống phá chính quyền cách mạng trên địa bàn của các lực lượng phản động bị phát hiện và kịp thời dập tắt. Nhiều cán bộ, đảng viên, thanh niên tự nguyện lên đường, gia nhập lực lượng vũ trang, tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng

---

1. Cuối tháng 01-1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp, thay mặt Chính phủ đi kinh lý các tỉnh Nam Trung Bộ. Trong thời gian làm việc tại Quảng Ngãi, đồng chí đã đến thăm "Trại nhà nghèo" giữa lúc cán bộ đang hướng dẫn cho các em học thêu chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhân dịp này, cán bộ trong Trại ngỏ ý muốn nhờ đồng chí Võ Nguyên Giáp chuyển và tặng bức tranh thêu này cho Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi nhận được bức tranh do cán bộ, các em của "Trại nhà nghèo" Quảng Ngãi gửi tặng, Chủ tịch Hồ Chí Minh vô cùng cảm động và Người đã viết thư khen ngợi.

ở một số tỉnh bạn và trực tiếp chiến đấu chống quân xâm lược Pháp trên nhiều mặt trận.

Với chủ trương đúng đắn, Tỉnh ủy đã lãnh đạo cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong tỉnh trấn áp được các thế lực phản động, đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng quê hương, góp phần cùng cả nước chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

## II- RA SỨC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ HẬU PHƯƠNG VỮNG CHẮC, ĐÓNG GÓP SỨC NGƯỜI, SỨC CỦA CHO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (12-1946 – 12-1952)

### **1. Ra sức xây dựng và củng cố hậu phương, đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến**

Tháng 01-1946, quân đội Pháp chính thức thay chân quân Anh ở phía Nam vĩ tuyến 16 và ký với Tưởng Giới Thạch Hiệp ước Hoa - Pháp (ngày 28-02-1946), đưa quân viễn chinh Pháp ra miền Bắc, thực hiện âm mưu xâm lược Việt Nam. Nhân dân ta tiếp tục bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bảo vệ thành quả của Cách mạng Tháng Tám.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh cử đồng chí Phạm Văn Đồng, đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ, trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng ở Nam Trung Bộ. Trước khi về Quảng Ngãi, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn đồng chí Phạm Văn Đồng: "Phải quan tâm trước hết đến việc xây dựng đảng bộ đi đôi với việc xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh, động viên, tổ chức và lãnh đạo quần chúng, tăng cường đoàn kết nhân dân, củng cố và bảo vệ vùng tự do,

đồng thời kiên trì chiến đấu và quyết tâm đánh thắng ngay trên mặt trận Nam Trung Bộ"<sup>1</sup>.

Cuối tháng 11-1946, đồng chí Phạm Văn Đồng về đến Quảng Ngãi. Trước đông đảo đồng bào, chiến sĩ và cán bộ, đảng viên của tỉnh, đồng chí dặn dò: Tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì cuộc sống, hạnh phúc tương lai. Nhưng thành quả của công cuộc vĩ đại đó không phải là một mâm cỗ bày sẵn, mà muốn có thành quả đó, mọi người, mỗi người phải xắn tay áo, phải cùng làm việc... Phải bằng những công việc thực tế, kết quả thực tế. Phải vào bộ đội, tham gia tự vệ, phải tham gia phá địch, phải tăng gia sản xuất, phải có trách nhiệm với công việc của mình. Có như vậy cách mạng mới thành công, kháng chiến mới thắng lợi.

Những lời nói chân tình, thẳng thắn của đồng chí Phạm Văn Đồng tạo niềm hào hứng, phấn khởi, tin tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân Quảng Ngãi nói riêng, Nam Trung Bộ nói chung.

Từ tháng 12-1946, thôn Phú Bình (thị trấn Chợ Chùa), huyện Nghĩa Hành được chọn làm nơi đặt trụ sở các cơ quan đại diện của Trung ương để chỉ đạo kháng chiến, trong đó có trụ sở Ủy ban kháng chiến Nam Trung Bộ. Cụ Huỳnh Thúc Kháng<sup>2</sup> và

---

1. *Khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng, tập I: Kháng chiến chống thực dân Pháp*, Bộ Tư lệnh Quân khu V xuất bản, Đà Nẵng, 1986, tr. 79.

2. Ngày 21-4-1947, cụ Huỳnh Thúc Kháng mất tại Nghĩa Hành. Đám tang của cụ được tổ chức trọng thể, trong sự tiếc thương vô hạn của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào tỉnh Quảng Ngãi. Thi hài cụ được an táng trên đỉnh núi Thiên Ân. Do hoàn cảnh chiến tranh, đường sá cách trở, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi Điện chia buồn và nói lên tấm gương yêu nước sáng ngời của cụ Huỳnh Thúc Kháng để các thế hệ người Việt Nam luôn ghi nhớ, noi theo.

các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh từng làm việc tại đây. Kho bạc tín phiếu của Liên khu V cũng được đặt tại Nghĩa Hành.

Với trọng trách được giao, đồng chí Phạm Văn Đồng cùng Ủy ban kháng chiến Nam Trung Bộ lãnh đạo nhân dân các tỉnh Nam Trung Bộ và trực tiếp là nhân dân Quảng Ngãi chuẩn bị lực lượng sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ chống thực dân Pháp, cứu nước<sup>1</sup>.

Ngày 02-01-1947, tàu chiến Pháp từ ngoài biển bắn đại bác vào thị xã Quảng Ngãi, Tỉnh ủy nhanh chóng tổ chức hội nghị do đồng chí Phạm Văn Đồng chủ trì để bàn những biện pháp đối phó trước mắt và lâu dài. Hội nghị nhận định: Trong thời gian đầu, địch chưa thể tiến công đánh chiếm Quảng Ngãi. Vì vậy, công việc chính lúc này là phải tập trung sức lực xây dựng tỉnh Quảng Ngãi trở thành hậu phương chủ yếu cho vùng bị địch tạm chiếm, phục vụ tích cực cho tiền tuyến, trực tiếp là mặt trận Kon Tum và bắc Quảng Nam. Hội nghị đề ra chủ trương các cơ quan, công xưởng, nhân dân phải sơ tán khỏi thị xã về các vùng nông thôn, miền núi để tránh máy bay địch bắn phá.

Hội nghị vạch ra những kế hoạch cụ thể: *Về chính trị*, tích cực tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh nắm vững chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, giáo dục tinh thần yêu nước, động viên nhân dân góp sức người, sức của cao nhất

---

1. Trong thời gian ở Quảng Ngãi, nơi làm việc của đồng chí Phạm Văn Đồng không cố định, lúc ở Nghĩa Hành, khi thì ở nhà anh ruột hoặc ở một số gia đình có truyền thống cách mạng hai bên bờ sông Trà Khúc để tránh sự theo dõi của địch.

cho cuộc kháng chiến. Lãnh đạo các cơ quan, đoàn thể quần chúng và nhân dân sẵn sàng chiến đấu, đánh trả quân địch nếu như chúng đổ bộ tiến công Quảng Ngãi. *Về quân sự*, lãnh đạo nhân dân những vùng có thể bị địch tiến công đánh chiếm, sẵn sàng thực hiện triệt để "vườn không nhà trống", phá hoại cầu đường để chặn bước tiến của địch. Các đơn vị vũ trang tổ chức bố phòng, xây dựng công sự, triển khai bố trí lực lượng ở những vùng trọng điểm, sẵn sàng chiến đấu; lực lượng dân quân du kích, tự vệ toàn tỉnh phải gấp rút được củng cố và sẵn sàng cùng bộ đội tham gia kháng chiến. *Về kinh tế*, xây dựng nền kinh tế có lãnh đạo, tự cấp, tự túc phục vụ kháng chiến; một mặt, đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm để bảo đảm đời sống cho đồng bào, nhất là đồng bào tản cư; mặt khác di chuyển kho tàng, công xưởng đến nơi an toàn, tiến hành xây dựng miền Tây và vùng giáp ranh thành khu an toàn. Bảo đảm nơi đứng chân của đơn vị quân đội, xí nghiệp quốc phòng và các cơ quan chỉ huy, chỉ đạo của Trung ương, Liên khu và của tỉnh. *Về văn hóa - xã hội*, tiếp tục vận động xây dựng nếp sống mới và nền văn hóa kháng chiến, tổ chức bình dân học vụ và mở thêm trường, lớp học, chăm lo sức khỏe cho nhân dân và bộ đội.

Chấp hành chủ trương của Chính phủ, tháng 12-1946, Ủy ban kháng chiến các cấp được thành lập, cùng với Ủy ban hành chính trực tiếp lãnh đạo nhân dân chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Ủy ban kháng chiến tỉnh Quảng Ngãi do đồng chí Nguyễn Thiệu làm Chủ tịch.

Thực hiện Sắc lệnh số 91/SL, ngày 01-10-1947 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về hợp nhất Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính từ cấp tỉnh đến xã thành Ủy ban kháng chiến kiêm



hành chính, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tích cực chỉ đạo việc hợp nhất Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính các cấp, nhằm khắc phục tình trạng chông chéo trong quản lý, điều hành, thống nhất chỉ đạo kịp thời công cuộc kháng chiến. Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Ngãi do đồng chí Nguyễn Thiệu làm Chủ tịch; đồng chí Hồ Thiết làm Phó Chủ tịch; đồng chí Nguyễn Công Phương được Liên Khu ủy V điều động nhận nhiệm vụ mới.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của chính quyền các cấp, các ban phá hoại, xây dựng phòng tuyến, tản tiếp cư được thành lập. Nhiều nhà cửa kiên cố ở thị xã Quảng Ngãi và các thị trấn có thể là điểm tấn công của địch nên nhân dân sẵn sàng tự nguyện phá dỡ. Hàng chục ngàn người thuộc mọi tầng lớp, lứa tuổi tích cực tham gia đào đắp các chướng ngại vật, phá đường, tháo dỡ cầu, cống để cản bước tiến của địch. Đường ray, tà vẹt của đoạn đường sắt chạy qua tỉnh được nhân dân tháo dỡ. Hệ thống hầm trú ẩn các loại được đào ở khắp các nơi. Làng, xóm được rào kỹ để phòng thực dân Pháp đổ bộ. Hầm bí mật được đào ở nhiều nơi, nhất là vùng ven biển. Quảng Ngãi là nơi phát triển hầm bí mật nhiều nhất so với các địa phương trong toàn Liên khu V. Đến tháng 3-1949, nhân dân đào được 11.000 hầm các loại (một số hầm, địa đạo tồn tại và phát huy được tác dụng tốt trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ). Nhiều tỉnh trong Liên khu V cử người về Quảng Ngãi học tập kinh nghiệm trong việc đào hầm, hào...

Ở những nơi đồng trống, đồi hoang, núi trọc, nhân dân cắm thành những bãi cọc tre, cọc dương liễu dài từ 3 - 4 m, để phòng địch nhảy dù. Hệ thống trạm gác bí mật, trạm truyền tín hiệu báo động được lập ở nhiều nơi. Việc báo động được thực hiện

bằng những dụng cụ đơn giản, như thổi ốc u, tù và hoặc đan những chiếc bồ tre lớn, quét vôi trắng để kéo lên trên những trụ, ngọn cây cao ở các đỉnh núi sát biển khi có địch đổ bộ, càn quét hoặc hạ xuống khi địch rút quân. Nhờ vậy, lực lượng canh gác, cảnh giới kịp thời báo tin cho nhân dân và hạn chế được thiệt hại khi địch tiến công.

Công tác phòng gian bảo mật, cảnh giác, chống gián điệp, biệt kích xâm nhập được các hội, đoàn thể tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân. Mọi người đều thực hiện khẩu hiệu "ba không" (không biết, không nghe, không thấy) đối với những người lạ. Nhiều gián điệp được nhân dân phát hiện, báo cho chính quyền và lực lượng vũ trang xử lý kịp thời. Vì vậy, trong một thời gian dài, tỉnh Quảng Ngãi là căn cứ an toàn của nhiều cơ quan đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ, cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo của Liên khu ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự Liên khu V, Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ...

Để bảo vệ vững chắc vùng tự do Quảng Ngãi, công tác hàng đầu của Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính là xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang địa phương. Bên cạnh việc chỉ đạo giáo dục tư tưởng cách mạng cho lực lượng vũ trang, Tỉnh ủy đề ra một số biện pháp nhằm đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố lực lượng dân quân du kích. Đến cuối năm 1949, toàn tỉnh có 46.465 du kích xã, 10.060 dân quân tự vệ, 3.360 bạch đầu quân, 2.348 nữ dân quân, 1.865 du kích là người dân tộc thiểu số, hai đại đội dân quân tự vệ tập trung. Mỗi huyện đồng bằng có một đại đội địa phương. Các ngành, đoàn thể, tổ chức Việt Minh còn động viên thanh niên hăng hái tham gia tòng quân giết giặc. Chỉ trong một thời gian ngắn, toàn tỉnh có

15.00 thanh niên tình nguyện nhập ngũ, tham gia chiến đấu ở các chiến trường trong Liên khu<sup>1</sup>.

Để bảo đảm chất lượng của du kích và bộ đội ngày càng cao, Tỉnh ủy và các ngành, các cấp rất chú ý đến việc nâng cao kiến thức, giác ngộ cách mạng cho thanh niên. Tỉnh tổ chức cho du kích học tập thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi bộ đội, du kích toàn quốc; thường xuyên tổ chức cho du kích xã huấn luyện kỹ chiến thuật. Từ tháng 12-1946 đến ngày 30-4-1948, Tỉnh đội mở lớp huấn luyện quân sự cho 11.000 dân quân (trong đó 2.473 nữ). Phong trào luyện quân lập công được phát động rộng khắp trong các đơn vị dân quân du kích tập trung. Cán bộ, chiến sĩ thi đua học tập, rèn luyện quân sự. Các đoàn thể, cơ quan và nhân dân toàn tỉnh ủng hộ lương thực, thực phẩm. Phong trào thi đua diễn ra sôi nổi. Sau hai tháng huấn luyện, Đảng bộ tổ chức cuộc thao diễn để kiểm tra kết quả huấn luyện, tuyên dương khen thưởng những cá nhân, đơn vị có thành tích xuất sắc.

Qua đợt luyện quân này, tỉnh đưa bốn đại đội du kích tập trung, ba đại đội dân quân ra phối hợp tác chiến và tự kiểm tra khả năng chiến đấu thực tế ở chiến trường bắc Quảng Nam và được Ủy ban quân sự Quảng Nam tuyên dương toàn mặt trận<sup>2</sup>. Được sự giúp đỡ và hướng dẫn của Phòng dân quân Liên khu V và Trung đoàn 126, Tỉnh đội Quảng Ngãi tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng chính trị, quân sự cho cán bộ huyện đội và xã đội tại Ba La (xã Nghĩa Đông, Tư Nghĩa). Đồng chí Phạm Văn Đồng trực tiếp chỉ đạo các lớp này.

Đầu năm 1949, trong Hội nghị dân chính của Liên khu V, tỉnh Quảng Ngãi được giao trách nhiệm động viên sức người,

---

1, 2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 46, 47.

sức của chi viện các chiến trường Bình Thuận, Kon Tum, Đồng Nai Thượng, Tây Nguyên. Chấp hành nhiệm vụ được giao, Tỉnh ủy điều động 34 đồng chí đi cực Nam, 43 đồng chí đi Tây Nguyên. Ngoài ra, tỉnh còn đưa một đội trật tự xung phong và một đội công an xung phong ra chiến đấu ở Quảng Nam, Đà Nẵng.

Ngoài việc cung cấp quân số, tỉnh Quảng Ngãi còn cung cấp vũ khí cho các chiến trường. Trên địa bàn tỉnh, ngoài hai công binh xưởng đầu tiên là Từ Nhại, Phan Diệt của Đội du kích Ba Tơ, còn có thêm ba xưởng quân giới của Liên khu V được xây dựng, gồm: Nguyễn Trường, Lý Văn Bé, Hoàng Hoa Thám. Cùng với việc sửa chữa vũ khí, các xưởng còn sản xuất được hàng ngàn quả lựu đạn, mìn, lựu lê, đạn tiểu liên, súng phóng lựu... Trong sáu tháng đầu năm 1949, các xưởng sản xuất vũ khí Quảng Ngãi đã cung cấp cho các chiến trường Tây Nguyên và cực Nam 340 quả lựu đạn<sup>1</sup>.

Đặc biệt, cùng với ngành quân giới Liên khu V, năm 1949, tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức triển lãm vũ khí tự tạo của các công binh xưởng và chiến lợi phẩm thu được của địch tại Châu Sa (xã Tịnh Châu, Sơn Tịnh). Qua triển lãm, quân và dân trong tỉnh rất phấn khởi, tin tưởng vào khả năng chế tạo vũ khí của ta.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, sau hơn một tháng học tập chỉ thị về đường lối quốc tế của Đảng, nhiệm vụ của cách mạng Lào, nghe phổ biến khái quát tình hình các bộ tộc Lào, học tiếng và chữ Lào..., do đồng chí Phạm Văn Đồng giảng dạy, ngày 19-8-1949, tại Đền An (xã Hành Phước, Nghĩa Hành), các đơn vị tình nguyện đầu tiên của Việt Nam làm Lễ xuất quân, lên đường sang giúp nước bạn Lào. Tại buổi lễ, đồng chí Phạm Văn Đồng động viên, căn dặn các cán bộ, chiến sĩ: "Các anh em

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 48.

luôn nhớ, chỉ có vận động được phong trào cách mạng ở Lào, thì cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Pháp mới thắng lợi... Phải xem đất nước, nhân dân, cỏ cây, sông núi của Lào như của Việt Nam vậy..."<sup>1</sup>.

Hoạt động của Mặt trận Việt Minh, Liên Việt và các Hội đoàn thể cứu quốc như Nông dân, Thanh niên, Phụ nữ, Thân hào và Thanh niên cứu quốc được đẩy mạnh.

Ban Chấp hành Việt Minh cấp tỉnh có 9 thành viên, gồm 5 ủy viên Ban Thường vụ và 4 ủy viên phụ trách các giới cứu quốc. Đồng chí Nguyễn Trí làm Chủ nhiệm, đồng chí Vũ Anh Ba (Hồng Ứng) làm Phó Chủ nhiệm. Ban Chấp hành Việt Minh mỗi huyện đồng bằng có 3 ủy viên Ban Thường vụ và 4 ủy viên phụ trách các đoàn thể cứu quốc. Mỗi huyện miền núi có 1 ủy viên Ban Thường vụ và 2 hoặc 3 ủy viên phụ trách. Mỗi xã có từ 3 đến 5 ủy viên Ban Thường vụ và 4 ủy viên phụ trách các đoàn thể. Thành phần đảng viên trong tổ chức Việt Minh cấp tỉnh, huyện là 90%, cấp xã 80%... Việc phát triển hội viên các đoàn thể được chú trọng. Đến năm 1949, toàn tỉnh có khoảng hơn 200.000 hội viên gia nhập các đoàn thể quần chúng; như: thân hào, phụ lão cứu quốc; nông dân cứu quốc; thanh niên cứu quốc; phụ nữ cứu quốc,... Riêng ở các huyện miền núi, phát triển thêm hơn 200 hội viên ở Ba Tơ; Trà Bồng và Sơn Hà chủ yếu là hội viên Hội Nông dân cứu quốc.

Mặt trận Việt Minh ngày càng có uy tín sâu rộng trong nhân dân. Cùng với Liên Việt và các đoàn thể quần chúng khác, Mặt trận Việt Minh đóng vai trò tích cực trong việc tuyên truyền chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng, đập tan mọi luận điệu xuyên tạc, phá hoại của địch, đề ra nhiều biện pháp

---

1. *Quân tình nguyện Việt Nam khu Hạ Lào - Đông bắc Campuchia*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2008, tr. 21.

thích hợp để động viên đông đảo quần chúng tích cực tham gia đóng góp cho kháng chiến, tham gia các đoàn thể quần chúng. Đảng bộ đưa những cán bộ, đảng viên có uy tín, năng lực đi sâu, đi sát quần chúng, vào các cấp lãnh đạo Việt Minh, động viên, phát huy được sức mạnh của nhân dân tham gia vào mọi phong trào, nhất là trong phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc, giết giặc bảo vệ quê hương.

Đề động viên càng nhiều nhân tài, vật lực đóng góp vào sự nghiệp kháng chiến, thông qua Ủy ban kháng chiến hành chính và Mặt trận Việt Minh, Tỉnh ủy phát động trong toàn tỉnh phong trào lập các quỹ ủng hộ kháng chiến với nhiều hình thức phong phú, thu được nhiều kết quả nhất định.

Năm 1947, nhân dân đóng góp vào các quỹ được 6.456.981 đồng (tiền tín phiếu), 36.356 ang<sup>1</sup> gạo; đóng góp nuôi bộ đội, dân quân được 83.739.800 đồng và 1.505.000 ang lúa, 140 mẫu ruộng; đóng góp vào quỹ đồng tâm kháng chiến được 700.834 đồng.

Riêng ngày 27-7-1947, hưởng ứng Ngày toàn dân giúp đỡ thương binh và gia đình liệt sĩ và theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân trong tỉnh ủng hộ 150.000 đồng, hơn 1.000 ang lúa; đóng góp được 616.516 đồng trong tuần lễ Mùa đông binh sĩ năm 1948.

Ngày 27-3-1948, Trung ương Đảng có Chỉ thị "Phát động phong trào thi đua ái quốc" nhằm động viên toàn dân, toàn quân nâng cao nhiệt tình cách mạng và trí sáng tạo, ra sức thi đua kháng chiến, kiến quốc. Tỉnh ủy phát động phong trào Thi đua ái quốc trong toàn tỉnh, được đông đảo cán bộ, nhân dân, hội viên các đoàn thể hăng hái thực hiện. Nhân dân tích cực đóng góp vào quỹ đảm phụ quốc phòng, quỹ công lương, quỹ nuôi quân, quỹ mua sắm vũ khí, quỹ mùa đông binh sĩ...

---

1. 1 ang = 4 kg.

Chỉ riêng quỹ nuôi du kích tập trung, đến tháng 3-1949, nhân dân đóng góp được 9.200.000 đồng (tiền tín phiếu), 12.220 ang lúa, 121 mẫu ruộng. Mặt trận Việt Minh, Liên Việt và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh phát động nông dân tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong sản xuất, đời sống và đóng góp nhiều hơn cho kháng chiến<sup>1</sup>.

Hội mẹ binh sĩ, Hội phụ nữ cứu quốc ở các địa phương tổ chức động viên hội viên đón nhận thương binh, bệnh binh về nuôi dưỡng, chăm sóc, giúp đỡ công việc làm ăn... Riêng trong năm 1948, hơn 200 thương binh từ các chiến trường được đưa về tỉnh điều trị, an dưỡng. Nhiều chiến sĩ được các mẹ nhận làm con nuôi, giúp đỡ xây dựng gia đình. Riêng phụ nữ hai huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh nhận nuôi hơn 1.000 lượt cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 96 của Liên khu V về nghỉ ngơi, dưỡng bệnh.

Từ ngày 06 đến ngày 13-02-1949, tỉnh tổ chức tuần lễ đóng góp ủng hộ nhân dân vùng bị chiếm, số tiền thu được là 1.542.645 đồng. Riêng Ngày đồng tâm Đà Nẵng, nhân dân đóng góp được 16 tấn gạo và 500.000 đồng<sup>2</sup>.

Ngày 12-7-1946, đại diện Chính phủ tại miền Nam ra Nghị định số 01/CP-NĐ cho phép phát hành tín phiếu kháng chiến ở Liên khu V thay cho đồng bạc Việt Nam do Bộ Tài chính phát hành. Đây là một chủ trương đúng đắn, phù hợp, nhằm xây dựng một nền kinh tế tự cung tự cấp ở Liên khu V<sup>3</sup>... Việc lưu hành tín phiếu được nhân dân toàn tỉnh ủng hộ nhằm thể hiện quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do vừa mới giành lại được sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

---

1, 2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 46, 51.

3. Năm 1947: 1 đồng tín phiếu bằng 1 đồng ngân hàng Đông Dương.

Phong trào thi đua tăng gia sản xuất, tự túc, tự cấp, triệt để thực hành tiết kiệm được phát động trong toàn tỉnh. Hợp tác xã sản xuất thu hút được 23.417 hội viên, với số tiền đóng góp là 1.677.872 đồng. Hàng ngàn hécta ruộng đất được giao cho dân nghèo canh tác. Nhiều ruộng lúa trước đây chỉ sản xuất một vụ, nay tăng lên hai, ba vụ.

Để đáp ứng nhu cầu lương thực phục vụ đời sống và kháng chiến, cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chuyển một số diện tích trồng mía sang trồng lúa. Đến năm 1948, diện tích trồng mía từ 12.000 mẫu giảm còn 7.000 mẫu để chuyển sang trồng lúa. Phong trào phủ xanh đất trống được phát động trong toàn dân. Các loại rau đậu mọc lên xanh tốt ở từng bờ rào, góc vườn, triền đồi, ven sông và cả trên những nóc hầm bí mật, trên các công sự chiến đấu. Các loại giống cây trồng, vật nuôi mới, phong trào dùng phân xanh, phân chuồng, phân bắc bón ruộng được nông dân toàn tỉnh hưởng ứng. Toàn tỉnh có khoảng 1.400 hầm phân kiểu mẫu. Chỉ riêng ở xã Đức Nhuận (Mộ Đức) trong mùa lúa tháng 3-1949, nhờ áp dụng phương pháp bón phân bắc, phân chuồng và bón nhiều lần nên năng suất lúa đạt trên 5 tấn/ha/vụ<sup>1</sup>.

Công tác thủy lợi được Đảng bộ và chính quyền quan tâm đặc biệt. Chỉ trong thời gian ngắn, nhiều tuyến kênh lớn được nhân dân đào đắp, như: kênh Sơn Tịnh (còn gọi là kênh Ông Cát) dài 16 km. Trên kênh, nhân dân còn dựng nhiều bờ xe nước từ 1 đến 2 bánh, cùng với hệ thống nước tự chảy, đảm bảo cung cấp nước tưới cho hơn 1.500 mẫu ruộng đất ở các xã khu trung và đông huyện Sơn Tịnh. Kênh Bàu Súng (Mộ Đức), đập An Thọ (Đức Phổ)... hoàn thành lấy nước tưới cho hàng trăm

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 52-53.



héc-ta ruộng, đất. Ngoài ra, nhân dân còn đắp 47 đập, tưới cho 7.400 mẫu lúa và rau màu trong toàn tỉnh.

Các công trình thủy lợi được xây dựng và đưa vào sử dụng không chỉ góp phần cải thiện đời sống nhân dân trong tỉnh, khắc phục dần nạn đói giáp hạt triền miên của phần lớn nông dân các xã khu đông Sơn Tịnh, Mộ Đức..., mà còn có ý nghĩa chính trị to lớn, thể hiện sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc.

Các ngành nghề tiểu thủ công truyền thống được phục hồi và phát triển nhằm bảo đảm cung cấp các mặt hàng tiêu dùng cho nhân dân, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống như vải, giấy, muối... Để có đủ nguyên liệu cung cấp cho ngành dệt, đồng chí Phạm Văn Đồng đưa ra sáng kiến mỗi gia đình trồng từ 10 đến 30 cây bông quanh nhà. Hưởng ứng sáng kiến của đồng chí Phạm Văn Đồng, khắp các địa phương trong toàn tỉnh, phong trào trồng bông, dệt vải được phát động. Trong năm 1948, nhân dân trồng được 1.000 mẫu bông, hàng trăm mẫu dâu để ươm tơ, dệt vải. Toàn tỉnh có hơn 1.000 khung dệt vải thủ công, tập trung chủ yếu ở các xã ven biển huyện Đức Phổ. Ngoài các xưởng ươm tơ, dệt vải của địa phương, trên địa bàn tỉnh còn có các xí nghiệp dệt vải của cơ quan kinh tài Nam Trung Bộ và hậu cần Liên khu V. Trong năm 1949, toàn tỉnh dệt được 540 nghìn mét vải khổ đôi, 1,2 triệu mét vải khổ chiếc, góp phần cung cấp vải mặc cho nhân dân, cán bộ, chiến sĩ trong toàn Liên khu. Chất lượng vải do nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sản xuất được đánh giá tốt, đặc biệt là vải Sita dùng để may quần áo cho bộ đội.

Nghề làm giấy được quan tâm phát triển. Đến cuối năm 1949, toàn tỉnh có 16 xưởng sản xuất giấy ở các huyện Đức Phổ, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh. Số lượng giấy được

sản xuất cung cấp đủ cho nhu cầu sử dụng của học sinh, cán bộ, các cơ quan, đoàn thể và một phần cho Liên khu V. Chất lượng giấy ngày càng được nâng cao. Xưởng giấy ở xã Đức Hiệp (Mộ Đức) sản xuất được giấy dùng để in tín phiếu cho Liên khu V.

Nghề làm gôm, muối, ép dầu, thuộc da, thủy tinh cũng được khuyến khích phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và phục vụ kháng chiến. Trong năm 1949, nhân dân trong tỉnh sản xuất được hàng trăm tấn muối, nhiều đồ dùng bằng thủy tinh và xà phòng<sup>1</sup>... Đặc biệt, Công ty Việt Thắng dưới sự điều hành của Ban kinh tài hoạt động rất tích cực, phục vụ tốt cho nhu cầu kháng chiến và dân sinh.

Nhằm góp phần phá vỡ sự bao vây kinh tế của địch, tạo thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa trong vùng tự do Liên khu V, theo sự chỉ đạo của đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ, từ đầu năm 1948 các tuyến đường 5A, 5B, tuyến đường sắt được khẩn trương khôi phục, sửa chữa, bảo đảm giao thông thông suốt giữa các địa phương trong tỉnh. Đến tháng 6-1948, tuyến đường sắt được thông suốt, nối liền các tỉnh thuộc vùng tự do Liên khu V. Một số tuyến đường liên xã, liên huyện được mở mới. Các cầu tre, cầu phao bắc qua sông do nhân dân địa phương, chủ yếu là lực lượng thanh niên đảm nhận.

Bên cạnh những thành tích đạt được về mặt kinh tế, tăng gia sản xuất, để động viên tinh thần và bồi dưỡng sức dân, Tỉnh ủy lãnh đạo các cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện Sắc lệnh giảm tô, quy định giảm tức, quy chế lãnh canh và tạm cấp ruộng đất cho bản cổ nông do Chính phủ ban hành. Tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng nhờ sự lãnh đạo và chỉ đạo khéo léo, kiên quyết, kịp thời, hợp tình, hợp lý của Tỉnh ủy và chính quyền

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 55.

các cấp, các ngành, Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể, chủ trương của Chính phủ được đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng và tích cực thực hiện. Hầu hết địa chủ ở các địa phương sau khi được tuyên truyền, giáo dục đều thực hiện giảm tô. Đến ngày 30-9-1949, toàn tỉnh có 1.786 địa chủ thực hiện giảm tô cho 7.211 tá điền, với 6.776 mẫu ruộng<sup>1</sup>.

Ở miền núi, việc giảm nô cũng được thực hiện với nhiều hình thức. Tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Việt Minh tiến hành tuyên truyền, vận động các cà rá tự giảm bớt thời gian làm công cho những nô lệ, đồng thời phải có trách nhiệm đối với họ khi xảy ra tai nạn hoặc ốm đau.

Trong quá trình chỉ đạo việc thực hiện chủ trương giảm tô, giảm tức, giảm nô của Tỉnh ủy, một số cán bộ, đảng viên do trình độ nhận thức và năng lực còn bị hạn chế, không thi hành các chủ trương này chặt chẽ, toàn diện và chu đáo. Trong giảm tô, có nơi chỉ làm hình thức, tá điền bí mật trả lại tô cho địa chủ hoặc có nơi xảy ra tranh chấp giữa địa chủ và tá điền. Ở các huyện miền núi, việc giải phóng nông nô gây bất bình cho một số chủ nô và nông nô. Tuy vậy, việc giảm tô, giảm tức tạo được khí thế, lòng tin, sự phấn khởi trong nhân dân, làm cho mọi người tham gia đóng góp ngày càng nhiều cho kháng chiến, cuộc sống của nhân dân ngày càng được ổn định. Tỉnh Quảng Ngãi được đánh giá khá nhất trong toàn Liên khu.

Sự nghiệp văn hóa - giáo dục được phát triển sâu rộng trong quần chúng. Toàn dân, từ trẻ đến già, phụ nữ có con nhỏ đều tích cực đi học. Tiêu biểu cho phong trào này là tấm gương hiếu học của chị Huỳnh Thị Chánh ở xã Tịnh An (Sơn Tịnh). Do tai nạn, bị cụt cả hai tay, chị kiên trì buộc bút vào khuỷu tay để

---

1. Theo Báo cáo năm 1949 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Ngãi. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

tập viết. Sau khi đọc thông viết thạo, chị trở thành cô giáo dạy chữ cho nhiều người khác. Năm 1947, chị được tuyên dương là Chiến sĩ diệt dốt toàn quốc. Ngành giáo dục khắc phục nhiều khó khăn, in thêm nhiều sách học văn quốc ngữ, tập đọc, mở lớp đào tạo, bồi dưỡng nhiều giáo viên xóa mù chữ. Việc kiểm tra được thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú, như Đoàn Thanh niên tổ chức đóng cọc, giăng dây ngang đường ở những nơi đông người qua lại và đặt một tấm bảng viết chữ cái để những ai đi tới đều phải đọc, ai chưa đọc được phải đứng lại tập đánh vần mới cho đi qua.

Với những nỗ lực của chi bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân, đến đầu năm 1948, Nghĩa Lâm (Tur Nghĩa) là xã đầu tiên trong tỉnh hoàn thành việc xóa nạn mù chữ. Tiếp đến là các xã Bình Chánh (Bình Sơn) và Tịnh Sơn (Sơn Tịnh) cũng hoàn thành việc xóa nạn mù chữ trong năm 1948. Nhân dịp kỷ niệm 1.000 ngày kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng Bằng khen cho bảy đơn vị, tập thể và cá nhân, trong đó có nhân dân, cán bộ bình dân học vụ xã Nghĩa Lâm (Quảng Ngãi)<sup>1</sup>. Trong cuộc mít tinh chào mừng thành tích xóa nạn mù chữ được tổ chức trọng thể tại địa phương, nhân dân Nghĩa Lâm vinh dự đón chào đồng chí Phạm Văn Đồng - đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ đến dự lễ, trao Bằng khen của Bác Hồ kèm theo hiện vật là một chiếc balô bằng da.

Ngày 12-12-1948, Tur Nghĩa là huyện đầu tiên của miền Nam Trung Bộ được công nhận thanh toán xong nạn mù chữ. Đến ngày 31-12-1948, trừ các huyện miền núi, tỉnh Quảng Ngãi thanh toán xong nạn mù chữ và là một trong 10 tỉnh của cả nước

---

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t.4, tr. 169.

thanh toán xong nạn mù chữ<sup>1</sup>. Ty Bình dân học vụ Quảng Ngãi được Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ tuyên dương công trạng trong dịp lễ Quốc khánh 2-9.

Theo sự chỉ đạo của đồng chí Phạm Văn Đồng, Ty Giáo dục tỉnh tổ chức các trường bổ túc văn hóa tiểu học ở khắp các xã đồng bằng và một số xã miền núi. Trong đó, Trường Kiến thức của huyện Mộ Đức được mở sớm nhất. Học sinh của trường không chỉ có trong huyện mà còn có ở các tỉnh Quảng Nam, Phú Yên, Khánh Hòa theo học. Trong hai năm 1948 - 1949, toàn tỉnh mở được 3.038 lớp học bổ túc cho 100.663 học viên; 54 lớp học theo chương trình tiểu học cho 1.705 cán bộ xã, huyện. Chỉ từ tháng 4 đến tháng 9-1949, toàn tỉnh, có 3.951 giáo viên dạy chữ cho 296.622 người<sup>2</sup>. Tỉnh còn thành lập trường bổ túc văn hóa cho cán bộ địa phương, thời gian học được quy định từ 4 đến 9 tháng<sup>3</sup>.

Nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và cung cấp cán bộ cho các cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang các tỉnh trong Liên khu V, được sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Phạm Văn Đồng, Liên khu V và Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ mở Trường Trung học bình dân Nam Trung Bộ tại thôn Hòa Vinh Tây

---

1. Báo cáo thành tích giáo dục của Liên khu V qua chín năm kháng chiến đã thống kê:

- Từ ngày 19-12-1946 đến tháng 12-1947: có 4.335 lớp học, 91.500 học sinh, 4.020 giáo viên.

- Năm 1948: 6.450 lớp học, 96.780 học viên, 4.350 giáo viên.

- Năm 1949: 2.604 lớp học, 104.160 học viên, 5.230 giáo viên.

Ty bình dân học vụ đã mở riêng 20 lớp cho con em Bình Thuận và đồng bào vùng bị chiếm tản cư đến Quảng Ngãi.

(Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi).

2. Hệ thống trường cấp II trước năm 1950 là các trường tư thục hoặc bán công, đến năm 1950 mới chuyển thành trường công lập.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 58.

(xã Hành Phước, Nghĩa Hành), do thầy Nguyễn Tiên (Tú Tiên) làm Hiệu trưởng. Đồng chí Phạm Văn Đồng làm Hiệu trưởng danh dự.

Trong năm học đầu tiên (1947 - 1948), có 300 cán bộ, đảng viên các tỉnh trong Liên khu theo học tại Trường Trung học bình dân Nam Trung Bộ, trong đó có đồng chí Nguyễn Hồng Châu - Bí thư Tỉnh ủy và 150 đồng chí thuộc các ban, ngành, địa phương trong tỉnh. Chương trình học tập nhằm nâng cao trình độ văn hóa của những cán bộ đã học xong bậc tiểu học lên tương đương năm thứ tư bậc trung học (thành chung). Trong ngày khai giảng, đồng chí Phạm Văn Đồng giảng bài đầu tiên có tiêu đề: "Trung với nước, hiếu với dân". Do yêu cầu phải đưa hết cán bộ ra chiến trường chuẩn bị cho tổng phản công, nên khi kết thúc năm học khóa 4 (1951 - 1952) trường phải dừng hoạt động. Bên cạnh hệ trung học, trường còn mở 1 lớp bổ túc văn hóa cấp I cho một số cán bộ xã, huyện của tỉnh và 2 trường trung học phổ thông tư thực. Đây là một thành tích lớn của ngành giáo dục Liên khu V lúc bấy giờ, trong đó có sự đóng góp rất lớn của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi<sup>1</sup>.

Dù chỉ hoạt động hơn 5 năm, nhưng Trường Trung học bình dân Nam Trung Bộ đào tạo được trên 1.000 học sinh là cán bộ chủ chốt của các tỉnh trong Liên khu V. Sau khi ra trường tất cả học sinh của trường đều xung phong tham gia chiến đấu ở các chiến trường Hạ Lào, Đông Miên (Campuchia), cực Nam Trung Bộ, Bình Trị Thiên... Nhiều học sinh của trường trở thành

---

1. Sau ngày miền Bắc giải phóng (năm 1954), Bộ Giáo dục nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phổ biến mô hình Trường Trung học bình dân Nam Trung Bộ ở Quảng Ngãi và đã được nhiều tỉnh ở miền Bắc áp dụng.

những cán bộ, tướng lĩnh cấp cao của Đảng, Nhà nước và Quân đội nhân dân Việt Nam.

Cùng với Trường Trung học bình dân Nam Trung Bộ, thực hiện sự chỉ đạo của đồng chí Phạm Văn Đồng, trong hai năm 1948 - 1950, Bộ Tư lệnh Liên khu V mở Trường Trung học bình dân quân sự tại xã Tịnh Ấn, sau chuyển lên rừng Dê (xã Tịnh Sơn, Sơn Tịnh). Nội dung dạy bổ túc văn hóa hết cấp II cho cán bộ, chiến sĩ<sup>1</sup>. Cũng trong thời gian này, thực hiện chủ trương của Bộ Quốc phòng, Trường Trung học lục quân Nguyễn Huệ được đổi tên thành Trường Sĩ quan lục quân, Phân hiệu Võ bị Trần Quốc Tuấn đóng tại thôn Minh Long (xã Tịnh Minh, Sơn Tịnh)<sup>2</sup>. Từ năm 1949 - 1952, Phân hiệu Võ bị Trần Quốc Tuấn tổ chức Khoa chuẩn bị tổng phản công, đào tạo hàng trăm cán bộ quân sự, chính trị cho chiến trường Liên khu V, cả nước và chiến trường Đông Dương.

Giáo dục phổ thông phát triển mạnh. Số lượng học sinh đến trường, lớp ngày càng đông, nhiều trường không đủ chỗ ngồi cho học sinh. Ở các huyện đồng bằng, xã nào cũng có trường tiểu học. Đến tháng 9-1949, toàn tỉnh có 318 lớp tiểu học, với 28.710 học sinh và 715 giáo viên<sup>3</sup>. Đa số các huyện đồng bằng

---

1. Khóa học đầu tiên của trường có khoảng 350 học sinh. Học viên gồm một số đồng chí cán bộ hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và cán bộ dân, chính, đảng cấp xã, huyện có trình độ văn hóa tương đương tiểu học và số học viên Trường Thiếu sinh quân Lý Tự Trọng. Thời gian một khóa học là 2 năm, hoàn thành chương trình tứ niên (tương đương với tốt nghiệp trung học cơ sở hiện nay), chủ yếu bồi dưỡng văn hóa và học một số nội dung quân sự.

2. Một số học viên học xong văn hóa ở Trường Trung học bình dân quân sự được chuyển vào học tại Phân hiệu Võ bị Trần Quốc Tuấn, tham gia khóa đào tạo cán bộ cấp chỉ huy đại đội.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 56.

đều có trường cấp II. Các huyện Đức Phổ, Mộ Đức, Bình Sơn, Sơn Tịnh có trường cấp III. Nội dung chương trình giảng dạy được cải tiến phù hợp với việc chuyển hướng giáo dục theo nội dung mới. Ngoài giờ học, học sinh được tham gia lao động sản xuất và tham gia các hoạt động xã hội khác.

Đặc biệt, Trường Trung học Lê Khiết trở thành trung tâm đào tạo học sinh phổ thông của các tỉnh Nam Trung Bộ. Mặc dù còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng trường vẫn liên tục phát triển, đào tạo được hàng ngàn học sinh có trình độ phổ thông trung học cho toàn Liên khu V. Từ mái trường này, nhiều giáo viên, học sinh trở thành các nhà giáo, nhà khoa học, nhà văn, nhà thơ, cán bộ chính trị, quân sự nổi tiếng...

Để nâng cao chất lượng giảng dạy, Ty Giáo dục Quảng Ngãi tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên dưới các hình thức như: tổ chức hội nghị chuyên đề, soạn bài tập thể, mở các lớp sư phạm tại Trường Trung học Lê Khiết và đưa giáo viên tham gia các lớp sư phạm do Sở Giáo dục miền Nam Trung Bộ tổ chức.

Bên cạnh hệ thống các trường công lập, các trường tư thực cũng ra đời, ngoài Trường Trần Du được mở từ năm học 1945 - 1946 còn có Trường tư thực Lê Trung Đình do Mặt trận Việt Minh tỉnh thành lập từ năm học 1946 - 1947. Năm 1948, thành lập thêm các trường trung học Nguyễn Nghiêm (Đức Phổ), Nguyễn Bá Loan (Mộ Đức), Tư Nghĩa (Tư Nghĩa), Nguyễn Tự Tân (Bình Sơn) nhằm thu hút con em gia đình nghèo, khó khăn, vùng sâu, vùng xa đi học.

Nếp sống văn hóa mới được tiếp tục xây dựng. Công tác thông tin tuyên truyền được chú trọng. Tỉnh in và phát hành tờ *Thông tin*, mỗi tuần một số; 95% số xã có ban thông tin. Liên đoàn Văn hóa cứu quốc tỉnh xuất bản Tạp chí *Tiến hóa*. Mỗi thôn có



một chòi truyền thanh, hằng ngày phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, thông báo kết quả các phong trào thi đua lao động sản xuất, học tập, tin chiến thắng ngoài chiến trường để động viên tinh thần nhân dân thêm hăng say lao động sản xuất, xây dựng cuộc sống mới và đóng góp cho công cuộc kháng chiến.

Các hủ tục, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội giảm nhiều. Trật tự trị an ở thôn xóm được giữ gìn, nạn trộm cắp hầu như không còn. Nạn say rượu, nghiện hút bị bài trừ, giỗ chạp, ma chay, cưới hỏi đều thực hiện theo đời sống mới. Mọi gia đình đều thi đua thực hiện nếp sống vệ sinh, ngăn nắp, sạch đẹp. Nhiều gia đình xây dựng cầu tiêu hợp vệ sinh. Đồng bào các dân tộc, miền núi dời chuồng trâu, bò cách xa nhà ở, biết cắt tóc ngắn, ăn mặc gọn gàng, sạch sẽ, biết sử dụng bát, đũa và tham gia tích cực các công tác xã hội dưới sự tổ chức, hướng dẫn của Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc.

Không khí lành mạnh, vui tươi tràn ngập khắp các thôn, xã, phong trào văn nghệ, thể dục thể thao phát triển khắp nơi, sôi động, nhất là trong tầng lớp thanh, thiếu nhi. Thôn, xã nào cũng có đội bóng chuyền, bóng đá, đội văn nghệ quần chúng. Các đội chiếu phim lưu động bằng đèn chiếu của tỉnh, huyện thường xuyên về các địa phương phục vụ đồng bào, tuyên truyền nếp sống mới.

Đến năm 1949, Hội văn hóa kháng chiến của tỉnh có 98 hội viên. Hội tổ chức nhiều lần nói chuyện về truyền thống, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ quê hương cho nhân dân trong tỉnh hoặc tổ chức triển lãm hội họa lưu động, những đêm thơ, nhạc... phục vụ đồng bào các địa phương. Nhiều bài hát, văn, thơ, ca dao, tục ngữ được khôi phục, phổ biến rộng rãi trong nhân dân.

Năm 1949, xã Nghĩa Hiệp (Tur Nghĩa) thành lập Câu lạc bộ thông tin thời sự, do đồng chí Phạm Văn Đồng trực tiếp chỉ đạo, cử cán bộ về mở lớp bồi dưỡng kiến thức chính trị - văn hóa, xã hội cho cán bộ, đảng viên và nhân dân<sup>1</sup>.

Cuối năm 1949, Đại hội ngành văn hóa thông tin tuyên truyền tỉnh được tổ chức tại thôn Thế Lợi (xã Tịnh Phong, Sơn Tịnh). Để chào mừng đại hội, các cụ phụ lão thôn Trường Thọ, Tịnh Phong phối hợp với Ban Thông tin tuyên truyền của xã dựng tại đông Động Lụa (Hòn Ngang), sát quốc lộ 1 câu khẩu hiệu bằng gỗ, quét vôi trắng với dòng chữ: Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng<sup>2</sup>.

Để đủ sức lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát phong trào cách mạng trong tỉnh, Đảng bộ rất coi trọng công tác phát triển đảng viên thuộc các thành phần giai cấp căn bản cách mạng là bần cố nông, công nhân và các thành phần khác trong các cơ quan chính quyền, quân đội, trường học, các địa phương. Việc phát triển Đảng trong đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm hơn trước. Tỉnh ủy cũng rất quan tâm phát triển đảng viên là bần cố nông trong các tôn giáo. Một số đồng bào theo đạo Thiên Chúa tích cực tham gia các phong trào thi đua ở địa phương cũng được kết nạp vào Đảng, như xã Nghĩa Lâm (Tur Nghĩa), xã Tịnh Giang (Sơn Tịnh).

---

1. Câu lạc bộ được trang bị đàn piano, quả địa cầu, một số sách, báo, tạp chí, hình ảnh Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu..., thu hút nhiều cán bộ, đảng viên, thanh niên, học sinh các xã trong huyện và các huyện Mộ Đức, Nghĩa Hành đến tham quan, đọc báo, xem ảnh, nghe thời sự.

2. Khung khẩu hiệu dài 37 m, cao 2 m, nét chữ rộng 40 cm để người ở xa vẫn nhìn thấy.

Nhờ sự quan tâm đến công tác phát triển Đảng nên số lượng đảng viên tăng nhanh. Đến tháng 12-1947, toàn tỉnh có 3.279 đảng viên và 113 chi bộ (85 chi bộ xã, 28 chi bộ cơ quan, xí nghiệp, trường học, lực lượng vũ trang). Từ cuối năm 1947 đến tháng 9-1948, theo chỉ thị của cấp trên, việc phát triển Đảng tạm ngừng để củng cố. Tuy nhiên, do trình độ nhận thức còn non yếu và mắc sai lầm trong việc củng cố Đảng cho nên các cấp ủy thiên về mặt thi hành kỷ luật, khai trừ khỏi Đảng. Chỉ riêng năm 1947, toàn tỉnh có 600 đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng.

Trường Đảng tỉnh, huyện tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng lý luận chính trị nhằm nâng cao nhận thức về Đảng, về chủ nghĩa Mác - Lênin cho cán bộ, đảng viên. Năm 1947, toàn tỉnh mở được 22 lớp bồi dưỡng cho 6.681 đảng viên, cán bộ sơ cấp; 3 lớp cho chi ủy, gồm 200 người và 2 lớp cho huyện ủy gồm 151 người<sup>1</sup>.

Sau thời kỳ này, việc củng cố, phát triển Đảng còn rất chậm. Một số cấp ủy chưa nắm vững chủ trương ngừng phát triển để củng cố, thực hiện quá cứng nhắc hoặc rút kinh nghiệm không toàn diện về việc phát triển Đảng trong giai đoạn trước, nên dè dặt trong việc phát triển đảng viên. Có chi bộ trong năm 1948 không phát triển được đảng viên nào, có huyện chỉ kết nạp được 28 đảng viên. Nhằm chấn chỉnh tình trạng trên, từ tháng 10-1948, Tỉnh ủy chủ trương: Phát triển phải đi đôi với củng cố, chú ý các thành phần giai cấp căn bản nhằm làm cho Đảng trở thành một đảng tiên phong có tính quần chúng vững mạnh; đồng thời, chỉ đạo các cấp ủy khắc phục khuyết điểm, mạnh dạn phát triển đảng viên mới.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 57.

Tổ chức cơ sở đảng được củng cố theo đúng Điều lệ Đảng, tích cực xây dựng các chi bộ tự động công tác<sup>1</sup>. Hằng tháng, chi bộ sinh hoạt thường kỳ với những nội dung thiết thực như học tập, phê bình và tự phê bình theo tinh thần nội dung trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng viên thường xuyên thực hiện phê bình và tự phê bình, góp phần làm cho chi bộ ngày càng vững mạnh, đủ sức lãnh đạo quần chúng tham gia đóng góp ngày càng tích cực hơn cho kháng chiến. Công tác kiểm tra, uốn nắn những hiện tượng sai lầm, lệch lạc của các cấp ủy và đảng viên được tăng cường.

Công tác đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng giáo dục đảng viên được coi trọng. Nhiều cán bộ chủ chốt được cử đi học ở các trường văn hóa, bồi dưỡng chính trị ở Liên khu, tỉnh, huyện... Hầu hết, các đảng viên trong tỉnh đều có trình độ văn hóa tối thiểu sơ học hoặc sơ cấp bình dân. Việc huấn luyện, giáo dục trong nội bộ Đảng tiến hành có chiều sâu, có nền nếp hơn, tinh thần kỷ luật của cán bộ, đảng viên được nâng cao. Tỉnh ủy tiến hành sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ, đảng viên tham gia trong các tổ chức đoàn thể, cơ quan.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, có hiệu quả của Tỉnh ủy, hầu hết các chủ trương của Trung ương và Liên khu ủy đều

---

1. Chi bộ tự động công tác: Căn cứ vào nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên để chủ động định hướng xây dựng kế hoạch thực hiện cho sát với tình hình thực tế của địa phương; có chi ủy viên phụ trách và bộ máy làm việc đủ các bộ phận: tổ chức, tuyên huấn, tài chính, văn phòng, dân vận, lãnh đạo được mọi ngành công tác ở địa phương. Nội bộ đoàn kết, sinh hoạt đều đặn, công việc vẫn chạy; tự túc về tài chính, lập được quỹ chi bộ. Thực hiện tốt nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong Đảng; lãnh đạo, động viên được đông đảo nhân dân tham gia phong trào thi đua ái quốc. Xây dựng được phong trào du kích chiến tranh nhân dân và chi viện đắc lực cho tiền tuyến.

được quán triệt, thực hiện nghiêm túc. Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng ngày 13-02-1949 về chương trình thi đua xây dựng Đảng năm 1949, Tỉnh ủy tích cực chỉ đạo các cấp ủy chú trọng công tác củng cố các chi bộ theo hướng chi bộ tự động công tác; tích cực bồi dưỡng lý luận chính trị, đào tạo cán bộ và phát triển đảng viên mới. Vì vậy, đến tháng 10-1949, số lượng đảng viên trong toàn tỉnh lên đến 12.000 người. Chỉ riêng ba tháng cuối năm 1949, toàn tỉnh kết nạp được 4.000 đảng viên. Các huyện đồng bằng phát triển mạnh nhất, có xã như Phổ Cường, Phổ Minh (Đức Phổ) số lượng đảng viên chiếm tỷ lệ 1/8 dân số. Thành phần xuất thân của đảng viên từ bản nông chiếm 72% tổng số đảng viên mới kết nạp, đảng viên trong dân quân, bộ đội địa phương tăng mạnh. Đa số đảng viên phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu, luôn làm tròn nhiệm vụ được giao, sẵn sàng đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Riêng trong hai năm 1948 - 1949, có hơn 400 cán bộ xã, 60 cán bộ tỉnh và huyện được điều động bổ sung cho vùng bị địch tạm chiếm trong toàn Liên khu và chiến trường đông bắc Campuchia, Hạ Lào. Quý III năm 1949, có 42 cán bộ nhận nhiệm vụ đi chiến trường cực Nam và Tây Nguyên, 36 cán bộ đi Kon Tum...

Với những biện pháp, chủ trương cụ thể, thiết thực đã đem lại kết quả tốt, Đảng bộ Quảng Ngãi được Liên khu ủy đánh giá là một đảng bộ mạnh, có bộ máy được kiện toàn hơn so với các đảng bộ khác trong Liên khu V.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng, Đảng bộ còn có những khuyết điểm, hạn chế như nhiều lúc, nhiều nơi chưa sâu sát cơ sở để chỉ đạo phong trào. Nhiều phong trào thi đua đạt kết quả chưa cao. Có chủ trương đề ra không phù hợp với tình hình của địa phương, như hợp nhất các xã nhỏ thành xã lớn. Năng lực cán bộ, đảng viên tuy có

được nâng lên, nhưng vẫn chưa đáp ứng kịp tình hình mới. Công tác xây dựng, củng cố Đảng nặng về số lượng hơn chất lượng, nên không theo kịp yêu cầu. Việc xây dựng chi bộ tự động công tác còn hình thức, chưa xác định được nội dung công tác cụ thể.

Nhằm phát huy những thắng lợi đạt được và khắc phục những khuyết điểm, hạn chế trong chỉ đạo, lãnh đạo phong trào cách mạng của tỉnh, tháng 02-1949, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ III (vòng I) được triệu tập tại xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành. Đại hội thảo luận, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ cách mạng từ sau Đại hội II (tháng 6-1946) và nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung cơ bản là:

1) Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa mọi mặt hoạt động, mọi khả năng tự có để xây dựng lực lượng quân sự, chính trị ngày càng mạnh mẽ.

2) Khẩn trương phát triển kinh tế địa phương, đưa đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng lên cao, chú ý đến công tác văn hóa - xã hội, xây dựng Quảng Ngãi thành hậu phương vững chắc cho chiến trường ở miền Nam Trung Bộ, đóng góp nhiều nhất sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

3) Chấn chỉnh, củng cố và xây dựng Đảng bộ đủ sức lãnh đạo và chỉ đạo mọi mặt hoạt động trong tình hình mới<sup>1</sup>.

Đồng chí Trương Quang Tuân được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy. Đến tháng 9-1949, đồng chí Trương Quang Tuân nhận nhiệm vụ mới, đồng chí Trần Văn An được cử làm Quyền Bí thư Tỉnh ủy.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 66.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, phong trào cách mạng ở địa phương phát triển mạnh, nhất là phong trào tăng gia sản xuất, tự túc, tự cấp, xây dựng đời sống mới. Một không khí phấn khởi, lạc quan lan rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. Nhà nhà, người người thi đua lập công, góp phần kháng chiến chống thực dân Pháp. Các đoàn thể, các hội cứu quốc, nhất là Mặt trận Việt Minh và Liên Việt phát triển mạnh, phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ.

Ngày 13-6-1949, hơn 80% cử tri trong tỉnh tham gia bầu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Tiếp đó, ngày 30-7-1949, cử tri trong tỉnh tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh khóa II. Trong phiên họp đầu tiên, các đại biểu Hội đồng bầu các chức danh của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh. Đồng chí Võ Tùng được bầu làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Tấn Đức được bầu làm Phó Chủ tịch<sup>1</sup>. Hội đồng nhân dân được củng cố, chỉnh đốn lề lối làm việc, đề ra các chương trình công tác cụ thể. Nhiều đại biểu tích cực nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cử tri, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ... làm cho nhân dân hiểu rõ và thêm tin yêu chính quyền cách mạng.

Năm 1949, chấp hành chủ trương của cấp trên, theo sự hướng dẫn của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ, hơn 100 xã trong toàn tỉnh được sáp nhập còn 86 xã.

Nhìn chung, từ tháng 12-1946 đến tháng 12-1949, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Liên khu V và

---

1. Trong phong trào Việt Nam Quang phục hội năm 1914, đồng chí Võ Tùng (Vũ Tùng, Vũ Tòng) được cử đi học ở Nhật Bản theo chủ trương của cụ Phan Bội Châu. Sau đó, đồng chí tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Thái Lan. Năm 1931, đồng chí bị địch bắt đưa về quê hương. Đồng chí vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng tại địa phương.

đặc biệt là sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí Phạm Văn Đồng, Tỉnh ủy Quảng Ngãi luôn luôn quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, đánh giá đúng đắn, kịp thời những sự kiện xảy ra ở địa phương, động viên nhân dân phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công cuộc kháng chiến, kiến quốc.

Với những thành tựu đạt được, ngày 31-10-1949, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết khen thưởng Đảng bộ Quảng Ngãi đã có công giúp đỡ phong trào Bình Định, Phú Yên trong những năm 1936 - 1939, đứng đầu trong cuộc kháng chiến chống Nhật cướp chính quyền ở miền Nam Trung Bộ. Ngày 30-12-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 149/SL, tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì cho cán bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhân kỷ niệm 3 năm Ngày toàn quốc kháng chiến.

Thắng lợi đạt được trên mọi lĩnh vực trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tạo nền tảng vật chất và tinh thần rất cơ bản để xây dựng tỉnh Quảng Ngãi thành căn cứ địa, hậu phương vững chắc của Liên khu V, đập tan âm mưu, hành động phá hoại, lấn chiếm của địch, góp phần to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Năm 1950, tình hình trong nước và thế giới có nhiều thay đổi có lợi cho cách mạng nước ta. Cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Trung Hoa ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có điều kiện mở rộng quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Ngày 14-01-1950, thay mặt Chính phủ và Nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố với các nước trên toàn thế giới: "Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào tôn trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và



chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp nền dân chủ thế giới"<sup>1</sup>.

Để cứu vãn tình thế, thực dân Pháp buộc phải tăng cường thêm lực lượng quân đội vào Việt Nam, Lào, Campuchia, đưa tướng Đờlát Đờ Tátxinhi sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp tại Đông Dương, đề ra kế hoạch bình định gấp rút, phản công quyết liệt, dồn lực lượng ta vào thế bị động. Mặt khác, nhằm khắc phục khó khăn về kinh tế và chính trị trong nước, Chính phủ Pháp buộc phải cầu cứu sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ, tạo cho Mỹ thời cơ trực tiếp can thiệp vào nội bộ các nước Đông Dương. Cuộc kháng chiến của Nhân dân Việt Nam lúc này vừa phải tích cực chống thực dân Pháp vừa luôn luôn cảnh giác với mọi âm mưu can thiệp của đế quốc Mỹ.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị cán bộ toàn quốc lần thứ ba của Đảng, Liên khu ủy V và Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu tiến hành tổng động viên nhân tài, vật lực, kêu gọi thanh niên hăng hái tòng quân, hậu phương thi đua phục vụ tiền tuyến với tinh thần ngành ngành thi đua, người người thi đua để đóng góp nhiều nhất vào Quỹ chuyển mạnh sang tổng phản công.

Để đánh giá đúng đắn những ưu, khuyết điểm trong nhiệm kỳ đại hội, làm cho cán bộ, đảng viên trong tỉnh quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, Tỉnh ủy triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ III (vòng II) từ ngày 14 đến ngày 20-3-1950, tại khu rừng Dê, thôn An Thọ, xã Tịnh Sơn, (Sơn Tịnh). Đại hội đánh giá những kết quả mà Đảng bộ đã giành được trong việc bảo vệ và xây dựng quê hương, đóng góp ngày càng nhiều cho kháng chiến. Các mặt chính trị, kinh tế,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr. 311.

xã hội trong tỉnh ngày càng ổn định và phát triển tương đối toàn diện. Đời sống của nhân dân được cải thiện đáng kể. Đối với công tác xây dựng Đảng, nhờ học tập, kiểm thảo, phê bình thường xuyên mà cán bộ, đảng viên luôn rèn luyện, giữ vững được phẩm chất đạo đức, nắm vững được chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ trong từng thời kỳ của cuộc kháng chiến. Tuy vậy, Đảng bộ vẫn còn có thiếu sót, khuyết điểm trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, chủ trương của Chính phủ, của Liên khu V và của Tỉnh ủy. Tác phong lãnh đạo của cán bộ, đảng viên còn quan liêu, ít đi sâu, đi sát quần chúng. Nhiều việc đề ra chưa phù hợp với tình hình địa phương; trình độ nhận thức và năng lực quản lý còn yếu so với yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới. Sự chỉ đạo phối hợp giữa các cấp ủy với chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh chưa tốt. Nhận thức của cán bộ, đảng viên về việc chuẩn bị cho tổng phản công chưa đầy đủ, chưa động viên được cao nhất sức người, sức của cho kháng chiến, sử dụng nhân tài, vật lực còn lãng phí; còn nặng về huy động phục vụ kháng chiến, chưa chú trọng tạo điều kiện để cải thiện đời sống của nhân dân. Việc thực hiện chính sách dân tộc chưa được tốt, còn ít quan tâm đến những nhu cầu thiết yếu của đời sống quần chúng, chưa tích cực giáo dục, giúp đỡ và đào tạo cán bộ miền núi. Việc xây dựng, củng cố cán bộ còn nhiều ấu trĩ và quan liêu, mệnh lệnh, gây sự hoang mang trong một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở huyện Sơn Hà, làm cho bọn phản động dễ dàng lợi dụng, kích động nhân dân chống lại Đảng, chống lại cuộc kháng chiến. Công tác xây dựng, củng cố Đảng chưa làm đúng tinh thần của Đảng mácxít, chưa kết hợp giữa củng cố với phát triển Đảng; thi đua phát triển nhiều nhưng không chú ý đến chất lượng, chưa chú ý đúng mức đến việc chấn chỉnh tư tưởng, học tập, bồi dưỡng lý luận cho cán bộ, đảng viên. Có một số đảng viên tuy tham gia

cách mạng trong các giai đoạn trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhưng trình độ giác ngộ, ý thức giai cấp chưa cao, năng lực cá nhân chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng. Vì vậy, tuy Đảng bộ có đông đảng viên nhưng chưa thật vững mạnh. Tỉnh ủy lãnh đạo phong trào chưa thật sâu sát, nhiều chủ trương chưa được thông suốt, các khuyết điểm chưa được sửa chữa, kịp thời...

Với tinh thần tự phê bình và phê bình, Đại hội nghiêm túc nhận trách nhiệm trước những thiếu sót, khuyết điểm trong việc lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng.

Đại hội nhận định: Trong thời gian tới, chiến sự có thể lan rộng và ác liệt hơn do thực dân Pháp có sự giúp đỡ, can thiệp của đế quốc Mỹ. Đối với vùng tự do nói chung, Quảng Ngãi nói riêng, kẻ thù có thể tiến hành nhiều cuộc càn quét lớn để chiếm đất, chiếm dân. Chúng có thể lợi dụng tôn giáo và một số phần tử phản động để chia rẽ các tầng lớp nhân dân, phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân mà Đảng ta đã dày công xây dựng.

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc đường lối, nhiệm vụ do Trung ương Đảng và Liên khu ủy V vạch ra, Đại hội đề ra những nhiệm vụ cụ thể:

1) *Về quân sự*: Thực hiện quân sự hóa toàn dân, đẩy mạnh chiến tranh du kích, xây dựng lực lượng quân sự địa phương ngày càng vững mạnh để đáp ứng yêu cầu của các chiến trường, triệt để thi hành lệnh tổng động viên, phát động thanh niên tòng quân nhập ngũ, xây dựng và phát triển làng kháng chiến, xây dựng tỉnh Quảng Ngãi ngày càng vững mạnh để hoàn thành nhiệm vụ hậu phương, căn cứ địa của Liên khu V.

2) *Về chính trị*: Phát động và lãnh đạo chặt chẽ sự phối hợp có hiệu quả các ngành, quân, dân, chính nhằm động viên có kết quả cao nhất nhân tài, vật lực phục vụ cho kháng chiến,

đồng thời chú ý nâng cao đời sống nhân dân, đưa công tác dân vận đi vào nền nếp, củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất, đặc biệt chú ý vai trò của liên minh công nông, kiên quyết phá tan âm mưu gây chia rẽ của kẻ thù, đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng những thắng lợi về chính trị, quân sự, kinh tế của nước ta và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, đập tan mọi thủ đoạn xuyên tạc của địch.

3) *Về kinh tế*: Đẩy mạnh cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm trong toàn dân, đáp ứng tốt những chính sách và biện pháp kinh tế mới có hiệu quả, tiếp tục lãnh đạo sâu sát việc thực hiện giảm tô, giảm tức, hoàn thành điều tra kinh tế nông thôn, tích cực bình ổn giá cả thị trường, mở rộng giao lưu kinh tế trong và ngoài tỉnh, xóa bỏ thế bao vây kinh tế của địch, cố gắng cao nhất để xóa bỏ nạn đói từ miền xuôi đến miền núi, đồng thời cung cấp lương thực, thực phẩm, hàng hóa cho đồng bào, cán bộ, chiến sĩ trong Liên khu V.

4) *Về văn hóa - giáo dục*: Lãnh đạo và tạo điều kiện để ngành văn hóa thông tin hoạt động tốt; tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân nội dung tích cực chuẩn bị tổng phản công, tiếp tục xây dựng phong trào đời sống mới theo hướng "cần, kiệm, liêm, chính"; phát triển mạnh sự nghiệp giáo dục toàn dân trong giai đoạn mới, nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ đạt chất lượng cao.

5) *Về xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền*: Kiện toàn, củng cố cơ sở đảng từ xã đến tỉnh, chấn chỉnh lề lối làm việc của các cấp ủy, giáo dục, bồi dưỡng lòng yêu nước, nhiệt tình cách mạng cho mọi đảng viên, chú trọng việc giáo dục đạo đức, ý chí người cộng sản cho đảng viên trong toàn Đảng bộ. Trong phát triển Đảng, chú trọng việc kết nạp đảng viên mới trong thành phần cơ bản, các tôn giáo, đồng bào dân tộc thiểu số, thanh niên, phụ nữ..., chăm lo, thường xuyên mở các lớp, các đợt chỉnh huấn

cán bộ nhằm thực hiện kịp thời yêu cầu công tác, chú trọng việc phát huy tính sáng tạo, tự lực của cán bộ, đảng viên, thực hiện tốt chính sách cán bộ, quan tâm đặc biệt đến cán bộ hoạt động ở miền núi và những gia đình có người đi thoát ly xa; phát động toàn đảng bộ phấn đấu xây dựng mọi chi bộ đều đạt danh hiệu "chi bộ tự động công tác", đặc biệt lưu ý chi bộ miền núi. Tích cực chính đồn nền nếp làm việc của Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp; đào tạo cán bộ chuyên môn của các ban ngành, đoàn thể ngày càng nhiều và có chất lượng.

6) *Về thi đua*: Các cấp ủy đảng cần xem trọng việc lãnh đạo phong trào thi đua mọi mặt ở địa phương, tăng cường và ổn định bộ máy thi đua các cấp, các ngành, lấy việc phát động thi đua ở từng cơ sở, từng gia đình, tiểu tổ và cá nhân làm cơ sở thúc đẩy mọi mặt hoạt động. Việc vận động thi đua phải có kế hoạch phù hợp với thời gian và yêu cầu của từng đợt<sup>1</sup>.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới, gồm 15 đồng chí (có 2 đồng chí dự khuyết). Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 7 đồng chí. Đồng chí Trần Văn An được bầu làm Bí thư, đồng chí Phạm Xuân Hòa được bầu làm Phó Bí thư.

Sau đại hội, các cấp ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính, Mặt trận Việt Minh và các tổ chức quần chúng yêu nước, tiếp tục tuyên truyền và giáo dục sâu rộng trong nhân dân về các nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, về chủ trương tổng động viên của Chính phủ; động viên cán bộ, đảng viên xung phong đi công tác ở vùng bị địch chiếm.

Với tinh thần tất cả để phục vụ tiền tuyến, đóng góp của nhân dân Quảng Ngãi quy ra tiền được khoảng 478.000.000 đồng

---

1. Xem Bản kiểm thảo các mặt công tác của Tỉnh ủy Quảng Ngãi trong hai năm 1950 - 1951. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

vào Quỹ đảm phụ chuyển mạnh sang tổng phản công<sup>1</sup>, góp phần giải quyết một phần những khó khăn trước mắt của chiến trường Liên khu V.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chủ trương tổng động viên, nhiều cấp ủy, chính quyền chưa nắm vững tình hình thực tế của địa phương nên động viên nhân dân đóng góp của cải vật chất quá sức. Việc bồi dưỡng sức dân bị coi nhẹ, trái với quan điểm kháng chiến lâu dài của Đảng, làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh khó khăn về đời sống và khó khăn trong quá trình tái sản xuất.

Từ năm 1950 đến năm 1952, cũng như các tỉnh trong Liên khu V, nhân dân Quảng Ngãi gặp rất nhiều khó khăn, thiên tai liên tiếp xảy ra, hạn hán kéo dài nhiều vụ, làm mất hơn 50% sản lượng lương thực; bên cạnh đó, địch liên tiếp bao vây kinh tế, đánh phá ác liệt vùng ven biển. Năm 1951, một trận nắng nóng chưa từng có (còn gọi là bão lửa hay bão khô) làm khô, héo hầu hết các loại hoa màu trong tỉnh. Tiếp đó, ngày 24-10-1952, tỉnh lại xảy ra trận lụt lớn, làm 127 người chết, 5.520 ngôi nhà sụp đổ và bị cuốn trôi, 922 chiếc thuyền bị mất và hư hỏng nặng, hơn 7.000 ang lúa bị mất, sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Nạn đói hoành hành nhiều nơi, nhất là ở các xã ven biển và vùng đất cát, đồng gieo. Nhiều người phải ăn đọt thom, củ chuối, chạc lang, củ mì non, rau dại để sống qua ngày. Toàn tỉnh có 30.695 người bị đói (trong đó 10.000 người bị đói nặng). Nạn trộm cắp xuất hiện<sup>2</sup>.

---

1. Theo Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 139.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 77.

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: cứu đói như cứu lửa, các cấp ủy đảng và chính quyền trong tỉnh nêu cao khẩu hiệu tự lực cánh sinh, dựa vào sức dân để giải quyết nạn đói. Tại nhiều cuộc hội nghị, Tỉnh ủy thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc việc huy động mọi khả năng, sức lực để cứu đói cho nhân dân. Trước mắt là đẩy mạnh sản xuất bằng những biện pháp tích cực, cụ thể như thành lập ban vận động cứu đói, theo dõi chặt chẽ việc thu thuế nông nghiệp, giảm động viên, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tiết kiệm triệt để, đưa dân công đi phục vụ chiến trường, chuyển nghề làm biển sang làm ruộng và làm một số nghề khác.

Tỉnh xuất 320 tấn lúa và hơn 17.000.000 đồng để cứu đói cho nhân dân. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi 430 tấn lúa giống và 50 tấn gạo, 5.000.000 đồng để cấp cho những người đói nặng<sup>1</sup>. Liên khu ủy và tỉnh tổ chức các đội y tế mang thuốc men, dụng cụ y tế về tận thôn, xóm khám, chữa bệnh cho những người ốm đau, bệnh tật. Các cơ quan, đơn vị bộ đội mở đợt vận động cán bộ, chiến sĩ bớt tiêu chuẩn ăn hàng ngày để lấy gạo giúp các gia đình bị thiếu ăn.

Các hội, đoàn thể cứu quốc động viên nhân dân phát huy truyền thống lá lành đùm lá rách, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau từng lon gạo, bó rau... để vượt qua nạn đói. Nhiều xã ở Nghĩa Hành, Mộ Đức nhận đỡ đầu cho các xã đói nặng ở ven biển Bình Sơn, Sơn Tịnh. Một số xã ven sông Trà Khúc nhận đỡ đầu cho nhân dân các xã vùng đồng gieo bị đói, giúp đỡ nhiều gạo, mắm, vải, quần áo. Các huyện miền núi, nhất là Sơn Hà nhanh chóng khôi phục được sản xuất, ổn định đời sống và

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 77.

đóng góp nhiều mì, khoai lang, bắp, đậu tiếp tế cho nhân dân những vùng bị đói nặng. Ở những xã ven biển và vùng đồng gieo, các hội đoàn thể tổ chức các trạm nấu cháo dọc đường, cấp phát cho những người bị đói.

Trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh càng nêu cao tinh thần đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau, tin tưởng vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Chính phủ. Nhờ những biện pháp tích cực của Đảng bộ, nạn đói dần được đẩy lùi, đời sống nhân dân dần được ổn định. Những hành động phá hoại, những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của kẻ thù được ngăn chặn.

Để chống, cứu đói một cách căn bản, chính quyền, mặt trận và các hội đoàn thể động viên nhân dân đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, trồng các loại rau ăn ngắn ngày, nhanh được thu hoạch, thực hiện triệt để tiết kiệm. Các tổ tương trợ sản xuất ở các thôn, xóm được thành lập. Trong một thời gian ngắn, toàn tỉnh thành lập được 316 tổ hợp công, 374 tổ đổi công, 36 hợp tác xã công nông nghiệp, 6 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp. Phong trào thâm canh, xen vụ tăng năng suất cây trồng phát triển mạnh ở hầu hết các huyện đồng bằng. Các công trình thủy lợi lớn, nhỏ đều được tu sửa, mở rộng và tận dụng công suất tưới nước đến mức tối đa. Ngoài những đập, hồ chứa nước và các kênh mương đã có từ trước, một số kênh mương mới được đào đắp thêm ở các huyện Đức Phổ, Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn. Trong năm 1951, nhân dân toàn tỉnh đóng góp 50.000 ngày công và 9.000.000 đồng để hoàn chỉnh kênh Bàu Súng (Mộ Đức), kênh Tư Nghĩa (còn gọi là kênh Từ Ty<sup>1</sup>) dài 15 km dẫn nước tưới

---

1. Đề ghi nhận công lao của đồng chí Từ Ty, nguyên Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Tư Nghĩa, người trực tiếp thiết kế và chỉ đạo việc đào kênh Tư Nghĩa nên nhân dân gọi là kênh Từ Ty.



cho hàng trăm hécta ruộng lúa vùng trung và đông huyện Tư Nghĩa; các đập, kênh ở Đức Phổ, kênh Sơn Tịnh được nạo vét, đảm bảo nước tưới cho các cánh đồng có kênh chảy qua.

Đọc sông Trà Bồng, Trà Khúc, sông Vệ, nhân dân dựng nhiều bờ xe nước. Đặc biệt, sông Trà Bồng trước kia do địa thế hiểm trở, không thể dựng được bờ xe, trong thời gian này nhân dân mời thợ giỏi có kinh nghiệm về dựng được 5 bờ xe. Nơi nào nước kênh mương, bờ xe không tới được, nhân dân lại góp công sức đào ao, vét giếng, dùng cần vọt múc từng gàu nước để tưới ruộng. Nhân dân xã Tịnh Thành (Sơn Tịnh) nổi tiếng khắp nơi về thành tích đào ao, vét giếng<sup>1</sup>. Chỉ trong năm 1952, cùng với hệ thống thủy lợi đập, mương, ao giếng mới đào, toàn tỉnh có thêm 28.332 mẫu ruộng được cung cấp nước tưới. Sản lượng lúa và hoa màu tăng cao hơn thời gian trước.

Cùng với việc phát triển sản xuất nông nghiệp, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống ở địa phương được phát triển mạnh. Nghề dệt vải phát triển ở Mộ Đức, Đức Phổ... thu hút được nhiều người tham gia, giải quyết được công ăn việc làm cho phụ nữ, cụ già, các em thiếu nhi... Trong những ngày biển động, bị giặc càn, nhân dân vùng biển vẫn có việc làm, đời sống ổn định.

Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh ở nhiều nơi với những ngành nghề đa dạng, phong phú như: dệt vải, đan bao lác, làm chiếu, giấy, thủy tinh, xà phòng, muối... thu hút được 111.610 xã viên và 12.500.000 đồng tiền vốn, trung bình mỗi tháng dệt được 12.500 m vải; các lò sản xuất chén, bát, đồ gốm, thủy tinh phục vụ đủ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Thương nghiệp được thông thương trong tỉnh. Tuy còn gặp khó khăn, nhưng việc thông thương, trao đổi hàng hóa giữa

---

1. Xã Tịnh Thành tồn tại từ năm 1947 đến năm 1952, gồm các xã Tịnh An, Tịnh Long, Tịnh Châu, Tịnh Thiện hiện nay.

Quảng Ngãi với các tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên... đã phần nào phục vụ được nhu cầu cần thiết cho nhân dân các tỉnh trong Liên khu. Công nhân các xí nghiệp quốc phòng thi đua cải tiến kỹ thuật, tăng giờ lao động, tăng năng suất từ 25% đến 35%. Riêng xưởng QB 240 có mặt hàng tăng 200%.

Hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy được mở mang, khôi phục, sửa chữa. Đường sắt và hàng trăm cầu cống bị địch phá hỏng được công nhân ngày đêm sửa chữa, bảo quản. Các cầu lớn trên quốc lộ 1 qua sông Trà Khúc, sông Vệ đều có cầu phao dự phòng cho người và các phương tiện thô sơ qua lại. Đường ô tô được sửa chữa, đưa vào sử dụng 95 km. Tuyến đường sắt được khôi phục, cam nhôm ray và xe goòng chạy liên tục, nối liền Quảng Ngãi với các tỉnh bạn. Hệ thống đường sông phát triển mạnh. Toàn tỉnh có 504 chiếc thuyền, trọng tải từ 200 kg đến 2.000 kg tập nập vận chuyển hàng hóa.

Giao thông vận tải phát triển, góp phần giải quyết được phần lớn việc tiếp tế hàng hóa, vũ khí, lương thực, thực phẩm cho các mặt trận Quảng Nam, Tây Nguyên và miền Tây Quảng Ngãi, phục vụ, tiếp tế kịp thời cho bộ đội trong các chiến dịch và các cơ quan trong toàn Liên khu.

Với tinh thần tự lực cánh sinh, dựa vào sức dân để giải quyết nạn đói, bằng những chủ trương, biện pháp tích cực, Đảng bộ và chính quyền đã vượt qua được nhiều khó khăn. Đời sống nhân dân được cải thiện, nạn đói dần dần được khắc phục. Nhân dân còn tham gia làm nghĩa vụ cho các chiến trường, đóng góp và cung cấp cho tỉnh Quảng Nam 150 tấn, Hạ Lào 30 tấn, Tây Nguyên 20 tấn gạo<sup>1</sup>.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 81.

Ngày 15-7-1951, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 40/SL và Điều lệ tạm thời về thuế nông nghiệp. Các cấp ủy đảng, chính quyền tổ chức cho nhân dân học tập chính sách thuế nông nghiệp, tạo khí thế phấn khởi trong quần chúng nhân dân. Ban thuế được thành lập từ tỉnh đến thôn, có nhiệm vụ điều tra, phân định mức thuế theo từng hạng ruộng, sau đó đưa ra bình xét công khai để giúp ban thuế lập sổ chính xác. Thuế nông nghiệp được tính theo lũy tiến (ai làm nhiều diện tích thì phải nộp nhiều). Công tác thu thuế được tiến hành theo từng đợt, đầu năm tiên thu, cuối năm thanh toán và thực hiện theo chế độ thưởng, phạt kịp thời<sup>1</sup>.

Từ giữa năm 1951, chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ, Liên khu ủy V chỉ đạo các tỉnh tiến hành giảm biên chế theo nguyên tắc: "Kiện toàn tỉnh, đơn giản huyện, xây dựng xã". Thực hiện chủ trương này, bộ máy tổ chức và cán bộ của tỉnh được củng cố, kiện toàn. Cấp tỉnh chỉ còn 2.70 người trong bộ máy. Trước đó, chỉ riêng các cơ quan chính quyền có 2.000 người. Tinh thần trách nhiệm của cán bộ cao hơn, từng bước khắc phục tệ quan liêu, giấy tờ. Chính quyền cơ sở được củng cố.

Từ năm 1950, đồng chí Hồ Thiết được bầu làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh.

Từ ngày 03 đến ngày 07-3-1951, Đại hội toàn quốc thống nhất Mặt trận Việt Minh và Liên Việt được tổ chức và hợp nhất thành Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt).

---

1. Chính sách thuế nông nghiệp thể hiện đúng đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn, khuyến khích những người trực tiếp lao động, chiếu cố những gia đình quân nhân, gia đình liệt sĩ. Quá trình thực hiện thuế nông nghiệp là quá trình đấu tranh gay gắt giữa địa chủ, phú nông và nông dân lao động.

Tháng 5-1951, tại Châu Sa (xã Tịnh Châu, Sơn Tịnh), Mặt trận Việt Minh và Liên Việt tỉnh tổ chức Hội nghị hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt do đồng chí Nguyễn Trí làm Chủ nhiệm. Mặt trận Liên Việt là tổ chức tập hợp, thống nhất các thành phần dân tộc, tôn giáo cùng nhau đoàn kết, tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Sau khi thống nhất Mặt trận Việt Minh và Liên Việt, từ ngày 21 đến ngày 25-8-1951, Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức Đại hội tăng cường đoàn kết nhân dân tuyên truyền, vận động quần chúng thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Chính phủ và Mặt trận. Tiếp đó, các tổ chức đoàn thể cứu quốc như: Nông dân, Phụ nữ, Công đoàn, Phật giáo, Thân hào... đều tiến hành đại hội, bầu ban chấp hành và đề ra nhiệm vụ mới.

Thông qua đại hội của các đoàn thể cứu quốc, Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh giải quyết được nhiều vướng mắc của đồng bào, khối đoàn kết toàn dân ngày càng được tăng cường. Các nhân sĩ, trí thức, tín đồ tôn giáo hiểu rõ và đứng hơn phong trào cứu tế, đóng góp sức người, sức của nhiều hơn cho kháng chiến. Các huyện đồng bằng có 71 xã thành lập hội cứu tế, với số quỹ gần 1.500.000 đồng, 8.000 ang lúa; 11 hội tản cư kịp thời giúp đỡ nhân dân vùng biển sơ tán mỗi khi bị địch càn quét, bắn phá<sup>1</sup>. Các gia đình thương binh, liệt sĩ được quan tâm chăm sóc chu đáo, thương binh về địa phương được giúp đỡ có việc làm bảo đảm cuộc sống, có 4 huyện đồng bằng thực hiện chế độ phụ cấp cho thương, bệnh binh và gia đình liệt sĩ.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội Phụ nữ miền Trung Trung Bộ (Liên khu V) được tổ chức ngày 17-7-1949 về việc "Tiếp tục động viên, tập hợp các tầng lớp phụ nữ tham gia

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 84.

mạnh mẽ hơn nữa vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc; ra sức đẩy mạnh phong trào thi đua, thực hành tiết kiệm, xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng người phụ nữ mới" và hưởng ứng phong trào "Phụ nữ chức nghiệp" với khẩu hiệu: "Mỗi phụ nữ phải có một nghề thay thế cho nam giới ra trận", Hội Phụ nữ tỉnh chỉ đạo các cấp hội tổ chức tuyên truyền cho hội viên, quán triệt sâu sắc nội dung: Phải có quan niệm đúng về ngành nghề. Khi có ngành nghề cần trau dồi cho tinh xảo. Khi có nghề chính, phải học thêm nghề phụ; hướng chọn nghề phải phụng sự cho quyền lợi của dân tộc, giải quyết được nhu cầu cho kháng chiến và kiến quốc. Sau học tập, đông đảo hội viên phụ nữ tích cực tham gia các lớp học cày, cấy, đánh tranh, lợp nhà, bang ruộng, vun lang...

Kết quả, chỉ trong hai năm thực hiện phong trào phụ nữ chức nghiệp (1949 - 1950), toàn tỉnh có 67.892 chị em học nghề, học việc. Đa số phụ nữ thay thế được nam giới trong nhiều công việc. Ngoài làm nông chị em còn tham gia các nghề thủ công như: đánh bông, kéo sợi, làm gốm, làm vông... Một số chị em ven biển đi đánh cá, nữ thanh niên đi dân công.

Phong trào phụ nữ chức nghiệp của tỉnh được cấp trên đánh giá xuất sắc nhất trong toàn Liên khu V, được Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu V tặng thưởng Cờ thi đua luân lưu. Hai huyện Bình Sơn và Đức Phổ đạt hạng Nhất và hạng Nhì trong phong trào phụ nữ chức nghiệp toàn tỉnh.

Đầu năm 1947, Hội Công nhân cứu quốc đổi tên thành Liên hiệp công đoàn tỉnh, do đồng chí Nguyễn Cao Sâm làm Thư ký. Toàn tỉnh có hơn 3.000 đoàn viên. Đến tháng 6-1948, phát triển lên 14.174 đoàn viên (trong đó có cả những người tham gia Hội Nông dân), thuộc 5 công đoàn ngành nghề, 6 công đoàn địa phương và 3 công đoàn cơ sở trực thuộc.

Công tác văn hóa - giáo dục thời kỳ này đạt nhiều thành tích đáng kể. Ngoài việc dạy chữ nâng cao kiến thức, ngành giáo dục còn chú trọng việc rèn luyện đạo đức, nhân cách cho học sinh. Tỉnh mở Trường sư phạm đào tạo giáo viên cấp I, II, tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao giác ngộ chính trị cho những người làm công tác giáo dục.

Phong trào xây dựng đời sống mới ngày càng phát triển rộng trong quần chúng nhân dân. Mọi người thi đua thực hiện phong trào ăn, ở vệ sinh sạch sẽ. 50% gia đình có giếng, nhà tắm, cầu tiêu hợp vệ sinh. Mọi hủ tục trong ma chay, cưới xin, mê tín dị đoan, tệ rượu chè, cờ bạc giảm 90% so với trước.

Hội Văn hóa cứu quốc tỉnh tập hợp được đông đảo văn nghệ sĩ. Các hội viên tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, động viên nhân dân tham gia thực hiện nếp sống mới, đóng góp ngày càng nhiều cho kháng chiến. Các đội văn nghệ quần chúng, đội thông tin lưu động hoạt động tích cực, đi về các xóm làng xa xôi để tuyên truyền đường lối kháng chiến của Đảng.

Phong trào rèn luyện thân thể, sức khỏe để phục vụ đất nước được phát động sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân.

Công tác xây dựng Đảng trở thành nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng bộ. Nhiều đợt sinh hoạt chính trị được tổ chức rộng rãi, quần chúng nhân dân ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chủ trương đúng đắn của Chính phủ, càng hiểu rõ nhiệm vụ của địa phương đối với cuộc kháng chiến trường kỳ của cả dân tộc.

Trong sinh hoạt chi bộ, công tác tự phê bình và phê bình thường xuyên được tiến hành, đảng viên phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu. Nhiều đồng chí đi đầu trong lao động tăng gia sản xuất, xung phong đi công tác ở tỉnh bạn và các chiến trường trong Liên khu. Đảng bộ tiến hành đề bạt, đưa cán bộ,

đảng viên đi đào tạo hoặc điều động đi các địa bàn khác. Trong tỉnh, cán bộ chủ chốt xuất thân từ thành phần bản, cố nông chiếm từ 1/3 đến 1/2 số cán bộ của các ban, ngành, đoàn thể. Từ tháng 3-1950 đến tháng 4-1951, Tỉnh ủy mở tại các huyện và xã gần 100 lớp đào tạo cán bộ công nông.

Công tác kết nạp đảng viên mới đạt nhiều kết quả, đến tháng 5-1950, Đảng bộ tỉnh có 56.116 đảng viên (28.723 đảng viên chính thức, 27.393 đảng viên dự bị), trong đó có 1.657 đảng viên là dân tộc thiểu số<sup>1</sup>. Tuy nhiên, do không nắm vững quan điểm của Đảng nên nhiều cơ sở kết nạp đảng viên một cách ồ ạt. Nhiều nơi kết nạp đảng viên theo mức thi đua, kết nạp hàng loạt từ 20 đến 30 người vào Đảng một lúc, có nơi một lần giới thiệu 100 người. Nhiều nơi không tuyên truyền, giác ngộ quần chúng về Đảng, kết nạp cả cường hào bóc lột, khi thi hành chính sách thuế nông nghiệp, giảm tô, đi dân công... bị va chạm đến quyền lợi cá nhân thì họ bất mãn, tiêu cực.

Trước tình hình đó, từ ngày 08 đến ngày 15-7-1950, Liên khu ủy V tổ chức Hội nghị mở rộng đề ra nhiệm vụ xây dựng Đảng, thực hiện phương châm nặng về củng cố, nhẹ phát triển, trọng chất lượng hơn số lượng, lấy nhiệm vụ đào tạo, giáo dục cán bộ, đảng viên làm nhiệm vụ chính.

Tháng 9-1950, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra quyết định tạm ngừng kết nạp đảng viên để củng cố Đảng. Một số cơ sở đảng lại hiểu sai lệch quyết định này, nên trong thời gian dài nhiều nơi không kết nạp được những quần chúng ưu tú trong lao động, chiến đấu vào Đảng.

Từ ngày 26-3 đến ngày 12-4-1952, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV được tổ chức tại Bàu Súng (xã Đức Chánh,

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 86.

Mộ Đức). Tham dự đại hội có 250 đại biểu, trong đó có 180 đại biểu chính thức.

Cùng với việc khẳng định những kết quả đã đạt được, Đại hội cũng chỉ rõ: trong thời gian qua, nhiều cán bộ, đảng viên ở các cấp đã không quán triệt, thấm nhuần chính sách của Đảng đối với đồng bào các dân tộc thiểu số trong việc lãnh đạo thực hiện tổng động viên và thu thuế nông nghiệp, giảm tô, giảm tức, nên đã bộc lộ nhiều khuyết, nhược điểm như: động viên sức dân quá cao, động viên không đi đôi với bồi dưỡng sức dân, thiếu việc điều tra, nghiên cứu thực tế cơ sở. Không nắm vững được các đối tượng được miễn giảm, thiếu sự cùng cố liên minh với những đối tượng cần thiết, thi hành chính sách lúc tả, lúc hữu, nên nhân dân nhiều nơi bị thiệt thòi. Những sai lầm, thiếu sót của cán bộ, đảng viên đã gây tổn thất lớn về uy tín của Đảng, chính quyền và Mặt trận, khối đại đoàn kết ở nông thôn bị suy yếu. Một số cán bộ, đảng viên xuất thân từ địa chủ, phú nông tham gia kháng chiến ở nhiều địa phương nghi ngờ, ngần ngại phản ứng chủ trương, chính sách của Đảng, tiêu cực, công tác cầm chừng, một số bất mãn, bỏ việc.

Công tác văn hóa - giáo dục tuy có cố gắng nhưng phát triển còn chậm. Công tác giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên có lúc còn xem nhẹ. Bộ máy các ngành quân, dân, chính còn mang tính hình thức, máy móc...

Đại hội quyết định: "Toàn đảng bộ phải đặt việc rèn luyện tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, giáo dục chính trị cho nhân dân, chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng, thực hiện lãnh đạo theo đúng đường lối quần chúng"<sup>1</sup>.

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quảng Ngãi lần thứ IV (từ ngày 26-3 đến ngày 12-4-1952), tr. 12.



Đại hội thảo luận và đề ra các nhiệm vụ cụ thể:

1) Về quân sự: Tuyên truyền sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân lòng yêu nước, căm thù địch, tăng cường giáo dục chính trị cho dân quân, du kích, bộ đội địa phương. Kiện toàn bộ máy chỉ huy quân sự các cấp, nâng cao chất lượng của bộ đội địa phương và dân quân du kích, thực hiện phong trào nhân dân du kích chiến tranh. Xây dựng cơ sở miền núi, bảo vệ và phát triển các vùng căn cứ địa miền Tây Quảng Ngãi, xây dựng tuyến phòng thủ ven biển, phòng chống máy bay địch oanh tạc, nhảy dù, làm tốt công tác phòng gian bảo mật. Đối với đảo Lý Sơn cần phải có kế hoạch theo dõi chặt chẽ mọi diễn biến tình hình, cơ sở đảng phải được tổ chức và hoạt động theo cách thức của vùng tạm bị chiếm.

2) Xây dựng và bảo vệ chính quyền: Tiến hành bầu cử hội đồng nhân dân và ủy ban kháng chiến hành chính các cấp, hoàn thành việc tinh giản biên chế. Động viên toàn Đảng bộ, toàn dân hăng hái tham gia đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tiết kiệm, thực hiện thuế nông nghiệp bảo đảm công bằng.

3) Củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất và các đoàn thể, hội cứu quốc: Chính đôn tổ chức và lễ lới làm việc của cán bộ, chú ý đặc biệt đối với cơ sở. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác hội, đoàn thể. Các hội, đoàn thể giáo dục hội viên, đoàn viên tham gia tích cực vào công cuộc kháng chiến. Đẩy mạnh công tác tôn giáo vận, thương du vận, chú ý công tác Hoa kiều.

4) Văn hóa - xã hội: Đập tan mọi luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của kẻ thù. Phát triển sự nghiệp văn hóa - giáo dục, y tế, phát triển đời sống mới, chăm lo sức khỏe cho nhân dân, đáp ứng kịp thời và có hiệu quả mọi quyền lợi văn hóa - xã hội của nhân dân, làm cho mọi người hiểu đường lối, quan điểm

của Đảng, Chính phủ, chấn chỉnh lại các lớp dự bị bổ túc bình dân.

5) Tổ chức xây dựng Đảng: Trên nguyên tắc về chủ trương, đường lối tổ chức của Đảng mà rà soát lại bộ máy lãnh đạo Đảng, chính quyền, cải tiến sự lãnh đạo, chỉ đạo lề lối, phương pháp công tác của cán bộ, đảng viên, kiên quyết xử lý các trường hợp sai phạm nghiêm trọng, sửa chữa sai lầm, khuyết điểm kịp thời, chú ý nặng về chỉnh đốn cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, thường xuyên chỉnh huấn, bồi dưỡng chính trị cho cán bộ, đảng viên. Đào tạo cán bộ đảng, chính quyền các cấp đủ sức gánh vác nhiệm vụ. Phát triển đảng viên mới theo nguyên tắc và tinh thần chỉ đạo của Liên khu ủy V và Trung ương Đảng<sup>1</sup>.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 25 đồng chí (trong đó có 21 chính thức, 4 ủy viên dự khuyết), Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm có 7 đồng chí. Đồng chí Phạm Xuân Hòa được bầu làm Bí thư; đồng chí Lê Huyền được bầu làm Phó Bí thư.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa II (tháng 4-1952) của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy đề ra phương hướng rèn luyện tư tưởng, xây dựng lập trường, quan điểm chính trị, lấy chỉnh đốn Đảng làm công tác trọng tâm trước mắt, làm cho cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ thông suốt quan điểm kháng chiến lâu dài, tự lực cánh sinh, khắc phục tư tưởng hữu khuynh trong việc thực hiện chính sách ruộng đất, công tác chính quyền, mặt trận.

Việc chỉnh huấn được tổ chức sâu rộng trong toàn Đảng bộ và thực hiện liên tục trong sáu tháng, với 1.489 cán bộ,

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ IV, *Tlđđ*.

đảng viên các ngành quân, dân, chính, đảng, các xí nghiệp tham gia học tập. Hơn 100 cán bộ của tỉnh, huyện, xã... được đi học các lớp chỉnh Đảng<sup>1</sup> do Liên khu ủy mở. Qua đợt chỉnh huấn, mỗi cán bộ, đảng viên đều nhận thức được những quan điểm, tư tưởng chưa vững vàng, như: hữu khuynh, tiểu tư sản, dao động trước những khó khăn của cuộc kháng chiến, tư tưởng nông dân cục bộ, không thấy được vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, chưa tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân. Một số đảng viên còn tự tư, tự lợi, tham ô, lãng phí, cầu an, thiếu cảnh giác đối với địch. Lề lối làm việc còn quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, thiếu tinh thần trách nhiệm... Từ đó, mỗi cán bộ, đảng viên xác định lập trường giai cấp, ý thức phục vụ đảng, phục vụ nhân dân, tinh thần chấp hành chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng. Cũng qua tự phê bình và phê bình, sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng về tư tưởng và hành động, sửa đổi tác phong, lề lối làm việc được tăng cường. Trình độ chính trị và lý luận, trình độ lãnh đạo và khả năng chuyên môn của cán bộ, đảng viên được nâng cao.

---

1. Nội dung chỉnh Đảng: Tập trung bồi dưỡng lập trường tư tưởng, đường lối cách mạng, vấn đề công nông, tác phong công tác của cán bộ lãnh đạo. Những nội dung chính là giữ được lập trường thù, bạn, ta, thể hiện lập trường tư tưởng là nhận thức được sự quan hệ giữa lợi ích cá nhân đảng viên và lợi ích chung của Đảng, của cách mạng. Về đường lối cách mạng thể hiện sự nhận thức được quan hệ giữa nhiệm vụ phản đế và phản phong, xác định được lực lượng căn bản của cách mạng Việt Nam là lực lượng công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo. Về tác phong, thấy được sự cần thiết phải đấu tranh ngăn chặn bệnh quan liêu, xa rời quần chúng, nhận thức và thực hiện đúng quan điểm, đường lối quần chúng của Đảng.

## **2. Đập tan các cuộc tấn công và lấn chiếm của địch, bảo vệ vững chắc vùng tự do**

Từ năm 1950 đến năm 1952, địch tăng cường hoạt động bắn phá, càn quét vùng tự do Liên khu V. Tại Quảng Ngãi, ở miền núi, địch lợi dụng, kích động một số người bất mãn nổi dậy chống chính quyền, gây ra vụ Sơn Hà; thực hiện nhiều cuộc ném bom, bắn phá, đổ bộ càn quét vào đất liền, cướp phá tàu thuyền và tài sản, đốt phá lương thực của nhân dân vùng ven biển từ huyện Bình Sơn đến huyện Đức Phổ.

Thực hiện âm mưu lấy Tây Nguyên làm bàn đạp tiến công vùng tự do Liên khu V là hậu phương, căn cứ địa cách mạng, ngay từ năm 1949, ngoài việc phát triển chiến tranh gián điệp, đưa người vào hậu phương của ta, móc nối với những phần tử phản động để gây bạo loạn, thực dân Pháp còn lập đồn ở Konplông, Đắc Tô, Kon Tum. Chúng tổ chức nhiều cuộc hành quân càn quét xuống Sơn Hà, cung cấp vũ khí, tìm mọi cách bắt liên lạc, móc nối với bọn tù trưởng phản động, đồng thời cho quân đổ bộ, càn quét, đánh phá các cơ quan, trường học, kho tàng, đường giao thông... khắp các địa phương trong tỉnh. Với âm mưu "chia để trị", địch cho lập các ổ vũ trang phản động để gây phong trào chống đối cách mạng, lôi kéo đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi tham gia ngụy quân, phá hoại giao thông, ngăn chặn sự tiếp tế của ta lên Tây Nguyên, phá các kho dự trữ, các cơ sở kinh tế, chống lại chính quyền cách mạng, chống lại cuộc kháng chiến, giết hại nhân dân, gây hận thù, chia rẽ tình đoàn kết giữa đồng bào miền núi và miền xuôi.

Riêng đối với miền Tây Quảng Ngãi, thực dân Pháp chủ trương:

- 1) Thu hẹp dải đất phía đông sông Rhe từ Giá Vụt đi Di Lăng, nhằm giành giật tài nguyên của vùng Hrê.

2) Phát triển gián điệp theo hai hướng Đồng Ké và Ba Gia...

3) Tổ chức các ổ vũ trang (goum) rộng rãi, đóng đồn ở những vị trí yết hầu ở tả ngạn sông Rhe, chặn đường tiến quân của bộ đội lên miền Tây.

4) Dọn đường xuống Ba Tơ, chuẩn bị hành quân đánh sâu vào nội địa Quảng Ngãi.

Do ta thiếu sâu sát quần chúng nên không kịp thời phát hiện những hoạt động của địch ở miền Tây Quảng Ngãi, đặc biệt là ở Sơn Hà. Vì vậy, khi vụ Sơn Hà xảy ra, ta bị thiệt hại về nhiều mặt.

Là một huyện miền núi, Sơn Hà có dân số khoảng 30.000 người, gồm phần lớn là dân tộc Hrê và khoảng 7.000 người Kinh sống xen kẽ. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, dưới sự thống trị của thực dân Pháp, đời sống của các dân tộc ở đây vô cùng khổ cực và lạc hậu. Các dân tộc thiểu số ở miền Tây Quảng Ngãi có truyền thống kiên cường, bất khuất, liên tục đứng lên đấu tranh chống lại ách áp bức, bóc lột của triều đình phong kiến và thực dân Pháp. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong công cuộc bảo vệ, xây dựng chính quyền cách mạng, nhân dân các dân tộc Sơn Hà luôn ủng hộ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, các phong trào thi đua phát triển nhanh và rộng khắp trong huyện, có thời gian huyện Sơn Hà là địa phương dẫn đầu phong trào thi đua của tỉnh.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, một số cán bộ lãnh đạo từ huyện đến cơ sở vi phạm những khuyết điểm nghiêm trọng, như thiếu sâu sát nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, thiếu học tập, nghiên cứu nên nắm không vững chủ trương, đường lối của Đảng, kém dân chủ, không phát huy được khả năng của cán bộ và nhân dân địa phương.

Bên cạnh đó, nhiều chủ trương của Tỉnh ủy, chính quyền đề ra còn chung chung, không phù hợp với phong tục, tập quán, tâm tư, tình cảm của đồng bào dân tộc. Việc chỉ đạo phong trào được thực hiện quan liêu, chủ quan, máy móc, không sát tình hình cụ thể ở địa phương, coi nhẹ công tác vận động đồng bào ở miền núi, không điều tra, nghiên cứu nên đề ra những chủ trương sai lệch. Hơn nữa, cán bộ lại không hướng dẫn, theo dõi, sửa chữa kịp thời những sai lầm. Nhiều việc làm còn mang tính chủ quan, áp đặt, không phù hợp với khả năng, trình độ của đồng bào, như động viên đồng bào đóng góp vật chất cho kháng chiến vượt quá điều kiện, khả năng thực tế của gia đình. Việc thực hiện đời sống mới đụng chạm đến phong tục, tập quán lâu đời của đồng bào miền núi, gây nên sự phản ứng tiêu cực trong nhân dân. Một số tù trưởng, cả rá bị mất nhiều quyền lợi do thực hiện cải cách dân chủ nên ngấm ngấm liên kết với những phần tử bất mãn, phản động, bắt tay với thực dân Pháp chống lại chính quyền cách mạng.

Lợi dụng những sai lầm đó, 8 giờ sáng ngày 25-01-1950, thực dân Pháp và bọn phản động liên kết với các cả rá bất mãn ở Sơn Hà kích động quần chúng nổi dậy giết người, đốt phá tài sản của nhân dân, phá hoại các công xưởng, trại sản xuất của tỉnh ở Sơn Hà. Một số khác kéo xuống xã Tịnh Giang (Sơn Tịnh), Long Môn, Long Sơn (Minh Long), Ba Ngạc, Ba Vì (Ba Tơ) giết người, cướp của và đốt phá hàng trăm ngôi nhà.

Ngay lập tức, Liên khu ủy V cử nhiều đoàn cán bộ về tham gia cùng với Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, chỉ đạo cụ thể, đề ra những phương thức hoạt động thích hợp.

Lúc đầu, do nhận định chưa đúng về sự việc xảy ra ở Sơn Hà và do không nắm vững phương châm của Trung ương Đảng và Liên khu ủy V là lấy chính trị làm căn bản nên ta giải quyết

theo hướng nặng về quân sự. Do vậy, diễn biến của vụ Sơn Hà rất phức tạp. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm, theo dõi, chỉ đạo vụ việc. Trong bức thư gửi đồng bào Sơn Hà ngày 14-11-1950, Người khuyên "đồng bào mau mau tỉnh ngộ, trở về yên phận làm ăn, chớ nghe lời giặc lừa phỉnh"<sup>1</sup>. Người thuyết phục đồng bào "mau mau quay về với Chính phủ"<sup>2</sup>; nghiêm khắc phê bình những khuyết điểm, thiếu sót của cán bộ, các cấp ủy, chính quyền địa phương... và yêu cầu "các cán bộ phải dùng phê bình và tự phê bình, từ trên xuống, từ dưới lên, kiên quyết sửa chữa cho kỳ sạch"<sup>3</sup>.

Qua đợt sinh hoạt kiểm điểm, Ban Thường vụ Liên khu ủy V quyết định thi hành kỷ luật tùy theo mức độ cụ thể đối với các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trực tiếp để xảy ra vụ Sơn Hà<sup>4</sup>.

Để thuận tiện cho việc lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, Liên khu ủy V thành lập Ban lãnh đạo miền Tây (gồm miền Tây Quảng Ngãi và Kon Tum) do một đồng chí Liên khu ủy viên phụ trách. Ở Quảng Ngãi, tháng 6-1951, đồng chí Trần Văn An, Bí thư Tỉnh ủy được điều về công tác ở Liên khu, đồng chí Phạm Xuân Hòa được cử làm Bí thư Tỉnh ủy.

Tháng 5-1951, Tỉnh ủy thành lập Ban cán sự miền Tây để lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất toàn bộ lực lượng vũ trang của ta ở Sơn Hà và các huyện miền Tây nhằm đánh bại âm mưu chống phá của thực dân Pháp và tay sai. Tháng 6-1951, được sự chỉ đạo trực tiếp của Thường vụ Liên khu ủy, trong Hội nghị cán bộ toàn tỉnh và cuộc họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các đồng chí

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr. 466, 468.

4. Quyết định số 5 ngày 02-5-1951 của Liên khu V. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

lãnh đạo cấp ủy và chính quyền địa phương đều tự kiểm điểm, thấy rõ những sai lầm, khuyết điểm và xác định thái độ đúng đắn, đề ra phương châm hoạt động phù hợp. Đó là: Phải xem số người cầm súng chống lại ta là số quân chúng lầm lạc, phải vận động, thuyết phục, giác ngộ họ trở về với ta để cùng nhau đánh Pháp. Phải xem nhiệm vụ vận động họ quan trọng hơn là tiêu diệt họ. Đối với hạng đầu sỏ nhỏ, ta cần phải bắt tay với họ, lôi kéo họ về với ta. Hạng đầu sỏ lớn cố tâm theo giặc, ta phải cô lập và tiêu diệt. Đối với hạng binh lính lẻ tẻ, ta không đánh. Tác chiến nhắm đúng vào sào huyệt của bọn đầu sỏ lớn cố tâm theo giặc. Tác chiến không phải là điều kiện chính đối với họ.

Về phương châm hoạt động ở Sơn Hà, Tỉnh ủy chủ trương:

1) Căn bản vẫn là chính trị, chính trị kết hợp chặt chẽ với kinh tế để vận động quần chúng, xây dựng cơ sở, giác ngộ quần chúng quay về với ta, xem việc tổ chức là điều kiện giúp cho công tác chính trị; 2) Vận dụng và phát huy được mọi khả năng của địa phương. Giáo dục cán bộ người Kinh kết hợp với cán bộ người địa phương. Chú ý đào tạo cán bộ địa phương, phát huy khả năng sản xuất của địa phương, làm rẫy, làm ruộng; 3) Ta không được nôn nóng, phải kiên trì vận động nhân dân. Chống tư tưởng ỷ lại vào lực lượng vũ trang. Chống tư tưởng muốn làm gấp rút, giải quyết mau.

Tỉnh ủy cũng chỉ ra nguyên nhân căn bản gây ra vụ Sơn Hà là do "Không học tập thấm nhuần lý luận, chính sách vận động cách mạng thương du, nên trong chỉ đạo rất sai lầm"<sup>1</sup>.

Tỉnh ủy và chính quyền các cấp nhận thấy rằng, muốn giải quyết được vụ Sơn Hà, đi đôi với tuyên truyền, vận động,

---

1. Biên bản nội dung cuộc họp của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, ngày 07-6-1951. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.



giáo dục cần chú trọng đến chính sách của Đảng, Chính phủ, đặc biệt cần chú ý cải thiện đời sống nhân dân. Trước mắt là làm cho dân chúng ổn định được đời sống, sau đó giải quyết đến vấn đề ăn mặc, chú trọng phục hồi sản xuất, điều hòa giá cả, cải cách phương thức tiền tệ. Mọi việc trừ gian phải do cấp trên quyết định, phải phân biệt giữa những người vì lầm lạc đi theo địch với những kẻ ngoan cố để có thái độ đối xử thích hợp.

Nắm vững phương châm giáo dục quần chúng nhân dân là cơ bản, ta tranh thủ các già làng, nhất là những người có tinh thần yêu nước, chống thực dân Pháp, có uy tín trong các làng, nóc để tuyên truyền, nắm dân, cô lập bọn đầu sỏ ngoan cố. Cán bộ, bộ đội thực hiện tự phê bình trước dân... Chính quyền địa phương và các đơn vị bộ đội giúp dân dựng lại nhà ở, cứu đói cho nhiều gia đình. Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh cứu tế cho đồng bào Sơn Hà hơn 30 tấn lương thực, cấp 87 con trâu, 2.700 m vải, 3.600 kg muối, hàng trăm nồi niêu, chiếu màn<sup>1</sup>. Ngoài ra, chính quyền còn tạo điều kiện cho nhiều thương lái ở miền xuôi lên trao đổi, buôn bán hàng hóa. Nhiều lớp học bình dân được mở lại.

Trong quá trình giải quyết vụ Sơn Hà, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Liên khu ủy V từng bước phân hóa được những người lầm lạc với bọn đầu sỏ phản động. Sau hai đợt tổng hoạt động, ta phá tan nhiều ổ vũ trang phiến loạn ở Ba Tơ; phân hóa, xử lý bọn đầu sỏ ngoan cố, 300 tên giặc ra hàng, thu 120 súng, giải thoát 450 đồng bào dân tộc bị cưỡng bức theo giặc. Bằng những việc làm cụ thể và

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 300.

có hiệu quả, những người lầm lạc dần dần thức tỉnh. Nhiều gia đình tự nguyện gọi con em đi theo bọn phản động trở về với cách mạng. Nhiều cà rá tổ chức các cuộc vạch mặt bọn đầu sỏ, đề nghị Chính phủ kiên quyết trừng trị những tên ngoan cố. Trong tháng 10 và 11-1951, có 2.000 trong số 3.000 người đi theo quân phiến loạn, bỏ hàng ngũ trở về làm ăn lương thiện, một số tên ngoan cố rút vào chui rúc trong hang sâu, núi cao hoặc trong các đồn bót<sup>1</sup>.

Ngày 06-8-1951, lực lượng chủ lực Liên khu V tiêu diệt 2 đồn Konplông và KôngPông, buộc địch rút chạy khỏi 2 đồn KôngLong và Kông Ma Bút; 7 trung đội thiện chiến của địch bị tiêu diệt, ta thu nhiều vũ khí, đạn dược. Với chiến thắng này, ta đánh tấn công vào hệ thống quân sự của địch, phá vỡ âm mưu uy hiếp vùng tự do Quảng Ngãi của thực dân Pháp. Tháng 10-1951, Trung đoàn 108 của Liên khu được tăng cường cho miền Tây Quảng Ngãi, xây dựng cơ sở, diệt địch và xây dựng căn cứ địa tại Sơn Hà.

Tháng 12-1951, lực lượng vũ trang của tỉnh phối hợp với chủ lực Liên khu V tiêu diệt cứ điểm Tà Mực, sào huyệt cuối cùng của bọn phiến loạn, số còn lại tháo chạy về Măng Đen (Kon Tum).

Vụ Sơn Hà căn bản tạm yên, các lực lượng quân sự, chính trị của ta kiên trì vận động quần chúng lầm lạc trở về. Lực lượng phiến loạn còn lại dần dần bị quần chúng nhân dân phát hiện và tiêu diệt. Đến cuối năm 1951, tình hình Sơn Hà và các huyện miền Tây cơ bản ổn định. Lòng tin của nhân dân đối với Đảng, cách mạng, với sự nghiệp kháng chiến được khôi phục và

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 100-101.

củng cố, tinh đoàn kết giữa đồng bào dân tộc Kinh và Hrê ngày thêm bền chặt.

Ở vùng biển, tháng 9-1951, thực dân Pháp tấn công, đánh chiếm đảo Lý Sơn, dùng Lý Sơn làm bàn đạp đánh phá đất liền, phong tỏa vùng biển, không cho nhân dân ra khơi khai thác, đánh bắt thủy sản. Đời sống nhân dân các xã ven biển cũng như vận tải hàng hóa bằng đường biển từ Quảng Ngãi đi các tỉnh Nam Trung Bộ hết sức khó khăn.

Với việc tăng cường các cuộc ném bom, bắn phá, đổ bộ, địch gây cho ta nhiều thiệt hại về người và của. Nhiều cầu cống, đường sá, kho tàng, trâu bò, ghe mành... bị phá hoại, đốt cháy. Năm 1952, địch tiến hành 35 lần đổ bộ vào đất liền, trong đó có những cuộc đổ bộ quy mô lớn vào Tịnh Hòa, Tịnh Kỳ, Tịnh Khê (Sơn Tịnh), Sa Huỳnh, Phổ An (Đức Phổ), Đức Lĩnh (Mộ Đức)... Riêng ba tháng 7, 8, 9 năm 1952, địch tổ chức 26 lần bắn phá, đổ bộ vào đất liền, giết 100 người, phá 140 chiếc thuyền...

Để chống lại các cuộc đổ bộ, cản quét của địch, Tỉnh ủy chỉ đạo các địa phương ven biển xây dựng, củng cố hệ thống hầm, hào, làng chiến đấu. Nhân dân các xã ủng hộ cọc tre, phen tre, chông tre để xây dựng các tuyến bố phòng ven biển. Tuyến bố phòng được xây dựng bởi nhiều lớp rào gai lưỡng long, xương rồng và cọc tre xen kẽ, rộng từ 5 đến 7 m. Dọc theo phòng tuyến là hệ thống hầm hào, công sự để chiến sĩ và du kích vận động khi chiến đấu. Cứ cách vài trăm mét thì có một chòi canh và một ổ công sự có dân quân du kích và nhân dân các xã ven biển thay phiên nhau canh gác, canh giới ngày đêm. Những đoạn phòng tuyến qua khu dân cư, cứ 100 m được chừa một lối nhỏ cho người dân đi ra biển. Trên các đỉnh núi sát biển có vọng gác, treo cờ quét vôi trắng báo hiệu tình hình địch. Mỗi thôn có một chòi canh vừa để kiểm tra, giữ gìn

trật tự an ninh làng xóm vừa làm nhiệm vụ báo động theo dây chuyền bằng còi ốc u, tù và, mỗi khi có máy bay, tàu thủy địch xuất hiện.

Ngoài tuyến phòng thủ ven biển, hệ thống địa đạo, giao thông hào liên thôn, liên xóm được hình thành. Trên những trục đường lớn, nhân dân còn đào hầm tròn trú ẩn cá nhân, hầm chông ở những nơi hiểm yếu.

Lực lượng dân quân du kích được củng cố và thường xuyên luyện tập. Mỗi dân quân, du kích xã, thôn ở vùng biển chịu trách nhiệm làm 7 hầm chông đặt ở những nơi quân địch có thể đi qua. Tiêu biểu có anh Phạm Khương, xóm Khê Thượng đã làm hàng trăm hầm chông, được Bộ Tư lệnh Liên khu V tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ hầm chông.

Toàn tỉnh có 882 tổ du kích vùng biển, phân công tuần tra canh gác suốt ngày đêm. Với tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao, nhân dân và các lực lượng vũ trang kịp thời phát hiện và đánh trả quyết liệt các cuộc đổ bộ càn quét của địch. Đặc biệt, trong cuộc chiến đấu chống địch đổ bộ lên Sa Huỳnh ngày 21-7-1950, du kích và tự vệ địa phương đã chiến đấu rất ngoan cường và anh dũng, tiêu diệt 52 tên địch, làm 80 tên bị thương. Đây là cuộc càn quét lớn nhất của địch đối với tỉnh Quảng Ngãi.

Bằng những vũ khí tự tạo, thô sơ, du kích các xã Bình Đông, Bình Chánh, Bình Châu (Bình Sơn), Tịnh Khê, Tịnh Hòa (Sơn Tịnh), Phổ Thạnh (Đức Phổ) chiến đấu chống địch bắn phá, đổ bộ, bảo vệ an toàn tài sản, tính mạng của nhân dân. Các đơn vị bộ đội địa phương như Đại đội 28, 84 phối hợp tác chiến với du kích, đẩy lùi nhiều cuộc đổ bộ, tung biệt kích, càn quét của địch vào đất liền. Ở các huyện miền núi, dân quân du kích, bộ đội địa phương sát cánh cùng bộ đội chủ lực chiến đấu rất anh dũng,

bảo vệ vùng căn cứ địa, chăm sóc, cứu chữa thương binh, tăng gia sản xuất, xây dựng cơ sở, ổn định tình hình.

Tinh ủy còn chỉ đạo và kiện toàn hệ thống chỉ huy quân sự các cấp. Đồng chí bí thư cấp ủy trực tiếp làm chính trị viên đơn vị. Trình độ tác chiến của du kích ngày càng được nâng cao, góp phần ngăn chặn và đẩy lùi nhiều đợt tấn công của thực dân Pháp và tay sai phá hoại vùng tự do.

Tuy thất bại ở nhiều nơi, nhưng thực dân Pháp vẫn không từ bỏ ý đồ đánh chiếm vùng tự do Quảng Ngãi. Từ ngày 13-4 đến ngày 10-5-1952, thực dân Pháp và tay sai huy động 3 tiểu đoàn bộ binh, 1 đại đội pháo binh, 400 dân phu, có máy bay yểm trợ, mở cuộc hành quân Latorít từ Kon Tum đánh xuống các huyện miền Tây Quảng Ngãi, trọng điểm là huyện Ba Tơ.

Trước tình hình đó, Bộ Tư lệnh Liên khu V đưa Trung đoàn 803 từ Phù Cát (Bình Định) ra Quảng Ngãi phối hợp với Trung đoàn 108, bộ đội địa phương, dân quân du kích và nhân dân chặn đánh, đẩy lùi nhiều cuộc tiến công của địch, tiêu biểu là trận Nước Lầy (Ba Tơ). Bị thất bại ở Nước Lầy, địch bỏ chạy về Kon Tum. Quân và dân ta phá tan cuộc hành quân của địch, diệt hơn 600 tên, bắt sống hơn 100 tên. Viên quan ba Hăng Tích cùng một số tên đầu sỏ phản động bị giết. Bọn chí xêng<sup>1</sup> như rắn mất đầu, bỏ vũ khí tháo chạy. Thắng lợi này góp phần phá tan âm mưu của thực dân Pháp và tay sai hòng xâm chiếm vùng tự do Liên khu V. Hậu phương căn cứ địa Quảng Ngãi được củng cố vững mạnh. Miền Tây Quảng Ngãi trở thành hậu phương trực tiếp của chiến trường Tây Nguyên và miền Nam Trung Bộ.

---

1. Chí xêng có nghĩa là "rau đắng", là cách gọi mà đồng bào chi bọn phản động theo thực dân Pháp.

Trong những năm từ 1950 đến 1952, tỉnh Quảng Ngãi gặp muôn vàn khó khăn, nhưng với tinh thần cách mạng tiến công, Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, kiên cường, quyết tâm, cùng nhau đoàn kết vượt qua gian khổ, hy sinh, đóng góp cho cuộc kháng chiến. Cùng với việc chỉnh Đảng, củng cố chính quyền các cấp, Đảng bộ từng bước bồi dưỡng được sức dân, xây dựng tiềm lực cách mạng ngày càng vững mạnh, Quảng Ngãi là hậu phương tin cậy, vững chắc cho Liên khu V và cả nước.

### III- XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG VỮNG MẠNH, CÙNG CẢ NƯỚC ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP ĐẾN THẮNG LỢI (1953 - 1954)

#### **1. Xây dựng hậu phương kháng chiến vững mạnh**

Những chiến thắng lớn của quân và dân ta đẩy thực dân Pháp ngày càng lâm vào tình thế bị động trên các chiến trường. Tháng 5-1953, thực dân Pháp cử tướng Nava làm Tổng chỉ huy các lực lượng viễn chinh Pháp tại chiến trường Đông Dương. Nava vạch ra chiến lược mới, với tham vọng giành thắng lợi trong vòng 18 tháng.

Thực hiện kế hoạch Nava, thực dân Pháp chủ trương bám miền Bắc, tập trung bình định miền Nam, xóa bỏ vùng tự do Liên khu V. Tại Liên khu V, từ giữa năm 1953, thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị mở chiến dịch Át Lãng nhằm chiếm đóng vùng tự do của ta. Chiến dịch được chia làm ba bước: Bước thứ nhất: đánh chiếm Phú Yên; bước thứ hai: đánh chiếm Bình Định; bước thứ ba: tập trung mọi lực lượng đánh chiếm Quảng Ngãi từ bốn hướng: Bình Định đánh ra, Quảng Nam đánh vào, Tây Nguyên đánh xuống và từ biển đánh lên để chiếm vùng tự do

phía nam tỉnh Quảng Nam và toàn bộ tỉnh Quảng Ngãi. Chúng đề ra kế hoạch hợp các cánh quân tại thị xã Quảng Ngãi.

Trước khi kế hoạch Nava ra đời, thực dân Pháp đã sử dụng nhiều thủ đoạn để đánh chiếm tỉnh Quảng Ngãi. Chúng còn cho máy bay, tàu chiến bắn phá tàu thuyền, ghe mảnh của đồng bào ven biển, tung gián điệp vào do thám, phá hoại, ráo riết tập trung đánh phá, bao vây phá hoại kinh tế, ngăn chặn sự tiếp tế của hậu phương cho chiến trường Liên khu V.

Sau khi chiếm đảo Lý Sơn (tháng 9-1951), với âm mưu làm bàn đạp tiến công vùng tự do, địch bắt 800 đồng bào ta đi lính và đi phu đồn điền. Chỉ trong ba tháng đầu năm 1953, thực dân Pháp thả hàng ngàn quả bom, phá sập cầu cống, đường sắt, giết chết 200 người, làm bị thương 186 người, đốt cháy hàng trăm ngôi nhà, ruộng lúa, trâu bò của nhân dân. Trước những tội ác dã man của địch, Tỉnh ủy chủ trương tích cực tuyên truyền, giáo dục, giải thích cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ đường lối, nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới, động viên toàn Đảng bộ và nhân dân nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ quê hương.

Nhằm tích cực ổn định tình hình mọi mặt và xây dựng hậu phương, tháng 4-1953, Tỉnh ủy tổ chức phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện cải cách ruộng đất. Là một tỉnh nghèo, hơn 90% dân số sống bằng nghề nông, địa hình chật hẹp, diện tích canh tác ít, nên số địa chủ chiếm diện tích ruộng đất lớn không nhiều<sup>1</sup>, đa số chỉ từ 10 đến 90 mẫu ruộng đất. Trong số địa chủ sở hữu trên dưới 20 mẫu ruộng, có một số xuất thân từ trung nông hoặc bản nông, do cần cù lao động mà

---

1. Toàn tỉnh chỉ có 2 địa chủ chiếm trên 500 mẫu ruộng, 1 địa chủ chiếm gần 300 mẫu, 1 địa chủ có trên 200 mẫu, 4 địa chủ chiếm từ 100 đến 130 mẫu.

có tiền mua ruộng. Những người này tuy có phát canh thu tô nhưng bản thân và gia đình đều tham gia lao động trực tiếp. Đa phần họ có tinh thần yêu nước, tham gia đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Nhiều gia đình có con em nhập ngũ, tham gia công việc của các cơ quan từ xã đến tỉnh.

Xuất phát từ thực tế đó, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp chính quyền và đoàn thể, động viên mạnh mẽ tinh thần yêu nước, được các tầng lớp nhân dân lao động tích cực hưởng ứng với tinh thần phấn khởi thi đua, đem hết sức người, sức của đóng góp cho kháng chiến.

Tuy nhiên, do trình độ, năng lực của một số cán bộ còn hạn chế, chưa tiếp thu đầy đủ tinh thần chủ trương cải cách ruộng đất nên việc lãnh đạo, chỉ đạo giảm tô ở các địa phương trong tỉnh thời gian đầu chưa cụ thể, còn nhiều thiếu sót. Có địa phương buộc địa chủ giảm tô quá cao từ 80 đến 90%, có nơi sau khi giảm tô xong còn trừ cả lúa giống của địa chủ (tính bằng tiền quy ra thóc cao hơn gấp 5 đến 6 lần). Việc làm đó dẫn đến tình trạng một số người phải nộp hết cả của cải và phải đi vay nợ. Một số nơi, việc quy định thành phần chưa đúng, chưa sát hợp với thực tế như quy phú nông thành địa chủ, trung nông thành phú nông... làm nảy sinh phức tạp mới, ảnh hưởng đến chính sách của Đảng. Một số phú nông ngả theo địa chủ, trung nông nghi ngờ chính sách giảm tô, cải cách ruộng đất, đời sống nông dân chưa được cải thiện.

Với tinh thần nghiêm túc nhìn nhận đúng những sai lầm, khuyết điểm, tích cực tìm những biện pháp thích hợp để lãnh đạo tốt phong trào, Tỉnh ủy tổ chức hai cuộc học tập, giáo dục chính sách cho cán bộ, đảng viên toàn tỉnh được nêu trong Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy lần thứ tư và tài liệu Vấn đề sách lược của Đảng ở nông thôn.



Sau học tập, quán triệt, Tỉnh ủy lãnh đạo đẩy mạnh việc thi hành chính sách ruộng đất, tiến hành chia công điền ở 30 xã theo điều lệ tạm thời của Chính phủ. Riêng năm 1953, toàn tỉnh chia 12.853 mẫu công điền (nơi nhiều nhất được 2 sào/người, nơi ít nhất được 2 thước/người); thu 30 mẫu 7 sào ruộng vắng chủ và 29 mẫu 2 sào của Việt gian tạm giao cho bản, cố nông canh tác.

Cùng với thực hiện chính sách giảm tô, cải cách ruộng đất, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm Quy chế lãnh canh, góp phần ngăn ngừa một số địa chủ đòi lại ruộng đất đã giao cho nông dân canh tác, tạo điều kiện giúp người nghèo có ruộng sản xuất, tích cực thâm canh tăng năng suất cây trồng. Nhờ số thóc giảm tô tăng nên nông dân nghèo được hưởng thêm một lượng thóc đáng kể. Chỉ riêng vụ tháng 3-1953, nông dân toàn tỉnh thu bằng 83% số thóc giảm tô của năm 1952.

Những việc làm thiết thực trên góp phần làm cho đời sống người nông dân được nâng lên. Quần chúng nhiều nơi mạnh dạn phát giác những hoạt động chống đối của địa chủ, đấu tranh buộc địa chủ phải giảm tô, thi hành quy chế giảm canh, quy chế lãnh canh. Không khí vui tươi, sôi nổi lan khắp mọi nơi, ảnh hưởng tích cực đến cuộc kháng chiến đang trên đà thắng lợi.

Để cán bộ, đảng viên có đủ năng lực, phẩm chất thực hiện tốt nhiệm vụ trong tình hình mới, Tỉnh ủy tích cực lãnh đạo thực hiện chủ trương đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, công tác cho cấp ủy, cán bộ, đảng viên các cơ quan, ban ngành, địa phương, cơ sở. Các cấp ủy đảng các cấp từ tỉnh xuống huyện cử cấp ủy viên và tương đương tham dự các lớp chính Đảng do Trung ương và Liên khu tổ chức. Nhiều đợt học tập chính huấn, chính quân được tiến hành trong toàn Đảng bộ, các cơ quan chính quyền, đoàn thể về tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới, phân biệt địch, ta, chủ trương, đường lối của

Đảng và công việc trọng tâm trong từng thời kỳ. Trường Đảng tỉnh cũng mở nhiều khóa chính huấn cho cán bộ, đảng viên trong tỉnh.

Các đồng chí tỉnh ủy viên, huyện ủy viên và cấp ủy tương đương thường xuyên kiểm điểm để nhận rõ được ưu, khuyết điểm của bản thân và có phương hướng sửa chữa, khắc phục.

Qua các đợt chính huấn, chính Đảng, tư tưởng của hầu hết cán bộ, đảng viên được củng cố, kiên định lập trường cách mạng, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng và nhân dân, chấp hành nghiêm, triệt để mọi chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là trong công tác giảm tô, giảm thuế nông nghiệp, bố phòng... Mọi biểu hiện hữu khuynh trong việc thi hành cải cách ruộng đất, tư tưởng bi quan, dao động, ngại khó, ngại khổ... từng bước được khắc phục.

Sau các đợt học tập chính Đảng, công tác tổ chức có nhiều tiến bộ, phần lớn ban cán sự, chi ủy, chính quyền, nông hội, công an... được kiện toàn. Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp, nhất là huyện và xã mạnh dạn đề bạt cán bộ cốt cán phụ trách. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ được chấp hành tốt hơn, nhất là trong thực hiện chính sách ruộng đất. Việc phổ biến tin chiến thắng trong nước, thắng lợi của lực lượng hòa bình dân chủ trên thế giới cũng được phổ biến kịp thời, tạo khí thế thi đua, phấn khởi và tin tưởng trong mọi tầng lớp nhân dân.

Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển rộng khắp. Tỉnh thành lập đoàn hát bội để phục vụ đồng bào, góp phần giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân nêu cao ý thức căm thù giặc, tích cực tham gia kháng chiến.

Phong trào bình dân học vụ dần dần được khôi phục sau thời gian ngưng trệ vì xảy ra nạn đói. Đến tháng 10-1953, toàn tỉnh mở được 580 lớp sơ cấp và dự bị với tổng số 11.760 học viên.

Các xã Bình Tân (Bình Sơn), Tịnh Sơn (Sơn Tịnh), Nghĩa Thương (Tur Nghĩa), Hành Tín (Nghĩa Hành)... có từ 40 đến 59 lớp học<sup>1</sup>. Tuy vậy, phong trào bình dân học vụ phát triển chưa đều khắp, nhất là các xã ven biển.

Mặc dù đời sống còn gặp rất nhiều khó khăn, máy bay địch lại thường xuyên bắn phá nhưng số lượng học sinh phổ thông đi học khá đông, các xã đều mở lớp vỡ lòng. Toàn tỉnh có hơn 20.000 học sinh vỡ lòng, 25.502 học sinh cấp I, 2.741 học sinh cấp II và 159 học sinh cấp III<sup>2</sup>. Nội dung, phương pháp và chất lượng giảng dạy được cải tiến, nâng cao, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển giáo dục của tỉnh.

Thời gian này, việc tăng gia sản xuất để chống, cứu đói, cải thiện đời sống nhân dân vẫn là nhiệm vụ cấp bách, thường xuyên của Đảng bộ và chính quyền tỉnh. Một số biện pháp được phổ biến rộng rãi trong nhân dân như: Chọn giống có năng suất, cải tạo đất, hệ thống tưới tiêu, sử dụng phân xanh, phân chuồng để bón ruộng... nhờ vậy, năng suất lúa, hoa màu tăng lên rõ rệt. Chiến sĩ thi đua toàn quốc Phan Đương tích cực áp dụng nhiều phương pháp mới tăng năng suất lúa, hoa màu, hướng dẫn nhân dân trong thôn áp dụng nhằm góp phần cải thiện tình trạng thiếu, đói triền miên. Các tổ chức hội đồng canh, nông đoàn, các tổ vòng công, tổ sản xuất... tạo điều kiện cho nông dân nghèo giúp nhau điều hòa nhân công, trâu bò, nông cụ, giống... để giữ vững và phát triển sản xuất. Chỉ trong sáu tháng đầu năm 1954, các tổ chức nông dân giúp nhau được 33 vạn ngày công, 2.800 ang lúa và 3.700.000 đồng.

Nhiều công trình thủy nông được củng cố và đào đắp mới. Đến năm 1953, hầu hết các huyện đều hoàn thành việc đào đắp

---

1, 2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, *Sđđ*, tr. 112.

các hệ thống kênh mương dẫn nước ngọt và các đập ngăn mặn. Hệ thống kênh Bầu Súng, Tư Nghĩa, đập Cà Ninh, đập Đá Giăng (Bình Sơn), bờ xe nước trên sông Trà Bồng hoàn thành, biến nhiều vùng trước đây chỉ canh tác một vụ thành hai, ba vụ. Giống lúa Tứ Quý phát triển ở nhiều nơi. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, toàn tỉnh chỉ có 6.890 mẫu ruộng được tưới nước, đến năm 1954 tăng lên 26.650 mẫu. Đặc biệt, ở những vùng không thể xây dựng được hệ thống kênh mương dẫn nước tới ruộng, nhân dân địa phương không quản ngại khó khăn, vất vả để đào ao, giếng, dùng cần vọt lấy nước tưới. Kết quả, nhân dân trong tỉnh đào được 6.086 giếng, ao, tưới cho 2.933 mẫu ruộng, chuyển 100 mẫu ruộng gieo sang ruộng cấy.

Các ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh. 5 xưởng sản xuất giấy hàng tháng sản xuất được 6 tấn giấy, đáp ứng nhu cầu sử dụng trong tỉnh. Nghề làm gốm, nấu đường, dệt vải, kéo sợi, đan lát, dệt chiếu, sản xuất muối ngày càng phát triển mạnh.

Việc trao đổi hàng hóa trong và ngoài tỉnh được bảo đảm thường xuyên. Các mặt hàng được trao đổi với các địa phương khác ngày càng nhiều, đặc biệt là gạo, có ngày vận chuyển 30 tấn đi Quảng Nam. Mặc dù bị thiên tai, địch họa tàn phá nhưng nhân dân trong tỉnh vẫn tích cực hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Đến ngày 05-6-1954, toàn tỉnh đóng thuế được 5.245 tấn lúa, 498.500.000 đồng<sup>1</sup>.

Các xí nghiệp, đơn vị sản xuất luôn phấn đấu bảo đảm sản xuất. Năm 1953, Đại hội Chiến sĩ thi đua và Đại hội Tổng kết thi đua công, nông, binh toàn tỉnh được tổ chức để biểu dương,

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 113-114.

cổ vũ phong trào thi đua sản xuất trong toàn tỉnh, nhất là trong công nhân quốc phòng. Nhiều phong trào thi đua cải tiến kỹ thuật được cán bộ, chiến sĩ trong các công binh xưởng tích cực hưởng ứng, mức sản xuất tăng từ 15% đến 50%, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu phục vụ tiền tuyến.

Công tác cứu đói, cứu đau được các cấp ủy đảng, chính quyền tiếp tục chỉ đạo thực hiện. Từ tháng 02 đến tháng 4-1953, sự hỗ trợ của Chính phủ được phân phát đến từng hộ trong diện thiếu đói. Tỉnh ủy động viên nhân dân tích cực cứu đói, đẩy mạnh việc đưa các quỹ dự trữ ra giúp đỡ, giải quyết công ăn việc làm cho những người thất nghiệp. Chính quyền, các đoàn thể vận động nhân dân miền biển chuyển đổi ngành nghề, tham gia sản xuất nông nghiệp. Nhờ vậy, nạn đói được giải quyết. Việc cứu đau được Ty Y tế tích cực thực hiện. Phong trào vận động ăn, ở hợp vệ sinh, ăn chín, uống sôi, được nhân dân hưởng ứng. Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện, tệ nạn xã hội từng bước bị đẩy lùi, nếp sống mới dần hình thành trong mọi tầng lớp nhân dân.

Những việc làm của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã góp phần xây dựng hậu phương cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của cả dân tộc với những đóng góp về sức người, sức của ngày càng tăng, nhất là trong giai đoạn đầy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

## **2. Đốc sức phục vụ chiến trường, cùng cả nước đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi**

Sau khi thực dân Pháp thực hiện kế hoạch Nava với tham vọng giành những thắng lợi quyết định trên các chiến trường, tháng 9-1953, Bộ Chính trị họp, phân tích, đánh giá tình hình, âm mưu, thủ đoạn của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Hội nghị

quyết định mở cuộc tiến công chiến lược 1953 - 1954 bằng ba đòn tiến công ở ba hướng khác nhau để phân tán và tiêu hao sinh lực địch. Trong đó, hướng tiến công lên Tây Nguyên nhằm mục đích giành lại địa bàn chiến lược và đập tan âm mưu đánh chiếm vùng tự do, bình định miền Nam Việt Nam của địch. Bộ Chính trị cũng nhận định, khi ta đánh mạnh ở Tây Nguyên, địch có thể đánh phá ác liệt ở vùng tự do.

Căn cứ vào phương hướng chiến lược do Trung ương Đảng đề ra: Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, đánh chắc thắng, Liên khu ủy V chủ trương phải chủ động tiến công địch. Nhiệm vụ trọng tâm của toàn đảng bộ, quân và dân trong Liên khu là: Ra sức đánh giặc, chuẩn bị đánh giặc và quyết định huy động toàn bộ sức người, sức của của nhân dân trong toàn Liên khu để phục vụ cho thắng lợi tại chiến trường Tây Nguyên. Toàn dân tăng cường cảnh giác, tham gia bảo vệ an toàn vùng tự do.

Chấp hành chủ trương, nhiệm vụ của Trung ương Đảng và Liên khu ủy V, liên tiếp trong nhiều cuộc họp, Tỉnh ủy nhận định: Quảng Ngãi là mục tiêu chính của thực dân Pháp trong cuộc hành quân Át Lãng, đồng thời cũng là hậu phương chính, trực tiếp cung cấp sức người, sức của cho chiến dịch giải phóng tỉnh Kon Tum. Nhiệm vụ trọng tâm số một của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi lúc này là ra sức đánh giặc; nhiệm vụ khẩn cấp là toàn Đảng bộ phải khẩn trương khắc phục khó khăn, tranh thủ thời gian, tích cực giáo dục sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thấy rõ âm mưu của địch, nhận thức rõ đường lối của Đảng, thấy được chỗ mạnh, chỗ yếu của địch cũng như khó khăn và thuận lợi của ta...

Để hoàn thành những nhiệm vụ trọng yếu trong giai đoạn quyết định này, Tỉnh ủy xác định nhiệm vụ: Xây dựng, củng cố

các lực lượng vũ trang địa phương, tích cực bảo vệ, giữ vững vùng tự do, mở rộng căn cứ địa, ra sức bồi dưỡng lực lượng nhân dân, bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhà nước và của nhân dân, tập trung phục vụ đắc lực cho chiến dịch Tây Nguyên.

Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành, các cấp trong tỉnh đẩy mạnh phong trào phòng chống địch đánh phá, phát triển chiến tranh du kích. Nhân dân các địa phương trong tỉnh tổ chức đào hầm trú ẩn, chuyển mọi sinh hoạt vào ban đêm. Các đội tuần tra tổ chức canh gác máy bay, tàu chiến địch, đề phòng địch đổ bộ, tiến công bất ngờ... Các đội du kích ven biển được trang bị thêm vũ khí, tăng cường chiến sĩ có kinh nghiệm chiến đấu, đánh lui nhiều đợt tiến công đổ bộ của địch vào đất liền.

Tỉnh ủy thành lập 6 đoàn cán bộ, do các đồng chí tỉnh ủy viên phụ trách, trực tiếp chỉ đạo 6 huyện xung yếu sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Trong các xã, đồng chí bí thư hoặc phó bí thư trực tiếp làm xã đội trưởng hoặc chính trị viên du kích, các chi ủy viên làm chỉ huy du kích của thôn, các tổ trưởng đảng làm chỉ huy du kích của xóm, từng tổ du kích đều phải có đảng viên tốt làm nòng cốt. Để thuận tiện cho việc chiến đấu chống giặc, thôn xóm nào cũng có hầm bí mật, hầm chiến đấu, giao thông hào liên xã...

Làng chiến đấu được xây dựng ở nhiều nơi, hầm chông cam bẫy được đặt khắp thôn xóm. Toàn tỉnh có 32 bãi chông, mỗi bãi dài từ 100 m đến 500 m, rộng từ 200 m đến 300 m. Riêng xã Phổ An (Đức Phổ) có 325 hầm chông, 90% gia đình có hầm bí mật<sup>1</sup>. Các cơ quan, kho tàng, công xưởng, trường học được sơ tán và bảo vệ nghiêm ngặt, tránh sự săn tìm, dò la của gián điệp.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 119.

Quán triệt chỉ thị của Liên khu ủy về nhiệm vụ phục vụ tiền tuyến, chuẩn bị cho chiến dịch Bắc Tây Nguyên, Tỉnh ủy chủ trương huy động các tầng lớp nhân dân đi dân công phục vụ chiến trường. Mặt trận Việt Minh, các hội đoàn thể trong tỉnh tích cực động viên, tổ chức nhân dân lập thành đội ngũ, sẵn sàng đi dân công phục vụ chiến đấu. Mọi vật dụng cá nhân như chăn màn, quần áo, nồi niêu, phương tiện vận tải đều được chuẩn bị sẵn sàng để lên đường được ngay. Từng cấp ủy phân công cấp ủy viên trực tiếp lãnh đạo, đi cùng đoàn dân công của địa phương, đơn vị đến vị trí tập kết (xã có chi ủy viên, huyện có huyện ủy viên)<sup>1</sup>.

Trong đợt đi dân công đầu tiên, tỉnh đưa 39.752 người theo các tuyến đường Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ trực tiếp vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí, đạn dược phục vụ các mặt trận Mãng Đen, Mãng Bút, Konplông, Đắc Tô<sup>2</sup>... Tỉnh cũng thành lập được 6 đại đội thanh niên xung phong với 852 đội viên<sup>3</sup>. Có nhiều đợt dân công hỏa tuyến đi phục vụ chiến trường 6 tháng liền. Một số dân công hy sinh khi đang làm nhiệm vụ, nhiều người

---

1. Toàn tỉnh có 3 đồng chí là tỉnh ủy viên, 15 đồng chí là huyện ủy viên, 100 đồng chí chi ủy viên tham gia các đoàn dân công phục vụ chiến dịch.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 120.

3. Dân công thời gian này được tổ chức làm ba hạng: hạng A là những người khỏe mạnh, gánh vác khỏe, đi xa; hạng B gồm những người đi 1 - 2 cung đường, quay về sau đó đi chuyển khác; hạng C gồm những người yếu, vận chuyển đường gần, đi nhiều chuyến, có nghỉ lấy sức giữa hai chuyến. Dân công hỏa tuyến gồm các du kích khỏe mạnh, được chọn lọc kỹ, vận chuyển súng đạn đến tận chiến trường, chuyển thương. Sau khi chiến thắng thì làm nhiệm vụ thu nhặt chiến lợi phẩm và bắt giải tù binh đưa về nơi quy định. Trong Chiến dịch Đông - Xuân 1953 - 1954, Quảng Ngãi đã huy động được 117.154 dân công, trong đó có 11.122 dân công hạng A, 54.903 dân công hạng B, 51.117 dân công loại C và 112 nữ cứu thương phục vụ chiến trường.



bị bệnh tật, ốm đau nhưng vẫn không làm chùn chân, nhụt chí anh chị em dân công khác. Nhiều đơn vị, cá nhân của tỉnh lập thành tích xuất sắc ở chiến trường. Trong phong trào đi dân công phục vụ chiến dịch Xuân - Hè 1953 - 1954, nhân dân Quảng Ngãi được Bộ Tư lệnh Liên khu V và Ban Chỉ huy tiền phương khen thưởng, trong đó có 112 nữ cứu thương, hộ lý và 23 tập thể. Nhiều dân công được tuyên dương như Nguyễn Tấn Hứa, Phan Văn Đồi (Đức Phổ), Huỳnh Nết (Sơn Tịnh), đội xung phong công tác huyện Mộ Đức, đội dân công xã Bình Dương (Bình Sơn), đội thanh niên xung phong xã Tịnh Minh (Sơn Tịnh).

Đề động viên tinh thần những người đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu, các cấp ủy, chính quyền và hội đoàn thể ở hậu phương vận động nhân dân giúp đỡ, tương trợ sản xuất cho những gia đình có người thân đi các chiến trường.

Phong trào phụ nữ chức nghiệp phát triển, nhiều chị biết đánh tranh, lợp nhà, cày, bừa... để chồng, con yên tâm chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Các chị, các mẹ đảm đang việc nhà, giúp nhau điều hòa nhân công, nông cụ, sức kéo, giống cây trồng để sản xuất cho kịp thời vụ.

Ngày 28-01-1954, bộ đội chủ lực Liên khu V mở cuộc tiến công lên Tây Nguyên. Hàng vạn lượt dân công của tỉnh được điều động phục vụ mặt trận. Dọc theo đường tiến quân của dân công và bộ đội lên Kon Tum, nhân dân các dân tộc Ba Tơ đã tiếp tế cơm nắm, nước uống. Lương thực, thực phẩm, hàng hóa, đạn dược được dân công kịp thời chuyển ra chiến trường.

Ngày 15-02-1954, Kon Tum được giải phóng, âm mưu của thực dân Pháp xâm chiếm vùng tự do Liên khu V, trong đó có tỉnh Quảng Ngãi, bị đập tan. Sau thất bại tại Kon Tum, giặc Pháp tăng cường máy bay, tàu chiến bắn phá nhiều vùng. Từ tháng 02 đến tháng 6-1954, địch dùng máy bay phá sập 6 cầu, triệt phá giao thông, ném bom vào những nơi nghi có

cơ quan, kho tàng của ta. Chúng cho quân đổ bộ vào các xã ven biển đốt phá ghe mành, bắt bớ nhân dân... Do có sự chuẩn bị chu đáo, kịp thời của các cấp ủy, chính quyền nên nhân dân không bị động lúng túng, nhanh chóng khắc phục hậu quả, cất giấu tài sản an toàn...

Ngày 07-5-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi. Thắng lợi này buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ (ngày 20-7-1954). Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới với những nhiệm vụ mới.

\*

\*        \*

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, chấm dứt ách thống trị của thực dân, phong kiến. Tuy nhiên, ngay sau đó thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi lại tiếp tục cùng cả nước bước vào cuộc kháng chiến bảo vệ nền độc lập vừa mới giành lại được.

Phát huy truyền thống cách mạng kiên cường, bất khuất của quê hương, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh từ miền núi đến miền xuôi, từ già đến trẻ, không phân biệt thành phần, giai cấp, tôn giáo đã tích cực tham gia các phong trào thi đua ái quốc, ra sức khai hoang, tăng gia sản xuất, ổn định cuộc sống, đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đến thắng lợi.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi xây dựng được đội ngũ cán bộ, đảng viên anh dũng, kiên cường, bền bỉ đấu tranh, bám chặt, đi sát quần chúng, phát động, động viên nhân dân tích cực tham gia các phong trào

thi đua yêu nước. Là một tỉnh nghèo, nhân dân thường xuyên lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nhưng Đảng bộ và chính quyền cách mạng luôn phát huy cao độ tinh thần tự lực cánh sinh, từng bước xây dựng tỉnh thành căn cứ địa vững chắc của Liên khu V. Trong bối cảnh bị thực dân Pháp đánh phá ác liệt nhưng tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn có bước phát triển, không những đáp ứng nhu cầu cơ bản đời sống nhân dân và lực lượng vũ trang mà còn góp phần chi viện cho các tỉnh bạn, cho lực lượng vũ trang của Liên khu ngày càng lớn mạnh.

Được thử thách và rèn luyện trong thực tiễn, Đảng bộ tỉnh trưởng thành, đủ sức lãnh đạo công cuộc kháng chiến, kiến quốc ở địa phương. Đội ngũ đảng viên và cán bộ thường xuyên được bồi dưỡng, học tập để nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, ngày càng trưởng thành, đủ sức đảm nhiệm mọi công tác của địa phương, đồng thời góp phần tăng cường cán bộ cho các tỉnh bạn và các chiến trường Liên khu V. Các cấp ủy đảng luôn được củng cố, kiện toàn, đáp ứng kịp thời yêu cầu lãnh đạo trong từng giai đoạn của cuộc kháng chiến.

Tuy không thể tránh khỏi những sai lầm, khuyết điểm, thậm chí có lúc, có nơi còn mắc phải một số sai lầm nghiêm trọng, song Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi dám nhìn thẳng vào sự thật, nghiêm túc và nghiêm khắc tự kiểm điểm. Trong suốt chín năm kháng chiến, nhất là trong những tình huống khó khăn, ngặt nghèo nhất, nhân dân Quảng Ngãi vẫn luôn tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, cùng nhau đoàn kết, vượt qua mọi thử thách, góp phần đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng.

Những kết quả Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đạt được trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tạo tiền đề quan trọng và cơ bản để Đảng bộ và nhân dân bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.



Đoàn Chủ tịch Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (vòng 1), nhiệm kỳ 1949 - 1952



Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi tại Đại hội Đảng bộ tỉnh (vòng 2), nhiệm kỳ 1949 - 1952



Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi nhiệm kỳ 1965 - 1968



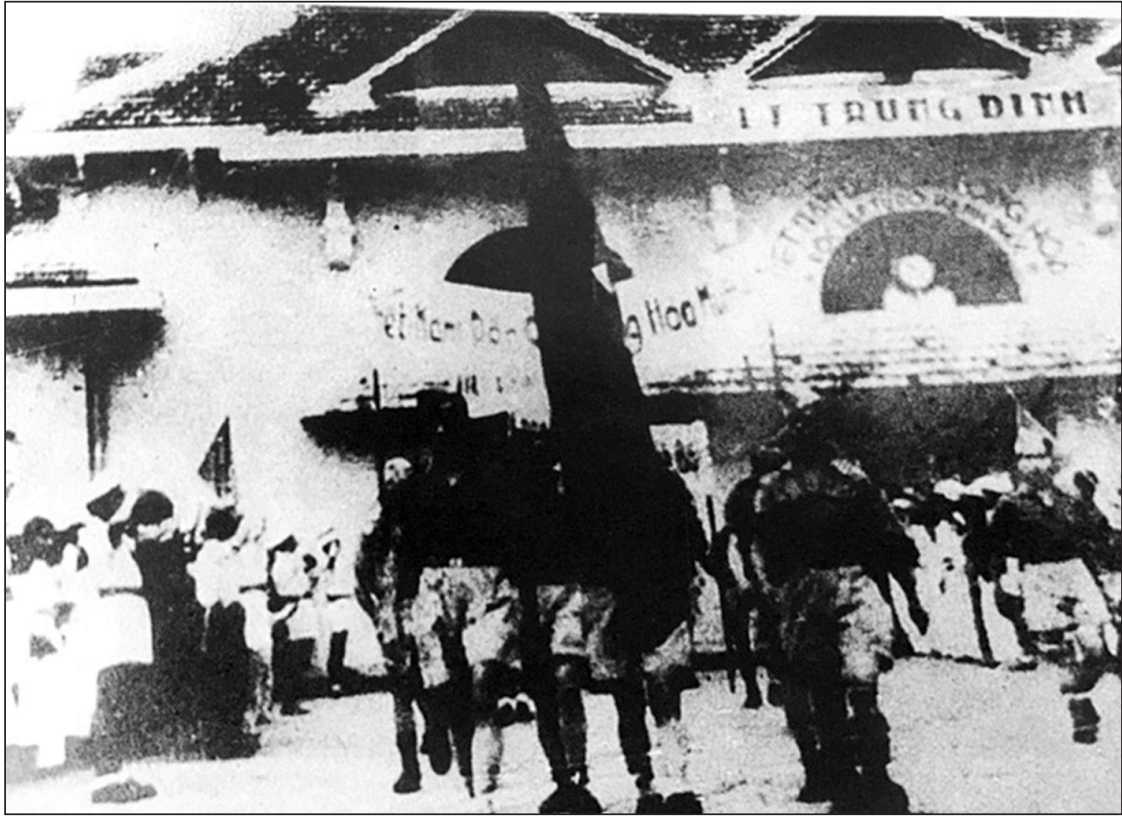
Các đại biểu tham dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 1968 - 1970



Các đồng chí tham dự Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi  
từ ngày 23-8 đến ngày 15-9-1971



Toàn cảnh Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 1973 - 1975



Lễ ra mắt Ủy ban cách mạng lâm thời tỉnh Lê Trung Đình (Quảng Ngãi),  
ngày 30-8-1945



Cử tri Quảng Ngãi tham gia bầu cử Quốc hội khóa I, ngày 06-01-1946



Đội nữ Vệ quốc đoàn Quảng Ngãi, năm 1946



Đồng bào các dân tộc Sơn Hà đấu tranh chống “tổ cộng”, “diệt cộng”,  
đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, năm 1956

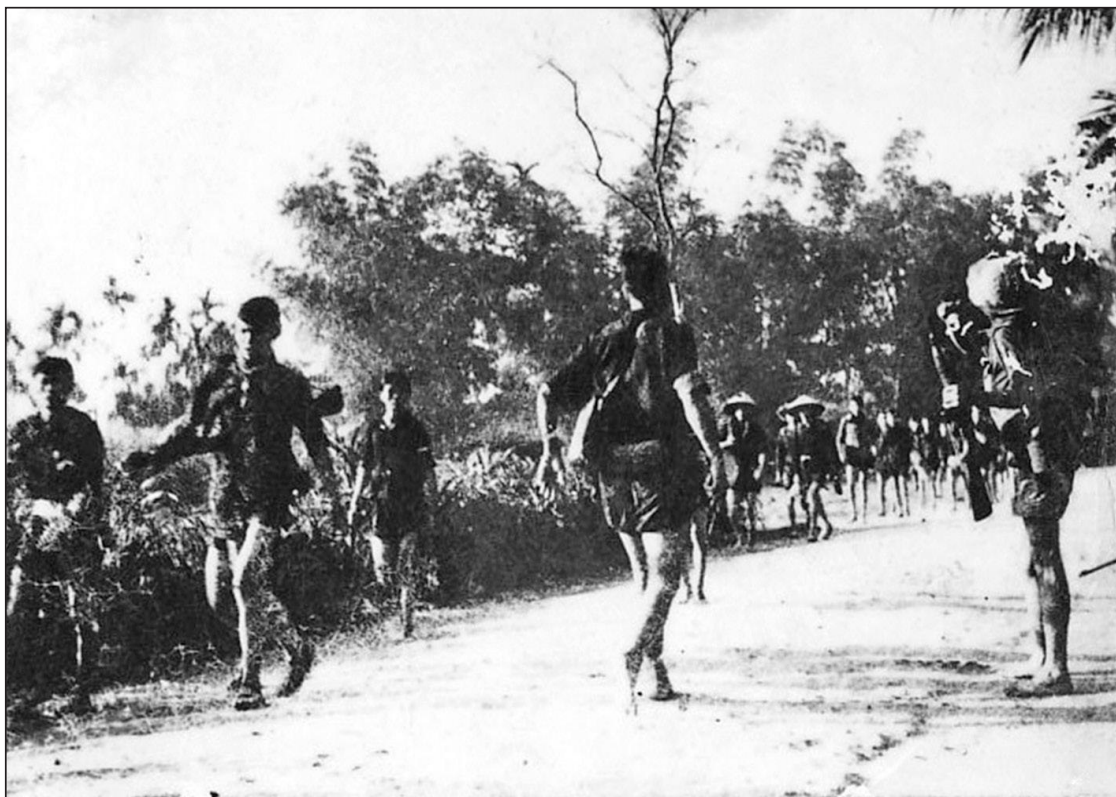




Xe tăng Mỹ bị phá hủy trong trận Vạn Tường, ngày 18-8-1965



Ban Chỉ huy tiền phương tỉnh Quảng Ngãi họp bàn phương án chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968



Các lực lượng vũ trang chiếm ngã năm Quán Âm,  
thị xã Quảng Ngãi sáng mừng Một Tết Mậu Thân năm 1968



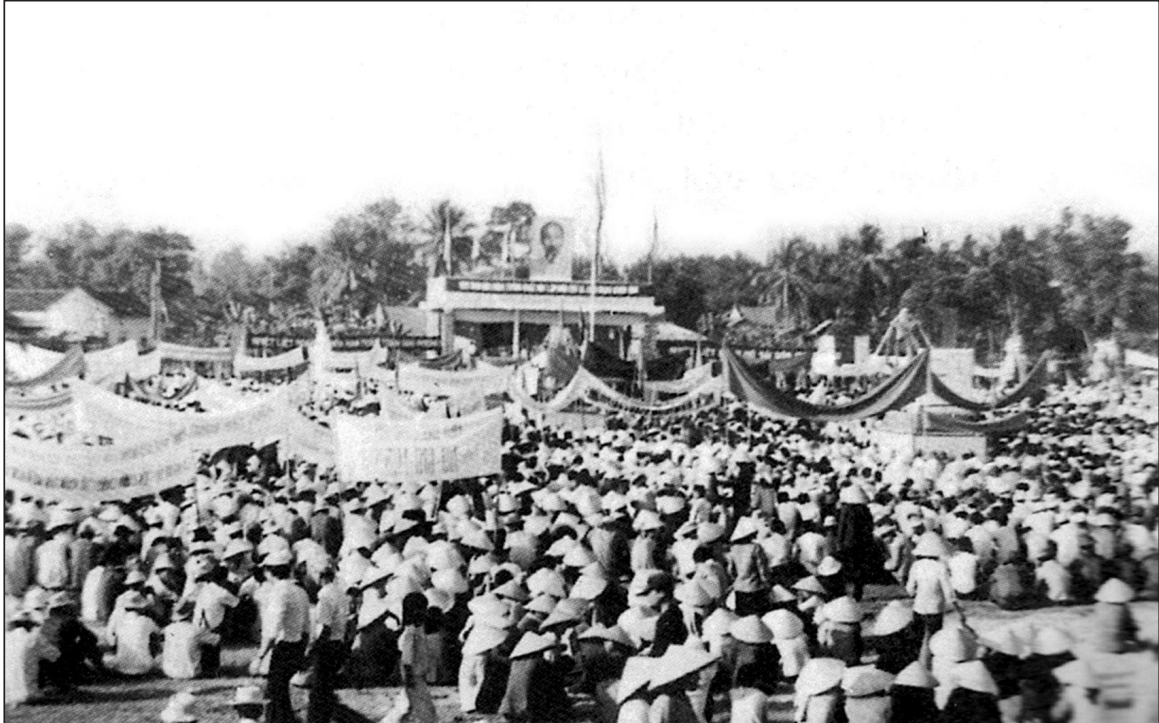
Lễ truy điệu 504 đồng bào Sơn Mỹ (Tỉnh Khê) bị đế quốc Mỹ sát hại,  
ngày 16-3-1968



Đồng chí Lê Tấn Tỏa - Bí thư Tỉnh ủy chủ trì cuộc họp bàn kế hoạch chuẩn bị giải phóng tỉnh Quảng Ngãi, năm 1975



Xe tăng quân giải phóng tiến vào giải phóng thị xã Quảng Ngãi, năm 1975



Lễ mít tinh chào mừng tỉnh Quảng Ngãi  
và miền Nam hoàn toàn giải phóng, tháng 5-1975

### *Chương III*

## **ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TRONG TỈNH KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC, GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (1954 - 1975)**

I- ĐẤU TRANH ĐÒI THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIONEVO;  
CHỐNG CHÍNH SÁCH "TỔ CỘNG", "DIỆT CỘNG"  
CỦA ĐỊCH; DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG,  
LÃNH ĐẠO KHỞI NGHĨA TRÀ BÔNG  
VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI (1954 - 1959)

### **1. Chuyển hướng hoạt động, đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ và chống địch “tổ cộng”, “diệt cộng”, bảo tồn lực lượng cách mạng**

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Nhân dân Việt Nam kết thúc thắng lợi với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp ký Hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Theo Hiệp định, nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải, tỉnh Quảng Trị) làm ranh giới tạm thời đến tháng 7-1956 thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất nước nhà.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam làm thất bại âm mưu can thiệp của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Mỹ cho rằng, nếu mất Việt Nam thì có thể mất nhiều nơi trên thế giới, trước hết là mất Đông Nam Á, nơi Mỹ có nhiều lợi ích

chiến lược về chính trị, quân sự và kinh tế. Do đó, Mỹ tìm mọi cách để xâm lược Việt Nam.

Thực hiện âm mưu trên, một nội các bù nhìn thân Mỹ được thành lập do Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng, kiêm Tổng trưởng Quốc phòng. Ngày 08-8-1954, Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ quyết định xâm lược Việt Nam. Ngày 08-9-1954, Mỹ thành lập Hiệp ước Đông Nam Á, đặt miền Nam Việt Nam, Lào, Campuchia trong ô bảo hộ của Mỹ. Tháng 4-1955, Mỹ đưa các đoàn cố vấn quân sự vào miền Nam.

Âm mưu của Mỹ là tiêu diệt phong trào yêu nước của Nhân dân ta, thôn tính miền Nam, chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, lấy miền Nam làm căn cứ để tiến công miền Bắc, lập phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa xã hội tràn xuống Đông Nam Á.

Quảng Ngãi là tỉnh trong vùng tự do, hậu phương của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Liên khu V, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đông đảo và phong trào quần chúng lớn mạnh. Nhân dân trong tỉnh có truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất.

Sau Hiệp định Giơnevơ, thế và lực của phong trào cách mạng thay đổi to lớn và đột ngột, từ có chính quyền, có cơ sở đều khắp, có đảng bộ vững mạnh, ta buộc phải bàn giao cho địch, chuyển quân tập kết; từ đấu tranh vũ trang, hoạt động công khai chuyển sang đấu tranh chính trị và hoạt động bí mật.

Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ và quy định của Hội nghị Trung Giã, sau 300 ngày, kể từ ngày ngừng bắn, quân đội ta rút khỏi Quảng Ngãi để tập kết ra miền Bắc. Thời gian tập kết và bàn giao cho đối phương trong tỉnh được chia làm ba đợt:

- Đợt 80 ngày ở các huyện phía bắc sông Trà Khúc: Sơn Tịnh, Bình Sơn<sup>1</sup>, Sơn Hà và Trà Bồng.

- Đợt 100 ngày ở các huyện từ nam sông Trà Khúc trở vào đến bắc sông Vệ: Tư Nghĩa, Nghĩa Hành<sup>2</sup>, Minh Long và thị xã Quảng Ngãi.

- Đợt 300 ngày ở các huyện từ nam sông Vệ trở vào Bình Định: Mộ Đức, Đức Phổ và Ba Tơ.

Thời hạn tập kết chấm dứt vào ngày 16-5-1955. Từ thời điểm này, quyền quản lý hành chính toàn tỉnh Quảng Ngãi thuộc về đối phương.

Thời kỳ cách mạng mới với những nhiệm vụ vô cùng nặng nề, khó khăn và phức tạp đặt Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi trước những thử thách cực kỳ to lớn.

Ngay trong giai đoạn mới của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) chỉ rõ: Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, và hiện đang trở thành kẻ thù chính trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc của ta đều phải nhằm chống đế quốc Mỹ<sup>3</sup>.

Tiếp đó, ngày 05-9-1954, Bộ Chính trị họp ra nghị quyết, cụ thể hóa và bổ sung Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, đồng thời, ban hành chỉ thị riêng cho các đảng bộ miền Nam với những nhiệm vụ cụ thể, trước mắt là: Đấu tranh đòi đối phương

---

1. Đối với huyện Bình Sơn, từ chợ Nước Mặn trở ra phía bắc, thời gian phải tập kết là trước ngày 30-8-1954, bởi theo Hiệp định Giơnevơ đây là vùng đệm, không có lực lượng vũ trang bên nào.

2. Các xã Hành Thiện, Hành Thịnh, Hành Tín thuộc huyện Nghĩa Hành, ở phía nam sông Vệ nằm trong khu vực 300 ngày.

3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.15, tr. 225.

thi hành đúng Hiệp định. Chuyển hướng công tác cho thích hợp với điều kiện mới, nắm vững phương châm, chính sách mới, sắp xếp cán bộ, bố trí lực lượng, vừa che giấu lực lượng vừa lợi dụng công khai hợp pháp. Tập trung mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình để đấu tranh đánh đổ chính quyền Ngô Đình Diệm thân Mỹ<sup>1</sup>.

Trong hai ngày 27 và 28-7-1954, Liên khu ủy V tổ chức hội nghị mở rộng đến các bí thư tỉnh ủy để quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6. Hội nghị đề ra ba công tác cấp bách phải làm ngay:

- Mở rộng đợt tuyên truyền và giáo dục sâu rộng cho cán bộ, đảng viên, quần chúng về tình hình nhiệm vụ mới, về phương châm đấu tranh, về các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ để có cơ sở pháp lý đấu tranh với địch.

- Khẩn trương tổ chức lại bộ máy lãnh đạo của Đảng và các tổ chức quần chúng để nhanh chóng bắt kịp tình hình mới của phong trào cách mạng.

- Biên chế lại và tổ chức lực lượng vũ trang thành các sư đoàn để biểu dương chiến thắng và chuyển quân theo đúng kế hoạch.

Sau chín năm kháng chiến trường kỳ, hòa bình được lập lại. Ngày 02-9-1954, tại sân bay Quảng Ngãi, Liên khu ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ cùng với tỉnh Quảng Ngãi tổ chức cuộc mít tinh lớn với hàng vạn người tham gia. Ngày 28-10-1954, tại xã Đức Chánh (Mộ Đức), hàng vạn người tham gia mít tinh, diễu hành lớn. Cuộc mít tinh kéo dài cả ngày đêm, có đoàn văn công của Liên khu V về biểu diễn. Tuy bị địch chống phá, nhưng cuộc mít tinh vẫn diễn ra tốt đẹp.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.15, tr. 263-270.



Tại các cuộc mít tinh, liên hoan, mọi người đều muốn gặp nhau để nói cho nhau nghe những niềm vui mừng, những băn khoăn khi phải chia tay người thân đi tập kết và những khó khăn trên bước đường đấu tranh sắp tới, dặn dò người ra đi làm tròn nhiệm vụ, người ở lại quyết tâm đấu tranh để sau hai năm gặp nhau.

Để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh trong tình hình mới, Liên khu ủy V tổ chức lớp học tập, quán triệt Hiệp định Giơnevơ tại Trường Đảng tỉnh (xã Hành Nhân, Nghĩa Hành)<sup>1</sup> cho các cán bộ lãnh đạo tỉnh, các huyện miền tây tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam và một số cán bộ hoạt động ở vùng Hạ Lào. Hội nghị nghe đồng chí Nguyễn Duy Trinh - Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ truyền đạt, giải thích cụ thể những nội dung, ý nghĩa, tính pháp lý của Hiệp định Giơnevơ và định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân chuẩn bị tinh thần đấu tranh với địch khi chúng đến tiếp quản. Giữa đợt học tập, đồng chí Lê Duẩn trên đường về Nam công tác ghé thăm và truyền đạt thêm về nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong tình hình mới.

Ngày 10-8-1954, tại Trường Đảng huyện Sơn Tịnh ở thôn Hà Nhai (Tịnh Hà), Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị cán bộ lãnh đạo các huyện phía bắc tỉnh, gồm Bình Sơn, Sơn Tịnh, Trà Bồng và Sơn Hà, do đồng chí Võ Xuân Hựu - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trì. Hội nghị được nghe đồng chí Trương Quang Giao, Bí thư Liên khu ủy V quán triệt tình hình và nhiệm vụ mới; chủ trương sắp xếp bộ máy làm việc của các cấp cho phù hợp; chuyển hướng công tác lãnh đạo của Đảng và hoạt động của các tổ chức quần chúng; các phương châm, phương pháp đấu tranh với địch. Hội nghị cũng nhấn mạnh việc chuẩn bị mọi

---

1. Trước đây là Trường Trung học Bình dân Nam Trung Bộ.

mặt về tư tưởng, tổ chức để giữ gìn lực lượng, hoàn thành tốt việc chuyển quân tập kết.

Về công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới, Nghị quyết của Hội nghị Liên khu ủy V tổ chức từ ngày 18 đến ngày 21-10-1954, xác định: Để đảm bảo sự lãnh đạo thắng lợi phong trào quần chúng trong cuộc đấu tranh chính trị lâu dài và gian khổ hiện nay, phải tăng cường công tác củng cố Đảng. Trong vùng Pháp tạm đóng quân, tổ chức đảng phải hoạt động bí mật. Dù có khả năng để một bộ phận công khai cũng phải lấy bộ phận bí mật làm chính. Song phải tranh thủ cho Đảng có địa vị công khai hợp pháp. Lấy xây dựng Đảng về tư tưởng là chính; tranh thủ nâng cao trình độ chính trị, kịp thời chuyển hướng tổ chức và tác phong công tác cho thích hợp với tình hình mới. Phải nắm vững nguyên tắc củng cố Đảng trong phong trào đấu tranh quần chúng.

Nghị quyết cũng chỉ rõ 5 nhiệm vụ cấp bách, trước mắt đó là: đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục một cách sâu rộng, kịp thời phổ biến phương châm, chính sách mới trong cán bộ, đảng viên và quần chúng; chỉnh đốn chi bộ, có kế hoạch bảo vệ cán bộ, ổn định tổ chức và lề lối làm việc của cấp ủy; ra sức phục hồi đời sống bình thường cho nhân dân hợp với điều kiện hòa bình, cải thiện sinh hoạt quần chúng; đấu tranh chống hành động vi phạm Hiệp định của đối phương, đảm bảo quyền tự do cho nhân dân ở vùng Pháp đã tập kết; xúc tiến công tác binh vận<sup>1</sup>.

Để thực hiện chủ trương trên, Tỉnh ủy chia làm hai bộ phận: bộ phận công khai, lo công tác chuyển quân, tập kết do các đồng chí Lê Huyền, Hồ Thiết phụ trách; bộ phận bí mật lo

---

1. Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy V, tháng 10-1954. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

công việc chuyển hướng hoạt động do đồng chí Phạm Xuân Hòa, Quyền Bí thư Tỉnh ủy phụ trách.

Ngày 25-10-1954, tại thôn Cây Bứa (xã Nghĩa Phương, Tư Nghĩa), Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị bàn về công tác củng cố Đảng, ra nghị quyết về nhiệm vụ chuyển hướng tổ chức và phương thức hoạt động mới. Các đồng chí Phạm Xuân Hòa, Phạm Thanh Biền, Nguyễn Phú Soại, Lê Tấn Tỏa, Lê Nhuệ (Lê Chí Thống)<sup>1</sup> tham dự Hội nghị. Đồng chí Trương Quang Giao, Bí thư Liên khu ủy chỉ đạo Hội nghị. Hội nghị tập trung thảo luận hai nhiệm vụ chủ yếu:

- Lãnh đạo, tổ chức tốt việc chuyển quân tập kết đúng kế hoạch.

- Chuẩn bị tư tưởng và tổ chức để chuyển sang đấu tranh chính trị nhằm giữ gìn lực lượng, đưa phong trào cách mạng tiếp tục tiến lên.

Sau Hội nghị, Tỉnh ủy gấp rút xây dựng một số căn cứ ở đồng bằng để có điều kiện bám dân, thuận tiện cho lãnh đạo việc chuyển quân tập kết và sắp xếp cán bộ, đảng viên ở lại. Các huyện Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long, Ba Tơ thuộc sự chỉ đạo của Liên khu ủy trước đó, nay trở về thuộc sự chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Đồng chí Phạm Xuân Hòa - Quyền Bí thư Tỉnh ủy được phân công phụ trách chung; đồng chí Phạm Thanh Biền - Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách xây dựng căn cứ, là Bí thư Ban cán sự miền Tây; các đồng chí Tỉnh ủy viên: Lê Tấn Tỏa được phân công phụ trách huyện Bình Sơn; Nguyễn Phú Soại phụ trách huyện Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi; Lê Nhuệ (Thống)

---

1. Các đồng chí Lê Tấn Tỏa và Lê Nhuệ (Thống) được bổ sung vào Tỉnh ủy tháng 4-1954.

phụ trách huyện Đức Phổ; Nguyễn Khiển (Chót) phụ trách huyện Sơn Tịnh; Phạm Chương phụ trách huyện Nghĩa Hành... Bộ máy các huyện ủy cũng được tổ chức lại cho phù hợp với tình hình mới.

Tổng số cán bộ được bố trí ở lại hoạt động trong toàn tỉnh có khoảng trên 300 đồng chí<sup>1</sup>, phải rút vào hoạt động bí mật. Hầu hết đảng viên còn lại sống hợp pháp, tìm các việc làm thích hợp để tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng. Nhiều cán bộ người Kinh được Tỉnh ủy bố trí lên hoạt động ở các huyện miền núi. Nhiều đồng chí hòa nhập theo tập tục của đồng bào các dân tộc thiểu số, như: cà răng, cặng tai, đóng khố... Do ăn mặc và sinh hoạt như đồng bào, nên các cán bộ người Kinh được nhân dân tin tưởng, che chở, nhiều người trở thành cán bộ chủ chốt của các địa phương miền núi.

Các tổ chức quần chúng được sắp xếp lại thành các tổ chức hợp pháp để tập hợp và làm nòng cốt trong phong trào đấu tranh cách mạng. Ở thị xã, thị trấn có các tổ chức nghiệp đoàn, phụ nữ, thanh niên, học sinh...; nông thôn có các đội tuấn sừng, hội vắn công, đổi công, hội trợ táng...; miền núi có hội săn bắn... Những cán bộ được phân công ở lại vận động một số gia đình, cá nhân tầng lớp trên, như các hào mục, nhân sĩ, cà rá, chức sắc tôn giáo... ủng hộ, giúp đỡ cách mạng, xây dựng được lực lượng đoàn kết rộng rãi chống Mỹ - Diệm.

Thực hiện chủ trương của Liên khu ủy, Tỉnh đội Quảng Ngãi tổ chức chôn giấu vũ khí tại các xã Ba Động (Ba Tơ), Hành Nhân (Nghĩa Hành), Tịnh Bình (Sơn Tịnh).

---

1. Theo Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975, tập II: Chuyển chiến lược*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr. 31, thì đến tháng 3-1955 Quảng Ngãi có 396 cán bộ được bố trí ở lại hoạt động.

Từ ngày 10-10-1954, ta rút quân khỏi khu vực 80 ngày ở bắc sông Trà Khúc. Tháng 11-1954, ta rút quân khỏi khu vực 100 ngày từ nam sông Trà Khúc đến bắc sông Vệ. Tháng 4-1955, ta rút đợt cuối khỏi khu vực 300 ngày ở phía nam Quảng Ngãi. Đến giữa tháng 5-1955, việc chuyển quân tập kết hoàn thành theo đúng quy định của Hiệp định Giơnevơ.

Vừa chuyển quân tập kết và tổ chức đưa cán bộ, đảng viên và thân nhân các gia đình có công với cách mạng ra miền Bắc, Tỉnh ủy vừa tiếp tục lãnh đạo việc chăm lo khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân. Tranh thủ thời gian trước khi tập kết, lực lượng vũ trang và các cơ quan giúp nhân dân đào đắp, tu bổ kênh Tư Nghĩa (kênh Từ Ty), sửa chữa và làm mới hệ thống mương tưới tiêu nước, nhất là hệ thống đập thủy lợi Cà Ninh (Bình Sơn), kênh Sơn Tịnh (kênh Ông Cát), đào hơn 17 km thuộc hệ thống các kênh Tứ Đức, Bàu Súng (Mộ Đức). Đoạn đường sắt và tuyến quốc lộ 1A được khẩn trương khôi phục, tu sửa, phục vụ việc chuyển quân tập kết và đi lại của nhân dân. Tỉnh còn tổ chức chuyển gạo, muối, vải, thuốc chữa bệnh... giúp gia đình thương binh, liệt sĩ, đồng bào các huyện miền núi, ven biển...

Việc tổ chức cho cán bộ, đảng viên, nhân dân học tập đường lối, chủ trương của Đảng trong thời kỳ mới, hướng dẫn nhân dân dựa vào pháp lý và các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ để đấu tranh với địch được Tỉnh ủy hết sức quan tâm. Tuy nhiên, do tính chất phức tạp của giai đoạn cách mạng mới và âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, nên một số cán bộ, đảng viên ở lại và nhân dân xuất hiện tư tưởng vừa mừng hòa bình vừa luyến tiếc những năm tháng được sống tự do dưới chính quyền cách mạng, lo lắng cho thời gian tới vì phải sống dưới sự cai trị của đế quốc và tay sai.

Tháng 10-1954, địch bắt đầu tiếp quản Quảng Ngãi, tổ chức hệ thống hành chính từ tỉnh xuống huyện, xã tương đối nhanh, vì bọn Quốc dân Đảng và bọn phản động đội lốt đạo Công giáo đã sẵn sàng bắt tay với chúng.

Cuối tháng 10-1954, Ngô Đình Diệm đưa trung tá Tôn Thất Xứng làm Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Quảng Ngãi. Địch ra sức tuyên truyền nhằm gây ảnh hưởng trong quần chúng nhân dân. Chúng xuyên tạc Hiệp định Giơnevơ, gây không khí chiến tranh, nói xấu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chia rẽ đoàn kết dân tộc; tổ chức nhiều buổi chiếu phim ở khắp nơi trong tỉnh, phát đồ viện trợ Mỹ, giương chiêu bài Quốc gia độc lập và khẩu hiệu tự do dân chủ để lừa bịp nhân dân; ép nhân dân vào các tổ chức do chúng lập ra như Thanh niên cộng hòa, Phụ nữ liên đới; suy tôn Ngô Đình Diệm là Ngô chí sĩ, thổi phồng sức mạnh vật chất của Mỹ...

Bên cạnh việc lừa bịp, mị dân, địch cũng tăng cường lùng sục, vây bắt, giết hại cán bộ, đảng viên, những người tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong tháng 11-1954, tại bốn huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và Nghĩa Hành, chúng tổ chức 75 vụ lùng sục, bắt 352 người, giết 10 người, làm 5 người bị thương, 3 người mất tích<sup>1</sup>.

Tại xã Tịnh Thiện (Sơn Tịnh), ngày 21-11-1954, địch ngang nhiên cướp tiền và lúa của Ban quản trị kênh Sơn Tịnh, bắt thư ký tài chính xã và chiếm nhà để làm trụ sở. Từ ngày 22 đến ngày 25-11, chúng bắt và đánh đập một số người để cướp tài sản, bị nhân dân chống lại quyết liệt, chúng giết hại 5 người dân. Nhân dân tiếp tục kéo đến đấu tranh ngày càng nhiều,

---

1. Theo Báo cáo số 94/LH của Tổ liên hiệp Quảng Ngãi gửi Liên khu ủy V về "Tình hình Quảng Ngãi từ khi mới tiếp thu, từ ngày 10-10-1954 đến ngày 15-3-1955".

dùng cuộc làm vũ khí, khiến 1 tên lính bỏ mạng và bắt giam 3 tên khác. Được sự ủng hộ của nhân dân các xã xung quanh, đồng bào tiếp tục đấu tranh đòi địch phải bồi thường cho những gia đình có người bị chúng sát hại. Ngày 28-11-1954, địch từ quận kéo về giải vây cho đồng bọn bị bắt và bắt gần 60 người, trong đó có 1 chi ủy viên, đồng thời ra lệnh thiết quân luật, cấm mọi người trong xã không được đi lại ngoài đường. Trong hai ngày 22 và 24-12-1954, nhân dân Bình Dương (Bình Sơn) đã kiên cường chiến đấu đẩy lùi một đại đội địch vây ráp.

Những vụ khủng bố của địch ngay từ khi chúng đến tiếp quản ở một số địa phương trong và ngoài tỉnh như: Chiên Đàn, Chợ Đước (Quảng Nam), Ngân Sơn, Chí Thạnh (Phú Yên) và đặc biệt là vụ khủng bố ở Tịnh Thiện (Sơn Tịnh) tác động lớn đến tư tưởng của một số cán bộ, đảng viên và nhân dân. Có đồng chí được bố trí ở lại nhưng lo ngại xin đi tập kết.

Để tiếp tục ổn định tình hình, rút kinh nghiệm và duy trì lực lượng cách mạng, tháng 01-1955, Tỉnh ủy họp tại Lương Nông (xã Đức Minh, Mộ Đức) tiếp tục bàn công tác chuyên hướng chỉ đạo phong trào, phân tích hai cuộc đấu tranh với địch ở Tịnh Thiện và Bình Dương (tháng 11 và tháng 12-1954) và uốn nắn phương pháp đấu tranh. Hội nghị bàn kỹ việc xây dựng căn cứ địa ở đồng bằng và miền núi, xây dựng chỗ dựa lâu dài cho phong trào cách mạng. Hội nghị cũng chủ trương đưa người vào hàng ngũ địch để hoạt động, nhằm hạn chế sự phátxit hóa của kẻ thù, dùng các tổ chức biến tướng hợp pháp như đội tuần sương, hội săn bắn để chống lại hành động đàn áp của địch, khi cần thiết thì diệt bọn ác ôn, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh.

Cuối tháng 3-1955, Ban Thường vụ Liên khu ủy tổ chức Hội nghị mở rộng, quán triệt nghị quyết của Bộ Chính trị về chủ trương mới, xác định nhiệm vụ đẩy mạnh đấu tranh chính trị,

tăng cường cán bộ và chôn giấu thêm vũ khí ở Quảng Ngãi, Bình Định, chuẩn bị chiến đấu với kẻ thù.

Cũng vào thời gian này, Liên khu ủy V quyết định sắp xếp các tỉnh trong Liên khu gồm 4 liên tỉnh. Tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên thuộc Liên tỉnh 2. Các liên tỉnh tồn tại đến tháng 10-1961<sup>1</sup>.

Tháng 4-1955, Tỉnh ủy họp tại thôn Tài Lương, huyện Hoài Nhơn (Bình Định), đồng chí Nguyễn Quang Lâm được bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy thay đồng chí Hồ Thiết đi tập kết.

Để đảm bảo an toàn mọi hoạt động của Tỉnh ủy và bộ máy lãnh đạo, từ tháng 5-1955, cơ quan Tỉnh ủy đóng ở xã Phổ Minh (Đức Phổ), đến tháng 10-1955, chuyển ra xã Nghĩa Lâm (Tur Nghĩa) và thời gian sau đó thì chuyển lên các xã vùng trung tâm ở chân núi Cà Đam (Trà Bồng) giáp phía bắc huyện Sơn Hà.

Đầu năm 1955, Mỹ - Diệm tập trung khủng bố dã man những người kháng chiến cũ, những người yêu nước. Lợi dụng lúc quân đội ta rút khỏi vị trí đóng quân, các vùng tự do cũ về nơi tập kết, đồng bào ta còn ngỡ ngàng, tổ chức đảng chưa ổn định, địch tiến hành đánh phá ngay hòng làm cho hàng ngũ đảng viên và quần chúng bị rối loạn. Địch điên cuồng tàn sát đẫm máu những người yêu nước, kháng chiến cũ, những người có cảm tình với cách mạng hoặc bị tình nghi. Địch mở chiến dịch "tố cộng" nhằm đánh vào cộng sản và đánh cả vào dân, trong đó đánh vào cộng sản là mục tiêu quyết định nhất.

Chúng kết hợp vừa tiêu diệt lực lượng, vừa khủng bố tinh thần, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm suy giảm

---

1. Đảng bộ Quân khu V: *Lịch sử Đảng bộ Quân khu V (1946 - 2010)*, tập 2: *Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010, t.2, tr. 25.



tin thần, ý chí đấu tranh. Bộ máy chỉ đạo "tổ cộng" được tổ chức từ cấp trung ương xuống tận liên gia.

Trọng điểm của chiến dịch "tổ cộng" được thực hiện ở các tỉnh miền Trung. Thủ đoạn của chúng là kết hợp giữa mua chuộc, dụ dỗ với khủng bố, đàn áp. Chúng chia nhân dân làm 3 loại<sup>1</sup> theo phương châm dựa vào C đánh A, làm cho B khiếp sợ và khuất phục. Sau khi phân loại, địch buộc những người kháng chiến cũ phải ra trình diện, nhận giấy chứng nhận cán bộ hồi chánh.

Trên địa bàn tỉnh, Mỹ - Diệm thông qua bọn phản động có tư tưởng phục thù trong giai cấp địa chủ, bọn Quốc dân Đảng, Đại Việt, bọn phản động đội lốt tôn giáo, bọn lưu manh... đánh phá cách mạng. Chúng kết hợp nhiều thủ đoạn thâm độc như tuyên truyền xuyên tạc sự thật, gây tâm lý hoài nghi và hiềm khích, chia rẽ trong làng xóm, cha mẹ, anh chị em; lén lút thủ tiêu một số cán bộ ở lại; mở các đợt tổ cộng, bắt quân chúng và một số đảng viên xé cờ, ly khai Đảng, khủng bố, đàn áp, thăm sát hàng loạt đồng bào ở tây Sơn Tĩnh.

Từ tháng 02-1955, Mỹ - Diệm mở chiến dịch Phan Chu Trinh trong toàn Nam Trung Bộ. Trọng điểm đánh phá của chúng là tỉnh Quảng Nam và huyện Bình Sơn.

Tháng 4-1955, địch mở chiến dịch Giải phóng đánh phá các huyện đồng bằng của tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định. Tháng 5-1955, địch mở chiến dịch Trịnh Minh Thế đánh phá các tỉnh còn lại của Liên khu V.

Mỹ - Diệm tập trung đánh phá quyết liệt các huyện miền núi, vùng căn cứ cách mạng. Chúng tiến hành thanh lọc chính quyền ở thôn xóm, gạt những người không theo chúng ra khỏi

---

1. Loại A "công dân bất hợp pháp" gồm cán bộ, đảng viên và những người kháng chiến cũ. Loại B "công dân nửa hợp pháp" gồm những gia đình có người tập kết, có liên quan đến những người kháng chiến cũ. Loại C "công dân hợp pháp" gồm những thành phần còn lại.

bộ máy, bắt và thủ tiêu cán bộ cách mạng, gây hận thù giữa người Kinh và đồng bào dân tộc thiểu số. Chúng sử dụng bọn phản động ở Sơn Hà trước đây như Đinh Ênh, Đinh Ngô, Đinh Bô Nhĩ và bọn lính Nùng do Pháp đưa từ miền Bắc vào đàn áp nhân dân. Đồng thời, chúng mua chuộc một số cà rá (tù trưởng, già làng) để chống phá phong trào cách mạng. Chúng áp dụng chính sách dùng người dân tộc trị người dân tộc để đánh phá phong trào cách mạng. Tại hai xã Trà Thủy và Trà Sơn (Trà Bồng), trong một đợt khủng bố, chúng giết hại một lúc 13 người và bắt đi nhiều người khác.

Tháng 9-1955, trong vụ khủng bố ở Sơn Hà, địch bắt và sát hại 22 người, trong đó có đồng chí Đinh Chiêu, Huyện ủy viên - Bí thư xã Sơn Nham. Mặc dù bị địch tra tấn dã man, đồng chí vẫn nêu cao tinh thần hiên ngang, bất khuất, một lòng tin tưởng vào Đảng và Bác Hồ, giữ vững lòng kiên trung của người chiến sĩ cộng sản.

Cùng với việc đàn áp, chúng thẳng tay cướp bóc trâu, bò, chiêng, ché, quế, tài sản của nhân dân, địch lập trụ sở công an ở Đồng Ké (một bộ phận của Ty Công an) để theo dõi vùng giáp ranh giữa đồng bằng và miền núi (tây Sơn Tịnh và Sơn Hà).

Trong khi thực hiện chính sách "tố cộng, diệt cộng", chính quyền Ngô Đình Diệm đồng thời tìm cách xóa bỏ thành quả cách mạng ở nông thôn, bản cùng hóa nhân dân bằng việc ban hành đạo dụ số 2 ngày 08-01-1955 và số 7 ngày 05-02-1955 về cải cách điền địa. Ngày 22-10-1956, Diệm ra tiếp đạo dụ số 57, với khẩu hiệu "hữu sản hóa nông dân, thẳng tiến cần lao, đồng tiến xã hội", thực tế là tiếp tục tước đoạt ruộng đất của nông dân, bảo vệ và duy trì đặc quyền, đặc lợi của giai cấp địa chủ.

Từ giữa năm 1956 đến năm 1957, nhà tù mọc lên khắp nơi trong tỉnh. Thôn, xã nào cũng có trại giam nhốt chật ních những người tham gia kháng chiến trước đây, những người có cảm tình

với cách mạng. Ở những thôn có số dân từ 1.500 đến 3.000 người, thì có tới 300 đến 500 người bị bắt bớ, đánh đập. Riêng thôn An Điền (xã Bình Chương, Bình Sơn) chỉ có khoảng 1.000 dân mà có tới 5 trại giam.

Ở thị xã, thị trấn, địch tìm mọi cách khống chế và bố trí tình báo đi khắp nơi để nắm tình hình. Chúng tăng thêm các đồn bót và lực lượng cảnh sát xung quanh các vùng xung yếu, các trục đường giao thông quan trọng.

Từ khi tiếp quản đến cuối năm 1955, Ty Công an ngục giam giữ nhiều người bị địch bắt ở các huyện, thị trong toàn tỉnh tại nhà lao tạm ở Vườn Ươm<sup>1</sup>. Sau một thời gian, chúng xây dựng nhà lao mới gồm hai dãy nhà dài kiên cố, có cả xà lim, có thể giam cầm một lúc vài ngàn người<sup>2</sup>. Cũng trong thời gian này, tại Ty Công an ngục<sup>3</sup> địch xây dựng khu xà lim nhốt những cán bộ, đảng viên được đưa từ nhà lao đến để khai thác, thẩm vấn, tra tấn. Nhiều cán bộ mật, đảng viên, cơ sở cách mạng trung kiên bị địch nhốt, bỏ đói và chết trong các xà lim này.

Do sự khủng bố liên tục, ác liệt của địch, phong trào cách mạng trong tỉnh cũng như toàn miền Nam bước vào một thời kỳ khó khăn, phức tạp chưa từng có. Vì vậy, nhiệm vụ trọng tâm trước mắt của ta là giữ gìn lực lượng cách mạng, bảo vệ lực lượng lãnh đạo Đảng và lực lượng nòng cốt trong quần chúng.

Ngày 25-10-1955, tại nóc Ông Tơ, chân núi Cà Đam (xã Trà Bùi, Trà Bồng), Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị do đồng chí

---

1. Địa điểm đóng Phòng Nhì của thực dân Pháp, nay là trụ sở cơ quan Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi.

2. Địa điểm này nay là trụ sở cơ quan Công an tỉnh Quảng Ngãi. Đây là nơi giam giữ tất cả cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và quần chúng yêu nước tham gia kháng chiến bị địch bắt tại Quảng Ngãi. Nhiều người bị địch chuyển đi các nhà lao khác, như Đà Nẵng, Quảng Trị, Buôn Ma Thuột, Côn Đảo, Phú Quốc...

3. Nay là số nhà 71, đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi.

Nguyễn Quang Lâm - Bí thư Tỉnh ủy<sup>1</sup> chủ trì. Hội nghị quyết định: Phát động toàn dân đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, đòi cứu đói khẩn cấp cho đồng bào miền núi; củng cố các tổ chức quần chúng bí mật, xây dựng chi bộ bí mật, cơ quan bí mật, phục hồi và phát triển các tổ chức biến tướng hợp pháp, đẩy mạnh công tác binh địch vận, lợi dụng các đảng phái chống Diệm để hạn chế các hành động chống phá cách mạng của chúng.

Hội nghị Tỉnh ủy quyết định lấy các xã người Cor ở phía nam huyện Trà Bồng<sup>2</sup> như Trà Xinh, Trà Thọ, Trà Trung, Trà Tây, Trà Bùi, Trà Tân, Trà Nham, Trà Lãnh làm trung tâm căn cứ của tỉnh. Đồng chí Đinh Văn Trinh được cử làm Bí thư Ban cán sự Đảng khu căn cứ. Ban xây dựng và bảo vệ căn cứ được thành lập do đồng chí Phạm Thanh Biên làm Trưởng ban.

Tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền cách mạng ở thị xã, thị trấn, bến đò, chợ... kêu gọi quần chúng đấu tranh chống Mỹ - Diệm, xây dựng giao thông liên lạc hợp pháp và đề xuất phương hướng hoạt động bí mật; ra tờ báo *Hòa bình*; sau đổi tên là báo *Thống nhất*, rồi *Cờ Giải phóng*, sau đó là tờ *Giải phóng* ở đồng bằng và tờ *Đoàn kết* ở miền núi.

---

1. Tỉnh ủy thời gian này có 10 đồng chí: Nguyễn Quang Lâm (Bí thư), Phạm Xuân Hòa (Phó Bí thư), Phạm Thanh Biên (Ủy viên Ban Thường vụ), 4 đồng chí Tỉnh ủy viên chính thức: Nguyễn Phú Soại, Lê Tấn Tỏa, Nguyễn Khiển (Chót, Kim), Phạm Chương và 3 đồng chí Tỉnh ủy viên dự khuyết: Đinh Mô, Lê Nhuệ (Lê Chí Thống), Trần Thị Nguyên. Đến cuối năm 1955, đầu năm 1956, bổ sung các đồng chí: Tôn Diêm, Nguyễn Cát, Lê Long Châu, Nguyễn Công Say (Nghĩa).

2. Các xã Sơn Thọ, Sơn Bùi, Sơn Tân gồm đại bộ phận là dân tộc Cor, trước đây thuộc huyện Sơn Hà, nay thuộc Trà Bồng và đặt tên là Trà Thọ, Trà Bùi, Trà Tây, Trà Trung, Trà Tân; về sau các xã nói trên thuộc khu Hai, trung tâm căn cứ tỉnh Quảng Ngãi.

Tỉnh ủy xác định vai trò quan trọng của công tác binh vận, chỉ đạo việc tạo cơ sở trong bộ máy địch; chủ động gặp gỡ, giáo dục, vận động một số nhân sĩ tầng lớp trên, những người có liên quan đến những vụ việc nổi cộm trước đây, nên đã hạn chế được một phần sự theo dõi, chống phá của địch.

Với những chủ trương đúng đắn và chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, phong trào cách mạng của tỉnh Quảng Ngãi vẫn được duy trì. Cán bộ, đảng viên được bố trí về các cơ sở hoạt động. Hầu hết cán bộ, đảng viên được phân công đều bám sát dân để xây dựng phong trào, được quần chúng yêu mến, tín nhiệm. Các lực lượng quần chúng, các lực lượng hợp pháp, nửa hợp pháp và những tổ chức biến tướng được hình thành để bảo vệ thôn, xóm, bí mật diệt bọn phản động ác ôn, một số căn cứ ở miền núi và đồng bằng được củng cố. Do đó, ở nhiều nơi thuộc các huyện miền tây của tỉnh, địch không thiết lập được bộ máy ngụy quyền hoặc có thành lập cũng bị ta chi phối. Qua các đợt "tố cộng, diệt cộng" của địch, các cơ quan lãnh đạo, lực lượng cơ sở, thanh niên nòng cốt đều được duy trì giữ vững và có những hình thức chống địch có hiệu quả trong tình hình mới, nhất là ở miền núi.

Ngày 04-3-1956, Mỹ - Diệm tổ chức tuyển cử riêng rẽ, bầu quốc hội bù nhìn, nhằm xây dựng hệ thống cai trị hoàn chỉnh đến tận thôn, xóm, ấp. Chúng tập trung dùng bạo lực tàn khốc để khủng bố Nhân dân ta, khủng bố phong trào cách mạng<sup>1</sup>.

---

1. Báo cáo "Thành tích tố cộng tháng 1 năm 1956" của Tỉnh trưởng Quảng Ngãi nêu rõ: Ngoài dân 307 lớp cho 2.465.954 lượt người; thân nhân tập kết 272 lớp cho 45.000 lượt người; cán bộ kháng chiến xã, thôn 262 lớp cho 95.565 lượt người; các đảng viên 200 lớp cho 56.954 lượt người. Đã truy kích phá vỡ cơ sở cộng sản: Bắt tra tấn, khai thác 981 Việt cộng; hạ sát 275 Việt cộng, trong đó có 38 người từ xã ủy viên đến bí thư huyện ủy, 59 đoàn viên thanh niên... Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

Để đấu tranh cho cuộc tổng tuyển cử thống nhất nước nhà được tiến hành theo quy định của Hiệp định Giơnevơ, ngày 27-4-1956, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị ở Di Ngâu, Trà Trung (Trà Bồng) thông qua nghị quyết phát động một đợt đấu tranh công khai, đòi hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất đất nước vào giữa năm 1956.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, từ cuối tháng 5 đến hết tháng 7-1956, nhiều cuộc biểu tình được tổ chức khắp các huyện, thị, tập hợp hàng vạn người tham gia. Trên toàn huyện Đức Phổ không ai ra đồng làm việc. Mọi người sôi nổi tham gia các cuộc họp lấy chữ ký vào bản kiến nghị. Nhân dân các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức kéo đến trụ sở ngục quyền xã chất vấn, đưa kiến nghị phản đối Mỹ - Diệm phá hoại Hiệp định, đòi tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Nhiều người dân Thu Xà (xã Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa) tìm cách cản xe địch, không cho chúng bắt dân đi "dinh điền". Cùng thời gian, nhân dân thị xã đấu tranh đòi thả ông Nguyễn Tinh, trả lại tiệm thuốc tây cho ông Hà Thúc Ngộ, trả người thân bị địch giam ở Nhà lao Vườn Ươm... Hàng trăm đồng bào các xã ở huyện Ba Tơ, Minh Long, Trà Bồng, Sơn Hà kéo về quận lỵ đòi cứu đói, cứu đau cho dân, tố cáo những hành động khủng bố của Mỹ - Diệm. Các cuộc đấu tranh tranh thủ được sự đồng tình của một số binh lính địch và công chức ngục quyền xã, ấp, thức tỉnh tinh thần dân tộc trong một số tầng lớp nhân dân, lôi kéo họ tham gia đấu tranh đòi thống nhất nước nhà.

Tháng 6-1956, Hội nghị Bộ Chính trị nhận định: “Khả năng giằng co kéo dài, tình trạng chia cắt đang tồn tại ở miền Nam; hình thức đấu tranh trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang; nhưng không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn

cảnh nhất định hoặc không tận dụng những lực lượng vũ trang của giáo phái chống Diệm; cần củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có và xây dựng căn cứ làm chỗ dựa"<sup>1</sup>.

Tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn - Ủy viên Bộ Chính trị soạn thảo *Đề cương cách mạng miền Nam*, nêu rõ: "Để chống lại Mỹ - Diệm, nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình, là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường khác"<sup>2</sup>.

Những chủ trương, tìm tòi ban đầu của Đảng soi sáng cuộc đấu tranh của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trong tình hình cách mạng đang gặp nhiều khó khăn, nhất là ở các huyện đồng bằng.

## **2. Kiên định mục tiêu cách mạng, ra sức giữ gìn và phát triển lực lượng, xây dựng căn cứ địa kháng chiến**

Tháng 6-1956, Mỹ - Diệm phát động đợt 2 chiến dịch "tố cộng" trên toàn miền Nam nhằm "truy tróc cho hết cộng sản". Đảng bộ Liên khu V và tổ chức đảng ở Quảng Ngãi bị tổn thất nặng nề. Ở đồng bằng Liên khu V, 70% chi ủy viên, 60% huyện ủy viên, 40% tỉnh ủy viên bị địch bắt, giết; 12 huyện không còn cơ sở đảng<sup>3</sup>.

Ở Quảng Ngãi, tổ chức đảng tổn thất nặng ở nhiều huyện. Địch bắt giam cán bộ chặt ních các nhà giam. Phong trào cách mạng ở các huyện đồng bằng gặp nhiều khó khăn, tổn thất. Một số cán bộ, đảng viên và quần chúng hoang mang, dao động. Tuy vậy, các cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của quần chúng vẫn

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.17, tr. 224-226, 785.

3. Xem Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.II, tr.95.

tiếp tục diễn ra một số nơi. Đồng bào các xã Phở Cường (Đức Phở), Tịnh Thiện (Sơn Tịnh) không ngừng đấu tranh chống các buổi "tổ cộng" của địch. Tù chính trị ở các nhà lao Quảng Ngãi nhất loạt tuyệt thực, tẩy chay chiến dịch "ly khai Đảng", "xé cờ Đảng" của địch. Nông dân các huyện Mộ Đức, Nghĩa Hành, Bình Sơn... phản đối cải cách điền địa của Mỹ - Diệm<sup>1</sup>, đánh trả bọn ác ôn đòi giữ nguyên canh. Nông dân Tư Nghĩa, Sơn Tịnh tìm cách không chịu ký bản "khế ước lãnh canh" của bọn địa chủ. Ở các huyện miền núi Ba Tơ, Sơn Hà, địch lấy lại ruộng đất của bọn Việt gian trước đây bị chính quyền cách mạng tịch thu chia cho dân nghèo, như ruộng của Già Kiêu, Nguyễn Thân, Đinh Ênh, Đinh Lãi, Đinh Đí... Địch đàn áp, nhân dân đấu tranh, giữ nguyên canh.

Trong khi phong trào ở đồng bằng gặp nhiều khó khăn, tổn thất, thì phong trào các huyện miền núi được duy trì và giữ vững. Từ đấu tranh chính trị, phong trào tiến lên kết hợp hình thức vũ trang tự vệ thích hợp. Trong thời gian này, nhân dân các huyện miền núi vận dụng phong tục "trả đầu" để trừng trị bọn ác ôn chỉ điểm, bảo vệ cơ sở cách mạng, như các nhóm anh Lùm, anh Lang ở Trà Bồng; Phó Nía, Vôi - Quýt ở Sơn Hà<sup>2</sup>; ông Hối, Chánh Khanh<sup>3</sup> ở Ba Tơ... Hoạt động của các nhóm

---

1. Theo quy định của đạo dụ số 57 của chính quyền Diệm, địa chủ được quyền lưu giữ 100 ha, 30 ha tự làm và 15 ha hương hỏa (tổng cộng 145 ha). Số ruộng thừa, nhà nước mua lại bán cho nông dân. Nhưng số địa chủ chiếm trên 145 ha rất ít nên số ruộng bán cho nông dân không đáng bao nhiêu. Thực chất của đạo dụ 57 là tiếp tục cướp đất của nông dân. (Theo *Chung một bóng cờ (Về Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 94-95).

2. Vôi, Quýt, tức là hai đồng chí Đinh Vôi - Bí thư xã Sơn Trung và Đinh Quýt - Xã đội trưởng Sơn Lăng, huyện Sơn Hà.

3. Chánh Khanh, tức đồng chí Đinh Khanh, nguyên Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Ba Tơ trong kháng chiến chống thực dân Pháp.



"trả đầu" làm cho nhân dân phấn khích, kẻ thù hoang mang, dao động, không dám khùng bố như trước. Tuy vậy, các nhóm "trả đầu" chỉ mới tổ chức trong phạm vi hẹp vì còn thăm dò phản ứng của địch.

Nhờ sự kết hợp các hoạt động tự vệ trên mà căn cứ cách mạng ở miền núi được giữ vững và mở rộng. Xu hướng đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang tự vệ của quần chúng ngày càng thể hiện rõ nét. Cán bộ, đảng viên được rèn luyện, đào tạo trong đấu tranh, bám sát phong trào, dù hy sinh vẫn giữ trọn khí tiết cách mạng. Tiêu biểu như các đồng chí: Võ Tấn, Tu Nhân Đạo, Trần Xuân Hải, Võ Hải, Nguyễn Xảo, Đinh Chiêu..., trong đó có đồng chí Phạm Xuân Hòa - Ủy viên Liên tỉnh 2, Phó Bí thư Tỉnh ủy hy sinh anh dũng vào tháng 4-1957 tại Đức Phổ.

Cuối năm 1956, Khu ủy chủ trương đưa một số bộ phận cán bộ, đảng viên ra hoạt động hợp pháp để tổ chức hệ thống lãnh đạo công khai bên ngoài, kết hợp với hệ thống bất hợp pháp bên trong. Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức nhiều cuộc họp trong tháng 11-1956 bàn việc thực hiện chủ trương trên. Đến tháng 12-1956, ý kiến trong Tỉnh ủy vẫn chưa thống nhất, Tỉnh ủy đề nghị Khu ủy cho khôi phục đấu tranh bạo lực, khôi phục lực lượng vũ trang; chỉ đưa một bộ phận cán bộ ra hoạt động hợp pháp. Khu ủy V tán thành ý kiến tiếp tục đấu tranh bất hợp pháp của Quảng Ngãi. Còn vấn đề bạo lực thì Tỉnh ủy cử người lên Khu bàn thêm.

Sang năm 1957, phong trào đấu tranh ở các huyện miền núi tiếp tục phát triển. Để thuận tiện cho việc chỉ đạo phong trào miền núi, tại Hội nghị tổ chức vào tháng 7-1957, Tỉnh ủy chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính của các huyện. Theo đó, hai xã Sơn Kỳ, Sơn Ba của huyện Sơn Hà sáp nhập với 9 xã phía tây của huyện Ba Tơ, thành lập khu Sáu (đến năm 1965

gọi là huyện Sông Rhe), tách 10 xã khu tây Sơn Hà, thành lập khu Bảy (đến năm 1964 gọi là huyện Sơn Tây). Các xã còn lại của huyện Sơn Hà nằm trong khu Ba (đến năm 1965 gọi là huyện Sơn Hà).

Hội nghị cho rằng, ở miền Nam hiện nay, địch dùng bạo lực phản cách mạng để tiêu diệt lực lượng cách mạng và trong một thời gian ngắn chúng đánh phá phần lớn vùng đồng bằng và sẽ đánh phá miền núi. Nếu ta vẫn theo đường lối hợp pháp một chiều thì tổn thất sẽ ngày một lớn. Do đó, phải dùng bạo lực cách mạng của quần chúng, phải có vũ trang ở chừng mực nào thì đấu tranh chính trị của quần chúng mới mạnh được, mới hạn chế sự đánh phá của địch, mới duy trì được phong trào và chuẩn bị điều kiện giành thắng lợi sau này. Sau Hội nghị, Tỉnh ủy cử hai đồng chí Đinh Mô (Mười) và Đinh Cừ (Thị) lên Khu ủy báo cáo tình hình.

Cũng trong thời gian này, Tỉnh ủy Quảng Ngãi nhận được cuốn sách *Bàn về cách mạng miền Nam* in rônêô từ Nam Bộ gửi ra. Nghiên cứu kỹ những vấn đề về con đường tiến lên của cách mạng miền Nam và căn cứ vào tình hình thực tế của tỉnh từ năm 1954 đến bấy giờ, Tỉnh ủy xác định nhiệm vụ phải ra sức xây dựng thực lực, xây dựng căn cứ địa cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị tiến hành vũ trang khởi nghĩa.

Cuối năm 1957, Tỉnh ủy báo cáo lên Khu ủy, bắt đầu tổ chức từng đội vũ trang công tác ở ba huyện miền núi Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ để đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng cách mạng, diệt ác trừ gian, hạn chế hoạt động của bọn tề ngụy chỉ điểm...

Để đưa phong trào tiến lên, năm 1958 Khu ủy V chủ trương xây dựng căn cứ địa, tích cực khôi phục và phát triển cơ sở, tiến tới diệt ác có trọng điểm ở đồng bằng.

Thực hiện chủ trương của Khu ủy V, tháng 02-1958 tại trung tâm khu căn cứ Di Ngâu (xã Trà Trung, Trà Bồng), Tỉnh ủy họp bàn chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang.

Hội nghị thảo luận gợi ý của Khu ủy và thống nhất đề ra nhiệm vụ cho từng vùng:

- Ở miền núi, đẩy mạnh xây dựng các căn cứ, tổ chức các đội tự vệ thôn, xã, vô hiệu hóa nguy quyền cơ sở. Riêng các thôn, xã vùng cao khi có điều kiện và thời cơ thuận lợi thì xóa bỏ chính quyền địch, xây dựng chính quyền tự quản của nhân dân. Để thuận tiện cho việc chỉ đạo, hội nghị chủ trương lần lượt chia miền núi thành tám khu<sup>1</sup> (từ khu Một đến khu Chín, không có khu Tám).

---

1. Hội nghị Tỉnh ủy quyết định chia miền Tây thành tám khu (tương đương huyện):

- Khu Một, gồm các xã: Trà Xuân, Trà Phú, Trà Bình, Trà Sơn, Trà Thủy, Trà Giang, Trà Đông, do đồng chí Đinh Cừ (Thị) làm Bí thư.

- Khu Hai, gồm các xã: Trà Tân, Trà Bùi, Trà Phong, Trà Lãnh, Trà Nham, Trà Thọ, Trà Xinh, Trà Trung, Trà Tây (đây là trung tâm căn cứ của tỉnh), do đồng chí Đinh Thường làm Bí thư.

- Khu Ba, gồm các xã vùng thấp Sơn Hà, do đồng chí Lê Chí Thống (Nhuệ) làm Bí thư.

- Khu Bốn, gồm các xã của huyện Minh Long hiện nay, do đồng chí Đinh Mum (Cánh) làm Bí thư.

- Khu Năm, gồm các xã phía bắc, trung, nam huyện Ba Tơ, do đồng chí Trương Đình Tu (Bích) làm Bí thư.

- Khu Sáu, gồm các xã tây Ba Tơ và Sơn Ba, Sơn Kỳ, Sơn Thủy của Sơn Hà, do đồng chí Đinh Cây (Lãnh) làm Bí thư.

- Khu Bảy, gồm toàn bộ khu vực đồng bào Cà Dong thuộc Sơn Hà (huyện Sơn Tây hiện nay) cũng do đồng chí Đinh Cây (Lãnh) làm Bí thư, sau một thời gian đồng chí Trương Trí lên thay làm Bí thư.

- Khu Chín, gồm các xã Trà Khê, Trà Thanh, Trà Quân, Trà Hiệp, Trà Lâm, do đồng chí Đinh Văn Trinh làm Bí thư.

Tháng 7-1958, đồng chí Đinh Thơ (Khang) ở miền Bắc về tham gia Tỉnh ủy, được chỉ định phụ trách chung cả ba khu Một, Hai, Chín.

Từ năm 1962 đến năm 1965, các khu này trực thuộc sự chỉ đạo của Đảng bộ 32A, Khu ủy V và vùng Liên Trà (Trà Bồng - Trà My).

- Ở vùng đồng bằng, ra sức xây dựng các tổ chức quần chúng; khôi phục và xây dựng căn cứ lõm và hành lang từ đồng bằng lên căn cứ miền núi, đưa cán bộ người Kinh có kinh nghiệm ở miền núi xuống đồng bằng bổ sung cho phong trào và tổ chức các tổ công tác diệt ác; điều động cán bộ vào các vùng sâu, vùng địch còn kẹp chặt để vận động nhân dân, đẩy mạnh phong trào quần chúng đấu tranh chống địch thông qua các đội vũ trang công tác diệt ác; cùng với việc xây dựng cơ sở quần chúng, cơ sở đảng, các địa phương căn tổ chức các đội vũ trang diệt ác có trọng điểm.

- Phát động đồng bào miền núi đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tự túc và nuôi quân, lập các điểm sản xuất của tỉnh; chuẩn bị lương thực, muối, vải, các phương tiện dùng đủ trong ba năm; chuẩn bị cho quần chúng hai chỗ ở, một nơi ở hợp pháp tại chỗ, một nơi ở sâu trong núi để cất giấu tài sản, coi như khu nhà bí mật; trong khu bí mật tổ chức tốt việc giao thông, liên lạc.

- Chuẩn bị cho được một nơi tương đối ổn định trong một vùng rộng, không có chính quyền địch để đặt căn cứ của Tỉnh ủy; phải chuẩn bị muối, lương thực, giấy, mực... đủ cho ba năm; tại căn cứ trung tâm mở lớp đào tạo cán bộ (từ năm 1957 đến năm 1958 ngoài đào tạo cán bộ chính trị, còn đào tạo cán bộ vũ trang, cán bộ văn hóa, cán bộ y tế); rút thanh niên các huyện lên để chuẩn bị thành lập đơn vị tập trung; lấy vũ khí chiến đấu được chôn khi tập kết để trang bị; tổ chức quần chúng rèn thêm giáo mác làm vũ khí để chiến đấu.

Sau Hội nghị, Tỉnh ủy cử một đoàn cán bộ, do đồng chí Phạm Thanh Biền phụ trách, cùng đồng chí Đình Mô, Tỉnh ủy viên lên Khu ủy báo cáo và xin ý kiến. Đồng chí Trần Lương, Bí thư Khu ủy V và đồng chí Nguyễn Văn Hữu (Bảy Hữu), Chánh văn phòng Khu ủy làm việc với đoàn cán bộ của tỉnh.

Ngày 20-5-1958, tại xã Trà Phú (Trà Bồng), Tỉnh ủy họp để nghe ý kiến của Khu ủy và bàn kế hoạch xây dựng lực lượng vũ trang, bổ sung kế hoạch củng cố căn cứ địa.

Ban Quân sự Tỉnh ủy được thành lập do đồng chí Phạm Thanh Biên - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban<sup>1</sup>.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, khắp nơi trong tỉnh ra sức chuẩn bị lực lượng. Ở đồng bằng, vấn đề quan trọng hàng đầu là xây dựng thực lực, xây dựng cơ sở, truyền đạt chủ trương mới của tỉnh để nhân dân phấn khởi, tin tưởng.

Miền Tây của tỉnh lúc này hình thành ba khu căn cứ lớn:

- 22 xã nối liền nhau ở vùng cao 2 huyện Trà Bồng và Sơn Hà.

- 12 xã tiếp giáp giữa 3 huyện Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ.

- 8 xã ở phía nam huyện Ba Tơ.

Cũng trong thời gian này, đồng chí Nguyễn Đa, một trong những người tham gia chôn giấu vũ khí trước đây được cấp trên cử về cùng với đồng chí Nguyễn Quyết - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum tìm và lấy được 42 khẩu súng trường, 3 khẩu tiểu liên, 3 trung liên, 1 khẩu súng ngắn. Số vũ khí trên được trang bị cho lực lượng vũ trang của tỉnh khi thành lập.

Ở miền núi, ngày 22-6-1958, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị cán bộ toàn miền Tây tại Làng Búp (xã Trà Phong, Trà Bồng) để phổ biến nghị quyết của Hội nghị Tỉnh ủy (ngày 20-5-1958)

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thời gian này gồm các đồng chí: Nguyễn Quang Lâm - Bí thư, Phạm Thanh Biên - Phó Bí thư, Nguyễn Công Say - Ủy viên Ban Thường vụ và các Tỉnh ủy viên: Lê Tấn Tỏa, Nguyễn Phú Soại, Đinh Mô, Lê Huệ, Trần Ruộng (Lãm, Hóa). Đến tháng 6-1959, đồng chí Trần Vỹ được bổ sung vào Tỉnh ủy, các đồng chí Trương Ngọc Khang, Nguyễn Quang Giao được bổ sung làm Tỉnh ủy viên dự khuyết.

về vấn đề chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Với khí thế mới bắt nguồn từ những chuyển biến mau lẹ của phong trào đấu tranh ở cơ sở, 80 cán bộ của 4 huyện miền Tây lộ suối, trèo đèo về dự họp. Sau Hội nghị, lãnh đạo các huyện tích cực triển khai và khẩn trương chuẩn bị mọi mặt cho cuộc khởi nghĩa.

Ngày 07-7-1958, tại Gò Rô (xã Trà Phong, Trà Bông), Tỉnh ủy tổ chức Đại hội đại biểu nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi bàn về việc đoàn kết các dân tộc, chuẩn bị đánh Mỹ - Diệm. Hơn 200 đại biểu đại diện cho các dân tộc Cor, Hrê, Cà Dong, Kinh về dự Đại hội. Đại hội hoàn toàn tán thành chủ trương của Tỉnh ủy và nhất trí quyết nghị:

- Kêu gọi các dân tộc đoàn kết xung quanh Bác Hồ, đồng lòng hợp sức để đánh đổ Mỹ - Diệm. Mọi người tham gia lực lượng vũ trang, luyện tập quân sự, chế tạo vũ khí, sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền.

- Ra sức sản xuất và bố phòng, bảo vệ nương rẫy, chuẩn bị lương thực, muối, vải, đồ dùng đủ trong ba năm.

- Bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ, kêu gọi nhân dân xóa bỏ tập tục mê tín dị đoan, không để ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất và hoạt động cách mạng.

- Kêu gọi những người trong chính quyền địch, binh lính các đồn rút trở về với nhân dân.

Đồng chí Phạm Thanh Biền, Phó Bí thư Tỉnh ủy trao cho Đại hội lá cờ thêu dòng chữ "Suốt đời đi theo Bác Hồ làm cách mạng".

Đại hội Gò Rô là Hội nghị Diên Hồng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, phản ánh đúng tâm tư, nguyện vọng, tình đoàn kết, gắn bó và quyết tâm theo Đảng làm cách mạng của đồng bào các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi.

Sau Đại hội, đồng bào các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi khẩn trương củng cố, xây dựng các căn cứ, tích trữ vật chất,

tìm đào vũ khí, sẵn sàng chờ ý kiến của cấp trên. Cũng trong thời gian này, những cuộc nổi dậy diệt ác trừ gian nổ ra ở nóc Ông Vinh xã Trà Lãnh, nóc Ông Lùn, Ông Chiêm xã Trà Khê. Tháng 12-1958, cuộc nổi dậy tương tự lại nổ ra ở nóc Cự Triều, Ông Đình xã Trà Lãnh. Những cuộc nổi dậy đó chứng tỏ nhân dân không thể cam chịu trước sự đàn áp của địch, sẵn sàng đứng lên chống lại kẻ thù để bảo vệ cuộc sống của mình.

Ở các huyện đồng bằng, như Bình Sơn, Sơn Tịnh, các đội công tác tích cực hoạt động tuyên truyền, kêu gọi quần chúng đấu tranh, trừ khử những tên ác ôn khét tiếng, vận động thanh niên thoát ly lên núi tham gia lực lượng cách mạng.

Tối ngày 11-10-1958, đội công tác huyện Sơn Tịnh tổ chức diệt tên Võ Hoàng (xã Cẩm), Bí thư Đảng Cần lao nhân vị, vừa nhận chức Quận trưởng Ba Tư ngay tại nhà riêng ở Tịnh Hà (Sơn Tịnh). Vụ trừng trị tên Võ Hoàng gây tiếng vang lớn không chỉ trong tỉnh mà còn lan ra khắp miền Nam. Tiếp đó, đội công tác huyện Bình Sơn diệt hai tên ác ôn Phạm Đình Trục (xã Cẩm) ở Bình Chương và Cửu Dực ở Bình Nguyên. Tháng 11-1958, hai tên mật thám chỉ điểm ở Tịnh Giang và Tịnh Thọ cũng bị đội công tác huyện tiêu diệt.

Những hoạt động này làm cho bọn nguy quyền, ác ôn hoang mang, lo sợ, quần chúng vô cùng phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng. Phong trào diệt ác, khôi phục và phát triển các tổ chức quần chúng ở đồng bằng, việc tuyển chọn thanh niên thoát ly lên căn cứ đạt nhiều kết quả.

Các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ khôi phục và phát triển cơ sở quần chúng khá nhanh, tuyển chọn được nhiều thanh niên, lập các đội vũ trang công tác đầu tiên của tỉnh. Huyện Bình Sơn làm trong sạch nội bộ nhân dân ở gần 30 thôn và lập đội vũ trang công tác huyện gồm 9 đội viên vào ngày 19-12-1958. Tiếp đó, các huyện lần lượt thành lập các đội vũ trang tuyên truyền

ở các huyện: huyện Sơn Tịnh có 15 đội viên, huyện Tư Nghĩa có 11 đội viên, huyện Đức Phổ có 9 đội viên, huyện Nghĩa Hành có 7 đội viên và huyện Mộ Đức có 10 đội viên.

Cùng với hoạt động của các đội vũ trang tuyên truyền, phong trào đấu tranh của nhân dân ở nông thôn, đồng bằng, thị trấn, thị xã được phục hồi và phát triển. Qua thời gian chống địch khủng bố, tư tưởng quần chúng bắt đầu ổn định, ý chí đấu tranh kiên quyết hơn. Các khẩu hiệu: Đánh đổ Mỹ - Diệm, đòi công điền, công thổ, chống di dân... trở thành mục tiêu đấu tranh hằng ngày của đông đảo quần chúng. Nhân dân tẩy chay các tổ chức nghiệp đoàn phản động do địch lập ra, phản đối các chính sách kinh tế bịp bợm của địch, như cộng đồng kiến thiết, nông tìn cuộc, hợp tác xã,... và bóc trần sự giả dối của chiêu bài dân sinh, dân chủ, cải cách điền địa, tư sản hóa địa chủ của Mỹ - Diệm.

Ở thị xã, thị trấn, một số công chức, sĩ quan, binh lính bộc lộ thái độ chán ghét chế độ độc tài, phátxít, gia đình trị của họ Ngô. Tầng lớp tiểu thương phản đối thuế khóa, phạt vạ nặng nề của Diệm. Giới Phật tử tố cáo Mỹ - Diệm ngược đãi Phật giáo, nâng đỡ Công giáo<sup>1</sup>.

Đến giữa năm 1958, mặc dù bị địch đánh phá ác liệt, nhưng nhiều tổ chức cơ sở đảng ở Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ vẫn được duy trì.

Huyện Bình Sơn có chi bộ các thôn Phước Bình, Đông Bình, Phước Thuận, Đồng Lớn, Ngọc Trì, Mỹ Tân, Vĩnh An, Nam Bình,

---

1. Chính quyền Diệm - Nhu ngăn cản hoạt động của Phật giáo, khuyến khích, cường bức nhân dân vào đạo Công giáo, tạo điều kiện cho lực lượng tín đồ của Ngô Đình Thục phát triển. Ai vào đạo thì được bố trí việc làm, nông dân được cấp ruộng đất, thóc gạo. Vì vậy, lúc bấy giờ lưu truyền câu ca "Vào đạo có gạo mà ăn" để mỉa mai chủ trương của Diệm - Nhu.



Châu Tử, Phú Lộc, Phú Lễ, Tiên Đào, Tân Phước, Bàu Gâm, Phú Nhiêu, An Thạnh, Liên Trì, Xuân Yên Đông, Xuân Yên Tây và một số xóm ở Trung An.

Huyện Đức Phổ có chi bộ ở các thôn Thanh Sơn, Nga Mân, Xuân Thành, Mỹ Trang (Phổ Cường), Thanh Lâm, Hải Môn và một số xóm ở các xã Phổ Ninh, Phổ Khánh, Phổ An, Phổ Văn, Phổ Thuận và Phổ Thạnh.

Huyện Sơn Tịnh có chi bộ ở Vĩnh Lộc (Tịnh Bình), Khánh Mỹ (Tịnh Trà), Trung Sơn (Tịnh Hòa), Thượng Thọ (Tịnh Thọ) và một số xóm ở các xã Tịnh Bình, Tịnh Minh, Tịnh Thọ. Tỉnh ủy chủ trương xây dựng thị tứ Đồng Ké, Tịnh Giang (nơi có cơ sở đảng vững mạnh) thành bàn đạp nhằm bảo đảm công tác hậu cần, nối liền thông tin liên lạc từ căn cứ miền núi xuống đồng bằng và thị xã Quảng Ngãi.

Tình hình tổ chức đảng ở các huyện Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành gặp nhiều khó khăn do bị tổn thất nặng trong các đợt tố cộng đẫm máu của Mỹ - Diệm, chỉ còn lại một số cơ sở. Huyện Tư Nghĩa chỉ còn cơ sở ở Đá Sơn, Thôn 1, Thôn 4 (Nghĩa Lâm) và một số xóm ở Nghĩa Lâm, Nghĩa Kỳ và Nghĩa Thắng; huyện Nghĩa Hành còn cơ sở Trũng Kè (Hành Tín); huyện Mộ Đức còn một xóm ở Đức Lân. Một số nơi khác do hoạt động bí mật, thông tin liên lạc gặp nhiều khó khăn nên không nắm được tình hình.

Trong các nhà tù, trại giam của địch, các đồng chí đảng viên đã tìm cách liên kết, tổ chức lại để đấu tranh chống chế độ hà khắc của nhà tù Mỹ - Diệm. Tỉnh ủy, các huyện ủy phân công cơ sở bắt liên lạc với các đồng chí trong nhà lao, bí mật chuyển tài liệu vào nhằm phổ biến tình hình, chủ trương của Đảng, động viên các đồng chí nêu cao ý chí, tinh thần đấu tranh cách mạng, giữ vững niềm tin đối với Đảng, với Bác Hồ

kính yêu. Nhiều cuộc đấu tranh chống địch khủng bố, không vào các tổ chức của địch, chống chiến dịch ly khai Đảng, xé cờ Đảng, chào cờ ngụy... của các đảng viên, chiến sĩ cách mạng trong các nhà tù diễn ra liên tục.

Mặc dù bị địch dùng đủ mọi thủ đoạn từ mua chuộc đến tra tấn với những hình thức tàn bạo, độc ác, đa số cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước vẫn giữ vững khí tiết, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, dũng cảm, hiên ngang, bất khuất trước quân thù. Nhiều cán bộ cốt cán lãnh đạo đồng chí, đồng đội liên tục đấu tranh chống chế độ lao tù hà khắc của địch, giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, một lòng thủy chung với cách mạng và nêu gương bảo vệ Đảng, bảo vệ cơ sở cách mạng. Điển hình như các đồng chí Nguyễn Cát, Từ Ty, Tôn Diêm, Huỳnh Tấn Lợi... Nhiều chiến sĩ cách mạng bị bắt ở Quảng Ngãi đày đi Côn Đảo, Phú Quốc và các nhà lao khác như Bà Nà (Đà Nẵng), Lao Bảo (Quảng Trị), Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)... Không ít đồng chí bị địch giam cầm gần 20 năm ở nhiều nhà tù khác nhau, đến khi Hiệp định Pari được ký kết hoặc ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam mới được trở về quê hương.

Nhìn chung, phong trào cách mạng trong tỉnh từ sau Hội nghị Tỉnh ủy tháng 02-1958 đến cuối năm 1958 từng bước được phục hồi và phát triển. Phong trào các huyện miền núi phát triển mạnh. Cơ sở đảng và các tổ chức quần chúng trong tỉnh đều phát triển. Hầu hết các huyện miền núi đều thành lập huyện ủy và chi bộ đảng cơ sở. Nơi nào chưa có tổ chức đảng thì có ban cán sự, tiền thân của chi bộ đảng. Hệ thống tổ chức đảng từ tỉnh xuống cơ sở ở miền núi được thông suốt. Sự phát triển của cách mạng địa phương cùng ánh sáng của Nghị quyết 15 tạo thuận lợi cho Tỉnh ủy lãnh đạo thành công khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

### **3. Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW, vũ trang khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi thắng lợi**

Bước sang năm 1959, phong trào cách mạng toàn miền Nam đứng trước những thử thách mới. Để tiếp tục đánh phá, đối phó với phong trào cách mạng miền Nam, Mỹ - Diệm cho lập tòa án quân sự đặc biệt ở Sài Gòn, Buôn Ma Thuột, Huế để xử tội những người bị chúng tình nghi tham gia kháng chiến.

Ở Quảng Ngãi, Mỹ - Diệm áp dụng các biện pháp đánh phá riêng cho từng vùng: miền Tây là vùng đánh phá trọng điểm, chúng dùng lực lượng quân sự (chủ yếu là Sư đoàn 25 ngụy) kết hợp với lính bảo an, địa phương quân mở những cuộc hành quân, càn quét lớn. Ở vùng tranh chấp (giáp ranh), chúng dùng lực lượng bảo an, dân vệ hoạt động ráo riết ngày đêm, phục bắt cán bộ, đánh phá cơ sở. Ở vùng kiểm soát, địch tăng cường các hình thức kìm kẹp, khống chế nhân dân, thực hiện "tố cộng".

Tại Nhà lao Quảng Ngãi, địch giam giữ 1.300 cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước... Cuối năm 1959, địch bắt những người bị chúng giam giữ học tập về chính sách nhân vị, về giáo lý và chính trị "tố cộng", bắt tham gia các tổ chức phản động. Chúng tổ chức các đoàn tù đi các địa phương để "tố cộng". Thâm độc hơn, ở Mộ Đức, mỗi khi cầu trên quốc lộ bị phá, địch đưa cán bộ, đảng viên ta ra bắn, chặt đầu bêu ở các đầu cầu gần quận lỵ để uy hiếp tinh thần đấu tranh của nhân dân.

Tháng 01-1959, Hội nghị lần thứ 15 (mở rộng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II ra Nghị quyết khẳng định: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân... Con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng

chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"<sup>1</sup>.

Tháng 5-1959, đồng chí Võ Chí Công - Bí thư Khu ủy V truyền đạt Nghị quyết 15 cho cán bộ các tỉnh Khu V tại thôn Pờn Rinh, huyện Hiên, tỉnh Quảng Nam.

Được sự đồng ý của Khu ủy V, ngày 03-3-1959, tại một địa điểm giữa hai thôn Nước Xoay và Cà Nung (xã Trà Thọ, Trà Bồng), đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh được thành lập mang phiên hiệu 339, gồm 33 cán bộ, chiến sĩ (27 người Cor, 6 người Kinh). Đơn vị làm Lễ tuyên thệ dưới cờ Tổ quốc, lời thề quyết tâm chiến đấu để đánh đổ Mỹ - Diệm, giành chính quyền về tay nhân dân. Hôm sau có thêm 10 thanh niên gia nhập đơn vị, nâng tổng số cán bộ, chiến sĩ lên 43 người.

Cuối năm 1958 đầu năm 1959, Trung ương tổ chức đưa nhiều cán bộ, chiến sĩ tập kết từ miền Bắc trở về miền Nam tham gia chiến đấu. Một số cán bộ quân đội và dân, chính, đảng của tỉnh lần lượt trở về quê hương, tham gia kháng chiến.

Tháng 6-1959, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng được tổ chức để học tập, quán triệt và bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết 15. Lúc đầu Hội nghị tổ chức tại Mang Xinh, nhưng vừa khai mạc thì bị địch càn, nên phải dời về nóc Già Làng Con, phía đông nam chân núi Cà Đam, xã Trà Bù. Nghị quyết 15 giúp lãnh đạo tỉnh nhận thức sâu sắc về mối quan hệ, tác động giữa phong trào ở địa phương với toàn quốc, giữa Việt Nam với quốc tế, làm sáng tỏ nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của cách mạng Việt Nam ở miền Nam, cũng như phương pháp cách mạng và sách lược cách mạng của Đảng. Những bản khoản, lo ngại trước đây được giải tỏa.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr. 82.

Về phía địch, Mỹ - Diệm ra sức tuyên truyền, chuẩn bị cho cuộc bầu cử quốc hội bù nhìn. Mục đích của chúng là tổ chức cuộc bầu cử thắng lợi sẽ đánh bật ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản. Tại miền Tây Quảng Ngãi, địch dùng Sư đoàn 22 càn quét, đánh phá ác liệt, bắt nhân dân phải đi bỏ phiếu.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy thống nhất chủ trương phá tan cuộc bầu cử của địch. Ở miền Tây ta kiên quyết tẩy chay cuộc bầu cử; ở đồng bằng thì dùng hoạt động vũ trang để phá bầu cử, tạo cho dân có cơ không đi bỏ phiếu. Riêng vùng cao Sơn Hà, Trà Bồng kiên quyết không cho địch tổ chức bầu cử, nếu bị đàn áp thì phát động quần chúng vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền. Ở vùng cao Minh Long, Ba Tơ thì lãnh đạo nhân dân không đi bỏ phiếu; vùng thấp thì tổ chức diệt ác trừ gian, cài người của ta vào nắm chính quyền cơ sở. Các huyện đồng bằng thì kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang hỗ trợ để phá bầu cử, nếu bị ép buộc đi bỏ phiếu thì nhân dân bỏ phiếu trắng, đồng thời sử dụng các tổ, đội vũ trang đánh vào trụ sở bầu cử, gây rối loạn, tạo cơ để nhân dân tẩy chay bầu cử.

Ngày 19-8-1959, tại thôn Tà Ngôm (xã Sơn Lập, Sơn Hà), Tỉnh ủy thành lập đơn vị vũ trang thứ hai mang phiên hiệu 89 gồm 36 cán bộ và chiến sĩ (đa số là người Hrê và Cà Dong).

Khi cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây nổ ra, Tỉnh ủy chỉ đạo thành lập đơn vị vũ trang thứ ba mang phiên hiệu 299, tại thôn Gội Lát (còn gọi là ngã ba Nước Giáp) thuộc huyện Minh Long, giáp ranh ba huyện Minh Long, Sơn Hà và Ba Tơ, gồm 40 cán bộ, chiến sĩ, trong đó có 2/3 là người dân tộc Hrê, 1/3 là cơ sở, thanh niên đồng bằng thoát ly tham gia cách mạng. Đến cuối năm 1959, tỉnh thành lập đơn vị vũ trang làm nhiệm vụ bảo vệ căn cứ mang phiên hiệu V.9<sup>1</sup>. Ngày 12-12-1959,

---

1. V.9 là đơn vị bảo vệ căn cứ, nay là Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Ngãi.

đơn vị đặc công đầu tiên của tỉnh cũng ra đời, mang phiên hiệu V.12<sup>1</sup>.

Trong lúc ta đang khẩn trương chuẩn bị, ngày 23-8-1959, địch điều quân lên Trà Bồng, vây ráp các xã, cưỡng bức dân đi học về thể lệ bầu cử. Cuộc đụng độ giữa ta và địch diễn ra ở một vài nơi. Tình hình trong huyện biến chuyển mau lẹ và trở nên phức tạp. Đơn vị 339 và các nhóm vũ trang tự vệ được cử đến những nơi xung yếu, hỗ trợ nhân dân đấu tranh.

Trước tình hình đó, ngày 25-8-1959, Thường vụ Tỉnh ủy họp bất thường, chủ trương tìm mọi cách tổ chức cho nhân dân tránh né không đi bầu cử và tránh xô xát với địch, triệt để lợi dụng sơ hở, khó khăn của địch để chuẩn bị đầy đủ hơn cho cuộc khởi nghĩa vũ trang rộng hơn. Nếu địch lấn tới, khủng bố quần chúng, thì kiên quyết lãnh đạo nhân dân cầm vũ khí đánh trả để bảo vệ cán bộ, bảo vệ cơ sở, giữ vững khí thế cho quần chúng. Riêng đối với vùng trung tâm căn cứ (khu Hai) thì không được để cho địch xâm nhập, phải trừng trị chúng ngay khi mới đặt chân tới.

Gần đến ngày bầu cử, nhân dân các xã Trà Thủy, Trà Giang (Trà Bồng) biểu tình chống Diệm. Đồng chí Nguyễn Quang Lâm, Bí thư Tỉnh ủy, cử cán bộ về cơ sở chỉ đạo không được biểu tình, vì ta còn phải chuẩn bị nhiều mặt và cần tránh hành động quá khích, kích động địch phản ứng, sẽ gây khó khăn cho ta. Nhưng khi cán bộ đến nơi thì cuộc khởi nghĩa đã nổ ra. Địch đe dọa bắn chết, đốt nhà những ai không đi bỏ phiếu. Tình hình rất căng thẳng. Nhân dân kiên quyết tấy chay, bỏ nhà chạy vào

---

1. V.12 là đơn vị có cán bộ là đại đội trưởng, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng đặc công từ miền Bắc vào.

rừng bất hợp tác với địch. Chông, thò được cắm các ngã đường. Địch truy bắt và bắn chết một người. Điều đó càng làm cho tinh thần đấu tranh của nhân dân thêm sôi sục.

Ngày 26-8-1959, địch đến xóm Rừng (Trà Lãnh), đồng bào các thôn, nóc bí mật cắm chông nơi đóng quân của địch, rồi phóng lửa đốt. Địch phát hiện, hốt hoảng chạy qua Trà Phong, bị ta đánh, chúng lại chạy về Eo Chim.

Cụ Phó mục Gia<sup>1</sup>, thủ lĩnh của đồng bào Cor, chủ động bàn với cán bộ lãnh đạo dụ địch ra rừng để diệt, tránh thiệt hại cho dân. Ngày 27-8-1959, địch lên Trà Phong, gặp lúc thanh niên trong xã đang đào hầm, địch đánh úp, bắn chết một người và làm bị thương hai người. Tin địch giết người lan rộng khắp huyện Trà Bồng, thổi bùng ngọn lửa căm thù bấy lâu nay đang dồn nén trong lòng nhân dân.

Ngày 28-8-1959, từ mờ sáng, tiếng chiêng công, tiếng trống mõ, tiếng thanh viện, tiếng la hét hòa trong tiếng súng từ các làng nổi lên vang dậy khắp núi rừng Trà Bồng, thúc giục đồng bào xuống đường, vây diệt ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi bùng nổ. Nhân dân và lực lượng thanh niên vũ trang các xã Trà Phong, Trà Lãnh, Trà Quân, Trà Sơn, Trà Nham, Trà Khê đồng loạt nổi dậy, vây diệt bọn cảnh sát ác ôn, uy hiếp tinh thần binh lính địch. Vùng cao Trà Bồng bùng bùng khí thế quật khởi,

---

1. Phó mục Gia (Đình Gia) là một trong những thủ lĩnh lãnh đạo phong trào yêu nước, chống thực dân Pháp của đồng bào Cor. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Phó mục Gia được cử làm Chủ tịch Ủy ban cách mạng huyện Trà Bồng. Sau Hiệp định Giơnevơ, ông ở lại miền Nam tiếp tục hoạt động, tích cực vận động tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi bàn việc đoàn kết chống Mỹ, cứu nước tại Gò Rô. Ông mất năm 1962.

lính địch hốt hoảng trốn vào các thôn, xóm, liền bị ta bao vây, gọi hàng, bắt sống. Những tên ngoan cố phá vây, chạy về Eo Chim và quận lỵ bị các đơn vị vũ trang, các đội du kích với các loại vũ khí tự trang bị như súng, tên, ná, mìn, dây trói tù binh bí mật tiến đánh quân địch tháo chạy và cùng nhân dân cắm chông, cài bẫy, rào đường. Địch ở hai đồn Đá Líp, Tà Lạt khiếp sợ, bỏ cả đồn và hòm phiêu, chạy về quận lỵ. Bộ máy kìm kẹp của địch ở cơ sở bị đập tan. Các thùng phiêu bị phá bỏ.

Chiều ngày 28-8, nhân dân và lực lượng vũ trang truy lùng bọn ác ôn còn lẩn trốn, đập phá các trụ sở nguy quyền. Trước khí thế xung thiên của quần chúng cách mạng, địch bỏ đồn Tầm Rung và Nước Vọt. Toàn huyện Trà Bồng địch chỉ còn đóng ở ba nơi: Eo Chim, Eo Reo, quận lỵ. Ngày 29-8, nhân dân và du kích vây Eo Chim và Eo Reo, phá nguồn nước uống, bắn tên thuốc độc vào đồn. Ngày 30-8, một đại đội địch đến giải vây cho Eo Chim. Đơn vị 339 và các nhóm vũ trang đánh địch, diệt 9 tên, thu 6 súng. Đêm 30 rạng ngày 31-8, lực lượng khởi nghĩa bao vây đốt lửa quanh đồn, đánh chiêng, trống, thổi tù và uy hiếp địch. Đến trưa ngày 31-8, ta chiếm được Eo Chim, Eo Reo. Đồng bào nổi dậy xóa bỏ các hình thức kìm kẹp của địch ở xung quanh quận lỵ. Trước khí thế của cách mạng, tên quận trưởng và quận phó Trà Bồng trốn chạy về tỉnh lỵ Quảng Ngãi. Bộ máy nguy quyền của địch ở Trà Bồng hoàn toàn bị tê liệt. Toàn huyện Trà Bồng được giải phóng. Chính quyền cách mạng ở các xã được thành lập.

Cuộc khởi nghĩa ở Trà Bồng lan nhanh đến các huyện Sơn Hà, gồm cả khu Bảy (Sơn Tây ngày nay), Ba Tơ, Minh Long.

Tại khu Bảy, lính địch ở hai đồn Huy Mãng và Bãi Mầu bắt ép cử tri phải xuống tận quận lỵ Sơn Hà, cách hai ngày



đường đi bộ, để bỏ phiếu bầu cử. Được sự lãnh đạo của Ban cán sự, các xã trưởng (do ta bố trí) cùng nhân dân đấu tranh chống lại, chỉ một số rất ít người ở gần đồn phải đi cho có lệ, còn đại đa số nhân dân ra rẫy, vào rừng không đi bầu cử. Thanh niên các trại bí mật, các tổ du kích cắm chông, gài bẫy khắp nơi và chuẩn bị lực lượng đánh trả địch nếu chúng lùng ráp, khủng bố.

Ngày 30-8-1959, không thấy cử tri các xã vùng cao về quận bỏ phiếu, lại được tin nhân dân Trà Bồng khởi nghĩa, ngụy quyền Sơn Hà điều một đại đội từ quận lỵ lên khu Bảy cùng quân đồn trú tại hai đồn Huy Mãng và Bãi Màu khủng bố, đàn áp nhân dân. Ngày 31-8, địch vừa đến xóm anh Thiết (Sơn Long), thì một số tên bị sa bẫy chông, thò. Số còn lại hốt hoảng chạy tán loạn, càng chạy, chúng càng bị xóc chông, thò nhiều hơn. Địch phải khiêng số lính chết và bị thương kéo chạy về quận lỵ Sơn Hà.

Ban cán sự Đảng khu Bảy nhanh chóng lãnh đạo nhân dân đồng loạt nổi dậy, tuyên bố xóa bỏ ngụy quyền địch, giành quyền làm chủ. Số lính địch ở hai đồn Huy Mãng và Bãi Màu bị quân chúng bao vây, cô lập.

Ban cán sự Đảng khu Bảy phối hợp với Đại đội 89 nhanh chóng triển khai đội hình chuẩn bị chiến đấu chống địch phản kích.

Ngày 05-9-1959, địch từ quận lỵ Sơn Hà kéo lên càn quét, đánh phá khu Bảy. Nhân dân thực hiện vườn không nhà trống, lực lượng vũ trang bố trí lực lượng phục kích trên tất cả các ngã đường, vừa tấn công, vừa kêu gọi địch đầu hàng, cắt đường tiếp tế lương thực. Nhân dân nổi tù và, trống, mõ làm thanh viện uy hiếp địch. Bọn địch ở hai đồn rối loạn, hoảng hốt, bỏ đồn tháo chạy về quận lỵ Sơn Hà. Khu Bảy hoàn toàn giải phóng,

nối liền với căn cứ các huyện miền Tây Quảng Ngãi và phía đông tỉnh Kon Tum.

Ở Minh Long, các xã vùng cao Long Quang, Long An (Thanh An), Long Môn, nhân dân nhanh chóng xóa bỏ ngục quyền và các hình thức kìm kẹp của địch, tổ chức bố phòng, chuẩn bị chống càn. Các ban tự quản thôn, xã được thiết lập. Một vùng đất đai rộng lớn của huyện Minh Long được giải phóng.

Ở khu Ba (huyện Sơn Hà), đại bộ phận đồng bào các xã, thôn đều nổi dậy lật đổ chính quyền địch, lập chính quyền tự quản, làm công tác bố phòng, phát triển chiến tranh du kích chống địch.

Ở Ba Tơ, các xã Ba Lễ, Ba Lục, Ba Bích, Ba Nam và một số xã khu Sáu không có chính quyền địch, nhân dân đứng lên lập chính quyền cách mạng. Các xã Ba Liên, Ba Khâm, Ba Lương, Ba Trang giáp vùng trung châu, nhân dân nổi dậy diệt ác ôn, đốt cơ quan ngục quyền xã, thành lập đội du kích, bố phòng, chuẩn bị đánh địch từ huyện Đức Phổ lên. Ở các xã phía bắc là Ba Điền, Ba Gia, Ba Lãnh, Ba Sơn, Ba Lang, nhân dân nổi dậy diệt ác, xóa bỏ ngục quyền.

Kết hợp giữa đấu tranh chính trị và binh vận, nhân dân làm tan rã các đơn vị dân vệ ở xã, thôn, kêu gọi được một đơn vị người Hrê mang 15 khẩu súng trở về với cách mạng.

Phối hợp với các cuộc nổi dậy mạnh mẽ của đồng bào các dân tộc vùng cao, ở vùng thấp miền Tây, các nhóm "trả đầu", "bảo vệ dân tộc", các đội vũ trang tuyên truyền mở rộng hoạt động diệt ác, trừ gian, phá vỡ một mảng hệ thống kìm kẹp của địch. Ở xã Sơn Thành, Sơn Rin, các đơn vị dân vệ được nhân dân giác ngộ diệt bọn tề xã rồi mang súng theo cách mạng. Chính quyền cách mạng được thành lập ở các xã Sơn Hạ, Sơn Rin, Sơn Thành, Sơn Trung, Sơn Thượng, Sơn Mùng, Sơn Giang.

Trong quá trình khởi nghĩa, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban cán sự miền Tây thay nhau xuống các vùng trực tiếp chỉ đạo phong trào, giải quyết các tình huống phức tạp, đưa cuộc khởi nghĩa đến thắng lợi nhanh chóng và vang dội.

Để giữ vững thành quả của cuộc khởi nghĩa, ngày 06-9-1959, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban cán sự miền Tây họp đánh giá toàn bộ tình hình và chủ trương:

- Đối với Trà Bồng, kiên quyết phát động chiến tranh du kích, giữ vững các xã có điều kiện (cơ sở đảng mạnh, quần chúng giác ngộ, dũng cảm, lãnh đạo quyết tâm, địa thế thuận lợi), đánh bại địch càn quét, xây dựng thành căn cứ địa vững mạnh; phá chủ trương cây lá ngại quyền của địch, kiên quyết trừ khử bọn tay sai ác ôn ngóc đầu dậy; củng cố dân quân du kích, đẩy mạnh sản xuất tự túc; lãnh đạo nhân dân vùng thấp trở lại giữ thế hợp pháp, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh vận, buộc địch để cho dân tự do làm ăn sinh sống và giữ các hình thức tự vệ chống thú rừng, cử người quản lý thôn, xã.

- Đối với Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ, phải nhanh chóng đưa phong trào lên mạnh hơn nữa, trực tiếp hỗ trợ cho Trà Bồng; các vùng cao, nơi nào có đủ điều kiện thì tiếp tục xóa bỏ nguy quyền, lập chính quyền nhân dân tự quản; tăng cường diệt ác, phá tề, tiến công nơi địch sơ hở, phân tán lực lượng địch; riêng khu Băy thì lãnh đạo nhân dân về sống hợp pháp, bằng mọi cách đấu tranh kiên quyết chống địch càn phá, bảo vệ xây dựng căn cứ về mọi mặt như vùng cao Trà Bồng.

- Đối với vùng thấp của bốn huyện miền Tây thì lãnh đạo nhân dân kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự, binh vận phá thế kìm kẹp của địch; xã nào xa đồn địch thì tranh thủ xóa dần nguy quyền, phát triển lực lượng của ta.

- Đối với các huyện đồng bằng thì tuyên truyền thắng lợi của Trà Bồng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị,

công tác binh vận, tranh thủ mọi cơ hội đưa hoạt động quân sự sâu vào vùng địch để hỗ trợ cho Trà Bồng.

Ngày 07-9-1959, Sư đoàn 22 ngụy từ các hướng bắc, đông, nam tiến vào Trà Bồng và khu Bảy nhằm tiêu diệt lực lượng khởi nghĩa. Ý đồ của địch là sẽ hội quân tại xã Trà Phong, phục hồi lại các tổ chức ngụy quyền, ngụy quân, quét sạch cộng sản khỏi miền Tây. Nhưng ngay từ ngày đầu, địch bị nhân dân và các lực lượng vũ trang chặn lại, mãi đến cuối tháng 9 chúng vẫn không tiến lên được, buộc phải rút về chiếm đóng các đồn cũ Eo Chim, Eo Reo, Làng Ngãi, Tà Lạt, Đá Líp. Lực lượng vũ trang, bán vũ trang của ta bám sát địch, tập kích, bắn tỉa. Nhân dân tổ chức cắm chông, gài mìn, rải đá, tên độc làm cho địch càng thêm hốt hoảng, tinh thần chán nản. Kết hợp với đấu tranh vũ trang, các cuộc đấu tranh chính trị của đồng bào liên tiếp nổ ra. Nhân dân kéo vào nơi đóng quân của địch, vào tận quận lỵ đòi cứu đói, cứu đau, đòi địch phải rút quân ra khỏi miền Tây để đồng bào đi làm rẫy, làm nương kiếm sống. Trước sự tiến công liên tục của các lực lượng vũ trang và đấu tranh kiên quyết của nhân dân, địch phải rút khỏi Tà Lạt, Đá Líp. Đến giữa tháng 10 địch rút khỏi Làng Ngãi; cuối tháng 10 thì rút khỏi đồn Eo Chim và Eo Reo. Ta thu hồi toàn bộ vùng đất bị địch lấn chiếm, 40 xã các huyện miền Tây được hoàn toàn giải phóng, tạo thế đứng vững chắc cho cách mạng trên địa bàn rừng núi hiểm trở rộng lớn để phát triển tiến công xuống đồng bằng duyên hải.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng nổ ra, lúc đầu một số đồng chí ở khu và tỉnh còn băn khoăn, muốn có thêm thời gian chuẩn bị để phát động nổi dậy cùng một lúc trên phạm vi rộng hơn. Nhưng thực tế cho thấy, do có sự chuẩn bị từ đầu, có dự tính nhiều tình huống, nên cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi

nổ ra và thắng lợi. Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi trở thành căn cứ địa vững chắc trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở Quảng Ngãi.

Bên cạnh đó là sự ra đời của ba đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh gồm: 339, 89 và 299. Các lực lượng này là nòng cốt bảo vệ thành quả của cuộc khởi nghĩa, là chỗ dựa cho phong trào quần chúng trong tỉnh nói chung và các huyện miền núi nói riêng, chi viện cho chiến trường Liên khu V giai đoạn 1959 - 1960 và trở thành lực lượng chủ lực của quân giải phóng tỉnh Quảng Ngãi.

Đánh giá về ý nghĩa lịch sử và tác động của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, tháng 02-1960, tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, đồng chí Võ Chí Công - Bí thư Khu ủy V kết luận: "Cuộc khởi nghĩa của nhân dân Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là thắng lợi to lớn, sự chỉ đạo trong, trước và sau khởi nghĩa về căn bản là đúng. Cũng như phong trào chung trong toàn tỉnh, Quảng Ngãi đã đi đúng đường lối, nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, dũng cảm phát động quần chúng khởi nghĩa vũ trang và tiếp theo đó đã tiến hành chiến tranh nhân dân và chiến tranh du kích để chống lại kẻ thù hung bạo, đã biết vừa tiến hành đấu tranh vũ trang, vừa giữ thế hợp pháp để tạo điều kiện cho quần chúng đấu tranh chính trị. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng mở đầu trang sử đấu tranh chính trị và vũ trang song song, đó là đỉnh cao nhất của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi trong thời kỳ bấy giờ, nó là thắng lợi đầu lòng và đột xuất, cổ vũ phong trào chung trong tỉnh, trong Khu phát triển mạnh mẽ". "Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng về miền Tây Quảng Ngãi đã nổ ra kịp thời, có chuẩn bị, có lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ, đi đúng đường lối cách mạng thực hiện đúng Nghị quyết 15, đóng góp những

kinh nghiệm quý báu cho việc thực hiện Nghị quyết 15 ở Nam Trung Bộ"<sup>1</sup>.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là cuộc khởi nghĩa vũ trang sớm nhất ở miền Nam (tháng 8-1959). Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa này đã mở ra một vùng căn cứ giải phóng rộng lớn ở miền Tây Quảng Ngãi kéo dài từ Nam Trà My (Quảng Nam) đến Bắc An Lão (Bình Định), góp phần chứng minh sự sáng suốt và đúng đắn của đường lối cách mạng miền Nam do Đảng ta đề xướng. "Đây là cuộc khởi nghĩa lớn nhất, tiêu biểu cho tinh thần quật khởi của nhân dân ta ở miền núi Khu V vào cuối năm 1959. Thắng lợi của khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng miền Nam, là sự mở đầu của thời kỳ đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang nhằm lật đổ ách thống trị tàn bạo của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, vì mục tiêu độc lập cho dân tộc và thống nhất cho Tổ quốc. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi góp phần thúc đẩy cao trào khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận của nhân dân miền Nam trong những năm 1959 - 1960"<sup>2</sup>.

Phát huy thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngày

---

1. Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, *Sđd*, tr. 267-268. Tháng 4-1960, Ban Thường vụ Liên khu ủy V tổ chức hội nghị mở rộng, thời gian kéo dài một tháng, có bí thư các tỉnh về dự. Sau khi phân tích, thảo luận sôi nổi, Hội nghị đã thống nhất đánh giá cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi là đúng với đường lối, chủ trương của Đảng và có ý nghĩa quan trọng trong phát triển phong trào cách mạng toàn Liên khu.

2. Kết luận tại Hội thảo khoa học "Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi - Sự kiện và ý nghĩa", do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với Viện Sử học tổ chức ngày 25 và 26-8-2004.

09-9-1959 Ủy ban nhân dân tự quản khu Bảy được thành lập. Đây là chính quyền cách mạng cấp huyện đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Cùng với thắng lợi này, phong trào cách mạng ở đồng bằng có bước phát triển mới. Đồng bào các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ liên tiếp đấu tranh chống địch khủng bố, chống địch thu hồi công điền, cướp đoạt ruộng đất của nông dân. Nhân dân thị xã, tiểu thương, tiểu chủ, công chức, học sinh các trường Bồ Đề, Trần Quốc Tuấn, phu quân vác... phản đối chế độ bắt công, thuế má nặng nề, chống bắt lính đôn quân của Mỹ - Diệm. Tháng 10-1959, đội vũ trang công tác Bình Sơn đột nhập vào đồn dân vệ Vĩnh An (Bình Thạnh) thu 4 súng, đánh địch ở chợ Cửa, Bình Thạnh, rải truyền đơn tuyên truyền về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi.

Trong nhà lao Quảng Ngãi, chi bộ đảng được hình thành để động viên, giáo dục đồng chí, đồng bào bị địch giam giữ, giữ vững ý chí chiến đấu, niềm tin vào Đảng, vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng nhất định sẽ thắng lợi, đồng thời răn đe những phần tử xấu, cảm hóa một số người có tư tưởng lung chùng và lãnh đạo cuộc đấu tranh với địch đòi quyền dân sinh, dân chủ. Nhân cơ hội địch đưa tù nhân về các huyện tổ chức "tổ cộng", một số đảng viên, cơ sở cách mạng tìm cách trốn thoát, tiếp tục hoạt động cách mạng. Sau khi sự việc xảy ra, địch ráo riết truy lùng chi bộ đảng ở nhà lao, bắt những người chúng nghi là lãnh đạo đưa về Ty Công an tra tấn cực kỳ dã man.

Thời kỳ 1954 - 1959 là bước ngoặt lớn của phong trào cách mạng trong tỉnh. Vượt qua muôn vàn khó khăn và tổn thất, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi kiên trì đấu tranh đòi

địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, chống "tố cộng", "diệt cộng", duy trì lực lượng, tiến lên khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, mở ra một thời kỳ mới cho phong trào cách mạng trong tỉnh, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng của khu V và toàn miền.

Thực tiễn đấu tranh trong những năm 1954 - 1959 cho thấy: Khi cách mạng đã chuyển giai đoạn mới thì việc nhận thức và đánh giá đúng tình hình là điều có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, phải nhận rõ bản chất hiểm độc, tàn bạo của chủ nghĩa thực dân mới và kịp thời phát hiện những âm mưu, thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt của chúng, từ đó đề ra phương pháp đấu tranh thích hợp nhằm tập hợp quần chúng đấu tranh làm thất bại âm mưu đánh phá của địch. Trong hai năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, do nhận thức chưa đầy đủ về việc bảo tồn lực lượng, sự cần thiết phải đấu tranh lâu dài, về chống các hành động phiêu lưu, mạo hiểm, Tỉnh ủy chủ trương không sử dụng vũ trang để đấu tranh chống địch, nên phong trào cách mạng của tỉnh bị động, lúng túng. Do đó, nhiệm vụ đặt ra là phải luôn giữ vững sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với phong trào, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với quần chúng; thấu suốt và kiên trì quan điểm bạo lực cách mạng, nỗ lực tìm tòi, thử nghiệm những phương châm, phương thức hoạt động, đấu tranh của tổ chức đảng và quần chúng phù hợp với tình hình mới. Luôn luôn kiên định, phát huy quan điểm cách mạng tiến công, tiến công kẻ thù và tiến công khó khăn, tiến công tư tưởng hữu khuynh trong Đảng và trong quần chúng. Đảng bộ nhận thức đúng vai trò chiến lược của các huyện miền núi nên sớm có kế hoạch vận động tổ chức đồng bào các dân tộc miền núi xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, phát triển sản xuất, làm cho miền núi trở thành căn cứ địa vững chắc của



phong trào cách mạng trong tỉnh, làm nên khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, chuyển phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi lên bước phát triển mới.

## II- PHÁT ĐỘNG NHÂN DÂN NỔI DẬY VÀ TẤN CÔNG TRÊN BA VÙNG CHIẾN LƯỢC, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1960 - 1965)

### 1. Giữ vững căn cứ ở miền núi, nổi dậy ở đồng bằng

Sau cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, cùng với thắng lợi của phong trào đồng khởi của nhân dân miền Nam, cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công, đẩy chính quyền Ngô Đình Diệm đến chỗ khủng hoảng nghiêm trọng. Chính sách "viện trợ" và "cố vấn" để xây dựng chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam thất bại, buộc đế quốc Mỹ phải chuyển sang chiến lược chiến tranh đặc biệt hòng "bình định" miền Nam trong vòng 18 tháng.

Mỹ tiến hành chiến tranh đặc biệt trong bối cảnh ở miền Nam "thời kỳ tạm ổn định của chế độ Mỹ - Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp, suy sụp nghiêm trọng đã bắt đầu... Hình thái du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần đã xuất hiện,... mở ra một cao trào cách mạng và ngày càng phát triển mạnh mẽ"<sup>1</sup>.

Ở Quảng Ngãi, sau kết quả đạt được ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, phong trào cách mạng chuyển sang một giai đoạn mới có lợi cho cách mạng.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.22, tr. 685-686.

Đối với địch, sau thất bại liên tiếp, Mỹ - Diệm áp dụng mọi biện pháp quyết liệt nhất, tàn bạo nhất nhằm chống phá phong trào cách mạng trong tỉnh, thiết lập lại ách kìm kẹp của chúng. Cách mạng lại đứng trước những thử thách mới.

Để bảo vệ thành quả cách mạng và đưa phong trào đấu tranh phát triển, từ ngày 20 đến ngày 28-02-1960, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ V được tổ chức tại Di Ngâu (xã Trà Trung, Trà Bồng). Tham dự Đại hội có hơn 70 đại biểu (có 6 nữ đại biểu người dân tộc thiểu số, 2 nữ đại biểu người Kinh), thay mặt cho 2.766 đảng viên toàn tỉnh. Đồng chí Võ Chí Công (Võ Toàn) - Bí thư Khu ủy V về dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội kiểm điểm, đánh giá phong trào cách mạng và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ từ năm 1954 đến đầu năm 1960. Đại hội dành nhiều thời gian để đánh giá cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Đại hội nhất trí đánh giá sự chỉ đạo của Đảng bộ trong quá trình chuẩn bị, tiến hành khởi nghĩa và sau khởi nghĩa về cơ bản là đúng. Đại hội khẳng định, Đảng bộ Quảng Ngãi đã đi đúng đường lối của Trung ương, nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, phát động quần chúng khởi nghĩa vũ trang và tiếp đó tiến hành chiến tranh du kích để chống lại kẻ thù. Đại hội biểu dương một số đơn vị, địa phương có thành tích xuất sắc về duy trì, phát triển lực lượng cách mạng như huyện Đức Phổ, thị tứ Đồng Ké, Tịnh Giang (Sơn Tịnh)...

Đại hội đề ra nhiệm vụ trước mắt cho toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh là khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh hoạt động du kích, vũ trang tuyên truyền, thọc sâu vào lòng địch, diệt ác ôn, phá lỏng thể kìm kẹp ở bên dưới, phá khu tập trung dân, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy giành lại nông thôn.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 15 đồng chí (12 ủy viên chính thức, 3 ủy viên dự khuyết), trong đó có 4 đồng chí người dân tộc thiểu số. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 5 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Quang Lâm (Tám Tú) được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Phạm Thanh Biên được bầu làm Phó Bí thư.

Sau Đại hội, các đảng bộ cơ sở có bước phát triển mới. Ở miền núi, 20 xã ở huyện Trà Bồng và 10 xã ở khu Bảy đều có chi bộ xã. Hầu hết các xã thuộc huyện Minh Long, Sơn Hà, Ba Tơ đều có chi bộ, trừ một số xã chưa có như Sơn Cao, Sơn Giang, Sơn Đông, Sơn Linh (Sơn Hà); Long Hiệp, Long Mai, Long Xuân, Long Môn (Minh Long); Ba Dinh, Ba Chi, Ba Dung, Ba Đình, Ba Vi, Ba Liên (Ba Tơ) và 3 xã người Kinh ở Trà Bồng. Ở đồng bằng, huyện Bình Sơn có 16 chi bộ thôn, Sơn Tịnh: 14, Tư Nghĩa: 3, Nghĩa Hành: 2, Mộ Đức: 1, Đức Phổ: 18. Ngoài ra, tất cả các huyện đều có một số thôn lập được ban cán sự (tiền thân của chi bộ). Ở tỉnh có 6 chi bộ lực lượng vũ trang (339, 89, 299, V.9, V.12, cơ quan Quân sự tỉnh), 2 chi bộ thuộc Văn phòng Tỉnh ủy và Ban Kinh tài tỉnh.

Nhìn chung, hệ thống tổ chức đảng được thông suốt từ tỉnh xuống cơ sở. Phong trào cách mạng trong tỉnh có bước phát triển mới ở cả miền núi và đồng bằng. Sau Đại hội, do có nghị quyết đấu tranh rõ ràng nên cán bộ, quần chúng phấn khởi, tự tin hơn trước.

Về phía địch, chúng tập trung lực lượng, mở nhiều cuộc càn quét đánh vào vùng căn cứ Trà Bồng, vùng cao Sơn Hà nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang và các cơ sở cách mạng. Trong ba tháng đầu năm 1960, địch mở 52 cuộc càn quét có quy mô từ một đại đội đến hai trung đoàn. Đi đến đâu địch cũng cướp bóc, đốt phá nhà cửa, phá hoại hoa màu của nhân dân. Nhiều thôn, xóm ở vùng cao Trà Bồng và một số nơi ở Sơn Hà bị đốt trụi. Cùng

với càn quét, đánh phá, địch còn bao vây kinh tế, cấm nhân dân đi lại buôn bán, giao lưu giữa vùng thấp với vùng cao. Nạn đói, bệnh tật ngày càng lan rộng ở vùng căn cứ. Phong trào cách mạng trong tỉnh đứng trước thử thách nghiêm trọng.

Để đối phó với những hành động dã man của kẻ thù, nhân dân Quảng Ngãi, nhất là ở vùng cao các huyện miền Tây, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, vẫn bền gan chiến đấu. Cán bộ, đảng viên đều quán triệt và ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển thực lực cách mạng, tạo điều kiện để giành lại nông thôn đồng bằng, bảo vệ vững chắc căn cứ địa miền núi. Cán bộ, đảng viên được bố trí về cơ sở, bám dân để hoạt động, xây dựng các tổ chức quần chúng, tranh thủ các nghiệp đoàn lao động ở thị trấn, thị xã do địch lập ra; vận động đồng bào Công giáo, Phật giáo, lôi kéo một số hào mục, địa chủ, hội tề trong làng ủng hộ cách mạng, tranh thủ các đảng phái, giáo chức, binh lính bất mãn chống Mỹ - Diệm, chống lại chế độ gia đình trị Diệm - Nhu.

Nhờ có phương pháp đấu tranh khéo léo, phù hợp, đến cuối năm 1960, phong trào quần chúng ở đồng bằng, thị xã và thị trấn có những chuyển biến đáng kể. Một số cơ sở đảng đấu tranh hợp pháp được xây dựng ở thị xã Quảng Ngãi, Sơn Tịnh, Bình Sơn, Tư Nghĩa... Những kết quả đó hạn chế tội ác của địch trong các đợt tổ cộng, bảo vệ cán bộ, bảo vệ Đảng, củng cố lòng tin của quần chúng đối với cách mạng. Cơ sở cách mạng trong tầng lớp trí thức, học sinh, thương gia, tôn giáo, binh lính, nhân viên ngục quyền có sự phát triển.

Để đưa phong trào cách mạng trong tỉnh tiếp tục phát triển, tháng 6-1960, Hội nghị Tỉnh ủy được tổ chức tại Nước Xoay, Trà Thọ (Trà Bồng). Đồng chí Trương Chí Cương (Tu Cương), Phó Bí thư Khu ủy tham dự và chỉ đạo Hội nghị. Hội nghị kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội V (tháng 02-1960), bàn kế

hoạch sáu tháng cuối năm, bổ sung đồng chí Trương Ngọc Khang (Đình Khang) là Tỉnh ủy viên chính thức.

Trong thời gian này, các huyện miền núi liên tiếp chiến đấu đẩy lùi hàng chục cuộc càn quét của địch ở vùng cao. Phong trào diệt ác, phá kìm ở các vùng thấp, các khu đồn dân được đẩy mạnh, kết hợp với việc đánh phá giao thông (đường số 5, Giá Vụt - Di Lăng, Sơn Hà)... gây cho địch nhiều thiệt hại.

Ở các huyện đồng bằng Mộ Đức, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Bình Sơn, Sơn Tịnh, công tác vũ trang tuyên truyền được đẩy mạnh, thu hút nhiều thanh niên tham gia lực lượng vũ trang. Các đại đội độc lập 607 (tháng 7-1960), 608 (tháng 8-1960), 609 (tháng 9-1960) được thành lập, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ.

Thực hiện chủ trương của Khu ủy về giải phóng miền núi, mở rộng căn cứ địa cách mạng, đêm 16 rạng ngày 17-10-1960, Tỉnh ủy phát động quân và dân trong tỉnh mở nhiều cuộc tiến công địch ở tất cả các huyện miền núi, một số nơi ở đồng bằng (tây Sơn Tịnh, tây Đức Phổ, Bình Sơn).

Ở Trà Bồng, lực lượng vũ trang được lực lượng quần chúng hỗ trợ (nhất là phụ nữ, phụ lão) tấn công và làm chủ nhiều giờ ở quận lỵ, phá tan hội đồng ngục quyền ở xã Trà Phú, bức rút các đồn và các khu tập trung dân ở Đá Líp, Tà Lạt, Eo Reo, giải phóng 16 xã vùng cao. Lực lượng vũ trang tỉnh tiến công các đồn Hà Thành (Sơn Hà), Long Xuân (Minh Long), Bến Buôn (Ba Tơ).

Đến cuối năm 1960, vùng giải phóng được mở rộng với 52 xã ở miền Tây Quảng Ngãi (Trà Bồng: 19 xã, Sơn Hà: 16 xã, Ba Tơ: 13 xã và Minh Long: 4 xã). Như vậy, trong năm 1960, vùng căn cứ ở các huyện miền núi được mở rộng và củng cố. Phong trào tiến công địch ở vùng thấp, vùng giáp ranh được mở rộng, thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng

và hoạt động của các đội vũ trang công tác ở đồng bằng. Uy tín của cách mạng, của Đảng ngày càng được nâng cao.

Tháng 5-1960, Liên khu ủy V ra chỉ thị công tác xây dựng Đảng, xác định: "Công tác Đảng là khâu trung tâm có tính chất quyết định trong toàn bộ nhiệm vụ công tác của Đảng bộ và phong trào cách mạng của Liên khu. Trong công tác xây dựng Đảng phải lấy việc xây dựng tư tưởng làm chủ yếu..."<sup>1</sup>.

Tháng 11-1960, Tỉnh ủy họp, kiểm điểm hoạt động từ sau Hội nghị tháng 6-1960, điều động cán bộ, phát động vũ trang khởi nghĩa ở đồng bằng. Dự hội nghị Tỉnh ủy có đồng chí Nguyễn Xuân Nhĩ (Công, Tâm) - Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy V.

Hội nghị cử đồng chí Phạm Thanh Biên làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Nguyễn Quang Lâm<sup>2</sup>. Đồng chí Nguyễn Hữu Nghĩa, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Phó Bí thư. Trong Ban Thường vụ còn có các đồng chí Lê Tấn Tỏa, Võ Phấn, Lê Chí Thống, Nguyễn Phú Soại. Hội nghị quyết định thành lập các Ban Kinh tài, Tuyên huấn, Giao bưu, Dân vận. Tổ chức đảng trong tỉnh được củng cố. Sau hội nghị, một số đồng chí Tỉnh ủy viên được phân công tác mới<sup>3</sup>.

Về phía địch, lo sợ trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng miền Nam, đặc biệt là sự ra đời của Mặt trận Dân tộc

---

1. Đảng bộ Quân khu V: *Lịch sử Đảng bộ Quân khu V (1946 - 2010), tập 2: Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Sđd, tr. 65.

2. Đồng chí Nguyễn Quang Lâm ra miền Bắc chữa bệnh từ giữa tháng 10-1959, đến tháng 11-1960 về Khu ủy V, được Thường vụ Khu ủy V điều động làm Phó Ban Kinh tài Khu V.

3. Đồng chí Huỳnh Phước - nguyên Bí thư huyện Nghĩa Hành từ năm 1957 đến năm 1960 về làm Bí thư huyện Mộ Đức; đồng chí Nguyễn Quang Giao - nguyên Phó Bí thư Huyện ủy Ba Tơ, Phó Ban Kinh tài tỉnh về phụ trách huyện Nghĩa Hành thay đồng chí Huỳnh Phước.

giải phóng miền Nam Việt Nam (ngày 20-12-1960), cuối tháng 01-1961, đế quốc Mỹ thông qua chương trình chống nổi dậy ở miền Nam, quyết tâm trong vòng 18 tháng lập 17.000 ấp chiến lược, hòng gom hết dân nông thôn vào ấp, tách cách mạng ra khỏi dân để chúng dễ bề tiêu diệt.

Tháng 4-1961, Mỹ - Diệm chia miền Nam thành ba vùng chiến thuật, Vùng 1 chiến thuật từ vĩ tuyến 17 đến hết tỉnh Quảng Ngãi; xây dựng tỉnh Quảng Ngãi thành đặc khu quân sự trực thuộc Bộ Tổng tham mưu quân ngụy Sài Gòn. Địch thi hành chế độ quân quản, sử dụng Sư đoàn 25 chủ lực ngụy (gồm 3 trung đoàn bộ binh và 1 trung đoàn cơ giới), cùng bọn địa phương quân, bảo an dân vệ, công dân vụ làm lực lượng chủ yếu để bình định, đánh phá phong trào cách mạng. Chúng xây dựng nhiều cứ điểm án ngữ vùng giáp ranh, lập các cụm cứ điểm, như Gò Cao, Gò Su, Cộng hòa, Hải Giá, số 7, Tà Ma. Nhiều đường giao thông được xây dựng, như đường Ba Tơ đi An Lão, Trà Bồng đi Di Lăng - Mang Bút... để thuận lợi cho việc đánh phá miền núi. Ngụy quyền chia nông thôn Quảng Ngãi thành ba vùng, áp dụng những biện pháp khác nhau để đánh phá.

Ở vùng căn cứ miền núi, địch tiến hành càn quét liên miên, đốt sạch, phá sạch và giết sạch kết hợp với bao vây, phá hoại kinh tế, chia rẽ đồng bào Kinh với đồng bào dân tộc thiểu số, cô lập cách mạng với quần chúng.

Ở vùng tranh chấp, địch mở các cuộc càn quét, khủng bố, kết hợp chiêu an, chiêu hồi.

Ở vùng địch kiểm soát, chúng dùng biện pháp hành chính kìm kẹp với "tố cộng", "diệt cộng", đồng thời tập trung mọi cố gắng, dùng những thủ đoạn tàn bạo để gom dân lập ấp chiến lược; ra sức xây dựng lực lượng bảo an, dân vệ, biệt kích, thanh niên

cộng hòa, thanh niên chiến đấu, phụ nữ liên đới để quân sự hóa phụ nữ.

Tỉnh Quảng Ngãi là một trong những trọng điểm xây dựng ấp chiến lược của Mỹ - Diệm. Ngày 20-7 (âm lịch) năm 1961, đích thân Ngô Đình Nhu, cố vấn của Ngô Đình Diệm đến Quảng Ngãi, trực tiếp chỉ đạo xây dựng ấp chiến lược "kiểu mẫu" ở thôn Kim Sa, xã Tịnh Thọ (Sơn Tịnh). Ấp chiến lược Kim Sa là một trong hai ấp chiến lược thí điểm, kiên cố theo kiểu "hai sông, ba núi"<sup>1</sup> điển hình của toàn miền Nam. Chúng cường bức hơn 10.000 người dân các xã của huyện Sơn Tịnh lao động liên tục, không kể ngày đêm phải hoàn thành việc xây dựng ấp chiến lược Kim Sa trong vòng 7 ngày.

Ngoài ấp chiến lược, mỗi xã đều phải có các mật khu (khu giam) để giam giữ những người bị tình nghi, có liên quan tới cách mạng. Chúng nghiêm cấm nhân dân tụ tập; cấm nhân dân đi lại làm ăn; kiểm soát gắt gao các vùng giáp ranh, nhất là các trục đường giao thông như Thạch Trụ (Mộ Đức) đi Ba Tơ, Đồng Ké (Sơn Tịnh) đi Sơn Hà...; cấm các lò rèn bán sản phẩm cho miền núi. Chúng tìm mọi cách làm cho nông dân ngày càng nghèo khổ, buộc họ phải đi dinh điền hoặc vào các ấp chiến lược, hòng tách dân ra khỏi phong trào cách mạng.

Ở nông thôn đồng bằng, địch buộc nông dân phải ký khế ước lĩnh canh của địa chủ. Chúng quy định gia đình nông dân

---

1. Ấp chiến lược "hai sông, ba núi" gồm: hai tuyến giao thông hào song song, chiều sâu 4 m, đáy rộng 3 m, tuyến hào này cách tuyến hào kia 4,5 m, với 3 tuyến bờ rào tre, cọc tre, cọc sắt dựng sát nhau, buộc bằng dây thép, cùng 3 hàng rào dây kẽm gai bùng nhùng. Dưới đáy giao thông hào có cắm chông tre dài 2,5 m đầu nhọn, dày đặc. Mỗi ấp chỉ có 1 hoặc 2 cổng ra vào có lính canh gác thường xuyên để kiểm soát mọi sinh hoạt, đi lại của nhân dân.



nào có dưới 3 sào ruộng mà không lĩnh canh của địa chủ thì phải đi dinh điền hoặc vào các ấp chiến lược. Với thủ đoạn trên, đến cuối năm 1961, địch lập được 216 ấp chiến lược và dồn 513.280 dân, chiếm 64% dân số toàn tỉnh (chủ yếu ở đồng bằng) vào ấp chiến lược.

Do địch tăng cường kìm kẹp, gom dân lập ấp chiến lược, cô lập đồng bằng với miền núi nên việc tiếp tế lương thực, thuốc men... của ta gặp nhiều khó khăn. Ở nhiều vùng miền núi, cán bộ, nhân dân bị đói, thiếu muối nghiêm trọng... Trong khó khăn, gian khổ, cán bộ, nhân dân trong tỉnh luôn luôn phấn đấu, giữ vững niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Đầu năm 1961, Khu ủy V chủ trương mở đợt phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa, giành quyền làm chủ ở nông thôn đồng bằng, lập Ban cán sự với mật danh 32A do đồng chí Nguyễn Văn Ứng làm Bí thư<sup>1</sup>, lấy các huyện Tam Kỳ, Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam; Bình Sơn, Sơn Tịnh, Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi để chỉ đạo thí điểm và rút kinh nghiệm.

Tháng 3-1961, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị tại Nước Xoay (xã Trà Thọ, Trà Bồng). Đồng chí Tư Thuận, Phó Bí thư Khu ủy V dự Hội nghị. Hội nghị học tập Nghị quyết của Khu ủy (tháng 02-1961) về việc tiếp tục đẩy mạnh củng cố, xây dựng miền núi thành căn cứ địa cách mạng, giành lại nông thôn đồng bằng,

---

1. Ủy viên Ban cán sự 32A gồm các đồng chí: Vũ Trọng Hoàng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam; Trần Động (Văn, Vỹ) - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi và các đồng chí Đỗ Thế Cháp - Bí thư Huyện ủy Tam Kỳ; Hồ Truyền - Bí thư Huyện ủy Tiên Phước; Đỗ Ngọc Hoa (Chín Hoa) - Bí thư Huyện ủy Bình Sơn và Phạm Phú Lâm - Bí thư Huyện ủy Sơn Tịnh. Khi đồng chí Nguyễn Văn Ứng nhận nhiệm vụ tại Trung ương Cục miền Nam, đồng chí Nguyễn Văn Hữu được Khu ủy phân công làm Bí thư Ban cán sự.

tiêu diệt sinh lực địch và thực hiện phương châm đấu tranh mà Khu ủy đề ra cho từng vùng là "miền núi đấu tranh vũ trang là chủ yếu, vùng đồng bằng đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang có thể ngang nhau, vùng đô thị đấu tranh chính trị là chủ yếu"<sup>1</sup>. Hội nghị bàn chương trình công tác 6 tháng cuối năm 1961 và phát động toàn Đảng, toàn dân nổi dậy phá áp chiến lược, diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ.

Hội nghị phân công đồng chí Nguyễn Phú Soại phụ trách Ban Quân sự tỉnh (thay đồng chí Lê Tấn Tòa) và bổ sung các đồng chí từ miền Bắc trở về, như đồng chí Trần Lãm (Ruộng, Hóa) vào Ban Thường vụ, đồng chí Phan Phong (Lanh), Đinh Mô (Mười) vào Tỉnh ủy.

Chiến tranh ngày càng mở rộng, nhiệm vụ vừa chiến đấu, vừa xây dựng đòi hỏi phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy chặt chẽ và kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Tháng 5-1961, Bộ Chính trị quyết định tổ chức chiến trường Liên khu V thành hai khu và thành lập Quân khu V, Quân khu VI.

Tháng 6-1961, Tỉnh ủy họp tại Nà Niêu (xã Trà Phong, Trà Bồng). Đồng chí Nguyễn Hồng Châu (Năm Phở) - Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy về dự. Hội nghị bàn việc mở rộng vùng giải phóng ở đồng bằng, học tập kinh nghiệm "hai chân, ba mũi" của Nam Bộ. Tháng 9-1961, Hội nghị Tỉnh ủy chủ trương đưa các đại đội 607, 608, 609 phối hợp với lực lượng của khu xuống đồng bằng, mở rộng vùng tây nam Nghĩa Hành (từ Hành Tín đến Hành Thiện). Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban cán sự hoạt động Nam Quảng Ngãi<sup>2</sup> trực tiếp theo dõi phong trào đồng khởi

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 184.

2. Ban cán sự gồm 10 đồng chí: 1 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, 2 đồng chí Tỉnh ủy viên, 7 đồng chí Bí thư Huyện ủy các huyện trên.

mở rộng vùng giải phóng ở đồng bằng, củng cố, xây dựng vùng miền núi của các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ và các huyện Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ, do đồng chí Lê Chí Thống (Nhuệ) - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Bí thư Ban cán sự.

Thực hiện chủ trương của các hội nghị, Tỉnh ủy phát động chiến dịch phá ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng đồng bằng. Các đơn vị vũ trang của tỉnh tiến xuống đồng bằng. Đại đội 609 hoạt động ở Đức Phổ, Đại đội 608 hoạt động ở Tư Nghĩa, Đại đội 607 hoạt động ở Bình Sơn. Các đơn vị vũ trang tỉnh phối hợp với các đội vũ trang tuyên truyền của các huyện tấn công diệt ác, phá kìm, hỗ trợ quần chúng nổi dậy giải phóng hàng chục thôn giáp ranh ở Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Đức Phổ và một số xã phía đông quốc lộ 1, tạo thành các vùng giải phóng ở đồng bằng, áp sát vùng địch chiếm đóng.

Ở vùng núi, các đơn vị vũ trang 339, 79, 299... tiến công địch, buộc chúng rút từ Sơn Hà xuống Đồng Ké, trong thời gian ba, bốn tháng, giải phóng hoàn toàn quận lỵ Sơn Hà và các xã vùng ven đường số 5 (Ba Tơ), hình thành một vùng căn cứ liên hoàn gồm 60 xã, từ Trà Bồng, Sơn Hà đến Ba Tơ. Lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp với chủ lực Quân khu V tập kích tiêu diệt địch ở hai đồn Tà Ma (Sơn Hà), tháng 5-1961 và Giá Vụt (Ba Tơ), tháng 7-1961; chặn đánh 1 tiểu đoàn địch trên đường từ Trà Nô đi Giá Vụt, diệt tên Hà Quốc Ân, Tỉnh phó phụ trách nội an, bẻ gãy cuộc càn quét của địch lên căn cứ (tháng 11-1961).

Tháng 11-1961, 60 đại biểu đại diện cho các tầng lớp nhân dân trong tỉnh về dự Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh. Đại hội bầu Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh gồm 13 thành viên, trong đó có 3 đồng chí đại diện cho đồng bào các

dân tộc thiểu số. Đồng chí Trần Lãm (Ruộng, Hóa) được bầu làm Chủ tịch<sup>1</sup>. Đại hội kêu gọi đồng bào trong tỉnh không phân biệt dân tộc, đảng phái, tôn giáo... cùng nhau đoàn kết đánh đổ Mỹ - Diệm. Sau đó, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng các huyện lần lượt được thành lập.

Tháng 12-1961, Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng được tổ chức, đồng chí Tâm - Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy về dự. Hội nghị kiểm điểm và rút kinh nghiệm tình hình hoạt động trong năm qua, cụ thể hóa một bước việc tổ chức tiến công và nổi dậy ở đồng bằng, kết hợp chặt chẽ phương châm tấn công "hai chân, ba mũi" giáp công, kiên quyết giành lại nông thôn đồng bằng. Với chủ trương trên, Quảng Ngãi là tỉnh đầu tiên của khu V thực hiện việc tiến xuống đồng bằng, dẫn tới cuộc đồng khởi ở đồng bằng Quảng Ngãi lần thứ nhất (từ cuối năm 1961 đến hết năm 1962).

Sau Hội nghị, Ban Thường vụ Khu ủy điều động đồng chí Phạm Thanh Biền về làm Phó Ban Kinh tài. Từ tháng 01-1962, đồng chí Nguyễn Hữu Nghĩa được cử làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Phú Soại làm Phó Bí thư<sup>2</sup>.

Để kịp thời chỉ đạo phong trào cách mạng ở khu đông hai huyện Bình Sơn và Sơn Tịnh, cuối năm 1961, Tỉnh ủy quyết định tách một số xã khu đông huyện Bình Sơn và khu đông huyện

---

1. Đến đầu năm 1965, đồng chí Trần Lãm được ra miền Bắc chữa bệnh. Cuối tháng 4-1965, đồng chí Phạm Thanh Biền về làm Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh. Từ tháng 10-1968, đồng chí Biền được bầu kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh, đồng chí Trần Đức Oanh được phân công làm Quyền Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thời gian này có 6 đồng chí: Nguyễn Công Say, Nguyễn Phú Soại, Võ Phấn, Lê Nhuệ, Phan Phong (Lanh), Trần Lãm (Ruộng, Hóa).

Sơn Tịnh để thành lập một huyện mới lấy tên là huyện Đông Sơn, với mật danh C.14. Đồng chí Hồng Giao (Hồng Anh) được cử làm Bí thư<sup>1</sup>.

Nhằm đẩy mạnh phong trào đồng khởi, nổi dậy phá áp chiến lược, giải phóng nông thôn, đồng bằng ở Quảng Ngãi, Đảng ủy 254 trực thuộc đơn vị 32A được thành lập với mật danh Cô Bắc, do đồng chí Trần Động (Văn, Vỹ) làm Bí thư, đồng chí Đỗ Ngọc Hoa làm Phó Bí thư, phụ trách các huyện Trà Bồng, Sơn Tịnh (C.12), Bình Sơn (C.10), Đông Sơn (C.14).

Đến cuối năm 1961, đầu năm 1962, vùng giải phóng ở đồng bằng Quảng Ngãi được mở rộng gồm 8 xã tây Bình Sơn, tây Sơn Tịnh, 2 xã ở Nghĩa Hành. Các xã miền núi hoàn toàn giải phóng (trừ các quận lỵ Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long). Lần đầu tiên gần như cả huyện Sơn Hà được giải phóng (trừ Hà Thành và trực lộ Đồng Ké - Hà Thành). Các nơi khác, nhân dân làm chủ nhiều vùng như ở bắc Bình Sơn, hầu hết Đức Phổ, một số xã ở Mộ Đức... bao gồm hàng chục vạn dân.

Về phía địch, trong năm 1962, chúng tiến hành cải tổ lực lượng địa phương quân (bảo an, dân vệ, thanh niên chiến đấu), ra sức đôn quân bắt lính. So với năm 1961, quân số địch tăng lên 2 đến 3 lần, xây thêm 58 cứ điểm (tăng 3 lần so với năm 1961). Ở Đức Phổ và Tư Nghĩa, mỗi huyện có 12 cứ điểm. Địch xây 12 khu dồn dân ở miền núi, gồm 10.713 người (nhiều nhất là Minh Long và Sơn Hà). Tại bốn huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, chúng lập các ban trị sự áp, gài người để theo dõi và tổ chức 158 cuộc càn quét từ 1 trung đội đến 3 tiểu đoàn

---

1. Huyện Đông Sơn (C.14) gồm 4 xã khu đông huyện Bình Sơn: Bình Châu, Bình Tân, Bình Phú, Bình Thanh và 9 xã khu đông huyện Sơn Tịnh: Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, Tịnh Khê, Tịnh Long, Tịnh Châu, Tịnh Thiện, Tịnh An, Tịnh Phong và một phần xã Tịnh Ấn.

nhằm chiếm lại các vùng giải phóng: Hành Tín (tháng 3-1962), tây Sơn Tĩnh, Trà Niêu (Trà Bồng) (tháng 3-1962). Khu đông Ba Tơ (tháng 4-1962), Hà Thành, Trà Tân (tháng 8-1962), gây cho ta nhiều thiệt hại. Ở đồng bằng, địch sử dụng 103 lần máy bay oanh tạc, 495 lần pháo kích, làm chết 330 người, riêng huyện Đức Phổ có 77 người bị chết, 1.360 ngôi nhà, hàng chục tấn lúa, gạo bị đốt cháy, 29 trâu, bò bị cướp<sup>1</sup>.

Địch còn rải chất độc hóa học ở khu Bảy (Rê Muối, Sơn Liên, Sơn Lập), tung điệp báo vào Sơn Thành, Sơn Thủy, Sơn Giang (Sơn Hà); Đức Phú, Đức Hòa (Mộ Đức)... gây nhiều tổn thất cho ta<sup>2</sup>.

Mặc dù Mỹ - Diệm đánh phá phong trào cách mạng trong tỉnh một cách điên cuồng, khốc liệt, nhưng cán bộ, nhân dân Quảng Ngãi vẫn kiên cường bám trụ, vượt qua gian khổ, hy sinh, quyết tâm thực hiện chủ trương của Khu ủy V và Tỉnh ủy, nổi dậy giành lại nông thôn đồng bằng, phá áp chiến lược. Tính đến cuối năm 1962, hơn 200.000 lượt quần chúng các huyện đồng bằng nổi dậy diệt ác, phá kìm, đập tan ngụy quyền ở 136 thôn thuộc 28 xã, giải phóng 151.221 dân. Ta làm chủ nhiều vùng rộng lớn ở bắc Bình Sơn, đông và tây Sơn Tĩnh, tây các huyện Nghĩa Hành, Tư Nghĩa. Đức Phổ là huyện có phong trào mạnh nhất trong năm 1962, chính quyền địch ở 21 thôn bị tan rã. Xã 223 (Phổ Hiệp, Đức Phổ) là xã tiêu biểu cho phong trào đấu tranh chính trị. Trong công tác binh vận, ta tuyên truyền, vận động, cảm hóa được 2.864 nhân viên ngụy quyền.

Hơn 2.000 thanh niên hăng hái nhập ngũ. Lúa, gạo, dụng cụ được thu mua, vận chuyển lên căn cứ. Các cấp ủy đảng

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 187.

2. Báo cáo tổng kết tình hình năm 1962 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

chỉ đạo ủy ban nhân dân tự quản các xã chia ruộng công điền cho nông dân.

Ở miền núi, phong trào đấu tranh của đồng bào các dân tộc chống gom dân vào các khu trù mật, áp chiến lược diễn ra liên tục. Trong năm 1962, có 40 cuộc đấu tranh thu hút hơn 1.995 lượt người tham gia đấu tranh trực diện với địch; 75 lần đưa kiến nghị, 89 cuộc mít tinh, biểu tình với hàng ngàn lượt người tham gia. Một số nơi khi địch đánh phá mạnh, đồng bào chạy vào rừng bất hợp tác với địch.

Cùng với đấu tranh chính trị, nhân dân còn phối hợp với bộ đội đánh địch giành nhiều thắng lợi, đặc biệt chiến thắng Nà Niêu vào cuối tháng 8-1962. Từ sau khởi nghĩa Trà Bông và miền Tây (tháng 8-1959), Nà Niêu trở thành căn cứ quan trọng, nơi đứng chân của cơ quan dân, chính, đảng tỉnh Quảng Ngãi. Từ Nà Niêu, ta có thể cơ động xuống vùng đồng bằng nam Quảng Nam, bắc Quảng Ngãi và lên Kon Tum. Đây là nơi sản xuất tự túc để cung cấp một phần lương thực, thực phẩm cho kháng chiến.

Sau một thời gian hoạt động phân tán, Tiểu đoàn 90 của Quân khu được lệnh tập trung về Nà Niêu để củng cố lực lượng. Tối ngày 29-8, đại bộ phận lực lượng của tiểu đoàn hành quân xuống đồng bằng chuyển gạo. Lực lượng còn lại của ba trung đội chưa đến 100 người. Phát hiện được sự di chuyển của ta, sáng ngày 30-8, địch cho máy bay oanh tạc dữ dội xuống khu vực đóng quân. Sau đó, chúng cho 30 trực thăng chở quân nhảy dù đổ bộ gần nơi tiểu đoàn bộ đóng. Từ bị động, ta chuyển nhanh sang thế chủ động, xả súng bắn vào đội hình địch, làm cho chúng không tiến quân lên được. Sau hơn sáu giờ chiến đấu quyết liệt, địch phải huy động máy bay đến hỗ trợ binh lính tháo chạy. Cuộc hành quân bằng trực thăng của

địch vào Nà Niêu kết thúc, ta bắn rơi 12 máy bay lên thẳng, có 4 chiếc rơi tại chỗ<sup>1</sup>, vùng căn cứ được bảo vệ vững chắc. Một số nơi có tình trạng binh sĩ địch phản chiến như: ở khu Sáu, trung đội của Đinh Xúa làm binh biến, diệt một trung sĩ và ác ôn, 27 người trở về với nhân dân, mang theo 11 khẩu súng, 1.44 viên đạn.

Chiến thắng Nà Niêu là trận đầu tiên ta đánh bại chiến thuật trực thăng vận của địch trên chiến trường khu V. Ngày 06-9-1962, Đại tướng Võ Nguyên Giáp điện chỉ đạo Quân khu V và Nam Bộ phổ biến kinh nghiệm cho lực lượng vũ trang các địa phương vận dụng để phá chiến thuật cơ động bằng trực thăng, thiết giáp của địch.

Để góp phần đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng, Tỉnh ủy chú trọng lãnh đạo xây dựng lực lượng du kích, tự vệ. Giữa năm 1962, các huyện đồng bằng thành lập các liên trung đội tập trung, xây dựng 16 làng chiến đấu, 24 đội công tác, 7 trung đội du kích mật (riêng huyện Đức Phổ có 3 trung đội). Các đoàn thể quần chúng trong tỉnh được củng cố và phát triển. Tính đến cuối năm 1962, huyện Tư Nghĩa có 13 tổ thanh niên giải phóng, 27 tổ nông dân giải phóng gồm 83 hội viên, 26 tổ phụ nữ giải phóng gồm 82 hội viên. Ở các huyện miền núi, có 1.299 du kích bán tập trung và 1.734 tự vệ nhân dân. Số hội viên của các tổ chức đoàn thể phát triển khá nhanh. Huyện Ba Tơ có 264 hội viên thanh niên giải phóng, 299 hội viên phụ nữ giải phóng, 151 hội viên nông dân giải phóng. Khu Sáu có 160 hội viên hội phụ nữ giải phóng, 240 hội viên hội nông

---

1. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975, tập III: Đánh thắng chiến tranh đặc biệt*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr. 181.



dân giải phóng. Khu Bảy có 371 hội viên thanh niên giải phóng, 1.241 hội viên phụ nữ giải phóng, 876 hội viên nông dân giải phóng<sup>1</sup>...

Tỉnh ủy chú trọng lãnh đạo các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, đảm phụ kháng chiến, đặc biệt là sản xuất. Tuy bị địch đánh phá ác liệt, thiên tai đe dọa, nhưng đồng bào miền núi vẫn sản xuất được 42.820 ang lúa, 34.226 ang bắp, trồng trên 12 triệu gốc mỳ và nhiều loại hoa màu khác. Trong căn cứ, một số cơ sở sản xuất nông cụ làm được 15.745 cuốc, rìu, liềm, hái; tổ chức 6 tổ mua bán, trao đổi 20.170 thước vải, 10.000 ang muối. Hoạt động này bảo đảm một phần sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân và cán bộ, chiến sĩ trong căn cứ<sup>2</sup>.

Tỉnh ủy mở nhiều lớp bồi dưỡng lý luận cho 390 đồng chí, phần lớn là cán bộ thôn, xã và đội công tác; một lớp gồm 32 đồng chí cán bộ xã, huyện ủy viên học trong 5 tháng. Bộ chữ viết dân tộc Cor, Hre được xây dựng. Giáo viên dạy chữ Cor, Hre gồm 55 người được bồi dưỡng kiến thức có thể giảng dạy chữ viết cho đồng bào dân tộc vùng căn cứ. Công tác vận động nhân dân cứu đói, cứu đau (được 15.460 ang bắp, 212 ang lúa, 8.029 lon gạo) cho một số nơi gặp nhiều khó khăn như Ba Tơ, Sơn Hà đạt được nhiều kết quả, góp phần ổn định cuộc sống của nhân dân<sup>3</sup>.

Tháng 12-1962, Tỉnh ủy thành lập 4 đại đội độc lập V.21, V.22, V.23 và V.32 để hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh chính trị, mở mảng, giành dân, mở rộng vùng giải phóng.

Việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy (tháng 02-1962) giành lại nông thôn đồng bằng và mở rộng căn cứ tuy giành được nhiều thắng lợi, nhưng bên cạnh đó vẫn còn khuyết điểm, hạn chế, phong trào chưa đều khắp nơi. Ở đồng bằng, phong trào

---

1, 2, 3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 190, 191.

cách mạng huyện Đức Phổ phát triển mạnh, các huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức còn yếu. Ở miền núi, phong trào ở Minh Long chưa mạnh. Một số nơi còn nặng về đấu tranh vũ trang, một số cán bộ, đảng viên còn ngại khó khăn, ác liệt; chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận của địch làm cho quần chúng lúng túng. Ở một số nơi, cán bộ, đảng viên chưa hiểu hết mục đích phá ấp chiến lược, còn nặng về phá rào, lấp hào, nên sau đó địch phản công lấy lại. Công tác xây dựng Đảng ở cơ sở còn quá ít, hoặc yếu ở vùng ven và các xã Sơn Cao, Sơn Linh, Sơn Giang (Sơn Hà), một số xã ở Minh Long, Ba Tơ còn xem nhẹ phát triển du kích.

Tuy còn một số hạn chế, nhưng phong trào đồng khởi ở đồng bằng lần thứ nhất (cuối năm 1961 đến cuối năm 1962) đã giành những thắng lợi cơ bản, làm bàn đạp để mở rộng phong trào đồng bằng, giải quyết một phần nhu cầu về kinh tế, đời sống cho căn cứ miền núi. Vùng giải phóng được củng cố và mở rộng<sup>1</sup>. Việc thực hiện ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận) đều có tiến bộ, tạo thế và lực cho Đảng bộ hoạt động về sau<sup>2</sup>.

Ngày 06-12-1962, trong Nghị quyết "Về tình hình, phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam", Bộ Chính trị một lần nữa nhấn mạnh: "Hết sức mở rộng lực lượng quân sự và chính trị, phát động du kích chiến tranh rộng khắp tiêu hao tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đánh bại kế hoạch lập ấp chiến lược của địch, trước mắt làm thất bại kế hoạch tấn công của địch trong năm 1963, giữ vững và phát triển lực lượng của ta, mở rộng vùng căn cứ và vùng giải phóng... Tăng cường

---

1. Từ năm 1962 đến năm 1964, cơ quan Tỉnh ủy đóng tại khu vực Ba Nhà, nay là xã Ba Thành, huyện Ba Tơ.

2. Theo Báo cáo tổng kết tình hình năm 1962 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

sự lãnh đạo của Đảng, đẩy cuộc cách mạng tiến lên giành nhiều thắng lợi hơn trong tình hình gay go phức tạp cũng như trong tình hình có những chuyển biến mới có lợi cho phong trào"<sup>1</sup>.

Nghị quyết của Bộ Chính trị soi sáng hoạt động của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1963 là năm nước rút của kế hoạch Xtalây - Taylo. Tính đến tháng 6-1963, quân địch được tăng cường đến mức cao nhất ở Quảng Ngãi, gồm sư đoàn chủ lực số 25 (có 4 trung đoàn), 1 tiểu đoàn bảo an, 11 đại đội hải thuyền, 302 trung đội dân vệ, biệt kích và 12.000 thanh niên chiến đấu, kết hợp với các đoàn cán bộ bình định đánh phá cách mạng. Chúng xây thêm 46 đồn bót ở miền núi, tập trung ở Tà Ma, Hải Giá, Ba Tơ, Giá Vụt, Sơn Hà, Di Lăng, Làng Ranh, Bãi Mầu để án ngữ đường xuống đồng bằng và nối với các trục đường giao thông An Lão - Ba Tơ, Trà Bồng - Trà My - Di Lăng - Mang Bút; xây dựng hai trung tâm huấn luyện quân sự ở Đá Bàn (Ba Tơ) và Hà Thành (Sơn Hà). Chúng còn huy động lực lượng xây dựng các ấp chiến lược ở dọc vùng giáp ranh miền núi.

Trong 10 tháng đầu năm 1963, địch mở 375 cuộc càn quét với quy mô từ một đại đội đến ba trung đoàn (210 cuộc ở đồng bằng, 165 cuộc ở miền núi). Địch mở các chiến dịch Phụng Hoàng, Trung Nghĩa đánh phá các huyện Ba Tơ, Sơn Hà, khu Sáu, Minh Long (các cửa ngõ của căn cứ vùng trung châu), Tân An, Vĩnh Tuy (Sơn Tịnh), Đông Sơn, Đức Phổ, Cà Ty (vùng núi giữa hai huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh), uy hiếp Sơn Nham (chỗ dựa của Huyện ủy Tư Nghĩa). Chúng huy động các phương tiện máy bay, phi pháo, bom xăng, chất độc hóa học để bắn phá, hủy diệt vùng căn cứ, vùng giáp ranh với các huyện đồng bằng hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng. Chỉ riêng thôn Vĩnh Tuy

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.23, tr. 822.

(xã Tịnh Hiệp, Sơn Tịnh) có 1.500 dân, trong ba tháng địch bắn 9.000 quả pháo.

Qua các trận càn, trong toàn tỉnh địch giết hại 220 người, bắt 1.906 người (huyện Đức Phổ bị thiệt hại nặng nhất: 17 người chết, 1.586 người bị bắt); chúng cướp 55.053 ang lúa (riêng miền núi 47.053 ang), đốt 2.895 nóc nhà, 2.979 nhà chứa lúa, 396.690 gốc mỳ, 1.271 trâu, bò.

Địch tung gián điệp vào cơ sở của ta ở Đông Sơn, Sơn Hà, Minh Long, Tư Nghĩa. Ở Đông Sơn, Tư Nghĩa có nhiều cơ sở bị vỡ. Với thủ đoạn đánh phá điên cuồng, trong năm 1963, chúng lập được 525 ấp chiến lược, gồm 446.000 dân (miền núi có 51 ấp).

Tại các huyện Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức, địch chiếm lại hầu hết các xã, thôn giải phóng. Đường giao thông từ đồng bằng lên miền núi bị cắt đứt, gây nhiều khó khăn cho đời sống của nhân dân và phong trào cách mạng trong tỉnh. Trong năm 1963 có 150 đồng chí hy sinh, trong đó có 12 đồng chí huyện ủy viên, 4 đồng chí ủy viên thường vụ, 92 đồng chí trong các đội vũ trang<sup>1</sup>.

Mặc dù địch đánh phá ác liệt, gây cho ta nhiều tổn thất, nhưng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và các đảng bộ cơ sở, lực lượng cách mạng trong tỉnh vượt qua mọi khó khăn, đẩy mạnh tiến công, nổi dậy phá ấp chiến lược, phát triển thế và lực ở đồng bằng.

Đầu năm 1963, Khu ủy và Quân ủy Khu V chủ trương triển khai đợt sinh hoạt chính trị ở các đảng bộ địa phương và các đơn vị vũ trang, nhằm đấu tranh với những tư tưởng ngại

---

1. Báo cáo tổng kết năm 1963 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

tác chiến với xe bọc thép và máy bay trực thăng; rút kinh nghiệm thực hành phương châm đấu tranh kết hợp "hai chân, ba mũi" trong chống càn quét, phá ấp chiến lược. Theo chủ trương của Khu ủy, bộ đội chủ lực khu, bộ đội địa phương của tỉnh được huy động trong từng đợt hoạt động phối hợp với du kích và lực lượng đấu tranh chính trị của quần chúng phá ấp chiến lược.

Tháng 4-1963, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo mở chiến dịch 40, trọng điểm hoạt động là vùng đông bắc huyện Đức Phổ, phía nam huyện Mộ Đức, nhằm phá thế kìm kẹp của địch ở các xã ven biển và dọc quốc lộ 1.

Được tỉnh tăng cường một đại đội, quân dân Đức Phổ dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy đã mở trận tiến công địch ở Phổ An, Phổ Quang. Do được chuẩn bị chu đáo, đêm ngày 23-4-1963, quân dân Đức Phổ tiêu diệt, làm tan rã phần lớn lực lượng địch ở hai xã Phổ An, Phổ Quang, tạo điều kiện cho nhân dân nổi dậy giành chính quyền, làm chủ quê hương.

Cùng thời gian trên, bộ đội chủ lực Quân khu tấn công đồn Nho Lâm (Phổ Hòa). Quần chúng xã Phổ Thuận được du kích hỗ trợ nổi dậy bao vây, giải tán một trung đội dân vệ, thu 11 súng. Phát huy thắng lợi, sáng ngày 24-4-1963, 500 người dân các xã xung quanh huyện lỵ Đức Phổ biểu tình thị uy hỗ trợ cho phong trào ở các vùng trọng điểm của huyện.

Địch phản ứng quyết liệt, chúng tập trung lực lượng, phương tiện, chiếm lại các khu vực đã mất, trọng điểm là Phổ An, Phổ Quang. Do lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch, bộ đội, du kích còn thiếu kinh nghiệm về tổ chức và bố trí lực lượng chiến đấu, phần lớn bộ đội huyện, toàn bộ đội công tác xã Phổ An hy sinh, 200 đồng bào bị bắt, phong trào ở hai xã tạm thời lắng xuống.

Tháng 5-1963, quân nguy liên tiếp hành quân càn quét, triệt phá nhiều thôn, xóm thuộc xã Phổ Minh, Phổ Cường,

Phổ Hiệp, Phổ Thạnh, nghiêm trọng nhất là thôn An Tây, xã Phổ Nhơn (Đức Phổ) bị địch đốt trụi 300 nóc nhà.

Trước sự đàn áp dã man của địch, tâm lý ngại ác liệt xuất hiện trong nhân dân và lực lượng vũ trang. Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Đức Phổ ra nghị quyết lãnh đạo, củng cố tư tưởng, củng cố lực lượng vũ trang và chính trị, cứu trợ cho nhân dân những nơi bị địch khủng bố. Phong trào từng bước được phục hồi.

Ở các huyện khác trong tỉnh, lực lượng vũ trang địa phương và du kích xã, thôn, dưới sự lãnh đạo của các chi bộ không ngừng phát triển lớn mạnh, là chỗ dựa vững chắc của phong trào cách mạng. Tính đến tháng 10-1963, ta đánh 1.126 trận, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 10.000 tên địch. Thời gian này, sự kiện nổi bật nhất trong phong trào thi đua với Ấp Bắc<sup>1</sup> của quân và dân khu V là đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn của địch vào căn cứ Măng Xinh (xã Trà Xinh, Trà Bồng), khu giáp ranh ba tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Kon Tum. Trong thế trận chiến tranh nhân dân được chuẩn bị sẵn, từ cuối tháng 4 đến đầu tháng 5-1963, lực lượng vũ trang chiến đấu kiên cường, dũng cảm, đánh trả quyết liệt và đánh bại lực lượng địch đông, có hỏa lực mạnh, xe tăng, máy bay yểm trợ, bảo vệ vững chắc căn cứ địa cách mạng, đẩy địch vào thế bị động, lúng túng.

Cùng thời gian này, phong trào đấu tranh chính trị ở đồng bằng và đô thị diễn ra quyết liệt, tiêu biểu là phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo ở thị xã Quảng Ngãi từ tháng 5

---

1. Ấp Bắc là địa danh thuộc xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (Tiền Giang hiện nay), nơi đã diễn ra chiến thắng lớn đầu tiên của quân dân miền Nam đánh bại chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận của địch với một lực lượng lớn quân ngụy càn quét vào một căn cứ lờm của ta vào ngày 03-01-1963. Chiến thắng Ấp Bắc báo hiệu sự sụp đổ chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ.

đến tháng 11-1963, nhất là sau khi Diệm - Nhu đàn áp Phật giáo ở Huế và sự kiện Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu ở Sài Gòn. Thông qua sự vận động của các chi bộ đảng ở thị xã, thị trấn, cùng một số nhân sĩ, trí thức yêu nước chống Diệm, hàng ngàn đồng bào Phật giáo kéo về thị xã Quảng Ngãi biểu tình, tuyệt thực, làm lễ cầu siêu cho người bị địch sát hại, chống bắt lính, đòi ra sách báo công khai...

Phong trào đấu tranh không cho địch dỡ nhà, dồn dân diễn ra mạnh mẽ ở các huyện Đức Phổ, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Mộ Đức. Ở nhiều nơi, đồng bào không chịu vào ấp hoặc ban ngày rào ấp, ban đêm lại phá. Phong trào phá kèm phát triển mạnh mẽ.

Thất bại của kế hoạch càn quét và lập ấp chiến lược làm cho mâu thuẫn nội bộ của chế độ Ngô Đình Diệm trở nên trầm trọng, ảnh hưởng đến toàn bộ kế hoạch chiến lược của Mỹ ở miền Nam. Mỹ ủng hộ cuộc đảo chính ngày 01-11-1963, lật đổ chính quyền Diệm - Nhu, đưa Dương Văn Minh lên cầm quyền. Ngay sau khi Diệm - Nhu bị đảo chính, phong trào đấu tranh chính trị diễn ra khắp tỉnh. Tỉnh ủy chủ trương chớp thời cơ thuận lợi, dốc toàn bộ lực lượng xuống đồng bằng phát triển phong trào đồng khởi giành thắng lợi to lớn, mở rộng thêm nhiều vùng giải phóng từ Bình Sơn đến Đức Phổ. Hàng vạn đồng bào các huyện Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Đức Phổ, Bình Sơn, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Minh Long, Sơn Hà nổi dậy trừng trị bọn ác ôn, tay sai, tẩy chay việc lập lại bọn ngụy quyền mới, đòi chia lại công điền, công thổ, bồi thường tính mạng, tài sản cho nhân dân, phá tan ngụy quyền cơ sở. Tiêu biểu cho phong trào đấu tranh lúc bấy giờ là 8 cuộc biểu tình của nhân dân Đức Phổ, thu hút trên 2 vạn người tham gia.

Những xáo trộn của chính quyền Mỹ - ngụy làm cho bộ máy của chúng ở thôn, xã bị tê liệt, bọn tay sai hoang mang

lo sợ, thậm chí tự sát (như quận trưởng Sơn Tịnh)<sup>1</sup>. Mâu thuẫn giữa các phe phái trong nội bộ của chúng tăng thêm. Tình hình ngày càng rối ren, có lợi cho cách mạng, tạo thêm khí thế cho quần chúng đấu tranh.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, phong trào cách mạng trong năm 1963 tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Đến cuối năm, toàn tỉnh có hàng trăm nghìn lượt quần chúng tham gia đấu tranh chính trị (trong đó tiêu biểu là Đức Phổ); 348 lần phá ấp chiến lược, tổ chức hàng nghìn cuộc mít tinh thu hút hàng chục vạn lượt người tham gia.

Ban Binh vận tỉnh được thành lập do đồng chí Nguyễn Tấn Viên - Tỉnh ủy viên phụ trách<sup>2</sup>. Phong trào phát triển mạnh ở Đức Phổ và Bình Sơn, nhiều tổ binh vận hợp pháp và đơn tuyến được xây dựng. Công tác binh vận với nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú, làm rã ngũ, đào ngũ hàng trăm ngụy quân, nhiều tề ngụy được giáo dục, nhiều cơ sở trong binh sĩ ngụy được xây dựng, trong đó có nhiều binh sĩ làm binh biến diệt ác, hỗ trợ quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng, nhất là ở đồng bằng. Tỉnh Quảng Ngãi được Khu ủy đánh giá là một tỉnh có phong trào phát triển khá mạnh. Sau khi Diệm - Nhu bị đảo chính, cơ sở của ta

---

1. Trước khí thế cách mạng lên cao, chính quyền Diệm - Nhu bị lật đổ, quận trưởng Sơn Tịnh, một tên tay sai đắc lực của Diệm, quá lo sợ đã tự sát. Quận trưởng Đức Phổ chạy trốn, tài sản của hắn bị bọn đảo chính tịch thu.

2. Từ năm 1960 đến năm 1961, Ban Binh vận tỉnh do đồng chí Nguyễn Tấn Viên phụ trách. Cuối năm 1961 đến năm 1963, đồng chí Lê Nhuệ (Chí Thống) phụ trách; từ năm 1963 đến năm 1968, đồng chí Lâm Trường Thắng làm Trưởng ban. Cuối năm 1968 trở đi, các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy như: Trần Động (Văn, Vỹ), Đỗ Ngọc Hoa, Lê Tấn Tỏa, Nguyễn Nhâm lần lượt được tổ chức phân công kiêm nhiệm lãnh đạo công tác đấu tranh chính trị, binh vận.



gài trong binh lính vận động được 7 trung đội làm binh biến ở các xã Phổ Thuận, Phổ Văn, Phổ Quang, Phổ An (Đức Phổ) thu 122 súng các loại.

Đặc biệt, chính quyền hai mặt ở thôn Gò Quán, phía nam Núi Bút, thị xã Quảng Ngãi được xây dựng. Phần lớn nhân viên ngục quyền từ áp trưởng đến liên gia áp Gò Quán là người do ta bố trí hoạt động. Cơ sở nội ứng trong binh sĩ phá hủy một chiếc máy bay L.19, lấy súng và quần áo các sắc lính, chuyển cho cán bộ binh vận hóa trang, đồng thời còn cung cấp cho ta hai bản đồ do máy bay địch chụp căn cứ cách mạng ở phía tây và phía nam của tỉnh.

Công tác tê vận đạt được kết quả tốt. Ta diệt được 64 tên ác ôn, gián điệp; cảnh cáo, giáo dục, hạ uy thế, đưa đi cải tạo 814 nhân viên xã, thôn và giáo dục 3.220 lượt gia đình binh sĩ và ngục quyền; rải 100.442 tờ truyền đơn các loại (trong đó có 38.420 tờ truyền đơn binh vận), dán 1.085 áp phích, 17.500 bản tin, chuyển tay 1.600 tờ báo *Cờ giải phóng* của khu V, 14.800 tờ *Giải phóng* của tỉnh, treo 385 khẩu hiệu, băng rôn, đốt ảnh Ngô Đình Diệm<sup>1</sup>.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và các cơ sở đảng, công tác bố phòng, rào làng chiến đấu cũng được đẩy mạnh. Trong năm 1963, nhân dân và du kích đã cắm 27 triệu cây chông các loại, đào 120.221 hầm chông, gài 623 bẫy đá, 12.500 mang cung, xây 30 hầm chống tăng, đào 6.500 hầm trú ẩn. Phong trào mạnh nhất ở Ba Tư và khu Sáu, mỗi nơi cắm trên 5 triệu cây chông các loại. Nhờ vậy, ta đã đánh lui nhiều đợt càn quét của địch, làm bị thương 300 tên<sup>2</sup>.

---

1, 2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 199, 199-200.

Ở đồng bằng, Huyện ủy Tư Nghĩa huy động nhân dân cắm hàng triệu cây chông, đào hầm bố phòng từ căn cứ Đá Sơn đến Suối Tó. Ở Đức Phổ, việc bố phòng vùng giáp ranh được triển khai, nhân dân các xã bị địch kìm kẹp, đào được 425 hầm chông, 100 hầm bí mật, xây dựng 57 ồ tác chiến, cắm 106.460 cây chông, đào 2.300 m giao thông hào. Phong trào đấu tranh chính trị diễn ra đều khắp, sôi nổi ở Đức Phổ, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa<sup>1</sup>.

Chính quyền tự quản các cấp chia 1.500 mẫu ruộng công điền cho nông dân thiếu ruộng, xóa nợ từ quỹ Hợp tác xã nông tín cuộc của địch cho nông dân vay, tạo điều kiện cho nông dân làm ăn, phấn khởi, tin tưởng tham gia cách mạng.

Ở miền núi, việc sản xuất tự túc, nhất là trồng cây lương thực được các đảng bộ chú trọng. Huyện Sơn Hà đạt kết quả khá nhất, sản xuất được 39.694 ang lúa ruộng và 12.075 ang lúa rẫy; huyện Trà Bồng sản xuất được 16.526 ang lúa rẫy, 173 ang lúa ruộng; khu Bảy thu hoạch được 10.000 ang lúa rẫy và 200 ang lúa ruộng<sup>2</sup>.

Phong trào sản xuất tự túc phát triển mạnh ở Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức và Đức Phổ. Huyện Đức Phổ thu hoạch được 8.509 ang lúa, 32 vạn gốc mỳ; huyện Tư Nghĩa thu hoạch được 4.000 ang lúa và 45 vạn gốc mỳ<sup>3</sup>.

Việc trao đổi hàng hóa giữa miền xuôi và miền núi được giữ vững. Trong năm 1963, có 30 loại sản phẩm lâm thổ sản được trao đổi, đáp ứng được một phần đời sống, sinh hoạt của nhân dân và cán bộ, nhất là vùng căn cứ.

Công tác y tế phục vụ kháng chiến cũng đạt kết quả tốt. Các cơ sở sản xuất được hàng triệu viên thuốc các loại, chữa cho

---

1, 2, 3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 199-200.

hàng nghìn người bị sốt rét, kiết lỵ; đào tạo lớp y tế bổ túc cho 21 học viên, ba lớp cứu thương với 47 học viên, 4 lớp y tế xã gồm 85 học viên. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được mọi người hưởng ứng.

Về văn hóa - giáo dục, tỉnh mở được 15 lớp học cho 337 cán bộ từ lớp 2 đến lớp 3 (trong đó có 8 lớp dạy tiếng dân tộc Hrê và Cor), 18 lớp bình dân ở miền núi, 2 lớp ở đồng bằng. Các đội văn nghệ được thành lập. Việc sáng tác thơ ca, hò vè để phục vụ nhân dân được quan tâm.

Năm 1963, công tác đào tạo, huấn luyện nhằm nâng cao trình độ nhận thức, trách nhiệm trong công tác... cho cán bộ, đảng viên được đẩy mạnh. Tỉnh ủy mở 322 lớp bồi dưỡng chính trị cho cán bộ từ cơ sở đến tỉnh, gồm 14.375 lượt cán bộ dự (trong đó có 2 lớp mở cho huyện ủy viên), 27 lớp học chính huấn cho 781 cán bộ tỉnh, 1 lớp cho 35 đội viên đội công tác vũ trang, 299 lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho 11.801 đảng viên, cán bộ, đoàn viên.

Trong năm 1963, mặc dù bị địch đánh phá ác liệt, nhưng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, phong trào cách mạng trong tỉnh vẫn được duy trì và phát triển. Tuy vậy, phong trào các huyện đồng bằng chưa đồng đều; ở miền núi còn gặp khó khăn về đời sống. Công tác phát triển Đảng còn chậm, số cán bộ, đảng viên hy sinh khá lớn (cả năm có 150 cán bộ, đảng viên hy sinh).

## **2. Tiếp tục tấn công và nổi dậy phá ấp chiến lược, giải phóng đại bộ phận nông thôn đồng bằng; chiến thắng Ba Gia**

Sau những thất bại nặng nề, Mỹ - ngụy buộc phải co cụm, thực hiện "bình định" có trọng điểm. Chúng tăng cường các tuyến phòng thủ quanh thị xã, thị trấn và các trục giao thông

chiến lược quan trọng, đồng thời đẩy mạnh càn quét và phản kích để giành lại các vùng đã mất, thực hiện gom dân, lập ấp tân sinh theo kế hoạch Giôn-xơn - Mác Namara (thực chất là áp chiến lược trá hình, mị dân, nhằm bình định miền Nam trong vòng hai năm 1964 - 1965). Chúng tìm mọi cách mua chuộc nhân dân, như lập Hiệp hội nông dân, Cộng đồng tái thiết quốc gia hòng cứu vãn tình hình.

Trước tình hình mới, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa II (tháng 12-1963) đã vạch ra phương hướng đấu tranh cho cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới và nêu rõ: Kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang một cách linh hoạt, đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đều đóng vai trò rất cơ bản và quyết định, nhưng "đấu tranh quân sự đóng vai trò quyết định trực tiếp trong việc đánh tan lực lượng quân sự địch, chỗ dựa của nền thống trị của chúng, làm cho cách mạng thắng lợi"<sup>1</sup>.

Quán triệt và thực hiện chủ trương của Trung ương, Ban Thường vụ Khu ủy V xác định ba mục tiêu chủ yếu phải đạt được trong năm 1964 và nửa đầu năm 1965, đó là: phá áp chiến lược, phá thế kìm kẹp của địch, giành lại và làm chủ phần lớn nông thôn đồng bằng, làm chủ vùng rừng núi, xây dựng căn cứ và vùng giải phóng vững mạnh; tiêu diệt sinh lực địch, làm tan rã từng bộ phận quân địch, tiến lên thực hiện tốt nhiệm vụ tiêu diệt lớn quân địch; củng cố và phát triển mạnh mẽ lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, tăng cường chỉ đạo phát triển kinh tế. Trong đó, vấn đề mấu chốt trước mắt, quyết định sự phát triển của phong trào là giành dân (chủ yếu ở nông thôn đồng bằng), giải phóng và làm chủ nông thôn đồng bằng.

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.24, tr. 830-831.

Tháng 4-1964, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị quán triệt và bàn biện pháp thực hiện chủ trương của Trung ương và Khu ủy. Đồng chí Võ Phấn - Bí thư Tỉnh ủy, chủ trì Hội nghị<sup>1</sup>. Sau khi thảo luận kỹ tình hình ta và địch, Tỉnh ủy chủ trương: "Động viên toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân, khẩn trương, liên tục tiến công địch, ra sức phá ấp chiến lược, phá thế kìm kẹp, giành dân ở đồng bằng, tạo ra một số mảng làm chủ lớn. Ra sức xây dựng vùng giải phóng, đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, xây dựng làng chiến đấu, tích cực xây dựng ba thứ quân, mở rộng diện tiêu hao, nâng cao mức tiêu diệt, chống càn quét lấn chiếm, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị và binh vận; đồng thời tích cực xây dựng miền núi đủ sức về mọi mặt... Ra sức xây dựng cơ sở, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị ở thị trấn, thị xã. Tích cực xây dựng lực lượng ta về mọi mặt, chuyển hướng phong trào trong tỉnh lên một bước mới, giành thắng lợi to lớn..."<sup>2</sup>.

Nghị quyết nêu rõ ba mục tiêu chủ yếu là: "Phá hàng mảng ấp chiến lược, phá thế kìm kẹp, giành và làm chủ phần lớn nông thôn đồng bằng; tích cực tiêu diệt sinh lực địch, làm tan rã từng bộ phận quân địch; củng cố và phát triển lực lượng ta về mọi mặt..."<sup>3</sup>.

Với quyết tâm trên, từ tháng 7-1964 đến cuối năm 1964, Hội nghị chủ trương phát động nhân dân nổi dậy ở đồng bằng lần thứ hai.

---

1. Đầu năm 1964, đồng chí Nguyễn Hữu Nghĩa - Bí thư Tỉnh ủy được đưa ra miền Bắc chữa bệnh. Đồng chí Võ Phấn - Ủy viên Ban Thường vụ được cử làm Bí thư Tỉnh ủy. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 6 đồng chí: Võ Phấn, Nguyễn Phú Soại, Lê Nhuệ, Trần Vỹ, Đinh Mô, Đoàn Xảo (Hường). Tỉnh ủy được bổ sung các đồng chí: Nguyễn Thụy (Việt), Đỗ Ngọc Hoa (Chín), Cao Kết (Thu).

2. Nghị quyết của Tỉnh ủy Quảng Ngãi năm 1964.

3. Nghị quyết của Tỉnh ủy Quảng Ngãi năm 1964. Từ năm 1964 - 1968, cơ quan Tỉnh ủy đóng tại các xã Sơn Nham, Sơn Linh, huyện Sơn Hà.

Mở đầu đợt hoạt động, lực lượng vũ trang huyện Bình Sơn kết hợp với bộ đội chủ lực tiến công ấp Trì Bình (Bình Nguyên), diệt hai trung đội dân vệ và một đại đội bảo an tiếp viện; bao vây ấp Phước Lâm, phục kích địch ở ấp Tân Phước (Bình Minh), diệt gọn một trung đội dân vệ.

Ở miền núi, quân và dân huyện Trà Bồng cùng với bộ đội chủ lực của khu đã anh dũng chiến đấu, đánh bại cuộc hành quân càn quét lớn mang tên Quyết thắng 202 lần thứ hai của địch đánh vào Măng Xinh, cơ quan lãnh đạo của khu V. Trong trận này, địch huy động 12 tiểu đoàn, khoảng 5.000 quân và 80 máy bay các loại. Sau một tháng chiến đấu liên tục, ta diệt trên 500 tên địch, bắn rơi 17 máy bay, đánh bại hoàn toàn cuộc càn quét của địch.

Sau chiến thắng Măng Xinh, các lực lượng vũ trang trong tỉnh liên tục tiến công địch ở đồng bằng. Đêm 05-7-1964, bộ đội tập trung của tỉnh tiến công tiêu diệt trung đội bảo an và trung đội dân vệ ở Thổ Đồn (Tur Nghĩa). Hơn một tháng sau, đêm 08-8-1964, bộ đội đặc công 506A tập kích cứ điểm Núi Sấn, huyện Đức Phổ, diệt một trung đội địch, thu 10 súng. Cùng thời gian này, tiểu đoàn 95 Quân khu V tiến công đồn Phước Vĩnh (xã Đức Phú, Mộ Đức), diệt một trung đội bảo an và trụ lại ban ngày diệt quân tiếp viện, bắn cháy một xe M.113. Một bộ phận của tiểu đoàn phục kích trên đoạn đường số 5 từ Trường An đi Ba Tơ, tiêu diệt ba trung đội bảo an và một trung đội biệt kích, thu 49 súng các loại.

Phát huy thắng lợi đạt được, lực lượng vũ trang liên tiếp tổ chức hàng loạt các trận đánh khác. Bộ đội đặc công 506A san bằng cứ điểm Gò Su (xã Nghĩa Thắng, Tur Nghĩa). Tiểu đoàn 83 tập kích tiêu diệt trung đội dân vệ ở ấp Nhơn Lộc (xã Hành Tín, Nghĩa Hành). Lực lượng vũ trang huyện Sơn Tịnh tiến công tiêu diệt liên trung đội dân vệ ở Tịnh Khê, Tịnh Hòa. Lực lượng vũ trang và

du kích Bình Sơn tiến công san bằng nhiều ấp chiến lược, diệt 37 tên địch, thu 29 súng.

Như vậy, trong một thời gian ngắn, lực lượng vũ trang và nhân dân các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ liên tục tiến công tiêu diệt địch, phá ban hàng loạt ấp chiến lược, vây ép các đồn bót địch.

Hoảng hốt trước sức mạnh tiến công của lực lượng vũ trang và nhân dân, từ tháng 8-1964 trở đi, địch co cụm, cố thủ. Chúng phải rút khỏi một số đồn bót như: Tà Ma, Hải Giá, Sơn Cao, Sơn Giang (Sơn Hà), Đá Cuội (Bình Sơn), Gò Su (Tư Nghĩa), Nhon Lộc (Nghĩa Hành), đồn số Bảy, Eo Gió, Núi Bé (Đức Phổ); điều chỉnh, tăng cường lực lượng cho các cụm cứ điểm, cố thủ những vùng xung yếu và dọc trục giao thông, vùng giáp ranh.

Cùng với các hoạt động về quân sự, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân cũng phát triển với quy mô lớn. Đây là thời kỳ đấu tranh chính trị sôi nổi nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Từ ngọn cờ đầu ở Đức Phổ (xã 223 Phổ Hiệp), nhiều cuộc biểu tình của nhân dân đấu tranh trực diện với địch diễn ra đều khắp, mạnh mẽ. Trong năm 1964, có hơn một triệu lượt người tham gia đấu tranh nhập thị, tăng 10 lần so với năm 1963. Đặc biệt, trong tháng 7-1964 có 4 cuộc nhập thị lớn vào thị xã Quảng Ngãi và 15 cuộc nhập thị vào các huyện lỵ với hơn 20 vạn người. Đức Phổ và Bình Sơn là hai huyện có phong trào diễn ra mạnh nhất.

Nhân dân ở thị trấn, thị xã tổ chức nhiều cuộc mít tinh, hội họp để phối hợp với các cuộc nhập thị của đồng bào nông thôn. Phong trào đấu tranh của học sinh các trường Bồ Đề, Trần Quốc Tuấn, Chấn Hưng diễn ra đòi quyền tự do, dân chủ, quyền học hành, chống khủng bố, chống bắt lính...

Ngày 05-5-1964, hưởng ứng phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, hơn một ngàn học sinh, thanh niên Quảng Ngãi tham gia biểu tình, đấu tranh chống địch đánh rớt thí sinh để bắt lính, phát động phong trào học tập Nguyễn Văn Trỗi...

Giữa năm 1964, Hội nghị đại biểu sinh viên, học sinh tỉnh Quảng Ngãi được tổ chức. Hội nghị bầu ra Ban Chấp hành Hội Thanh niên, học sinh, sinh viên giải phóng Quảng Ngãi, ra tờ báo *Con đường sáng* và tờ báo *Tranh đấu* để hướng dẫn, cổ vũ học sinh, sinh viên đứng lên chống Mỹ - ngụy. Các trường Trần Quốc Tuấn, Bồ Đề cũng thành lập Hội Thanh niên, học sinh.

Tháng 8-1964, trên 1.000 học sinh các trường Trần Quốc Tuấn, Bồ Đề, Chấn Hưng... xuống đường, giương cao khẩu hiệu chống bắt lính, phản đối Hiến chương Vũng Tàu<sup>1</sup>, đòi Thủ tướng Nguyễn Khánh phải từ chức. Cuộc đấu tranh của các tôn giáo, nhất là Phật giáo chống độc tài phátxít phản động cầm đạo đã tập hợp được nhiều người xung quanh Mặt trận đoàn kết dân tộc chống đế quốc Mỹ và tay sai.

Công tác binh vận trong năm 1964 đạt kết quả tốt. Việc đào, rã ngũ trong binh lính địch từ lẻ tẻ phát triển lên thành phong trào tập thể. Nhiều binh lính địch trở về với gia đình hoặc tham gia cách mạng.

Trong năm 1964, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh chính trị, phá banh áp chiến lược. Ở đồng bằng, ta xây dựng được 193 thôn chiến đấu. Toàn tỉnh có 8.515 du kích xã, thôn, trong đó các huyện đồng bằng có 6.450 du kích. Nhiều địa đạo lớn được xây dựng, đủ sức

---

1. Ngày 31-01-1964, Nguyễn Khánh, Thủ tướng kiêm Tổng Tư lệnh ngụy quyền đã ký Hiến chương Vũng Tàu, bán cảng Cam Ranh cho Mỹ 99 năm.



bố phòng, chiến đấu như ở huyện Đông Sơn. Nhân dân và du kích Đông Sơn đào được ba địa đạo ở 3 thôn, dài 3,5 km, góp phần đánh bại nhiều trận càn khốc liệt của địch, bảo vệ xóm làng, tài sản của nhân dân.

Cuộc nổi dậy ở nông thôn đồng bằng trong tỉnh lần thứ hai kéo dài đến hết năm 1964. Bằng sức mạnh của hai lực lượng chính trị và quân sự, đấu tranh bằng hai chân, ba mũi giáp công, quân và dân trong tỉnh liên tục tiến công, nổi dậy đánh hàng trăm trận, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, thu hàng trăm súng các loại, phá hủy nhiều xe quân sự, phá banh 232 lượt áp chiến lược, giải phóng 334.500 đồng bào khỏi ách kìm kẹp của Mỹ - ngụy.

Ở đồng bằng, vùng giải phóng được mở rộng và kéo dài từ vùng giáp ranh miền núi đến sát ven biển (từ xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn đến sông Trà Khúc và từ nam sông Vệ đến đèo Bình Đê giáp Bình Định, từ đông huyện Tư Nghĩa nối liền đến đông huyện Đức Phổ). Ta làm chủ 177 thôn với 278.569 dân.

Ở miền núi, ta giải phóng vùng lưu vực sông Rhe, xã Sơn Cao (Sơn Hà), hình thành thế bao vây, buộc địch co cụm trong đồn bót. Đường giao thông từ miền núi đến đồng bằng của địch bị cắt đứt. Áp chiến lược bị phá 50% và biến thành thôn, xã chiến đấu. Lực lượng du kích phát triển mạnh. Ta làm chủ 227 thôn với 66.489 dân.

Từ trong phong trào đấu tranh sôi nổi của quần chúng, các cấp ủy đảng xây dựng được đội ngũ cán bộ đông đảo. Các ban đấu tranh chính trị từ tỉnh đến xã được thành lập, phần lớn do đảng viên lãnh đạo. Tỉnh ủy tổ chức kỷ niệm 10 năm ngày ký Hiệp định Giơnevơ ở đồng bằng, kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh 2-9 ở miền núi, phát hành hàng ngàn tờ báo *Giải phóng* và *Cờ giải phóng*. Hàng chục ngàn hội viên tham gia vào các đoàn thể quần chúng.

Ở miền núi, các huyện Minh Long, Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ còn tổ chức các tổ đổi công, vòng công hợp tác, tương trợ lao động. Toàn miền núi có 57 tổ đổi công thường xuyên và 344 tổ đổi công từng vụ nhằm đẩy mạnh sản xuất, tự túc lương thực, thực phẩm để đối phó với âm mưu bao vây kinh tế của địch.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về việc chia, cấp ruộng đất cho nông dân ở vùng giải phóng và vùng ta làm chủ, đến cuối năm 1964 có 16.037 nông dân được chia 2.091 mẫu ruộng công, ruộng vắng chủ và ruộng của ác ôn. Các huyện miền núi cấy tía 73.784 ang giống lúa, 103.908 ang bắp, trồng 41.726.485 gốc mỳ. Nhờ vậy, bình quân lương thực đầu người tăng từ 200 kg lên 400 kg ở Sơn Hà; từ 182 kg lên 387 kg ở Trà Bồng<sup>1</sup>.

Trong vùng giải phóng, ngành giáo dục tổ chức được 146 lớp học cấp I với 5.000 học sinh, 36 lớp bình dân học vụ với 1.000 học viên; xây dựng các Ban Y tế, đào tạo được 453 y tá, cứu thương, vệ sinh viên. Năm 1964, Đoàn văn công giải phóng Quảng Ngãi ra đời trực thuộc Ban Chính trị Tỉnh đội, đến giữa năm 1965 trực thuộc Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy. Đó là những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, văn nghệ, xuất thân từ con em lao động và học sinh các trường học cách mạng. Anh, chị em văn công vượt qua mưa bom, bão đạn đem lời ca, tiếng hát đến phục vụ các đơn vị, địa phương, cổ vũ tinh thần chiến đấu, lao động sản xuất của toàn thể cán bộ, chiến sĩ và đồng bào cho đến ngày quê hương được giải phóng.

Cuối năm 1964, một trận lụt lớn chưa từng có xảy ra ở tỉnh Quảng Ngãi làm thiệt hại nhiều người và của ở cả miền núi và đồng bằng. Trận lụt làm cho 659 người chết, 48 người bị thương, 2.218 ngôi nhà bị cuốn trôi, 2.000 ngôi nhà bị sập, hàng trăm

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 208-209.

trâu, bò bị chết, hàng ngàn nông cụ bị mất, số thiệt hại lương thực, hoa màu toàn tỉnh ước tính 5.000 tấn<sup>1</sup>. Nhân dân một số nơi như Tân Phước (Bình Minh), Tiên Đào, Phú Lộc (Bình Trung) và thôn Mỹ Huệ (Bình Dương) lâm vào tình cảnh đói ăn, thiếu mặc trầm trọng. Mỹ và chính quyền Sài Gòn cho rằng, trận lụt này có giá trị như một cuộc phản công của nhiều sư đoàn. Chúng lợi dụng thiên tai để càn quét, bắn phá hòng làm cho nhân dân không còn hỗ trợ được lực lượng cách mạng, phải khuất phục chúng.

Khắc phục hậu quả trận lụt gây ra, Tỉnh ủy kịp thời phát động phong trào đoàn kết, giúp đỡ đồng bào bị nạn. Với tinh thần lá lành đùm lá rách, đảng bộ các huyện vận động nhân dân quyên góp 5.888 ang lúa, 7.398 lon gạo, 320 ang muối, 802 ang khoai lang, 206 cây tre, 700 tấm tranh, 7.000 đồng tiền mặt, 816 bộ quần áo và 5.000 ngày công giúp đỡ đồng bào bị nạn<sup>2</sup>. Đồng bào miền Bắc và các tỉnh Nam Bộ kịp thời chi viện lương thực, thuốc chữa bệnh... giúp nhân dân vùng bị lụt kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai. Đồng thời, Tỉnh ủy phát động phong trào toàn dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, cứu đói, ổn định đời sống. Nhờ vậy, cuối năm 1964 đời sống nhân dân dần dần ổn định. Hoạt động của các đoàn thể quần chúng vẫn được duy trì, thực lực cách mạng được giữ vững và phát triển.

Trong năm 1964, công tác đào tạo cán bộ, xây dựng Đảng, nhất là xây dựng các chi bộ cơ sở được Tỉnh ủy chỉ đạo sát sao. Tỉnh mở 15 lớp học cho 205 đảng viên dự bị và cảm tình Đảng.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 209.

2. Theo Báo cáo tình hình năm 1964 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Trường Đảng tỉnh mở 4 lớp cho 102 cán bộ xã ủy, huyện ủy và tương đương, một lớp học tập, quán triệt công tác chi bộ và 6 nhiệm vụ cơ bản của đảng viên. Toàn tỉnh kết nạp được 511 đảng viên ở đồng bằng, nâng tổng số đảng viên lên 3.956 đồng chí. Số đảng viên nữ chiếm 15,5%. Ở miền núi, công tác kết nạp đảng viên còn chậm, trong năm 1964 chỉ kết nạp được 110 đồng chí.

Công tác xây dựng và phát triển chi bộ được quan tâm hơn trước. Các xã đồng bằng phát triển thêm 66 chi bộ, nâng tổng số lên 191 chi bộ, gồm 1.800 đảng viên. Ở miền núi phát triển thêm 5 chi bộ, nâng tổng số lên 112 chi bộ, gồm 1.397 đảng viên. Tuy nhiên, số đảng viên thoát ly quá nhiều so với số đảng viên hoạt động hợp pháp, như ở Nghĩa Hành, số đảng viên hợp pháp là 25/112 đảng viên. Số đảng viên trong tổ chức thanh niên, trong lực lượng du kích còn ít. Một số chi bộ chưa có khả năng tự động trong công tác, hoặc chưa biết cách làm việc trong quần chúng...

Để đưa phong trào cách mạng trong tỉnh tiếp tục tiến lên, thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng Đảng bộ Quảng Ngãi vững mạnh, tháng 01-1965, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI được tổ chức tại xã Ba Điền (Ba Tơ). Dự Đại hội có khoảng 100 đại biểu đại diện cho 3.956 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Trần Kiên (Nguyễn Tuấn Tài) - Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy V trực tiếp chỉ đạo Đại hội. Đại hội đã phân tích, đánh giá phong trào cách mạng của tỉnh trong 5 năm 1960 - 1964 và đề ra phương hướng cho nhiệm kỳ tiếp theo.

Tổng kết tình hình công tác 5 năm 1960 - 1964, Đại hội khẳng định những kết quả to lớn đã đạt được trong chiến đấu và sản xuất, nhất là chiến thắng Mang Xanh (Trà Bồng), bảo vệ vững chắc căn cứ của khu của tỉnh và hai cuộc nổi dậy giành

lại nông thôn đồng bằng trong năm 1962 và 1964. Đại hội kiểm điểm công tác xây dựng Đảng, rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc nhận định tình hình địch, ta; tổ chức và chỉ đạo quần chúng đấu tranh. Năm 1963 là năm khó khăn nhất, nhưng số lượng đảng viên vẫn tăng 277 đồng chí<sup>1</sup>. Hội viên các tổ chức quần chúng tăng lên. Từ tháng 02-1960 đến cuối năm 1964 toàn tỉnh có 216 đồng chí đã hy sinh, trong đó có một đồng chí là Tỉnh ủy viên<sup>2</sup>.

Đại hội rút ra các bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo phong trào là: tin dân và dựa vào quần chúng là nguyên nhân đưa phong trào cách mạng phát triển nhanh chóng; quán triệt và vận dụng đúng đắn, sáng tạo phương châm kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự; giữ vững quyết tâm và lạc quan cách mạng, thực hiện "ba tin" (tin đường lối, tin quần chúng, tin mình).

Đại hội biểu dương hai đơn vị tiêu biểu cho phong trào cách mạng trong tỉnh là xã 223 (Phổ Hiệp, Đức Phổ) và xã 82 (Đức Phong, Mộ Đức).

Đại hội hạ quyết tâm: Giải phóng toàn bộ nông thôn đồng bằng và miền núi, bao vây thị xã Quảng Ngãi và thị trấn, tiến đến giải phóng toàn tỉnh, xây dựng Quảng Ngãi thành hậu phương vững chắc.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 15 đồng chí (13 chính thức, 2 dự khuyết), Ban Thường vụ có 5 đồng chí, đồng chí Trần Kiên làm Bí thư Tỉnh ủy. Sau Đại hội, phong trào thi đua giết giặc lập công được phát động trong toàn tỉnh.

---

1. Số lượng đảng viên năm 1960 có 2.766 đồng chí, cuối năm 1964 có 3.956 đồng chí. Theo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sdd, tr. 212.

2. Theo báo cáo tổng hợp các đại hội trong chống Mỹ, cứu nước, tr. 27.

Về phía địch, sau khi một bộ phận nguy quân bị ta tiêu diệt, tinh thần chiến đấu của địch sa sút, chúng buộc quay về phòng ngự các trục giao thông chính; quân địa phương co lại giữ các ấp chiến lược quanh thị xã, thị trấn và trục quốc lộ 1.

Về phía ta, sau đợt tiến công và nổi dậy năm 1964, quân và dân trong tỉnh giải phóng và làm chủ nhiều vùng rộng lớn, giành lại 50% số dân ở đồng bằng. Phong trào quần chúng phát triển mạnh. Việc quán triệt và vận dụng phương châm kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang đem lại nhiều thắng lợi quan trọng.

Đầu năm 1965, Trung ương, Khu ủy, Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu chủ trương mở đợt hoạt động Xuân 1965 nhằm tiêu hao, tiêu diệt, làm tan rã một bộ phận quan trọng quân nguy, phát triển cao trào nổi dậy ở đồng bằng, phá phần lớn ấp chiến lược, giành lại hầu hết nông thôn đồng bằng. Đợt hoạt động mở đầu từ ngày 07-02 đến ngày 15-4-1965 trên địa bàn toàn khu V, ở cả chiến trường đồng bằng và Tây Nguyên; kết hợp chặt chẽ giữa tiến công của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương với các cuộc nổi dậy của quần chúng một cách liên tục, rộng khắp.

Thực hiện chủ trương này, các lực lượng vũ trang trong tỉnh phối hợp với chiến trường toàn khu liên tục tiến công địch, hỗ trợ cho quần chúng nhân dân nổi dậy phá ấp chiến lược.

Đêm 15-02-1965, Đại đội 401 huyện Sơn Tịnh tấn công tiêu diệt hai trung đội dân vệ ở thôn Bình Đông (Tịnh Bình) giải phóng xã Tịnh Bình; san bằng chốt điểm của địch ở cầu Tam Hân, giải phóng xã Tịnh Bắc. Lực lượng vũ trang huyện tiến công địch ở ấp Thê Long (Tịnh Phong), Kim Lộc (Tịnh Châu), diệt một đại đội địch.

Ở Bình Sơn, lực lượng vũ trang huyện và du kích tiến công các ấp chiến lược xã Bình Dương, Phú Long (Bình Phước),

Nam Yên (Bình Hòa). Liên Trì, đồi Ông Râu (Bình Hiệp), diệt nhiều trung đội dân vệ, quần chúng nổi dậy phá ấp, phá kìm, xây dựng làng chiến đấu.

Ngày 06-3-1965, lực lượng vũ trang của tỉnh phối hợp với lực lượng vũ trang huyện Tư Nghĩa tiến công tiêu diệt đại đội bảo an ở Thu Xà, vận động đánh địch ở Nghĩa Đông, Nghĩa Hòa, kết hợp với quần chúng nổi dậy giải phóng ba xã Nghĩa Hà, Nghĩa Hòa, Nghĩa Đông sát phía đông thị xã Quảng Ngãi.

Các huyện phía nam cũng phối hợp nhịp nhàng, tiến công địch ở An Ba, Hành Thịnh (Nghĩa Hành), Quán Vịt, Trà Câu (Đức Phổ), Quán Hồng (Mộ Đức), diệt hàng trăm tên, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược.

Ở miền núi, lực lượng vũ trang và du kích huyện Ba Tơ đánh địch ở Ba Gia, Ba Tầng, Ba Động, giải phóng trên 3.000 dân. Lực lượng vũ trang và du kích huyện Sơn Hà tiến công địch ở Xóm Gò, Xóm Đồng, Di Oăn, đưa hàng nghìn dân trở về làng cũ.

Phối hợp với việc tiến công các chốt điểm, phá ấp chiến lược, đại đội công binh tinh cùng với du kích và nhân dân địa phương đánh phá, cắt đứt nhiều đoạn đường giao thông ở trục quốc lộ 1. Các đường ngang từ Bình Sơn đi Trà Bồng, Sơn Tịnh đi Sơn Hà, Mộ Đức đi Ba Tơ cũng bị phá từng đoạn, gây cho địch nhiều khó khăn trong việc tiếp tế và ứng viện giữa đồng bằng và miền núi.

Trước sự tiến công và nổi dậy đều khắp của quân và dân trong tỉnh, ngục quyền xã, thôn tốp ra đầu hàng, tốp chạy trốn, binh sĩ đào ngũ, mang súng trở về với cách mạng. Quần chúng nổi dậy phá banh nhiều ấp chiến lược, xây dựng làng chiến đấu. Vùng giải phóng được mở rộng ở hầu hết nông thôn đồng bằng, tạo thế liên hoàn bao vây huyện lỵ, thị xã.

Thắng lợi của đợt hoạt động Xuân 1965 là thắng lợi cả về tiêu diệt lực lượng quân sự địch, giành dân, giành quyền làm chủ, mở rộng vùng giải phóng, phát triển thực lực kháng chiến. Quân và dân tỉnh Quảng Ngãi giành và phát huy mạnh mẽ quyền chủ động trên chiến trường, góp phần cùng toàn miền đẩy chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ đến thất bại hoàn toàn.

Trước nguy cơ bị thất bại của quân ngụy, ngày 06-3-1965, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn quyết định đưa các đơn vị chiến đấu Mỹ trực tiếp vào miền Nam Việt Nam. Ngày 08-3-1965, quân viễn chinh Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng và ngày 07-5, chúng đổ bộ vào Kỳ Hà, Chu Lai, tiến hành lập căn cứ, chuẩn bị cho bước tăng quân ồ ạt tiếp theo, đồng thời hỗ trợ về tinh thần cho ngụy quân, ngụy quyền trước nguy cơ sụp đổ.

Cuối tháng 4-1965, Ban Thường vụ Khu ủy cử đồng chí Phạm Thanh Biên từ Khu về làm Bí thư Tỉnh ủy; bổ sung đồng chí Võ Phấn (Nghị) - Phó Ban Kinh tài Khu ủy V, nguyên Bí thư Tỉnh ủy về làm Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách Ban Kinh tài và Chủ tịch Hội đồng tiền phương tỉnh. Hội nghị Tỉnh ủy cử đồng chí Nguyễn Tấn Viên (Năm Châu) vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Từ ngày 25 đến ngày 29-4-1965, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị đánh giá phong trào cách mạng và nhận định đã đến lúc địch buộc phải sơ hở, điều kiện chuyển thế giữa ta và địch xuất hiện. Hội nghị đề ra nhiệm vụ: Ra sức tiêu diệt sinh lực địch, giành lại toàn bộ nông thôn đồng bằng, thi hành triệt để chính sách ruộng đất, khẩn trương chuẩn bị cải cách ruộng đất, tiến tới khởi nghĩa toàn tỉnh, xây dựng tỉnh thành hậu phương hoàn chỉnh, vững chắc cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam.

Thực hiện Chỉ thị ngày 27-4-1965 của Quân ủy Trung ương và Nghị quyết của Khu ủy, Quân khu ủy quyết định mở hoạt động



Hè mang tên chiến dịch Lê Độ từ ngày 15-5 đến ngày 30-8-1965 nhằm tiếp tục tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân ngụy, phá ập chiến lược, giành lại phần lớn nông thôn đồng bằng, mở rộng vùng giải phóng Nam - Bắc Tây Nguyên, đồng thời sẵn sàng đánh một số trận phủ đầu quân Mỹ. Bộ đội chủ lực khu tập trung tiến công địch ở bốn hướng: Bắc Quảng Ngãi, Nam Tây Nguyên, Tây Gia Lai, Bắc Kon Tum.

Trên hướng bắc tỉnh Quảng Ngãi, trọng điểm của đợt hoạt động ở đồng bằng, ta mở chiến dịch Ba Gia (còn gọi là chiến dịch Tây Sơn Tĩnh). Địa bàn chiến dịch gồm ba huyện Bình Sơn, Sơn Tĩnh, Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi, trong đó cứ điểm Ba Gia, còn gọi là đồn Gò Cao thuộc xã Tĩnh Đông (Sơn Tĩnh) là mục tiêu then chốt.

Đồng chí Trần Kiên - Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy được phân công trực tiếp chỉ đạo chiến dịch Ba Gia. Tháng 6-1965, đồng chí Trần Kiên được phân công làm Phó Tư lệnh Quân khu V, Chủ tịch Hội đồng tiền phương của khu.

Cứ điểm Ba Gia nằm án ngữ ở phía tây huyện Sơn Tĩnh, cùng với cứ điểm Hà Thành (Sơn Hà) và Trà Bồng tạo nên tam giác phòng ngự phía tây tỉnh Quảng Ngãi. Đóng giữ cứ điểm này có Tiểu đoàn 1 của Trung đoàn 51 ngụy. Bên cạnh lực lượng ở Ba Gia, địch còn bố trí Tiểu đoàn 2 của Trung đoàn 51 đứng chân tại thị xã Quảng Ngãi, Tiểu đoàn 3 của Trung đoàn 51 đứng chân ở Châu Ổ (Bình Sơn), hai tiểu đoàn biệt động 37 và 39 thuộc lực lượng cơ động Vùng 1 chiến thuật sẵn sàng ứng cứu.

Thực hiện kế hoạch của Quân khu, Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội nghiên cứu, chuẩn bị phương án tác chiến, xác định các hướng chiến trường: chiến trường trọng điểm phối hợp với Quân khu là phía tây Sơn Tĩnh; chiến trường chính mở mang giành dân là phía đông - nam thị xã, phía đông huyện Mộ Đức và phía đông huyện Đức Phổ. Các huyện khác được

xác định là hướng diện, kết hợp tiến công vào các mục tiêu quy định để mở mảng, giành dân. Ta huy động toàn bộ du kích và dân công ra phía trước chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Đêm 28 rạng ngày 29-5-1965, lực lượng vũ trang địa phương huyện Sơn Tịnh tiến công hai trung đội dân vệ ở ấp chiến lược Diên Niên và một trung đội cộng hòa đóng ở Núi Chợ, Lộc Thọ (Tịnh Sơn).

Bị mất vị trí tiền tiêu và cũng là chốt canh giữ trục đường từ Sơn Tịnh đi Sơn Hà, 6 giờ 45 phút, một đại đội của Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 51 ở Gò Cao ra thăm dò, bị ta phục kích diệt một trung đội, hai trung đội còn lại xin cứu viện.

10 giờ 40 phút, Tiểu đoàn 1 và hai cố vấn Mỹ từ Gò Cao kéo xuống tiếp viện. Khi gặp phải lực lượng chiến đấu của ta ở núi Tròn, núi Khi, tiểu đoàn địch dừng lại triển khai chiến đấu. Các mũi tiến công của ta được giấu kín từ Minh Thành (Tịnh Minh) đến bắc sông Trà Khúc bất ngờ xuất kích, đánh sau lưng đội hình địch. Các mũi chặn đầu, khóa đuôi và chính diện nhanh chóng bao vây, chia cắt địch. Sau 5 giờ, ta tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên, trong đó có hai cố vấn Mỹ, bắt hàng trăm tên (có tên đại úy Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Văn Ngọc). Ta thu hơn 200 súng, phá hỏng 1 pháo 105 ly, 4 xe GMC, 1 xe Jeep. Cùng lúc, ta pháo kích vào đồn Gò Cao, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Được tin Tiểu đoàn 1 bị tiêu diệt, đồn Gò Cao bị uy hiếp, chỉ huy Quân đoàn 1 vội vã điều Tiểu đoàn 39 biệt động quân, lực lượng cơ động của Vùng 1 chiến thuật ở Đà Nẵng vào thị xã Quảng Ngãi, cùng Tiểu đoàn 3 thủy quân lục chiến (lực lượng tổng dự bị chiến lược đang càn quét ở Đức Phổ) và Tiểu đoàn 2 lập thành chiến đoàn, tổ chức hành quân giải tỏa và đưa lực lượng lên giữ đồn Gò Cao.

Ngày 30-5-1965, từ thị xã, chiến đoàn địch kéo lên Tịnh Hà (Sơn Tịnh) và chia làm hai cánh: một cánh do Tiểu đoàn 39 biệt động quân rẽ về phía bắc Phước Lộc đi theo đường Lâm Lộc - Vĩnh Khánh lên chiếm đồi Chóp Nón, bao vây phía sau đội hình của ta; một cánh do Tiểu đoàn 2 của Trung đoàn 51 và Tiểu đoàn 3 thủy quân lục chiến tiến theo đường số 5 Sơn Tịnh đi Sơn Hà.

14 giờ 10 phút, toàn bộ chiến đoàn địch lọt vào trận địa chiến đấu của ta. Lệnh xuất kích truyền xuống. Từ các hướng, lực lượng ta xung phong mãnh liệt, bao vây chia cắt, cô lập hai cánh quân địch.

Tiểu đoàn 39 biệt động quân vừa lên điểm cao Chóp Nón đã bị quân ta đánh bật xuống, chết và bị thương một số tên. Cánh quân của Tiểu đoàn 2 và Tiểu đoàn 3 thủy quân lục chiến bị ta tiến công nên phải dừng lại ở Phước Lộc và tổ chức đối phó.

15 giờ 28 phút, ta tập trung hỏa lực bắn vào Phước Lộc, đồng thời các đơn vị được lệnh đồng loạt xung phong, quân địch bị đánh bật xuống sông. Địch ngoan cố, dựa vào giao thông hào để chống cự. Máy bay địch đến bắn phá, cứu nguy cho quân của chúng, nhưng thất bại. Cán bộ, chiến sĩ của ta triển khai đội hình chiến đấu, dùng lực lượng nhỏ vây hãm địch, đánh chiếm từng đoạn hào. Đến 17 giờ, tiểu đoàn thủy quân lục chiến bị tiêu diệt gần hết. Tiểu đoàn 2 cũng bị thiệt hại nặng. Số địch còn lại vẫn ngoan cố, chúng dựa vào làng Phước Lộc, điểm cao 47, mũi Chóp Nón để chống trả.

Không để cho địch có thời gian củng cố, ta nhanh chóng chuyển sang đánh ban đêm. Đêm 30, rạng ngày 31-5-1965, ta tập trung sức đồng loạt tập kích đánh dứt điểm quân còn lại ở điểm cao 47 và núi Chóp Nón. Chỉ trong 7 phút, số quân còn lại của tiểu đoàn thủy quân lục chiến bị quét sạch, số còn lại bị bắt làm tù binh. Cam go nhất là các mũi tiến công vào làng

Phước Lộc, ta đánh địch tại giao thông hào, có đoạn chỉ 50 m mà tới 90 xác địch; nhiều chiến sĩ của ta cũng anh dũng hy sinh. Sau 42 giờ chiến đấu liên tục, toàn bộ chiến đoàn hỗn hợp nguy bị tiêu diệt.

Khi lực lượng vũ trang tấn công địch, nhân dân các xã Tịnh Sơn, Tịnh Minh, Tịnh Bắc, Tịnh Bình không quản ngại khó khăn, vất vả ngày đêm, vừa nấu cơm, gánh nước ra tận chiến hào phục vụ chiến sĩ dưới làn mưa đạn, vừa dùng dây, gậy, dao, rựa... cùng lực lượng du kích truy bắt tù binh.

Tính chung liên tục trong ba ngày đêm chiến đấu, vận dụng các hình thức chiến thuật, các lực lượng vũ trang của ta tiêu diệt, đánh thiệt hại nặng 4 tiểu đoàn địch, bẻ gãy cuộc hành quân lớn nhằm giải tỏa Ba Gia. Đây là lần đầu tiên trên chiến trường khu V, một trung đoàn chủ lực của ta tiêu diệt một chiến đoàn hỗn hợp tinh nhuệ của địch (916 tên địch bị diệt, trong đó có 4 cố vấn Mỹ, 65 tên bị bắt, ta thu 200 súng các loại).

Chiến thắng Ba Gia là một mốc son lịch sử trong chiến công của quân và dân khu V, góp phần đánh bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ. Đánh giá về chiến thắng Ba Gia, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh khẳng định: Đây là một trận tiêu diệt địch tuyệt đẹp của ta. Lần đầu tiên, trên một địa hình không được thuận lợi và địch chiếm ưu thế binh hỏa lực, ta không những dám đánh mà còn tiêu diệt gọn toàn bộ quân địch, bắt được nhiều tù binh, thu được nhiều vũ khí, còn bên ta thương vong rất ít. Chiến thắng Ba Gia làm nức lòng quân dân ta, là một thất bại nặng nề của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai<sup>1</sup>.

---

1. Xem *Khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng, tập II - Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (thời kỳ 1954 - 1968)*, Bộ Tư lệnh Quân khu V, 1989, tr. 185-186.

Trong khi chiến trường trọng điểm Tây Sơn Tĩnh lập nên chiến công vang dội thì ở hướng chính mở mang giành dân phong trào cũng diễn ra sôi nổi.

Tiêu đoàn 83 cùng các lực lượng vũ trang và du kích địa phương tiến công địch ở các huyện Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, kết hợp với quần chúng nổi dậy phá ban nhiều ấp chiến lược. Vùng phía đông huyện Mộ Đức, phía đông huyện Đức Phổ và đông nam thị xã Quảng Ngãi được giải phóng. Đại đội đặc công 506A và lực lượng vũ trang các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành liên tục đánh địch ở An Chi, Hành Đức, Nghĩa Điền, Nghĩa Trung, Sông Vệ, giải phóng toàn bộ khu vực này.

Đại đội 31 và lực lượng vũ trang các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh tiến công địch, giải phóng toàn bộ khu vực phía đông Bình Sơn và phía đông huyện Sơn Tịnh.

Ở miền núi, quân dân các huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Trà Bồng cũng hiệp đồng chặt chẽ, tiến công vây ép địch vào sát quận lỵ, mở từng mảng liên hoàn rộng lớn.

Trên trục quốc lộ 1 và các đường ngang trong tỉnh luôn bị ta phá, cô lập địch, như các đoạn từ Phổ Khánh đi đèo Bình Đê, Trà Câu (Đức Phổ) đi Thạch Trụ (Mộ Đức), Sơn Tịnh đi Bình Sơn...

Cùng với hoạt động quân sự, Tỉnh ủy phát động phong trào đấu tranh chính trị hỗ trợ cho lực lượng vũ trang. Ngày 03-6-1965, hơn 10 vạn nhân dân các vùng xung quanh thị xã và xung quanh các huyện lỵ Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức kéo đến các trung tâm trụ sở nguy quyền địa phương đấu tranh đòi tìm xác, đòi tin tức của chồng con, đòi chồng, con trở về với gia đình để khỏi chết trận, đòi trợ cấp cho các gia đình binh sĩ thiệt mạng... gây náo loạn cả thị xã và toàn tỉnh.

Đến giữa năm 1965, ở đồng bằng Quảng Ngãi, ta giải phóng và làm chủ 29 xã, 90 thôn với gần 443.665 dân (nếu tính cả

miền núi thì số dân vùng giải phóng và làm chủ toàn tỉnh lên tới 520.505 dân)<sup>1</sup>. Đây là thời kỳ làm chủ, giành dân cao nhất trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước<sup>2</sup>.

Vào thời gian này, để thuận lợi cho việc chỉ đạo phong trào chung các huyện, theo chủ trương của Tỉnh ủy, các huyện có tên gọi thống nhất như sau:

Khu Sáu (gồm 9 xã huyện Ba Tơ và 2 xã Sơn Kỳ, Sơn Ba của huyện Sơn Hà) gọi là huyện Sông Rhe. Khu Bảy (gồm 10 xã phía tây huyện Sơn Hà) gọi là huyện Sơn Tây. Khu Ba (gồm các xã còn lại của huyện Sơn Hà) gọi là huyện Sơn Hà.

Ngày 05-7-1965, Trung đoàn 1 bộ binh, chủ lực Quân khu tiến công cứ điểm Gò Cao, tiêu diệt Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 51 địch vừa mới khôi phục, kết thúc thắng lợi chiến dịch Hè năm 1965 trên chiến trường Quảng Ngãi.

Trong đợt hoạt động Hè năm 1965, đỉnh cao là chiến thắng Ba Gia vang dội, cùng với bộ đội chủ lực, quân và dân Quảng Ngãi liên tục tiến công và nổi dậy đánh bại các chiến lược, chiến thuật chủ yếu của địch, góp phần cùng toàn miền làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ. Thắng lợi đó tạo điều kiện cho quân và dân trong tỉnh có thể đứng vững vàng, chủ động về chiến dịch và chiến đấu trên chiến trường quan trọng của khu V cũng như toàn miền Nam. Đó là điều kiện rất cơ bản bảo đảm cho quân và dân Quảng Ngãi giành thắng lợi khi cuộc chiến tranh chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn đánh thắng chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 221.

2. Theo báo cáo tổng hợp tại các Đại hội trong chống Mỹ, cứu nước tỉnh Quảng Ngãi, tr. 31.

### III- CÙNG CẢ NƯỚC QUYẾT TÂM ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 - 1968)

#### **1. Xây dựng "vành đai diệt Mỹ", phát triển chiến tranh nhân dân, đánh thắng giặc Mỹ ngay từ trận đầu - chiến thắng Vạn Tường lịch sử**

Để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của ngụy quyền Sài Gòn, đế quốc Mỹ quyết định đưa quân trực tiếp tham chiến ở miền Nam, tăng cường vũ khí và phương tiện chiến tranh, thực hiện chiến lược Chiến tranh cục bộ và mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Mỹ hy vọng sẽ "bình định" miền Nam trong vòng 18 tháng.

Đến cuối năm 1965, tổng số lính Mỹ ở miền Nam lên đến 184.000 quân, 20.000 quân chơ hầu và 500.000 quân ngụy. Hạm đội 7 của Mỹ được tăng cường, các phi đoàn máy bay chiến lược B.52 đều trực tiếp tham chiến. Số máy bay của Mỹ ở miền Nam lên đến 2.300 chiếc, xe thiết giáp tăng gấp rưỡi. Nhiều loại vũ khí hiện đại, bom napan, chất độc hóa học được quân Mỹ sử dụng rộng rãi.

Trên chiến trường khu V, chỉ tính từ tháng 3 đến tháng 10-1965, có 120.000 quân Mỹ và chơ hầu, với nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại khác trực tiếp tham chiến<sup>1</sup>.

Ở Quảng Ngãi, tháng 5-1965, đế quốc Mỹ cho 1 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ đổ quân chiếm đóng Núi Đất (Bình Thạnh), điểm cao ở các xã Bình Chánh, Bình Đông (Bình Sơn), án ngữ

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 224.

phía nam căn cứ Chu Lai và khống chế toàn bộ phía đông bắc huyện Bình Sơn, hòng biến các xã trên thành vùng trắng. Chúng thường xuyên cho tàu, thuyền chiến đấu đi tuần tra kiểm soát dọc theo bờ biển. Quân nguy có từ 4 đến 5 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 3 chủ lực. Ngoài ra, lực lượng bảo an và dân vệ được tăng cường gấp đôi so với trước.

Việc đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược Chiến tranh cục bộ ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc đã làm cho chiến tranh lan ra cả nước. Dân tộc ta, Nhân dân ta anh dũng đối diện trước đội quân xâm lược, được trang bị phương tiện, thiết bị chiến tranh hiện đại bậc nhất thế giới.

Tháng 3-1965, Hội nghị Trung ương lần thứ 11 khóa II đề ra nhiệm vụ cơ bản cho cách mạng miền Nam lúc này là: "Tích cực kiềm chế và thắng địch trong cuộc chiến tranh đặc biệt ở mức cao nhất ở miền Nam... đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đối phó và quyết thắng cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam nếu địch gây ra"<sup>1</sup>.

Nhằm quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương 11, Khu ủy V, Tỉnh ủy ban hành chỉ thị hướng dẫn các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng, cán bộ và đảng viên trong tỉnh triển khai mạnh mẽ công tác giáo dục tư tưởng, động viên mọi người nâng cao trình độ nhận thức về tính chất và nhiệm vụ của cuộc chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới. Tổ chức các lớp tập huấn nhằm giáo dục tinh thần chiến đấu ngoan cường của toàn quân, toàn dân trong tỉnh, quyết tâm chiến thắng đế quốc Mỹ xâm lược trong bất kỳ tình huống nào. Phải làm cho mọi người không chỉ dám đánh Mỹ mà còn phải biết cách đánh Mỹ, kiên trì phương châm "hai chân, ba mũi" giáp

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.26, tr. 109.



công và thực hiện chủ trương "bốn tám"<sup>1</sup> do Khu ủy V đề ra từ tháng 7-1965.

Giữa lúc toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đang tìm cách đánh Mỹ, sáng ngày 07-5-1965, tiểu đội du kích xã Bình Đông (Bình Sơn) do đồng chí Nguyễn Phan (Minh) - Trung đội trưởng du kích xã chỉ huy tổ chức phục kích địch tại bến Tân Hy, bắn chìm và diệt gọn tiểu đội lính Mỹ (7 tên) khi chúng đi tuần tiễu theo bờ biển từ Chu Lai vào Bình Sơn. Ta thu một khẩu súng và nhiều lựu đạn, bao thất lừng.

Đây là trận đánh phủ đầu quân Mỹ khi chúng vừa đặt chân lên đất Bình Đông (Bình Sơn); là trận đánh Mỹ đầu tiên trên chiến trường Quảng Ngãi nói riêng, khu V nói chung, mở ra khả năng mới cho quân dân trong tỉnh thi đua quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược<sup>2</sup>.

Quyết tâm làm thất bại chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ - ngụy, tháng 5-1965, Khu ủy và Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Nam Trung Bộ mở cuộc vận động "Nhà nhà đón thư Đảng, bàn việc đánh Mỹ, cứu nước, cứu nhà"; phát động phong trào toàn dân hiến kế đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Bộ Tư lệnh Quân khu tổ chức hội nghị quân chính và hội nghị du kích chiến tranh bàn công tác tư tưởng, xây dựng lực lượng, phát động phong trào thi đua "Quyết đánh, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược", đặt danh hiệu "Dũng sĩ diệt Mỹ" tặng cho cán bộ, chiến sĩ có nhiều thành tích diệt Mỹ.

---

1. Bốn tám: dân tám đất, cán bộ tám dân, bộ đội du kích tám địch, cấp trên tám cấp dưới.

2. Trận đánh phủ đầu tiêu diệt một đại đội lính Mỹ của lực lượng vũ trang Quảng Nam và quân dân huyện Núi Thành diễn ra ngày 25-5-1965.

Tiếp thu chủ trương của Khu ủy và Mặt trận Dân tộc giải phóng, Tỉnh ủy cũng phát động phong trào thi đua, các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng được tổ chức trong cán bộ, đảng viên, chiến sĩ để học tập nghị quyết của Trung ương, Khu ủy V và Tỉnh ủy. Khẩu hiệu "Tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt", "Thề quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" được phổ biến sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là các lực lượng vũ trang, du kích xã, thôn. Nhiều thanh niên trong vùng giải phóng và cả trong vùng địch hăng hái tham gia lực lượng vũ trang. Một số địa phương thành lập đội Quyết tử diệt Mỹ.

Vừa chuẩn bị lực lượng chiến đấu trong vùng giải phóng nông thôn đồng bằng, thực hiện chủ trương của Khu ủy, Tỉnh ủy mở đợt động viên chính trị sâu rộng, phát động quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Điểm chỉ đạo đầu tiên của tỉnh được tổ chức trong tháng 7-1965 tại xã Phổ Nhơn (Đức Phổ). Sau xã điểm, tỉnh tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm và triển khai ở các huyện đồng bằng trong tháng 8 và tháng 9-1965.

Bên cạnh đó, Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện một số chính sách ruộng đất ở vùng giải phóng, tạm cấp, tạm giao 2.887 mẫu ruộng công điền, ruộng vắng chủ cho nông dân không ruộng hoặc thiếu ruộng, mang lại quyền lợi thiết thực cho nhân dân, động viên nhân dân tích cực đóng góp cho cách mạng. Phong trào vận công, hợp tác sản xuất được đẩy mạnh. Nhân dân ở 54 xã đồng bằng và 64 xã ở miền núi thực hiện tốt công tác đảm phụ kháng chiến. Năm 1965, toàn tỉnh huy động được 420.363 ngày công phục vụ kháng chiến, động viên được 2.852 thanh niên xung phong, 3.905 thanh niên gia nhập quân đội. Nhân dân quyên góp được 1.552 tấn gạo và hơn 11 triệu đồng<sup>1</sup>.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 228.

Hội Phụ nữ Quảng Ngãi tích cực xây dựng tổ chức hội, phát triển hội viên, đưa tổng số lên 42.861 hội viên phụ nữ giải phóng và phát động phong trào "Bốn đảm đang", vận động các mẹ, các chị vừa đảm đang việc nhà, vừa tích cực vận động chồng con tham gia kháng chiến; tích cực tham gia đấu tranh chống Mỹ - nguy, quyết không sợ Mỹ, sẵn sàng đấu tranh trực diện với chúng.

Đoàn Thanh niên phát động phong trào "Năm xung phong", ra sức xây dựng và phát triển Đoàn Thanh niên giải phóng. Năm 1965, toàn tỉnh kết nạp được 13.500 đoàn viên thanh niên giải phóng.

Phong trào "Tuổi nhỏ chí lớn, làm việc anh hùng" được phát động và có hiệu quả thiết thực. Nhiều tấm gương chiến đấu hy sinh của thiếu niên, nhi đồng xuất hiện ở các địa phương, như Đoàn Văn Luyện, Nguyễn Văn Hữu ở huyện Bình Sơn...

Tháng 4-1965, Tỉnh ủy ra nghị quyết về xây dựng và phát triển Đảng với phương châm "Phong trào nào cán bộ ấy, không ý lại trông chờ cấp trên". Tỉnh ủy chủ trương năm 1965 cần phát triển Đảng ở các xã ven trục giao thông, thị xã, thị trấn, các khu đồn dân và vùng địch kiểm soát. Ở các xã, thôn phải có đảng viên, bình quân cứ 5.000 dân phải có một chi bộ.

Thực hiện chủ trương trên, công tác xây dựng và phát triển Đảng được các tổ chức đảng quan tâm. Năm 1965, thị xã, thị trấn và các vùng ven đều thành lập được chi bộ; có 1.445 đảng viên được kết nạp, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên 5.324 đồng chí, với 298 chi bộ, trong đó có 268 chi bộ chính thức và 30 chi bộ dự bị.

Tháng 6-1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy mở đợt chính huấn nhằm nâng cao tinh thần chiến đấu cho cán bộ, đảng viên quyết tâm chiến thắng giặc Mỹ xâm lược, tuyệt đối tin tưởng vào

Đảng, vào cách mạng. Qua cuộc chỉnh huấn đã xuất hiện nhiều chi bộ, đảng bộ tiên tiến, đi đầu trong phong trào "Tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt"; nổi bật là Đảng bộ xã Bình Chánh, Bình Đông, Bình Châu, Bình Trung (Bình Sơn); Tịnh Khê, Tịnh Thọ, Tịnh Giang (Sơn Tịnh); Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Sơn, Nghĩa An (Tư Nghĩa); Phổ Minh, Phổ Thuận (Đức Phổ); Đức Phong (Mộ Đức); Hành Tín, Hành Thịnh (Nghĩa Hành); Trà Quân (Trà Bồng); Sơn Trung (Sơn Hà); Long Thành (Minh Long), v.v..

Bên cạnh kết quả đạt được thì vẫn còn một số đảng viên chưa phát huy được vai trò tích cực, chưa mạnh dạn lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Với tinh thần quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, Tỉnh ủy chủ trương tập trung lực lượng xây dựng làng, xã chiến đấu, lập "vành đai diệt Mỹ", phát triển du kích chiến tranh, tăng cường lực lượng chiến đấu. Khắp vùng giải phóng, nhân dân cùng du kích ngày đêm xây dựng công sự, đào địa đạo, giao thông hào, biến nông thôn thành trận địa phản kích và tiến công địch.

Thực hiện chủ trương của cấp trên, "Vành đai diệt Mỹ" ở phía nam căn cứ quân sự Chu Lai được hình thành, gồm các xã Bình Thạnh, Bình Đông, Bình Thuận, Bình Chánh và Bình Nguyên. Ban Chỉ đạo "Vành đai diệt Mỹ" gồm các đồng chí Bí thư Huyện ủy Bình Sơn, Chính trị viên, Huyện đội trưởng và Chính trị viên phó Huyện đội Bình Sơn. Đây là địa bàn tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch, là địa bàn trụ bám của các lực lượng tại chỗ, đồng thời cũng là nơi tiếp nhận triển khai các lực lượng phía sau tiến công vào căn cứ đồn, bót của Mỹ. Tại đây hệ thống địa đạo được xây dựng nối liền với các thôn, xóm, nhất là vùng đông Bình Sơn. Địa đạo có thể chứa được hàng

ngàn người, có chỗ dự trữ lương thực, đạn dược, vũ khí, có trạm cứu thương. Đến tháng 6-1965, việc xây dựng "Vành đai diệt Mỹ" hoàn thành. Thế trận chiến tranh nhân dân đánh Mỹ, thắng Mỹ đã sẵn sàng.

Ở các xã Bình Thanh, Bình Hải, Bình Châu (Bình Sơn) Tịnh Khê, Tịnh Kỳ (Sơn Tịnh), Đức Phong (Mộ Đức), Phổ Ninh, Phổ An (Đức Phổ)... làng chiến đấu được xây dựng liên hoàn giữa các thôn xóm, tạo thành thế trận chiến tranh nhân dân và tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng vũ trang cơ động chiến đấu.

Việc huy động nhân dân đóng góp sức người, sức của phục vụ kháng chiến đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhiều gia đình ở Tịnh Khê (Sơn Tịnh) hiến cả vườn dừa, nguồn sống chính của gia đình để du kích xây dựng công sự. Có người dỡ cả nhà cửa để làm công sự, hầm trú ẩn. Hàng ngàn thanh niên ở vùng giải phóng và cả ở vùng địch tạm chiếm xung phong lên đường nhập ngũ. Nhiều bà mẹ dẫn con đến gặp chính quyền cách mạng hoặc nơi đơn vị đóng quân xin cho con mình được gia nhập lực lượng vũ trang, cầm súng đánh Mỹ.

Để thực hiện tốt ba mũi giáp công trong giai đoạn mới, từ ngày 10 đến ngày 15-5-1965, Hội nghị Tỉnh ủy quyết định thành lập thị xã Quảng Ngãi trên cơ sở tách một số xã của huyện Tư Nghĩa trước đây, gồm: Cẩm Thành (nội thị), Nghĩa Lộ, Nghĩa Điền. Ban cán sự thị xã Quảng Ngãi được thành lập gồm 5 đồng chí. Đồng chí Trần Văn (Vỹ, Động) được cử làm Bí thư, đồng chí Tạ Công Hiền (Mai Lương) làm Phó Bí thư.

Về phát triển lực lượng, đến cuối năm 1965, toàn tỉnh có 2 tiểu đoàn bộ đội chủ lực, 2.764 du kích xã, 7.461 du kích thôn, 612 du kích mật và 5.160 dân quân, xây dựng được 294 thôn chiến đấu. Nhân dân đào được gần 20 km địa đạo và 710 km

giao thông hào, 845 công sự chiến đấu, 26.547 hầm chống tăng<sup>1</sup>. Ở một số địa phương bắt đầu xây dựng các đội du kích đặc công, các xưởng tu sửa vũ khí.

Từ khi đặt chân lên đất Quảng Ngãi, Mỹ - ngụy mở hàng loạt cuộc càn quét đẫm máu vào vùng giải phóng. Chúng tiến hành các chiến dịch bình định nông thôn như "Chim ưng", "Về làng" ở đồng bằng, "Trường Sơn" ở miền núi hòng chiếm lại những vùng đã mất. Với các chiến dịch trên, Mỹ - ngụy gây nhiều thiệt hại về người và của khắp các địa phương trong tỉnh. Chỉ trong thời gian ngắn, 77 thôn, xóm bị địch càn quét, giết chết 700 người, làm bị thương 605 người, 1.229 người bị bắt; 9.831 ngôi nhà bị cháy; hàng ngàn trâu bò, gia súc bị giết hại; hàng ngàn tấn thóc bị đốt cháy<sup>2</sup>. Mỹ cho máy bay chiến lược B.52 đánh phá nhiều lần vào vùng căn cứ ở Nà Niêu, Suối Tó, Đá Vách, Núi Dầu và một số xã ở phía tây Sơn Tịnh và Tư Nghĩa. Chúng cưỡng bức 50.000 đồng bào vào các khu dồn dân, áp chiến lược. Mỹ - ngụy còn cho quân lấn chiếm một số vùng giải phóng, như đông bắc Bình Sơn, đông Tư Nghĩa, đông bắc Mộ Đức, xã Hành Phước (Nghĩa Hành) và hai xã đồng bào Kinh ở Trà Bồng, Ba Tơ.

Trong tháng 6 và tháng 7-1965, Mỹ liên tục cho quân càn quét, đánh phá các xã Bình Đông, Bình Thạnh, Bình Thuận...; chúng đốt cháy hàng trăm ngôi nhà, sát hại hàng chục người dân hoặc đánh đập, tra tấn dã man. Quân và dân các xã "Vành đai diệt Mỹ" lần lượt đánh bại các cuộc hành quân, càn quét của địch. Lực lượng vũ trang địa phương và du kích Bình Sơn chiến đấu anh dũng, đánh địch cả trên bộ, trên biển, diệt xe

---

1, 2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđđ, tr. 230, 232.

bọc thép M.113, bắt sống lính Mỹ, thu nhiều chiến lợi phẩm, trong đó có 1 xe Jeep còn nguyên vẹn.

Những trận đầu diệt Mỹ thắng lợi tạo khí thế thi đua diệt Mỹ, diệt nguy diễn ra sôi nổi khắp các xã ở huyện Bình Sơn và một số xã ở các huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành... Phong trào thi đua giết giặc lập công được nhiều địa phương hưởng ứng, danh hiệu "Dũng sĩ diệt Mỹ" xuất hiện. Ở các huyện chưa có quân Mỹ đóng chốt, Tỉnh ủy cử từng trung đội vũ trang huyện và du kích xã đến "Vành đai diệt Mỹ" tham gia chiến đấu rút kinh nghiệm.

Ngày 03-8-1965, quân Mỹ huy động 2 tiểu đoàn, 18 máy bay, 5 xe bọc thép chia làm 3 cánh quân càn vào 2 xã Hành Đức, Hành Phước (Nghĩa Hành), dùng hơi độc khủng bố, giết 78 người, hầu hết là người già, phụ nữ và trẻ em. Sau đó, chúng còn sục sạo khắp thôn, đốt cháy 556 nóc nhà, bắn chết và cướp đi 842 con trâu, bò của nhân dân<sup>1</sup>.

Sau chiến thắng Ba Gia, Trung đoàn 1 bộ binh chủ lực Quân khu V được mang tên Trung đoàn Ba Gia về đứng chân ở các xã ven biển Bình Hải, Bình Hòa, Bình Phú, Bình Tân (Bình Sơn). Suốt một tháng, nhân dân địa phương thường xuyên ủng hộ lương thực, thực phẩm, nuôi dưỡng cán bộ, chiến sĩ của trung đoàn. Nhân dân và đội du kích vành đai cũng như các xã ven biển thay nhau tổ chức tuần tra, bảo vệ, đảm bảo cho đơn vị vừa nghỉ ngơi, sinh hoạt vừa huấn luyện quân sự chuẩn bị cho đợt ra quân mới.

Do đơn vị đóng quân dài ngày sát căn cứ Mỹ nên bị chúng phát hiện. Địch coi đây là thời điểm thuận lợi để xuất quân và

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Nghĩa Hành: *Lịch sử Đảng bộ huyện Nghĩa Hành (1930 - 1975)*, Quảng Ngãi, 2014, tr.217.

phát huy thế mạnh của hỏa lực, của binh chủng, kỹ thuật quân sự hiện đại nên địch quyết định mở cuộc hành quân "Ánh sáng sao".

Đêm ngày 17-8-1965, hơn chục chiếc tàu chiến Mỹ thuộc Hạm đội 7 từ ngoài khơi, liên tục bắn đại bác vào thôn Vạn Tường (Bình Hải) và các điểm cao xung quanh.

Ngày 18-8-1965, quân Mỹ gồm 4 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ, 1 tiểu đoàn xe tăng và xe bọc thép, 2 tiểu đoàn pháo 105 ly, 6 tàu đổ bộ và pháo hạm cùng hàng trăm máy bay chiến đấu, mở cuộc hành quân phối hợp hải, lục, không quân tiến vào Vạn Tường và các thôn, xóm xung quanh.

Kết quả, sau một ngày đêm phối hợp chiến đấu quyết liệt và vô cùng dũng cảm, gan dạ, Trung đoàn 1 (Trung đoàn Ba Gia) Quân khu V, Đại đội 31 và dân quân, du kích các xã Bình Hòa, Bình Hải, Bình Phú, Bình Trị (Bình Sơn) đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân lớn của quân đội Mỹ, loại khỏi vòng chiến đấu 919 tên Mỹ, bắn cháy, bắn hỏng 22 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 13 máy bay và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của chúng. Đây là đòn phủ đầu oanh liệt, giáng vào lính thủy đánh bộ Mỹ - một binh chủng được xem là ưu tú nhất của quân đội Mỹ, góp phần cùng lực lượng vũ trang đánh Mỹ. Nhân dân ở hai xã Bình Hải, Bình Hòa dũng cảm vượt qua làn đạn của kẻ thù khiêng 120 thương binh thoát khỏi vòng vây địch. Lực lượng vũ trang địa phương và du kích dẫn đường cho các chiến sĩ của trung đoàn chủ lực rút lui an toàn. Nhân dân các xã Bình Trị, Bình Phước, Bình Đông tận tình chăm sóc thương binh và chuyển 40 thương binh còn lại trong hầm địa đạo ra khỏi vòng vây của địch, giao cho du kích các xã Bình Châu, Bình Phú, Bình Tân, Bình Thanh chuyển số thương binh trên vượt quốc lộ 1 rút về tuyến sau an toàn.

Chiến thắng Vạn Tường có ý nghĩa lịch sử to lớn: "Nếu trận Ấp Bắc đầu năm 1963 đã mở đầu cho một cao trào đánh bại



chiến thuật trực thăng vận và thủy xa vận của Mỹ yểm hộ cho những lực lượng lớn của quân Mỹ ở đồng bằng, thì ta cũng có thể coi trận Vạn Tường trong tháng 8-1965 là một trận Ấp Bắc đối với quân đội Mỹ. Trận Vạn Tường đã chứng tỏ một cách hùng hồn rằng quân đội ta hoàn toàn có khả năng đánh bại được quân đội Mỹ trong điều kiện chúng có mọi ưu thế tuyệt đối về binh khí, hỏa lực so với quân đội ta. Và rõ ràng là sau trận Vạn Tường đã có một loạt trận quân giải phóng miền Nam chiến thắng quân đội Mỹ một cách hết sức oanh liệt. Vì vậy ta có thể kết luận rằng sắp tới, chúng ta có khả năng đánh thắng quân Mỹ, và có thể tiêu diệt được một bộ phận quan trọng sinh lực của quân đội Mỹ"<sup>1</sup>.

Tại cuộc họp báo ngày 27-8-1965, Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam khẳng định: "Trận Vạn Tường nêu lên những bài học quân dân đoàn kết một lòng đánh Mỹ, nêu cao tinh thần Ấp Bắc. Ta phản công địch quyết liệt khi địch tấn công ta, bài học lấy ít thắng nhiều, bài học làng chiến đấu làm chỗ dựa luôn luôn sẵn sàng cho bộ đội ta đánh địch, với tinh thần quyết chiến quyết thắng, đánh gần, "Nắm thắt lưng địch mà đánh", đánh diệt xe tăng, xe bọc thép bằng mọi vũ khí, diệt thật nhiều địch, bảo toàn lực lượng, bảo vệ nhân dân"<sup>2</sup>.

Bị thất bại nặng nề trong trận Vạn Tường, lính Mỹ điên cuồng mở các cuộc càn quét ở xã Bình Phú, Bình Châu, Bình Tân. Chúng phát hiện và đánh sập địa đạo Đám Toái, thôn Phú Quý (xã Bình Châu, Bình Sơn). Sáng ngày 09-9-1965, địch giết hại

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.26, tr. 580.

2. Đảng bộ Quân khu V: *Lịch sử Đảng bộ Quân khu V (1946 - 2010)*, tập 2: *Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Sđd, tr. 212-213.

toàn bộ 66 y, bác sĩ, hộ lý và thương, bệnh binh thuộc trạm phẫu tiên phương (A.100) của Tỉnh đội Quảng Ngãi.

Đề động viên tinh thần quyết chiến và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, từ ngày 11 đến ngày 15-9-1965, Tỉnh ủy tổ chức Đại hội chiến sĩ thi đua toàn tỉnh. Nhiều tập thể điển hình báo cáo trước đại hội như: phong trào đấu tranh "hai chân, ba mũi" của xã 223 - Phổ Hiệp (Đức Phổ); phong trào xây dựng "Vành đai diệt Mỹ" của các xã phía bắc huyện Bình Sơn; phong trào đóng góp sức người, sức của xây dựng làng, xã chiến đấu giỏi ở Tịnh Khê (Sơn Tịnh); phong trào chiến đấu giỏi, sản xuất tốt ở miền núi của xã Sơn Thủy (Sơn Hà)... Đại hội còn nghe các báo cáo của các dũng sĩ diệt Mỹ, như Nguyễn Phụng, xã Bình Mỹ, Nguyễn Văn Hữu, xã Bình Đông, Đoàn Văn Luyện, xã Bình Thạnh (Bình Sơn) và Nguyễn Văn Thơ (Đức Phổ).

Sau chiến thắng Vạn Tường, toàn miền Nam bước vào chiến dịch Thu - Đông 1965. Chủ trương mở rộng vùng giải phóng của Tỉnh ủy được tiếp tục thực hiện. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, quân dân các huyện Minh Long, Nghĩa Hành nổi dậy phá ấp chiến lược, phối hợp với các lực lượng vũ trang của Quân khu, tinh tiến công tiêu diệt cứ điểm Minh Long, bức rút cứ điểm cầu Cộng Hòa (Nghĩa Hành), phá hàng loạt ấp chiến lược và khu dồn dân, giải phóng toàn bộ khu vực cầu Cộng Hòa đến giáp quận lỵ Minh Long.

Cùng với hoạt động vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị của mọi tầng lớp nhân dân phát triển khá mạnh. Toàn tỉnh có 2.581 cuộc đấu tranh chính trị trực diện với quân Mỹ, thu hút hàng vạn lượt người tham gia. Nổi bật là đồng bào các huyện Đức Phổ, Bình Sơn, Sơn Tịnh đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống gom dân lập ấp, cướp đoạt tài sản của nhân dân. Ở các địa phương đều thành lập ban chỉ huy đấu tranh chính trị và binh vận, có nhiệm vụ tuyên truyền rộng rãi chính sách của Mặt trận Dân

tộc giải phóng cho binh lính và sĩ quan địch, vận động gia đình họ đòi chồng con trở về; tiến hành rộng rãi việc tán phát truyền đơn, áp phích kêu gọi binh lính địch phản chiến trở về với nhân dân.

Qua các đợt đấu tranh chính trị và binh vận, có hàng trăm binh lính địch đào ngũ, rã ngũ, trong đó có một số trung đội nghĩa quân, dân vệ, biệt kích. Ta vận động hàng ngàn lượt người trong gia đình binh lính cùng nhân dân tham gia đấu tranh chính trị, binh vận; vận động 47 người tình nguyện tham gia lực lượng vũ trang; phóng thích 299 tù binh trở về với gia đình. Các đội tuyên truyền vũ trang gửi hàng chục nghìn lá thư kêu gọi binh lính, nhân viên ngụy quyền về với cách mạng. Cuối năm 1965, toàn tỉnh có 11 xã làm tốt công tác binh vận, xây dựng được hàng chục cơ sở hoạt động nội tuyến ở thị xã, thị trấn.

Những thắng lợi về chính trị, quân sự, kinh tế, binh vận tạo được thế và lực mới, đưa phong trào chiến tranh nhân dân ở Quảng Ngãi tiếp tục tiến lên. Tư tưởng không sợ Mỹ, dám đánh Mỹ và quyết thắng Mỹ được xác định. Ta giữ được thế chủ động ở những địa bàn tiếp cận với lính Mỹ, giữ được thế trận bao vây, sẵn sàng tiêu diệt quân Mỹ từ trong sào huyệt của chúng.

## **2. Góp phần đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967 của đế quốc Mỹ**

Cuối năm 1965, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu vào miền Nam Việt Nam để thực hiện chiến lược quân sự mới.

Tháng 12-1965, Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (khóa III), khẳng định quyết tâm đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ

miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện thống nhất nước nhà.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 12, Thường vụ Khu ủy V, Tỉnh ủy kêu gọi quân và dân trong tỉnh giữ vững quyết tâm, tiến công liên tục, đánh bại kế hoạch mùa khô 1965 - 1966 của địch, đẩy mạnh tiêu diệt quân Mỹ, làm tan rã quân nguy, giữ vững, xây dựng và mở rộng căn cứ miền núi, vùng giải phóng đồng bằng, phát triển phong trào thành phố, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, chính trị, binh vận, sẵn sàng khởi nghĩa trong toàn tỉnh khi có thời cơ.

Tháng 02-1966, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị bàn biện pháp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đồng thời khẩn trương chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng chủ động đối phó với địch. Đặc biệt, Hội nghị nhấn mạnh đến công tác tư tưởng, coi đây là nhiệm vụ then chốt, chống tư tưởng hủu khuynh, sợ Mỹ, sợ ác liệt. Tỉnh ủy còn tổ chức các đợt học tập nghị quyết của Trung ương, Khu ủy và Tỉnh ủy, với nội dung lấy công tác xây dựng chi bộ làm trọng tâm; xây dựng chi bộ "Bốn tốt", đảng viên "Bốn tốt" theo Nghị quyết của Khu ủy V (tháng 4-1966).

Qua các đợt học tập, xuất hiện nhiều chi bộ khá thuộc huyện Bình Sơn, Đức Phổ, Tư Nghĩa, Sơn Hà, Ba Tơ. Nhận thức về quan điểm lập trường, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ của cán bộ, đảng viên được nâng cao. Các đồng chí nêu cao tinh thần kiên cường, dũng cảm trong chiến đấu; bền bỉ chịu đựng, bám dân, bám đất hoạt động, xây dựng được nhiều cơ sở nội tuyến, làm cho địch càng bị động và suy yếu. Các địa phương xuất hiện nhiều dũng sĩ diệt Mỹ. Tình trạng xa rời quần chúng, dao động trong chiến đấu được khắc phục. Công tác xây dựng và phát triển Đảng được cấp

ủy chú ý đúng mức. Số đảng viên mới kết nạp tăng gấp đôi so với năm trước.

Cuối năm 1965, đầu năm 1966, Mỹ tập trung lực lượng cơ động mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965 - 1966) với mục tiêu: Tiêu diệt một bộ phận quan trọng chủ lực quân giải phóng, phá căn cứ du kích, kho tàng, hành lang nhằm giành lại thế chủ động trên chiến trường, mở rộng và củng cố vùng chiếm đóng, khai thông các tuyến giao thông chiến lược, chặn đứng sự sụp đổ của ngụy quyền Sài Gòn và sự tan rã của ngụy quân.

Để thực hiện mục tiêu trên, đế quốc Mỹ sử dụng 72 vạn quân Mỹ, ngụy và chư hầu, hơn 1.000 khẩu đại bác, 1.342 xe tăng, xe bọc thép, 2.288 máy bay các loại, 541 tàu xuồng chiến đấu ồ ạt tiến công ra năm hướng, trọng điểm là miền Đông Nam Bộ và khu V<sup>1</sup>.

Ở khu V, ngày 28-01-1966, Sư đoàn kỵ binh không vận số 1, Sư đoàn Mãnh hổ, hai chiến đoàn dù ngụy mở cuộc hành quân đánh vào bắc Bình Định và nam Quảng Ngãi nhằm tiêu diệt các đơn vị chủ lực của Quân khu V và của tỉnh, phá căn cứ du kích, bảo vệ an toàn cho các căn cứ Mỹ dọc ven biển Nam Trung Bộ.

Ở Quảng Ngãi, Mỹ - ngụy mở cuộc hành quân "Điều hâu đôi" (Double Eagle) với 5 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ và 8 tiểu đoàn quân ngụy đánh vào bốn huyện: Đức Phổ, Ba Tơ, Mộ Đức và Nghĩa Hành, trọng điểm là Đức Phổ.

Phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang tỉnh Bình Định, quân và dân bốn huyện cùng với lực lượng vũ trang Quân khu V

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 239.

chiến đấu quyết liệt đánh bại cuộc hành quân của lính thủy đánh bộ Mỹ. Đặc biệt, nhân dân huyện Đức Phổ tổ chức thành 6 cụm liên hoàn, lực lượng vũ trang địa phương và du kích phối hợp lực lượng đấu tranh chính trị của nhân dân, liên tục tập kích, phục kích, quấy rối, bắn tỉa, tiêu hao, tiêu diệt từng tiểu đội, trung đội Mỹ - nguy, ngăn chặn lính Mỹ đốt nhà, đòi cứu chữa người bị thương.

Sau 20 ngày chiến đấu dũng cảm, quân dân Đức Phổ loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên địch, bắn rơi 28 máy bay, vùng giải phóng được giữ vững. Nhân dân xã Phổ Cường (Đức Phổ) được Quân khu V tặng danh hiệu Xã Anh hùng và 14 xã trong huyện được công nhận là Đơn vị Anh hùng diệt Mỹ.

Tiếp đó, Bộ Tư lệnh Quân khu V quyết định mở chiến dịch tây Sơn Tĩnh nhằm kéo địch ra ngoài công sự, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, buộc chúng phải phân tán lực lượng đối phó, tạo điều kiện cho Sư đoàn 3 chủ lực Quân khu V và lực lượng vũ trang của tỉnh đánh bại các cuộc hành quân của địch.

Ngày 20-02-1966, chiến dịch tây Sơn Tĩnh bắt đầu. Địch phải dùng 7 tiểu đoàn Mỹ - nguy, 1 chi đoàn xe thiết giáp tiến công vào tây Sơn Tĩnh. Được sự phối hợp của Sư đoàn 3 chủ lực Quân khu V và lực lượng vũ trang tỉnh, quân dân hai huyện Bình Sơn, Sơn Tĩnh liên tục phản công, đánh bại các cuộc càn quét của Mỹ - nguy.

Ngày 04 và 05-3-1966, ta tiến công tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ ở đồi 62, Đông Giáp (xã Tĩnh Bình, Sơn Tĩnh). Tiếp đó, Tiểu đoàn 48 của tỉnh phối hợp với quân dân huyện Bình Sơn tiêu diệt cứ điểm Gò Sỏi (Bình Trung) do lính Mỹ đóng giữ, diệt và làm bị thương nhiều lính Mỹ, thu 2 súng cối 81 ly, phá hủy 4 xe tăng và 2 xe M.113.

Bị thiệt hại nặng ở tây Sơn Tịnh, Mỹ phải ra lệnh chấm dứt cuộc hành quân tìm diệt vào các tỉnh đồng bằng khu V. Ngày 07-3-1966, lính thủy đánh bộ Mỹ rút khỏi tây Sơn Tịnh và kết thúc cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất vào tháng 4-1966, sớm hơn dự định hai tháng.

Cùng với các trận đánh ở Đức Phổ và tây Sơn Tịnh, lực lượng vũ trang tỉnh với sự hỗ trợ của quân và dân Nghĩa Hành, trực tiếp là nhân dân xã Hành Thịnh tiến công địch trong hai ngày 23-3 và 12-5-1966, diệt hàng trăm tên địch, trong đó có 8 cố vấn Mỹ, bắt sống 2 sĩ quan, bắn rơi 1 máy bay, bắn cháy 4 xe tăng, thu nhiều quân trang, quân dụng.

Qua chiến đấu ác liệt, lực lượng vũ trang cách mạng của Quảng Ngãi không ngừng lớn mạnh về số lượng, nắm được khả năng và hành động của quân Mỹ và chư hầu, rút được kinh nghiệm về cách đánh của chiến tranh nhân dân, biết kết hợp tiến công địch bằng ba mũi giáp công. Vùng giải phóng của tỉnh được củng cố và mở rộng, tăng thêm tiềm lực cho cuộc kháng chiến. Chính quyền Sài Gòn suy yếu, mất lòng tin vào quân Mỹ.

Thất bại nặng nề trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965 - 1966), đế quốc Mỹ tăng cường lực lượng quân sự, chuẩn bị mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai (1966 - 1967), với hai gọng kìm "tìm diệt và bình định". Trước những hành động của đế quốc Mỹ, ngày 17-7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Tỉnh ủy mở nhiều đợt sinh hoạt chính trị học tập, quán triệt nội dung Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, củng cố tinh thần quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Tỉnh Quảng Ngãi là một trong những trọng điểm "bình định" của Mỹ trên chiến trường khu V. Chúng đưa hàng chục

nghìn quân tinh nhuệ trực tiếp đóng ở các chốt điểm, chủ yếu ở hai huyện Đức Phổ và Bình Sơn, đưa tổng số quân địch trên địa bàn tỉnh lên gấp 6 lần so với năm 1965. Mỹ - ngụy còn xây dựng thêm nhiều căn cứ, như sân bay Gò Hội, khu hậu cần Phổ Vinh (Đức Phổ), nâng tổng số đồn bót trong tỉnh lên 124. Chúng mở hàng chục cuộc càn quét vào các vùng căn cứ, gây nhiều tội ác đối với nhân dân, trong đó có các cuộc càn quét lớn, như "Sóng mùa đông" càn vào đông Bình Sơn và đông Sơn Tịnh, "Liên kết 82" càn vào nam Đức Phổ, "Đa Kao 8" càn vào nam Mộ Đức, Ba Tơ, "Liên kết 110 - Hoad Roan" càn vào hậu cứ của ta ở tây Sơn Tịnh và tây Tư Nghĩa...

Trong các cuộc càn quét, địch gây ra nhiều cuộc thảm sát rất man rợ. Khoảng 10 giờ trưa ngày 09-10-1966, chúng tập trung dân xóm Phước Bình Đông, thôn Phước Bình (xã Tịnh Sơn, Sơn Tịnh) tại sân Trường Phước Bình rồi xả súng giết hại 176 người. Tiếp đến ngày 13-10-1966, chúng lại bắt nhân dân thôn Diên Niên (xã Tịnh Sơn, Sơn Tịnh) tập trung tại đình Diên Niên, giết chết 102 người, trong đó có 12 người trong cùng một gia đình.

Đặc biệt, trong hai ngày 05 và 06-12-1966, Lữ đoàn Ròng Xanh càn vào xã Bình Hòa (Bình Sơn) tàn sát một lúc hơn 400 người, riêng ngày 06-12 ở thôn An Phước chúng bắn chết 392 người, trong đó có 168 trẻ em. Hàng ngàn đồng bào phải lánh đi nơi khác, thôn, xóm xơ xác, tiêu điều, trắng đất, thưa dân. Hội Phụ nữ xã Bình Hòa gửi thư kêu gọi quân và dân trong huyện, lực lượng vũ trang toàn tỉnh đứng lên chống giặc để trả thù. Nhiều bài thơ, câu ca nói lên cảnh tượng đau thương và kêu gọi mọi người chiến đấu trả thù cho nhân dân Bình Hòa, như:

... *"Ai về Bình Hòa, Lạc Sơn, An Phước,  
Ghé vô Nam Yên, Lộc Tư, Xóm Cầu.*



*Hòn oan, đâu gọi trả đâu!*

*Là người dân Việt phải khắc sâu thù này"...*

Ở vùng miền núi Minh Long, Sơn Hà, địch tăng cường tập kích, hoạt động gián điệp, rải chất độc hóa học nhiều lần, phá hoại mùa màng, giết hại gia súc và hủy hoại môi trường sống của nhân dân.

Trước sự tàn ác, dã man của quân xâm lược, làm thế nào để hạn chế được tội ác dã man của chúng và giữ vững được phương châm "hai chân, ba mũi" giáp công? Làm thế nào để thực hiện được công tác binh vận, đấu tranh chính trị với quân địch khi ngôn ngữ bất đồng?... Sau nhiều lần trao đổi với các địa phương, Tỉnh ủy quyết định: Cần phải giữ vững phương châm "hai chân, ba mũi" giáp công và chỉ đạo các đội công tác, các địa phương vận động nhân dân trong các khu đồn tìm mọi cách tiếp xúc với binh lính địch, dùng truyền đơn bằng tiếng Hàn gọi nhớ tình yêu quê hương, vợ con... nhằm giảm dần tính hung hăng của chúng.

Nhiều cuộc mítting được tổ chức khắp các địa phương. Tỉnh ủy phát động phong trào "Xé xác Rồng Xanh", "phanh cây giặc Mỹ", với khẩu hiệu "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh", được các lực lượng vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh gửi thư kêu gọi các lực lượng vũ trang và bán vũ trang trong tỉnh hãy trút căm hờn lên mũi lê, nòng súng, tiến công địch, diệt thật nhiều giặc Mỹ, bọn ác ôn và bọn lính đánh thuê Nam Triều Tiên, trả thù cho đồng bào Bình Sơn, Sơn Tịnh và các nơi khác.

Đáp lời kêu gọi của Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh, quân và dân các địa phương trong tỉnh liên tục tiến công địch, lập công vang dội ở Tịnh Sơn (ngày 20-11-1966), đồi Ông Râu (ngày 09-12-1966), An Đầm (ngày 12-01-1967)...

Đêm 23-11-1966, một chiếc tàu không số cập vào bãi ngang thôn An Thổ (xã Phổ An, Đức Phổ), nhân dân, du kích thôn, xã được huy động khẩn trương bốc xếp, vận chuyển vũ khí lên bờ. Trời gần sáng, nhưng hơn số vũ khí vẫn còn trên tàu, sợ bị địch phát hiện ta phải phá hủy tàu và vũ khí còn lại để đảm bảo bí mật.

Ngày 29-01-1967, Tiểu đoàn 48 của tỉnh tiến công tiêu diệt một đại đội lính Nam Triều Tiên ở Bình Phước (Bình Sơn) khi chúng đang đi gây tội ác, loại khỏi vòng chiến đấu 120 tên, thu 2 súng cối 60 ly, 2 đại liên, 5 trung liên và nhiều quân trang, quân dụng khác.

Ngày 01-02-1967, Tiểu đoàn 48 lại đánh thiệt hại nặng 1 đại đội Nam Triều Tiên ở An Vĩnh (xã Tịnh Kỳ, Sơn Tịnh) diệt nhiều tên, thu 40 súng các loại.

Đêm 14 rạng ngày 15-02-1967, Trung đoàn Ba Gia, Quân khu V tiến công tiêu diệt Tiểu đoàn 3, thuộc Lữ đoàn Rừng Xanh ở cứ điểm Đồi Tranh, Quang Thạnh (xã Tịnh Thọ, Sơn Tịnh). Tên tiểu đoàn trưởng và hàng trăm lính Nam Triều Tiên bị tiêu diệt tại chỗ.

Cùng thời gian này, Tiểu đoàn 48 tiến công tiêu diệt một đại đội lính Nam Triều Tiên đóng ở đồi Mả Tổ (xã Tịnh Sơn, Sơn Tịnh).

Phát huy chiến thắng Đồi Tranh, Quang Thạnh, quân và dân Sơn Tịnh, Bình Sơn anh dũng chiến đấu, đập tan cuộc càn "Sóng mùa đông" của địch kéo dài từ cuối năm 1966 đến đầu năm 1967. Quân dân Tư Nghĩa phối hợp với các huyện bạn đánh tan cuộc hành quân "Liên kết 81", loại khỏi vòng chiến đấu 5 tiểu đoàn địch, trong đó có 2 tiểu đoàn bị diệt tại Thê Khương (Nghĩa Hiệp), Tân Mỹ (Nghĩa An).

Suốt ba tháng liền, từ ngày 25-01 đến ngày 03-3-1967, quân và dân Đức Phổ dựa vào làng xã chiến đấu, bám dân, bám đất,

đánh trả quyết liệt cuộc hành quân Đa Kao 8 và cuộc càn "Liên kết 82" của Mỹ - nguy, diệt 4.000 tên địch, tập kích sân bay Gò Hội, khu hậu càn Phổ Vinh, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Đêm 18-3-1967, Đại đội đặc công 506A tập kích tiêu diệt đại đội bảo an số 425 đóng tại Đá Heo (Đức Phổ). Cùng đêm 18-3, Tiểu đoàn 83 tổ chức tập kích diệt 6 xe tăng địch càn quét tại xã Phỏ An. Cùng thời gian, Đại đội đặc công 21 phối hợp với Tiểu đoàn 48 tập kích điểm cao 45 ở phía bắc cầu Trà Khúc, trung tâm huấn luyện bình định nông thôn, diệt hàng trăm tên.

Song song với đấu tranh quân sự, phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân chống đồn dân, lập ấp chiến lược, lập hội tề diễn ra rất quyết liệt, làm cho kế hoạch "bình định" của địch gặp nhiều khó khăn. Ở những vùng bị địch càn quét dữ dội, nhân dân quyết tâm bám đất, bám làng, du kích bám địch, cán bộ bám sát phong trào, kiên quyết đấu tranh, giăng co chống địch xúc dân vào các khu đồn. Nhiều nơi địch cày đi xới lại nhiều lần, đốt nhà, chặt cây, ủi đất nhưng dân vẫn tìm mọi cách trở về làng cũ bám trụ, một tác không đi, một ly không rời.

Phong trào đấu tranh đô thị cũng được đẩy mạnh. Tỉnh ủy chủ trương ra sức xây dựng cơ sở, xúc tiến phong trào thị trấn, thị xã, chuyển trung tâm đấu tranh chính trị, binh vận vào các đô thị.

Từ ngày 12 đến ngày 30-6-1966, hàng vạn nhân dân, học sinh ở các huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Bình Sơn... kéo vào thị xã, thị trấn đấu tranh, đòi đế quốc Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam, không can thiệp vào nội bộ của người Việt Nam; đả đảo Thiệu - Kỳ bán nước. Đoàn đại biểu đưa kiến nghị tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ giết hại 30 học sinh ở Bình Hiệp (Bình Sơn), 75 người ở Đức Minh (Mộ Đức), 45 người

ở Phổ Quang (Đức Phổ). Ở những nơi có Mỹ đóng quân, dưới sự lãnh đạo của các đảng bộ địa phương, nhân dân mà phần lớn là phụ nữ, thiếu nhi kéo vào đấu tranh trực diện với lính Mỹ, vận động lôi kéo, không cho chúng cướp bóc, phá phách, giết hại nhân dân.

Ở Bình Sơn, 7.000 người dân Núi Rú kéo lên huyện đấu tranh phản đối bọn lính Nam Triều Tiên tàn sát dã man đồng bào Bình Hòa, Bình Châu. Nhân dân huyện Mộ Đức đấu tranh đòi tự do đi lại làm ăn ở đập Bến Thóc. Đồng bào Ba Tơ, Sơn Hà kéo đến quận lỵ đấu tranh chống địch rải chất độc hóa học. Nhân dân huyện Trà Bồng đấu tranh chống địch khủng bố, giết hại nhân dân. Đồng bào Phật tử ở thị xã, thị trấn biểu tình chống Thiệu - Kỳ, tẩy chay bầu cử.

Ngày 20-01-1967, hàng ngàn đồng bào ở Sơn Tịnh, Bình Sơn kéo vào thị xã Quảng Ngãi đấu tranh tố cáo tội ác của giặc, giết hại nhân dân Bình Hòa, đồng thời kéo ra quốc lộ 1 ngăn chặn không cho chúng đi gây tội ác. Hàng trăm đồng bào Bình Sơn còn kéo ra căn cứ Chu Lai, vào đồn lính Nam Triều Tiên ở Núi Rằm, Bình Tân đấu tranh đòi chúng phải đền bù tính mạng và tài sản cho nhân dân.

Hơn 1.000 dân ở thôn Thượng Hòa (xã Bình Đông, Bình Sơn) đấu tranh, giải thoát cho hơn 100 thanh niên khỏi bị bắt lính. Hàng trăm phụ nữ ở Bình Trị (Bình Sơn) dàn hàng ngang chặn xe ủi không cho địch phá hoại hoa màu. Đồng bào ở các xã Phổ An, Phổ Hiệp (Đức Phổ) đấu tranh, kiên quyết không cho địch đưa bà con lên trực thăng chở vào khu dồn dân ở huyện lỵ. Đồng bào Sơn Tịnh, Tư Nghĩa đấu tranh chống địch cướp phá tài sản của dân, phá bờ xe nước, đòi tự do làm ăn. Nhân dân huyện Nghĩa Hành đấu tranh giành lại hơn 1.300 con trâu, bò bị địch cướp. Nhân dân ở thị xã Quảng Ngãi tẩy chay trò bầu cử tổng thống của Thiệu - Kỳ. Giới Phật giáo Quảng Ngãi đấu

tranh đòi thành lập Ban đại diện Phật giáo tỉnh, phản đối hành động ngược đãi tôn giáo.

Cùng với đấu tranh chính trị, công tác binh vận được Tỉnh ủy tăng cường chỉ đạo. Ngay từ những ngày đầu khi lính Mỹ đặt chân đến tỉnh Quảng Ngãi, Tỉnh ủy xác định: "... Ra sức xây dựng đội ngũ đấu tranh chính trị, binh vận tại xã, lãnh đạo thật tốt, chống chạy xà đũa, chống chiến tranh tâm lý của địch..."<sup>1</sup>. Tỉnh ủy đề ra một số nhiệm vụ chủ yếu: Tổ chức công tác đấu tranh chính trị, binh vận với lính Mỹ và Nam Triều Tiên ngay tại thôn xã; xây dựng cơ sở nội tuyến trong binh lính và sĩ quan ngụy, tuyên truyền vận động binh sĩ người Việt trong quân đội ngụy thấy rõ dã tâm xâm lược của đế quốc Mỹ và tội ác của chúng đối với nhân dân, từ đó đào, rã ngũ đến phản chiến, binh biến, trở về với nhân dân... Tiếp xúc với binh lính Mỹ, Nam Triều Tiên, làm cho họ dần dần hiểu được cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc ta; tranh thủ phiên dịch người Việt để họ giúp đỡ nhân dân, chống tội ác của lính Mỹ và quân chư hầu. Tổ chức học tiếng Anh để tiếp xúc, vận động lính Mỹ và Nam Triều Tiên. In tài liệu, khẩu hiệu binh vận bằng tiếng Hàn. Mở rộng việc tổ chức đại hội gia đình binh sĩ ở các xã, đăng ký dứt điểm xã, thôn không còn người đi lính cho địch<sup>2</sup>...

Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, các ngành phải cử cán bộ có kinh nghiệm trực tiếp xuống các địa phương từ hai đến ba tháng để cùng các huyện làm công tác binh vận, đồng thời phải thành lập lại Ban chỉ đạo đấu tranh chính trị và binh vận ở các huyện.

---

1. Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi tháng 5-1965.

2. Tỉnh ủy Quảng Ngãi: *Mấy vấn đề lớn cần xúc tiến trong năm 1966*. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các đội công tác binh vận rải hàng chục nghìn tờ truyền đơn bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Hàn, giáo dục vận động được 879 gia đình binh sĩ ủng hộ cách mạng, xây dựng được 143 cơ sở nội tuyến<sup>1</sup>. Ở các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Ba Tơ có 2 đại đội, 1 trung đội và 1 tiểu đội bảo an, dân vệ, thanh niên tân trang đào ngũ tập thể, mang về nhiều súng đạn. Nhờ sử dụng tốt cơ sở nội ứng, lực lượng cách mạng đánh trúng vào sào huyệt của địch, diệt hàng trăm tên ác ôn. Qua tuyên truyền, vận động, nhiều lính Mỹ hoang mang, lo sợ. Ở huyện Bình Sơn, có hàng trăm lính Mỹ đòi hồi hương. Ở căn cứ Nước Mặn (Bình Nguyên), một đơn vị lính Mỹ chống lệnh đi càn, địch phải chuyển đơn vị này về căn cứ Chu Lai. Lính Nam Triều Tiên không còn hung hãn như khi mới đến. Một số tên đòi hồi hương, chống lệnh đi càn. Thậm chí, có tên tìm du kích xin nộp súng. Tinh thần chiến đấu của lính Mỹ và chư hầu suy giảm, nhất là các đơn vị có nhiều binh lính bị ta tiêu diệt.

Cùng với phong trào đấu tranh binh vận, phong trào đấu tranh chính trị chống địch xúc tát dân, gom dân, dồn dân, phong trào phá ấp chiến lược cũng diễn ra sôi nổi. Tình trạng trắng đất, thừa dân ở vùng giải phóng nông thôn đồng bằng được khắc phục dần. Phong trào đấu tranh trực diện tại chỗ, chống địch càn quét "bình định", đấu tranh chặn xe địch bảo vệ mùa màng, chống ủi nhà, san bằng vườn tược, chống địch cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ diễn ra hầu khắp ở các địa phương. Nhân dân các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, đông Tư Nghĩa phối hợp với bộ đội, du kích địa phương và cơ sở nội tuyến phá ban nhiều ấp chiến lược của địch, có ấp bị phá đi phá lại nhiều lần như Vĩnh An,

---

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 250.

Trung An, Hải Ninh, xã Bình Thạnh; An Lộc, xã Bình Trị; Phú Lộc, Tiên Đào, Chí Nguyên, Phước Thuận, xã Bình Trung (Bình Sơn), Hòa Bản, xã Tịnh Thiện; Trà Sơn xã Tịnh Ấn (Sơn Tịnh), xã Hành Dũng (Nghĩa Hành), xã Đức Thắng (Mộ Đức)... tạo điều kiện cho hàng ngàn quần chúng bung ra, trở về quê cũ làm ăn. Kế hoạch "bình định" nông thôn của địch thất bại nặng nề. Địch phải rút bỏ nhiều đồn bót, tập trung về phòng thủ ở các thị trấn, thị xã và các trục giao thông chiến lược. Từ thế phản công chúng phải chuyển sang phòng ngự.

Phát huy thắng lợi ở mùa khô thứ hai, Tỉnh ủy chủ trương mở chiến dịch Thu - Đông năm 1967, đánh sâu vào hậu cứ tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, đẩy lùi "bình định", khôi phục vùng giải phóng, đẩy mạnh phong trào thành thị.

Mở màn chiến dịch, ngày 03-8-1967, Đại đội đặc công 506A cùng hai đại đội của Tiểu đoàn 48 và một tiểu đội của Đại đội 506B phối hợp chặt chẽ với nhân dân và du kích xã Tịnh Khê (Sơn Tịnh) dùng thuyền vượt sông Trà Khúc tiến đánh cứ điểm Hải Thuyền, Cỏ Lũy (Tur Nghĩa). Sau 20 phút chiến đấu dũng cảm và mưu trí, đồn Hải Thuyền bị san bằng, 120 tên địch bị tiêu diệt, trong đó có 3 tên Mỹ, tên đồn trưởng bị bắt sống, 9 ca nô bị bắn cháy và phá hủy hoàn toàn, thu toàn bộ súng đạn và nhiều quân trang, quân dụng.

Để cứu vãn tình thế, từ ngày 06 đến ngày 28-8-1967, Mỹ - ngụy mở chiến dịch càn Sông Rhe vào các huyện miền núi, nhằm mục đích truy tìm và tiêu diệt các lực lượng quân chủ lực, quân địa phương của khu, tỉnh và các huyện. Chúng dùng nhiều máy bay trực thăng, tàu rọ, máy bay trinh sát kết hợp với pháo tầm xa từ Giá Vụt bắn dữ dội vào vùng Mò O - Nước Lầy và các cao điểm khác ở Ba Tơ. Sau đó, chúng đổ quân xuống một số vùng huyện Sông Rhe và các xã phía tây Ba Tơ để càn quét, cướp phá.

Chủ động đối phó với âm mưu của địch, Tỉnh ủy chỉ đạo các lực lượng vũ trang hai huyện Ba Tơ, Sông Rhe cùng với Tiểu đoàn 20, Tiểu đoàn 107 của tỉnh đánh phủ đầu, làm thất bại cuộc càn quét của Mỹ - ngụy; 1 đại đội lính Mỹ, 40 lính ngụy bị tiêu diệt, 35 máy bay bị bắn rơi hoặc bị phá hủy, thu nhiều súng đạn. Bị thua đau, địch phải bỏ cuộc càn quét và rút chạy khỏi địa bàn huyện Sông Rhe.

Đánh giá về thắng lợi này, Tỉnh ủy cho rằng đây là một thắng lợi rất có ý nghĩa với nhân dân miền núi nói riêng và nhân dân Quảng Ngãi nói chung; là một thất bại thảm hại của một đội quân thiện chiến, tại mảnh đất Sông Rhe anh hùng.

Đêm 30-8-1967, quân và dân trong tỉnh đồng loạt tiến công vào 37 mục tiêu, trong đó có 18 mục tiêu ở thị xã, thị trấn, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch. Tại thị xã Quảng Ngãi, ta diệt hơn 200 tên địch, giải thoát hơn 2.000 chiến sĩ và đồng bào bị địch giam giữ tại Nhà lao Quảng Ngãi và Tư Nghĩa. Tại Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, nhân dân nổi dậy phá khu đồn dân, đập tan bộ máy kìm kẹp, giải phóng 75.000 dân trở về làng cũ làm ăn.

Phong trào đấu tranh chính trị, nhất là đấu tranh của nhân dân thị xã Quảng Ngãi có bước phát triển mới. Từ ngày 30-8 đến ngày 07-9-1967, diễn ra ba cuộc nhập thị lớn, với hàng chục ngàn lượt người tham gia đấu tranh tẩy chay bầu cử của Thiệu - Kỳ. Khí thế đấu tranh sôi sục của nhân dân thị xã Quảng Ngãi làm cho địch hoang mang, lo sợ.

Chiến dịch Thu - Đông năm 1967 ở Quảng Ngãi gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề, hàng ngàn tên địch bị loại khỏi vòng chiến đấu, 46 ấp chiến lược, 6 khu đồn dân bị phá banh, hàng chục vạn đồng bào bị kìm kẹp được trở về làng cũ.

Cùng với thắng lợi trong chiến đấu, công tác tăng gia sản xuất đạt được những thành tích đáng kể. Ở huyện Bình Sơn,



dù lính Mỹ luôn càn quét, phá hoại sản xuất, nhưng sản lượng lương thực vẫn bảo đảm, nhất là cây bắp. Ở vùng tây Sơn Tịnh, Tư Nghĩa bị pháo địch bắn suốt ngày, nhưng tranh thủ ban đêm nhân dân ra đồng cày cấy, trồng các giống lúa, rau màu ngắn ngày. Nhân dân các huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ vẫn bảo đảm diện tích gieo trồng. Hệ thống thủy lợi được các cấp ủy đảng quan tâm, động viên nhân dân tu sửa, làm mới một số công trình phục vụ sản xuất. Nhân dân Sơn Tịnh nạo vét 12 km kênh mương, tu sửa 14 đập nước, làm mới 17 bờ xe nước, đắp 2 đập nước ở Tịnh Kỳ. Nhân dân Nghĩa Hành đắp được 32 đập lớn nhỏ, làm được 15 bờ xe nước. Nhân dân Tư Nghĩa đắp lại đập Đá Sơn, Suối Tó và xây dựng 5 bờ xe nước. Ở Mộ Đức, nhân dân đấu tranh với chính quyền địch đòi đắp lại đập Bến Thóc và xây dựng 15 trạm bơm mới. Nhân dân Bình Sơn đắp lại đập Đá Giăng, tu sửa đập Cà Ninh, cống ngăn mặn Bình Đức. Ở Đức Phổ, nhân dân xây dựng được 9 trạm bơm nước và sửa chữa lại các đập ở vùng giải phóng<sup>1</sup>. Những cố gắng đó góp phần thúc đẩy sản xuất, mùa màng bội thu. Có xã đạt năng suất cao vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, như Nghĩa Thắng, Nghĩa Lâm (Tư Nghĩa).

Ở các huyện miền núi, có 623 tổ hợp tác tương trợ, giúp đỡ nhau trong lao động sản xuất. Mặc dù bị địch bắn phá, rải chất độc hóa học, nhưng nhân dân vẫn kiên cường bám trụ, sản xuất và chiến đấu. Nhiều nơi vượt mức như hợp tác xã Cha Dom bình quân đầu người thu hoạch gấp ba lần quy định. Toàn tỉnh có 13 xã vượt mức chỉ tiêu. Tại Hội nghị tổng kết phong trào hợp tác xã ở miền núi, Tỉnh ủy biểu dương và phát động phong trào học tập cách làm ăn của Cha Dân, Cha Eng. Nhờ bảo đảm

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 256.

được sản xuất nên đời sống của nhân dân được ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ kháng chiến, đủ cung cấp lương thực cho bộ đội đánh giặc.

Công tác văn hóa - giáo dục được chú trọng phát triển, nhất là ở vùng căn cứ và vùng giải phóng. Các chương trình văn nghệ quần chúng, văn công giải phóng phát triển, trở thành phong trào "Tiếng hát át tiếng bom". Các xã vùng giải phóng đều có trường cấp I, các huyện đồng bằng đều có trường cấp II. Toàn tỉnh mở được 559 lớp học, với 27.539 học sinh, thanh toán nạn mù chữ cho 3.013 người, khá nhất là các huyện Bình Sơn, Ba Tơ, Đức Phổ<sup>1</sup>. Hai xã xóa nạn mù chữ hoàn toàn là xã Ba Khâm (Ba Tơ) và xã Bình Phú (Bình Sơn).

Mạng lưới y tế phát triển rộng khắp đến các thôn, ở đồng bằng có 65 ban y tế xã, 238 ban y tế thôn. Ở miền núi có 57 ban y tế xã và 167 ban y tế thôn. Đa số các ban y tế phát huy được chức năng, nhiệm vụ vận động bà con ăn ở vệ sinh, phòng chống bệnh sốt rét, góp phần chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Trong điều kiện hết sức khó khăn, thiếu thốn, Tỉnh ủy vẫn tích cực chỉ đạo xây dựng được hai bệnh xá (B.21 và X.50) và các trạm xá quân đội. Những bác sĩ, y tá vừa là người làm nhà, dựng lán, trại làm bệnh xá, người cứu chữa thương, bệnh binh, vừa là người sản xuất lương thực để nuôi dưỡng thương, bệnh binh và họ còn là những chiến sĩ trực tiếp cầm súng chiến đấu bảo vệ thương, bệnh binh khi có địch đi càn quét.

Công tác tuyên truyền, giáo dục trong các đoàn thể quần chúng luôn được quan tâm và mở rộng. Các cấp ủy tích cực chỉ đạo, vận động xây dựng tổ chức nông hội, tuyên truyền,

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 257.

phát triển hội viên. Đến cuối năm 1967, toàn tỉnh phát triển được 36.620 hội viên nông dân.

Hội Phụ nữ giải phóng tỉnh phát triển được 48.300 hội viên, xây dựng được 495 ban cán sự phụ nữ thôn, 137 ban chấp hành xã, 12 ban chấp hành huyện. Hội mẹ chiến sĩ có 697 hội viên. Các mẹ, các chị tích cực động viên con cháu tòng quân giết giặc, giữ làng.

Đến cuối năm 1967, toàn tỉnh phát triển được 6.540 đoàn viên Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng. Tất cả đều đăng ký thi đua thực hiện phong trào "Năm xung phong", sẵn sàng chiến đấu bảo vệ xóm làng.

Công tác xây dựng và phát triển Đảng được Đảng bộ quan tâm. Đến cuối năm 1967, toàn Đảng bộ có 8.526 đảng viên, trong đó có 1.486 đảng viên mới kết nạp<sup>1</sup>.

Thắng lợi đạt được trong hai mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967 của quân và dân tỉnh Quảng Ngãi tạo ra thế và lực mới, củng cố thêm quyết tâm và niềm tin đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong những năm tiếp theo.

### **3. Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, góp phần làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ**

Tháng 12-1967, Bộ Chính trị họp ra Nghị quyết về Tổng công kích, tổng khởi nghĩa và được Hội nghị Trung ương lần thứ 14 (tháng 01-1968) thông qua, với chủ trương chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của Nhân dân ta ở miền Nam sang một thời kỳ mới - thời kỳ giành thắng lợi quyết định.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 257-258.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Khu ủy V, tháng 12-1967, Tỉnh ủy họp và đề ra nhiệm vụ: "Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh, nỗ lực phi thường, quyết tâm cao độ, thực hiện nhiệm vụ tổng tiến công và nổi dậy trên chiến trường bằng ba mũi giáp công thật mạnh để phối hợp toàn khu, toàn miền, khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, du kích xã thôn, du kích mật và hợp pháp, các đội quyết tử, cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng kịp thời cho Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt vào Tết Mậu Thân 1968"<sup>1</sup>. Tỉnh ủy nhấn mạnh một số công tác cấp bách, trước mắt là: Đảm bảo thực lực chính trị, vũ trang tại chỗ ở thị xã, thị trấn; động viên tân binh, lương thực, dân công tham gia chiến dịch; đẩy mạnh hoạt động quân sự, chính trị, binh vận trên chiến trường, chủ yếu là ở khu vực trọng điểm quốc lộ 1, thị xã, thị trấn, các vùng phụ cận nhằm làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch trên phạm vi toàn tỉnh.

Thực hiện chủ trương trên, ngay từ ngày 22-12-1967, lực lượng vũ trang tỉnh đề ra kế hoạch, xây dựng phương án, xác định mục tiêu của tiến công và nổi dậy, gồm: sân bay, tiểu khu, tỉnh đoàn bảo an, khu nhà lao, đài phát thanh, nhà máy điện, khu Chấn Ký, khu Tiên Ché, ga Ông Bó, bắc cầu Trà Khúc và điểm cao 45. Ở các huyện, tổ chức tiến công vào quận lỵ, thị trấn, những mục tiêu quan trọng, cắt đứt giao thông trên quốc lộ 1. Mọi công tác chuẩn bị phải căn bản hoàn thành trước ngày 15-01-1968.

Tháng 12-1967, Ban Thường vụ Khu ủy và Quân khu V quyết định thành lập Đảng ủy và Ban Chỉ huy Mặt trận, gồm 7 đồng chí, do đồng chí Phạm Thanh Biền, Khu ủy viên,

---

1. Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, tháng 12-1967. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Bí thư Tỉnh ủy làm Bí thư<sup>1</sup>. Ban Chỉ huy trực tiếp chiến đấu của tỉnh và trọng điểm Rừng Lãng có 3 đồng chí, do đồng chí Lưu Thanh Đức - Tổng đội trưởng làm Chỉ huy trưởng<sup>2</sup>.

Ban Chỉ đạo trọng điểm của tỉnh được thành lập, trực tiếp chỉ đạo tổng công kích, tổng khởi nghĩa ở thị xã Quảng Ngãi, do đồng chí Phạm Thanh Biên làm Trưởng ban. Các đồng chí Đỗ Việt Thanh, Nguyễn Nghĩa phụ trách nội thị; đồng chí Trần Vỹ (Văn) phụ trách cánh bắc; đồng chí Võ Trọng Nguyễn phụ trách cánh đông; đồng chí Nguyễn Viêt Chới phụ trách cánh tây; đồng chí Nguyễn Hồng Giao phụ trách Trà Bồng, Sơn Hà; đồng chí Đinh Mô phụ trách Ba Tơ và Minh Long; đồng chí Lê Tấn Tỏa (lúc này là phái viên của Khu ủy V) phụ trách Đức Phổ; đồng chí Đoàn Nhật Nam phụ trách hậu cần; đồng chí Nguyễn Chức thường trực tại cơ quan Tỉnh đội.

Từ ngày 15-12-1967, các đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh được lệnh củng cố và huấn luyện chiến tranh theo tinh thần mới của Ban Chỉ huy mặt trận, Tỉnh đội còn tổ chức các lớp đào tạo cán bộ chuyên môn kỹ thuật, cán bộ chính trị, tổ chức các tổ bắn máy bay ở đồng bằng và miền núi, chốt các điểm cao và các vùng phụ cận; chuẩn bị lực lượng phòng thủ từ biển, chủ yếu là cửa Cổ Lũy và khu vực đông Tư Nghĩa, Sa Kỳ, vùng đông

---

1. Đảng ủy Mặt trận gồm 7 đồng chí: Phạm Thanh Biên, Bí thư - Trưởng ban; các Phó Bí thư Tỉnh ủy - Phó ban gồm: Trần Vỹ (Văn), Đinh Mô (Mười), Đỗ Ngọc Hoa (Việt Thanh) và các thành viên: Nguyễn Chức - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy - Chính trị viên Tỉnh đội; Đoàn Nhật Nam - Chủ tịch Hội đồng tiền phương, Trưởng Công an tỉnh; Nguyễn Viêt Chới - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách miền Tây.

2. Ban Chỉ huy trực tiếp chiến đấu, gồm ba đồng chí: Lưu Thành Đức, Tỉnh đội trưởng làm Chỉ huy trưởng; Phạm Thanh Biên, Bí thư Tỉnh ủy làm Chính ủy; Quách Tử Hấp (Tấn), Phó tham mưu trưởng Quân khu V làm cố vấn.

Sơn Tịnh, sử dụng lực lượng du kích ở các xã đồng bằng phối hợp với bộ đội địa phương các huyện Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ tổ chức thành một tuyến dọc theo bờ biển để tuần tra canh gác phát hiện sự tiến công của địch, củng cố các làng, xã chiến đấu ở vùng giải phóng và vùng vừa mới mở, nhanh chóng xây dựng làng, thôn, xã chiến đấu.

Đầu tháng 01-1968, công tác chuẩn bị cho tổng công kích, tổng khởi nghĩa của quân và dân trong tỉnh càng trở nên khẩn trương. Nhân dân sôi nổi hưởng ứng phong trào thi đua, dốc sức người, sức của, tập trung mọi khả năng để giải phóng quê hương. Trường cấp II Bình Sơn có 48 thầy, trò tự nguyện lên đường nhập ngũ. Chỉ tính trong những ngày đột xuất phục vụ chiến dịch, toàn tỉnh huy động được 24.720 lượt người và

214.511 ngày công tham gia chuẩn bị tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Ở 5 huyện miền núi, có 5.576 lượt người với 45.623 ngày công, vận chuyển 229 tấn lương thực, thực phẩm và đồ dùng quân sự. Huyện Sơn Tịnh mua 60 tấn lương thực trước 9 ngày so với chỉ tiêu và còn mua thêm cho đơn vị bạn 75 tấn. Nhân dân Tư Nghĩa hoàn thành nghĩa vụ 160 tấn lương thực trước 10 ngày. Nhân dân xã Nghĩa Lâm (Tư Nghĩa) còn vận động bà con góp tiền để mua trâu, bò, heo, ủng hộ bộ đội. Nhân dân Sơn Tịnh, Bình Sơn, Tư Nghĩa tích cực tu sửa, đào hầm, hào giao thông, địa đạo, hầm trú ẩn, xây dựng và củng cố làng chiến đấu.

Về phía địch, sau mùa khô 1966 - 1967, quân Mỹ và các nước chư hầu tiếp tục đưa vào miền Nam, nâng tổng số quân Mỹ lên 48 vạn, quân chư hầu lên 57.800 và 52 vạn quân ngụy cùng nhiều loại vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại. Mỹ - ngụy quyết định mở cuộc phản công chiến lược mùa khô 1967 - 1968, chủ yếu đánh vào Nam Bộ và Bình Trị Thiên, cố giữ cho tình hình quân sự, chính trị miền Nam không bị đảo lộn, bất ngờ.

Riêng ở khu V, tháng 9-1967, địch có 367.000 tên, trong đó có 220.000 lính Mỹ và Nam Triều Tiên. Đến trước Tết Mậu Thân, trên chiến trường khu V địch có 94 tiểu đoàn, gồm 31 tiểu đoàn Mỹ, 22 tiểu đoàn Nam Triều Tiên, 41 tiểu đoàn ngụy. Tháng 01-1968, Mỹ phải điều Sư đoàn 1 kỵ binh bay cùng 2 lữ đoàn thuộc Sư đoàn 101 ra bắc Quảng Trị để đối phó với ta ở mặt trận Đường 9 - Khe Sanh; điều toàn bộ Lữ đoàn Rừng Xanh Nam Triều Tiên đi Quảng Đà.

Trên chiến trường Quảng Ngãi, quân Mỹ có 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 tiểu đoàn pháo binh trang bị gồm: 18 khẩu 105 ly, 1 pháo 175 ly, 1 khẩu 155 ly, 44 xe cơ giới trong đó có 17 M.41, M.113, 14 trực thăng HU-1A và 3 máy bay H.13. Chúng đóng chốt ở các điểm cao Núi Dâu, Núi Chóp, Giồng Gò, Bãi Xếp, Núi Cửa, Gò Hội, Núi Khoáng, Cà Ty, Đá Bạc, Đá Dựng, Động Bằng, Bình Liên, Núi Rằm, Núi Sơn, Giồng Tranh, Đồi Chùa, Núi Lũy, Cầu Kênh, Thế Long, quận lỵ Bình Sơn và nam cầu Châu Ô.

Quân ngụy có 4 tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 4 đóng ở Mộ Đức, sân bay, đầu cầu Quán Cơm; 2 tiểu đoàn của Trung đoàn 5 đóng ở Nghĩa Hành, Châu Ô; 2 tiểu đoàn của Trung đoàn 6 đóng ở thị xã Quảng Ngãi (Cửa Đông, Tiểu khu); Tiểu đoàn 39 biệt động đóng ở Rừng Lãng, Thạch By. Ngoài ra còn có 2 tiểu đoàn công binh, 1 đại đội quân y, 1 đại đội thông tin, 2 đại đội biệt kích, 2 đại đội trinh sát, 1 tiểu đoàn pháo binh gồm 18 khẩu 105 ly và 4 khẩu 155 ly được bố trí nhiều nơi trong tỉnh.

Quân ngụy còn có 30 đại đội bảo an chiến đấu, 17 đại đội lực lượng đặc biệt, 161 trung đội nghĩa quân, 47 đoàn bình định, 1 đại đội hải thuyền, 3 trung đội giang thuyền, 1 đại đội và 3 trung đội đặc công, 2 đại đội cảnh sát chiến đấu<sup>1</sup>.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 266-267.

Cuối năm 1967, địch liên tục mở những cuộc càn quét đánh phá chà đi xát lại nhiều lần ở Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, gây cho ta thiệt hại nặng nề. Đáng chú ý là cuộc càn vào tây Bình Sơn, tây Sơn Tịnh của 4 đại đội Mỹ và 1 tiểu đoàn ngụy kéo dài từ ngày 28-12-1967 đến ngày 01-01-1968 mới chấm dứt.

Ở Đức Phổ, Mộ Đức địch ra sức đánh phá nhiều nơi, chủ yếu là phía tây bắc, tây nam của hai huyện và vùng giáp ranh duyên hải, biển nơi đây thành vùng trắng đất, trắng dân.

Từ ngày 20 đến ngày 31-01-1968 là thời kỳ địch tập trung phòng thủ và đề phòng sự tiến công của ta trong dịp Tết Nguyên đán. Toàn bộ quân chủ lực ngụy được điều về đóng xung quanh thị xã, thị trấn để bảo vệ các cơ quan đặc khu, yếu khu Trà Khúc, các cơ quan đầu não tại thị xã và sân bay Quảng Ngãi. Quân Mỹ tăng cường càn quét với mật độ dày hơn trước. Chúng dùng hai trung đội thuộc Lữ đoàn 3 càn quét hằng tháng liên ở tây Bình Sơn, tây Sơn Tịnh. Lữ đoàn 2 sử dụng trung đội có xe tăng, xe bọc thép yểm trợ càn vào các xã Phổ Phong, Phổ Nhơn, Phổ Minh, Phổ Quang, Phổ An (Đức Phổ), Đức Phong, Đức Hòa, Đức Phú, Đức Hiệp, Đức Minh, Đức Chánh (Mộ Đức). Chúng còn điều 2 đại đội làm nhiệm vụ cơ động ứng cứu thị xã Quảng Ngãi.

Tại Bình Sơn, quân Mỹ tăng cường mức độ đánh phá ác liệt hơn. Chúng xây dựng lại chi khu Nước Mặn (Bình Nguyên), đóng chốt lại cứ điểm Gò Sỏi (Bình Trung), càn quét nhiều ngày vào các xã trong huyện để thực hiện âm mưu đánh bật cơ sở cách mạng, san bằng nhà cửa, phá hoại tài sản, xúc tạt dân, gây cho ta nhiều khó khăn, quần chúng không ổn định, cán bộ, du kích luôn luôn bị tổn thất.

Trên toàn miền, giữa lúc Mỹ - ngụy dốc sức đối phó với ta ở mặt trận Đường 9 - Khe Sanh, thì cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân bắt đầu. Quân ta đồng loạt tiến công và nổi dậy



trên toàn miền Nam, đánh vào nhiều thành phố, thị xã, thị trấn và quận lỵ, các cơ quan đầu não, kho tàng, sân bay làm cho địch choáng váng, bất ngờ.

Đúng 2 giờ 30 phút đêm Giao thừa, rạng ngày mùng một, Tết Mậu Thân (theo lịch miền Nam), các lực lượng vũ trang trong tỉnh đồng loạt nổ súng vào thị xã, thị trấn và các vùng phụ cận mở màn cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 trên chiến trường Quảng Ngãi.

Trong nội thị, Tiểu đoàn đặc công 401 của Quân khu đánh chiếm Bộ tư lệnh Sư đoàn 2 ngụy, diệt 1 đại đội bảo vệ và một đại đội biệt kích, làm chủ phía đông đặc khu Quảng Ngãi. Đại đội đặc công 506B của Tỉnh đội được lệnh tấn công địch tại ngã 5 Quán Ấm<sup>1</sup>, Đài Phát thanh, Tòa Hành chính tỉnh. Các đơn vị 506A, 21, 95 lần lượt đánh chiếm ga Ông Bó, nhà lao. Tại ngã 5 Quán Ấm, toàn khu vực bị địch rải thép gai bùng nhùng, nhiều lớp cản đường tiến công của ta. Các chiến sĩ phải dùng bộc phá ồng, đánh liên tục làm dạt các lớp dây thép gai, mở đột phá khẩu tấn công và chiếm chốt ngã 5 Quán Ấm. Địch rút vào cố thủ ở Trường Trung học Kim Thông<sup>2</sup>. Ta tấn công diệt địch, chiếm Trường Kim Thông làm bàn đạp, tiếp tục tấn công địch tại Trường Tiểu học Thánh Tâm<sup>3</sup>, chiếm đường Võ Tánh<sup>4</sup>, Bắnggalô<sup>5</sup> và các vị trí khác. Các Tiểu đoàn 81, 83 và 20 tiến công mãnh liệt vào Sở chỉ huy sân bay. Các trận chiến đấu diễn ra ác liệt, bộ đội chiếm từng góc nhà, từng dãy phố, bắn cháy 13 xe M.113,

---

1. Nay là ngã năm đường Phan Chu Trinh, Nguyễn Nghiêm, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Công Phương.

2. Nay là Trường Trung học cơ sở Nguyễn Nghiêm.

3. Nay là trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

4. Nay là đường Nguyễn Nghiêm.

5. Phía nam Cục Thuế tỉnh.

phá hủy nhiều lô cốt, đẩy lùi nhiều đợt phản kích của địch, diệt hơn 250 tên, giải thoát cho hàng nghìn người bị địch giam giữ. Địch ném bom, bắn pháo, gây nhiều thiệt hại về người và của của nhân dân.

21 giờ ngày 31-01-1968, tất cả các đơn vị được lệnh rút ra khỏi sân bay và thị xã. Riêng Đại đội đặc công 401 của Quân khu khi rút lui thì 68 chiến sĩ bị địch phát hiện, đã dũng cảm chiến đấu và hy sinh. Thi hài các chiến sĩ bị địch dồn lại tưới xăng đốt và lấp chung một hố<sup>1</sup>.

Tại khu vực bắc sông Trà Khúc, đêm 30 ngày mừng một Tết, Tiểu đoàn 48 và lực lượng vũ trang Sơn Tịnh tiến công cao điểm 45 (trung tâm huấn luyện địa phương quân), sau 20 phút chiến đấu, ta phá hủy 9 lô cốt, 2 hầm ngầm, diệt 300 tên, thu 120 súng, phá hủy toàn bộ doanh trại địch, chiếm lĩnh được đầu cầu Trà Khúc nhưng chưa cắt được cầu vì công binh chưa tiến lên kịp.

Đêm 30 rạng ngày mừng một Tết, một đại đội vũ trang của huyện Sơn Tịnh tiến công trung đội bảo an gác cầu Trường Xuân và đồn Núi Sứa. Tại cầu Trường Xuân ta đánh sập 1 lô cốt, tiêu diệt 3 tên địch, bắt sống 28 tên, thu 30 súng các loại. Tại Núi Sứa, ta diệt 3 tên, thu 5 radiô và hơn 1.000 viên đạn. Tiếp đó, du kích và lực lượng vũ trang huyện phối hợp với lực lượng quần chúng tiến công nhiều nơi trong huyện. Đặc biệt, đêm ngày 04-02, ta tiến công ấp Phú Giang, diệt 8 tên, thu 2 súng. Ngày 05-02 du kích và công binh đánh sập cầu sắt Châu Sa và cống Thế Long (quốc lộ 1) diệt nhiều tên địch<sup>2</sup>.

---

1. Để ghi nhớ công ơn của các liệt sĩ, năm 1990, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã xây dựng Bức phù điêu tưởng niệm 68 chiến sĩ hy sinh tại ngã ba đường Nguyễn Nghiêm, Nguyễn Du hiện nay và được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh.

2. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 270-271.

Cùng với hoạt động vũ trang, lực lượng đấu tranh chính trị ở các xã, huyện trong tỉnh được tổ chức thành từng trung đội, tiểu đoàn do các đồng chí ủy viên ban thường vụ huyện ủy hoặc cán bộ chủ chốt các đoàn thể chỉ huy, được chuẩn bị sẵn sàng. Nhân dân tổ chức ăn Tết sớm. Đêm Giao thừa, tất cả đều tập trung về địa điểm tập kết, khi lực lượng vũ trang nổ súng tấn công các mục tiêu đã định cũng là lúc các tiểu đoàn đấu tranh chính trị hàng ngũ chỉnh tề, phát cao cờ tấn công, giương cao biểu ngữ, vừa đi vừa hô vang khẩu hiệu: "Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta", rầm rộ tiến về hướng quận lỵ, thị xã.

Lực lượng đấu tranh chính trị huyện Sơn Tịnh với hơn 15.000 người tham gia được tổ chức thành 3 tiểu đoàn, từ các hướng tây, đông, bắc tiến về quận lỵ và thị xã Quảng Ngãi. Tiểu đoàn phía tây uy hiếp địch, giải phóng nhân dân trong khu đồn Phú Hòa, tiếp tục hỗ trợ lực lượng vũ trang tấn công địch ở đồn núi Sứa (Tịnh Án). Tiểu đoàn phía bắc kéo đến trung tâm quận lỵ Sơn Tịnh, vấp phải sự kháng cự quyết liệt của địch, chúng bắt đi một số người. Chị Nguyễn Thị Thắm - Bí thư Hội Phụ nữ xã Tịnh Phong đi đầu cầm cờ đã anh dũng hy sinh. Chị Nguyễn Thị Hạnh lên thay lại bị trúng đạn địch, nhân dân tiếp tục đấu tranh đòi địch bồi thường nhân mạng và thả những người bị bắt. Tiểu đoàn phía nam, gồm cả nhân dân một số xã khu đông Bình Sơn, kéo lên đến gần cầu Trà Khúc thì phải dừng lại do xe tăng địch phản kích và máy bay địch ném bom.

Khoảng 9 giờ sáng ngày mùng một Tết, 7 xe tăng, xe thiết giáp địch nghi binh, cầm cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam từ thị xã tiến qua phía bắc cầu Trà Khúc và bắt đầu phản kích. Cùng lúc, máy bay địch quần lượn, bắn xối xả vào lực lượng đấu tranh chính trị, làm nhiều người chết và bị thương, hàng trăm người bị bắt. Các mũi đấu tranh chính trị phải rút về phía sau.

Tại Tư Nghĩa, đêm 30 rạng ngày mừng một Tết, trung đội đặc công huyện đánh vào cứ điểm Núi Bút, đánh chiếm 2 lô cốt, thu 4 súng. Du kích và đội công tác cùng với quần chúng các xã Nghĩa Hòa, Nghĩa Hà, Nghĩa An, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Thương đấu tranh buộc địch bỏ các đồn Núi Vàng, Hội An, Thế Khương, Hội đồng Tư Thành, thị trấn Thu Xà, giải phóng hoàn toàn các xã trên. Chính quyền cách mạng được thành lập, các đoàn thể quần chúng hoạt động mạnh, xây dựng làng chiến đấu, phát triển du kích xã thôn, luyện tập quân sự, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ chính quyền cách mạng. Cùng thời gian này Đại đội 75 huyện Tư Nghĩa được sự hỗ trợ của lực lượng đấu tranh chính trị, tấn công huyện lỵ Tư Nghĩa, bắt 4 tên ác ôn, thu 4 súng.

Tại Nghĩa Hành, các lực lượng vũ trang pháo kích vào chi khu quận lỵ. Bộ máy ngục quyền hoảng sợ, nhiều tên vội vã bỏ chạy, nhiều cảnh sát và nhân viên ngục quyền bỏ việc. Bộ máy ngục quyền thôn xã rệu rã, nhiều tên tìm đường lẩn trốn. Hai đại đội vũ trang huyện và du kích các xã hoạt động mạnh, liên tục bao vây, ép địch co cụm vào đồn bót. Đồng bào vùng địch kiểm soát được cơ sở nội tuyến hướng dẫn, nổi dậy hỗ trợ cán bộ, chiến sĩ và du kích đánh trống, mõ hưởng ứng, phá khu đồn, trở về quê cũ. Nhiều đơn vị ngục quân án binh bất động, hơn 140 tên bỏ súng trở về quê.

Chiều ngày 01-02-1968, du kích và đội công tác Hành Đức chặn đánh một đại đội bảo an và trung đội nghĩa quân, diệt một số tên, thu một số súng, trong đó có 1 súng cối cá nhân, 1 đại liên, quân trang, quân dụng. Ngày hôm sau, đồng bào ở khu đồn Gò Gai phối hợp với đoàn biểu tình Hành Phước tiến vào đồn Đá Hai, buộc tên đồn trưởng chấp nhận cho dân trở về quê cũ.

Tại huyện Mộ Đức, ngay trong đêm 30 Tết, quân và dân đã dùng bộc phá tiến công trận địa pháo giồng Gò Sắt, 4 tổ đặc công đánh vào khu nhà lính Mỹ ở, phá hủy 4 nhà lính, 1 đài quan sát, diệt và làm bị thương 26 tên Mỹ. Một tổ đặc công khác đánh vào chi khu quận lỵ, phá hủy 3 lô cốt, 1 máy phát điện, 1 trại lính. Một đơn vị vũ trang huyện tiến công vào đầu cầu Sông Vệ, tiêu diệt và làm bị thương 28 tên Mỹ.

Ngày 03-02-1968, nhân dân đào phá quốc lộ 1, đánh sập cầu Tú Sơn và cầu ông Liễu, làm chủ toàn bộ ba xã Đức Thắng, Đức Lợi và Đức Nhuận. Hơn 5.000 quần chúng rầm rộ xuống đường biểu tình, bao vây đồn Quán Lát. Địch hoang mang bỏ chạy, một số ác ôn xả súng vào đoàn biểu tình, làm 17 người chết. Đoàn biểu tình kiên quyết đấu tranh, kéo vào quận lỵ đòi bồi thường, một số người gia nhập vào đội xung kích kéo ra thị xã đấu tranh.

Tại Đức Phổ, đêm 30 Tết, Trung đội tập trung của huyện tập kích trận địa pháo Chóp Vung, Mồ Côi, phá hủy 10 khẩu pháo, trong đó có 4 khẩu 105 ly và 2 khẩu 175 ly, đánh sập 1 lô cốt, diệt 17 tên Mỹ. Bộ đội tập trung huyện còn pháo kích vào sân bay và bãi đỗ xe Gò Hội, phá hủy 8 máy bay, 13 xe GMC và 4 lô cốt. Du kích các xã Phổ Văn, Phổ Hiệp, Phổ Thuận, Phổ Vinh, Phổ Thạnh, Phổ Khánh, Phổ Minh tấn công đồn địch, đánh giao thông, làm sập cầu nước mặn, cầu Sông Thoa, tiêu diệt và làm bị thương nhiều tên địch, phá hủy nhiều cầu, cống.

Tại Bình Sơn, đêm 30 Tết, du kích tiến công vào ấp An Châu (Bình Thới) diệt 1 trung đội trưởng lính nghĩa quân, thu 1 súng. Ngày 02-02, du kích Bình Đông đánh chìm một tàu bo bo trên sông Mũi Rú làm 4 lính Mỹ thiệt mạng. Du kích An Phú (Bình Phú) pháo kích vào đồn Mỹ Đá, gây cho địch thiệt hại nặng. Cùng đêm, lực lượng vũ trang Bình Sơn pháo kích vào trận địa Bằng Tiến, làm hỏng 3 khẩu 105 ly, 1 trại lính, phá sập

1 cầu trên quốc lộ 1. Rạng sáng ngày mừng một Tết, hơn 3.000 quần chúng xuống đường biểu tình giương cao biểu ngữ, cờ, băng, khẩu hiệu, đòi đế quốc Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam. Địch hoang mang, dùng máy bay đánh phá, làm nhiều người chết và bị thương<sup>1</sup>.

Tại Ba Tơ, 1 giờ sáng ngày mừng một Tết, lực lượng vũ trang huyện được sự nội ứng của cơ sở trong lực lượng nghĩa quân đột nhập vào khu vực lính Trường Sơn đóng giữ ấp Hoàn Đồn cách quận lỵ Ba Tơ 200 m về phía bắc. Sau 15 phút chiến đấu, ta đánh sập 1 khu nhà lính và làm hư hại 12 khu nhà khác, diệt 48 tên. Sáng ngày 03-02, hơn 3.000 quần chúng biểu tình tại quận lỵ.

Tại Minh Long, đêm ngày 03-02, lực lượng vũ trang tập trung và du kích huyện tiến công vào ấp Lạc Sơn, địch bỏ chạy, ta làm chủ nhiều ngày.

Tại các huyện Sơn Hà, Trà Bồng, Sông Rhe, lực lượng vũ trang tuyên truyền phối hợp với du kích xã và lực lượng quần chúng, ngay từ đêm 30 rạng ngày mừng một Tết tiến công vào huyện lỵ, làm chủ nhiều giờ. Địch đưa xe tăng và máy bay đến uy hiếp. Quân dân Sơn Hà, Trà Bồng đánh trả quyết liệt, diệt hàng chục tên địch, phá hủy nhiều xe bọc thép, bắn rơi 1 trực thăng HU-1A.

Cũng thời gian này, Tiểu đoàn 48 dùng cối 81 ly pháo kích vào chi khu Sơn Tịnh. Một đại đội đặc công Sơn Tịnh đánh vào quận lỵ, phá 2 lô cốt, tiêu diệt 1 trung đội nghĩa quân, giải thoát trên 300 đồng bào đi đấu tranh chính trị bị địch bắt giam.

Đồng thời với đấu tranh chính trị, quân sự, Tỉnh ủy quyết định mở đợt tấn công binh vận mạnh mẽ, đều khắp. Trong đợt hoạt động này, ta gửi 715 lá thư cho binh sĩ ngụy, phát 54.258 tờ

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 273.

truyền đơn, 2.161 tờ áp phích, 100 khẩu hiệu, 370 lần gọi loa vào đồn địch<sup>1</sup>. Tại Hội nghị tổng kết công tác binh vận, Khu ủy V đánh giá cao về công tác binh vận của tỉnh trong đợt Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968: "Quảng Ngãi năm 1967, có 2.400 lính rã ngũ, thì trong đợt Tổng tiến công đã có 10 vụ binh biến, có 625 lính rã ngũ lẻ tẻ, 27 trung đội dân vệ và 1 đại đội bảo an tan rã gọn"<sup>2</sup>.

Kết quả trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân và dân trong tỉnh loại khỏi vòng chiến đấu 4.025 tên Mỹ - ngụy, bắt sống 482 tên, phá hủy 88 xe quân sự, bắn rơi và cháy 34 máy bay, phá hủy 18 khẩu pháo, đốt cháy 4 kho xăng, phá hủy 1 kho vũ khí, đánh sập 15 cầu, 8 cống, nhiều công sự, tiến công hầu hết các mục tiêu quân sự và các cơ quan đầu não của địch ở quận lỵ, thị xã, thị trấn. Cuộc tiến công làm rối loạn toàn bộ hệ thống phòng ngự của địch. Bộ máy ngụy quyền nhiều nơi tan rã, một số tên đầu sỏ cấp quận, cấp tỉnh phải trốn chạy ra Chu Lai (Quảng Nam) và đảo Lý Sơn; bọn dân vệ, nghĩa quân bị phá rã và đào ngũ hàng loạt; quân bảo an ở các đồn bỏ chạy; quân chủ lực ngụy phải lui về phòng thủ trong các trụ sở ở thị xã, thị trấn. Đại bộ phận nông thôn đồng bằng hoàn toàn giải phóng và nối liền với miền núi. Phong trào cách mạng ở thị xã phát triển mạnh, ta nắm được nhiều nơi, xây dựng thành căn cứ lồi bên trong thị xã.

Song, do chấp hành đúng quy định của trên, yếu tố bất ngờ không còn vì nhiều thành phố, tỉnh lỵ trên toàn miền Nam

---

1. Báo cáo của Khu ủy V tại Hội nghị tổng kết công tác binh vận từ ngày 30-01 đến ngày 02-5-1968. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 274.

đã nổ súng tấn công từ đêm trước<sup>1</sup>; sự phối hợp giữa lực lượng vũ trang và lực lượng quần chúng chưa thật chặt chẽ, đòn tiến công quân sự ở các trọng điểm chưa đủ sức đè bẹp lực lượng địch để tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy; một số nơi còn chủ quan, đơn giản một chiều, chỉ thấy mặt thuận lợi, ít dự kiến được những tình huống xấu có thể xảy ra. Vì vậy, khi ngày N và giờ G thay đổi, ta không báo cáo xin ý kiến cấp trên để có sự điều chỉnh kịp thời việc bố trí lực lượng và phương pháp tác chiến nên chịu nhiều tổn thất.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân của quân và dân tỉnh Quảng Ngãi góp phần cùng nhân dân toàn miền Nam làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải từ bỏ chiến lược "tìm diệt", thay bằng chiến lược "quét và giữ", từng bước thực hiện chiến lược phi Mỹ hóa chiến tranh, giảm dần sự dính líu trên bộ của Mỹ ở miền Nam. Tổng thống Mỹ Giôn-xơn phải chấp nhận đàm phán với ta và hạn chế ném bom đánh phá miền Bắc. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân

---

1. Đêm ngày 29-01-1968, quân giải phóng mở cuộc tổng công kích, đột nhập một số tỉnh lỵ, thị xã: Nha Trang, Kon Tum, Đắk Lắk, Quy Nhơn, Plâycu, Huế, Hội An. Dẫn theo Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II: *Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn, tập I: Đánh và đàm (1968 - 1972)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012, tr. 27.

"Giữa lúc đó, Quân khu nhận được lệnh lui thời gian nổ súng lại một ngày để phối hợp toàn miền. Theo lệnh của Bộ Tổng Tham mưu, ngày N là đêm Giao thừa. Năm đó, Chính phủ ta đổi lịch theo múi giờ Hà Nội, nên đêm Giao thừa giữa miền Bắc và miền Nam cách nhau một ngày. Vì vậy có địa phương nổ súng theo Giao thừa miền Nam. Phát hiện tình hình này, Bộ Tổng Tham mưu lệnh cho các địa phương nổ súng trước lùi lại cho thống nhất. Tuy nhiên, nhiều đơn vị đã triển khai lực lượng, không có cách gì hoãn được, nên xin được nổ súng" (Theo *Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng*, Bộ Tư lệnh Quân khu V xuất bản, 1989, t.II, tr. 335).



năm 1968 làm thay đổi cả cục diện của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Bị đánh đau, đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố tiếp tục tăng quân, mở các cuộc càn quét nhằm bảo vệ các đô thị lớn, các căn cứ lớn và các trục giao thông chiến lược quan trọng. Ở Quảng Ngãi, chúng bỏ một số đồn bót ở các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, quân số địch trên chiến trường Quảng Ngãi giảm nhiều. So với năm 1967, quân Mỹ giảm từ 2 đến 3 tiểu đoàn, quân ngụy giảm 2 tiểu đoàn và nhiều đoàn bình định. Đồn bót và các cứ điểm từ 130 chỉ còn 87 đồn, trong đó có 15 cứ điểm của Mỹ<sup>1</sup>. Quân địch cố thủ bên trong thị xã khi cần mới nống ra bên ngoài. Chúng mở các cuộc hành quân càn quét, đánh phá các hành lang và bàn đạp của ta nhằm ngăn chặn các cuộc tiến công vào các căn cứ của chúng ở thị xã, thị trấn và cả vùng ven. Chỉ trong hai tháng 3, 4-1968, chúng giết hại 1.235 đồng bào ở ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

Ngày 16-3-1968, trong cuộc hành quân giải tỏa vùng ven thị xã Quảng Ngãi, Sư đoàn Amêricon gây ra cuộc thảm sát man rợ tại Sơn Mỹ (xã Tịnh Khê, Sơn Tịnh). Trong cuộc thảm sát này, chỉ chưa đầy 8 giờ đồng hồ, giặc Mỹ sát hại 504 đồng bào, trong đó có 182 phụ nữ (17 người đang mang thai), 173 trẻ em (56 trẻ sơ sinh dưới 5 tháng tuổi), 60 cụ già trên 60 tuổi, 247 ngôi nhà cùng toàn bộ tài sản bị thiêu hủy, hàng ngàn gia súc, gia cầm bị giết hại.

Ngay sau vụ thảm sát, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh Quảng Ngãi ra Thông báo tố cáo tội ác của giặc Mỹ giết hại đồng bào ta ở Tịnh Khê. Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Trung Trung Bộ ra Tuyên bố khẩn cấp, kịch liệt lên án

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 277.

tội ác của giặc Mỹ ở Tịnh Khê. Những buổi mítting phát động căm thù, tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ, động viên phong trào thi đua trong các lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân, có cả một số ngụy quân, ngụy quyền tham gia. Nhiều thanh niên tình nguyện gia nhập các lực lượng vũ trang.

Phụ nữ xã Tịnh Khê viết thư gửi đến các lực lượng vũ trang hãy hướng về Sơn Mỹ, dồn đau thương vào mũi lê, nòng súng, quyết tiêu diệt giặc Mỹ bạo tàn để trả thù cho đồng bào bị chúng sát hại.

Tháng 5-1968, em Võ Thị Liên, 12 tuổi, một trong số ít người may mắn sống sót trong vụ thảm sát này, thay mặt cho người dân Sơn Mỹ (Tịnh Khê) ra Hà Nội và nhiều nơi trong nước cũng như trên thế giới (Liên Xô, Trung Quốc, Cộng hòa Dân chủ Đức...) để tố cáo tội ác man rợ của lính Mỹ đối với đồng bào và người thân của mình. Lời tố cáo của Võ Thị Liên, nhân chứng sống trong vụ tàn sát đẫm máu của giặc Mỹ, trên các diễn đàn quốc tế càng làm cho nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới hiểu rõ hơn bộ mặt thật, tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh do Mỹ đang tiến hành ở Việt Nam. Tội ác của đế quốc Mỹ làm thức tỉnh lương tri nhân loại tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ. Các cuộc biểu tình, tố cáo vụ thảm sát Sơn Mỹ, phản đối cuộc chiến tranh phi nghĩa của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam được tổ chức nhiều nơi trong nước và trên thế giới.

Thời gian này, để chi viện vũ khí cho chiến trường miền Nam, đêm ngày 17-3-1968, một chiếc tàu không số vừa cập bến đò xã Phổ Hiệp (Đức Phổ) bị địch phát hiện. Các thủy thủ trên tàu dũng cảm chiến đấu liên tục suốt 5 giờ đồng hồ, quyết không để vũ khí rơi vào tay địch. Thuyền trưởng Nguyễn Đức Thắng quyết định phá hủy tàu và toàn bộ vũ khí, 12 thủy thủ bị thương chạy thoát lên chân núi Dâu, được nhân dân chăm sóc,

bảo vệ an toàn và đưa về trạm xá huyện Đức Phổ giao cho bác sĩ Đặng Thùy Trâm cứu chữa.

Ngày 24-4-1968, Bộ Chính trị họp, nhận định về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân và chủ trương mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy đợt 2. Bộ Chính trị yêu cầu đợt 2 của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy là liên tục tiến công vào các đô thị, tạo ra sự khủng hoảng thường xuyên của địch ở những nơi đó, tiếp tục đánh mạnh vào nguy quân, nguy quyền, gây cho chúng thiệt hại nặng nề về sinh lực và phương tiện chiến tranh, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy giành chính quyền làm chủ, thiết lập và củng cố chính quyền cách mạng trên toàn bộ nông thôn ở miền Nam.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Khu ủy, Ban Chỉ huy Mặt trận tỉnh khẩn trương triển khai một số công việc cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đợt 2 và 3 (các chiến dịch Hè, Thu năm 1968). Quân khu V tăng cường một bộ phận Sư đoàn 3 về làm nòng cốt trong hai đợt nổi dậy này.

Đối với tỉnh Quảng Ngãi, yêu cầu của đợt tiến công là: Tiếp tục tập trung lực lượng tiến công vào thị xã, thị trấn, quận lỵ, đánh cho được một số mục tiêu quan trọng thuộc các cơ quan đầu não của Mỹ - ngụy, tiêu diệt bọn ác ôn, cảnh sát, binh lính, gián điệp, chiếm lĩnh và chốt lại một số nơi, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy khởi nghĩa phá ấp chiến lược, diệt ác ôn, giành quyền làm chủ, giải phóng toàn bộ vùng ven phụ cận nông thôn sát thị xã, quận lỵ, phá toàn bộ các khu đồn, khu tập trung; đánh phá một số cầu lớn như Trà Khúc, Sông Vệ, Trà Câu và các cầu quan trọng khác trên đường từ Bình Sơn đến Đức Phổ; chiếm lĩnh các đoạn đường giao thông từ Bình Hiệp đi Châu Ổ, từ quận lỵ Sơn Tịnh đi Quán Cơm, từ quận lỵ Tư Nghĩa đi Sông Vệ, từ quận lỵ Đức Phổ đi Sa Huỳnh; liên tục phá đường đánh quân tiếp viện, triệt đường tiếp tế, gây cho địch khôn quẫn; đẩy mạnh ba mũi giáp công, hoạt động mạnh ở nông thôn và

vùng phụ cận, diệt ác trừ gian, quét sạch nguy tề thôn, xã, phát động quần chúng nổi dậy, bức hàng, bức rút một số vị trí của địch ở quận lỵ, thị xã, tiến tới thành lập chính quyền cách mạng ở những vùng giải phóng.

Đảng ủy và Ban Chỉ huy chiến dịch được thành lập. Đảng ủy chiến dịch, gồm các đồng chí Phạm Thanh Biên - Khu ủy viên làm Bí thư; Nguyễn Nam Khánh - Chính ủy Sư đoàn làm Phó Bí thư; Lê Giang (Khương) - Tư lệnh Sư đoàn, Huỳnh Ngọc Anh (Quang) - Phó Tư lệnh, Nguyễn Chúc - Chính trị viên Tỉnh đội làm Ủy viên Ban Thường vụ. Các đồng chí Văn, Chín, Nam, Đức và 12 đồng chí khác là đảng ủy viên.

Ban Chỉ huy chiến dịch gồm các đồng chí: Lê Giang (Khương), Chỉ huy trưởng; đồng chí Phạm Thanh Biên, Chính ủy; đồng chí Nguyễn Nam Khánh, Phó Chính ủy; đồng chí Huỳnh Ngọc Anh (Quang), Chỉ huy phó.

Đúng 0 giờ 55 phút, ngày 05-5-1968, đợt 2 tổng công kích, tổng khởi nghĩa nổ ra khắp các chiến trường ở miền Nam.

Tại Quảng Ngãi, quân và dân thừa thắng xông lên, liên tục tiến công, liên tục nổi dậy, quyết tâm trả thù cho đồng bào Sơn Mỹ bị giặc Mỹ sát hại. Các lực lượng vũ trang trong tỉnh tiến công vào nhiều vị trí quan trọng trong thị xã, thị trấn ở đồng bằng. Trong hai ngày 05 và 06-5-1968, lực lượng vũ trang của tỉnh tiến công tiểu khu Quảng Ngãi, đánh thiệt hại nặng hai đại đội lính cộng hòa và lính bảo an. Các đơn vị trụ bám, tiến công địch ở bắc cầu Trà Khúc và ga Ông Bó, làm chủ các đường Phan Bội Châu<sup>1</sup>, Trần Hưng Đạo. Tiểu đoàn 48 cùng lực lượng vũ trang địa phương tiến công quận lỵ Bình Sơn, Sơn Tịnh, cắt đứt đoạn đường giao thông quốc lộ 1, gây cho địch nhiều khó khăn trong việc tiếp tế, vận chuyển. Đầu tháng 6-1968, Đại đội

---

1. Nay là đường Hùng Vương.

đặc công 506A đánh vào Tỉnh đoàn xây dựng nông thôn, khu vực đóng quân Mỹ trên đường Võ Tánh, tiêu diệt hàng chục tên từ Cống Kiểu đến đường Trần Quốc Toàn<sup>1</sup>. Đại đội 506B đánh đài phát thanh. Tiểu đoàn 81 tiến công tiểu đoàn bảo an, dùng cối 82 bắn phá tiểu khu Quảng Ngãi... Nhưng tiếng súng tiến công đợt 2 ở Quảng Ngãi chỉ rộ lên được một thời gian rồi lắng xuống. Mỹ - ngụy ra sức thực hiện chiến lược "quét và giữ", tăng cường đánh phá, lập các vành đai trắng ở ven thị xã, thị trấn.

Toàn chiến trường miền Nam lúc này chỉ còn ở Đường 9 - Khe Sanh cuộc chiến đấu vẫn tiếp diễn và rất quyết liệt. Quân địch sử dụng một khối lượng rất lớn bom đạn đánh vào Khe Sanh nhằm cứu nguy cho lực lượng Mỹ đang bị bao vây ở Tà Con. Nhưng đến ngày 26-6, Mỹ phải rút khỏi Khe Sanh. Chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh kết thúc, đồng thời cũng kết thúc đợt 2 tổng công kích, tổng tiến công và nổi dậy.

Sau gần một tháng tiến công và nổi dậy đợt 2 trong năm 1968, quân và dân miền Nam, trong đó có quân dân Quảng Ngãi gây cho địch những thiệt hại nặng về sinh lực, phương tiện chiến tranh, đánh một đòn mạnh vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, làm mâu thuẫn trong hàng ngũ của chúng thêm trầm trọng.

Tháng 8-1968, Bộ Chính trị họp đánh giá tình hình trong hai đợt tổng tiến công và nổi dậy, chủ trương tiếp tục đẩy mạnh tổng công kích, tổng khởi nghĩa đợt 3 nhằm làm cho địch thất bại trên chiến trường, thất bại ở các thành thị lớn và thất bại ở ngay nước Mỹ. Đòn tiến công chính hướng vào các thành thị lớn; mặt trận nông thôn là chiến trường quan trọng; Sài Gòn, Gia Định và miền Đông Nam Bộ được xác định là chiến trường trọng điểm, các địa phương khác là chiến trường phối hợp.

---

1. Nay là đường Lê Khiết.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy và Ban Chỉ huy Mặt trận tỉnh họp, rút kinh nghiệm các đợt tổng tiến công trước và đề ra kế hoạch thực hiện đợt 3 tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho rằng, với khí thế thừa thắng xông lên, liên tục tiến công và liên tục nổi dậy, ta vẫn tiếp tục chủ động tiến công địch ở chiến trường chính, làm cho hậu phương địch không ổn định, tư tưởng địch hoang mang dao động, tinh thần địch mệt mỏi sa sút, chính quyền địch rệu rã, nội bộ địch mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ta vẫn duy trì được khí thế quần chúng bên trong, giữ được thế ở vùng phụ cận, phong trào cách mạng ở thị xã, quận lỵ, thị trấn được duy trì và phát triển. Tuy nhiên, thực lực cách mạng bên trong vùng phụ cận trực giao thông còn ít và quá yếu; tổ chức bộ máy lãnh đạo hệ thống đội ngũ cán bộ còn thiếu và yếu; phong trào du kích chiến tranh phát triển chậm, chưa phối hợp chặt chẽ ba mũi giáp công giữa thị xã với các quận lỵ, thị trấn, giữa đô thị với vùng nông thôn giải phóng; việc phá kim giành dân vùng nông thôn phụ cận làm quá chậm, đánh hậu cứ, giao thông, kho tàng chưa mạnh. Do đó, địch có điều kiện nổi lại giao thông, tăng cường phòng thủ đô thị, đưa chiến tranh ra vùng nông thôn giải phóng.

Về vấn đề tư tưởng, Hội nghị cho rằng việc giải phóng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quân đội chưa sâu, nên quyết tâm xấp vào, trụ bám ở chiến trường chưa cao. Phát động tư tưởng quần chúng bên trong chưa mạnh, chưa sâu, nên chưa có phong trào nổi dậy mạnh mẽ của quần chúng bên trong, chưa gây được khí thế mới trong đô thị.

Để khắc phục những khuyết điểm trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương trong đợt 3 tổng tiến công và nổi dậy phải đạt được các yêu cầu và có sự chuẩn bị chu đáo hơn. Trong nội bộ Đảng phải học tập và thống nhất mọi chủ trương, kế hoạch của ban chỉ đạo chiến dịch. Bộ đội, đội công tác, cơ sở bên trong

phải phát huy kết quả chính huấn, học tập kinh nghiệm nổi dậy của các địa phương bạn, phải có dự kiến kế hoạch hoạt động ở từng địa phương, đơn vị để mọi cán bộ, chiến sĩ bàn bạc thống nhất. Phải làm cho mọi người thấy rõ thế địch, thế ta, thấy được phương hướng, yêu cầu nhiệm vụ trước mắt, thấy rõ quyết tâm chiến lược và ý đồ chỉ đạo của Đảng; trên cơ sở đó xây dựng lòng quyết tâm chiến đấu, niềm tin quyết chiến và quyết thắng.

Đối với quân chúng bên trong, phải làm cho họ thấy được thế yếu, thế thua của Mỹ - ngụy; thế mạnh, thế thắng của cách mạng, thấy rõ thời cơ và nghĩa vụ giành chính quyền về tay nhân dân. Đồng thời, cần phát động tư tưởng quân chúng, mở đợt diệt ác trừ gian, phá thế kìm kẹp của địch, nổi dậy rào làng chiến đấu, đào công sự, giúp đỡ quân giải phóng đánh địch.

Về chuẩn bị lực lượng, từ tỉnh đến huyện, thị xã, thị trấn phải thành lập ban chỉ đạo tiền phương, ban chỉ huy trọng điểm, lập các đoàn cán bộ vận động quân chúng nổi dậy đấu tranh ở thị trấn, vùng phụ cận và các khu đồn tập trung đông dân. Lực lượng quân sự phải lo bổ sung quân số, chuẩn bị lực lượng dự bị, trang bị vũ khí, đưa vũ khí vào bên trong, chuẩn bị lương thực, tập trung vào trọng điểm.

Ngoài ra, cần chuẩn bị lực lượng đấu tranh chính trị, binh vận, chuẩn bị hành lang, bàn đạp và lập ra các phương án chiến đấu.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đặc biệt lưu ý các cấp, các ngành trong công tác chỉ đạo cần nắm vững các nguyên tắc: Tiếp tục tiến công và nổi dậy bằng "hai chân, ba mũi" giáp công là phương châm chủ đạo và xuyên suốt; tập trung trọng điểm, nhưng không được xem nhẹ nơi khác; kết hợp chặt chẽ giữa tiến công và nổi dậy, giữa ba mũi giáp công và ba vùng chiến lược.

Đợt 3 tổng công kích, tổng khởi nghĩa và nổi dậy bắt đầu từ đêm ngày 22-8-1968.

Chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh của ban chỉ huy chiến dịch, đêm ngày 22-8-1968, quân và dân trong tỉnh đồng loạt nổ súng vào 55 mục tiêu của địch ở khắp các địa phương, gây cho địch nhiều thiệt hại nặng, giành thắng lợi to lớn và toàn diện, được Khu ủy và Quân khu gửi điện khen: Quảng Ngãi là một tỉnh hoạt động xuất sắc trong những tỉnh xuất sắc của toàn khu.

Chỉ tính trong những ngày đầu của đợt 3, hàng trăm tên địch bị loại khỏi vòng chiến đấu, 7 máy bay bị bắn rơi, 25 xe bọc thép bị phá hủy và bắn cháy, 11 cầu bị phá sập, 27 hố chống tăng được đào, đắp trên quốc lộ 1, 9 cứ điểm bị san bằng, 2 đồn bị bức rút. Ta làm chủ 16 xã và 10 thôn. Quân chúng ở các vùng ven, phụ cận, trong thị xã, thị trấn nổi dậy cùng lực lượng du kích phá ấp chiến lược, khu định cư, đưa quân chúng trở về quê cũ.

Cùng với việc tiêu diệt địch ở phía trước, ở tuyến sau ta phát động quần chúng nổi dậy hỗ trợ đắc lực cho lực lượng vũ trang chiến đấu. Tinh thần bám trụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, dân quân du kích có chuyển biến tốt. Mặc dù nhiều cơ sở bị địch đánh phá ác liệt, nhưng nhân dân vẫn trụ bám, đấu tranh trực diện với quân thù.

Ở các huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, nhân dân phát hiện báo cho chính quyền cách mạng bắt giữ 81 tên gián điệp, ác ôn làm tay sai cho địch. Nhân dân nhiều huyện tích cực thu mua lương thực cung cấp cho tiền tuyến. Trong tháng 8, nhân dân Sơn Tịnh, Tư Nghĩa mua được 135 tấn lương thực cung cấp cho bộ đội<sup>1</sup>. Có những vùng bị địch đánh phá ác liệt, nhân dân vẫn hăng hái, vượt qua bom đạn phục vụ tiền tuyến, như cứu chữa, đưa thương, bệnh binh về tuyến sau, vận động nhân dân đóng góp tiền để mua lương thực, thực phẩm cung cấp cho chiến trường.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 284.



Quân ngụy bị đánh tan tác, nhiều đơn vị bị xóa sổ. Trung đoàn 4 ngụy suy yếu, 2 tiểu đoàn của Trung đoàn 6 và 1 tiểu đoàn của Trung đoàn 5 bị đánh thiệt hại nặng, 3 tiểu đoàn bị tiêu diệt hoàn toàn. Lữ đoàn 198 Mỹ bị thiệt hại nặng, Lữ đoàn 11 Mỹ bị đánh tan tác ngay trong công sự kiên cố. Sư đoàn Amêricon Mỹ sức chiến đấu bị giảm sút. Các lực lượng ứng cứu không còn phát huy được sức chiến đấu. Lực lượng phòng thủ, bình định mất tác dụng và tan rã. Lực lượng kìm kẹp xã, thôn bị tiêu diệt hoặc bị vô hiệu hóa; lực lượng lính Hrê bị tiêu diệt một số, số còn lại mất tinh thần chiến đấu.

Đợt 3 tổng tiến công, tổng khởi nghĩa và nổi dậy thu được nhiều thắng lợi to lớn và toàn diện. Lực lượng cách mạng ở thể chủ động tiến công. Địch ở thể bị động, lúng túng, hoang mang, dao động.

Sau ba đợt tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân trong tỉnh, Mỹ - ngụy tuy bị tổn thất nặng nề nhưng về cơ cấu tổ chức ngụy quân, ngụy quyền chưa bị tan rã và đảo lộn. Chính quyền ngụy ở tỉnh, huyện cơ bản vẫn còn. Vì vậy, địch có điều kiện để củng cố và tăng cường lực lượng, liên tiếp phản kích, đẩy lùi quân chủ lực ra khỏi thị xã, thị trấn và quận lỵ. Ta tuy thắng lợi lớn, nhưng lực lượng cũng bị tổn thất nặng nề, chưa kịp bổ sung. Hơn nữa, vùng nông thôn đồng bằng và miền núi, trong một thời gian dài ta tập trung đánh vào thị xã, thị trấn, nên địch lợi dụng tình huống này tiến hành bình định cấp tốc, tiếp tục càn quét, rải chất độc hóa học và dùng phi pháo bắn phá liên tục, tranh giành quyết liệt với ta ở những vùng chúng vừa bị mất.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 27 đến ngày 30-10-1968, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ VII được khai mạc tại xã Sơn Linh (Sơn Hà). Tham dự Đại hội có 72 đại biểu

chính thức (trong đó có 13 đại biểu nữ, 16 đại biểu người dân tộc thiểu số), thay mặt cho 8.905 đảng viên trong toàn tỉnh. Đồng chí Phạm Thanh Biền, Khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì Đại hội.

Đại hội nghe báo cáo kiểm điểm các mặt công tác của Tỉnh ủy từ sau Đại hội lần thứ VI (tháng 01-1965), đánh giá những thắng lợi đạt được trong thời gian qua, đặc biệt là những thắng lợi giành được trong các chiến dịch phản công hai mùa khô (1965 - 1966, 1966 - 1967) và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, đánh bại kế hoạch "tìm diệt và bình định" của địch, giành giữ dân, mở rộng vùng giải phóng, góp phần làm phá sản chiến lược chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ.

Về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, Đại hội cho rằng, dưới sự lãnh đạo kịp thời và cụ thể của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh phối hợp nhịp nhàng, nỗ lực đồng loạt tiêu diệt nhiều sinh lực địch, kết hợp ba thứ quân, ba mũi giáp công tiến công và nổi dậy liên tục khắp ba vùng, trọng điểm là thị xã, thị trấn, làm cho lực lượng phòng thủ của địch bị chọc thủng và mất sức, lực lượng kìm kẹp bên dưới tan rã từng mảng, thế và lực có lợi cho ta, âm mưu củng cố nguy quân, nguy quyền của địch bị thất bại.

Mặc dù ta có đánh tiêu hao nhiều sinh lực địch, diệt nhiều ác ôn đầu sỏ, nhưng hoạt động du kích còn yếu, chưa hỗ trợ vững chắc cho quần chúng nổi dậy, chưa tiêu diệt gọn được nhiều đại đội, tiểu đoàn nguy, phong trào du kích chiến tranh phát triển không đều, lực lượng ta tổn thất nặng, quân số giảm sút.

Về đấu tranh chính trị và vũ trang khởi nghĩa, Đại hội khẳng định, trong những ngày tổng tiến công và nổi dậy, quần chúng ở

đồng bằng và miền núi rầm rộ xuống đường với khí thế bùng bùng khởi nghĩa. Tuy chưa đạt được mục tiêu, nhưng quần chúng đã trực tiếp đấu tranh, tiến công chính trị, giữ được quan hệ bình thường giữa hai vùng. Các cuộc đấu tranh quyết liệt của quần chúng chống dồn dân, đốt nhà thu được thắng lợi đáng kể. Từ thực tế, Đại hội khẳng định: Dù kẻ thù hung bạo đến mấy, nếu biết phát động thì quần chúng sẽ, quyết xông lên, làm cho kẻ thù phải khiếp sợ<sup>1</sup>.

Về công tác binh địch vận, Đại hội cho rằng, ngụy quân đã hoang mang, dao động nặng, hàng trăm binh sĩ ngụy bỏ hàng ngũ, mang vũ khí về với nhân dân. Nhưng việc rải ngũ còn thấp, binh biến với khởi nghĩa chưa thực hiện được, chưa kết hợp giữa binh biến với khởi nghĩa, binh biến với tác chiến, cơ sở bên trong chưa mạnh nên không dám hành động, cán bộ binh vận chưa có kế hoạch cụ thể để toàn dân làm công tác binh vận.

Về công tác xây dựng Đảng, Đại hội nêu rõ vai trò, vị trí của tổ chức đảng cơ sở có tầm quan trọng, đặc biệt là trong giai đoạn chiến tranh ác liệt và phức tạp. Vì vậy, việc xây dựng Đảng được các cấp ủy quan tâm chú ý hơn trước. Tuy nhiên, công tác phát triển chưa gắn chặt với các phong trào, với các đoàn thể, nhất là đoàn thanh niên nhân dân cách mạng. Tỷ lệ phát triển Đảng còn chậm so với phong trào phát triển của các địa phương, không bù được số đảng viên đã hy sinh hoặc bị xử lý kỷ luật. Số đảng viên hợp pháp còn ít, đào tạo, bồi dưỡng không đáp ứng kịp thời yêu cầu của cách mạng.

Sau bốn ngày làm việc khẩn trương, Đại hội ra nghị quyết, nêu rõ phương hướng và nhiệm vụ trong thời gian tới là: "Ra sức

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 287-288.

phát huy thắng lợi, liên tục tiến công, liên tục nổi dậy, nỗ lực xây dựng thực lực về mọi mặt ở cả ba vùng, đặc biệt chú trọng phong trào và xây dựng cơ sở bên trong thị xã, quận lỵ, thị trấn, vùng ven, khẩn trương xây dựng vùng mới mở ra. Giữ vững hành lang, bàn đạp, mở rộng thế làm chủ, hình thành thế trận vững chắc, bao vây tiến công toàn diện, liên tục, mạnh mẽ đối với chiến trường trọng điểm, đẩy địch vào thế bị động, cùng cực, nhanh chóng phát huy thế và lực của ta, để hoàn thành nhiệm vụ giải phóng toàn bộ nông thôn, thực hiện làm chủ từng bước và khi có thời cơ tiến tới giải phóng thị xã, quận lỵ, thị trấn, cùng toàn khu, toàn miền giành thắng lợi quyết định, bảo đảm thắng lợi trong mọi tình huống, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn"<sup>1</sup>.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng trên mọi lĩnh vực, Nghị quyết khẳng định: Phải đặt công tác động viên chính trị, giáo dục tư tưởng lên hàng đầu, coi trọng công tác xây dựng Đảng cả về tư tưởng và tổ chức, nâng cao trình độ lãnh đạo của các cấp ủy.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 28 đồng chí (22 ủy viên chính thức, 6 ủy viên dự khuyết), Ban Thường vụ có 6 đồng chí<sup>2</sup>. Đồng chí Phạm Thanh Biền, Khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy được Khu ủy chỉ định tiếp tục làm Bí thư Tỉnh ủy. Các đồng chí Trần Vỹ (Văn, Động), Đỗ Ngọc Hoa (Việt Thanh), Đinh Mười (Mô) được bầu làm Phó Bí thư.

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ VII của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (tháng 10-1968).

2. Tổng số Ban Chấp hành có 29 đồng chí (trong đó, đồng chí Phạm Thanh Biền nguyên là Khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy được Khu ủy chỉ định tiếp tục giữ chức Bí thư Tỉnh ủy mà không qua bầu cử). Ban Thường vụ Tỉnh ủy còn có các đồng chí: Trần Vỹ, Đỗ Ngọc Hoa, Đinh Mười, Nguyễn Chức, Nguyễn Viết Chới, Đoàn Nhật Nam.

Sau Đại hội, Tỉnh ủy mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân để quán triệt Nghị quyết Đại hội và xây dựng kế hoạch, quyết tâm đánh bại mọi âm mưu bình định của địch; kiên quyết giữ vững đấu tranh trực diện, tiến công vào đồn bốt địch, đấu tranh chống khủng bố, tố cáo tội ác của địch, hỗ trợ bên trong nổi dậy, tạo điều kiện để nông thôn khởi nghĩa, làm cho địch khủng hoảng, rối loạn, tạo khí thế cho phong trào cách mạng của tỉnh tiến lên.

Lực lượng vũ trang vừa đấu tranh liên tục, quyết liệt, vừa xây dựng củng cố đội ngũ theo hướng tinh gọn, tăng thành phần chiến đấu, giảm bớt biên chế cơ quan, tăng lực lượng địa phương, phát triển lực lượng đặc công, tinh nhuệ hóa các đơn vị chủ lực. Bộ đội địa phương và dân quân du kích được xây dựng và củng cố để đáp ứng với tình hình và nhiệm vụ mới.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội, công tác phát triển Đảng được các cấp ủy rất chú trọng. Những cán bộ, chiến sĩ ưu tú, qua thử thách trong chiến đấu, đều được học các lớp đối tượng và được xét kết nạp vào Đảng. Tính đến cuối năm 1968, toàn tỉnh kết nạp được 3.449 đảng viên; có 50% chi bộ đạt danh hiệu chi bộ "Bốn tốt", số chi bộ yếu kém giảm nhiều. Tuy nhiên, trong công tác xây dựng Đảng có nơi chưa gắn chặt việc xây dựng Đảng với thực hiện nhiệm vụ chính trị, nên còn xem nhẹ công tác xây dựng Đảng. Toàn Đảng bộ thi hành kỷ luật 237 đảng viên, trong đó 159 đảng viên khai trừ vì bỏ trách nhiệm, xin ra khỏi Đảng, 34 đảng viên lưu Đảng.

Sau Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, vùng giải phóng được giữ vững, vùng địch kiểm soát bị thu hẹp. Vòng vây và thế tiến công của ta được đưa vào sát thị xã, thị trấn.

Về xây dựng chính quyền, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng lãnh đạo việc tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân và

Ủy ban cách mạng. Trong năm 1968, toàn tỉnh có 5 huyện, 107 xã tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban cách mạng. Nhân dân các huyện Sơn Tịnh, Sơn Hà, Ba Tơ, Trà Bồng, Sông Rhe hăng hái đi bầu cử, có nơi tổng số cử tri tham gia bầu cử đạt hơn 90%.

Ngày 20-12-1968, Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Ủy ban nhân dân cách mạng gồm 9 ủy viên<sup>1</sup>. Đồng chí Phạm Viết Thuật (Phạm Thanh Biên), Bí thư Tỉnh ủy được bầu làm Chủ tịch Ủy ban. Các đồng chí Đinh Mười (Mô), Đoàn Nhật Nam (Nguyễn Lương) được bầu làm Phó Chủ tịch. Tại cuộc họp, đồng chí Phạm Thanh Biên thay mặt Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh tuyên bố xóa bỏ chính quyền ngụy, kêu gọi nhân dân trong tỉnh đoàn kết, quyết tâm đánh đổ Mỹ - ngụy, giải phóng quê hương, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau khi Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh được thành lập, một số huyện, xã tiếp tục tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân, thành lập chính quyền cách mạng. Tính đến cuối năm 1968, có 8 huyện bầu xong Hội đồng nhân dân và Ủy ban cách mạng, 128/179 xã có chính quyền cách mạng. Đây là một sự kiện chính trị có ý nghĩa to lớn, là kết quả của nhiều năm đấu tranh đầy gian khổ, hy sinh. Việc thành lập chính quyền cách mạng không chỉ là niềm tự hào và củng cố niềm tin thắng lợi cho nhân dân vùng căn cứ, vùng giải phóng vào cách mạng, mà còn cổ vũ mạnh mẽ ý chí đấu tranh của nhân dân ở những vùng chưa được giải phóng.

---

1. Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh gồm các đồng chí: Phạm Viết Thuật (Phạm Thanh Biên, Phạm Xuân Thượng) làm Chủ tịch; Đinh Mười (Đinh Mô), Đoàn Nhật Nam (Nguyễn Lương) làm Phó Chủ tịch; Nguyễn Chức, Nguyễn Nghĩa (Nguyễn Nhân), Trần Đình Tiến, Trịnh Thị Hòa (Lê Thị Thu Thảo), Lê Thị Mỹ Danh, Phạm Ngọc Cừ (dân tộc Cor) làm Ủy viên.

Sau các đợt tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, tinh thần nguy quân và nguy quyền sa sút nghiêm trọng, tâm lý hoang mang, chán nản, mong chờ hòa bình ngày càng tăng trong hàng ngũ địch. Tuy vậy, địch vẫn tập trung quân càn quét đánh vào các vùng căn cứ và vùng ven để ngăn chặn các cuộc tiến công mới của ta vào thị xã, thị trấn. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, lực lượng vũ trang và nhân dân các địa phương trong tỉnh chủ động đánh bại các cuộc càn tìm vũ khí và âm mưu giải tỏa Sơn Hà của địch, đồng thời, phá tan kế hoạch khôi phục nông thôn, tiếp tục đẩy địch lún sâu vào thế phòng ngự bị động hơn nữa. Ta tiếp tục đánh tiêu hao sinh lực địch, phá được thế kìm kẹp nông thôn, diệt số lớn ác ôn đầu sỏ, phá được âm mưu cướp lúa của địch, giữ vững được vùng mới mở ra, đồng thời đột nhập sâu vào thị xã, thị trấn, chiếm lĩnh được một số vùng mới. Sự nổi dậy của quần chúng bên trong vùng ven với chất lượng cao hơn, thể hiện hành động cách mạng mạnh mẽ, kiên quyết của nhân dân.

Thắng lợi của Nhân dân ta trong năm 1968 góp phần làm phá sản chiến lược chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ. Cũng như các tỉnh khu V, đây là thời kỳ Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đấu tranh gay go, ác liệt nhất, trải qua những thử thách lớn nhất và chịu nhiều tổn thất nặng nề nhất nhưng quân và dân trong tỉnh vẫn anh dũng chiến đấu và chiến thắng ngay từ trận đầu, khi quân Mỹ và chư hầu vừa đặt chân lên đất Quảng Ngãi.

Thắng lợi đó trước hết thể hiện chủ trương, quyết tâm dám đánh Mỹ và quyết thắng Mỹ của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Quyết tâm được biến thành sức mạnh đoàn kết triệu người như một của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, trong đó có Đảng bộ, quân và dân Quảng Ngãi luôn nêu cao truyền thống chống

ngoại xâm, tinh thần dũng cảm vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện phương châm: Đảng bám dân, dân bám đất, du kích bám địch, cấp trên bám cấp dưới, liên tục tiến công, liên tục giành thắng lợi.

Những năm 1965 - 1968 là thời điểm gian khổ, khó khăn, chịu nhiều hy sinh mất mát nhất của Đảng bộ, quân và dân tỉnh Quảng Ngãi khi phải trực tiếp đương đầu với đội quân xâm lược hùng mạnh. Nhờ phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công và phương pháp cách mạng của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, kết hợp chặt chẽ ba mũi giáp công chính trị, quân sự, binh vận, trên ba vùng chiến lược rừng núi, đồng bằng, đô thị, đánh mạnh cả phía trước và phía sau, làm cho địch lâm vào tình thế bị động, lúng túng, không cho địch đánh theo sở trường của chúng, buộc chúng phải đánh theo cách đánh do ta lựa chọn: bí mật, bất ngờ, đánh vào chỗ yếu, chỗ hiểm của địch, đánh giao thông, đánh ở các vành đai diệt Mỹ, đánh vào hậu cần, vào lực lượng dự trữ và sở chỉ huy của địch. Đồng thời, quân và dân trong tỉnh rất coi trọng công tác củng cố và xây dựng vùng giải phóng, phát huy vai trò và sức mạnh của hậu phương, là nơi cung cấp sức người, sức của phục vụ chiến trường, đồng thời làm thất bại kế hoạch bao vây, phá hoại kinh tế của địch.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, góp phần cùng quân và dân cả nước làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và đàm phán với ta tại Hội nghị Pari. Thắng lợi này cũng là cơ sở quan trọng để quân và dân Quảng Ngãi tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi đến thắng lợi.



#### IV-CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1969 - 1972)

##### **1. Đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, quyết tâm giành và giữ dân**

Với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968, quân và dân ta đã đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, rút dần quân Mỹ và chư hầu về nước, chấm dứt ném bom phá hoại miền Bắc và ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Pari. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ vẫn không cam chịu thất bại, tiếp tục thực hiện mưu đồ xâm lược nước ta. Chúng chủ trương phi Mỹ hóa cuộc chiến tranh Việt Nam. Mục đích của chủ trương này là: giữ cho được thành thị, các căn cứ quân sự, các đường giao thông chiến lược quan trọng, các vùng đông dân; giữ cho quân Mỹ khỏi bị thiệt hại nặng; giữ cho chính quyền Sài Gòn khỏi tan rã, sụp đổ. Sau khi lên cầm quyền, Tổng thống Mỹ Níchxon chủ trương điều chỉnh từ phi Mỹ hóa cuộc chiến tranh Việt Nam thành chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", với công thức: Quân nguy cộng với trang bị vũ khí, tài chính và cố vấn Mỹ. Với chiến lược này, đế quốc Mỹ hy vọng sẽ sớm "bình định" được Việt Nam.

Để thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", đầu năm 1969, trên chiến trường Quảng Ngãi, quân Mỹ có hai lữ đoàn: Lữ đoàn 198 đóng ở Bình Sơn, Sơn Tịnh và Trà Bồng; Lữ đoàn 11 đóng ở Đức Phổ, Mộ Đức và Tư Nghĩa. Quân nguy có ba trung đoàn (4, 5, 6) thuộc Sư đoàn 2; hai chi đoàn xe thiết giáp; một tiểu đoàn pháo; 40 đại đội lính bảo an, gồm 3.500 tên; 151 trung đội nghĩa quân, dân vệ; 50 trung đội thanh niên

chiến đấu; 10 đại đội biệt kích (chủ yếu đóng ở các huyện miền núi); 63 đoàn bình định nông thôn; 7 trung đội đặc biệt; 6 trung đội thám báo. Tại thị xã Quảng Ngãi có 1 trung tâm huấn luyện, thường xuyên có từ 500 đến 700 lính đến đây học tập, rèn luyện và chiến đấu. Ngoài ra, mỗi huyện có 1 trung đội phòng vệ dân sự làm nhiệm vụ bảo vệ các cơ quan nguy<sup>1</sup>.

Với lực lượng trên, ngay từ đầu năm 1969, địch tập trung đánh phá vùng giáp ranh giữa miền núi và đồng bằng. Chúng dùng máy bay bắn phá, rải chất độc hóa học, khai quang các vùng đông Minh Long, bắc Trà Bồng, tây Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Đức Phổ. Chúng cho máy bay ném bom rải thảm ở các xã Nghĩa Thắng, Nghĩa Lâm (Tư Nghĩa), Tịnh Đông, Tịnh Giang (Sơn Tịnh), Đức Phú (Mộ Đức) và các huyện Ba Tơ, Sơn Hà. Bom đạn địch biến các vùng giáp ranh thành vùng đất trắng.

Ở vùng đồng bằng ven biển giữa hai huyện Bình Sơn và Sơn Tịnh, ngày 13-01-1969, địch sử dụng 8.000 quân cơ động mở cuộc hành quân càn quét "Liên kết 9" đánh vào khu vực Ba Làng An, gồm các xã Bình Phú, Bình Châu, Bình Tân (Bình Sơn), Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, Tịnh Khê (Sơn Tịnh). Trong cuộc càn quét dã man này, địch đã giết hại nhiều người hòng uy hiếp tinh thần đấu tranh của nhân dân ta.

Các cuộc càn quét diễn ra rất quyết liệt và liên tiếp, hết đợt này đến đợt khác. Quy mô các cuộc càn quét, bình định được tăng cường từ cấp tiểu đoàn trở lên. Địch cho xe cày ủi, phục kích các hành lang đi lại, đổ chụp quân nhanh, cho trực thăng, tàu rọ dùng đèn pha bắn phá ban đêm, cho máy bay dùng loa

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 296.

gọi chiêu hồi, tung tin thất thiệt gây hoang mang trong nhân dân. Chúng phong tỏa những địa điểm, cửa khẩu thu mua, tiếp tế lương thực của ta, gom dân vào các khu dồn, áp chiến lược để kìm kẹp dân, lập nhiều lớp hàng rào để dễ bề kiểm soát mọi hoạt động của nhân dân. Trong khu dồn, áp chiến lược, địch cho phân loại, tiến hành thanh lọc nhân dân để phát hiện cơ sở cốt cán, gia đình có liên quan với cách mạng. Đến tháng 6-1969, chúng lập được 39 khu dồn và 138 áp chiến lược, trong đó ở miền núi có 4 khu dồn, 15 áp chiến lược; kích động bọn phản động Quốc dân Đảng, Cao Đài chống phá ta, lập các tổ chức nghiệp đoàn Nhân dân tự kháng, Nông liên hội để mua chuộc, lừa bịp nhân dân.

Ở miền núi, địch vừa tăng cường các cuộc hành quân càn quét, vừa dùng máy bay, pháo binh bắn phá, tung biệt kích lùng sục, đốt phá kho tàng, nhà cửa, nương rẫy và chặn đường vận chuyển của ta. Ngày 18-4-1969, tại thôn Trường Khánh (Khánh Giang - Trường Lệ), xã Hành Tín Đông (Nghĩa Hành), lính Mỹ thuộc Tiểu đoàn Tiger Force tàn sát một lúc 63 phụ nữ và trẻ em<sup>1</sup>.

Đi đôi với bình định nông thôn, địch củng cố lại hệ thống cai trị ở thị xã, thị trấn, chia lại các khu phố, ấp, quy định mỗi liên gia có 5 gia đình, gọi là ngũ gia liên bảo để kiểm soát lẫn nhau. Tất cả những thủ đoạn của địch đã gây cho Nhân dân ta nhiều tổn thất và khó khăn. Trong một số cán bộ, đảng viên bắt đầu nảy sinh tư tưởng hữu khuynh, hoang mang dao động, ngại hy sinh, gian khổ.

---

1. Em Trần Thị Đay - một trong những nạn nhân sống sót sau trận thảm sát đã được đi nhiều nước trên thế giới để tố cáo tội ác của giặc Mỹ đối với Nhân dân Việt Nam và được một nghệ sĩ Nhật Bản làm bộ phim mang tên "Bé Đay".

Tháng 4-1969, Khu ủy khu V ra nghị quyết khẳng định: Muốn đánh bại Việt Nam hóa chiến tranh, trước hết phải đánh bại biện pháp chiến lược chủ yếu của địch là bình định nông thôn.

Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), Khu ủy khu V, quân và dân trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy nêu cao quyết tâm vượt qua khó khăn, gian khổ, đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Ngày 13-01-1969, địch cho một tiểu đoàn lính cộng hòa và hai đại đội bảo an tiến vào xã Tịnh Khê, lũng sục các thôn Trường Định, Tư Cung, Mỹ Khê. Ngay từ đầu, chúng bị một đơn vị của Tiểu đoàn 48 phối hợp với du kích địa phương dựa vào làng chiến đấu, diệt hơn 100 tên, bắn cháy xe bọc thép M.113. Tiếp đó, đêm ngày 14-01, lực lượng vũ trang của tỉnh tập kích, diệt gọn trung đội Mỹ đóng quân tại chùa Đá Mọc. Sáng ngày 16-01, quân Mỹ vây bắt nhân dân, bị hai đại đội của Tiểu đoàn 48 chặn đánh. Tối ngày 16-01, 8 chiến sĩ của Tiểu đoàn 83 tập kích bắt ngờ một đơn vị lính Mỹ đóng ở Đá Dựng, diệt hàng chục tên. Ngày 27-01, các đơn vị chủ lực của tỉnh tiến công vào một số vị trí quan trọng trên trục đường giao thông số 1 ở dọc Bình Sơn, Sơn Tịnh. Các Đại đội đặc công 506A, 506B phối hợp với cơ sở bên trong đánh địch ở trung tâm thị xã Quảng Ngãi tiêu diệt nhiều tên ác ôn, canh sát, tập kích khu Tỉnh đoàn bảo an.

Từ ngày 27 đến ngày 29-01-1969, lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp với lực lượng vũ trang và du kích một số xã của huyện Sơn Tịnh chặn đánh các cuộc càn quét bình định thí điểm của địch. Du kích Tịnh Ấn, Tịnh Thiện, Tịnh An tổ chức nhiều trận tập kích diệt hàng chục tên địch quanh khu đồn Văn Thánh, phối hợp với du kích mật diệt ác ôn trong khu đồn, tạo thế cho nhân dân phá thế kìm kẹp của địch. Hai cuộc càn quét lớn

Liên kết 9 và Bình định trọng điểm của 8.000 quân Mỹ - ngụy vào 6 xã: Tịnh Khê, Tịnh Hòa, Tịnh Kỳ, Bình Phú, Bình Châu và Bình Tân bị quân và dân ta đánh bại, diệt hơn 1.000 lính Mỹ - ngụy, 5 trung đội Mỹ, một đại đội ngụy, đánh cháy và hỏng 17 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 7 máy bay trực thăng, thu nhiều vũ khí, hỗ trợ quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược, khu dồn dân, trở về quê cũ. Bước đầu kế hoạch "Việt Nam hóa chiến tranh" của địch ở Quảng Ngãi bị lung lay.

Từ ngày 22-02 đến ngày 31-3-1969, Khu ủy V chủ trương mở chiến dịch Xuân năm 1969. Thực hiện chủ trương này, các lực lượng vũ trang trên chiến trường Quảng Ngãi tập trung tấn công hàng chục mục tiêu của Mỹ - ngụy. Cứ điểm Gò Huỳnh (xã Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa) bị tiến công, ta diệt một đại đội bảo an cùng hàng chục tên cố vấn Mỹ. Các cứ điểm ở Núi Chóp, Đồi Tranh, Gò Da bị tiến công liên tục, thiệt hại nặng, 3 khẩu pháo 105 ly bị phá hủy, 80 tên Mỹ bị diệt. Các đại đội đặc công 506A, 506B tấn công Tiểu khu Quảng Ngãi, khu cảnh sát, Tinh đoàn bảo an, cơ quan tình báo Mỹ, diệt nhiều tên; 1 đại đội bảo an bị diệt gọn, quân ta làm chủ nhiều khu vực ở các cứ điểm trên.

Ở Đức Phổ, đêm ngày 25-02, 12 chiến sĩ đặc công thuộc Trung đoàn 2, Sư đoàn 3 tập kích cứ điểm Xương Rồng, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên Mỹ, sau đó tiếp tục đánh vào Sở chỉ huy Tiểu đoàn 3, Lữ đoàn 11 thuộc Sư đoàn Amêricon đóng ở Gò Hội, diệt nhiều tên địch. Du kích xã Phổ Vinh dùng chất nổ đánh vào khu hậu cần của Mỹ tại Núi Cửa, đốt cháy nhiều kho, phá hủy hàng chục tấn nhiên liệu, gây cho địch nhiều thiệt hại nặng nề.

Ngày 26-02, Đại đội 219 huyện Đức Phổ đánh vào quận lỵ và doanh trại lính bảo an, diệt nhiều tên địch. Các khu dồn dân

ở Thạch Bi, Xóm Bảy, Chợ Cung, Mỹ Trang, Thanh Lâm, Trà Câu đều bị lực lượng vũ trang địa phương huyện và du kích tiến công, đốt phá, tạo đà cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, thành lập chính quyền cách mạng ở những thôn, xã vừa được giải phóng.

Ở phía bắc thị xã Quảng Ngãi, Tiểu đoàn 48 cùng lực lượng vũ trang Sơn Tịnh tiến công cao điểm 102, diệt nhiều địch. Tiểu đoàn 107 chặn đánh chi đội xe bọc thép trên đường đến chi viện cho Sơn Tịnh. Tiểu đoàn 83 cùng lực lượng vũ trang Bình Sơn pháo kích vào trận địa pháo Bình Hiệp. Đại đội 75 và Đại đội 21 đánh chìm một hải thuyền tại Cổ Lũy.

Nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm, mưu trí trong chiến dịch được biểu dương, trong đó có nữ chiến sĩ giao liên Nguyễn Thị Minh (Đức Phổ).

Bị tổn thất nặng nề, Tỉnh trưởng Quảng Ngãi phải ra lệnh rút bỏ nhiều đồn bót ở các quận lỵ để dồn lực lượng về bảo vệ thị xã và các tuyến giao thông quan trọng.

Trước tình hình đó, từ ngày 05 đến ngày 08-3-1969, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị mở rộng để đánh giá tình hình và đề ra phương án tiến công địch. Hội nghị nhất trí đánh giá: Trên chiến trường Quảng Ngãi ta đã thực hiện được kế hoạch chuẩn bị lực lượng và mở cuộc tiến công lớn đồng loạt, phối hợp nhịp nhàng với toàn miền, toàn khu giành được thắng lợi rất to lớn. Ta đã đánh mạnh ở thị xã và đánh đều ở các quận lỵ, thị trấn, nhất là các huyện đồng bằng, diệt một bộ phận sinh lực địch, một số cơ quan đầu não, diệt nhiều tên ác ôn có nợ máu với nhân dân, làm hậu phương địch rối loạn, tạo nhiều thuận lợi cho phong trào cách mạng các đô thị. Hội nghị khẳng định: "Thắng lợi lớn đầu xuân của tỉnh ta cùng với thế chiến thắng toàn miền và toàn khu tạo cho ta một thế mới rất

quan trọng. Thắng lợi của ta có ý nghĩa rất lớn về chiến lược, làm cho địch bị động bất ngờ về chiến thuật"<sup>1</sup>.

Hội nghị đề ra nhiệm vụ trong thời gian tới là: "Ra sức tranh thủ thời gian, nỗ lực gấp bội, khẩn trương đẩy mạnh các mặt hoạt động nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu của chiến dịch; đẩy mạnh tiến công liên tục, tiêu diệt nhiều sinh lực Mỹ - ngụy, tập trung sức diệt kẹp giành dân, mở rộng vùng giải phóng, vùng làm chủ (cả nông thôn và thành phố), đánh bại các cuộc phản kích của địch, đập tan kế hoạch bình định cấp tốc, đưa đấu tranh chính trị, binh vận và phong trào thành phố lên một bước, xây dựng, củng cố hậu phương"<sup>2</sup>.

Thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, quân và dân toàn tỉnh liên tục tiến công địch, nêu cao tinh thần tìm Mỹ mà diệt, tìm ngụy mà đánh, quyết tâm trả thù cho đồng bào Ba Làng An. Lực lượng vũ trang và du kích huyện Sơn Tịnh liên tục tiến công vào khu đồn Văn Thánh, Tịnh Án, Tịnh Kỳ, đồn 102 (Thiên Án), đầu cầu Trường Xuân, ấp Ngọc Thạch, Tịnh Tân (Tịnh An). Sáng ngày 24-3, du kích xã Tịnh Khê phục kích một đại đội bảo an, diệt một số tên khiến hàng ngũ địch rối loạn.

Quân và dân trong tỉnh tiếp tục bao vây tiến công địch trên toàn chiến trường, đánh thiệt hại nặng quân Mỹ ở Đức Phổ, cứ điểm Núi Đất (Sơn Tịnh). Ba thứ quân trụ bám tốt, tiến công đồng loạt. Nhiều đơn vị liên tục tác chiến, diệt gọn nhiều chốt điểm, buộc nhiều đơn vị địch ở Tịnh Sơn, Tịnh Hà phải rút chạy. Lực lượng vũ trang tiếp tục tấn công, diệt và bắt nhiều tên địch ở hai khu đồn dân lớn Bàu Giang - Đá Chẽ

---

1, 2. Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi mở rộng từ ngày 05 đến ngày 08-3-1969.

(Tur Nghĩa) và Văn Thánh (Sơn Tịnh), giải phóng nhân dân trong các khu đồn.

Về đấu tranh chính trị và nổi dậy giành dân, ta vẫn tiếp tục giữ vững phong trào và củng cố thế đứng chân ở vùng mới giải phóng, mới làm chủ. Các đội công tác trụ bám, phát động quần chúng nổi dậy diệt ác phá kìm, đóng góp gạo, tiền, đi dân công tiếp vận. Ở đông Tur Nghĩa, ta tổ chức, lãnh đạo quần chúng phá giao thông, xuống đường biểu dương khí thế. Vùng ven và trong thị xã, thị trấn ta tiếp tục củng cố và phát triển thế làm chủ một số thôn, ấp. Quần chúng trụ bám tin tưởng, phấn khởi. Ở những vùng mới mở, quần chúng đấu tranh trực diện với quân địch. Phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp phát triển trong thị xã, thị trấn.

Tuy nhiên, một số mặt của phong trào còn yếu. Ở những vùng ta mới làm chủ, thực lực của quần chúng chưa mạnh, phong trào du kích chiến tranh phát triển chậm, chưa xây dựng được thôn, ấp và làng chiến đấu. Diệt ác, phá kìm còn chưa nhiều; phát hiện và xử lý tề điệp ngầm, vận động quần chúng chưa tốt. Công tác binh vận chưa làm tan rã số lượng lớn quân địch.

Để khắc phục những điểm yếu trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời chỉ đạo các lực lượng vũ trang giữ và phát triển thế bao vây, tiến công liên tục, đánh liên tục không để cho địch hồi sức, gây cho địch thiệt hại nặng ngay trong bước đầu kế hoạch bố trí và sử dụng lực lượng mới của chúng. Ra sức xây dựng thực lực, tiếp tục diệt kẹp giành dân với tốc độ mạnh hơn, đồng thời củng cố và xây dựng thế làm chủ, thế giải phóng đạt mức độ vững chắc<sup>1</sup>.

---

1. Thông báo số 71/VP của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi ngày 24-3-1969.



Kết thúc chiến dịch Xuân năm 1969, quân và dân trong tỉnh loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn tên địch, trong đó có một số ác ôn và nhiều lính Mỹ, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy phá 12 khu đồn, 36 ấp chiến lược, giành quyền làm chủ, đưa hàng ngàn dân bị địch xúc tát ở các huyện Mộ Đức, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành... trở về vùng giải phóng.

Mặc dù địch bị thất bại liên tiếp nhưng với bản chất ngoan cố và tàn bạo, trong thế phòng ngự bị động, địch huy động nhiều lực lượng tiếp tục thực hiện chiến lược quét và giữ. Một mặt, chúng ra sức phòng thủ thị xã, thị trấn, mặt khác tiếp tục thực hiện kế hoạch bình định cấp tốc với mức độ thâm độc và ác liệt hơn. Mỹ - ngụy còn ra sức tăng cường phòng thủ vành đai quanh thị xã, thị trấn, bố trí quân Mỹ ở vòng ngoài, chủ lực ngụy ở giữa, phụ quân, cảnh sát ở bên trong. Chúng còn tiến hành lòng bất cơ sở, kiểm soát gắt gao đề phòng sự thâm nhập của ta, đồng thời, tăng cường đánh phá vào vùng căn cứ, bắn phá vùng ven và vùng giáp ranh.

Trước tình hình đó, tháng 4-1969, Khu ủy khu V họp xem xét và bàn biện pháp đối phó với âm mưu mới của địch. Hội nghị cho rằng, trong khi thực hiện chủ trương tổng công kích, tổng khởi nghĩa, vẫn phải coi trọng đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở thành thị, mở rộng và củng cố vùng giải phóng ở nông thôn; lấy việc giành dân và giữ dân là cái gốc của phong trào cách mạng. Quán triệt tinh thần đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định: Đấu tranh chống bình định, diệt ác phá kìm, giành quyền làm chủ ở nông thôn, đồng thời đẩy mạnh ba mũi giáp công, tiến công và nổi dậy liên tục, làm tan rã đại bộ phận sinh lực chiến đấu của địch, chủ yếu là lực lượng ác ôn, diệt một bộ phận sinh lực Mỹ, tiếp tục giành dân, mở rộng vùng giải phóng, xây dựng thực lực của ta về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế,

giữ dân và củng cố thể làm chủ các vùng đã giành được, đồng thời cần ra sức chuẩn bị cho các chiến dịch sắp tới.

Thực hiện chủ trương của cấp trên, trong tháng 4-1969, quân và dân các địa phương trong tỉnh tiếp tục tiến công và nổi dậy, làm cho địch lún sâu vào thế bị động. Lực lượng vũ trang, du kích và các đội công tác bám trụ tốt, hỗ trợ cho việc xây dựng thực lực ở vùng mới giải phóng, đồng thời phản kích mạnh gây cho địch nhiều thiệt hại nặng nề hơn. Chỉ trong tháng 4, ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1.500 tên địch, diệt gọn 5 trung đội, 1 đoàn binh định, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội bảo an, thu 35 súng các loại, phá hủy 35 xe quân sự, bắn rơi và hỏng 6 máy bay, bức rút 1 đồn. Ba thứ quân hợp đồng chiến đấu giỏi, khá nhất là ở thị xã và các huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn và Đức Phổ.

Tại thị xã Quảng Ngãi, trong hai ngày 15 và ngày 16-4, lực lượng vũ trang địa phương và dân quân du kích diệt 1 trung đội và 1 tiểu đội nghĩa quân, phá hủy 4 kho và 26 xe M.113. Tại Tư Nghĩa, từ ngày 02 đến ngày 25-4, ta diệt 160 tên địch, diệt gọn 1 trung đội, thu 4 súng và nhiều quân trang, quân dụng khác. Lực lượng vũ trang Sơn Tịnh tiến công vào khu đồn Tịnh Kỳ, diệt và bắt sống 13 tên địch, đưa 550 đồng bào trở về quê cũ. Lực lượng vũ trang huyện Nghĩa Hành loại khỏi vòng chiến đấu 46 tên địch, bắn rơi 1 máy bay. Trong 20 ngày, quân dân Mộ Đức diệt 68 tên địch. Riêng Đức Phổ, từ ngày 01 đến ngày 14-4, lực lượng vũ trang địa phương và du kích diệt 104 tên, trong đó có 77 tên Mỹ.

Phát huy thắng lợi đạt được, từ ngày 11-5 đến ngày 22-6-1969, Khu ủy khu V quyết định mở chiến dịch Hè. Mở màn chiến dịch, các lực lượng vũ trang đồng loạt tiến công vào hàng trăm mục tiêu của địch, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên, trong đó có hàng chục ác ôn, bắt sống 24 tên, bắn rơi và bắn bị thương 37 máy bay, bắn cháy và phá hỏng 169 xe quân sự, 30 khẩu pháo,

đánh sập 5 cầu, 9 cống... Lữ đoàn 198 lính Mỹ ở Núi Đất, Nước Mặn, Bạc Hà (Bình Sơn), Lữ đoàn 11 lính Mỹ ở Đức Phổ bị thiệt hại nặng. Ta đánh trúng nhiều ổ ác ôn ở những nơi ẩn náu của chúng, như ở Tam Thương, Phú Mỹ Trung (thị xã Quảng Ngãi), Phú Ninh, Phú Giang (Sơn Tịnh), Chùa Phật Học (thị trấn Châu Ổ), giải phóng thêm 19.000 dân. Riêng ở xã Bình Châu (Bình Sơn) giải phóng được 5.000 dân bị địch xúc tát.

Phong trào du kích phát triển mạnh. Du kích huyện Bình Sơn tiến công phá ấp, phá đồn đưa dân lên thế làm chủ. Du kích tây Sơn Tịnh, tây Tư Nghĩa, đông Mộ Đức, Đức Phổ tích cực đánh chặn các cuộc càn quét liên tiếp của địch, chống địch cướp lúa và giữ được dân. Du kích Sơn Hà bẻ gãy cuộc càn quét của địch vào Di Lăng. Du kích Ba Điền (Ba Tơ) diệt quân Mỹ bằng vũ khí tự tạo, hầm chông, cạm bẫy. Du kích ở vùng mới mở, du kích mật, tự vệ mật, an ninh vũ trang hoạt động đều hơn và phối hợp với lực lượng bên ngoài liên tục tiến công địch; đặc biệt, du kích đông Tư Nghĩa, Nghĩa Hành bám trụ, diệt địch ngay tại địa phương. Các chiến thuật lấy ít thắng nhiều, thọc sâu đánh trúng đích, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, bảo toàn du kích được vận dụng triệt để, hiệu quả cao.

Những chiến thắng trong chiến dịch Hè củng cố thêm những thắng lợi đã giành được. Thế và lực của ta càng thêm vững mạnh, vùng giải phóng được mở rộng, vùng làm chủ bao vây sát hậu cứ của địch, cơ sở hoạt động bên trong ngày càng phát triển, tạo đà cho thắng lợi của các chiến dịch tiếp theo.

Bên cạnh kết quả đạt được, trong chiến dịch Hè ta còn một số thiếu sót. Đó là việc chuẩn bị chiến trường cho chiến đấu liên tục chưa thật tốt, nắm địch chưa chắc, nên khi ta tiến công vào không diệt được nhiều địch, nhất là lực lượng kim kẹp và phòng thủ; việc đánh phương tiện chiến tranh và đánh giao thông chưa mạnh; một số huyện chưa giữ được thế liên tục;

việc chuẩn bị vật chất, nhất là đạn dược, vũ khí chưa tốt, nên hạn chế đánh mạnh, chưa có trận đánh tiêu diệt gây tiếng vang lớn.

Từ ngày 20 đến ngày 27-6-1969, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm và đề ra nhiệm vụ mới. Hội nghị nhấn mạnh: Mặc dù địch bị thất bại nặng nề, nhưng chúng còn tiềm lực và vẫn ngoan cố thực hiện âm mưu phi Mỹ hóa chiến tranh, xúc tiến kế hoạch bình định cấp tốc. *Một mặt*, chúng cố tình tránh các đòn tiến công của ta, giữ cho lực lượng khỏi bị tổn thất. *Mặt khác*, chúng điên cuồng càn quét, tăng cường phi pháo, dùng chất độc hóa học phá hoại môi trường sống của nhân dân. Những thắng lợi trong tỉnh cùng với thắng lợi trên toàn chiến trường miền Nam đã buộc địch lộ rõ thế thua, từng bước xuống thang chiến tranh, tinh thần của chúng càng hoang mang, dao động, nội bộ mâu thuẫn nghiêm trọng là thuận lợi lớn cho quân chúng nổi dậy diệt ác, phá kim giành quyền làm chủ.

Hội nghị chỉ ra những khó khăn, khuyết điểm gây trở ngại cho phong trào cách mạng trong tỉnh, đó là: tư tưởng hủ hủ khuynh, ngán lâu dài, ngại hy sinh, ác liệt, ảo tưởng hòa bình, tính toán cá nhân; đánh giá địch chưa đúng, nhất là chưa thấy hết bản chất ngoan cố của đế quốc Mỹ và tay sai; ba mũi giáp công chưa thật mạnh; xây dựng thực lực vùng mới mở ra chưa theo kịp với yêu cầu, nhất là xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang; công tác hậu phương tiến hành còn chậm; thu mua lương thực và động viên nhân lực phục vụ tiền tuyến còn nhiều khó khăn.

Về nhiệm vụ sắp tới, Hội nghị nêu rõ: Phải giữ vững thế liên tục tiến công và nổi dậy, tiếp tục đánh bại kế hoạch quét và giữ, nhất là chiến lược bình định cấp tốc của địch; tiếp tục thực hiện những mục tiêu và yêu cầu đã đề ra trước đây với những nội dung cơ bản là tiến công địch và xây dựng lực lượng của ta.

Từ nửa cuối năm 1969, Mỹ - ngụy ra sức tập trung lực lượng, nhất là phi pháo, máy bay, xe tăng, đánh phá quyết liệt vùng nông thôn đồng bằng. Chúng huy động một bộ phận cơ động Lữ đoàn 11 và Lữ đoàn 198 lính Mỹ cùng với 2 trung đoàn ngụy càn quét vùng ven thị xã, chốt thêm một số điểm. Chúng củng cố các đoàn bình định nông thôn, bắt lính để bù vào số quân đã bị tiêu diệt. Địch liên tục càn quét huyện Sơn Hà, hai bên bờ sông Trà Khúc, đông tây Tư Nghĩa và Sơn Tịnh, đông Bình Sơn, tây Nghĩa Hành, đông Mộ Đức và tây Đức Phổ, mở chiến dịch Phụng Hoàng đánh vào khu vực Ba Làng An bằng phi pháo, tăng cường rải chất độc hóa học ở nhiều vùng với nồng độ cao, đổ quân ngăn chặn hành lang, bàn đạp của ta, phong tỏa thị xã, thị trấn, tiến hành phòng ngự có chiều sâu.

Trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, gây nhiều tổn thất, các đoàn thể không sinh hoạt được, việc sản xuất, huy động nhân lực phục vụ cách mạng giảm sút mạnh. Công tác văn hóa, giáo dục ở vùng giải phóng vô cùng khó khăn, thầy trò nhiều nơi phải đào hầm làm lớp học. Cán bộ, đảng viên nhiều nơi không có chỗ đứng chân. Phong trào chiến tranh du kích gặp nhiều khó khăn, có xã chỉ còn 5 đến 7 cán bộ, chiến sĩ. Có nơi, quần chúng không cho du kích đánh địch vì sợ sau đó địch đàn áp, khủng bố...

Phát huy chiến thắng Xuân - Hè và quán triệt tinh thần chỉ đạo của Khu ủy, thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, từ ngày 11-8 ta mở chiến dịch Thu năm 1969 nhằm đánh bại kế hoạch phòng ngự có chiều sâu, mở rộng vùng giải phóng, đưa chiến tranh vào đô thị, vào vùng kiểm soát của địch.

Đêm 11 rạng ngày 12-8-1969, quân và dân trong tỉnh đồng loạt nổ súng tiến công trên 50 mục tiêu lớn nhỏ, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ - ngụy, đánh sâu vào hang ổ của chúng, diệt nhiều tên ác ôn, tạo thế mới ở

vùng ven, hỗ trợ quân chúng bên trong nổi dậy phá các hình thức kìm kẹp của địch.

Từ ngày 11 đến ngày 30-8-1969, các lực lượng vũ trang đánh 143 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu một lực lượng lớn quân địch, trong đó làm tiêu hao nặng Lữ đoàn 198, Lữ đoàn 11 của Mỹ ở Gò Hội, pháo kích vào đặc khu Quảng Ngãi, Núi Ông, Núi Bé, Núi Dầu, Trà Bồng, Minh Long..., đánh trúng, đánh đau nhiều ổ ác ôn ở bắc quận lỵ Đức Phổ, khu vực Ba Làng An..., bắn rơi và bắn hỏng 16 máy bay, 56 xe quân sự, trong đó có 30 xe tăng và xe bọc thép, phá hủy 8 khẩu pháo 105 ly, đánh sập hàng chục căn nhà, lô cốt, phá trên 3.000 m quốc lộ 1,...

Phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh, trong đó, du kích các xã Tịnh Khê (Sơn Tịnh), Nghĩa Thắng (Tư Nghĩa), Hành Thịnh, Hành Tín, Hành Phước (Nghĩa Hành), Phổ Thuận, Phổ Cường, Phổ Thạnh (Đức Phổ), Sơn Trung, Sơn Thượng (Sơn Hà)... kiên trì trụ bám, chiến đấu dũng cảm, buộc địch phải tránh né khi bị tiến công, không thực hiện được việc bình định cấp tốc ở nhiều nơi. Nhiều du kích dũng cảm, táo bạo, hóa trang thọc sâu vào lòng địch diệt bọn ác ôn ngay ban ngày, như du kích các huyện Tư Nghĩa, Mộ Đức, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành...

Nhìn chung trên toàn chiến trường, cả ba vùng, ba thứ quân, ta đều giữ vững thế chủ động tiến công, phá được âm mưu xúc tạt dân và bình định cấp tốc của địch. Số dân làm chủ với mức độ cao hơn ở các huyện, giải phóng dân ở các khu đồn Lê Văn Duyệt, Hòa Thịnh, ấp Lâm Bình, Mỹ Trang, Thạch Bi (Đức Phổ), diệt kẹp và phát động quân chúng ở Ba Làng An, khu đồn Bàu Giang - Đá Chẻ, quận lỵ Nghĩa Hành, đưa 500 đồng bào ở Trà Bình, Trà Phú (Trà Bồng) về quê cũ. Các vùng giải phóng được giữ vững và phát triển về mọi mặt, giữ vững khí thế, đánh bại

chiến dịch Phụng Hoàng, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng vũ trang liên tục tiến công, đánh sâu vào các vùng trọng điểm của địch.

Giữa lúc quân và dân hai miền Nam - Bắc đang đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ngày 02-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Đây là một tổn thất vô cùng to lớn đối với cả dân tộc ta. Từ vùng giải phóng đến vùng địch còn kiểm soát, mỗi người dân đều tìm cách để tang Người. Mặc dù bị địch kiểm soát gắt gao nhưng đồng bào Phật giáo ở thị xã vẫn tổ chức lễ cầu siêu cho Bác.

Ngày 09-9-1969, tại vùng căn cứ xã Trà Trung (Trà Bồng), Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh tổ chức trọng thể Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh, với sự có mặt của hơn 300 cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc. Tại buổi lễ, Tỉnh ủy hứa với anh linh Bác nguyện học tập và làm theo *Di chúc* của Người và phát động phong trào thi đua lập công đền ơn Bác<sup>1</sup>.

Biến đau thương thành hành động cách mạng, Tỉnh ủy mở đợt sinh hoạt chính trị học tập và làm theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm xây dựng quyết tâm khắc phục khó khăn, đập bằng mọi trở lực để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn; chỉnh đốn về tổ chức, tập trung sức đánh bại kế hoạch bình định nông thôn, tiến tới đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ - ngụy. Các cấp ủy đảng mở cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh.

Từ tháng 9-1969, Tỉnh ủy liên tiếp tổ chức các đợt thi đua, được tất cả các địa phương, đơn vị, ngành, giới tham gia sôi nổi, nhiệt tình. Các đợt chỉnh huấn trong Đảng được tiến hành,

---

1. Năm 1973, nhân dân Quảng Ngãi cùng các tỉnh khu V đưa một số gỗ quý ra Hà Nội, góp phần xây dựng Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

từng đảng viên tự kiểm điểm, phân tích những ưu, khuyết điểm với tinh thần thẳng thắn phê bình và tự phê bình, kiên quyết khắc phục mọi sai lầm, xác định rõ trách nhiệm của bản thân và nêu cao quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao... Biện pháp thương thành hành động, các địa phương, đơn vị, ngành, giới đều đề ra khẩu hiệu phù hợp, như lực lượng vũ trang có phong trào luyện hay đánh giỏi, học tập gương các anh hùng Đinh Tía, Nguyễn Bi. Các địa phương có phong trào xây dựng "Xã ba vững mạnh", các ngành, giới có phong trào thi đua "Bốn đảm đang" của phụ nữ, "Năm xung phong" của thanh niên, "Bốn tốt" của nông hội, "Tuổi nhỏ, chí lớn" trong thiếu nhi... Các phong trào thi đua tạo nên khí thế, sức mạnh tinh thần to lớn, quyết tâm tiêu diệt địch nhiều hơn nữa của quân và dân trong tỉnh.

Để củng cố và xây dựng cơ sở đảng vững mạnh, Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện tốt công tác bầu cấp ủy mới, tăng cường đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ có năng lực, xông xáo trong hoạt động để lãnh đạo phong trào cách mạng các địa phương; tăng cường đảng viên tham gia du kích, trực tiếp chiến đấu làm nòng cốt cho phong trào xây dựng lực lượng vũ trang và du kích; tiến hành bình chọn đảng viên "Bốn tốt", đồng thời xử lý những đảng viên thoái hóa, biến chất. Phong trào cách mạng từng bước chuyển biến tích cực. Khi địch càn quét, đánh phá ác liệt, cấp ủy nhiều xã lãnh đạo cán bộ, du kích bám trụ, đào hầm ở cả những vùng bị địch cày ủi để đánh địch, tháo gỡ bom mìn, động viên nhân dân trở về "trái màu xanh trên đất úi", kiên quyết bám trụ giữ đất, giữ làng, tăng gia sản xuất, ổn định đời sống và làm chỗ dựa cho du kích đánh địch.

Lực lượng vũ trang trong tỉnh liên tục tổ chức tấn công địch. Tại thị xã Quảng Ngãi, đêm ngày 11-9, lực lượng vũ trang tỉnh cùng với du kích tiến công ấp Phú Nhuận, Xóm Mới, Nhà Phụng, Chùa Phật Học, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên địch,



trong đó có 11 tên Mỹ, diệt gọn một đoàn binh định, 1 trung đội cộng hòa..., tấn công địch ở Quán Com, Phú Mỹ Thượng, ga Ông Bó. Ngày 12-9, đặc công tỉnh dùng bộc phá đánh vào Tiểu khu, diệt và làm bị thương hàng chục tên địch.

Lực lượng vũ trang huyện Bình Sơn đánh vào thị trấn Châu Ổ, diệt 27 tên. Du kích xã Bình Thới đột nhập, diệt địch ở ấp An Châu, ấp Sơn Trà... Du kích các xã Bình Long, Bình Hiệp làm chủ đoạn quốc lộ 1 từ Bình Long đi Bình Hiệp. Du kích Bình Chánh diệt 8 tên, có 4 tên lính Mỹ và bắt 4 tên khác.

Lực lượng vũ trang huyện Sơn Tịnh tiến công vào ấp An Vĩnh (Tịnh Kỳ), diệt hàng chục tên địch, giải phóng được một số đồng bào khỏi sự kìm kẹp của địch. Du kích các xã tây Tư Nghĩa liên tục tiến công địch ở Núi Bé, trong 7 ngày diệt hàng chục tên, trong đó có một số tên Mỹ, bắn rơi trực thăng HU-1A, bắn hỏng 1 xe tăng. Du kích các xã đông Tư Nghĩa tích cực đánh giao thông, phá cầu, bắn cháy xe tăng...

Đêm ngày 11-9, lực lượng vũ trang huyện Nghĩa Hành tiến công vào các khu đồn, diệt nhiều địch, phát động quần chúng nổi dậy phá banh, khu đồn, ấp chiến lược. Du kích Mộ Đức liên tục tập kích, bắn bia, bắn tĩa địch ở núi Ông Đọ. Du kích Đức Phổ hoạt động mạnh, đánh nhiều toán địch đi lùng sục, diệt nhiều tên địch. Ngày 12-9, đặc công tỉnh dùng bộc phá đánh vào đặc khu, tiêu diệt và làm bị thương 69 tên địch.

Tại Minh Long, lực lượng vũ trang huyện phối hợp với du kích tập kích địch tại Long Thạnh diệt 20 tên. Du kích các xã Long Cao, Long Sơn dùng chông, thò kết hợp với đánh mìn diệt 10 tên địch. Ngày 15-9, ta tiến công vào 3 ấp Huy Tín, Đồng Vông, Tăng Long, diệt 1 trung đội địch, thu 5 súng, bắn rơi 1 máy bay, phá nhà hội đồng ấp. Đồng bào rất phấn khởi và tin tưởng vào lực lượng cách mạng.

Tại Hội nghị họp từ ngày 10 đến ngày 15-9-1969, Tỉnh ủy đánh giá: Từ thắng lợi Xuân - Hè đến Thu, phong trào cách mạng trong tỉnh vẫn giữ vững thế tiến công, liên tục phát triển, liên tục tiến công trên khắp ba vùng, nhất là ở vùng trọng điểm. Trong chiến dịch Thu, ta diệt được nhiều sinh lực địch, phá được chiến dịch Phụng Hoang trong kế hoạch "phi Mỹ hóa chiến tranh" và bình định cấp tốc của địch. Ta giữ được dân, ổn định được tinh thần nhân dân ở nông thôn, giữ được hành lang, bàn đạp, phát huy thế tiến công địch, ta ở thế thắng, thế liên tục tiến công và phát triển. Địch mặc dù hung hăng, tàn bạo nhưng là thế xuống thang, bị động phòng ngự, bế tắc. Chúng tiếp tục bình định nông thôn, phi Mỹ hóa từng bước, vừa giành dân, vừa giữ đất với ta quyết liệt trên một số vùng, nhằm củng cố phòng thủ thị xã, thị trấn, vừa ngăn chặn sức tiến công của ta; giữa Mỹ và ngụy sẽ có sự điều chỉnh vị trí, quân ngụy thay quân Mỹ làm nhiệm vụ đóng chốt, quân Mỹ tập trung cơ động cùng quân ngụy đi càn quét, đánh phá nhiều vùng, đánh phá hành lang và hậu cứ của ta; tiếp tục thực hiện âm mưu bình định cấp tốc, xúc tát dân với mức độ dai dẳng, ác liệt hơn để giành dân với ta, đặc biệt ở những khu vực có vị trí quan trọng, đông dân, trong đó có vùng tây Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, khu Ba Làng An và tây nam thị xã. Âm mưu của địch rất lớn, nhưng chúng ở thế thua, xuống dốc; tinh thần ngụy quân, ngụy quyền sa sút nghiêm trọng; nếu ta chủ động tiến công, tích cực đánh địch bằng ba mũi giáp công thì nhất định địch sẽ không thực hiện được âm mưu của chúng.

Hội nghị đề ra chủ trương và nhiệm vụ sắp tới là: "Đẩy mạnh hoạt động vũ trang đánh địch đều khắp, liên tục tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, đánh phương tiện chiến tranh, bắn máy bay, đánh giao thông, đánh càn quét, nhiệm vụ quân sự phải phục vụ giành và giữ dân; củng cố, giữ vững và phát triển vùng

giải phóng, đẩy mạnh phong trào thành thị, đấu tranh chính trị, binh vận. Liên tục diệt ác, phá kìm, phá đồn, phá tan phòng vệ dân sự, mở ra giành dân, nâng lên thể làm chủ thật sự, ra sức giành và giữ dân, kiên quyết không để mất dân. Chống phá "bình định cấp tốc", "phi Mỹ hóa" của địch, đẩy mạnh du kích chiến tranh, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh vận, bảo đảm hành lang bàn đạp. Bảo vệ mùa màng, trước mắt phá âm mưu cướp lúa của địch, chú trọng thu mua, vận chuyển, dự trữ lương thực, đẩy mạnh sản xuất vụ Đông - Xuân. Tích cực phòng, chống đói và bão lụt, chuẩn bị tốt cho sản xuất năm 1969 - 1970. Khẩn trương xây dựng thực lực của ta ở ba vùng về mọi mặt, phát động, tổ chức quần chúng, đưa phong trào vùng giải phóng và vùng mới mở ra tiến lên một bước vững chắc hơn, ra sức chuẩn bị mọi mặt bảo đảm thắng lợi trước mắt và hoạt động tiếp theo"<sup>1</sup>.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, tháng 10-1969 quân và dân trong tỉnh mở đợt tiến công Đông năm 1969, với mục tiêu ngăn chặn các cuộc hành quân nóng lán của Mỹ - ngụy, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng tại chỗ đánh địch lấn chiếm từng địa phương. Lực lượng vũ trang phối hợp với du kích tổ chức từng đơn vị nhỏ thọc sâu, đánh phía sau địch, làm hạn chế tốc độ bình định nông thôn của chúng.

Ngày 31-10, một tiểu đoàn địch hành quân vào vùng đông Mộ Đức, bị lực lượng vũ trang của huyện phối hợp với du kích đánh tiêu diệt một đại đội tại xóm Mít, xã Đức Minh và đánh thiệt hại nặng một đại đội khác. Du kích các xã Đức Chánh, Đức Phong diệt nhiều tên địch khi chúng đi càn và bảo vệ được tài sản của nhân dân.

---

1. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi từ ngày 10 đến ngày 15-9-1969.

Ở Đức Phổ, Đại đội 219 và Đại đội 120 cùng du kích chặn đánh 3 đại đội bảo an càn quét ở Thanh Lâm, Lộ Bàn (xã Phổ Ninh), diệt hàng chục tên, bảo vệ vùng giải phóng tây Đức Phổ, bảo đảm an toàn hành lang của huyện.

Trong đợt tiến công Đông năm 1969, các Tiểu đoàn 48 và 83 tiến công lính cộng hòa ở Sơn Tịnh, Mộ Đức, đánh thiệt hại nhiều cuộc hành quân bình định cấp tốc, diệt và làm bị thương hàng trăm tên, hàng chục ấp chiến lược, khu đồn dân của địch bị phá banh, làm thất bại kế hoạch bình định cấp tốc của địch.

Nhân dân các xã Đức Minh, Đức Phong, Đức Chánh (Mộ Đức), Phổ Ninh (Đức Phổ) và một số xã ở đông Bình Sơn, Sơn Tịnh và phía nam thị xã cùng lực lượng vũ trang và du kích địa phương nổi dậy tiến công, phá banh hàng chục ấp chiến lược, khu đồn dân của địch.

Cùng với hoạt động vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng phát triển mạnh. Từ ngày 27-3-1969, hơn 4.000 đồng bào Sơn Tịnh tổ chức 6 lần kéo vào quận lỵ đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống cướp phá tài sản của nhân dân. Đồng bào các xã Tịnh Phong, Tịnh Thọ (Sơn Tịnh) đấu tranh ngăn cản không cho xe địch cây ỉ ruộng lúa, hoa màu. Hơn 2.000 đồng bào Mộ Đức kéo đến quận lỵ tố cáo tội ác Mỹ - ngụy, đòi bồi thường cho gia đình nạn nhân bị binh sĩ ngụy giết hại trong các cuộc càn quét.

Ngày 08-3-1969, hơn 5.000 người dân và Phật tử ở thị xã Quảng Ngãi xuống đường đấu tranh đòi văn hời hòa bình, phản đối Mỹ - ngụy giết hại đồng bào Ba Làng An. Ngày 30-5-1969, nhân ngày Lễ Phật đản, hàng ngàn đồng bào Phật tử trong tỉnh xuống đường biểu tình phản đối chiến tranh, chống đôn quân bắt lính trong Phật tử, đòi Mỹ phải rút về nước, làm cho ngụy quân, ngụy quyền hoang mang, dao động, hoài nghi đối với chế độ của chúng.

Tiếp tục thực hiện chiến dịch Phụng Hoàng, địch tăng cường khủng bố, xúc tát dân, đánh phá vùng giải phóng và các vùng chúng nghi là hành lang, bàn đạp như tây Sơn Tĩnh, Tư Nghĩa, tây Nghĩa Hành, tây Đức Phổ, đông Ba Tư với mức độ thâm độc và ác liệt hơn.

Tại Bình Sơn, nhất là khu vực Ba Làng An, trọng điểm của chiến dịch Phụng Hoàng, quần chúng đấu tranh chống địch cướp bóc, khủng bố, chống cào nhà, ủi hầm, tạo điều kiện cho đồng bào đi lại, sản xuất bình thường.

Ở xã Hành Tín (Nghĩa Hành), mặc dù địch đánh phá bằng phi pháo, rải chất độc hóa học nhưng không làm lay chuyển được quyết tâm bám trụ, giữ làng của quần chúng. Ngày 10-8-1969, địch đổ quân xuống thôn Phú Khương, bắt 82 đồng bào đưa về căn cứ Gò Hội. Trước sự đấu tranh cương quyết của nhân dân, địch phải thả những người bị bắt và hứa sẽ không bắn pháo vào nhà dân. Từ ngày 11 đến ngày 15-8, quần chúng ở các khu đồn, mỗi ngày có từ 50 đến 70 người trực tiếp kéo đến gặp bọn đại diện và quận trưởng đưa hàng trăm lá đơn, đòi được cấp phát lương thực, thực phẩm, đòi trở về quê cũ làm ăn.

Tại Mộ Đức, từ ngày 12 đến ngày 17-8-1969, có 1.749 lượt người kéo vào quận lỵ, cùng với quần chúng bên trong các khu đồn nổi dậy đấu tranh, đưa đơn, bản thống kê tội ác địch và thư kêu gọi binh lính từ bỏ hàng ngũ địch trở về với nhân dân.

Ở Đức Phổ, mặc dù địch đánh phá ác liệt để xúc tát dân, bình định cấp tốc, nhưng quần chúng kiên trì bám trụ đấu tranh chống phá âm mưu lập khu đồn ở Trà Câu, Vinh Hiển, đấu tranh đòi sản xuất, đi lại làm ăn giữa hai vùng và giao lưu hàng hóa, đấu tranh bảo vệ mùa màng không cho địch cướp phá.

Ngày 15-9, địch cho 22 xe càn vào Bình Long (Bình Sơn) phá mùa màng, lập tức đồng bào dàn hàng ngang để ngăn cản

và đưa đơn kêu kiện lên quận. Trước sự đấu tranh của nhân dân, chúng hứa sẽ không cho xe phá lúa của dân nữa.

Nhìn chung, phong trào đấu tranh chính trị ở tỉnh diễn ra khá mạnh, nhất là sau khi giải pháp 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời thu hút mọi tầng lớp nhân dân đấu tranh theo xu hướng hòa bình và trung lập ngày một phát triển. Với tinh thần kiên cường bám trụ, đấu tranh quyết liệt, quân và dân trong tỉnh làm thất bại chiến dịch Phước Hoàng của địch, giữ vững được thế hợp pháp, bảo vệ được sản xuất, giữ vững quan hệ giao lưu hàng hóa giữa vùng địch với vùng ta.

Trong công tác binh vận, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương: mở đợt tấn công binh vận vào quân đội địch, đưa nhanh những tin chiến thắng của ta ở các chiến trường và chính sách của Mặt trận đối với binh sĩ địch, nhất là đối với phụ quân, dân vệ, thanh niên tân trang, nghĩa quân. Ban chỉ đạo công tác binh vận được thành lập ở các khu dồn trọng điểm. Cán bộ, chiến sĩ làm công tác binh vận đẩy mạnh tuyên truyền tin chiến thắng, tấn công mạnh mẽ vào tư tưởng binh sĩ ngụy, lính Mỹ và chư hầu. Nhiều binh sĩ ở các đồn bốt lắng nghe tiếng loa tuyên truyền của cách mạng vào ban đêm. Nhiều người nhặt được truyền đơn cách mạng chuyển cho nhau xem. Nhiều cơ sở cách mạng vận động được các binh lính bỏ ngũ về nhà hoặc làm nội ứng, tổ chức binh biến. Phong trào gia đình binh lính ngụy đấu tranh chống địch càn quét, bắt lính đôn quân, vận động, kêu gọi chồng, con em trở về diễn ra ở nhiều nơi. Nhiều binh sĩ Mỹ đấu tranh đòi về nước. Có lính Mỹ khi đi hành quân tìm cách chạy sang vùng giải phóng ở huyện Sơn Tịnh.

Kết quả, trong năm 1969, ban binh vận các cấp trong tỉnh vận động đào rã ngũ tập thể một số trung đội tân binh, dân vệ, đoàn binh định nông thôn và kêu gọi hàng trăm lính phòng vệ

dân sự trở về với nhân dân. Bên cạnh đó, ta xây dựng và phát triển được một số cơ sở nội tuyến trong binh lính địch để cung cấp tin tức, vũ khí và phối hợp diệt ác, phá kìm. Huyện Bình Sơn xây dựng được cơ sở trong 4/11 trung đội dân vệ, trong đó có cơ sở mang mật số S. Được ta hướng dẫn, ngày 17-8-1969, cơ sở S phối hợp diệt một nhóm địch đi bình định nông thôn, 5 tên bị tiêu diệt và 7 tên bị thương, trong đó có tên chỉ huy ác ôn.

Tháng 10-1969, lực lượng vũ trang huyện và du kích các xã Bình Dương, Bình Trung (Bình Sơn) phối hợp với cơ sở thanh niên tân trang rải truyền đơn, dán áp phích trong ấp Đông Yên; tấn công đồn Gò Sỏi, phá hủy 7 lô cốt, 2 nhà tôn, diệt một số tên. Nhờ có cơ sở dẫn đường, du kích đã vào khu đồn bắt sống toàn bộ bộ máy chính quyền ngụy xã Bình Chánh và trung đội thanh niên tân trang, thu 19 súng, đưa 13 thanh niên tham gia quân giải phóng.

Phong trào đấu tranh chính trị, binh vận thu hút nhiều người tham gia, các đoàn thể không ngừng phát triển. Đến năm 1969, Hội Nông dân giải phóng có 30.910 hội viên, Hội Phụ nữ giải phóng có 31.609 hội viên, Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng có 5.598 đoàn viên, Công đoàn tỉnh cũng tổ chức thành công đại hội.

Các hoạt động trên mặt trận sản xuất và các lĩnh vực y tế, giáo dục được duy trì, phát triển đều khắp trong các huyện. Bình Sơn là huyện đầu tiên hoàn thành xóa nạn mù chữ ở vùng giải phóng. Chính quyền cách mạng được kiện toàn. Toàn tỉnh có 178 xã có chính quyền cách mạng và 501/710 thôn có ban nhân dân cách mạng; 11/13 huyện, thị có Hội đồng nhân dân và Ủy ban cách mạng. Uy tín của Đảng và chính quyền cách mạng ngày càng được nâng cao, tạo ảnh hưởng lớn đối với nhân dân trong vùng địch còn kiểm soát.

Trong công tác xây dựng Đảng, toàn tỉnh kết nạp được 1.808 đảng viên mới, trong đó lớp đảng viên Hồ Chí Minh có 482 đồng chí. Các chi ủy, đảng ủy xã đều được kiện toàn. Tỉnh ủy chọn một số cán bộ đưa đi học tập ở Trường Đảng của khu. Trường Đảng tỉnh mở được 4 khóa đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ huyện và tương đương, 2 khóa dành cho cán bộ làm công tác tuyên huấn địa phương.

Năm 1969, dưới sự lãnh đạo của Khu ủy, Tỉnh ủy, quân và dân trong tỉnh tấn công, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, trong đó có nhiều lính Mỹ, giải phóng hàng chục vạn dân thoát khỏi sự kìm kẹp của địch, gọi hàng hàng trăm binh lính. Hàng vạn lượt người tham gia đấu tranh chính trị, phản đối Mỹ - ngụy, đòi Mỹ rút quân về nước, chống địch đốt nhà, cày ủi ruộng vườn, gom dân bắt lính. Phong trào đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ của nhân dân thành thị cũng diễn ra sôi nổi, làm cho ngụy quyền lúng túng, bị động.

Nhìn chung, thắng lợi của các chiến dịch năm 1969 trên chiến trường toàn tỉnh làm thay đổi tương quan lực lượng giữa ta và địch theo hướng ngày càng có lợi cho ta.

## **2. Tiếp tục đấu tranh chống âm mưu "bình định" của địch, xây dựng và phát triển thực lực cách mạng**

Tháng 01-1970, Hội nghị Trung ương 18 họp tại Hà Nội, xác định nhiệm vụ trước mắt là: "Động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trên cả hai miền, phát huy thắng lợi đã đạt được, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến,... đẩy mạnh tiến công quân sự và tiến công chính trị, kết hợp với tiến công ngoại giao, vừa tiến công địch vừa ra sức xây dựng lực lượng quân sự và chính trị của ta ngày càng lớn mạnh,... tạo nên chuyển biến mới trong cục diện chiến tranh, giành thắng



lợi từng bước đi đến giành thắng lợi quyết định,... tạo điều kiện cơ bản để thực hiện một miền Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới thống nhất nước nhà"<sup>1</sup>.

Tháng 3-1970, Khu ủy khu V triệu tập Hội nghị lần thứ 10. Trên cơ sở phân tích âm mưu và thủ đoạn mới của địch, Hội nghị xác định nhiệm vụ trung tâm trước mắt của toàn khu trong năm 1970 là: "Tập trung sức đánh bại bình định, diệt kẹp, giành dân, giữ dân và xây dựng vùng căn cứ, vùng giải phóng"<sup>2</sup>.

Thực hiện nghị quyết của Trung ương và Khu ủy khu V, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp đánh giá tình hình, cho rằng: Địch tung toàn bộ quân Mỹ - ngụy phối hợp càn quét liên tục, tăng cường phi pháo, đánh phá ác liệt, phá hoại mùa màng, bắn giết trâu, bò ở vùng giải phóng, đổ quân xuống vùng giáp ranh, ngăn chặn hành lang, đề phòng các cuộc tiến công của ta. Ở thị xã, thị trấn, chúng tăng cường lực lượng phòng thủ, phát triển các đảng phái phản động như Quốc dân Đảng, Cần lao nhân vị, Đại Việt, Dân xã đảng... Trong bối cảnh đó, ta hoàn thành chỉnh huấn, gây được khí thế mới trong Đảng, lực lượng vũ trang và nhân dân. Nhiều nơi xây dựng xong bộ máy cấp xã, tiến hành bầu cử xã ủy, chi ủy, kiện toàn các cơ quan cấp huyện, tỉnh. Ta vẫn tiếp tục tiến công và phản công địch, củng cố được các đội du kích xã, các tổ đặc công, giữ được dân và đẩy mạnh đấu tranh hai chân, ba mũi, lãnh đạo dân bị xúc vào trại tập trung đấu tranh trở về quê cũ. Phong trào thị xã vẫn giữ vững và phát triển khá hơn trước, các đội công tác được kiện toàn, trụ bám bên trong, giữ được hành lang và bàn đạp để

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.31, tr. 56-57.

2. Nghị quyết Hội nghị Khu ủy khu V lần thứ 10 (tháng 3-1970).

tiến công địch. Sản xuất có tiến bộ, nhiều nơi phấn đấu cày cấy hết diện tích. Ý thức sản xuất tự túc của các cơ quan, đơn vị có khá hơn trước. Tuy nhiên, vấn đề thu mua lương thực là khâu yếu nhất, nhiều nơi tiến hành chậm gây khó khăn trong việc cung cấp lương thực cho lực lượng vũ trang và các cơ quan trong tỉnh.

Hội nghị nhấn mạnh: Với bản chất ngoan cố, địch từ chỗ bình định cấp tốc không được đã chuyển qua thực hiện kế hoạch bình định kéo dài, dùng nhiều thủ đoạn thâm độc và thay đổi chiến thuật, ráo riết thực hiện âm mưu bình định nông thôn và phi Mỹ hóa chiến tranh; tăng cường đóng chốt theo từng cụm, xây dựng lô cốt, tháp canh để khống chế hoạt động của ta. Đối với vùng giải phóng miền núi, địch tăng cường hoạt động biệt kích, gián điệp, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chuẩn bị cho các cuộc càn quét lớn.

Tuy nhiên, địch vẫn trong thế thua, thế thất bại, nội bộ lung củng, mâu thuẫn gay gắt, tinh thần binh lính sa sút, nếu ta biết lợi dụng chỗ yếu của địch liên tục tiến công thì địch sẽ thất bại hoàn toàn.

Hội nghị đề ra một số nhiệm vụ cấp bách: Kiên quyết đánh bại âm mưu bình định nông thôn của địch, giữ cho được toàn bộ dân ở vùng giải phóng, không được để mất đất, mất dân trong bất cứ tình huống nào. Ra sức diệt ác, phá kìm, khẩn trương xây dựng thực lực bên trong, phát động quần chúng nổi dậy bằng ba mũi giáp công, làm chủ thêm cho được 100.000 dân. Đẩy mạnh cao trào sản xuất vụ xuân và trong cả năm 1970, khẩn trương giải quyết vấn đề thu mua lương thực. Ra sức phát động tư tưởng, động viên quần chúng, mở ra phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ, đều khắp cả ba vùng, tạo nên khí thế quần chúng sôi nổi trong đấu tranh chính trị và

binh vận. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tư tưởng bằng cách liên tục mở các đợt sinh hoạt chính trị trong Đảng và các đoàn thể quần chúng.

Về phương châm chỉ đạo, Hội nghị xác định: Phải tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược, đánh bại âm mưu bình định nông thôn, lấy nông thôn làm địa bàn và hướng tiến công chủ yếu; phải ra sức xây dựng Đảng, làm cho Đảng gắn chặt với quần chúng, Đảng phải nắm chặt nhân dân, đây là vấn đề rất cơ bản của cách mạng; liên tục phát động tư tưởng quần chúng, giáo dục cho quần chúng tinh thần quyết thắng giặc Mỹ, quyết trụ bám ruộng vườn, giữ quyền làm chủ, chú trọng xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân; đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh đều khắp, phát triển du kích, tự vệ mật, tổ chức lực lượng đấu tranh chính trị, binh vận mạnh mẽ và quyết liệt<sup>1</sup>.

Sang năm 1970, quân Mỹ ở Quảng Ngãi chỉ còn lại 1 tiểu đoàn pháo binh của Lữ đoàn 198 đóng ở chi khu Nước Mặn (Bình Sơn), 2 trung đội pháo binh thuộc Lữ đoàn 11 đóng ở Sa Huỳnh (Đức Phổ) và một số chốt điểm khác. Quân nguy có 7 tiểu đoàn của các trung đoàn 4, 5, 6 và 18 đội lực lượng đặc biệt. Địa phương quân tăng mạnh, 67 đại đội bảo an, 228 trung đội nghĩa quân, 8.750 thanh niên tân trang và phòng vệ dân sự, 112 đoàn bình định, 1 đội hải thuyền, nhiều mật vụ cảnh sát và thám báo. Về phương tiện chiến tranh, có 138 xe quân sự, 103 khẩu pháo các loại và 53 máy bay<sup>2</sup>.

Với lực lượng trên, địch tiếp tục thực hiện âm mưu bình định nông thôn trên diện rộng, tập trung vào những điểm trước đây chưa làm được như khu vực Ba Làng An, tây Sơn Tịnh,

---

1, 2. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 322.

tây Tư Nghĩa, đông nam Mộ Đức, bắc Đức Phổ, v.v.. Chúng đánh dai dẳng, tìm cách tấn công vào tâm lý, đời sống của quần chúng để tìm cách xúc tát dân, lũng sục gom dân tại chỗ; mở rộng và củng cố các đoạn đường nối liền với vùng ven biển và quốc lộ 1.

Trong các cuộc càn quét, địch chủ yếu sử dụng quân chủ lực nguy, liên tục đánh phá, thực hiện quét và giữ, bình định nông thôn theo ba bước: bình định cấp tốc, bình định đặc biệt và bình định nước rút. Trọng điểm đánh phá của địch là vùng giải phóng, vùng ta làm chủ ở đồng bằng. Chúng dùng xe cày ủi nhà cửa, ruộng vườn của dân, phá nát công cụ lao động; xúc tát dân vào các khu đồn, áp chiến lược và đóng chốt kìm giữ. Chúng biến vùng đông Bình Sơn, tây Sơn Tịnh thành vùng đất trắng.

Ở thị xã, thị trấn địch tăng cường phòng thủ, lập thêm các vành đai từ Núi Bút đến sân bay, rào kẽm gai từ cầu Trà Khúc đến cầu Trường Xuân, xây hệ thống lô cốt phía tây nam thị xã. Chúng không chế quần chúng, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng, phao tin đồn nhảm, mua chuộc, lôi kéo để khai thác tin tức; phát triển do thám gián điệp, đưa số đầu hàng về nông thôn để hoạt động xúc tát dân. Ở miền núi, địch đưa quân về gây cơ sở, phát triển biệt kích, tăng cường đánh phá, phá hoại kinh tế, phát quang hành lang trên diện rộng từ Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ đến Hành Tín (Nghĩa Hành) gây cho ta nhiều khó khăn và tổn thất.

Địch còn kích động các đảng phái phản động và một số tay sai đội lốt Công giáo tăng cường các hoạt động mị dân. Tổ chức Quốc dân Đảng, Cần lao nhân vị ráo riết hoạt động, phát triển đảng viên trong các tổ chức của nguy quân, nguy quyền, bắt ép quần chúng vào tổ chức của chúng để gây sự nghi ngờ lẫn nhau. Chúng bắt quần chúng tham gia chống cộng, tố cộng, gọi con em bỏ hàng ngũ cách mạng. Chúng tăng cường lực lượng cảnh sát,

mạng lưới công an mật vụ, khống chế các gia đình có quan hệ tốt với cách mạng, phát triển các tổ chức tình báo gián điệp như bọn Phụng hoàng, Dân ý vụ, Thiên nga và tổ chức tình báo trá hình như Nông liên hội. Chúng lợi dụng những người buôn bán, đi lại hai vùng để cấy gián điệp vào vùng ta.

Trong âm mưu bình định tại chỗ, địch lợi dụng một số quần chúng trở về làng cũ để giao nhiệm vụ chống phá cách mạng và phục vụ cho các cuộc càn quét của chúng.

Với những âm mưu thâm độc và xảo quyệt, địch gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất, đời sống nhân dân luôn bị xáo trộn. Tính đến tháng 7-1970, địch đã giết 4.156 người, làm bị thương 2.720 người và 3.277 người bị bắt. Chúng đốt cháy và phá hủy 20.458 ngôi nhà, 200.000 ang lúa và cướp hàng chục triệu đồng, 4.841 con trâu, bò bị giết hoặc bị cướp đi. Chúng rải chất độc hóa học làm cho hàng ngàn hécta hoa màu bị hư hại, sự sống của con người bị đe dọa<sup>1</sup>.

Mặc dù địch gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất, nhưng với khí thế liên tục tiến công và nổi dậy, quyết tâm đánh bại chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, các lực lượng vũ trang liên tiếp mở các chiến dịch lớn, phối hợp với toàn khu tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Từ tháng 3 đến tháng 5-1970, ta mở chiến dịch Xuân - Hè (còn gọi là chiến dịch V.180). Các lực lượng vũ trang ba thứ quân của tỉnh phối hợp với các đơn vị của Quân khu đóng ở Quảng Ngãi có nhiệm vụ đánh bại kế hoạch bình định nông thôn của địch, giành giữ dân, khôi phục và mở rộng vùng giải phóng.

Thực hiện nhiệm vụ trên, ngay từ tháng 02-1970, các đơn vị vũ trang sử dụng lực lượng vừa và nhỏ luôn lách đánh địch

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 334-335.

càn quét, đánh địch phục kích, mở đường đưa lực lượng vũ trang xuống vùng sâu, vùng ven ở các huyện. Tiểu đoàn 48 chia thành nhiều bộ phận phối hợp với du kích chặn đánh các cuộc hành quân lùng ráp của địch ở tây Sơn Tĩnh. Tiểu đoàn 83 đánh địch càn ở các xã Hành Tín, Hành Thịnh (Nghĩa Hành), diệt nhiều địch, bảo vệ vùng giải phóng. Tiểu đoàn 7 phối hợp với du kích các xã của huyện Mộ Đức đánh địch quanh khu đồn Ông Độ, diệt và đánh thiệt hại nặng hai trung đội địch. Tiểu đoàn 107 pháo kích giông Gò Sắt, căn cứ của Trung đoàn 4 nguy. Những hoạt động trên mở ra các hành lang, tạo thế chuyển lực lượng xuống vùng sâu, bám trụ các địa bàn đánh địch.

Mở màn chiến dịch, đúng 2 giờ sáng ngày 01-3-1970, đơn vị đặc công 403 tiến công bất ngờ vào một đơn vị pháo binh của Lữ đoàn 11, diệt hàng chục lính Mỹ, phá hủy 7 khẩu pháo 105 ly và 155 ly. Cùng thời gian trên, Đại đội 120 Đức Phổ tiến công chốt Núi Bé (xã Phổ Cường), diệt nhiều lính Mỹ.

Ở Mộ Đức, Tiểu đoàn 83 và Đại đội 21 tiến công Trung đoàn 4 nguy, đánh thẳng vào Sở chỉ huy địch, phá hủy 2 khẩu pháo, đốt cháy hai kho xăng. Ở Bình Sơn, Tiểu đoàn 406 tập kích cứ điểm Nước Mặn, diệt hàng chục tên Mỹ. Ta làm chủ căn cứ. Sau chiến thắng Nước Mặn, các lực lượng vũ trang triển khai chặn đánh quân ứng cứu, nghi binh đánh lạc hướng quân Mỹ, tạo điều kiện cho du kích và các đội công tác đột nhập vào các ấp Trì Bình, An Diêm, Liên Trì diệt ác, phá kìm, phát động quần chúng nổi dậy đốt phá khu đồn, áp chiến lược. Đại đội 95 huyện Bình Sơn tiến công diệt chốt Đồi Chùa, đánh ấp Phú Lễ, Phước Thuận. Tiếp đó, nhiều ấp chiến lược, khu đồn ở Sơn Tĩnh bị quân và dân Sơn Tĩnh đốt phá, hàng chục tên ác ôn bị tiêu diệt. Trong 10 ngày đầu của tháng 4, lực lượng vũ trang Đức Phổ, Tư Nghĩa, Sơn Tĩnh đánh Mỹ "lết" đi lùng sục, diệt 70 tên. Lực lượng vũ trang Tư Nghĩa đánh quân nguy đồ xuống bằng

trục thăng ở núi Mồ Côi, diệt 33 tên, bắn rơi 4 trục thăng HU-1A, phục kích diệt hàng chục tên Mỹ "léch" tại Bàu Sơn, Đá Sơn, Nghĩa Lâm (Tur Nghĩa). Du kích các xã Đức Thạnh, Đức Hòa, Đức Minh, Đức Phong (Mộ Đức) đánh địch cướp lúa của dân đang gặt ở ngoài đồng, diệt 60 tên, bảo vệ cho dân thu hoạch mùa màng.

Chiến dịch Xuân - Hè năm 1970 kết thúc với những thắng lợi giòn giã, có ý nghĩa lớn, đẩy quân địch vào sâu hơn trong thế phòng ngự. Các lực lượng vũ trang quyết tâm khắc phục khó khăn, chiến đấu liên tục, tiến công trên cả ba vùng chiến lược, tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, hỗ trợ đắc lực cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, tạo điều kiện cho cán bộ cơ sở, các đội công tác trở về trụ bám, xây dựng và phát triển phong trào.

Về phía địch, dù bị tiêu hao nhiều sinh lực, nhưng chúng vẫn tiếp tục thực hiện kế hoạch bình định, mở các cuộc hành quân, luân phiên đánh phá, bình định một số vùng thuộc các huyện Tur Nghĩa, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Đức Phổ, lập thêm nhiều khu đồn, ấp chiến lược. Đặc biệt, chúng củng cố khu đồn Bàu Giang - Đá Chè (Tur Nghĩa), gom hơn 5.500 dân.

Trước tình hình đó, tháng 7-1970, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị đánh giá tình hình và nhận định: Địch tuy lập lại một số ấp và khu đồn, nhưng chúng không quản lý chặt chẽ. Đồn bót địch có nhiều thêm, nhưng chúng không đồn hết được dân, mà chỉ lén dân tại chỗ. Chúng có lập được một số khu đồn lớn, nhưng ta cài được cơ sở hoạt động để nắm tình hình và vận động quần chúng khi có thời cơ sẽ bung ra đấu tranh. Đội công tác và chính quyền xã vẫn bám địa bàn hoạt động, mạng lưới thông tin liên lạc từ xã đến huyện, tỉnh vẫn thông suốt.

Từ nhận định trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương: "Động viên sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân và lực lượng

vũ trang ba thứ quân, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và binh vận hoạt động liên tục. Trong từng đợt cao điểm, hỗ trợ trực tiếp cho quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kìm, đánh mạnh vào quân nguy, phá tan nguy quyền giành giữ dân, giữ vững thành quả cách mạng đã đạt được, tiếp tục giành thắng lợi to lớn hơn. Phải kết hợp chặt chẽ hai lực lượng, ba thứ quân, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở cả ba vùng, đồng thời đẩy mạnh tác chiến tập trung, nhằm đánh bại chương trình bình định đặc biệt của địch, phục vụ tốt cho nhiệm vụ trung tâm diệt kẹp, giành dân, giành quyền làm chủ"<sup>1</sup>.

Thực hiện chủ trương trên, quân và dân toàn tỉnh tiếp tục mở chiến dịch Thu năm 1970 (còn gọi là chiến dịch H.25). Chỉ tính từ ngày 29-8 đến ngày 14-10-1970, các lực lượng vũ trang ta đánh hàng trăm trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, trong đó có hàng chục tên lính Mỹ, ác ôn, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của chúng.

Đi đôi với chống địch "bình định", giữ dân và bảo vệ vùng giải phóng, ta liên tục đẩy mạnh hoạt động phía trước, tổ chức diệt ác, phá kìm, giành dân, đưa dân lên thế làm chủ ở vùng nông thôn, vùng ven và giành quyền làm chủ một số nơi trong thị trấn, thị xã.

Công tác xây dựng thực lực bên trong, xây dựng các đoàn thể, lực lượng cốt cán hợp pháp ngày càng phát triển. Các đội du kích mật, an ninh mật phát triển khá mạnh, trừng trị nhiều ác ôn, nguy quyền gian ác.

Trong chiến dịch Xuân - Hè năm 1970, ta tiến công vào 93 ấp chiến lược, khu đồn, có những ấp và khu đồn bị tiến công nhiều lần. Quần chúng nổi dậy làm chủ 18 ấp với khoảng

---

1. Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi tháng 7-1970.



25.000 dân, đưa gần 20.000 người bị kẹt lên thế tranh chấp. Trong chiến dịch Thu năm 1970, quân chúng đã nổi dậy cùng với các đội công tác và du kích phá banh một số khu đồn, áp chiến lược, điển hình như các ấp: Xóm Đình, Tiên Đào (xã Bình Trung, Bình Sơn); Gò Thị, Kim Sa, Cẩm Sơn (Tịnh Thọ), Trường An (Tịnh Khê), huyện Sơn Tịnh..., bung dân về vùng giải phóng. Tính đến tháng 10-1970, ta nắm được 205.000 dân ở vùng giải phóng và 133.000 dân ở vùng tranh chấp.

Phong trào đấu tranh chính trị và binh vận đóng vai trò rất quan trọng trong chống địch "bình định", giữ dân và phát động quần chúng nổi dậy diệt ác phá kìm, giành quyền làm chủ. Nổi bật là phong trào đấu tranh trực diện của nhân dân xã Đức Chánh (Mộ Đức), Tịnh Bình (Sơn Tịnh), Bình Chánh, Bình Nguyên (Bình Sơn) chống địch xúc tát, kiên quyết bám trụ, thực hiện khẩu hiệu một tác không đi, một ly không rời. Quần chúng bị địch xúc tát bị dồn nổi dậy đấu tranh đòi trở về quê cũ làm ăn. Ở các vùng bình định trọng điểm của địch, quần chúng kiên trì đấu tranh kéo dài hàng năm, làm cho địch không ổn định được tình hình. Nhân dân ấp Thạch Bi (xã Phô Thạnh, Đức Phô) đấu tranh đòi khôi phục lại nghề cá, được dùng thuyền đánh bắt cá đi từ cửa Mỹ Á đến Sa Huỳnh. Nhân dân Tịnh Thọ (Sơn Tịnh), Đức Hòa (Mộ Đức) đấu tranh quyết liệt, chặn xe tăng địch không cho dẫm lên ruộng lúa, chà xát hoa màu, bảo vệ thu hoạch vụ mùa không cho địch cướp phá. Quần chúng còn đấu tranh giữ các hệ thống mương đập, máy bơm nước để tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất.

Phong trào đấu tranh công khai hợp pháp trong thị xã, thị trấn có những chuyển biến tốt, tập hợp rộng rãi các lực lượng chống Mỹ - ngụy. Hàng ngàn lượt đồng bào và thương phế binh ngụy kéo đến tòa tỉnh trưởng đòi Mỹ rút quân về nước, đòi cải thiện đời sống, chống sinh hoạt đất đỏ, giải quyết nhà cửa,

đòi trợ cấp. Hàng ngàn lượt phạt tử dự thuyết pháp, gửi kiến nghị cho ngụy quyền Sài Gòn đòi văn hòa bình, hòa hợp dân tộc... Các lực lượng rải gần 2 vạn truyền đơn, *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh để cổ vũ quần chúng đấu tranh và làm công tác binh vận... Hơn 5.000 lượt học sinh các trường Kim Thông, Bồ Đề, Trần Quốc Tuấn tham gia các buổi hội thảo, đấu tranh chống quân sự hóa học đường, chống việc tổ chức phòng vệ dân sự, tham gia các hoạt động cứu tế xã hội. Đồng bào vùng ven đấu tranh buộc địch phải bồi thường cho thanh niên trốn lính bị bắn chết, nông dân đi làm đồng bị vướng mìn, lựu đạn, nhà cửa bị địch đốt phá, trâu bò bị địch bắn chết. Nhiều nơi đồng bào còn đấu tranh chống địch tổ chức hội làng, lấy đất công điền làm nhà ở cho lính...

Trong Nhà lao Quảng Ngãi, chi bộ đảng phân công đảng viên chịu trách nhiệm theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng và động viên tinh thần cách mạng của tù nhân từng xã. Đồng thời giao trách nhiệm cho những đồng chí khi khiêng rác ra ngoài, tìm cách liên lạc với tổ chức đảng. Những đồng chí tiến bộ trong tù được chi bộ tổ chức kết nạp vào Đảng. Từ ngày 07 đến ngày 09-10-1970, chi bộ lãnh đạo cuộc đấu tranh chống địch bắt tù nhân đi lính. Cờ địch bị xé nát. Ban lãnh đạo đấu tranh chiếm loa phát thanh kêu gọi binh lính không được đàn áp tù nhân. Đến 14 giờ cùng ngày, đích thân tên tỉnh trưởng đến giải quyết và hứa không bắt tù nhân đi lính. Sau cuộc đấu tranh này, một số người được trả tự do trở về quê.

Trong công tác binh địch vận, ta sử dụng hình thức nội công, ngoại kích, diệt cứ điểm, tranh thủ sự đồng tình của binh lính để hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, góp phần hạn chế sự đánh phá, xúc tát, dồn dân của địch. Trong các trận chiến đấu chống địch ở cầu Nước Mặn, xã Bình Nguyên và Bình Dương (Bình Sơn), cán bộ, chiến sĩ vận động được binh lính

đồng tình làm nội ứng bên trong nên diệt được nhiều địch, thu được nhiều vũ khí. Ta xây dựng hội gia đình binh sĩ, hướng dẫn họ tuyên truyền, vận động chồng, con, em bỏ hàng ngũ địch trở về với gia đình, với nhân dân. Sáu tháng đầu năm 1970, nhiều hội gia đình binh sĩ ở các xã Phổ Văn, Phổ Thuận, Phổ Khánh, Phổ Hiệp (Đức Phổ), Đức Phong, Đức Chánh (Mộ Đức), Nghĩa Kỳ (Tur Nghĩa), Bình Trung (Bình Sơn) vận động đào, rã ngũ được hàng trăm binh sĩ, phần lớn là lính phòng vệ dân sự. Cán bộ, chiến sĩ binh vận xây dựng nhiều cơ sở nội tuyến trong thị xã, thị trấn và trong các đồn bót địch.

Tháng 10-1970, cơ sở nội tuyến mang bí số B1 bí mật gài mìn hẹn giờ vào một xe quân sự Mỹ làm 2 sĩ quan Mỹ thiệt mạng, 1 tên bị thương nặng, gây tiếng vang ở Quảng Ngãi, làm cho lính Mỹ vô cùng sợ hãi.

Để nâng cao số lượng và chất lượng tác chiến của du kích, Tỉnh ủy chủ trương xây dựng lực lượng dân quân du kích lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, mỗi xã phải có một trung đội du kích, mỗi thôn phải có 1 tiểu đội, nơi nào khó khăn quá cũng phải thành lập một tổ du kích. Thực hiện chủ trương trên, đến tháng 6-1970, toàn tỉnh có hơn 9.000 du kích thôn, xã, trong đó ở đồng bằng có hơn 3.000 người, ở miền núi có gần 6.000 người<sup>1</sup>.

Chất lượng tác chiến của du kích có nhiều tiến bộ, có nhiều cách đánh mưu trí, sáng tạo, diệt được lính ngụy đi càn hoặc đánh chốt điểm, đánh Mỹ "lết"; nhiều nơi du kích biết chế tạo và sử dụng vũ khí tự tạo đánh địch. Phong trào du kích đánh xe cơ giới, đánh máy bay phát triển. Du kích các xã Tịnh Sơn, Tịnh Minh, Tịnh Trà, Tịnh Đông, Tịnh Hòa (Sơn Tịnh)

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 343.

Nghĩa Thắng, Nghĩa Hòa (Tur Nghĩa) Bình Châu, Bình Mỹ, Bình Dương (Bình Sơn), Đức Hòa, Đức Minh, Đức Chánh (Mộ Đức)... đánh bại nhiều trận càn của địch, diệt nhiều xe ủi, xe tăng, nhiều sĩ quan và bọn ác ôn bình định, hỗ trợ nhân dân trong các khu dồn nổi dậy. Trong chiến dịch Xuân - Hè và Thu năm 1971, du kích các địa phương hoạt động khá mạnh. Tại khu vực Dốc Phú (Bình Chương), trong 12 ngày, du kích tây Bình Sơn và tây Sơn Tịnh diệt 23 xe cơ giới. Du kích đông Sơn Tịnh diệt 13 xe địch. Du kích Tịnh Hòa trong 1 tháng diệt 23 xe ủi, có 18 chiếc bỏ xác tại chỗ. Trong 10 ngày đầu tháng 9-1970, du kích tây Bình Sơn, tây Sơn Tịnh diệt 6 tàu rọ. Du kích ở Ba Tơ, Sơn Hà dùng cảm bả rơi nhiều máy bay trực thăng HU-1A đi rải chất độc hóa học, phá hoại hoa màu của nhân dân. Du kích tây Sơn Tịnh phát động phong trào 3 ngọn cờ: diệt xe tăng, diệt "tàu rọ" và đánh Mỹ "lét", Mỹ "cồng".

Để phát triển phong trào du kích chiến tranh ở thị xã, thị trấn, Tỉnh ủy chủ trương thành lập chi bộ đặc biệt, đưa đảng viên ở nông thôn, vùng ven vào thị xã sống hợp pháp để xây dựng lực lượng tự vệ, lãnh đạo và đưa phong trào thị xã, thị trấn phát triển, góp phần quan trọng trong việc khôi phục và phát triển phong trào cách mạng ở thị xã và các vùng ven.

Trên mặt trận lao động sản xuất, Tỉnh ủy chỉ đạo chính quyền, các hội đoàn thể động viên nhân dân làm thủy lợi nhỏ, đảm bảo nước tưới cho đồng ruộng. Nhân dân tích cực đào ao, vét giếng, làm kênh, giúp nhau vượt qua khó khăn trong sản xuất, đời sống và đóng góp cho cách mạng. Ban sản xuất từ huyện đến xã được củng cố, tăng cường thêm cán bộ chuyên môn. Các tổ vòng đời công thường xuyên tương trợ, giúp nhau trong cấy trồng, thu hoạch. Khi địch đánh phá ác liệt, nhân dân không quản ngại hy sinh, gian khổ vẫn bám đồng ruộng sản xuất,

khi tiếng súng vừa dứt, người người lại ra đồng cày cuốc, cấy trồng hoặc tranh thủ thu hoạch lúa ban đêm. Thiếu sức kéo do trâu, bò bị địch giết hại, nhân dân phải dùng sức người để kéo cày, bừa.

Các hội đoàn thể cách mạng phát triển mạnh, nhất là ở vùng giải phóng, vùng căn cứ và vùng giáp ranh. Năm 1970, toàn tỉnh có 17.735 hội viên nông hội. Số hội viên phía trước có 910 người. Ở đồng bằng, các tổ vận công, đội công được hình thành và hoạt động theo mùa, vụ. Riêng các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức lập được 152 tổ đội công liên hoàn theo từng xã, thôn, với 1.771 người. Việc kiện toàn các tổ vận công, đội công theo liên thôn xóm, bao gồm tất cả nông dân nam nữ, già trẻ phát huy được vai trò tích cực của hội viên, kiên quyết bám ruộng rẫy để sản xuất và cải thiện đời sống, góp phần phát triển du kích chiến tranh, đấu tranh chính trị, binh vận, sản xuất, phục vụ tiền tuyến, giữ vững trật tự trị an, phòng gian bảo mật và chống do thám, gián điệp, chống "bình định" giành, giữ dân. Ở miền núi, các tổ đội công và hợp tác với số hội viên là 18.935 người, góp phần tích cực trong việc phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật tăng năng suất cây trồng<sup>1</sup>.

Hội Phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong đấu tranh trực diện chống địch xúc tát, phá khu dồn đưa dân về quê cũ làm ăn. Chị em đảm nhiệm phần lớn công việc đồng áng, bảo đảm sản xuất, chăm sóc, bảo vệ và thu hoạch mùa vụ, chống địch cướp phá hoa màu. Ban Chấp hành Hội Phụ nữ giải phóng các cấp thường xuyên được củng cố, Ban Chấp hành Hội Phụ nữ tỉnh có 29 chị; Ban Chấp hành Hội Phụ nữ các huyện có 106 chị và có hơn 13.000 hội viên<sup>2</sup>.

---

1, 2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 344-345.

Đoàn Thanh niên được củng cố và phát triển. Năm 1970, toàn tỉnh có 5.805 đoàn viên, trong đó có 1.352 nữ. Số đoàn viên hoạt động hợp pháp là 502 người, trong đó có 397 nữ. Đoàn viên trong du kích là 3.006 người, có 808 nữ; du kích mật có 687 người. Đoàn viên vào nông hội là 2.827 người. Hội viên thanh niên giải phóng là 3.282 người, có 1.644 nữ, số sống hợp pháp là 785 người. Chỉ tính 6 tháng đầu năm 1970, số thanh niên tòng quân và thanh niên xung phong là 358 người, có 7 đội thanh niên xung phong thường trực tại xã. Đặc biệt, Đội Thiếu niên tiên phong có 3.882 em, trong đó có 1.851 nữ. Thiếu niên tham gia du kích có 663 em, có 105 du kích mật<sup>1</sup>.

Công đoàn vận chuyển, công đoàn cơ quan được xây dựng và phát huy tốt vai trò của mình. Các công đoàn trong thị xã, thị trấn phát triển khá, bước đầu làm nòng cốt vận động nhân dân thị xã, thị trấn đấu tranh chống địch. Tháng 12-1969, Đại hội Công đoàn tỉnh Quảng Ngãi được tổ chức, Ban Chấp hành được thành lập. Ở các huyện có cán bộ chuyên trách phụ trách công tác công đoàn.

Các đoàn thể giáo dục và động viên hội viên hăng hái đóng góp lương thực, thực phẩm, tài chính cho cách mạng, thực hiện tốt công tác hậu cần nhân dân tại chỗ, bảo đảm cho chiến sĩ đánh giặc và góp phần giành thắng lợi trong các chiến dịch. Mặc dù thiên tai, địch họa liên tiếp xảy ra, ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất, nhiều nơi sản lượng lương thực giảm 60 - 70%, đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn, nhưng nhân dân vẫn đóng góp được 89 tấn gạo và 8 triệu đồng vào Quỹ đảm phụ kháng chiến; vận chuyển được 544 tấn hàng hóa, đóng góp 87.863 ngày công phục vụ chiến đấu; động viên được

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 345-346.

484 thanh niên tham gia thanh niên xung phong, làm mới hàng chục kilômét đường và 25 cầu cống, phục vụ cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đi lại, bảo đảm sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu<sup>1</sup>.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, giáo dục, y tế tiếp tục phát triển. Mặc dù bị địch liên tục càn quét, đánh phá nhưng hệ thống giáo dục của tỉnh vẫn được duy trì. Năm 1970, cấp I mở được 274 lớp từ lớp 1 đến lớp 4 với 5.242 học sinh. Riêng ở tây Sơn Tĩnh mở được 52 lớp vỡ lòng, học sinh cấp I có 1.325 học sinh. Huyện Mộ Đức vẫn duy trì được trường cấp II, có hơn 60 học sinh theo học. Ở Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Đức Phổ việc học của các em có lúc phải tạm hoãn do địch càn quét, đánh phá, nhưng khi tình hình ổn định, trường lớp lại được mở lại. Tỉnh đưa 198 em (có 51 nữ và 71 em người dân tộc thiểu số) là con liệt sĩ, gia đình có công cách mạng ra miền Bắc học tập. Bên cạnh đó, tỉnh còn tổ chức được 121 lớp học bình dân, xóa nạn mù chữ cho 1.571 người; 100 cán bộ các cấp được học tập trung tại trường bồi túc văn hóa của tỉnh<sup>2</sup>.

Công tác tuyên truyền, hoạt động văn hóa, văn nghệ phát triển khá mạnh. Tờ báo *Giải phóng* - cơ quan ngôn luận của Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Quảng Ngãi, thực chất là của Đảng bộ tỉnh, phát hành được 22.000 số, có tác dụng lớn trong việc phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, của Tỉnh ủy và Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh đến mọi tầng lớp nhân dân<sup>3</sup>. Tỉnh ủy còn cho in hàng loạt truyền đơn, khẩu hiệu, lời hiệu triệu phát tán vào thị xã, thị trấn và vùng trọng yếu, kêu gọi và cổ động khí thế nổi dậy tấn công địch của các tầng lớp nhân dân.

---

1, 2, 3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 346-349, 346, 347.

Đoàn Văn công tinh, Đoàn Điện ảnh giải phóng và các đội văn nghệ nghiệp dư ở các huyện vượt mọi khó khăn, thường xuyên xuống các địa phương phục vụ nhân dân, góp phần nâng cao tinh thần chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ, động viên mọi người hăng hái sản xuất, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Phong trào thu, đốt truyền đơn, sách báo của địch, đập phá các luận điệu xuyên tạc của địch được phát động khắp ở các địa phương, được nhân dân đồng tình hưởng ứng.

Công tác y tế phòng, chữa bệnh được bảo đảm từ tỉnh xuống xã, hình thành trạm cấp cứu ở các địa phương, kịp thời cứu chữa cho những người ốm đau hoặc bị tai nạn. Phong trào vệ sinh yêu nước ở đồng bằng và phong trào "Ba sạch" ở miền núi được phát động. Để đáp ứng nhu cầu cứu, chữa bệnh cho nhân dân, việc bào chế thuốc được lãnh đạo tỉnh quan tâm chỉ đạo. Trong năm 1970, tận dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ, các cơ sở y tế của tỉnh, huyện bào chế hơn 107.772 viên thuốc các loại, 450 lít thuốc nước và 1.470 thang thuốc nam. Tỉnh mở 6 lớp chuyên môn, đào tạo được 85 y sĩ, 36 nữ hộ sinh, 60 dược tá, 16 thầy thuốc đông y; cử 5 y sĩ đi đào tạo bác sĩ và 20 hộ sinh đào tạo y sĩ sản khoa. Các huyện đồng bằng đào tạo được 600 y tá, 500 hộ sinh và 487 hội viên chữ thập đỏ<sup>1</sup>.

Để bảo đảm đội ngũ cán bộ, nhiều đồng chí được Tỉnh ủy cử đi học ở Trường Đảng của khu. Riêng Trường Đảng tỉnh năm 1970 đào tạo được 166 đồng chí. Tỉnh ủy đề bạt nhiều cán bộ qua đào tạo vào những chức vụ chủ chốt ở các ban, ngành. Những đồng chí đau ốm được đưa đi chữa bệnh, an dưỡng ở các khu điều dưỡng của tỉnh hoặc đưa ra miền Bắc. Đặc biệt, có đồng chí được đưa đi chữa bệnh, điều dưỡng ở nước ngoài.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 348.



Từ ngày 04 đến ngày 06-11-1970, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ VIII được tổ chức tại Măng Xinh (xã Trà Xinh, Trà Bồng). Tham gia Đại hội có 115 đại biểu, đại diện cho trên 8.500 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội khẳng định: Từ Đại hội Đảng bộ tỉnh năm 1968 đến nay, quân và dân toàn tỉnh chiến đấu vô cùng anh dũng, giành được nhiều thắng lợi to lớn và toàn diện, tích cực đánh bại âm mưu bình định nông thôn, giữ được dân, vùng giải phóng. Phong trào đấu tranh chính trị, binh vận có bước phát triển mới trong việc vận dụng ba mũi giáp công, phục vụ cho nhiệm vụ trung tâm là giành và giữ dân. Quân chúng giữ được thế hợp pháp, trụ bám ruộng vườn sản xuất và chiến đấu. Binh vận được đẩy mạnh, vận động và làm tan rã nhiều quân địch. Công tác kinh tế - tài chính tuy có nhiều khó khăn, nhưng có sự nỗ lực và cố gắng rất lớn trong việc giữ vững sản xuất, ổn định được đời sống nhân dân, huy động được nhiều lương thực đáp ứng cho nhu cầu kháng chiến. Công tác xây dựng Đảng có nhiều tiến bộ. Tỉnh mở ba đợt chỉnh huấn lớn học tập các nghị quyết của Khu ủy. Mở những đợt sinh hoạt chính trị gắn ngày vào các dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng, khởi nghĩa Ba Tơ, học tập và làm theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Tỉnh ủy còn tổ chức các cuộc hội thảo chuyên đề về du kích chiến tranh, về công tác tổ chức, về công tác địch vận, dân vận, mặt trận... Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, xây dựng chi bộ "Bốn tốt", đảng viên "Bốn tốt" được tiến hành thường xuyên, liên tục, gắn chặt với nhiệm vụ trung tâm nhằm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Công tác phát triển Đảng được tiến hành thường xuyên. Năm 1969, kết nạp 1.356 đảng viên, trong đó có 482 đồng chí

được kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh, 9 tháng đầu năm 1970 kết nạp thêm 1.365 đảng viên. Tổng số đảng viên tính đến tháng 9-1970 có 8.568 đồng chí, trong đó có 1.829 nữ, 2.214 đảng viên người dân tộc thiểu số<sup>1</sup>.

Đại hội cũng thẳng thắn chỉ ra một số hạn chế, khuyết điểm cần khắc phục:

Về quân sự: Hoạt động chưa thật mạnh và liên tục, đánh tiêu diệt chưa tốt; phong trào du kích chiến tranh phát triển không đều, nhất là vùng ven, thị xã, thị trấn; xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh, huyện chưa mạnh, quân số ít, bổ sung khó khăn, công tác tư tưởng, chính trị trong lực lượng vũ trang chưa đáp ứng kịp yêu cầu của tình hình mới.

Về chống bình định: Do chủ quan chưa thấy hết âm mưu thâm độc của địch, nên công tác đối phó của ta ở một số nơi chưa kịp thời và triệt để, có nơi, có lúc còn mất dân, núng thê, chệch choạc, thiếu bình tĩnh. Hai mặt chống bình định, giữ dân và diệt kẹp mở ra giành dân chưa đồng đều. Thực lực bên trong chưa đều, ít và yếu.

Về chỉ đạo ba vùng chiến lược: Công tác chỉ đạo ở miền núi chưa sâu sát, chưa tập trung xây dựng vùng giải phóng vững mạnh. Công tác động viên chính trị, giáo dục quần chúng tiến hành không thường xuyên, các tổ chức quần chúng mà trung tâm là tổ chức nông hội, xây dựng còn chậm và chưa thật mạnh.

Đấu tranh chính trị, binh vận: Chưa theo kịp với hoạt động vũ trang, kết hợp ba mũi giáp công chưa chặt. Tổ chức lực lượng đấu tranh chưa tốt, đội ngũ cán bộ cốt cán còn ít. Công tác binh vận chưa trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, chưa tạo được sự binh biến lớn trong hàng ngũ địch.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 351.

Công tác tổ chức và xây dựng Đảng: Chưa theo kịp với yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Tư tưởng cán bộ, đảng viên còn diễn biến phức tạp, tư tưởng hữu khuynh, co thủ, ngại ác liệt, sợ hy sinh, ngán lâu dài, ỷ lại, trông chờ, cá nhân chủ nghĩa xuất hiện trong một số cán bộ, đảng viên.

Công tác xây dựng Đảng, trung tâm là xây dựng chi bộ chưa thật mạnh, công tác phát triển đảng viên mới còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và đề bạt cán bộ tiến hành chậm, không kịp thời.

Tiếp tục phát huy những thắng lợi đã đạt được, khắc phục thiếu sót, tồn tại, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ chung cho toàn Đảng bộ là: "Phát huy thắng lợi to lớn vừa qua, động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn đảng bộ, toàn quân, toàn dân, tăng cường đoàn kết, kiên trì đẩy mạnh kháng chiến, đẩy mạnh ba mũi giáp công, tập trung đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", âm mưu bình định nông thôn của địch; ra sức diệt ác, phá kìm, giành dân làm chủ toàn bộ (trừ một số quận lỵ) nông thôn đồng bằng và miền núi, làm chủ cơ sở, nắm dân ở bên trong thị xã, thị trấn và ngoại ô thị xã, đưa phong trào thành thị, xây dựng vùng địch kiểm soát tiến lên mạnh mẽ; ra sức xây dựng vùng giải phóng và căn cứ vững mạnh về mọi mặt, đẩy mạnh sản xuất, động viên lương thực, bảo đảm nhu cầu kháng chiến và cải thiện đời sống quần chúng; xây dựng lực lượng vũ trang; xây dựng thực lực chính trị, vũ trang ở cả ba vùng mạnh mẽ, đặc biệt chú trọng xây dựng thực lực bên trong, chuẩn bị đầy đủ để giành thắng lợi lớn, góp phần cùng toàn khu, toàn miền làm thay đổi cục diện chiến trường, giành thắng lợi quyết định, bảo đảm thắng lợi trong mọi tình huống, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn"<sup>1</sup>.

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ VIII, tháng 11-1970.

Đại hội xác định nhiệm vụ trung tâm của năm 1971 là: "Tập trung chỉ đạo, kiên quyết đánh bại về căn bản kế hoạch bình định đặc biệt của địch, đồng thời ra sức diệt ác, phá kìm mở áp giành dân, làm chủ từng vùng rộng lớn, đưa lên tranh chấp và lỏng kẹp những vùng còn lại, làm chủ cơ sở và nắm dân ở thị xã, thị trấn, tích cực xây dựng thực lực của ta đều cả ba vùng; đặc biệt là phải khẩn trương xây dựng vùng ta làm chủ cả miền núi và đồng bằng thật tốt, thật mạnh về mọi mặt"<sup>1</sup>.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 32 đồng chí, Ban Thường vụ có 8 đồng chí<sup>2</sup>. Đồng chí Phạm Thanh Biên<sup>3</sup> được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Các đồng chí Trần Võ, Lê Tấn Tỏa, Nguyễn Chức được bầu làm Phó Bí thư. Đồng chí Trần Võ được phân công làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh.

Nhằm động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng bộ, của quân và dân trong tỉnh, Đại hội đã phát động phong trào thi đua theo gương Bác, quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược từ ngày 15-11-1970 đến ngày 19-5-1971. Mục đích của đợt thi đua là: tiêu diệt và làm tan rã thật nhiều sinh lực địch; kiên quyết đánh bại bình định đặc biệt của địch, giữ dân, giữ vùng làm chủ thật tốt; nỗ lực vượt bậc, đẩy mạnh sản xuất, động viên lương thực đạt và vượt chỉ tiêu; xây dựng thực lực cách mạng vững mạnh, động viên được khí thế cách mạng, đoàn kết, phấn khởi tin tưởng và lạc quan trong cán bộ, chiến sĩ và toàn dân.

---

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ VIII, tháng 11-1970.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm các đồng chí: Phạm Thanh Biên, Trần Võ, Lê Tấn Tỏa, Nguyễn Chức, Đỗ Quang Trinh (Việt), Nguyễn Viết Chới, Nguyễn Nhâm, Trần Đình Tiến.

3. Đến tháng 9-1971, đồng chí Phạm Thanh Biên ra miền Bắc chữa bệnh, đồng chí Lê Tấn Tỏa làm Bí thư Tỉnh ủy.

Sau Đại hội, Tỉnh ủy mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân để quán triệt Nghị quyết của Đại hội và hưởng ứng đợt thi đua, quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, xây dựng quyết tâm đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ - ngụy, giành và giữ dân, mở rộng vùng giải phóng.

Để phù hợp với tình hình, Tỉnh ủy chủ trương chia huyện Bình Sơn thành hai huyện: Đông Bình Sơn và Tây Bình Sơn.

Cũng trong thời gian này, theo Chỉ thị của Ban Thường vụ Khu ủy V, huyện Trà Bồng được chia làm hai huyện: Đông Trà và Tây Trà, cùng huyện Sơn Tây thành lập khu Sơn Trà trực thuộc sự chỉ đạo của Khu ủy, do đồng chí Nguyễn Viết Chới<sup>1</sup> - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Bí thư.

Tháng 02-1971, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định hợp nhất các xã ở khu đông Sơn Tịnh và 4 xã đông, nam Bình Sơn thành lập lại huyện Đông Sơn<sup>2</sup>.

Theo chủ trương của Tỉnh ủy, cán bộ tiền phương của tỉnh chuyển xuống vùng đồng bằng hoạt động. Ban Chỉ huy Tỉnh đội chuyển xuống tây Sơn Tịnh để chỉ huy chung. Các đơn vị vũ trang của tỉnh, huyện tiếp tục đánh địch, tạo thế mở đường chuyển quân xuống vùng sâu, chiếm giữ các địa bàn được phân công. Cấp ủy và chính quyền các địa phương sắp xếp lực lượng, phân công cán bộ, đảng viên bám sát cơ sở, vận động quần chúng sản xuất và chiến đấu.

---

1. Đồng chí Nguyễn Viết Chới được tỉnh Nghệ An cử vào giúp tỉnh Quảng Ngãi kết nghĩa.

2. Huyện Đông Sơn gồm các xã: Bình Phú, Bình Tân, Bình Thanh, Bình Châu, Tịnh Khê, Tịnh Hòa, Tịnh Kỳ, Tịnh Thiện, Tịnh Châu, Tịnh Tân, Tịnh Nhơn, một phần xã Tịnh Án và một phần xã Tịnh Phong.

Cuối tháng 02-1971, Tỉnh ủy chỉ thị cho các địa phương tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm là chống bình định, diệt ác, phá kìm, giành dân, tạo thành những khu vực lớn nối liền với nhau; kiên quyết đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định của địch, giữ dân, giữ vùng ta làm chủ, hỗ trợ cho phong trào thành thị, mở rộng diện tiêu hao và tiêu diệt nhiều sinh lực địch, khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, nâng cao phong trào du kích đồng đều toàn tỉnh.

Thực hiện nhiệm vụ trên, các cơ sở đảng tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh tích cực xây dựng thực lực, tập trung vào việc chống địch bình định, giành giữ dân, tiêu diệt các cứ điểm quân sự của địch, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ.

Về phía địch, chúng sử dụng ba trung đoàn 4, 5, 6 của Sư đoàn 2 mở cuộc càn quét, tiếp tục thực hiện chương trình "bình định", giành dân, lấn đất. Chúng tập trung đánh phá ác liệt một số vùng trọng điểm ở đồng bằng và miền núi, cho xe tăng, xe ủi triệt hạ hàng loạt thôn, xã ở Đông Bình Sơn, Đông Sơn, tây Sơn Tĩnh, Mộ Đức, Đức Phổ, tây Tư Nghĩa. Đi đôi với cày ủi lấn nông, địch còn cắm thêm một số chốt điểm sâu vào vùng của ta, dọc các trục giao thông. Chúng dùng các chốt để vừa khống chế, giữ áp và khu dòn, vừa làm bàn đạp phát triển tề điệp ngầm đánh phá cơ sở của ta. Một trong những thủ đoạn thâm độc mà địch sử dụng để đánh phá ta là tam giác chiến, tức là vừa đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng, vừa tăng cường hoạt động do thám, gián điệp, ra sức cài cấy mạng lưới gián điệp tình báo trong thiếu nhi và các gia đình có liên quan đến cách mạng, vừa hoạt động sâu vào vùng ta, cũng như vùng chúng còn tạm thời kiểm soát để phục vụ cho âm mưu tập kích, phục kích, đổ quân chớp nhoáng, lung lạc cán bộ và phá hoại cơ sở thôn, xã.

Ở vùng tranh chấp và vùng địch tạm kiểm soát, trong áp chiến lược và khu dồn, địch xây dựng các tổ chức gián điệp ngầm, thực hiện chiến tranh tâm lý. Chúng tiến hành phân loại quần chúng để truy bắt cán bộ và đánh phá cơ sở của ta; phát triển các đảng phái phản động, ly gián nhân dân với cách mạng.

Ở thị xã, thị trấn và vùng ven, địch tăng cường hệ thống phòng ngự, lực lượng cảnh sát, sử dụng lính địa phương quân, phụ quân, cảnh sát, quân cảnh mở các chiến dịch an dân, vì dân, mở hội làng, dùng mạng lưới tình báo để gây nghi ngờ, chia rẽ nội bộ nhân dân.

Kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của Mỹ - ngụy, tranh thủ thời cơ thuận lợi, Tỉnh ủy chủ trương mở liên tiếp các chiến dịch Xuân - Hè (từ ngày 26-01 đến ngày 05-6-1971), cao điểm diệt ác (tháng 7-1971), chiến dịch Thu (từ ngày 20-8 đến ngày 05-10-1971) nhằm tiêu diệt nhiều sinh lực địch, mở mang, giành dân, tiến lên giải phóng hoàn toàn nông thôn, đồng bằng.

Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, giải phóng một vùng rộng lớn liên hoàn, như đông Mộ Đức, bắc Đức Phổ, tây Sơn Tịnh và tây bắc Bình Sơn, tạo được hành lang, bàn đạp nối liền giữa khu căn cứ miền núi và đồng bằng.

Đến tháng 11-1971, hầu hết lính Mỹ rút khỏi chiến trường Quảng Ngãi. Ta giành quyền làm chủ và giải phóng hàng chục vạn dân với nhiều mức độ khác nhau: 96.063 dân được hoàn toàn giải phóng, 101.571 dân được lỏng kẹp, 59.583 dân được làm chủ hợp pháp<sup>1</sup>. Khí thế cách mạng mới được đẩy lên ở

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 359.

nông thôn và đồng bằng. Những vùng bị địch đánh phá ác liệt như Bình Sơn, Sơn Tịnh dần dần trở lại ổn định, nhân dân trở về quê cũ làm ăn, tạo thế và lực mới để đánh thắng hoàn toàn kế hoạch bình định nông thôn của Mỹ - ngụy.

Cùng với phong trào giữ dân, giành dân, phong trào đấu tranh chính trị phát triển khá mạnh, nhất là phong trào học sinh và đạo hữu Phật giáo ở thị xã Quảng Ngãi, chống địch bắt lính đôn quân, chống quân sự hóa học đường, cầu nguyện hòa bình, đòi Mỹ rút quân về nước, đòi hòa hợp, hòa giải dân tộc...

Ngày 16-10-1971, hàng ngàn công nhân nghiệp đoàn lao động ở thị xã Quảng Ngãi xuống đường biểu tình đòi cải thiện đời sống, tẩy chay bầu cử hạ nghị viện và tổng thống ngụy vào ngày 31-10-1971. Truyền đơn, báo *Giải phóng*, cờ Mặt trận xuất hiện nhiều nơi trong thị xã, ngay cả trước tòa Tỉnh trưởng. Trên sông Trà Khúc xuất hiện nhiều bè chuối căng khẩu hiệu "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

Trong năm 1971, tuy có nhiều khó khăn, nhưng phong trào cách mạng của nhân dân vẫn giữ vững và trên đà phát triển. Địch từ chỗ "tìm diệt" và "bình định" chuyển sang phòng ngự "quét và giữ", nhất là khi địch thất bại ở Đường 9 - Nam Lào và quân Mỹ rút quân khỏi chiến trường Quảng Ngãi thì tình hình càng bất lợi cho chúng.

Để nắm chắc tình hình và có sự chỉ đạo sâu sát hơn nữa, từ ngày 25 đến ngày 30-11-1971, Tỉnh ủy họp và ra nghị quyết khẳng định: Từ sau chiến dịch Xuân - Hè, địch liên tiếp bị thất bại nặng. Trên chiến trường Quảng Ngãi, địch đang lâm vào tình trạng bị động, lúng túng. Lực lượng của địch ngày càng suy yếu rõ rệt, phương tiện chiến tranh giảm nhiều. Tinh thần và sức chiến đấu của quân ngụy sa sút nặng, tư tưởng thất bại



lây lan, sức chiến đấu giảm sút nghiêm trọng, lại phải dàn mỏng thay quân Mỹ, nên thế phòng ngự yếu và có nhiều sơ hở. Rõ ràng địch đang ở thế thua, thế đi xuống.

Về phía ta, Hội nghị cho rằng, tình hình vẫn tiếp tục phát triển thuận lợi, phong trào ở ba vùng thành thị, nông thôn đồng bằng và miền núi được giữ vững và phát triển tốt, khí thế cách mạng của quần chúng có bước chuyển biến mới khá sôi nổi. Tuy nhiên, sự chuyển biến của phong trào còn chậm, sự nỗ lực chủ quan của ta chưa cao, nên thắng lợi của ta còn hạn chế, không tương ứng với khả năng và tình hình thực tế của tỉnh. Thiếu sót lớn nhất của ta là việc xây dựng, phát triển thực lực vũ trang chính trị ở nông thôn, thành thị, trong các ấp và khu đồn, vùng địch kiểm soát, trong hàng ngũ quân nguy còn yếu. Tổ chức chỉ đạo tại chỗ hình thành chậm. Việc bổ sung quân số cho bộ đội huyện, tỉnh chưa kịp thời. Vì vậy, lực lượng vũ trang tập trung chưa mạnh, khả năng đánh diệt chót, đánh liên tục còn hạn chế, nhất là lực lượng vũ trang huyện và các đội du kích đặc công. Lực lượng du kích tuy có phát triển mạnh, nhưng cũng chưa đạt được chỉ tiêu đề ra.

Tại Hội nghị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng nghiêm khắc tự phê bình về những thiếu sót và quyết tâm sửa chữa để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử sắp tới.

Căn cứ vào sự phát triển của tình hình, Hội nghị đề ra nhiệm vụ: "Quyết tâm động viên sự nỗ lực vượt bậc của toàn đảng bộ, toàn quân, toàn dân tranh thủ thời cơ thuận lợi đẩy mạnh "ba quả đấm" (ba cao trào cách mạng) trên ba vùng chiến lược, tiêu diệt và làm tan rã lớn quân nguy, đánh bại căn bản kế hoạch bình định nông thôn, giải phóng và làm chủ đại bộ phận nông thôn, đưa cao trào cách mạng ở thành thị lên mạnh, làm suy sụp và tiến tới lật đổ nguy quyền địa phương,

kể cả ở thành thị. Xây dựng thực lực ta lớn mạnh về mọi mặt, giành thắng lợi nhảy vọt, nhanh chóng làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch, hoàn toàn có lợi cho ta, tạo ra một bước ngoặt chuyển biến căn bản, tiến lên làm thay đổi cục diện chiến tranh"<sup>1</sup>.

Yêu cầu lớn nhất của Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy lúc này là tập trung toàn lực cho một cao trào nổi dậy, mở ra giành dân từng mảng lớn, liên hoàn, tương đối hoàn chỉnh ở nông thôn và bung mạnh dân về vùng giải phóng, xóa bỏ vùng trắng.

Đây là một cuộc nổi dậy đồng loạt, đều khắp, mạnh mẽ và kéo dài, đòi hỏi toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh phải có sự nỗ lực vượt bậc, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc, quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược và tay sai.

### **3. Tham gia tiến công chiến lược năm 1972, góp phần đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ**

Sau những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược năm 1971, cục diện chiến trường trong tỉnh có những biến chuyển quan trọng. Quân Mỹ chỉ còn khoảng 200 cố vấn, đóng ở các chi khu, quận lỵ và thị xã. Quân ngụy đông nhưng phải thay thế vào các vị trí mà quân Mỹ rút nên chúng buộc phải lui về phòng ngự, ra sức phòng thủ và nong ra hàng ngăn chặn sự tiến công của ta.

Tháng 9-1971, Ban Thường vụ Khu ủy và Đảng ủy Bộ Tư lệnh Quân khu V họp, quyết định chuẩn bị cho cao trào

---

1. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi lần thứ V từ ngày 25 đến ngày 30-11-1971. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

tiến công và nổi dậy năm 1972 với ba yêu cầu: Diệt và làm tan rã phần lớn quân nguy, phá vỡ từng mảng hệ thống phòng thủ cơ bản của địch; đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, giành quyền làm chủ phần lớn nông thôn đồng bằng; đẩy mạnh phong trào thành thị đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, đòi Mỹ rút quân, đòi hòa bình.

Quán triệt chủ trương của Khu ủy khu V, tháng 01-1972, Tỉnh ủy triệu tập hội nghị, ra nghị quyết nêu rõ quyết tâm: "Tranh thủ thời gian, nắm lấy thời cơ lớn, tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ phát triển thế tiến công địch bằng ba mũi giáp công trên cả ba vùng, thực hiện cao trào: Mở mảng liên hoàn ở nông thôn, phát triển cao trào ở thành thị; phát động nhân dân nổi dậy, giành quyền làm chủ đều khắp, kiên quyết đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định nông thôn của địch ở địa phương, góp phần đánh bại chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của đế quốc Mỹ"<sup>1</sup>.

Yêu cầu lớn nhất là: Tập trung toàn lực cho một cao trào nổi dậy lớn, các lực lượng vũ trang phải đẩy mạnh tiến công địch, làm đòn xeo cho cơ sở phát động quần chúng nổi dậy; từng bước kết hợp với đẩy mạnh phát triển lực lượng vũ trang chính trị, binh vận, sẵn sàng phục vụ cho chiến dịch tiến công tổng hợp trên chiến trường.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, các lực lượng vũ trang tỉnh, huyện đều tập trung huấn luyện kỹ thuật chiến đấu, chiến thuật đặc công. Mỗi tiểu đoàn thành lập một đại đội đặc công, thực hiện chiến thuật lấy ít thắng nhiều, lấy chất lượng thắng số lượng. Tỉnh ủy, Ban Chỉ huy Tỉnh đội cử nhiều đoàn

---

1. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi tháng 01-1972. Tài liệu lưu trữ tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

cán bộ xuống cơ sở kiện toàn các cơ quan huyện đội, xã đội, xây dựng lực lượng vũ trang huyện, xã, các đơn vị du kích tập trung vững mạnh. Lực lượng vũ trang huyện có từ hai đến bốn đại đội tập trung. Du kích xã được huấn luyện cách đánh, diệt gọn chốt địch có quân số từ trung đội, tiểu đội, bằng chiến thuật tập kích bí mật, bất ngờ, có khả năng vừa tác chiến độc lập và đánh hiệp đồng.

Đặc biệt, tháng 12-1971, huyện Đức Phổ thành lập đại đội vũ trang nữ mang tên Đại đội pháo binh Lê Thị Hồng Gấm, gồm 30 chị, phần lớn là các nữ du kích tình nguyện, do chị Huỳnh Thị Tư làm Đại đội trưởng. Đến tháng 02-1972, Đại đội nữ pháo binh phát triển lên 50 người.

Các lực lượng vũ trang sẵn sàng bước vào một chiến dịch mới với tất cả quyết tâm chiến thắng. Công tác vận chuyển lương thực, vũ khí, khí tài được tiến hành khẩn trương. Các đoàn thể quần chúng tích cực đóng góp nhân tài, vật lực cho chiến dịch. Hơn 1.200 nam, nữ thanh niên xung phong vào quân giải phóng và các ngành trong tỉnh. Các tầng lớp nhân dân đóng góp hơn 38 tấn gạo và hàng chục triệu đồng, thu mua hàng ngàn tấn lương thực, thực phẩm khác.

Ở vùng địch tạm chiếm, bất chấp sự kìm kẹp, đe dọa của địch, bà con bí mật chuyển ra từng gánh gạo, lúa và nhiều tiền của để đóng góp cho cách mạng. Nhiều quần chúng ở thị xã, chị em tiểu thương, nhân sĩ yêu nước mua sắm thuốc men và các nhu yếu phẩm gửi cho chiến sĩ. Nhiều cơ sở nội tuyến gửi súng, đạn, phụ tùng, máy móc thông tin phục vụ chiến đấu.

Mặc cho kẻ thù ra sức đánh phá, ngăn cản, phong tỏa quan hệ hai vùng, nhưng các cửa khẩu ở Phổ Phong, Phổ Cường (Đức Phổ), Hành Thịnh (Nghĩa Hành), Nghĩa Kỳ (Tur Nghĩa),

Tỉnh Đông (Sơn Tĩnh), Bình Nguyên (Bình Sơn)... vẫn luôn đảm bảo mọi hoạt động, cung cấp hàng hóa, lương thực, thực phẩm cho cách mạng. Từng đoàn dân công, thanh niên xung phong ở vùng giải phóng vận chuyển hàng vận tấp vũ khí, thuốc men, lương thực về hậu cứ. Các huyện miền núi với khí thế sôi nổi như Ba Tơ, Sông Rhe, Sơn Hà huy động dân công vận chuyển lương thực, vũ khí, làm đường.

Trước tình hình lực lượng vũ trang, bán vũ trang có chất lượng khá, nhưng số lượng còn thiếu, Tỉnh ủy chủ trương mở các đợt động viên nhân dân khắp ba vùng tham gia lực lượng vũ trang. Chỉ trong ba tháng, lực lượng vũ trang địa phương đã tăng lên, du kích xã, thôn tăng thêm 20%. Các cơ sở, thực lực bên trong cũng được kiểm tra, rà soát lại từng người, được bồi dưỡng củng cố và phát triển. Một số nơi thành lập ban khởi nghĩa do chi bộ trực tiếp chỉ đạo.

Bên cạnh đó, Tỉnh ủy còn mở nhiều lớp học tập, huấn luyện cho bộ đội, du kích về tư tưởng và phương pháp hiệp đồng chiến đấu. Các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy và một số cán bộ trung cấp xuống tận huyện, xã để động viên, giáo dục hướng dẫn phát động quần chúng, xây dựng thực lực, giúp cơ sở lập phương án kế hoạch, đi sâu kiểm tra đôn đốc và tổ chức thực hiện.

Trước khi chiến dịch nổ ra, địch ở chiến trường Quảng Ngãi có 7 tiểu đoàn quân chủ lực thuộc Trung đoàn 4 và 6, hoạt động rất cơ động, hỗ trợ cho lực lượng bình định. Quân biệt động có 4 tiểu đoàn, đóng ở các huyện miền núi. Lực lượng bảo an có 52 đại đội, chia thành 3 tiểu đoàn, 16 liên đội và 3 đại đội đặc biệt. Nhiệm vụ của chúng là vừa đóng giữ chốt, phòng giữ quận lỵ, tỉnh lỵ, tiểu khu, chi khu, vừa hành quân đánh phá "bình định", phát hiện và ngăn chặn sự tiến công của ta. Ngoài ra,

chúng còn có lực lượng dân vệ, phụ quân (thanh niên tân trang và phòng vệ dân sự), các binh chủng pháo binh, xe tăng, máy bay... Toàn bộ lực lượng địch hình thành những tuyến chốt điểm và khu đồn, áp chiến lược: Có 4 cứ điểm A do quân đội nguy phụ trách; 147 chốt điểm B do quân đội nguy và dân vệ chốt giữ; 44 chốt điểm C chủ yếu do lực lượng bảo an quản lý; 43 khu đồn, đông nhất là khu đồn Bàu Giang - Đá Chẽ có đến 20.000 dân. Các khu đồn Kim Sa, Chóp Chài, Thạch Trụ có trên 7.000 dân. Đặc biệt, chạy dọc theo bờ biển từ đông Bình Sơn vào Đông Sơn, giáp bắc sông Trà Khúc có 16 khu đồn trên 60.000 dân và 133 áp chiến lược.

Ở vùng địch kiểm soát, chúng tăng cường phòng thủ, báo động, ra lệnh thiết quân luật, binh lính cắm trại 100%, ban đêm tăng cường lính canh giữ các chốt điểm, tổ chức phục kích, gài mìn, thường xuyên thay đổi các đơn vị đóng chốt vì sợ ta tiêu diệt hoặc sợ quân lính nổi dậy chống đối. Chúng liên tiếp mở hội làng, bắt dân học tập, thanh lọc, phân loại quần chúng, bắt bớ những người tình nghi để truy bức, đánh phá cơ sở cách mạng. Địch còn mở nhiều cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng. Đặc biệt từ tây Tư Nghĩa, Sơn Tịnh đến tây bắc Bình Sơn, dọc đường số 5, địch tập trung 3 tiểu đoàn quân cộng hòa càn quét, cướp phá, bắn giết nhân dân; đồng thời dùng nhiều thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt, vừa lừa bịp, mua chuộc, vừa hù dọa, khống chế nhân dân. Địch còn tăng cường chiến tranh tâm lý, hoạt động do thám gián điệp, biệt kích, dùng chiến thuật phân đội nhỏ, kết hợp điệp báo, chụp quân chớp nhoáng bằng trực thăng, tập kích bất ngờ vào nơi trú quân của du kích, bộ đội, gây cho ta nhiều tổn thất.

Trước tình hình đó, tháng 3-1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị mở rộng và nhận định: Mặc dù địch ra sức

thực hiện các âm mưu, thủ đoạn thâm độc, nhưng chúng trong thế suy yếu, nội bộ lục đục, phân hóa rõ rệt, trừ một số bọn ác ôn ngoan cố, còn phần lớn tinh thần đang hoang mang dao động và đang trên đà tan rã; một số ra thú tội với quần chúng, một số hoảng sợ bỏ trốn đi nơi khác, nên tương quan lực lượng giữa ta và địch đang có bước chuyển biến căn bản có lợi cho ta. Hội nghị đề ra nhiệm vụ trọng tâm: "Tiến công ra phía bắc, nổi dậy giành dân, giành quyền làm chủ, phá sạch khu đồn, bung mạnh dân về vùng giải phóng, chứ không phải là chống "binh định"... Tư tưởng tiến công biểu hiện trong nổi dậy giành quyền làm chủ, chủ yếu là dùng ba mũi giáp công, tiến công và nổi dậy tiêu diệt địch, bao vây, bức hàng, làm tan rã, triệt hạ nguy quyền, giành chính quyền; nổi dậy từng phần, giành quyền làm chủ từng phần, bằng nổi dậy giành đại bộ phận nông thôn, nổi dậy liên tục để giải phóng toàn bộ, không dừng lại, mà phải đưa lên hết cỡ, quyết liệt. Vấn đề cơ bản có tính chất quyết định là phải tạo cho được sự chuyển biến nhảy vọt về tư tưởng, tức là phải làm cho cán bộ, chiến sĩ và quần chúng nhận rõ tình thế, thời cơ, đánh giá đúng địch, ta, quán triệt phương hướng, nhiệm vụ của thời kỳ khởi nghĩa, nhận rõ mục tiêu, quyết tâm và tin tưởng, hành động quyết liệt, gạt bỏ mọi tư tưởng hữu khuynh, tiêu cực"<sup>1</sup>.

Suốt trong quá trình chuẩn bị, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo trọng điểm, nêu cao quyết tâm khi chiến dịch mở ra các trọng điểm phải giành được thắng lợi để động viên phong trào chung. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hai cuộc hội nghị bí thư xã và quân chính nhằm củng cố niềm tin, quyết tâm, đề ra phương

---

1. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi mở rộng tháng 3-1972. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

hướng, mục tiêu, cách thức tiến công và nổi dậy của chiến dịch. Ban Chỉ huy chiến dịch được thành lập, gồm các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội.

Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 được tiến hành với ba chiến dịch lớn: chiến dịch Xuân - Hè, chiến dịch Thu và chiến dịch tổng hợp sau Thu năm 1972.

Chiến dịch Xuân - Hè từ ngày 13-4 đến ngày 30-6-1972, lấy Đông Sơn và bắc Mộ Đức là trọng điểm cùng tiến công và nổi dậy giành dân.

Lúc 0 giờ, ngày 13-4-1972, chiến dịch Xuân - Hè bắt đầu. Ở trọng điểm cánh bắc, lực lượng vũ trang tỉnh và huyện Đông Sơn mở trận đột phá, tấn công địch trong khu đồn An Sen (Bình Phú) giành thắng lợi. Ta diệt gọn quân địch, phát động quần chúng nổi dậy bằng ba mũi giáp công, phá sạch khu đồn, bung dân về làng cũ, chống phản kích thắng lợi và triển khai ngay ra khu vực Ba Làng An với tốc độ tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, nhanh chóng; khu đồn Minh Quang, Đông Hòa bị phá banh, toàn bộ xã Tịnh Hòa được giải phóng, tiếp tục tiến lên phá khu đồn Trường An, Mỹ Lai ở Tịnh Khê và chặn đánh quân ứng cứu của địch. Chỉ trong 5 ngày, ta diệt trên 250 tên địch, phá sạch 9 khu đồn, nhổ 11 chốt điểm, giải phóng hoàn toàn 5 xã với gần 20.000 dân.

Ở trọng điểm cánh bắc Mộ Đức, bộ đội tỉnh, huyện đồng loạt tiến công vào một số cứ điểm, trong đó có yếu khu Long Phụng. Sau những ngày chiến đấu quyết liệt, địch rút chạy khỏi cứ điểm Long Phụng, Núi Đất, Kỳ Tân, Nghĩa Lập, Cầu Sắt, Thi Phô, Cầu Đập, giải phóng các xã Đức Thắng, Đức Nhuận, Đức Lợi. Lực lượng vũ trang tiếp tục hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá khu đồn ông Nhơn, ông Độ, Kiến Khương, bung dân về vùng giải phóng ở 8 xã: Đức Thắng, Đức Lợi, Đức Nhuận, Đức Chánh,



Đức Hiệp, Đức Hòa, Đức Phong, Đức Minh, hình thành một vùng giải phóng rộng lớn nối liền từ nam Sông Vệ đến bắc Đức Phổ, khai thông được quốc lộ 1 cả phía đông và phía tây. Thừa thắng, các đơn vị vũ trang của tỉnh phối hợp với các lực lượng vũ trang huyện tiến công sang phía đông huyện Tư Nghĩa và phía tây huyện Nghĩa Hành, đánh thiệt hại nặng hai đại đội bảo an, diệt và làm chủ một số thôn, ấp.

Phối hợp với các vùng trọng điểm, quân và dân Bình Sơn, với tinh thần tự lực cánh sinh tiến công tiêu diệt địch và phát động quần chúng nổi dậy ở các xã Bình Trị, Bình Thuận, Bình Đông, Bình Phước, Bình Trung, Bình Nguyên, Bình Chánh, Bình Thạnh, ba mũi giáp công tiếp tục phối hợp bao vây và làm tan rã địch, phá sạch các khu đồn dân ở Thuận Phước, Phước Hòa, Chợ Bò, An Cường... giải phóng 2 xã và 4 thôn, với trên 12.000 dân.

Ở tây Sơn Tịnh, ba mũi giáp công của quân và dân ta bao vây liên tục và tiến công quyết liệt các chốt điểm dọc đường 5B (nay là tỉnh lộ 623), làm tiêu hao, tan rã, bức địch rút chạy ở Gò Đá, Núi Nhàn, Rừng Miếu... diệt và phá khu đồn dân ở chân Núi Tròn.

Quân và dân Đức Phổ nổi dậy liên tục đánh giao thông, chiếm quốc lộ 1, bao vây các điểm ở ga, các chốt ở quốc lộ 1, tiêu hao, bức rã một số chốt điểm, phá một số khu đồn, bung dân về, xóa một số vùng trắng, giải phóng và giành quyền làm chủ khoảng 10.000 dân.

Chỉ 10 ngày đầu của chiến dịch (từ ngày 13 đến ngày 22-4), ta đánh 159 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên địch, tiêu diệt và bức rút 36 chốt, điểm, phá banh 20 khu đồn, 16 ấp chiến lược, 60.000 quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, trở về làng cũ; mở ra 4 vùng giải phóng rộng

lớn gồm 7 xã ở Đông Sơn với gần 20.000 dân, Bình Sơn gần 12.000 dân, đông bắc Mộ Đức gồm 18.000 dân và nam Đức Phổ với 10.000 dân<sup>1</sup>.

Không để cho địch có thời gian củng cố lực lượng, Ban chỉ huy chiến dịch quyết định mở tiếp cuộc tiến công đợt 2, bắt đầu từ ngày 08 đến ngày 20-5-1972. Mặc dù không còn yếu tố bất ngờ, nhưng quân, dân ta hiệp đồng chặt chẽ, phối hợp được ba mũi giáp công, tiếp tục tiêu diệt và làm tan rã lực lượng kim kẹp của địch ở nhiều nơi, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ và bung dân về làng cũ.

Ở đông Bình Sơn và Đông Sơn, ta vừa tiếp tục xây dựng vùng mới giải phóng, chống địch phản kích, vừa đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, phá hết các khu đồn, áp chiến lược còn lại ở các xã Bình Hải, Bình Trị, Bình Đông, hoàn thành vùng giải phóng liên hoàn gồm 13 xã, giải phóng hoàn toàn các xã ven biển từ nam sông Trà Bồng vào đến bắc sông Trà Khúc.

Ở tây Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, lực lượng vũ trang và các đội công tác thọc sâu vào các khu đồn, diệt ác, phá kìm, phát động quần chúng bung về làng cũ. Ở Mộ Đức, Đức Phổ, ta vừa tiếp tục xây dựng vùng mới giải phóng, vừa tích cực mở ra bung dân về các xã Đức Hòa, Đức Hiệp, phá rã khu đồn Thạch Trụ, đưa dân trở về các làng Phổ An, Phổ Quang, Phổ Nhơn, xóa vùng trắng, đánh chiếm quốc lộ 1, bao vây bức rút một số chốt điểm ở cánh nam Đức Phổ, phá khu đồn Xóm 7, áp Chợ Chiều, mở mảng giải phóng cánh nam giáp giới Bình Định gồm 5 xã Phổ Vinh, Phổ Hiệp, Phổ Khánh, Phổ Thạnh, Phổ Châu, vây ép địch ở Sa Huỳnh.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 372.

Ở vùng đông Tư Nghĩa, ta phối hợp chặt giữa tác chiến vũ trang, diệt địch và nổi dậy ở các xã Nghĩa An, Nghĩa Hà, Nghĩa Hòa, Nghĩa Tân, đưa 3.000 dân lên thế làm chủ.

Trong đợt 2 của chiến dịch Xuân - Hè, các huyện miền núi hiệp đồng nổ súng nhịp nhàng với các huyện đồng bằng. Một trung đội tân trang, dân vệ cùng hơn 750 quần chúng ở ấp Cây Duối nổi dậy đốt sạch khu đồn kéo về vùng giải phóng ở Ba Tư, Giá Vực, phối hợp với tiến công quân sự, diệt địch ở một số chốt điểm. Hơn 7.500 đồng bào dân tộc nổi dậy bung về vùng giải phóng.

Tại thị xã Quảng Ngãi, du kích mật, tự vệ mật, biệt động và lực lượng vũ trang phối hợp hoạt động liên tục, đánh nhanh, đánh trúng, với 7 trận, diệt hơn 30 tên ác ôn đầu sỏ và gây được tiếng vang.

Chỉ trong gần 25 ngày, các lực lượng vũ trang trong tỉnh đánh 189 trận, diệt, làm bị thương và bắt sống hàng trăm tên địch, bắn rơi 3 máy bay, bắn hỏng 4 chiếc khác, bắn cháy 9 xe quân sự, thu 324 súng, 12 máy thông tin, trên 3.00 viên đạn<sup>1</sup>.

Cuối tháng 5 đầu tháng 6-1972, địch huy động tiểu đoàn bảo an 103, 2 liên đội bảo an và một số đơn vị dân vệ phản kích xuống đông Bình Sơn hòng chiếm lại những vùng đã mất.

Ngày 31-5-1972, các lực lượng vũ trang tỉnh, huyện hợp đồng tác chiến, tiêu diệt toàn bộ tiểu đoàn 103 bảo an, đánh thiệt hại nặng liên đội 36 bảo an.

Đợt 3 của chiến dịch Xuân - Hè bắt đầu từ ngày 10 đến ngày 20-6-1972. Ngay trong đêm 10-6, ta tập trung 2 tiểu đoàn

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 374.

bộ binh, 1 tiểu đoàn đặc công, 1 bộ phận hỏa lực và công binh đánh phủ đầu 2 tiểu đoàn biệt động biên phòng nguy ở Đông Sơn, gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng.

Ở tây Sơn Tĩnh, trong hai ngày đầu chiến dịch ta quét sạch địch ở Tĩnh Thọ, phá 2 khu đồn, nhổ 3 chốt, bung gần 10.000 dân về quê cũ. Ở Tĩnh Hà, ta nhổ chốt Chà Là, đánh địch ở Hà Nhai, Thọ Lộc, uy hiếp quận lỵ và bắc thị xã. Địch hoảng sợ phải rút chạy khỏi hai chốt Núi Chợ, Cầu Gãy.

Ở Đông Sơn, lực lượng vũ trang huyện, tỉnh và du kích tiến công vào Thành Hời và các chốt điểm ở khu đồn Tĩnh Long, làm chủ và giải phóng một số thôn, ấp, đánh sập 2 cầu, đánh thiệt hại nặng 2 đại đội biệt động biên phòng, buộc địch phải rút chạy. Ta giữ vững vùng giải phóng và phát triển thế tiến công.

Ở phía bắc Bình Sơn, ta tập trung đánh mạnh và diệt gần hết mầm tề Bình Dương, đưa lên làm chủ 3 ấp, bao vây và tiêu hao, bức rã đại đội bảo an ở Chồi Chiến (Bình Nguyên), phá khu đồn, bung dân về quê cũ, làm chủ quốc lộ 1 từ Dốc Sỏi vào đến nước Mặn và liên tục tấn công địch ở Bình Long.

Ở đông Tư Nghĩa, ta diệt gọn 2 trung đội dân vệ, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội bảo an và diệt nhiều tên ác ôn có nợ máu với nhân dân.

Tính từ ngày 31-5 đến ngày 20-6, ta đánh 92 trận, diệt hàng trăm tên địch, bức rút và san bằng 6 chốt điểm, phá banh 6 khu đồn, giải phóng và làm chủ 15 ấp. Tổng số dân giải phóng trong đợt 3 khoảng 20.000 người.

Tính chung, trong 3 tháng của chiến dịch Xuân - Hè (từ ngày 13-4 đến ngày 30-6-1972), ta đánh 618 trận lớn nhỏ, diệt, làm bị thương và bắt sống hàng ngàn tên địch, thu 2 khẩu pháo 105 ly, 9 súng cối, 19 đại liên và 31 xe quân sự, bắn rơi

3 máy bay, bắn bị thương 4 chiếc khác, đốt cháy 2 kho xăng, đánh sập 4 cầu, 10 cống; san bằng 62 chốt điểm, 68 khu đồn, áp chiến lược, giải phóng và làm chủ gần 100.000 dân<sup>1</sup>.

Từ ngày 01 đến ngày 05-7-1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị mở rộng. Hội nghị cho rằng, qua đợt tiến công và nổi dậy Xuân - Hè, đại bộ phận chủ lực địch bị điều ra chiến trường chính ở Quảng Trị - Thừa Thiên Huế, bọn ngụy quân, ngụy quyền trong tỉnh bị ta đánh và tiêu diệt rất nặng. Nhiều đơn vị địa phương quân bị ta đánh thiệt hại nặng, không thể hồi phục, quân số hao hụt, không bắt được lính để bổ sung, nên giảm sút về số lượng và suy sụp về tinh thần chiến đấu. Phụ quân tan rã lớn, nhiều nơi tan rã toàn bộ, số còn lại rất hoang mang, lo sợ. Một số đơn vị, binh lính có xu hướng ngã về với cách mạng. Địch bị quét sạch ở một số địa bàn quan trọng, kế hoạch bình định nông thôn căn bản bị đánh bại.

Về phía ta, Hội nghị khẳng định, hoạt động Xuân - Hè giành được thắng lợi to lớn, hình thành những vùng giải phóng hoàn chỉnh, liên hoàn nhiều xã, huyện, nối liền nhiều nơi hai bên quốc lộ 1. Ta đánh vỡ và chọc thủng một số hệ thống điểm phòng ngự của địch, chiếm những địa bàn quan trọng, tạo được bàn đạp và hành lang thuận lợi, hình thành thế bao vây, tiến công chia cắt địch ở thị xã và các thị trấn, quận lỵ. Vùng giải phóng được mở rộng, dân trở về, xóa được vùng trắng. Vùng mới giải phóng được củng cố và phát triển mạnh, thế và lực của ta được tăng cường.

Riêng ở thị xã Quảng Ngãi, phong trào cách mạng phát triển hơn trước. Cơ sở cách mạng có đều khắp ở các phường ấp,

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 376.

ở vùng ven và nội thị, hình thành được các tổ chức quần chúng và vận động họ đứng lên đấu tranh làm rối loạn hậu phương của địch. Ta xây dựng và thuần khiết được một số căn cứ lõm. Cơ sở cách mạng được xây dựng trong lực lượng phòng vệ dân sự, trong ngục quyền ngày càng nhiều. Các chi bộ, chi đoàn được xây dựng, hình thành được hệ thống chỉ đạo bên trong và đưa cán bộ vào hoạt động.

Từ nhận định trên, Hội nghị hạ quyết tâm giải phóng toàn bộ nông thôn và thành thị.

Hội nghị đề ra phương hướng và nhiệm vụ của toàn Đảng bộ là: "Động viên toàn đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong tỉnh nỗ lực cao nhất, ra sức đẩy mạnh tốc độ tổng tiến công và nổi dậy giải phóng toàn bộ nông thôn (kể cả một số quận lỵ, thị trấn có điều kiện), chuyển nhanh sang công kích và vũ trang khởi nghĩa thị xã, giải phóng toàn tỉnh, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, đồng thời ra sức xây dựng vùng giải phóng (cũ và mới) vững mạnh toàn diện, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống"<sup>1</sup>. Trong đó, nhiệm vụ trước mắt là giải phóng toàn bộ nông thôn, đồng thời khẩn trương chuẩn bị sẵn sàng cho công kích và vũ trang khởi nghĩa ở thị xã với ba yêu cầu: tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn sinh lực địch, đặc biệt là tiêu diệt lực lượng vũ trang của địch, tiêu diệt và đánh đổ toàn bộ ngục quân, ngục quyền; giải phóng cho được thị xã; xây dựng và giữ cho được chính quyền cách mạng.

Tỉnh ủy quyết định tổ chức chiến dịch Thu và chiến dịch tổng hợp sau Thu năm 1972.

Chiến dịch Thu diễn ra từ ngày 10-7 đến ngày 02-9-1972, nhiệm vụ là vừa liên tục tiến công và nổi dậy giữ thế chiến trường,

---

1. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi mở rộng từ ngày 01 đến ngày 05-7-1972.

vừa ra sức xây dựng và chống địch phản kích, giữ vững vùng mới giải phóng, đồng thời phải ra sức chuẩn bị cho chiến dịch tổng hợp sau Thu.

Thực hiện chủ trương trên, Ban Chỉ huy chiến dịch tập trung đại bộ phận lực lượng vào trọng điểm cánh bắc và liên tiếp mở các đợt tiến công vào các vị trí của địch ở khắp các địa phương.

Trước khi chiến dịch Thu diễn ra, địch cho máy bay B.52 thả bom vào cơ quan Tỉnh ủy và Tỉnh đội đóng tại Làng Vũ, Long Sơn (Minh Long) gây cho ta nhiều tổn thất, 14 đồng chí hy sinh, trong đó có 8 đồng chí cán bộ Văn phòng Tỉnh ủy.

Từ ngày 10 đến ngày 15-7, lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp với lực lượng vũ trang, du kích và quần chúng hai huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn tiến công và nổi dậy từ khu vực dọc đường Trà Bồng đi Bình Chương và dọc đường số 5 Tịnh Hà đến Tịnh Giang, đánh dứt điểm và san bằng cứ điểm Bầu My, Dốc Phú, cầu Bà Mẹo, cao điểm 47, diệt 2 đại đội bảo an, 6 trung đội dân vệ, quét sạch địch ở hai đoạn đường chiến lược quan trọng từ Chóp Chài đi An Điền, từ Núi Lách đến Tịnh Hà trên đường số 5B, phá banh khu đồn Chóp Chài, đưa lên làm chủ 9.000 dân.

Từ ngày 02 đến ngày 17-8, lực lượng vũ trang chiến đấu dũng cảm, đánh tan cuộc hành quân lấn chiếm của địch vào các huyện Đông Sơn, Bình Sơn, tây Sơn Tịnh, diệt hàng trăm tên địch, thu nhiều vũ khí.

Ở cánh nam, quân dân các huyện Mộ Đức, Đức Phổ cũng liên tiếp tiến công địch diệt ác, phá kìm, phát động quần chúng nổi dậy phá ấp, giành quyền làm chủ. Quân và dân Tư Nghĩa tấn công đồn cảnh sát Nghĩa Hà, diệt gọn Ban Chỉ huy liên đội bảo an số 38. Ngày 30-8, cơ sở mật ở thị xã Quảng Ngãi dùng

mìn hện giờ đánh vào khách sạn Mimôda, diệt 30 tên sĩ quan địch. Trước đó, ta đốt cháy một kho xăng của địch.

Tính chung, trong chiến dịch Thu, ta đánh 265 trận, tiêu diệt và làm bị thương, bắt sống hàng trăm tên địch, thu gần 200 súng các loại, bắn cháy, làm hỏng 16 xe quân sự, giành quyền làm chủ 5 ấp, phá banh nhiều khu đồn, bung ra trên 1 vạn dân. Ngoài ra, Tỉnh ủy còn phát động phong trào toàn dân vũ trang đánh giặc với khẩu hiệu "Tất cả cho công kích và vũ trang khởi nghĩa, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân"; phong trào rèn gươm, luyện kiếm, may cờ, lập ban khởi nghĩa. Các đại đội vũ trang khởi nghĩa được xây dựng, sẵn sàng cho công kích và vũ trang khởi nghĩa thắng lợi. Để tiếp tục tấn công địch, từ tháng 8-1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị về "Phương hướng, nhiệm vụ của chiến dịch tổng hợp sau Thu". Chỉ thị khẳng định, sau các chiến dịch Xuân - Hè, Thu, vùng giải phóng của ta được mở rộng, giữ vững thế tiến công và nổi dậy liên tục, liên tiếp giành thắng lợi; chống được âm mưu phản kích lấn chiếm của địch, bảo vệ và giữ vững được vùng mới giải phóng, khí thế của quần chúng cả ba vùng đều phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, phong trào vẫn còn một số nhược điểm, đó là vùng mới giải phóng xây dựng chưa được vững chắc; một số nơi dân chưa ổn định còn chạy dạt đi nơi khác; lực lượng vũ trang tuy có phát triển, nhưng còn ít, số mới tham gia chiến thuật, kỹ thuật chưa thành thạo; đội công tác có tăng, nhưng khả năng vận động tổ chức quần chúng còn yếu; việc kết hợp giữa tác chiến với giành, giữ dân còn yếu, chưa gắn chặt với nhau; nổi dậy của quần chúng chưa mạnh, kết hợp với ba mũi giáp công chưa chặt chẽ; công tác binh vận còn yếu, chưa có binh biến, chưa có khả năng ly khai của binh lính; việc xây dựng lực lượng vũ trang huyện, tỉnh chưa mạnh, quân số bổ sung chưa đủ, chất lượng chiến đấu chưa cao...



Về phía địch, Chi thị nhận định, tuy bị thất bại nặng về quân sự, chính trị đang lâm vào tình thế khốn quẫn nhưng địch còn rất ngoan cố, tiếp tục thực hiện âm mưu phản kích, lấn chiếm lại vùng giải phóng, đóng lại một số chốt điểm, tăng cường phi pháo, đánh phá ác liệt ở những nơi bị ta tiến công. Tuy vậy, địch đang trong thế thất bại, thế và lực bị suy giảm nặng, nhiều khó khăn chông chát không sao khắc phục được.

Chi thị nêu rõ nhiệm vụ chủ yếu của chiến dịch tổng hợp sau Thu là: "Tập trung toàn bộ lực lượng đẩy mạnh tiến công và tổng nổi dậy tiêu diệt, làm tan rã lớn lực lượng địch, giải phóng toàn bộ nông thôn (bao gồm một số quận lỵ, chi khu), chống địch phản kích, kiên quyết đánh bại mọi âm mưu lấn chiếm, giữ vững vùng giải phóng, lấy tiến công nông thôn làm hướng tiến công chính, trước mắt; đồng thời đẩy mạnh phong trào thành thị, chuẩn bị đầy đủ điều kiện để khi có giải pháp chính trị có thể áp vào đưa lên thành cao trào cách mạng, bùng nổ của quần chúng, giành thắng lợi to lớn nhất; khẩn trương xây dựng thực lực ta vững mạnh về mọi mặt, sẵn sàng đối phó thắng lợi trong mọi tình huống"<sup>1</sup>.

Công tác chuẩn bị cho chiến dịch được tiến hành rất khẩn trương. Cùng với mở đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh học tập các chủ trương của khu và Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phát động phong trào toàn dân vũ trang khởi nghĩa. Trước khi chiến dịch bắt đầu, toàn tỉnh xây dựng được 160 đại đội vũ trang khởi nghĩa với hơn 18.000 người. Phong trào rèn gươm, luyện kiếm, may cờ, làm binh biến khá sôi nổi. Tỉnh vận động được hơn 1.000 thanh niên

---

1. Chi thị về "Phương hướng, nhiệm vụ của chiến dịch tổng hợp sau Thu". Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

tham gia lực lượng vũ trang. Riêng trong chiến dịch giải phóng Ba Tơ, đồng bào, chiến sĩ toàn tỉnh vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho chiến trường. Toàn tỉnh thu mua và vận chuyển được hàng vạn tấn gạo phục vụ cho chiến dịch.

Chiến dịch tổng hợp sau Thu được chia làm hai đợt (đợt 1 từ ngày 15 đến ngày 30-9, đợt 2 từ ngày 01 đến ngày 31-10-1972). Các huyện Mộ Đức, Đức Phổ và Ba Tơ được Khu ủy chọn làm trọng điểm. Huyện Nghĩa Hành, đông Tư Nghĩa và đông, tây Sơn Tịnh được chọn làm diện quan trọng.

Ngay đêm 15-9, chiến dịch bắt đầu. Mặc dù trời mưa to, bão lớn làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai lực lượng, nhưng nhờ sự quyết tâm và chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Khu ủy, sự nỗ lực cao của bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương, dân quân du kích và nhân dân nên chiến dịch vẫn được tiến hành thuận lợi.

Ở Mộ Đức, sau một ngày đêm chiến đấu, ta tiêu diệt, bức rút hàng chục chốt điểm, đánh chiếm chi khu, thị trấn, làm chủ đại bộ phận trục quốc lộ 1 từ Sông Vệ đến Thạch Trụ, tiến công uy hiếp quận lỵ, phá sạch các khu đồn, áp chiến lược. Trong 5 ngày, quân dân Mộ Đức tiêu diệt và bức rút 20 chốt điểm; 2 đại đội vũ trang khởi nghĩa hỗ trợ cho quân chúng tại chỗ nổi dậy phá 3 khu đồn, 15 áp chiến lược, giải phóng trên 25.000 dân. Lực lượng vũ trang khởi nghĩa của quân chúng vây bắt trên 300 tù binh, thu trên 250 súng, san bằng hết khu đồn, áp chiến lược.

Ở Đức Phổ, ngày 16-9, ba thứ quân hiệp đồng chặt chẽ, chỉ trong vòng 6 ngày, địch từ Thạch Trụ đến bắc quận lỵ bị tiêu diệt, 17 chốt điểm bị san bằng; 17 đại đội vũ trang khởi nghĩa phối hợp với bộ đội vây bắt 56 tù binh, thu 53 súng, hỗ trợ

quần chúng phía trước nổi dậy, phá sạch các khu đồn, áp chiến lược trên trục quốc lộ 1, giải phóng trên 15.000 dân, hình thành vùng giải phóng liên hoàn ở 8 xã phía bắc và 5 xã phía nam huyện, chạy dài theo ven biển nối với miền núi<sup>1</sup>.

Ở Ba Tơ, được sự phối hợp nhịp nhàng của Lữ đoàn 52, đặc công Quân khu, Tiểu đoàn 20 của tỉnh, lực lượng vũ trang huyện cùng du kích, đồng bào địa phương vượt qua mọi khó khăn do trời mưa to, lũ lớn, đồng loạt nổ súng bao vây, tiêu diệt địch ở quận lỵ và các cứ điểm xung quanh quận lỵ Ba Tơ, làm thiệt hại nặng Tiểu đoàn 68 của địch. Đến 22 giờ 45 phút, ngày 18-9, ta chiếm hoàn toàn quận lỵ Ba Tơ, hơn 4.000 đồng bào trong khu đồn được giải phóng, trở về làng cũ. Tên trung tá, Quận trưởng Bửu Tương tự tử, số địch còn lại chạy về co cụm tại cứ điểm Đá Bàn (tây quận lỵ Ba Tơ). Quân ta tiếp tục tiến công, ép sát khu biệt kích Đá Bàn.

Từ ngày 20-9, địch tập trung 6 tiểu đoàn, có pháo binh, xe tăng yểm trợ tổ chức phản kích, cố chiếm lại quận lỵ Ba Tơ, giải tỏa khu trung tâm biệt kích Đá Bàn. Với tinh thần dũng cảm, mưu trí, các lực lượng vũ trang kiên quyết bám trụ, liên tục tiến công, đánh bại 7 đợt phản kích của địch, làm cho chúng không thể tiếp viện được cho Đá Bàn. Súng đạn, lương thực từ máy bay địch thả xuống bị ta thu hết. Thêm vào đó do mưa to gây lũ lớn nên địch càng thêm hoang mang, dao động, một số sợ hãi tìm cách bỏ chạy. Đêm 30-10, quân ta tiến công tiêu diệt dứt điểm trung tâm biệt kích Đá Bàn, 6 tiểu đoàn địch bị thiệt hại nặng. Huyện Ba Tơ hoàn toàn giải phóng.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 385.

Ở Đông Sơn, quân ta tiến công, làm chủ các xã Tịnh Phong, Tịnh Nhơn (nay là Tịnh An) và Châu Sa; 5 đại đội vũ trang khởi nghĩa ở các xã Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, Tịnh Khê cùng lực lượng vũ trang tỉnh tiến công, bao vây các chốt ở Núi Ngang, đồi Voi, thầy Lịnh, thành Hời, bức rút 3 chốt, diệt 135 tên địch, giải phóng hơn 1.700 dân.

Ở thị xã Quảng Ngãi, lực lượng tự vệ mật và đội biệt động thị xã luôn sâu móc nối với cơ sở nội tuyến diệt tề điệp và ác ôn, đặt chất nổ ở cơ quan tình báo Mỹ làm chết và bị thương nhiều tên.

Bị tổn thất nặng, địch điều 2 trung đoàn cộng hòa và 2 liên đoàn biệt động giải tỏa cho các chi khu, quận lỵ bị ta bao vây, nối quốc lộ 1 bị cắt đứt và cố lần chiếm lại một số vùng đã mất.

Ngày 05-10, địch tập trung 4 tiểu đoàn của Trung đoàn 4 nguy, 3 tiểu đoàn của Liên đoàn biệt động số 2 và sự hỗ trợ đạn pháo tầm xa từ biển bắn vào, máy bay B.52 ném bom, rải thảm tập trung đánh vào quận lỵ, nối lại trục quốc lộ 1 từ Mộ Đức đi Đức Phổ, lập lại các đơn vị bảo an, dân vệ.

Lực lượng vũ trang và du kích đánh trả quyết liệt, chặn đứng mọi cuộc hành quân phản kích và lần chiếm của địch, đẩy lùi nhiều cuộc phản kích, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Ta không chỉ giữ vững mà còn tiếp tục mở rộng vùng giải phóng, giành quyền làm chủ hơn 28.000 dân, phá ban hàng chục ấp chiến lược.

Ở Bình Sơn, Đông Sơn, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, địch tập trung lực lượng địa phương quân, có xe tăng yểm trợ phản kích lần chiếm lại vùng giải phóng. Lực lượng vũ trang liên tục phản công, tiêu hao nhiều sinh lực địch làm cho hậu phương của chúng thêm rối loạn.

Qua ba chiến dịch: Xuân - Hè, Thu và tổng hợp sau Thu (từ ngày 13-4 đến ngày 31-10-1972), quân và dân ta loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, san bằng 124 chốt điểm, 135 khu đồn và áp chiến lược, giải phóng và làm chủ 246.748 dân, mở ra nhiều vùng rộng lớn liên hoàn từ tây nam Nghĩa Hành, đông bắc Tư Nghĩa đến Mộ Đức, Đức Phổ và Ba Tơ.

Cùng với đấu tranh vũ trang, công tác binh vận đạt nhiều kết quả. Binh lính địch nhiều nơi chống lại lệnh chỉ huy, hỗ trợ lực lượng vũ trang diệt ác, phá kìm. Qua các chiến dịch, có 42 vụ binh biến nội ứng, diệt 63 tên ác ôn, làm bị thương 60 tên khác. Có 19 trung đội nổi dậy làm binh biến khởi nghĩa, diệt ác ôn, mang trên 300 khẩu súng về với cách mạng. Phong trào đào, rã ngũ trong binh lính địch phát triển mạnh mẽ ở khắp các sắc lính. Phong trào chống bắt lính, đôn quân diễn ra quyết liệt, tập hợp được cả binh lính, thương phế binh ngụy, thanh niên, học sinh và các tầng lớp nhân dân tham gia.

Công tác động viên nhân tài, vật lực phục vụ tiền tuyến được Tỉnh ủy và các cấp ủy địa phương hết sức quan tâm. Trong 10 tháng của năm 1972, nhân dân ở cả ba vùng thu mua được gần 6.600 tấn gạo, đóng góp hàng chục triệu đồng, vận chuyển 6.158 tấn vũ khí, lương thực phục vụ chiến trường, động viên gần 6.000 thanh niên nhập ngũ, thoát ly tham gia cách mạng.

Trên lĩnh vực sản xuất, khai hoang phục hóa, nhân dân gieo trồng được 26.383 ha, trong đó diện tích trồng lúa 22.254 ha, sản lượng thu hoạch được 31.657 tấn. Ở miền núi, phong trào vòng đổi công, hợp tác đoàn kết sản xuất phát triển, bảo đảm cung cấp lương thực phục vụ tiền tuyến. Phần lớn ruộng miền núi được sử dụng vào việc sản xuất lúa, gạo. Nhân dân vùng rẫy

xuống làm ruộng, định canh, định cư, giảm diện tích hoang hóa. Diện tích đất sản xuất đạt 13.275 ha, trong đó lúa đạt 7.480 ha. Tổng sản lượng lương thực đạt 17.317 tấn, trong đó sản lượng lúa đạt 7.746 tấn. Ngoài ra, tỉnh còn chú trọng phát triển chăn nuôi, nghề làm muối, làm cá và các nghề tiểu thủ công nghiệp. Toàn tỉnh có 40 lò rèn, bảo đảm vừa rèn nông cụ phục vụ sản xuất, vừa sửa chữa vũ khí phục vụ kháng chiến<sup>1</sup>.

Ở vùng mới giải phóng, tỉnh kịp thời xuất gạo, muối, cứu đói, cứu giáp hạt cho dân, đồng thời vận động nhân dân tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, đồng thời cho nhân dân vay tiền để phát triển sản xuất. Tư tưởng và đời sống nhân dân dần ổn định, các nạn dịch, bệnh được hạn chế.

Các đoàn thể quần chúng ở vùng mới giải phóng được củng cố, thu hút nhiều hội viên tham gia và sinh hoạt chính trị thường xuyên. Hội Phụ nữ phát triển thêm 12.199 hội viên; Nông hội: 12.624 hội viên; Đoàn Thanh niên: 1.278 đoàn viên<sup>2</sup>. Chính quyền cách mạng được thành lập và từng bước củng cố, phân công cán bộ chuyên trách từ xã đến thôn, góp phần giữ vững trật tự an ninh. Nhiều nơi chính quyền phát động quần chúng phát hiện tề điệp, dựa vào quần chúng để trừng trị, giáo dục những phần tử xấu, xây dựng được phong trào an ninh nhân dân chống hoạt động do thám, gián điệp và chiến tranh tâm lý của địch.

Để đánh giá tình hình và kết quả các chiến dịch trong năm 1972, từ ngày 05 đến ngày 14-11-1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị mở rộng, khẳng định: Trong năm 1972,

---

1, 2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 389-390, 390.

quân và dân ta giành được thắng lợi to lớn và toàn diện chưa từng có. Thắng lợi đó có ý nghĩa vô cùng quan trọng, tạo ra thực lực mới, địa bàn mới, thế tiến công mới, làm cho khí thế chính trị, tinh thần, tư tưởng của quân, dân tăng lên rõ rệt. Hội nghị cũng nhận định thời gian sắp tới địch sẽ phản kích, lấn chiếm lại những vùng đã mất, giành dân lấn đất một cách quyết liệt, có trọng điểm ở những nơi quan trọng rồi loang dần ra.

Từ nhận định trên, Hội nghị đề ra nhiệm vụ: "Tiếp tục động viên, lãnh đạo Đảng bộ, quân và dân toàn tỉnh phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất, kiên trì đẩy mạnh kháng chiến cho đến khi giành được thắng lợi hoàn toàn. Trước mắt, tích cực đối phó với mọi âm mưu phản kích đánh phá và bình định lấn chiếm của địch, giữ vững vùng ta, giữ dân, bảo vệ hành lang bàn đạp và liên tục tiến công địch phía trước, tiếp tục giành dân, khẩn trương củng cố xây dựng lực lượng ta thật vững mạnh, đồng thời tích cực chuẩn bị cho Xuân - Hè 1973"<sup>1</sup>.

Tỉnh ủy chủ trương: Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng trong Đảng bộ, quân và dân, sẵn sàng đối phó với thủ đoạn kéo dài chiến tranh của Mỹ - ngụy; đồng thời phải tích cực chống địch phản kích, kiên quyết đánh bại mọi âm mưu lấn chiếm, bình định, xúc tát dân của địch, giữ dân, giữ vững vùng giải phóng và đẩy mạnh liên tục hoạt động tiến công địch, diệt ác, phá kìm, giành dân; phải ra sức xây dựng vùng giải phóng vững mạnh về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, trở thành hậu phương, căn cứ cách mạng vững chắc, kể cả ở miền núi và đồng bằng.

---

1. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi mở rộng từ ngày 05 đến ngày 14-11-1972.

Qua một năm chiến đấu liên tục, với ba chiến dịch Xuân - Hè, Thu và tổng hợp sau Thu năm 1972, quân và dân Quảng Ngãi đã nỗ lực phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, tiêu diệt được bộ phận quan trọng sinh lực địch, đánh thiệt hại nhiều quân địch ở địa phương. Các lực lượng vũ trang tiến công mạnh vào một số quận lỵ, chi khu, phá hủy tuyến phòng thủ kiên cố của địch dọc theo quốc lộ 1, chiếm được những địa bàn quan trọng, phá vỡ hầu hết các hệ thống phòng thủ kẹp dân tại chỗ, phá vỡ những tuyến phòng ngự vòng ngoài của địch, quét sạch địch ở một số địa bàn quan trọng, đẩy chúng vào thế bị động, rối loạn, nhiều nơi, nhiều lúc địch mất sức đề kháng, ý chí giảm sút nặng nề, tư tưởng thất bại thể hiện ngày càng trầm trọng.

Với việc giải phóng huyện Ba Tơ, vùng giải phóng được mở rộng, nối liền và hình thành liên mảng ở những địa bàn quan trọng, căn bản xóa vùng trắng. Vùng căn cứ khu V được khai thông từ Quảng Ngãi đến Bình Định, Phú Yên, thu hẹp vùng địch, hình thành thế bao vây, chia cắt địch, cô lập địch ở thị trấn, thị xã, tạo ra thế trận mới, thế tiến công nhiều hướng ở trên cả ba vùng chiến lược. Thực lực cách mạng phát triển nhanh và ngày càng mạnh. Tinh thần, khí thế cách mạng trong cán bộ, chiến sĩ và quần chúng ngày càng được củng cố vững chắc.

Thắng lợi của cuộc tổng tiến công chiến lược năm 1972 tạo cho quân dân ta thế và lực mới, làm thay đổi tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường Quảng Ngãi, góp phần đẩy mạnh đấu tranh trên mặt trận chính trị, ngoại giao, cùng nhân dân toàn miền đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.



V- CÙNG NHÂN DÂN CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG  
CUỘC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC  
CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1973 - 1975)

**1. Đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Pari,  
chống địch lấn chiếm vùng giải phóng, đẩy mạnh phát  
triển thực lực cách mạng**

Thắng lợi của Nhân dân ta trên các chiến trường đưa cách mạng Việt Nam bước vào giai đoạn mới. Ngày 27-01-1973, chính quyền Níchxơn buộc phải ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam. Theo Hiệp định, Mỹ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; thực hiện ngừng bắn trên toàn Việt Nam từ ngày 27-01-1973. Mỹ sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Mỹ cam kết tôn trọng nguyên tắc tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, không can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam, thừa nhận thực tế ở miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

Ngày 29-3-1973, Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ ở Sài Gòn làm lễ cuốn cờ. Tướng Uâylen - Tổng chỉ huy Bộ tham mưu quân viễn chinh Mỹ và 2.051 lính Mỹ cuối cùng rút khỏi miền Nam Việt Nam. Cùng ngày, quân đồng minh của Mỹ cũng rút khỏi nước ta.

Theo thỏa thuận giữa ta và địch, khi Hiệp định Pari được ký kết, tại cây số 7 trên quốc lộ 24A được chọn làm địa điểm giám sát việc thực hiện Hiệp định và cũng là điểm trao trả tù binh hai phía.

Tuy nhiên, đế quốc Mỹ vẫn không chịu từ bỏ âm mưu xâm lược Việt Nam. Chúng vạch ra những kế hoạch, thủ đoạn mới

để đánh phá phong trào cách mạng nước ta. Mục tiêu trước mắt và lâu dài của Mỹ là hoàn chỉnh vùng nguy quyền Sài Gòn kiểm soát, xóa bỏ thế da báo, cải biến thế bị uy hiếp, từng bước làm suy yếu đối phương, làm thay đổi cục diện trên chiến trường miền Nam, tiến tới thôn tính những vùng đất đã mất. Lực lượng không quân và hải quân Mỹ, tuy rút khỏi miền Nam, nhưng vẫn tiếp tục hoạt động từ Thái Lan và ở ngoài khơi Việt Nam làm chỗ dựa tinh thần cho quân đội Sài Gòn và làm lực lượng để răn đe ta.

Kế hoạch chiến tranh mới của Mỹ - nguy dựa trên hai gọng kìm là lấn chiếm và bình định. Chương trình bình định trong giai đoạn mới được đưa lên vị trí trung tâm của chiến lược mới.

Để chủ động đối phó với âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ, ngày 28-01-1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ ra Lời kêu gọi về Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, khẳng định cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta đã giành được thắng lợi vẻ vang. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ âm mưu phá hoại hòa bình, ngăn trở con đường độc lập, tự do của Nhân dân ta. Trung ương đề ra nhiệm vụ trong giai đoạn mới là tăng cường đoàn kết, đề cao cảnh giác, củng cố những thắng lợi đã giành được, hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình, thống nhất nước nhà.

Tháng 01-1973, địch tập trung quân cơ động mở nhiều cuộc càn quét sâu vào vùng giải phóng nhằm đánh phá hành lang, bàn đạp, hậu phương của ta và nóng ra chốt một số điểm ở vùng giải phóng như Dốc Phú, cầu Ngọc Trì (xã Bình Chương, Bình Sơn), núi Đình Cương (Nghĩa Hành). Đến gần ngày ký kết Hiệp định, chúng ráo riết chuẩn bị thực hiện âm mưu tràn ngập

lãnh thổ, bố trí lực lượng, tập dượt đồ quân và cấm cờ lẩn chiếm khi có giải pháp chính trị. Chúng ra sức phòng thủ vùng kiểm soát, kiểm soát chặt chẽ các ngã đường, cấm dân ra vùng giải phóng, lục soát, bắt bớ và khủng bố truy tróc cơ sở cách mạng, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, hoạt động gián điệp.

Ngay khi Hiệp định Pari được ký kết, lệnh ngừng bắn được ban hành, địch dùng phi pháo, xe tăng và bộ binh đánh vào những vùng ta vừa chiếm lĩnh, như Thế Long, Thế Lợi (xã Tịnh Phong, Sơn Tịnh), nam Đức Phổ, Thạch Trụ, Trà Câu, giết hại một số người dân. Chúng sử dụng trực thăng và pháo bắn phá bừa bãi, đưa quân đóng chốt, nòng lùn quấy phá vùng giải phóng, nhất là tây Sơn Tịnh.

Từ ngày 27-01 đến cuối tháng 3-1973, địch đánh vào Mộ Đức, các xã ven biển thuộc đông Bình Sơn, Sơn Tịnh.

Ở Đức Phổ, chúng mở các cuộc càn quét quy mô cấp sư đoàn, có pháo binh, xe cơ giới yểm trợ đánh phá ác liệt vùng giải phóng. Ngày 02-02-1973, địch sử dụng lực lượng lớn, có yểm trợ của xe tăng, pháo, máy bay và cả pháo hạm càn quét, lấn chiếm vùng giải phóng, chiếm lại cửa Sa Huỳnh, cấm lại 56 chốt, khai thông quốc lộ 1. Chỉ trong vòng một tháng rưỡi, hàng trăm quả bom ném xuống vùng giải phóng, làm chết hơn 300 người, san bằng hơn 4.000 ngôi nhà, địch bắn giết, cướp bóc nhiều gia súc, gia cầm... Đồng bào các xã phía nam huyện, nhất là Phổ Thạnh, Phổ Khánh phải chạy đi các nơi, trong đó hơn 5.000 người chạy vào huyện Hoài Nhơn (Bình Định). Ngay sau đợt lấn chiếm này, Nguyễn Văn Thiệu đích thân đến Sa Huỳnh động viên, khích lệ sĩ quan và binh lính địch.

Tháng 4-1973, địch tiếp tục đánh phá, bình định, củng cố các vùng mới lấn chiếm nhằm giành quyền kiểm soát vùng

ven biển. Mặt khác, chúng tiếp tục đánh phá, lấn chiếm ra các vùng giải phóng, thực hiện âm mưu bình định, xua dân chạy dạt vào vùng chúng kiểm soát. Chúng cũng tiến hành một số cuộc hành quân quy mô cấp trung đoàn đánh phá các xã tây Nghĩa Hành, chốt thêm một số điểm và nối lại trục đường Nghĩa Hành đi Minh Long.

Tháng 8-1973, địch chuyển lên đánh phá phía tây các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ, các cửa khẩu và trục hành lang giáp ranh giữa đồng bằng và miền núi với ý đồ lập các chốt phòng ngự, bao vây, chia cắt thể liên hoàn giữa đồng bằng và miền núi, đánh chiếm, lấn dần vào căn cứ miền núi. Thủ đoạn đánh phá của địch rất tàn bạo, thâm độc, tập trung hủy diệt từng vùng bằng phi pháo; bộ binh càn quét, đốt nhà cửa, lấp giếng nước, cướp trâu bò, phá cây trồng... Trong nhiều đợt càn, chúng cho một bộ phận lính ác ôn đi bắn giết, hãm hiếp phụ nữ. Đối với đồng bào trụ bám trục diện đấu tranh thì chúng đánh đập tàn nhẫn.

Cùng với đánh phá bằng quân sự, địch đẩy mạnh hoạt động do thám, gián điệp, biệt kích, chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng. Chúng bố trí điệp viên về hoạt động ở các cửa khẩu, ở những nơi buôn bán, nhiều người đi lại như An Điền (Bình Sơn), chợ Phước Lộc, cây số 17 (Sơn Tịnh), đường số 5A từ Thạch Trụ (Mộ Đức) đi Ba Tư..., mua chuộc một số người thường xuyên đi lại giữa hai vùng để khai thác tình hình vùng giải phóng. Chúng còn tổ chức một số tay sai, dò la tin tức vùng giải phóng. Ở các vùng gần chốt chiếm đóng, địch thường hoạt động tình báo vũ trang, tung bọn thám báo, biệt kích đi tập kích. Có nơi chúng mua chuộc, cài cây bọ tề ấp cũ, lính ngụy trá hàng về vùng giải phóng; lấy cấp súng của bộ đội, bắn người rồi tẩu thoát ở Tư Nghĩa. Chúng còn bỏ thuốc độc vào bánh kẹo,

vào thuốc hút cho thương nhân lên vùng giải phóng bán để ám hại cán bộ, bộ đội ta...

Ở những vùng địch kiểm soát, chúng tổ chức xuyên tạc Hiệp định Pari, tuyên truyền thắng lợi giả tạo của chúng, vu cáo ta vi phạm Hiệp định, kêu gào chiến tranh, kích động hận thù dân tộc, xuyên tạc việc thực hiện đường lối hòa bình, hòa hợp dân tộc, xuyên tạc chính sách đối với binh lính, công chức, sĩ quan ngụy quyền Sài Gòn. Mặt khác, địch ra sức đôn quân, bắt lính, bắt buộc người già, phụ nữ, trẻ em phải tham gia phòng vệ dân sự, bắt học sinh phải luyện tập quân sự.

Đối với vùng giải phóng, địch thực hiện bao vây kinh tế, tăng cường càn quét, lấn chiếm. Đi đến đâu chúng cướp bóc lúa gạo, tài sản của nhân dân đến đó, phá hoại hoa màu, phá đập, phá bờ xe nước, giết hại trâu bò. Chúng tổ chức từng trung đoàn mở các cuộc càn quét, bắt dân đánh đập, khai thác, cho bọn chỉ điểm đi lùng sục tìm kiếm để cướp phá các kho lương thực, thực hiện thủ đoạn chúng thường rêu rao "đánh vào dạ dày của cộng sản".

Về phía ta, từ cuối năm 1972, thực hiện chủ trương cầm cờ, giành đất, mở rộng vùng giải phóng trước khi Hiệp định Pari được ký kết, các đơn vị vũ trang, lãnh đạo các huyện, thị xã xây dựng kế hoạch cụ thể chiếm lĩnh những mục tiêu quan trọng, giữ vững vùng giải phóng, triển khai kịp thời lực lượng, đánh bại nhiều đơn vị địch, bức rút, tiêu diệt, bức hàng hàng chực chốt điểm. Vùng giải phóng được mở rộng gồm toàn bộ khu nam Đức Phổ, khu vực Trà Câu (xã Phổ Văn, Đức Phổ), Thạch Trụ (xã Đức Lân, Mộ Đức), Núi Vỡ (xã Bình Hiệp, Bình Sơn), Thế Long, Thế Lợi (xã Tịnh Phong, Sơn Tịnh), giải phóng phần lớn khu vực Ba Làng An... Phong trào đấu tranh ở thị xã, thị trấn có bước phát triển mới. Quần chúng phấn khởi, tin tưởng cách mạng, bất chấp sự kiểm soát của địch, nhiều người cầm cờ, rải truyền đơn ngay trong thị xã, thị trấn.

Tuy nhiên, sau ngày Hiệp định Pari được ký kết, tư tưởng chủ quan trong một số cán bộ, chiến sĩ xuất hiện, dẫn đến việc muốn nghỉ xả hơi, thiếu cảnh giác, để địch tái chiếm một số vùng.

Tháng 3-1973, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị quán triệt chủ trương của Khu ủy. Hội nghị xác định: Địch đang lâm vào tình trạng tan rã, suy sụp nên khả năng của chúng có hạn, nhưng ta cần phải đề cao cảnh giác. Tỉnh ủy cũng nêu ra những thiếu sót, hạn chế, như công tác chống lấn chiếm ở một số nơi chưa chuyển biến kịp với tình hình mới, phương thức chống lấn chiếm chưa thật tốt...; trong tác chiến còn nặng lối đánh tía, đánh tiêu hao, địch nông ra nhưng ta chưa có những đòn đánh đau, diệt gọn, mà chủ yếu là chống đỡ, có nơi còn để cho lực lượng của ta bị tiêu hao; vai trò của mũi chính trị, binh vận trong chống lấn chiếm chưa được phát huy tốt.

Tỉnh ủy đề ra chủ trương và nhấn mạnh ba vấn đề chủ yếu:

*Một là*, phải nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên thấy rõ đặc điểm của tình hình ta và địch đang ở trong tình thế cài răng lược; phải thấy rằng địch lấn chiếm, ta chống lấn chiếm sẽ diễn ra lâu dài, chỉ khi nào bọn ngoan cố, hiếu chiến bị đánh đổ mới thôi. Nhưng sức địch có hạn, lại đầy mâu thuẫn nên địch không thể gây căng thẳng mãi được mà chúng sẽ bị đẩy lùi từng bước. Nếu ta đánh giá đúng địch, quán triệt phương hướng, nhiệm vụ và vận dụng đúng đắn phương châm, phương pháp, kiên trì trụ bám, quyết tâm giành, giữ quyền làm chủ của nhân dân, thì nhất định ta sẽ đánh bại được âm mưu lấn chiếm của địch.

*Hai là*, phải quán triệt vấn đề chống lấn chiếm, giữ nông thôn, giành nông thôn là vấn đề của quần chúng. Do đó,

phải phát động quần chúng đứng lên chống địch bằng "hai chân, ba mũi" giáp công.

*Ba là*, phải có kế hoạch chống lấn chiếm trên từng vùng miền núi, nông thôn, đồng bằng, ở các vùng địch mới lấn chiếm<sup>1</sup>.

Tỉnh ủy nêu ra sáu giải pháp cần thực hiện, đó là:

1) Về đấu tranh thi hành Hiệp định, cần chú trọng tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung và ý nghĩa thắng lợi, làm cho mọi người nhận thức sâu sắc, nắm vững những nội dung cơ bản của Hiệp định để đập tan luận điệu xuyên tạc của địch. Phát động dư luận đấu tranh chống địch vi phạm Hiệp định, đòi đối phương trả nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt, chống địch hành hạ, đánh đập, thủ tiêu những người bị chúng bắt giữ. Phát động phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ ở thành thị và vùng nông thôn do địch kiểm soát. Chuẩn bị lực lượng thứ ba vào hội đồng hòa giải và hòa hợp dân tộc, kiện toàn bộ máy đấu tranh thi hành Hiệp định.

2) Lực lượng vũ trang, du kích, cán bộ, đảng viên kiên quyết bám giữ các địa bàn đang hoạt động. Khẩn trương củng cố, bổ sung lực lượng tại chỗ, phát động tư tưởng đề cao cảnh giác, sẵn sàng đánh trả địch bất cứ lúc nào nếu chúng vi phạm, lấn chiếm vùng giải phóng. Cán bộ, chiến sĩ dù ở cương vị nào cũng phải làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức và lãnh đạo quần chúng xây dựng du kích, giúp đỡ quần chúng trở về quê cũ, tích cực kéo dân về vùng ta, tranh thủ lòng dân ở vùng địch còn kiểm soát hoặc hai bên còn đang tranh chấp.

3) Phát động một cao trào tiến công binh vận vào hàng ngũ địch, sử dụng nhiều khẩu hiệu hòa bình, hòa hợp dân tộc, không đi lính, trở về nhà... Phát động phong trào lực lượng vũ trang,

---

1. Dẫn theo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, *Sđd*, tr. 403-404.

du kích làm binh vận, động viên quần chúng cả vùng địch xấp vào binh lính địch để vận động. Tranh thủ nắm gia đình binh sĩ, giáo dục họ vận động chồng con, người thân trở về nhà để được hưởng hòa bình, hạnh phúc.

4) Đẩy mạnh hơn nữa phong trào vận động quần chúng ở các khu đồn, vùng địch kiểm soát đi lại làm ăn, buôn bán ở vùng giải phóng. Lãnh đạo quần chúng dựa vào Hiệp định đã công nhận quyền tự do đi lại, cư trú làm ăn để đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn ngăn chặn của địch. Khẩn trương xây dựng nòng cốt ở cơ sở, tổ chức quần chúng đấu tranh đến Ủy ban quốc tế hoặc Ban liên hiệp quân sự, buộc địch phải thi hành quyền tự do đi lại, cư trú, làm ăn...

5) Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị ở thị xã, thị trấn lên một bước mới, cần nghiên cứu nhiều hình thức để phát huy khí thế quần chúng lên thành một phong trào đấu tranh chính trị tiến công địch thật rộng rãi cả ở nông thôn lẫn thành thị. Hình thành phong trào các tầng lớp nhân dân mừng hòa bình lập lại, hoan nghênh Hiệp định, đòi giữ gìn hòa bình, hòa hợp dân tộc, chống lại mọi luận điệu và hành động gây chiến của địch.

6) Đối với vùng giải phóng, tiếp tục động viên chính trị, phát động quần chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền về thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta, tạo khí thế cách mạng ngày càng cao trong cán bộ, chiến sĩ, nhân dân. Đẩy mạnh các mặt hoạt động, như động viên thanh niên tòng quân, tham gia du kích, xây dựng làng chiến đấu, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu phản động lấn chiếm, vi phạm Hiệp định của địch. Đẩy mạnh phong trào sản xuất, khai hoang vỡ hóa, phát động phong trào làm đường, trồng cây, xây dựng lại quê hương... Ở miền núi, phát động phong trào làm nhà xuống vùng thấp, đẩy mạnh khai hoang, vỡ hóa lấy đất sản xuất, vận động nhân dân tham gia làm đường, đi dân công, tích cực xây dựng du kích, củng cố các đoàn thể quần chúng,



bố phòng, canh gác, chống biệt kích, giữ vững an ninh trật tự. Huy động du kích và quần chúng hỗ trợ cho các xã bạn tiếp tục tiến công bằng chính trị và binh vận, mở rộng vùng giải phóng<sup>1</sup>.

Để thực hiện những nhiệm vụ và biện pháp trên, Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy phải tăng cường chỉ đạo công tác tuyên truyền, yêu cầu từng huyện có kế hoạch cụ thể, sâu sát, theo dõi chặt tình hình tiếp tục các phong trào đấu tranh cách mạng, nỗ lực vượt bậc, khẩn trương cao độ, chống tư tưởng dừng lại, nghỉ ngơi. Đối với cán bộ, bộ đội, du kích, đội công tác phải tiến ra phía trước, tiếp tục trụ bám, luồn sâu vào các tầng lớp quần chúng vùng địch kiểm soát để lãnh đạo đấu tranh.

Tinh thần các nghị quyết và nhiệm vụ cụ thể của Tỉnh ủy đề ra được phổ biến sâu rộng, kịp thời nên tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng dần dần ổn định, chuyển biến tốt hơn. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các ban, ngành trong tỉnh, các lực lượng vũ trang tập trung củng cố tổ chức của các ban đấu tranh thi hành Hiệp định. Ở cấp tỉnh, huyện đều thành lập ban đấu tranh thi hành Hiệp định do một đồng chí ủy viên ban thường vụ phụ trách. Ở cấp xã, đồng chí phó bí thư chuyên trách công tác tuyên truyền Hiệp định. Các ban ngành, lực lượng vũ trang phối hợp đồng bộ với nhau trong mọi hoạt động để giúp cấp ủy thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra. Ban đấu tranh thi hành Hiệp định của tỉnh gồm 8 thành viên, do đồng chí Nguyễn Chức - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban; đồng chí Lê Thành Tâm - Chánh Văn phòng Tỉnh ủy làm Phó ban; các đồng chí ở các ban: Binh vận - Đấu tranh chính trị, Tuyên huấn, Tỉnh đội, An ninh tỉnh làm thành viên và 3 đồng chí trong bộ phận giúp việc.

---

1. Dẫn theo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, *Sđd*, tr. 404-406.

Việc học tập ý nghĩa thắng lợi, các nội dung cơ bản của Hiệp định, những chủ trương, nhiệm vụ do Tỉnh ủy đề ra trong cán bộ, chiến sĩ, đảng viên được tổ chức tốt. Nhân dân được tuyên truyền, giải thích nội dung Hiệp định qua các cuộc họp thôn, xóm, xã và sinh hoạt các đoàn thể. Ở vùng địch kiểm soát, các đội công tác tổ chức nhiều đợt tuyên truyền bằng loa, tán phát vào thị trấn, thị xã tài liệu tuyên truyền Hiệp định. Đến ngày lễ, Tết, ở nhiều nơi binh lính, sĩ quan ngụy ra vùng giải phóng ăn Tết cùng nhân dân, thực hiện hòa bình, hòa giải, hòa hợp dân tộc, qua đó tuyên truyền các chủ trương của cách mạng, nắm tư tưởng binh lính, sĩ quan địch...

Đồng thời, lực lượng vũ trang thường xuyên đề cao cảnh giác, trừng trị địch lấn chiếm vùng giải phóng. Ở Đức Nhuận (Mộ Đức), ta diệt nhiều lính bảo an, bắn cháy một số xe tăng. Ở Bình Hòa, Bình Phú (Bình Sơn), quân và dân ta đánh lui nhiều đợt địch lấn chiếm...

Ngày 25-7-1973, Tiểu đoàn 48 của tỉnh và một phân đội hỏa lực tiến công tiêu diệt gọn lực lượng địch lấn chiếm vùng giải phóng ở tây bắc Núi Tròn (xã Tịnh Sơn, Sơn Tịnh). Đêm 24 rạng ngày 25-7, Tiểu đoàn 48 cùng với Đại đội 372 Sơn Tịnh, được hỏa lực chi viện, đánh bại Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 5 ngụy chỉ sau vài giờ chiến đấu.

Tại các huyện Ba Tơ, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa... quân và dân ta hiệp đồng đánh bại nhiều đợt lấn chiếm của địch, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng.

Đi đôi với tác chiến, cán bộ, chiến sĩ tranh thủ thời gian chỉnh huấn, học tập quân sự, chính trị, huấn luyện kỹ chiến thuật, nâng cao một bước trình độ tác chiến và tổ chức chỉ huy. Các đơn vị lực lượng vũ trang tập trung tỉnh, huyện được củng cố, cải tiến trang bị chiến đấu.

Vừa đấu tranh vũ trang, ta vừa lãnh đạo quần chúng dựa vào tính pháp lý của Hiệp định Pari để đấu tranh, vạch trần, tố cáo những hành động sai trái của địch. Ở Sa Huỳnh, nhân dân ứng đối trực tiếp với Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, tố cáo nguy quyền vi phạm Hiệp định. Tại Phở Phong, cán bộ và nhân dân nêu những bằng chứng cụ thể tố cáo những vi phạm Hiệp định của chính quyền Sài Gòn trước Tổ công tác của Ban Liên hợp và Ủy ban quốc tế làm nhiệm vụ giám sát việc thi hành Hiệp định Pari. Tổ công tác của Ban Liên hợp quân sự bốn bên, Ủy ban quốc tế và đại diện Mỹ xác nhận những vi phạm của chính quyền Sài Gòn, buộc đại diện của chúng phải thừa nhận. Phong trào đòi tự do đi lại buôn bán, sản xuất giữa hai vùng diễn ra thường xuyên và thu được thắng lợi. Trong đấu tranh, ta tranh thủ phân hóa, cô lập bọn hiếu chiến ngoan cố, tập hợp được đông người tham gia. Có những cuộc đấu tranh tập hợp được hàng nghìn quần chúng. Tính chung trong 6 tháng đầu năm 1973, ta trung lập được 58 đồn bót địch, vận động rã ngũ lẻ tẻ 626 tên, rã ngũ tập thể 2 trung đội.

Ngày 27-8-1973, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ IX được khai mạc tại tây Đá Sơn (xã Nghĩa Lâm, Tư Nghĩa)<sup>1</sup>. Tham dự Đại hội có 111 đại biểu thay mặt cho 8.461 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội tập trung đánh giá tình hình, âm mưu của địch, thắng lợi của ta qua các chiến dịch năm 1972 và sau Hiệp định Pari; quán triệt Nghị quyết Trung ương 21, Chỉ thị của Ban Thường vụ Khu ủy V (tháng 7-1973). Đại hội đã chỉ ra một số tồn tại, thiếu sót, như: trong hoạt động vũ trang chưa đạt hết hiệu suất phải giành được, hoạt động vũ trang ở thị trấn, thị xã còn thấp, chưa có hỗ trợ tốt cho nông thôn, các đơn vị tác chiến của tỉnh, huyện chưa mạnh đều; việc giành giữ dân

---

1. Nay là xã Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa.

còn thấp so với yêu cầu, dân vùng ta quản lý còn ít so với tổng số dân toàn tỉnh, địch còn kiểm soát được những vùng đông dân, nhiều tài sản, nên chúng còn có điều kiện vơ vét, bóc lột sức người, sức của, để tiếp tục đánh phá ta. Phong trào bám trụ, trực diện đấu tranh của quần chúng có lúc, có nơi chưa thật vững, chưa thật quyết liệt, vận dụng ba mũi giáp công chưa thật tốt để dân còn chạy dạt hoặc bị dồn, tạt vào khu tập trung,...

Về nhiệm vụ sắp tới, Đại hội nhấn mạnh: "Tăng cường đoàn kết, phát huy truyền thống và thắng lợi vừa qua, đẩy lên cao trào đấu tranh chính trị, binh vận kết hợp vũ trang, kiên quyết đánh bại âm mưu và hành động lấn chiếm, bình định của địch, giữ vững vùng ta, buộc địch phải thi hành Hiệp định, đánh bại từng bước chính sách phátxít, phản động và làm suy yếu lực lượng địch, ra sức giữ dân, giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển phong trào và thực lực cách mạng ở vùng địch; khẩn trương xây dựng vùng ta về mọi mặt, ổn định chính trị, cải thiện đời sống nhân dân về vật chất và tinh thần; đẩy mạnh sản xuất, giao thông, vận tải, xây dựng lực lượng quân sự, chính trị, kinh tế để có đủ sức đánh bại âm mưu phá hoại Hiệp định của địch, đồng thời sẵn sàng đánh thắng địch gây chiến tranh trở lại"<sup>1</sup>.

Về nhiệm vụ xây dựng Đảng, Nghị quyết Đại hội nêu rõ: trước mắt "Phải chuyển hướng sự lãnh đạo của Đảng bộ về công tác tư tưởng, nhằm đánh giá rõ ràng thắng lợi, quán triệt tình hình và nhiệm vụ mới, tập trung sức chuyển công tác tổ chức cho kịp thời với tình hình mới, coi trọng công tác cán bộ, kiện toàn cấp ủy, tăng cường công tác kiểm tra đảng, giáo dục cán bộ, đảng viên, giữ gìn kỷ luật nghiêm minh trong Đảng"<sup>2</sup>.

---

1, 2. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ IX của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, tháng 8-1973.

Phương châm chỉ đạo là: Kiên trì đấu tranh, đề cao tinh thần tự lực cánh sinh, nỗ lực giành thắng lợi từng bước đi đến thắng lợi hoàn toàn, nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, quán triệt nhiệm vụ trên các mặt đấu tranh với địch và xây dựng thực lực trong vùng địch cũng như vùng ta. Chỉ đạo phải coi trọng kết hợp giữa vùng địch và vùng ta, giữa nông thôn và thành thị, tiến công và xây dựng, xây dựng vùng ta và phát triển phong trào vùng địch, tạo điều kiện giữa hai vùng có tác động và thúc đẩy lẫn nhau. Đứng vững trên lập trường nguyên tắc cách mạng, vận dụng thật mềm dẻo, khéo léo sách lược, chính sách của Đảng phù hợp với thực tiễn có lợi nhất, chỉ đạo phải toàn diện về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, chú trọng đúng mức cả ba vùng chiến lược.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ mới gồm 31 ủy viên (trong đó có 4 ủy viên dự khuyết), Ban Thường vụ có 8 đồng chí<sup>1</sup>. Đồng chí Lê Tấn Tỏa (Võ Hanh) được bầu làm

Bí thư Tỉnh ủy. Các đồng chí Nguyễn Chúc, Đoàn Nhật Nam, Nguyễn Nhâm được bầu làm Phó Bí thư. Đồng chí Đoàn Nhật Nam được phân công làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh.

Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh được phát động học tập rộng rãi trong toàn Đảng bộ và nhân dân, tạo sự nhất trí cao và đoàn kết, thống nhất. Các đơn vị vũ trang của tỉnh và các huyện tập trung đánh địch ở khu vực Đức Hiệp (Mộ Đức), diệt chốt điểm Mồ Côi, ga Lâm Điền, bảo vệ được vùng giải phóng Hành Thịnh, Hành Thiện, Hành Tín (Nghĩa Hành), mở thông đường hành lang Nghĩa Hành đi Mộ Đức. Ở phía bắc, lực lượng vũ trang và bán vũ trang tỉnh, huyện tiến công Tiểu đoàn 3,

---

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm các đồng chí: Lê Tấn Tỏa, Nguyễn Chúc, Nguyễn Nghĩa, Đoàn Nhật Nam, Võ Trọng Nguyễn, Lê Đà (Hồng), Đinh Thọ (Khang), Trương Ngọc Hồ (Thanh Hải).

Trung đoàn 6 ngụy ở Tịnh Minh, bao vây tiêu diệt Tiểu đoàn 68 biệt động quân tại Đồng Ké, Tịnh Giang, thu hồi vùng giải phóng xã Tịnh Giang, Tịnh Đông, Tịnh Minh, nối liền một mảng liên hoàn phía tây của tỉnh từ Tịnh Hà (Sơn Tịnh) lên quận lỵ Sơn Hà. Vùng phía tây Sơn Tịnh do ta làm chủ hoàn toàn.

Đêm 22-10-1973, ta tập kích thu hồi chốt Bình An, Nghĩa Điền (Tur Nghĩa). Ngày 24-10-1973, lực lượng vũ trang Mộ Đức đánh chốt Núi Đất, Đức Lân diệt một trung đội, thu 4 súng. Đại đội Z.71, Đông Sơn diệt trung đội bảo an đóng ở đồi Ông Rơi, xã Bình Châu, diệt 20 tên, thu 3 súng. Lực lượng vũ trang huyện Sơn Tịnh phối hợp với Tiểu đoàn 107 tiến công tiêu diệt Tiểu đoàn 60 biệt động nông lán trái phép khu vực Hà Trung (Tịnh Hà). Đại đội 95 Bình Sơn tập kích ban chỉ huy và đại đội trinh sát địch chiếm đóng ấp Phú Lễ (Bình Trung) diệt 1 trung đội. Lực lượng vũ trang Đức Phổ tấn công 2 tiểu đoàn của Trung đoàn 4 ngụy lán chiếm xã Phở Vinh, diệt và làm bị thương 70 tên<sup>1</sup>.

Quân và dân ta kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị mạnh hơn nên đã đẩy địch phải lùi về trạng thái co cụm. Ở các chốt còn lại, binh lính dao động, lo sợ ta đánh nên tập trung đào công sự, củng cố thể phòng ngự, ít dám càn ra các vùng xung quanh.

Tính chung trong năm 1973, ta tiêu diệt 23 chốt điểm, bao vây bức rút 16 chốt, đánh sập nhiều cầu cống trên quốc lộ 1. Đồng bào ở các thôn, xã dù bị địch đánh phá ác liệt, dai dẳng vẫn kiên trì trụ bám, hỗ trợ du kích, bộ đội bao vây, cô lập các chốt điểm và đấu tranh đòi ra đồng sản xuất. Số dân bị địch đánh dạt từ trước nay lần lượt trở về trụ bám ở các xã phía nam

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 414-415.

và đông Đức Phổ, huyện Đông Sơn, các xã phía tây Mộ Đức, tây Sơn Tịnh... Một số dân bị địch gom xúc vào các khu dồn đấu tranh không cho địch lập bộ máy kìm kẹp và tìm mọi cách trở về làng cũ. Điển hình trong các khu dồn Trường An (xã Tịnh Khê, Sơn Tịnh), An Chuẩn (xã Đức Lợi, Mộ Đức), Quán Qua (Nghĩa Hành) hầu hết nhân dân trở về làng cũ.

Ở vùng giải phóng cũ, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo công tác trọng tâm là phát triển sản xuất, giải quyết đời sống cho nhân dân bằng các biện pháp chủ yếu như khai hoang vỡ hóa, giải quyết sức kéo, làm thủy lợi, sử dụng giống lúa mới. Mặc dù có nhiều khó khăn do thiên tai, địch họa, nhưng nạn đói cơm, lạt muối của đồng bào miền núi kéo dài nhiều năm, nhất là ở Ba Tơ đã được khắc phục. Cán bộ tỉnh, huyện về từng xã, thôn tổ chức cứu đói và thúc đẩy sản xuất.

Các cấp ủy cũng chú trọng lãnh đạo nhân dân làm đường giao thông, xây dựng hệ thống giao thông từ căn cứ xuống đồng bằng, nhất là tập trung xây dựng tuyến đường ô tô, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế và hoạt động quân sự lâu dài. Ngày 19-5-1973, tuyến đường từ Bắc vào Nam trên địa bàn Quảng Ngãi được khai thông. Đây là một thắng lợi lịch sử, có vai trò quan trọng về quân sự, kinh tế, chính trị, xã hội đối với công tác xây dựng vùng căn cứ.

Việc duy trì và phát triển giao lưu kinh tế giữa các vùng, nhất là việc trao đổi, buôn bán ở vùng địch sang vùng ta mang lại số lượng hàng rất lớn để phục vụ cho đời sống nhân dân cũng như cung cấp cho nhu cầu của cuộc kháng chiến.

Công tác giáo dục, y tế phát triển khá. Toàn tỉnh có 431 lớp học với 11.654 học sinh. Riêng huyện Sơn Tịnh có hơn 3.000 học sinh, trong đó có 1 lớp cấp II với 40 học sinh. Lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa tập trung được mở rộng. Ngành y tế phát

động phong trào ăn, ở hợp vệ sinh; phòng, chống dịch bệnh cho đồng bào vùng căn cứ kháng chiến<sup>1</sup>.

Trong các ngày lễ, ngày tết, cán bộ, nhân dân ở vùng giải phóng sôi nổi tham gia công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ. Các huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Đức Phổ, Sơn Hà, Ba Tơ, Sông Rhe tiến hành thí điểm xây dựng nghĩa trang liệt sĩ ở một số xã. Huyện Mộ Đức chọn xã Đức Minh làm thí điểm thực hiện chính sách thương binh, liệt sĩ để rút kinh nghiệm triển khai trong huyện.

Chính quyền cách mạng các cấp được củng cố, cán bộ được tăng cường, lề lối làm việc được cải tiến. Mối quan hệ giữa chính quyền các cấp với các ban, ngành ngày càng chặt chẽ. Tỉnh ủy phân công cán bộ Đảng lãnh đạo chính quyền, điều động cán bộ khỏi đảng bổ sung vào Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh, đồng thời hướng dẫn 8 huyện tiến hành bầu đại biểu hội đồng nhân dân.

Về công tác an ninh, Tỉnh ủy chỉ đạo phát động quần chúng thực hiện phòng gian, bảo mật, hướng dẫn xây dựng quy ước nông thôn ở 20 xã. Các địa phương xây dựng nội quy, kế hoạch bảo vệ cơ quan, bảo vệ căn cứ và tổ chức kiểm tra việc quản lý vũ khí và chất nổ. Ở các hành lang, cửa khẩu và những nơi xung yếu, lập các trạm kiểm soát công khai, nhằm hạn chế những đối tượng xấu thâm nhập vào vùng giải phóng.

Công tác bảo vệ Đảng được chú trọng, các cấp ủy thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật. Việc kết nạp đảng viên mới, đào tạo, đề bạt cán bộ, kiện toàn các cấp ủy bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất

---

1. Dẫn theo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 417.



trong Đảng bộ. Đến cuối năm 1973, toàn tỉnh tăng thêm 27 chi bộ, so với năm 1972. Các huyện miền núi thành lập thêm 4 xã ủy (Minh Long: 1, Trà Bồng: 3). Riêng trong quý IV năm 1973, Huyện ủy Mộ Đức thành lập thêm 7 chi bộ hợp pháp, trong đó có 1 chi bộ thị trấn. Ở miền núi, hầu hết các xã đều có chi bộ. Chất lượng hoạt động của chi bộ từng bước được nâng lên, đảm bảo vai trò lãnh đạo, hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

## **2. Cùng cả nước đánh thắng đế quốc Mỹ, giải phóng Quảng Ngãi, giải phóng miền Nam**

Từ đầu năm 1974, trên chiến trường Quảng Ngãi địch tập trung 33.060 quân, gồm hai trung đoàn của Sư đoàn 2, hai liên đoàn biệt động, 13 tiểu đoàn và đại đội bảo an, 282 trung đội dân vệ, 22 liên đoàn phòng vệ dân sự có vũ trang, 5 đại đội biệt kích, 45 phân chi cảnh sát, 42 đoàn "bình định", 80 xe tăng, 2 phi đội máy bay, 27 khẩu pháo và nhiều quân trang, quân dụng khác<sup>1</sup>. Chúng mở nhiều cuộc hành quân càn quét lớn nhỏ, tập trung đánh phá vào vùng giải phóng ở tây Sơn Tịnh, đông Bình Sơn, tây Tư Nghĩa, đông bắc và tây nam Mộ Đức, Đức Phổ nhằm triệt phá, hủy diệt môi trường sống, thực hiện âm mưu xúc tạt dân vào vùng chúng kiểm soát, đánh bật cơ sở của cách mạng, phá hoại và bao vây kinh tế. Thủ đoạn càn quét, đánh phá của địch không ồ ạt nhưng dai dẳng, kết hợp với phi pháo tạo nên sự ác liệt ở từng vùng. Chúng kết hợp các loại quân, giữa quân bên ngoài và tề điệp bên trong, kết hợp giữa biệt kích với chỉ điểm, quân từ xa đến tập kích bất ngờ, gây tổn thất ở nhiều địa phương.

---

1. Dẫn theo Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, *Sđd*, tr. 419.

Trong vùng mới lần chiếm, địch tiến hành củng cố các chốt điểm phòng ngự, tiến hành phát quang, gom xúc dân, lập ấp, lập khu đồn, nơi nào không gom xúc được thì dồn dân vào tuyến quốc lộ 1. Chúng tổ chức hội làng, thanh lọc quần chúng, đưa bọn ác ôn về cơ sở để khống chế, bình định dân. Trong vùng kiểm soát, địch ra sức bắt đồng bào đi di dân, bắt thanh niên vào lính và truy tróc cơ sở của ta, thực hiện bình định, tổ cộng. Khu vực trọng điểm lần chiếm bình định của địch từ đầu năm 1974, gồm đông Mộ Đức, đông bắc Đức Phổ (bình định tại chỗ) và tây Sơn Tịnh, tây Tư Nghĩa (trọng điểm lần chiếm).

Địch dùng bộ binh yểm trợ cho công binh làm một số trục đường ngang nối quốc lộ 1 với các đồn bót quan trọng và những vùng lần chiếm. Chúng tung biệt kích, thám báo từng tốp nhỏ cài trang thành bộ đội, cán bộ đi sâu vào một số vùng giải phóng nắm tình hình, khi có điều kiện thì ám sát, cướp tài liệu, vũ khí và bắt cóc cán bộ, chiến sĩ. Chúng tăng cường do thám, bắn phá bằng phi pháo vào các nơi đông dân cư, các vị trí đóng quân và các địa bàn quan trọng, gây cho ta khó khăn về vận chuyển, tiếp tế và các hoạt động hằng ngày.

Đối với miền núi, địch dùng máy bay L.19, OV.10 thường xuyên trinh sát theo đường ô tô, bến sông và các khu vực kinh tế của ta, bắn pháo, đạn rốc két, đại liên vào một số nơi. Chúng đẩy mạnh hoạt động biệt kích ở Sơn Hà, Trà Bồng, Giá Vụt, Minh Long, ngăn chặn hành lang, cướp bóc và khống chế quần chúng để giữ thế đứng cho các đồn bót.

Ngoài ra, chúng còn đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, vu khống ta vi phạm Hiệp định, ra sức kiểm soát, ngăn chặn việc mua bán hàng hóa, lương thực, thực phẩm trong vùng chúng kiểm soát, tăng mọi thứ thuế nhằm bần cùng hóa nhân dân lao động.

Địch phá hoại Hiệp định Pari một cách có hệ thống và ngày càng nghiêm trọng, chúng cố sức xóa bỏ hình thái 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát nhằm duy trì chính sách thực dân kiêu mới của Mỹ ở miền Nam.

Tình hình giằng co giữa ta và địch rất quyết liệt và dai dẳng. Quân và dân trong tỉnh từng bước thu hồi các vùng bị lấn chiếm, mở rộng vùng làm chủ, đưa phong trào vùng địch tiến lên một bước mới. Để chủ động tiến công địch, giữ vững vùng giải phóng, Tỉnh ủy xác định một số nhiệm vụ chủ yếu như sau:

*Một là*, phát huy những thành tích, kết quả chống lấn chiếm, bình định, đẩy mạnh hoạt động liên tục bằng ba mũi giáp công đều khắp trên cả ba vùng, đánh phản công giữ cho được vùng giải phóng, không cho địch lấn chiếm thêm, kiên quyết giữ vững, ổn định đời sống của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

*Hai là*, đẩy mạnh "hai chân, ba mũi" giáp công, chuyển lại thế, từng bước khôi phục lại một số nơi địch lấn chiếm.

*Ba là*, đẩy mạnh ba mũi giáp công, giữ vững và nâng thế các vùng đang làm chủ, chuyển một số vùng bị địch kẹp lên thế tranh chấp ở các huyện, nơi có điều kiện và các vùng ven thị xã, thị trấn.

*Bốn là*, phát động quần chúng liên tục diệt ác, phá kìm đưa phong trào vùng địch kiểm soát, trong các ấp, khu đồn, trên tuyến quốc lộ 1 lên một bước, đẩy mạnh phong trào công khai hợp pháp trong thị xã, thị trấn, làm cho hậu phương địch rối loạn.

*Năm là*, đánh phá giao thông địch, đẩy mạnh công tác phá hoại, cắt tiếp tế, khoét sâu thêm chỗ yếu về kinh tế, chính trị của địch, phá tiềm lực vật chất của địch.

*Sáu là*, phát triển thực lực chính trị, quân sự cả về số lượng và chất lượng, xây dựng thêm những bàn đạp, căn cứ lẫm sâu trong vùng địch, tích cực xây dựng, phát triển du kích,

chú ý du kích mật, an ninh mật, nỗ lực phát triển xây dựng thực lực cơ sở trong các ấp, khu dồn.

*Bây là, xây dựng, giữ vững vùng căn cứ, giáp ranh, phát triển mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh, bảo vệ vùng giải phóng, cơ quan, kho tàng, hành lang, đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, chú ý chỉ đạo sản xuất vụ đông - xuân 1973 - 1974, khôi phục các cửa khẩu, thống nhất kế hoạch tổ chức các lực lượng chuyên trách cửa khẩu, giải quyết cho được vấn đề lương thực, bảo đảm vật chất cho nhiệm vụ đến<sup>1</sup>.*

Để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra, Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, chính quyền phải lường trước được mọi âm mưu, thủ đoạn của địch, chỗ mạnh và thế đứng của ta. Trên cơ sở đó, các cấp ủy cần phải soát xét, bổ sung các phương án, kế hoạch và tăng cường cán bộ trực tiếp, xây dựng và củng cố các mặt hoạt động, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng để giành thắng lợi lớn khi có thời cơ.

Thực hiện chủ trương chung của Khu ủy khu V, Tỉnh ủy mở chiến dịch Xuân - Hè năm 1974. Hai khu vực trọng điểm của chiến dịch là bắc Bình Sơn, Sơn Tịnh và đông Mộ Đức, bắc Đức Phổ. Những địa phương còn lại làm nhiệm vụ hỗ trợ, buộc địch phải phân tán lực lượng mọi nơi.

Chiến dịch Xuân - Hè năm 1974 bắt đầu từ 0 giờ ngày 20-4 đến ngày 20-6. Trước khi chiến dịch mở màn, Tỉnh ủy phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên và cán bộ trung, sơ cấp xuống từng huyện, xã, tham gia phát động quần chúng xây dựng thực lực, hướng dẫn cấp dưới lập phương án, kế hoạch, đồng thời kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào.

---

1. Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi mở rộng tháng 11-1973. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Mở đầu chiến dịch, trong 10 ngày đầu (từ ngày 20 đến ngày 30-4), quân và dân trong tỉnh đánh một số trận, diệt gọn địch, ba thứ quân phối hợp chặt chẽ, tiến công cả hậu cứ địch, vùng chúng lấn chiếm, tiêu diệt, tiêu hao một số sinh lực địch, thu và phá hủy một số phương tiện chiến tranh, giành thế chủ động trên chiến trường, cắt đứt một số đoạn đường ngang ở Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, Bình Sơn và trên đoạn quốc lộ 1 từ Phổ Ninh vào đến Phổ Châu (Đức Phổ); đồng thời phối hợp đấu tranh chính trị với binh vận, bao vây bức rút và làm tan rã địch, thu hồi từng bước vùng giải phóng bị địch lấn chiếm ở Nghĩa Hành, Sơn Tịnh, đông Bình Sơn và Đông Sơn, vây ép địch nhiều nơi khác, hỗ trợ nhân dân phá khu đồn, bung dân về làng cũ.

Tại nam Nghĩa Hành, đêm 20 rạng ngày 21-4-1974, bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương đánh dứt điểm Núi Ngang, diệt gọn 1 đại đội bảo an, đánh tan chỉ huy Tiểu đoàn 117 ở cầu Cộng hòa, pháo kích quận lỵ Minh Long và Nghĩa Hành, gây cho địch một số thiệt hại.

Du kích Tịnh Sơn (Sơn Tịnh) vận dụng chiến thuật đặc công diệt một trung đội bảo an, thu hồi chốt Đá Dê. Lần đầu tiên một trung đội du kích xã dũng cảm, tự lực, tự cường, áp dụng chiến thuật bí mật bất ngờ, diệt một trung đội bảo an, làm chủ trận địa.

Phát triển thế tiến công, phát huy thắng lợi ở các địa phương, bước vào cao điểm chiến dịch đầu tháng 6-1974, Tiểu đoàn 48, các đại đội: Trinh sát H14, Công binh H16, Đặc công 21 và đại đội hỏa lực phối hợp tiến công, bức hàng, bức rút địch tại các đồn bót ở Đông Sơn và Đông Bình Sơn. Tại hướng nam, ta đánh dứt điểm các chốt còn lại như: Hòa Vinh, Núi Thụ (xã Phổ Thạnh, Đức Phổ); bố trí trận địa đánh phục kích địch ở

các trục đường giao thông bộ và thủy ở Mộ Đức, Đức Phổ. Tính chung trong chiến dịch, ta tiêu diệt hàng trăm tên địch, san bằng 70 chốt điểm, tạo điều kiện cho quần chúng ở các khu dồn nổi dậy. Vùng giải phóng bị địch lấn chiếm ở tây Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, nam Sông Vệ được thu hồi, bước đầu phá vỡ chiến thuật đóng chốt để làm điểm tựa bình định của địch, chuyển phong trào đấu tranh ở vùng địch kiểm soát lên một bước.

Tiếp tục tiến công địch, từ ngày 17-7-1974 ta mở chiến dịch Thu nhằm tiêu diệt một số cứ điểm, chi khu quân sự, phá vỡ từng mảng hệ thống phòng ngự của địch ở vùng giáp ranh các huyện miền núi còn lại, hỗ trợ đồng bào ở đồng bằng nổi dậy. Trong chiến dịch, nhân dân các huyện phối hợp chặt chẽ với quân chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương nổi dậy, tiến công hơn 50 chốt điểm, áp chiến lược và khu dồn của địch, đánh dứt điểm 10 chốt, bức rút 18 cứ điểm, thu hồi 8 xã vùng giải phóng ở các huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn, Tư Nghĩa, tiêu diệt chốt điểm Hòn Bà, nối liền vùng giải phóng tây bắc Nghĩa Hành, tây Tư Nghĩa với vùng giải phóng Minh Long. Trong chiến dịch, Lữ đoàn bộ binh 52 và Trung đoàn pháo binh 576 phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm của địch từ cầu Cộng Hòa đến Phú Lâm Tây, núi Đình Cương, buộc địch ở 17 chốt điểm phải tháo chạy, giải phóng 3 xã phía tây nam quận lỵ Nghĩa Hành, phá vỡ tuyến phòng ngự dài 7 km, cắt đứt đường giao thông địch từ Nghĩa Hành đi Minh Long, nối liền đường chiến lược từ hậu cứ xuống đồng bằng.

Ngày 16-8-1974, các lực lượng vũ trang giải phóng khu và tỉnh tiến công cụm cứ điểm chi khu quân sự và quận lỵ Minh Long. Sau một ngày đêm bao vây, công kích, sáng ngày 17-8 địch tháo chạy khỏi quận lỵ, huyện Minh Long được giải phóng. Phát huy thế tiến công, ta tiêu diệt cụm cứ điểm và chi khu Giá Vụt, giải phóng hoàn toàn huyện Sông Rhe

ngày 20-9-1974. Vùng giải phóng liên hoàn phía tây nam tỉnh được hình thành vững chắc.

Trong hai tháng cuối năm 1974, địch tập trung quân chủ lực kết hợp với một số tiểu đoàn bảo an tổ chức phản kích, hòng chiếm lại một số khu vực đã mất, trọng điểm là tây nam Nghĩa Hành, đồng thời đánh phá, bình định lại khu vực Mộ Đức và đông bắc Đức Phổ, trọng điểm là Đức Minh, Phổ An, Phổ Quang. Nhìn chung, trên chiến trường Quảng Ngãi, địch chuyển về phòng ngự, địch vừa củng cố, bổ sung quân số, vừa thăm dò để đối phó với sự tiến công của ta. Chúng tiếp tục tung biệt kích, thám báo theo từng tổ nhỏ, cải trang bộ đội đi sâu vào vùng giải phóng.

Ở miền núi, địch củng cố hệ thống phòng thủ 2 quận lỵ còn lại (Sơn Hà, Trà Bồng), xây dựng chi khu thứ 2, đề phòng ta đánh nơi này còn nơi khác (tại Trà Bồng chúng xây dựng căn cứ ở Trà Bình; tại Sơn Hà chúng xây dựng ở Oản Ngang). Riêng tại Sơn Hà chúng rào lại sân bay, các ấp, khu đồn. Bọn sĩ quan tề ngụy cấp trên lần lượt di chuyển tài sản, gia đình về tỉnh lỵ, vì sợ bị ta tiến công.

Ở vùng kiểm soát được, địch thường xuyên tổ chức vây ráp ngày đêm, ráo riết bắt lính, đôn quân. Chúng quy định từ 15 đến 17 tuổi phải vào quân phòng vệ; từ 18 đến 40 tuổi phải đi quân dịch; từ 41 tuổi đi dân vệ và từ 44 đến 50 tuổi phải vào nhân dân tự vệ.

Địch thường xuyên mở các đợt lùng sục, truy quét cơ sở cách mạng, ngăn chặn lực lượng thứ ba phát triển. Chúng bắt quân chúng có quan hệ với cách mạng và nòng cốt trong lực lượng thứ ba học tập định kỳ hằng tuần vào chủ nhật.

Cuối năm 1974, Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục đẩy mạnh tiến công địch bằng ba mũi giáp công, tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực địch, bắt tù binh, thu vũ khí, giữ thế chủ động chiến trường.

Trong hai tháng cuối năm 1974, các lực lượng vũ trang và bán vũ trang của tỉnh đánh 29 trận, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên địch, phá hỏng nhiều phương tiện chiến tranh, đánh sập 4 cầu, 15 cống, đánh dứt điểm 7 chốt: Minh Tân Nam (Đức Minh), Núi Đất (Phổ Minh), ga Lâm Điền (Đức Hiệp), đồi 47, cầu Bà Mẹo, đồi Đất Đỏ (Tịnh Sơn), đồi 48 (Tịnh Hà) và bức rút 20 chốt khác<sup>1</sup>.

Trong quá trình chiến đấu, trình độ chiến thuật của lực lượng vũ trang tỉnh, huyện và du kích ngày càng nâng cao. Hiệu suất chiến đấu của các đơn vị ngày càng tăng, thương vong giảm, quân số được bảo tồn và phát triển. Đi đôi với tiến công tiêu diệt địch, các đơn vị đều tranh thủ củng cố, xây dựng, huấn luyện nhằm nâng cao chất lượng, chuẩn bị bước vào năm 1975 giành thắng lợi to lớn hơn.

Phong trào đấu tranh chính trị và nổi dậy của quần chúng phát triển mạnh. Được các cấp ủy lãnh đạo, giáo dục nên quần chúng ở cả ba vùng phần khởi, tin tưởng, tích cực tham gia các cuộc đấu tranh chính trị. Quần chúng ở vùng giải phóng, đặc biệt là ở những nơi mới được giải phóng ra sức xây dựng, sửa sang lại nhà cửa, hầm hào, xây dựng làng chiến đấu, tham gia phong trào nhân dân du kích chiến tranh, tích cực tham gia tải đạn, chuyên thương, phục vụ chiến đấu với tinh thần tự giác, phần khởi. Việc đóng góp lương thực, thực phẩm ủng hộ cho các tỉnh bạn và cấp trên được thực hiện tốt.

Quần chúng ở các vùng thuộc trọng điểm phản kích, bình định, lấn chiếm của địch, khắc phục khó khăn, gian khổ kiên quyết bám trụ tại chỗ, đấu tranh quyết liệt chống địch cướp phá,

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 426.



xúc tát, gom dân. Quân chúng Đông Sơn, Bình Sơn mặc dù địch dùng hàng trung đoàn đánh phá ồ ạt vẫn trụ bám tại chỗ, tích cực tham gia phục vụ chiến đấu, chuyển thương, tải đạn, ủng hộ gạo, nước, giúp đỡ bộ đội đánh bật các đợt phản kích của chúng.

Quần chúng bị dồn, dạt trong vùng địch liên tục đấu tranh đòi về làng cũ làm ăn sinh sống, làm đơn kiến nghị buộc bọn tề xã, quận phải giải quyết. Nơi nào cũng có phong trào đấu tranh công khai đòi trở về quê cũ làm ăn, sinh sống. Ở huyện Đức Phổ, trên 300 đồng bào nổi dậy phá banh khu đồn Du Quang (Phổ Quang), dỡ nhà và chuyển tài sản về vườn cũ.

Ở thị xã, thị trấn ngày nào cũng diễn ra các cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân đòi dân sinh, dân chủ, đấu tranh chống bắt lính. Công tác tuyên truyền, vận động mở rộng mặt trận đoàn kết toàn dân chống Mỹ - ngụy với khẩu hiệu hòa bình, độc lập, trung lập, hòa giải và hòa hợp dân tộc được đẩy mạnh. Với những hình thức linh hoạt, khôn khéo, ta tập hợp được nhiều trí thức, nhà giáo, chức sắc, tín đồ Phật giáo tích cực đấu tranh bằng các hình thức như tổ chức hội thảo, ra lời kêu gọi chống Mỹ - Thiệu, chống chiến tranh, đòi hòa bình, chống tham nhũng, đòi địch cứu đau cho nhân dân.

Phong trào chống địch tổ chức tự vệ học đường để bắt lính, chống bầu cử tổng thống, chống đàn áp Phật giáo ngày càng diễn ra mạnh mẽ và phát triển thành cao trào. Tháng 6-1974, các nhà sư Thích Giải An, Thích Trí Chánh, Thích Hạnh Lạc vận động đồng bào Phật giáo tham gia lễ cầu nguyện cho hòa bình, phản đối Mỹ - Thiệu hiếu chiến.

Tháng 7-1974, hơn 2.000 thanh niên, học sinh các trường Bò Đè, Trần Quốc Tuấn, Kim Thông, Quảng Ngãi nghĩa thực... và Phật tử xuống đường, kéo đến tòa Tỉnh trưởng chống Thiệu

gian lận bầu cử, đòi hủy bỏ kết quả bầu cử, buộc Tỉnh trưởng Lê Bá Khiếu phải hứa sẽ điều tra. Phong trào "Hát cho đồng bào tôi nghe" thôi thúc học sinh đứng dậy đấu tranh, chống bắt lính, phá tan âm mưu của địch thành lập trung đoàn thép trong học sinh. Một số thầy giáo dùng lớp học làm diễn đàn tuyên truyền cho độc lập, hòa bình, thống nhất.

Ngày 17-10-1974, Ủy ban hòa giải, hòa hợp dân tộc tỉnh Quảng Ngãi gồm 17 thành viên, do nhà giáo Nguyễn Văn Hàm làm Chủ tịch, cư sĩ Nguyễn Văn Chánh làm Phó Chủ tịch làm lễ ra mắt trong cuộc mít tinh trước chùa Tỉnh hội Phật giáo có hàng ngàn người tham dự. Nhà giáo Nguyễn Văn Hàm lên án Nguyễn Văn Thiệu ngoan cố làm tay sai cho Mỹ, kéo dài chiến tranh, hãm hại nhân dân, chia cắt lâu dài đất nước và kêu gọi đồng bào tham gia lực lượng hòa giải, hòa hợp dân tộc, đấu tranh lật đổ Nguyễn Văn Thiệu, chấm dứt chiến tranh, vĩnh viễn hòa bình.

Trong tháng 11-1974, phong trào biểu tình, đấu tranh của các tầng lớp quần chúng, học sinh, trí thức, tôn giáo, một số sĩ quan, thương phế binh, binh lính địch chống tham nhũng, đòi Thiệu từ chức, đòi thi hành Hiệp định Pari diễn ra liên tục, sôi nổi và quyết liệt. Ở hầu hết các cuộc biểu tình, các vụ đấu tranh, ta đưa cơ sở vào chi phối lãnh đạo, làm cho hậu phương địch càng rối ren, buộc chúng phải lúng túng đối phó và nhượng bộ. Tháng 12-1974, phong trào có lắng xuống vì địch ra sức xoa dịu cùng với đàn áp, khủng bố và tìm cách ám sát những người lãnh đạo biểu tình. Song, phong trào phát triển ngày càng đi vào chiều sâu, quần chúng bên trong sôi sục ý chí và đang chờ thời cơ để nổi dậy.

Hoạt động ở vùng địch, tuy có gặp khó khăn, nhưng các đội công tác vẫn tích cực bám cơ sở. Một số đội công tác đi sâu

nắm tình hình, gây dựng cơ sở cách mạng ở những vùng trước đây chưa gây dựng được, như các ấp Phú Nhuận (Tịnh Phong), Phú Nhơn (Tịnh Ân), huyện Sơn Tịnh.

Đến cuối năm 1974, đầu năm 1975 ta giải phóng hoàn toàn 4 huyện: Ba Tơ, Sông Rhe, Minh Long, Sơn Tây, 115/186 xã được giải phóng hoàn toàn, 7 xã giải phóng cơ bản<sup>1</sup>.

Thắng lợi to lớn của quân và dân trong tỉnh cũng như toàn miền Nam trong năm 1974 càng làm sáng tỏ quan điểm sử dụng bạo lực cách mạng để đánh bại chiến tranh thực dân mới của đế quốc Mỹ sau khi ký Hiệp định Pari là hoàn toàn đúng đắn. Phong trào đấu tranh chính trị chống chế độ độc tài tham nhũng, bóp nghẹt tự do dân chủ của ngụy quyền Sài Gòn, đòi Nguyễn Văn Thiệu từ chức trong các tầng lớp nhân dân miền Nam lên đến đỉnh cao.

Từ ngày 08-12-1974 đến ngày 07-01-1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp, thảo luận ba vấn đề: So sánh lực lượng giữa ta và địch từ sau khi ký Hiệp định Pari; kế hoạch hai năm 1975 - 1976 và nhiệm vụ cụ thể của từng chiến trường. Hội nghị phân tích thời cơ lịch sử và khả năng thực tế của ta, đồng thời nêu rõ: Chưa bao giờ ta có đủ điều kiện về quân sự, chính trị như hiện nay, có thời cơ chiến lược to lớn để hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà<sup>2</sup>. Bộ Chính trị còn dự kiến phương án: Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975...

---

1. Bản thống kê tình hình thôn, xã cuối năm 1974 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sổđ*, t.35, tr. 44.

Căn cứ vào Nghị quyết của Bộ Chính trị, Khu ủy khu V đề ra nhiệm vụ: Tập trung động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Khu phá vỡ từng mảng hệ thống phòng ngự, kìm kẹp của địch ở nông thôn vùng yếu, giành và giữ dân, chuyển phong trào vùng yếu, vùng địch tạm thời kiểm soát lên một bước, tích cực, chủ động phối hợp chiến trường toàn miền, tranh thủ thời cơ chung, tạo thời cơ cho địa phương mình giành thắng lợi lớn.

Quán triệt chủ trương của Trung ương và Khu ủy khu V, cuối tháng 01-1975, Tỉnh ủy họp ra nghị quyết quyết tâm đánh bại hoàn toàn kế hoạch bình định của địch, tiến lên giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Ngãi. Hội nghị đề ra ba nhiệm vụ cơ bản trước mắt cần tập trung giải quyết, đó là: 1) Làm cho các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh nhất trí cao với việc đánh giá thời cơ lịch sử ngàn năm có một của Bộ Chính trị để nâng cao quyết tâm hành động cách mạng, đóng góp sức người, sức của cao nhất, nhằm hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn lịch sử; 2) Đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị và công tác địch vận, coi đó là yếu tố quyết định, làm cho tương quan lực lượng thay đổi, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn; 3) Bố trí lại tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy ở các trọng điểm của tỉnh, các trọng điểm của huyện và xã, phân bố cán bộ, đảng viên để bảo đảm lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ<sup>1</sup>.

Ban Chỉ huy tiền phương của tỉnh được thành lập. Đồng chí Võ Trọng Nguyễn - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh được cử làm Trưởng ban.

Các nhiệm vụ của Tỉnh ủy đề ra trong tháng 01-1975 nhanh chóng được triển khai xuống đến tận cơ sở. Quân và dân

---

1. Chỉ thị về nhiệm vụ đầu năm 1975 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Tài liệu lưu tại Kho Lưu trữ Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

toàn tỉnh khẩn trương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, với tinh thần tất cả cho thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy.

Từ tháng 01-1975, trên địa bàn tỉnh, địch có một sư đoàn chủ lực, hai liên đoàn biệt động, hai chi đoàn xe tăng thiết giáp, hai chi đội xe bọc thép, hai phi đội trực thăng, hơn 50 khẩu pháo và hàng chục nghìn quân bảo an, dân vệ, biệt kích. Chúng tập trung toàn bộ Sư đoàn 2, các Liên đoàn biệt động 11, 12, 14 càn quét giải tỏa vùng giải phóng và những vùng ta mới thu hồi, chủ yếu là khu vực phía tây nam Nghĩa Hành và tây Mộ Đức. Thủ đoạn đánh phá của địch là sử dụng phi pháo tối đa để hỗ trợ cho bộ binh chiếm các cao điểm tại núi Đình Cương, Núi Ngang, cao điểm 68, Núi Đương, An Hòa... (Nghĩa Hành). Có ngày chúng bắn đến gần 7.000 quả pháo vào các chốt và vùng giải phóng, ném bom xăng, rải chất độc hóa học, gây nhiều thiệt hại về nhà cửa, tài sản và hoa màu của nhân dân.

Về phía ta, từ đầu năm 1975, Tỉnh ủy tích cực chuẩn bị và chỉ đạo các cấp ủy lãnh đạo nhân dân kiên cường trụ bám, anh dũng chiến đấu. Các lực lượng vũ trang đánh lui nhiều đợt phản kích của địch, lập thành tích chào mừng hai ngày lễ lớn là: 15 năm ngày thống nhất các lực lượng vũ trang giải phóng và 30 năm ngày khởi nghĩa Ba Tơ.

Tháng 02-1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp, thống nhất nhận định tình hình trong tỉnh là địch đang suy yếu, rệu rã; quân và dân ta có đủ điều kiện thực hiện quyết tâm giải phóng hoàn toàn quê hương.

Tư tưởng chỉ đạo của Tỉnh ủy là: táo bạo, kiên quyết, vững chắc, linh hoạt, kịp thời, tranh thủ thời cơ để giành thắng lợi lớn. Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy thực hiện các nhiệm vụ cách mạng theo phương châm dựa vào sức mình là chính, dùng các đòn tiến công chính trị và vũ trang của địa phương để đánh đổ kẻ thù, giải phóng quê hương.

Giữa tháng 02-1975, Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ huy trọng điểm phía bắc của tỉnh do đồng chí Võ Trọng Nguyễn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban. Ngày 20-02-1975, trung đoàn bộ binh đầu tiên của tỉnh được thành lập (gồm các Tiểu đoàn 83, 48 và 81), mang phiên hiệu Trung đoàn 94.

Mở màn chiến dịch Xuân 1975, trên chiến trường toàn miền, nhất là ở Tây Nguyên, các lực lượng vũ trang tiến công địch dồn dập, quyết liệt trên địa bàn rộng lớn, liên tiếp giành thắng lợi to lớn, giải phóng nhiều tỉnh. Hệ thống ngục quyền trên các vùng tan rã từng mảng lớn. Địch lâm vào tình trạng hỗn loạn, tư tưởng thất bại, tuyệt vọng lan rộng trong hàng ngũ ngục quân, ngục quyền.

Đêm 08-3-1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các lực lượng vũ trang tỉnh, huyện tiến công tiêu diệt và tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, thu hồi vùng đông Đức Phổ, đông Mộ Đức, hình thành hành lang giải phóng lớn từ cửa Sa Huỳnh đến gần giáp cửa Cổ Lũy, chia cắt quốc lộ 1 ở phía nam tỉnh thành nhiều đoạn, tạo thế cho chiến dịch phát triển.

Ngày 10-3-1975, thị xã Buôn Ma Thuột được giải phóng. Địch thất thủ ở Tây Nguyên, tinh thần binh lính hoảng loạn cực độ, mở ra cơ hội cho quân và dân trong tỉnh cùng toàn miền tiến lên tổng công kích và khởi nghĩa, giải phóng quê hương.

Đêm ngày 15-3-1975, lực lượng vũ trang huyện Đông Sơn và du kích tiến công tiêu diệt ấp Phú Nhuận, xã Tịnh Phong, phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ tại chỗ. Các đội công tác và du kích áp sát vào Tịnh Châu, Tịnh Long, Hòa Bân xã Tịnh Thiện, một phần xã Tịnh Ân (Sơn Tịnh), Bình Hiệp (Bình Sơn), bao vây bức rút chốt Đồi Voi (xã Tịnh Khê, Sơn Tịnh), tạo thế trận uy hiếp, bao vây phía đông bắc thị xã Quảng Ngãi và phía đông chi khu quận lỵ Sơn Tịnh.

Ở phía tây Sơn Tịnh, trong đêm 15-3-1975, các lực lượng vũ trang tiến công tiêu diệt chốt Đông Dương (Tịnh Ân); Núi Đất (Tịnh Bình). Nhân dân nổi dậy phá sạch khu đồn Kim Sa (Tịnh Thọ). Thừa thắng ta tiến công ép sát xuống ven quốc lộ 1 làm chủ một số nơi. Địch ở Hòn Dầu (Tịnh Hiệp), Núi Tròn (Tịnh Sơn) rút chạy. Vùng tây Sơn Tịnh trắng địch, phía tây bắc thị xã Quảng Ngãi và phía tây quận lỵ Sơn Tịnh bị ta uy hiếp.

Tại Bình Sơn, từ 5 giờ sáng ngày 16-3, ta nhanh chóng tiêu diệt cụm chốt điểm Truong Trầu, Đá Đen (Bình Khương), cầu Sông Chùa, Gò Sỏi, chốt Chí Trung (Bình Trung)... Quân chúng nổi dậy giải phóng các xã Bình Trung, Bình Khương, Bình Nguyên, Bình Bắc...

Trước sự bao vây, tiến công dồn dập từ nhiều hướng của các lực lượng vũ trang, bán vũ trang cách mạng, đêm 16 rạng ngày 17-3-1975, địch ở Sơn Hà hốt hoảng tháo chạy, 12.000 dân thoát khỏi ách kìm kẹp của địch. Huyện Sơn Hà được hoàn toàn giải phóng. Lực lượng cách mạng nhanh chóng tiếp quản quận lỵ Sơn Hà, phát động quần chúng nổi dậy truy lùng ác ôn, tề điệp, tàn binh và triệt hạ toàn bộ hệ thống ngụy quyền ở Sơn Hà.

Ngày 18-3-1975, địch ở Trà Bồng cũng vội vàng tháo chạy, miền Tây Quảng Ngãi hoàn toàn trắng địch.

Tình hình chuyển biến nhanh chóng, một bộ phận của Trung đoàn 94 phục kích đoạn Chóp Chài (xã Bình Mỹ, Bình Sơn) đi Dốc Phú (xã Bình Chương, Bình Sơn) diệt ba đại đội của Tiểu đoàn 69 biệt động quân và một số ác ôn, giải phóng trên 10.000 dân huyện Trà Bồng và 5.000 dân ở khu đồn Chóp Chài<sup>1</sup>.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Sđd, tr. 436.

Ngày 18-3-1975, địch ở Bình Phước, Bình Thuận, Bình Trị (Bình Sơn) hốt hoảng tháo chạy, co cụm tại quận lỵ Bình Sơn, ta phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ. Kết quả, sau ba ngày đêm, ở khu vực trọng điểm phía bắc Quảng Ngãi, ta tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng một mảng phía tây và đông huyện Bình Sơn, chia cắt đoạn quốc lộ 1 từ Châu Ổ đi Dốc Sỏi, tạo thế bao vây, uy hiếp chi khu quận lỵ Bình Sơn. Cũng trong đêm 18-3, địch ở Dốc Phú, Dốc Thọ tháo chạy, ta giải phóng xã Bình Chương, Bình Mỹ. Khu vực tây Bình Sơn hoàn toàn giải phóng. Toàn bộ các huyện miền núi, một bộ phận xã, thôn các huyện đồng bằng được giải phóng.

Ngày 21-3-1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành chỉ thị yêu cầu quân và dân trong tỉnh, các cấp ủy, các đơn vị lực lượng vũ trang cần phải triệt phá ngay nguy quyền, các lực lượng chính trị, phải giành dân, làm chủ từng vùng rộng lớn kể cả thị xã, thị trấn, nổi dậy tới đâu phải tổ chức xây dựng ngay các đoàn thể, chính quyền cách mạng, lực lượng vũ trang địa phương đến đó; tốc độ nổi dậy phải nhanh, mạnh, rộng, từ nông thôn chuyển mạnh vào quận lỵ, thị trấn, thị xã... Chỉ thị yêu cầu các cấp ủy địa phương cần nhanh chóng quán triệt cho cán bộ, chiến sĩ, đồng bào rõ chủ trương dứt khoát của ta là nhất định giải phóng, đánh đổ địch.

Ngày 23-3-1975, Tỉnh ủy ra chỉ thị đẩy mạnh công kích và khởi nghĩa toàn tỉnh, đánh đổ toàn bộ địch, giải phóng toàn bộ nông thôn, giải phóng thị trấn, thị xã, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử giải phóng toàn tỉnh. Chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ cụ thể của các cấp, các đơn vị là: 1) Mở đợt động viên chính trị đặc biệt khẩn cấp trong toàn cán bộ, chiến sĩ, quân dân với tinh thần: tất cả cho Tổng tiến



công và nổi dậy, tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng, giải phóng tỉnh; 2) Tập trung ba thứ quân, đẩy mạnh tiến công địch liên tục, quyết liệt với tốc độ nhanh, diệt nhiều địch, quét nhiều chốt điểm, chiếm lĩnh nhanh chóng các mục tiêu kể cả chi khu, quận lỵ, tiểu khu, các cụm cứ điểm. Cắt đứt các đường bộ, đường sông, cửa biển, khống chế đường không, quyết không để cho địch trốn chạy, hỗ trợ cho quân chúng khởi nghĩa mạnh mẽ, rộng khắp, vừa tác chiến, vừa khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang và phong trào du kích chiến tranh lớn mạnh; 3) Phát động toàn dân vũ trang khởi nghĩa; 4) Đẩy mạnh công tác binh tề vận lên quy mô rộng lớn, góp phần làm tan rã và sụp đổ toàn bộ quân địa phương, phụ quân và bộ máy ngụy quyền từ tỉnh đến cơ sở; 5) Thành lập ban tiếp quản, ban quân chính khi giải phóng thị xã, thị trấn; 6) Khẩn trương xây dựng vùng giải phóng phát triển toàn diện, bảo đảm vật chất cho nhu cầu kháng chiến và cải thiện đời sống nhân dân, cán bộ, chiến sĩ; 7) Ra sức xây dựng Đảng vững mạnh cả về tư tưởng, chính trị và tổ chức, phát triển mạnh các đoàn thể quần chúng, chú trọng thanh niên, phụ nữ và công đoàn, tăng cường giáo dục và đào tạo đội ngũ cán bộ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Quán triệt sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, toàn thể cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong tỉnh vô cùng phấn khởi, tin tưởng, quyết tâm nổi dậy giành thắng lợi cuối cùng.

Huyện ủy Nghĩa Hành chỉ đạo lực lượng vũ trang huyện áp sát quận lỵ và chi khu quân sự, khống chế các trục giao thông Quảng Ngãi - Minh Long, Chợ Chùa (Nghĩa Hành) - cầu Cây Bứa (Tur Nghĩa). Du kích các xã phía trước được huy động áp sát các chốt địch, sẵn sàng chờ lệnh. Đúng 9 giờ 40 phút ngày 23-3, pháo tầm xa của quân giải phóng bắn vào các chốt cầu Xóm Xiéc (xã Hành Thuận, Nghĩa Hành), chi khu quân sự và dọc đường

Chợ Chùa đi thị xã Quảng Ngãi. Bọn địch cố thủ trong lô cốt, hầm ngầm, khi nghe tin có xe tăng đánh xuống Hòn Bà thì hốt hoảng bỏ chạy. Đến 14 giờ cùng ngày, toàn bộ binh lính địch rút khỏi khu vực Hành Đức, Hành Phước. Ngụy quân, ngụy quyền ở quận lỵ hoang mang cực độ, hoảng hốt chạy về thị xã Quảng Ngãi.

14 giờ ngày 23-3, một cánh quân chủ lực từ Long Sơn (Minh Long) phối hợp với đội công tác các xã Hành Thuận, Hành Dũng và Hành Minh tiến vào quận lỵ Nghĩa Hành. Đến 17 giờ cùng ngày, quân ta chiếm lĩnh hoàn toàn cơ quan quận lỵ của địch. Huyện Nghĩa Hành hoàn toàn giải phóng.

Ở Đức Phổ, ngay chiều 23-3, đại đội nữ Lê Thị Hồng Gấm cùng lực lượng vũ trang huyện và du kích hai xã Phổ Nhơn, Phổ Ninh xuống núi Giàng Thượng tiến vào Ô Ga, dồn ép địch ở phía tây thị trấn xuống khu đồn Lê Văn Duyệt. Cùng thời gian này, lực lượng vũ trang huyện và du kích xã Phổ Cường tiến công chốt điểm Mỹ Trang, uy hiếp địch ở Hòa Thịnh và An Thường, cửa ngõ phía nam thị trấn. Ở phía đông, lực lượng vũ trang của huyện và du kích các xã Phổ An, Phổ Văn án ngữ cửa biển Mỹ Á, chặn đường địch tháo chạy ra biển. Trong toàn huyện, lực lượng đấu tranh chính trị và nhân dân nổi dậy vây bắt ác ôn, phản động, tàn binh địch, giải tán dân vệ, giải thích chính sách của chính quyền cách mạng cho binh sĩ, hướng dẫn họ trình diện, nộp vũ khí cho cách mạng. Ngụy quân ở các xã Phổ Thạnh, Phổ Khánh, Phổ Vinh, Phổ Ninh bỏ căn cứ, chốt điểm, rút chạy về thị trấn, co cụm ở phía đông quận lỵ. Trước tình thế địch ở thị trấn đang bị vây hãm, nhiều tên địch theo quốc lộ 1 chạy ra phía bắc, bị lực lượng vũ trang huyện và du kích hai xã Phổ Thuận, Phổ Văn chặn đánh. Tối ngày 23-3, ta làm chủ hoàn toàn quốc lộ 1, đoạn qua huyện Đức Phổ. Toàn bộ dân vệ và các loại

phụ quân cùng bộ máy nguy quyền địch ở thôn, xã hoàn toàn bị tê liệt và tan rã. Đến 19 giờ ngày 23-3-1975, quân ta tiến vào chiếm lĩnh chi khu, quận lỵ. Huyện Đức Phổ hoàn toàn giải phóng.

Ở huyện Mộ Đức, phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang tỉnh, lực lượng vũ trang huyện cùng du kích đánh các chốt điểm, giải phóng các xã Đức Chánh, Đức Minh, Đức Thạnh. Ở phía tây quốc lộ 1, nhân dân các xã Đức Lân, Đức Hiệp, Đức Hòa, Đức Tân, Đức Phú được du kích hỗ trợ, nổi dậy diệt ác, phá kềm, giành quyền làm chủ, giải tán và bắt hàng ngàn phòng vệ dân sự, thanh niên chiến đấu. Lực lượng vũ trang của huyện, du kích các xã tiếp tục bao vây quận lỵ Mộ Đức. Đêm 22 rạng ngày 23-3-1975, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, quân và dân Mộ Đức đồng loạt tiến công vào quận lỵ, thị trấn Đồng Cát và các chốt điểm còn lại của địch. Ngụy quân, ngụy quyền sụp đổ nhanh chóng, một số bị tiêu diệt, một số bị bắt sống, một số khác chạy ra thị xã. Quận trưởng Mộ Đức hoảng sợ bỏ trốn. Cả một đoạn quốc lộ 1 từ cầu Trà Câu (xã Phổ Văn, Đức Phổ) đến cầu Sông Vệ (Tur Nghĩa) hỗn độn vũ khí, giày dép, áo quần các sắc lính. Nhân dân reo hò trong niềm vui chiến thắng. Huyện Mộ Đức được hoàn toàn giải phóng.

Ở huyện Tur Nghĩa, lực lượng vũ trang, bán vũ trang huyện phân công thành nhiều mũi phối hợp nhịp nhàng, tấn công, bao vây và áp sát địch ở các chốt điểm. Vào lúc 1 giờ sáng ngày 24-3, phối hợp với các chiến trường trong tỉnh, lực lượng vũ trang huyện ở cánh tây được tỉnh giao nhiệm vụ tấn công chiếm lĩnh kho Tiền chế<sup>1</sup>, các xã Nghĩa Điền, Nghĩa Trung. Ở cánh đông, lực lượng vũ trang huyện và các đội công tác tấn công

---

1. Hiện nay là ngã năm Thu Lộ.

đồn Hải Thuyền, chiếm lĩnh cơ quan hội đồng các xã và quận lỵ Tư Nghĩa. Quân chúng các xã đồng loạt nổi dậy khởi nghĩa, truy bắt địch, thu vũ khí... Đúng 18 giờ ngày 24-3, huyện Tư Nghĩa hoàn toàn giải phóng.

Đêm 23-3-1975, khi phát hiện địch ở thị xã bắt đầu tháo chạy, sau khi kiểm tra, nắm chắc tình hình, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra lời kêu gọi và ra lệnh công kích, khởi nghĩa.

Từ 7 giờ 40 phút ngày 24-3-1975, pháo binh bắn vào tiểu khu, ga Ông Bó, Xóm Xiếc, chi khu Sơn Tịnh. Các lực lượng vũ trang chiếm lĩnh, chia cắt các chốt, điểm và đoạn quốc lộ 1 từ thị xã Quảng Ngãi đi Chu Lai (Quảng Nam). Xe tăng quân giải phóng xuất phát từ Hòn Bà (Hành Dũng) xuống Xóm Xiếc (Hành Thuận), tiến về Nghĩa Điền, áp sát ven tây nam thị xã.

Ở thị xã Quảng Ngãi, sau khi kêu cứu Quân đoàn I và chính quyền Sài Gòn chi viện không được, trưa ngày 24-3-1975 tướng Trần Văn Nhật cùng bọn chỉ huy Tiểu khu Quảng Ngãi và đại tá Tỉnh trưởng Lê Văn Ngọc chạy trốn khỏi thị xã Quảng Ngãi bằng trực thăng. Bọn ngụy quân, ngụy quyền vô cùng hoảng loạn, tháo chạy xuống cửa biển Cổ Lũy (xã Nghĩa An, Tư Nghĩa) để chạy ra đảo Lý Sơn bị Tiểu đoàn 7 của tỉnh và Đại đội 75, huyện Tư Nghĩa cùng lực lượng du kích một số xã ven biển chặn đánh, phải quay trở lại thị xã. Lúc này, bọn ngụy quân, ngụy quyền ở các huyện Đức Phổ, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa dồn hết về thị xã, ở chật các cơ quan, trụ sở, sân vận động Diên Hồng, càng làm cho tình hình thêm căng thẳng, hỗn loạn. Thị xã Quảng Ngãi như một chiếc túi khổng lồ chứa đủ các sắc lính bại trận.

Nhận định quân địch sẽ mở đường tháo chạy về phía Chu Lai, Ban Chỉ huy chiến dịch xác định, đây là thời cơ tốt

nhất để ta tiêu diệt toàn bộ quân địch ngoài công sự, giải phóng thị xã tiến tới giải phóng toàn tỉnh và ra lệnh cho Trung đoàn 94 tập trung lực lượng, nhanh chóng triển khai đội hình chiếm lĩnh hướng bắc cầu Trà Khúc, đón diệt quân địch từ thị xã ra và cùng với lực lượng vũ trang địa phương, có xe tăng, pháo binh quân khu chi viện tiến công hai chi khu quân sự Bình Sơn, Sơn Tịnh, giải phóng toàn bộ mảng phía bắc thị xã Quảng Ngãi.

Ở Đông Sơn, Ban Thường vụ Huyện ủy nắm chắc thời cơ, ngay trong đêm 23-3 triệu tập hội nghị gồm các tổ vũ trang an ninh xã và ban an ninh huyện để phân công nhiệm vụ tấn công địch, tạo điều kiện cho nhân dân nổi dậy. Trong khi ta tấn công mạnh vào các khu đồn, áp chiến lược thì 90 tên lính ở Tịnh An ra hàng và giao nộp toàn bộ vũ khí cho cách mạng. Khởi nghĩa đến đâu, ban tự quản thôn, xã được thành lập ngay đến đó để ổn định trật tự xã hội.

Ở huyện Sơn Tịnh, đúng 15 giờ ngày 24-3, chuyển xe đầu tiên của ta từ Tân An bắt đầu xuất trận. Từng đoàn xe pháo nối đuôi nhau tiến ra mặt trận. Xe chạy tới đâu, đường sá được tu sửa đến đó, nhiều gia đình lấy ván, gỗ ra lót đường cho xe chạy. Hàng trăm dân công được huy động kéo pháo, du kích dẫn đường cho xe tăng tiến về quận lỵ, thị xã. Đúng 19 giờ 40 phút các đơn vị vũ trang đồng loạt nổ súng tấn công vào chi khu, quận lỵ Sơn Tịnh và các chốt điểm. Đến 21 giờ cùng ngày, toàn bộ quân địch còn lại trong các chốt điểm, cơ quan bỏ chạy.

Ở huyện Bình Sơn, chiều ngày 23-3-1975, Ban Thường vụ Huyện ủy họp bất thường để quán triệt chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và triển khai lực lượng áp sát bao vây địch, cắt đứt đường giao thông quốc lộ 1, phá các khu đồn, giải phóng nhiều

xã và bao vây chi khu quận lỵ. Đồng thời, Ban Thường vụ Huyện ủy phân công cán bộ về chỉ đạo xây dựng chính quyền, các đoàn thể ở vùng mới giải phóng để ổn định đời sống nhân dân và thành lập ban tiếp quản quận lỵ, thị trấn.

Khi các đoàn xe địch tháo chạy từ thị xã Quảng Ngãi vừa đến Bình Long, bộ đội ta dùng súng B.40, B.41, ĐKZ bắn cháy 10 chiếc. Các lực lượng vũ trang đồng loạt xông lên tấn công chia cắt, đội hình địch rối loạn trên suốt tuyến đường từ xã Bình Long (Bình Sơn) đến Thế Long (xã Tịnh Phong, Sơn Tịnh). Gần 12 giờ đồng hồ, lực lượng Trung đoàn 94, cùng quân, dân hai huyện Sơn Tịnh, Bình Sơn chiến đấu liên tục, diệt và bắt sống hơn 4.000 tên địch, 206 xe cơ giới các loại bị phá hủy và phá hỏng, thu 50 chiếc khác cùng hàng chục nghìn tấn vũ khí, đạn dược và phương tiện chiến tranh trên một đoạn đường dài hơn 7 km<sup>1</sup>.

Cùng với Trung đoàn 94 đánh quân địch tháo chạy, Ban chỉ đạo chiến dịch lệnh cho các lực lượng khởi nghĩa bên ngoài kéo vào thị xã ngay trong đêm 24-3-1975, phát động và phối hợp với quần chúng từ vùng ven đến nội thị nổi dậy cầm cờ, chiếm giữ Tiểu khu Quảng Ngãi, sân bay, đài phát thanh và tất cả các cơ quan công sở ngụy quyền, kho tàng, phá nhà lao, truy lùng bọn tàn quân, bắt ác ôn, kêu gọi binh lính địch còn lẩn trốn ra hàng, nộp vũ khí, giữ gìn an ninh trật tự trong thị xã. Cũng trong đêm 24-3, tổ trinh sát vũ trang gồm 3 đồng chí: Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Tiến Hải và Nguyễn Thanh Sơn thuộc Ban An ninh tỉnh được lệnh tiếp quản Tòa hành chính tỉnh.

---

1. Dẫn theo *Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 - 1975)*, Nxb. Tổng hợp Nghĩa Bình, 1988, tr. 434.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Quyết định khẩn cấp thành lập Ủy ban Quân chính thị xã Quảng Ngãi, gồm 13 đồng chí do đồng chí Nguyễn Nghĩa - Phó Bí thư Tỉnh ủy, làm Chủ tịch.

5 giờ sáng ngày 25-3-1975, ta tiếp quản thị trấn Sơn Tịnh. Các đội tuyên truyền phát nhanh tin chiến thắng, kêu gọi đồng bào bình tĩnh, ổn định trật tự trị an... Huyện Sơn Tịnh hoàn toàn giải phóng.

Rạng sáng ngày 25-3, Đại đội 95, huyện Bình Sơn tấn công vào chi khu quận lỵ, bắn cháy một xe tăng. Toàn bộ ngục quyền quận ra đầu hàng. Cờ Mặt trận tung bay trên nóc nhà quận lỵ. Huyện Bình Sơn hoàn toàn giải phóng.

Ở Lý Sơn, thắng lợi ở đất liền nhanh chóng truyền ra đảo làm nức lòng nhân dân. Để kịp thời giành chính quyền ở hai xã Bình Vĩnh, Bình Yên, theo sự chỉ đạo của Huyện ủy Đông Sơn, Ban khởi nghĩa giải phóng đảo Lý Sơn được thành lập.

Ngày 26-3-1975, hàng ngàn tàn quân ngục vượt biển, ra đảo ẩn náu. Dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự Đảng và Ban khởi nghĩa, đồng bào Lý Sơn cất giấu lương thực, tuyên truyền, giáo dục binh lính bỏ súng quay về với cách mạng. Có hơn 20 sĩ quan, hạ sĩ quan, 100 binh lính chủ lực và 24 lính nghĩa quân đầu hàng và được đưa về đất liền học tập, cải tạo.

Ngày 30-3-1975, Đại đội Z.71, đơn vị vũ trang Đông Sơn tổ chức tấn công địch. Ban khởi nghĩa phát động toàn dân nổi dậy giành chính quyền. Đúng 7 giờ 15 phút, bốn quả mìn được ta bố trí trên các đỉnh núi nổ vang, uy hiếp quân địch trên các tàu thuyền đang bao vây đảo. Cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam phấp phới bay trên năm đỉnh núi và các ngã đường. Truyền đơn, áp phích cách mạng được rải và dán khắp nơi. Nhân dân Lý Sơn xuống đường hô to khẩu hiệu chống Mỹ - ngục, ủng hộ cách mạng, xông vào chiếm lĩnh các

cơ quan, đồn bót. Bọn địch hốt hoảng lên thuyền bỏ chạy khỏi đảo. Một số binh lính còn lại đầu hàng. Đảo Lý Sơn hoàn toàn giải phóng.

Như vậy, trong chiến dịch Xuân 1975, quân và dân toàn tỉnh liên tục tiến công, nổi dậy tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ ngụy quân, ngụy quyền, giành chính quyền về tay nhân dân. Cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam phấp phới tung bay trên nóc Tòa thị chính tỉnh. Khắp các địa phương trong tỉnh từ vùng núi cao đến ven biển, từ phía nam ra phía bắc đều rợp bóng cờ. Nhân dân hân hoan đón mừng những chiến sĩ cách mạng trở về trong niềm vui khôn tả, chào mừng ngày chiến thắng, chào mừng quê hương hoàn toàn giải phóng.

Ngày 30-3-1975, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cách mạng, Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Quảng Ngãi và các ban ngành, đoàn thể của tỉnh trở về làm việc tại thị xã Quảng Ngãi.

Sáng ngày 31-3-1975, hàng vạn đồng bào khắp các huyện, thị từ đồng bằng đến miền núi trong tỉnh kéo về thị xã, tập trung tại sân vận động Diên Hồng dự lễ mítting chào mừng tỉnh Quảng Ngãi được giải phóng, chào mừng Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh ra mắt nhân dân, do đồng chí Nguyễn Lương (Đoàn Nhật Nam) - Phó Bí thư Tỉnh ủy, làm Chủ tịch. Các đồng chí Nguyễn Nghĩa (Nhâm), Trương Ngọc Khang (dân tộc Cor); Đinh Thanh Giáo (Thanh Lâm - dân tộc Hrê), Cao Văn Luật làm Phó Chủ tịch và 11 đồng chí làm Ủy viên Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh.

Đồng chí Lê Tấn Tỏa - Bí thư Tỉnh ủy, đọc diễn văn chào mừng thắng lợi, kêu gọi toàn quân, toàn dân đoàn kết một lòng cùng nhau xây dựng quê hương và ủng hộ cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.



Thực hiện lời kêu gọi của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh, nhân dân Quảng Ngãi vừa tích cực, khẩn trương, ra sức bảo vệ và xây dựng quê hương mới được giải phóng, vừa đóng góp vật chất, đưa lương thực, vũ khí và gửi hàng ngàn thanh niên gia nhập quân giải phóng, phục vụ chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

\*

\* \*

Như vậy, từ khi Hiệp định Pari được ký kết, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời phong trào đấu tranh cách mạng ở Quảng Ngãi cho đến ngày giải phóng toàn tỉnh, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Trong thời gian đầu chống địch lấn chiếm, càn quét, phá hoại Hiệp định, mặc dù còn có biểu hiện chần chừ, chủ quan trước âm mưu, thủ đoạn của địch nhưng Tỉnh ủy đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng vũ trang, chính trị, binh vận cùng toàn thể nhân dân trừng trị kẻ thù những đòn địch đáng, đẩy chúng về thế co cụm, phòng ngự, rệu rã, bảo vệ an toàn vùng giải phóng, tạo thế và lực cho phong trào cách mạng trong tỉnh.

Trong khí thế chung của chiến trường toàn khu, toàn miền, năm 1974 và nửa đầu năm 1975, quân và dân Quảng Ngãi với truyền thống cách mạng kiên cường đã anh dũng xông lên đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của địch, giải phóng từng mảng rộng lớn ở nông thôn đồng bằng, bảo vệ vững chắc căn cứ ở miền núi và đẩy địch đến sự sụp đổ hoàn toàn, tiến tới giải phóng toàn tỉnh ngày 24-3-1975, tiếp tục đóng góp sức người, sức của vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà.

Ngày 24-3-1975 ghi dấu ấn vẻ vang và oanh liệt của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi, là mốc son chói lọi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ quê hương. Với thắng lợi này, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã góp phần cùng Nhân dân cả nước hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

## KẾT LUẬN

Bốn mươi lăm năm (1930 - 1975) là khoảng thời gian không dài trong lịch sử, nhưng đối với Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đó là khoảng thời gian diễn ra nhiều sự kiện quan trọng, đánh dấu những cống hiến lớn lao của lớp lớp các thế hệ người Quảng Ngãi đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, bằng sự mẫn cảm chính trị của mình, nhiều thanh niên, trí thức ở Quảng Ngãi đã tham gia các phong trào yêu nước và lần lượt thành lập các tổ chức Công ái xã, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để tuyên truyền, vận động phong trào yêu nước trong tỉnh đi theo đường lối cứu nước do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá vào Việt Nam. Đặc biệt, tháng 7-1929, tổ chức Dự bị Cộng sản, tiền thân của Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi được thành lập, thể hiện những nét độc đáo, sáng tạo trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (ngày 03-02-1930), những người cộng sản ở Quảng Ngãi đã tuyên bố thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên và Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư.

Trong cao trào cách mạng 1930 - 1931, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, phong trào cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi đã diễn ra mạnh mẽ, quyết liệt đều khắp các địa phương trong tỉnh, được Thường vụ Trung ương Đảng đánh giá là mạnh nhất trong phía Nam Trung Kỳ.

Những năm 1932 - 1935, mặc dù phong trào cách mạng trong cả nước tạm thời lắng xuống do thực dân Pháp đàn áp đẫm máu, nhưng nhờ có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết và ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất, phong trào cách mạng của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục được củng cố và phát triển. Tỉnh ủy liên tục được tổ chức lại và có thời gian làm nhiệm vụ của Xứ ủy Trung Trung Kỳ. Tại phiên tòa Tái tổ cộng sản (năm 1935), những người cộng sản Quảng Ngãi đã công khai tố cáo tội ác của thực dân, phong kiến, cổ vũ các tầng lớp nhân dân vùng lên đấu tranh chống thực dân Pháp và tay sai. Đặc biệt, trong hoàn cảnh bị địch đàn áp, khủng bố quyết liệt, các đảng viên của Đảng bộ đã mưu trí, khôn khéo, sáng tạo, tìm cách kết nối, khôi phục phong trào cách mạng, bầu Ban cán sự Trung Nam của Xứ ủy Trung Kỳ để thống nhất lãnh đạo phong trào cách mạng các tỉnh từ Quảng Nam đến Khánh Hòa.

Trong phong trào đấu tranh dân chủ những năm 1936 - 1939, Đảng bộ Quảng Ngãi đã tổ chức được nhiều hoạt động nhằm tập hợp, vận động quần chúng đấu tranh công khai với kẻ thù. Cuộc vận động Đông Dương Đại hội, tổ chức Tín Thành thư quán, đón tiếp Gôđa và Toàn quyền Brêviê... là những sự kiện lớn góp phần xứng đáng cùng toàn Đảng, toàn dân thúc đẩy cao trào đấu tranh vì các quyền dân sinh, dân chủ, hòa bình giành thắng lợi.

Trong cao trào cách mạng 1939 - 1945, Đảng bộ đã kịp thời đề ra chủ trương và hành động cách mạng sáng tạo phù hợp với thực tiễn phong trào cách mạng tại địa phương. Từ trong các nhà lao, căng an trí của địch, đội ngũ đảng viên của Đảng bộ đã nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, phát động nhân dân làm nên cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, xây dựng Đội du kích Ba Tơ là đơn vị vũ trang

đầu tiên của Đảng. Cũng trong thời điểm lịch sử quan trọng này, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục được các tỉnh bạn từ Quảng Bình đến Khánh Hòa tin nhiệm chọn là trung tâm cho phong trào cách mạng các tỉnh Nam Trung Bộ.

Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, với ý chí quyết tâm cao, Đảng bộ đã phát động phong trào cách mạng của quần chúng, kịp thời chớp thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Chỉ trong vòng ba ngày đêm, từ chiều ngày 14 đến đêm 16-8-1945, cuộc khởi nghĩa nổ ra thắng lợi. Với thắng lợi trong cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền (tháng 8-1945), Quảng Ngãi trở thành một trong những tỉnh giành chính quyền sớm nhất cả nước.

Vừa mới giành được độc lập, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi lại bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Suốt chín năm gian khổ kháng chiến, dù bị địch bao vây từ nhiều phía nhưng với tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực, tự cường, phát huy truyền thống Ba Tư quật khởi, quân và dân Quảng Ngãi đã đánh bại mọi âm mưu phá hoại của địch, bảo vệ vững chắc vùng tự do, cung cấp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến ở Quảng Ngãi và các tỉnh ở Liên khu V, chi viện cho chiến trường Tây Nguyên, Nam Bộ, góp phần làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Campuchia. Quân và dân tỉnh Quảng Ngãi tự hào đã cùng quân và dân cả nước kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bảo vệ các thành quả to lớn đã giành được trong cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi lại vượt qua muôn vàn gian khổ, hy sinh, bền bỉ đấu tranh, bảo tồn lực lượng cách mạng, sớm xây dựng lực lượng vũ trang, làm nên cuộc khởi nghĩa Trà Bồng

và miền Tây Quảng Ngãi (tháng 8-1959), lật đổ chính quyền, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập và củng cố chính quyền cách mạng ở cơ sở và cấp huyện trên một vùng giải phóng rộng lớn ở miền núi.

Sau khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, phong trào cách mạng được mở rộng, chuyển mạnh xuống đồng bằng và đô thị, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh trên khắp ba vùng chiến lược. Bằng phương châm "hai chân, ba mũi" giáp công, được sự chỉ đạo trực tiếp của Khu ủy V, quân và dân Quảng Ngãi cùng với nhân dân toàn miền Nam đã đánh bại về cơ bản quốc sách áp chiến lược, bẻ gãy xương sống của chiến lược Chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn, làm nên chiến thắng Ba Gia oanh liệt (ngày 31-5-1965), đi vào lịch sử như một mốc son chói lọi. Lần đầu tiên trên chiến trường Khu V, một trung đoàn chủ lực quân giải phóng đã hợp đồng tác chiến tiêu diệt một chiến đoàn hỗn hợp tinh nhuệ của địch, góp phần đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - ngụy trên chiến trường miền Nam.

Năm 1965, đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ", ồ ạt đưa quân Mỹ và quân chư hầu vào miền Nam Việt Nam. Đứng ở vị trí yết hầu phía nam Chu Lai - căn cứ quân sự khổng lồ của Mỹ - ngụy, quân và dân Quảng Ngãi đã lập "Vành đai diệt Mỹ" nhằm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực và phá hủy phương tiện chiến tranh của Mỹ - ngụy trong căn cứ, làm chúng không thể càn quét rộng ra; đồng thời thiết kế trận địa ngăn chặn và đánh địch nóng lán ra ngoài, tạo điều kiện đánh những đòn phủ đầu, bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng. Đây là một hình thức phát triển cao của cuộc chiến tranh nhân dân. Chiến thắng Vạn Tường (ngày 18-8-1965) được ví như "trận Xtalingrát trong Chiến tranh thế giới thứ hai" đánh bại lực lượng thủy quân lục chiến tinh nhuệ, biểu tượng của cái

gọi là "sức mạnh Hoa Kỳ". Từ chiến thắng Vạn Tường, cao trào đấu tranh vũ trang, chính trị và binh địch vận ở Quảng Ngãi ngày càng phát triển liên tục và mạnh mẽ. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, cùng với quân dân miền Nam, quân và dân tỉnh Quảng Ngãi đã đồng loạt tiến công vào thị xã, thị trấn, chi khu, quận lỵ trong tỉnh, gây cho Mỹ - ngụy nhiều tổn thất nặng nề, góp phần cùng cả nước làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và đàm phán với ta tại Pari.

Năm 1969, mặc dù bị thất bại nặng nề, nhưng đế quốc Mỹ vẫn chưa chịu từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta. Chúng buộc phải rút dần quân Mỹ về nước, nhưng lại ra sức tăng cường nguy quân, nguy quyền, thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Chúng vừa kết hợp chiến tranh hủy diệt với chiến tranh giành dân và chiến tranh bóp nghẹt, tiến hành hàng loạt chiến dịch "bình định nông thôn", gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất. Trước tình hình đó, Đảng bộ tỉnh chủ trương phải kiên trì bám trụ, chịu đựng gian khổ, hy sinh, thực hiện phương châm "Đảng bám dân, dân bám đất, bộ đội và du kích bám địch, cấp trên bám cấp dưới", thực hiện khẩu hiệu "Một tác không đi, một ly không rời", vừa chiến đấu, vừa củng cố và phát triển thực lực cách mạng, từng bước giành lại thế chủ động trên chiến trường, phối hợp với toàn miền mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972, đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", buộc chúng phải ký Hiệp định Pari, rút hết quân Mỹ, quân chư hầu về nước, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

Từ cuối năm 1974, khi thời cơ giải phóng miền Nam xuất hiện, Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã nắm chắc phương châm "hai chân, ba mũi" giáp công chủ động tiến công địch, giải phóng tỉnh Quảng Ngãi (ngày 24-3-1975), đóng góp sức người, sức của cùng cả nước giành thắng lợi trong chiến dịch Hồ Chí Minh

lịch sử, giải phóng miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ là kết quả của chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi, của đường lối và sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà trực tiếp là sự chỉ đạo kịp thời của Khu ủy V; sự vận dụng sáng tạo đường lối của Trung ương Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương; là thắng lợi của truyền thống đoàn kết toàn dân, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, ác liệt, quyết chiến và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng quê hương. Đó còn là thắng lợi của quá trình tôi luyện trong khói lửa chiến tranh của cán bộ, đảng viên, của các cấp ủy đảng địa phương; là thắng lợi của những nỗ lực phi thường của các lực lượng vũ trang không ngại hy sinh, ác liệt, vượt lên đầu thù, lập nên những chiến công hiển hách. Đó là thắng lợi của tinh thần dũng cảm, trí thông minh và tài sáng tạo, luôn giành thế chủ động đấu tranh của các tầng lớp nhân dân; là thắng lợi của sự phối hợp chặt chẽ của phong trào chung toàn khu, toàn miền và của hậu phương miền Bắc, trong đó có sự giúp đỡ nhiệt tình, quý báu của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nghệ An kết nghĩa.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Đảng bộ tỉnh còn có một số khuyết điểm, hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, trong xây dựng hậu phương và xây dựng Đảng. Đó là sự ấu trĩ, chủ quan trong thực hiện chủ trương xây dựng đời sống mới làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc thiểu số, đặc biệt là ở huyện Sơn Hà, khiến cho địch lợi dụng kích động, lôi kéo nhân dân nổi dậy chống chính quyền, gây nhiều hệ lụy trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng. Đó là sự đánh giá tương quan lực lượng giữa ta và địch có lúc chưa sâu sát và đầy đủ, nhất là



thời kỳ 1954 - 1958, không lường hết âm mưu và thủ đoạn của địch trong việc phá hoại Hiệp định Giơnevơ; chuyển hướng chỉ đạo và tổ chức còn chậm, nên khi địch đánh phá dai dẳng, sâu độc, dữ dội, một số đảng bộ huyện bị tổn thất nặng. Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, tư tưởng chủ quan xuất hiện, muốn nghỉ xả hơi, thiếu cảnh giác, để địch tái chiếm một số vùng. Trong chỉ đạo ba vùng chiến lược, có lúc chưa tập trung đúng mức đối với công tác vùng địch hậu, có nơi thiếu chú ý xây dựng cơ sở nội tuyến; phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng có lúc còn yếu. Việc xây dựng và phát triển Đảng ở đô thị, vùng địch kiểm soát còn hạn chế, chưa đều ở các cơ sở. Tư tưởng hủu khuynh, thiếu sâu sát quần chúng còn tồn tại ở một số cán bộ lãnh đạo đã ảnh hưởng không nhỏ đến phong trào chung của tỉnh.

Từ thực tiễn của cuộc chiến tranh nhân dân trong suốt 45 năm (1930 - 1975), Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi rút ra được một số bài học kinh nghiệm quý báu:

***Một là, tuyệt đối trung thành với sự lãnh đạo của Đảng, nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương.***

Đây là nhân tố xuyên suốt, quan trọng nhất bảo đảm sự thắng lợi của cách mạng. Nắm vững và quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo đề ra các hình thức, biện pháp thích hợp vào từng thời điểm cụ thể, hoàn cảnh cụ thể để thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng.

Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi ra đời, phát triển trong điều kiện một tỉnh nghèo, nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp chưa phát triển, nên thành phần lãnh đạo của các tổ chức đảng hầu hết là trí thức nho học yêu nước. Tuy vậy, chủ nghĩa yêu nước, ý chí căm thù giặc sâu sắc là nguồn sức mạnh tinh thần to lớn

giúp Đảng bộ luôn kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối cách mạng do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra. Trong thời kỳ Đảng chưa giành được chính quyền, các tổ chức đảng liên tiếp bị địch khủng bố, đánh vỡ nhưng trong bất kỳ tình huống nào, các đảng viên của Đảng bộ vẫn tin tưởng, tìm cách móc nối liên lạc, gây dựng cơ sở, lãnh đạo quần chúng tiếp tục đấu tranh tiến tới giành thắng lợi.

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, khi địch ra sức thực hiện chính sách "tố cộng, diệt cộng" ác liệt, yêu cầu việc vận dụng đường lối và sự chỉ đạo của cấp trên phải linh hoạt, vừa để tồn tại, vừa không đi ngược lại với đường lối chung. Đó là vấn đề sử dụng hình thức đấu tranh chính trị, nhưng không sao nhãng quan điểm bạo lực cách mạng. Vì vậy, trước khi có Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương, nhiều địa phương trong tỉnh đã nổi dậy diệt ác ôn, tề ngụy, vừa để tự vệ, vừa kiềm chế, răn đe, hạn chế sự chống phá của địch đối với phong trào cách mạng của địa phương. Tiếp đó, các tổ chức vũ trang "biến tướng" ra đời, các đội vũ trang tuyên truyền, các đơn vị vũ trang tập trung của tỉnh, huyện lần lượt được thành lập, trở thành lực lượng nòng cốt hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị. Việc xây dựng căn cứ địa cách mạng ở vùng miền núi, các vùng giáp ranh làm chỗ đứng chân, củng cố lực lượng tiến công địch cũng là một kinh nghiệm quý trong việc vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi cho rằng, miền núi là nơi có điều kiện nổ ra khởi nghĩa trước và nơi đó chính là Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, vì vậy Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo xây dựng căn cứ địa và các đơn vị vũ trang tập trung. Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra đời đã giúp cho Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi khẳng định tính đúng đắn trong việc quán triệt quan điểm bạo lực cách mạng của Đảng và vận dụng sáng

tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương để đưa phong trào tiếp tục phát triển mạnh mẽ.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi nổ ra và giành thắng lợi vào cuối tháng 8-1959 làm thay đổi cục diện có lợi cho phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi, mở đầu phong trào Đồng khởi trong toàn miền. Vùng giải phóng Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi vẫn giữ vững phát triển đến ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Trên cơ sở quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối, phương châm, phương pháp bạo lực cách mạng của Đảng, vừa bằng kinh nghiệm thực tế trên chiến trường, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã biết phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, kết hợp nhuần nhuyễn giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, binh vận, trong đó tiến công quân sự đóng vai trò quyết định để đưa sự nghiệp cách mạng ở Quảng Ngãi đến thắng lợi cuối cùng.

***Hai là, đánh giá đúng tình hình địch, ta, giữ vững tư tưởng tiến công, tránh sai lầm chủ quan, nóng vội, mất cảnh giác và có quyết tâm cao để có cách đánh thắng địch từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.***

Trong các cao trào cách mạng 1930 - 1931, 1936 - 1939, đặc biệt là 1939 - 1945, Đảng bộ tỉnh luôn luôn nhận thức đúng tình hình, đề ra phương hướng, phương pháp cách mạng phù hợp, quyết tâm chính trị cao, dũng cảm, táo bạo, chớp thời cơ phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền trong toàn tỉnh. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), tuy là vùng tự do, hậu phương của các chiến trường Liên khu V, bắc Tây Nguyên nhưng Đảng bộ luôn chủ động nắm rõ âm mưu, thủ đoạn đánh phá của địch để đề ra các chủ trương, biện pháp cụ thể, từng bước làm thất bại các cuộc tiến công đánh phá của thực dân Pháp, giữ vững vùng tự do, bảo vệ vững chắc thành quả

cách mạng, làm tròn vai trò hậu phương, kịp thời chi viện sức người, sức của cho các chiến trường.

Sau Hiệp định Giơnevơ, đế quốc Mỹ trực tiếp can thiệp nhằm tiêu diệt phong trào yêu nước và cách mạng, chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ. Do đó, trong từng giai đoạn cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là Liên khu ủy V (trong kháng chiến chống Mỹ là Khu ủy V), Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi luôn phân tích và đánh giá đúng bản chất, âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù, phân tích mặt mạnh, mặt yếu của đội quân xâm lược và bọn tay sai.

Đánh giá đúng tình hình địch, đồng thời hiểu được sức mạnh của nhân dân, biết khơi dậy và phát huy truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất của nhân dân, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã đề ra các chủ trương đúng đắn, giải quyết kịp thời những phức tạp, khó khăn, nhất là giải quyết vụ Sơn Hà, ổn định tình hình miền núi và xây dựng căn cứ địa vững chắc trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Sau Hiệp định Giơnevơ, Đảng bộ đã sớm nhận định đúng âm mưu thâm độc và các thủ đoạn của quân xâm lược để có kế hoạch cụ thể, kịp thời, chủ động đối phó, làm nên chiến thắng Ba Gia, chiến thắng Vạn Tường (năm 1965), Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, giải phóng huyện Ba Tư (ngày 30-10-1972), huyện Minh Long (ngày 17-8-1974), Sông Rhe (ngày 20-9-1974) và toàn tỉnh (ngày 24-3-1975).

Vì vậy, việc nhận định đúng âm mưu, thủ đoạn của địch và đánh giá đúng tình hình địch, ta là bài học thiết thực để Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi có chủ trương quyết tâm đánh thắng địch từng bước, đẩy lùi từng bộ phận địch, tạo thế và lực, tạo thời cơ để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

***Ba là, nắm vững và chấp hành đúng đắn chính sách dân tộc, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, biết khơi dậy lòng tự hào và phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất, tự lực, tự cường, tạo nên sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.***

Quảng Ngãi là một tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống, nên việc nhận thức và chấp hành đúng đắn chính sách dân tộc của Đảng có tầm quan trọng đặc biệt. Xuất phát từ quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nên trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã nhận thức sâu sắc rằng, muốn đưa sự nghiệp cách mạng đến thắng lợi, nhất thiết phải thực hiện tốt chính sách dân tộc, đoàn kết, tin tưởng, dựa vào quần chúng, khơi dậy lòng tự hào, phát huy truyền thống cách mạng, ý chí tự lực, tự cường của Đảng bộ, tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, tạo thành một khối đoàn kết vững chắc, một sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân để chiến thắng kẻ thù.

Trong năm 1950, thực dân Pháp rắp tâm thực hiện mưu đồ lấn chiếm vùng tự do Liên khu V và tỉnh Quảng Ngãi, dùng nhiều thủ đoạn nhằm chia rẽ khối đoàn kết dân tộc trong khi Đảng bộ các huyện miền Tây còn rất yếu, cán bộ hoạt động trên địa bàn vùng dân tộc còn tư tưởng chủ quan, nóng vội, làm ảnh hưởng đến phong tục, tập quán và đời sống của đồng bào các dân tộc, nặng nề nhất là ở Sơn Hà. Địch đã lợi dụng thiếu sót đó để kích động, gây hận thù dân tộc, lôi kéo một số người nổi lên chống lại, làm cho lòng tin của quần chúng đối với Đảng bị giảm sút. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Trung ương Đảng và Liên khu V, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi có những chủ trương và chính sách đúng đắn, phù hợp, từng bước ổn định được đời sống, củng cố lòng tin của quần chúng đối với Đảng. Từ giữa năm 1952 đến ngày miền Nam hoàn toàn

giải phóng (ngày 30-4-1975), miền Tây Quảng Ngãi trong đó có Sơn Hà là vùng căn cứ trọng yếu, vững mạnh của tỉnh Quảng Ngãi và miền Nam Trung Bộ.

Trong thời kỳ chống đế quốc Mỹ, thực hiện phương châm "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã không ngừng tăng cường công tác vận động quần chúng, dựa vào dân, đoàn kết mọi tầng lớp, mọi lực lượng để chống đế quốc và tay sai.

Xuất phát từ yêu cầu giành dân, giữ đất, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện phương châm "Đảng bám dân, dân bám đất, bộ đội và du kích bám địch, cấp trên bám cấp dưới", đề ra khẩu hiệu "Một tác không đi, một ly không rời". Cán bộ, nhân dân đã kiên trì bám trụ xây dựng cơ sở trong lòng địch, đấu tranh giành từng người dân trong các khu đồn, áp chiến lược của địch. Đảng bộ tổ chức có hiệu quả các phong trào thi đua "Năm xung phong" của thanh niên, "Bốn đảm đang" của phụ nữ, "Tuổi nhỏ chí lớn làm việc anh hùng" của thiếu niên, nhi đồng để phát huy sức mạnh toàn dân đoàn kết, kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng.

Đảng bộ tỉnh đã thực hiện tốt chính sách dân tộc; các dân tộc bình đẳng, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống cũng như chống mọi âm mưu chia rẽ của kẻ thù, không ngừng củng cố khối đoàn kết toàn dân để kháng chiến. Đồng bào Kinh và đồng bào các dân tộc thiểu số đã đoàn kết đấu tranh chống địch lấn đất, chống càn quét, chống dồn dân lập ấp chiến lược; xây dựng ở miền núi nhiều căn cứ cách mạng vững mạnh. Đảng bộ còn chỉ đạo công tác chăm lo cho đời sống của nhân dân, vận động tăng gia sản xuất, hạn chế, đẩy lùi phong tục, tập quán lạc hậu; xóa mù chữ, chữa bệnh bằng thuốc nam; đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số...

Đảng bộ tỉnh cũng tranh thủ thân hào, trí thức ở đồng bằng, già làng, cà rá ở miền núi, phong trào đấu tranh của phật tử, của gia đình ngụy quân, ngụy quyền, lôi kéo các đảng phái, các tổ chức nghiệp đoàn, lao động của địch ở thị xã, thị trấn, hình thành khối đoàn kết toàn dân chống Mỹ và tay sai. Những việc làm đó đã tạo thành sức mạnh tổng hợp toàn dân để chiến thắng kẻ thù, giải phóng quê hương.

***Bốn là, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững mạnh ở cả ba vùng chiến lược.***

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng ta chủ trương tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Đường lối đó đã động viên mọi tiềm năng, mọi lực lượng tạo ra sức mạnh tổng hợp để đánh bại kẻ thù. Vì vậy, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững mạnh ở cả ba vùng chiến lược là vấn đề quan trọng trong việc vận dụng nghệ thuật quân sự để chiến thắng kẻ thù.

Thực tiễn hai cuộc kháng chiến, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhờ nắm vững đường lối chiến tranh nhân dân, Đảng bộ Quảng Ngãi đã chú trọng xây dựng và phát triển lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang ở cả ba vùng chiến lược ngày càng vững mạnh. Đảng bộ xác định: Muốn đánh địch khắp nơi, đẩy lùi quân địch từng bước về quân sự, thì việc xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân trên cả ba vùng chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt nhằm tạo thế bao vây địch, làm cho quân địch dù ở đâu cũng bị tiến công, tiêu diệt, tinh thần luôn ở trạng thái căng thẳng, bị động đối phó. Xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân còn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng vũ trang phát triển đến mức cao nhất, có đủ năng lực để tiến công địch, đạt hiệu suất chiến đấu cao. Đồng thời,

ta nắm chắc chỗ mạnh và sở trường của từng lực lượng để xác định bố trí thế đứng chân, giao nhiệm vụ thích hợp. Sau khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, chiến tranh nhân dân đã phát triển đều khắp ở miền núi, sau đó từng bước phát triển xuống đồng bằng, áp sát thị xã, thị trấn và đã hình thành thế tiến công địch liên hoàn trên cả ba vùng chiến lược. Ta đã triệt để phát huy thế mạnh của chiến tranh nhân dân, phân tán và căng địch ra mà đánh. Những hoạt động vũ trang rộng rãi của dân quân, du kích và quần chúng diễn ra ở khắp nơi, ngay cả trong lòng địch, buộc chúng phải dàn mỏng lực lượng để đối phó, tạo điều kiện cho ta tiêu hao nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của chúng.

Quân và dân ở từng địa phương đã tập trung xây dựng làng chiến đấu và khi quân địch tiến công, lực lượng vũ trang của ta gồm ba thứ quân tiến công và phản công địch bằng "hai chân, ba mũi" giáp công, dựa vào thế trận vững chắc của làng chiến đấu, của thế trực diện, hợp pháp của quần chúng để tiêu diệt kẻ thù. Nét độc đáo của chiến tranh nhân dân ở Quảng Ngãi là tổ chức và phát huy có hiệu quả "vành đai diệt Mỹ" khiến cho chúng bị cô lập, co cụm và bị tiêu diệt. Hầu như tất cả các cuộc đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng đều là mũi hợp đồng chiến đấu với các lực lượng vũ trang.

***Năm là, xây dựng căn cứ địa với nhiều loại hình lớn nhỏ, xây dựng hậu phương vững chắc, thực hiện hậu cần tại chỗ để kháng chiến lâu dài.***

Quảng Ngãi là một trong những trọng điểm đánh phá ác liệt của địch, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là cửa ngõ phía nam căn cứ quân sự Chu Lai, nên vấn đề xây dựng căn cứ địa rất quan trọng nhưng cũng hết sức khó khăn. Xuất phát từ đặc điểm đó, Đảng bộ và nhân dân tỉnh



Quảng Ngãi đã ứng xử rất linh hoạt trong xây dựng căn cứ địa. Đó có thể là những căn cứ rộng lớn, liên hoàn, vững chắc ở các huyện miền Tây, nhưng cũng có những căn cứ nhỏ, lẻ để cơ động ở vùng giáp ranh, vùng "lõm" và quan trọng hơn cả là căn cứ địa lòng dân.

Xây dựng căn cứ địa phải luôn gắn với xây dựng hậu phương tại chỗ. Phương châm đó đã trở thành quy luật để chiến đấu và chiến thắng của quân và dân Quảng Ngãi. Có hậu phương trực tiếp mới có điều kiện thuận lợi triển khai bộ máy chỉ đạo, tổ chức giao thông liên lạc, xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị quần chúng, đào tạo cán bộ. Hậu phương là nơi dừng chân và cũng là nơi xuất phát của các đơn vị bộ đội chủ lực. Chính vì vậy, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Quảng Ngãi là vùng tự do, căn cứ địa, hậu phương vững chắc của Liên khu V. Quảng Ngãi đã góp phần quan trọng về xây dựng lực lượng vũ trang, đào tạo cán bộ và là nơi xuất phát các cuộc tiến công của bộ đội chủ lực. Đồng thời, Quảng Ngãi còn là nơi giữ vững đầu mối giao thông liên lạc giữa các tỉnh ở khu V và giữa hai miền Nam - Bắc, một trong những nơi cung cấp nhân tài, vật lực cho cuộc kháng chiến ở các tỉnh Nam Trung Bộ. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Tỉnh ủy Quảng Ngãi chủ trương xây dựng căn cứ địa miền núi, vùng giáp ranh đồng bằng và căn cứ "lõm" ngay trong vùng địch tạm chiếm. Cơ sở cách mạng ở miền núi được củng cố, phát triển, căn cứ địa được xây dựng và mở rộng. Sau khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, một vùng căn cứ rộng lớn bao gồm 54 xã ở các huyện miền núi được xây dựng liên hoàn và vững chắc. Đặc biệt từ cuối năm 1955 đến năm 1962, Tỉnh ủy, Ban cán sự miền Tây, cán bộ các huyện miền núi, cán bộ cơ quan các huyện đồng bằng đã bám chắc xây dựng vùng căn cứ của mình, nên phong trào

cách mạng ở miền núi phát triển toàn diện, mạnh mẽ. Các tầng lớp nhân dân trong các dân tộc (trừ một số ít tên ác ôn ngoan cố theo địch) ở miền Tây Quảng Ngãi đều theo Đảng, theo Bác Hồ làm cách mạng. Nhờ đó, từ năm 1962 cho đến khi hoàn toàn giải phóng miền Nam, miền Tây Quảng Ngãi là chỗ dựa vững chắc của phong trào cách mạng tỉnh Quảng Ngãi và của Khu V.

Trong suốt những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ, vùng căn cứ miền núi là "đất thánh" để triển khai lực lượng, mở những chiến dịch, những cuộc tiến công chiến lược để đánh Mỹ, diệt ngụy, đóng vai trò quan trọng cho việc củng cố và mở rộng thực lực cách mạng ở đồng bằng.

Qua thực tế đấu tranh trên chiến trường Quảng Ngãi đã hình thành bốn vùng rõ rệt: vùng tạm chiếm, vùng tranh chấp, vùng làm chủ và vùng giải phóng. Vùng giải phóng là vùng hoàn toàn do ta quản lý nên là hậu phương trực tiếp của ta, trong đó vùng giải phóng miền núi có vị trí hết sức quan trọng là căn cứ địa cách mạng. Vùng làm chủ, tuy còn địch, nhưng chính quyền cách mạng đã được thành lập, nhân dân đứng hẳn về phía cách mạng, nên vùng làm chủ đồng thời cũng là vùng hậu phương trực tiếp của chiến tranh nhân dân địa phương. Vùng tranh chấp và một phần từ vùng địch tạm chiếm cũng đã góp phần quan trọng trong cuộc kháng chiến. Cả bốn vùng cùng với sự chi viện của hậu phương chiến lược ở miền Bắc, đã tạo nên sức mạnh của nền kinh tế kháng chiến trong chiến tranh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Thực tiễn đã chứng minh, xây dựng và củng cố căn cứ địa, hậu phương tại chỗ vững chắc, thực hiện hậu cần nhân dân là nhân tố quyết định sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng.

***Sáu là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành, giữ và xây dựng chính quyền, chăm lo công tác đào tạo cán bộ có ý nghĩa quyết định thắng lợi đến sự nghiệp cách mạng ở Quảng Ngãi.***

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi là một bộ phận của Đảng, luôn giữ vai trò tiên phong, quyết định tiến trình cách mạng của tỉnh nhà.

Phát huy truyền thống quý báu của Đảng bộ được đúc kết trong những năm tháng đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), từ khi Đảng bộ thành lập đến khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là một chặng đường đấu tranh vô cùng gay go, ác liệt, anh dũng và đầy sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi. Mục tiêu của giai đoạn này là đấu tranh giành chính quyền. Cũng như Đảng bộ các tỉnh Nam Trung Bộ, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nhiều lần đứt liên lạc với Trung ương, Xứ ủy, nhiều đảng viên bị địch bắt, tù đày, giết hại. Đảng bộ và cả các chi bộ nhiều lần bị tan vỡ nhưng các đảng viên còn lại hoặc mới thoát khỏi nhà tù của đế quốc đã chủ động gây dựng lại phong trào, lập lại đảng bộ, chi bộ, chủ động móc nối liên lạc với tỉnh bạn và Xứ ủy, đưa phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi tiếp tục phát triển. Khi Nhật đảo chính Pháp (ngày 09-3-1945), căn cứ vào dự kiến và điều kiện khởi nghĩa của Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5-1941), Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã quyết định tiến hành cuộc khởi nghĩa Ba Tơ (ngày 11-3-1945). Đây là cuộc khởi nghĩa từng phần giành thắng lợi đầu tiên trong cả nước và năm tháng sau, khởi nghĩa Tháng Tám giành thắng lợi trong toàn tỉnh (ngày 14-8-1945). Chỉ trong ba ngày, chính quyền nhân dân các cấp được thành lập đều khắp, lãnh đạo

nhân dân xây dựng cuộc sống mới và cùng cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (1945 - 1954), Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi đã chú trọng đến công tác xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân. Là một tỉnh thuộc vùng tự do, điều kiện hoạt động của Đảng thuận lợi hơn ở các vùng bị địch chiếm đóng nhưng Đảng bộ luôn giáo dục cán bộ, đảng viên về đường lối của cuộc kháng chiến, về ý thức tự lực cánh sinh, về tinh thần cảnh giác cách mạng, về trách nhiệm và nghĩa vụ đối với cuộc kháng chiến của các tỉnh Nam Trung Bộ và cả nước. Cùng với nhiệm vụ xây dựng Đảng, chính quyền các cấp luôn được củng cố, phát triển. Thông qua chính quyền, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân phát triển kinh tế, sẵn sàng chiến đấu, cung cấp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến ở các tỉnh Nam Trung Bộ và cả nước. Đảng bộ luôn nghiêm túc tự phê bình và phê bình, chỉ rõ những hạn chế, thiếu sót, sai lầm, những tư tưởng lệch lạc trong nội bộ, làm cho Đảng thật sự trong sạch, luôn luôn gắn bó mật thiết với nhân dân.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi cũng chịu tổn thất nặng nề trong những năm đầu. Nhiều đảng viên bị địch bắt, bị tù đày, bị giết hại, nhiều cơ sở đảng bị tan vỡ, đường dây liên lạc bị đứt nhưng với tinh thần kiên cường, dũng cảm của cán bộ, đảng viên và lòng tin sâu sắc của nhân dân đối với Đảng, với cách mạng, nên chỉ trong một thời gian, phong trào cách mạng dần dần được phục hồi và củng cố, cơ sở cách mạng được duy trì và phát triển, từ chỗ chỉ còn vài trăm đảng viên trong những năm 1956 - 1957 đã tăng gần 8.500 đảng viên năm 1973. Công tác kết nạp đảng viên được chú trọng, nhất là lớp cán bộ, chiến sĩ được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng, cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số.

Trong cuộc đấu tranh vô cùng gay go và ác liệt, Đảng bộ luôn luôn quán triệt quan điểm bạo lực cách mạng của Đảng, chú trọng xây dựng lực lượng chính trị, xây dựng căn cứ cách mạng ở miền núi kịp thời lãnh đạo nhân dân đồng loạt nổi dậy khởi nghĩa, giành thắng lợi ở Trà Bồng (ngày 28-8-1959) và miền Tây Quảng Ngãi, đập tan chính quyền ngụy ở cấp cơ sở. Chính quyền cách mạng ở các xã được thành lập, duy trì và phát triển suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tạo thế và lực cho phong trào cách mạng ở các địa phương trong tỉnh phát triển. Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, vùng giải phóng mở rộng đến đâu, chính quyền nhân dân nhanh chóng được xây dựng, củng cố đến đó.

Sức mạnh của Đảng bộ là ở chỗ tin dân, dựa vào dân; dân tin Đảng, bảo vệ Đảng và theo Đảng làm cách mạng đến thắng lợi. Vì vậy, xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là điều kiện tiên quyết để lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến thắng lợi. Đảng bộ khẳng định được vai trò lãnh đạo, trước hết là nhờ có đội ngũ cán bộ của Đảng. Đội ngũ cán bộ phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu hay không một phần quyết định là phải được đào tạo, bồi dưỡng về đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, về lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin... Nhận thức sâu sắc vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trong hoàn cảnh khó khăn của hai cuộc kháng chiến, đặc biệt là cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ vẫn luôn duy trì các lớp bồi dưỡng về văn hóa, đào tạo, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn cho hàng ngàn cán bộ, đảng viên nhằm quán triệt, nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối, chính sách, phương châm, phương pháp cách mạng của Đảng.

Một kinh nghiệm hết sức quý báu được đúc kết trong công tác xây dựng Đảng bộ những năm lãnh đạo nhân dân tiến hành

hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược là chăm lo xây dựng chi bộ, từ "chi bộ tự động công tác" trong kháng chiến chống Pháp đến "chi bộ bốn tốt" trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; là giữ vững và tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, là thực hành tự phê bình và phê bình, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ...

Lịch sử 45 năm Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền, tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1930 - 1975) được viết nên từ mồ hôi, máu và nước mắt của biết bao thế hệ những người con quê hương núi Ân, sông Trà. Sự đóng góp, hy sinh to lớn cũng đã trở thành di sản tinh thần vô cùng quý giá cho các thế hệ hôm nay và mai sau. Di sản ấy đã và đang được trân trọng, bảo vệ và phát huy trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng quê hương, đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

## **PHỤ LỤC**

### **I- NHỮNG CÔNG HIẾN VÀ THÀNH TÍCH CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN QUẢNG NGÃI TRONG CÁC CUỘC ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC**

Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, quân và dân tỉnh Quảng Ngãi đã không ngừng nỗ lực, ra sức phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hy sinh, lập được nhiều chiến công hiển hách trên các mặt trận chiến đấu, lao động sản xuất và học tập. Nhiều người con thân yêu của quê hương Quảng Ngãi đã hy sinh và cống hiến một phần xương máu để góp phần vào sự nghiệp giải phóng và bảo vệ đất nước. Ghi nhận những công hiến lớn lao của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Đảng và Nhà nước đã phong tặng và truy tặng nhiều tập thể, cá nhân các danh hiệu cao quý. Đến tháng 7-2017, toàn tỉnh Quảng Ngãi có:

#### **1. Đối tượng chính sách**

- 37.413 liệt sĩ.
- 25.087 thương binh và người hưởng chính sách như thương binh.
- 6.349 Mẹ Việt Nam Anh hùng, trong đó có 647 mẹ có từ 4 người con là liệt sĩ trở lên.

- 32.015 gia đình có công giúp đỡ cách mạng trong kháng chiến được tặng huân, huy chương.

- Gần 6.000 người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học.

**2. Tập thể và cá nhân được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, tặng huân, huy chương kháng chiến**

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân:

+ 45 đơn vị vũ trang tỉnh, huyện và 68 cá nhân.

+ 13 huyện, thành phố và 127 xã, phường, thị trấn;

63 cá nhân.

- Huân chương Sao Vàng: 1 tập thể và 5 cá nhân.

+ Tập thể: Nhân dân và cán bộ tỉnh Quảng Ngãi.

+ Cá nhân, gồm các đồng chí: Phạm Văn Đồng, Nguyễn Chánh, Trương Quang Giao, Trần Kiên, Đỗ Quang Thắng.

- Huân chương Hồ Chí Minh: 1 tập thể, 21 cá nhân

+ Tập thể: Nhân dân và cán bộ tỉnh Quảng Ngãi.

+ Cá nhân, gồm các đồng chí: Phan Thái Ất, Trương Quang Giao, Phạm Xuân Hòa, Nguyễn Chánh, Phạm Kiệt, Trần Quý Hai, Trần Nam Trung, Phạm Trung Mưu, Nguyễn Trí, Nguyễn Hồng Châu, Nguyễn Quang Lâm, Nguyễn Hữu Nghĩa, Võ Phấn, Nguyễn Đôn, Trần Kiên, Đỗ Quang Thắng, Kiều Hoàng, Vũ Anh Ba, Nguyễn Chí Quyết, Võ Bẩm, Nguyễn Liên.

- Huân chương Độc lập các hạng: 1.995

Trong đó:

+ 1.602 Huân chương Độc lập các hạng tặng các gia đình có nhiều liệt sĩ.

+ 393 Huân chương Độc lập tặng thưởng cho thành tích công hiến.



- Huân chương Thành đồng các hạng: 66

Trong đó:

+ 48 tập thể tỉnh, huyện, xã.

+ 18 cá nhân.

- Huân chương Quân công giải phóng hạng 3: 1 đơn vị

- Huân chương Kháng chiến các hạng: 74.423

Trong đó:

+ 673 huy chương vì thành tích trong kháng chiến chống Pháp.

+ 73.750 huy chương vì thành tích trong kháng chiến

chống Mỹ, cứu nước.

- Huy chương Kháng chiến các hạng: 51.987

Trong đó:

+ 2.085 huy chương vì thành tích trong kháng chiến chống

Pháp.

+ 49.902 huy chương vì thành tích trong kháng chiến

chống Mỹ, cứu nước.

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: 26.777.

## II- DANH SÁCH BÍ THƯ, QUYỀN BÍ THƯ TỈNH ỦY (1930 - 1975)

STT	Họ và tên	Thời gian	Ghi chú
1	Nguyễn Nghiêm	1930 - 1931	Liệt sĩ
2	Phan Thái Ất	1931	Ủy viên Xứ ủy Trung Kỳ
3	Võ Sỹ (Lê Văn Sỹ)	1932	Liệt sĩ
4	Phạm Quy	1933	Liệt sĩ
5	Phạm Xuân Hòa	1934 - 1935, 1952 - 1955	Quyền Bí thư từ 1954-2/1955 Liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Bí thư Ban cán sự Trung Nam của Xứ ủy Trung Kỳ

6	Nguyễn Công Phương	1935 - 1936	Ủy viên Hội đồng cố vấn Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam
7	Phạm Trung Mưu	1936 - 1937	Bí thư Liên Tỉnh ủy Quảng Ngãi-Bình Định-Phú Yên
8	Nguyễn Trí	1937 - 1938	Bí thư Liên Tỉnh ủy Quảng Ngãi - Bình Định-Phú Yên, Ủy viên Thường trực Quốc hội
9	Nguyễn Thành Nghi	1938 - 1939	Ủy viên Thường vụ Liên Tỉnh ủy QuảngNgãi-BìnhĐịnh-PhúYên
10	Nguyễn Chánh	1939	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng
11	Võ Xuân Hào	1940-1941	Liệt sĩ
12	Huỳnh Tấn	1943	Liệt sĩ
13	Trương Quang Giao	1944 - 1945	Bí thư Liên Khu ủy V
14	Trần Quý Hai (Bùi Chấn)	1945 - 1946	Trung tướng - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng
15	Huỳnh Viêt	1946	Quyền Bí thư
16	Nguyễn Hồng Châu	1946 - 1947	Phó Trưởng Ban Dân vận Trung ương
18	Trương Quang Tuân	1947 - 1949	Liệt sĩ-Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V
19	Trần Văn An	1949 - 1951	Quyền Bí thư từ 1949-1950 Bí thư 1950-1951
20	Nguyễn Quang Lâm (Tám Tú)	1955 - 1960	Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng
21	Phạm Thanh Biền (Phạm Xuân Thường)	1960 - 1961, 1965 - 1971	Khu ủy viên khu V
22	Nguyễn Hữu Nghĩa	1962 – đầu 1964	
23	Võ Phấn (Nghi)	1964	
24	Trần Kiên	1965	Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương
25	Lê Tấn Tỏa (Võ)	1971 - 1977	

**III- DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ  
TỈNH QUẢNG NGÃI (1930 - 1975)\***

**THỜI KỲ 1930 - 1945**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Thời gian tham gia Ban Chấp hành</b>	<b>Chức vụ trước khi tham gia Ban Chấp hành</b>
1	Nguyễn Nghiêm	3-1930	Phụ trách tổ chức Dự bị Cộng sản tỉnh
2	Trần Hàm	3-1930	Phụ trách tổ chức Dự bị Cộng sản huyện Mộ Đức
3	Trần Thị Hiệp	3-1930	Đảng viên huyện Mộ Đức
4	Phạm Viêt My	3-1930	Bí thư Huyện ủy Sơn Tịnh
5	Nguyễn Tín	3-1930	Bí thư Huyện ủy Mộ Đức
6	Phan Thái Ất (Nguyễn Xuân Sơn)	4-1930	Ủy viên Phân cục Xứ ủy Trung Kỳ
7	Nguyễn Danh	6-1930	Cán bộ tỉnh
8	Đồng chí Hòa	6-1930	Cán bộ tỉnh
9	Trương Hùng	6-1930	Cán bộ tỉnh
10	Đồng chí Luân	6-1930	Cán bộ tỉnh
11	Trần Thanh (Trần Tư)	6-1930	Trưởng ban Tuyên truyền Tỉnh ủy
12	Nguyễn Công Phương	10-1930	Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành
13	Tôn Diêm	10-1930	Bí thư Huyện ủy Sơn Tịnh
14	Phạm Khoa	1931	Bí thư Khu Tây Tư Nghĩa
15	Nguyễn Năng Lự	3-1931	Bí thư Khu Đông Tư Nghĩa
16	Trần Hường	4-1931	Cán bộ Xứ ủy
17	Võ Sỹ (Lê Văn Sỹ)	01-1932	Bí thư Huyện ủy Mộ Đức
18	Phạm Quy	3-1933	Bí thư Huyện ủy Đức Phổ

\* Do chưa sưu tầm được đầy đủ, nên danh sách các đồng chí tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chỉ ghi theo thời gian (T.G).

19	Phạm Xuân Hòa	1934	Bí thư Huyện ủy Đức Phổ
20	Nguyễn Tùng	1934	Cán bộ tỉnh
21	Huỳnh Tấu	1934	Bí thư Phủ ủy lâm thời Bình Sơn
22	Võ Bầm	8-1934	Bí thư Huyện ủy lâm thời Sơn Tịnh
23	Nguyễn Chánh	Cuối năm 1935	Đảng viên mới ra tù
24	Nguyễn Thượng Tứ	1936	Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành
25	Trần Huy	3-1936	Đảng viên mới ra tù
26	Phạm Trung Mưu	Cuối năm 1936	Đảng viên mới ra tù
27	Nguyễn Cát	1937	Ban đấu tranh công khai tỉnh
28	Trần Long	1937	Cán bộ tỉnh
29	Trần Nam Trung (Trần Lương)	1937	Bí thư Huyện ủy Mộ Đức
30	Võ Xuân Hựu	3-1937	Huyện ủy viên Huyện ủy Mộ Đức
31	Nguyễn Thành Nghi	5-1937	Bí thư Huyện ủy Sơn Tịnh
32	Nguyễn Trí	7-1937	Đảng viên mới ra tù
33	Tạ Bá Tường	1940	Hoạt động cách mạng tại huyện Mộ Đức
34	Võ Xuân Hào	4-1940	Bí thư Huyện ủy Mộ Đức
35	Nguyễn Đôn	1942	Phụ trách Ủy ban Vận động cứu quốc tỉnh
36	Phạm Kiệt	1943	Ủy viên Ủy ban Vận động cứu quốc tỉnh
37	Trương Quang Giao	12-1944	Phụ trách Ủy ban Vận động cứu quốc tỉnh
38	Trần Quý Hai (Bùi Chấn)	12-1944	Ủy viên Ủy ban Vận động cứu quốc tỉnh
39	Phạm Thị Trinh	4-1945	Bí thư Ban Chấp hành Phụ nữ lâm thời tỉnh
40	Bùi Định	6-1945	Ủy viên Ủy ban Vận động cứu quốc tỉnh

## THỜI KỲ 1945 - 1954

STT	Họ và tên	Thời gian tham gia Ban Chấp hành	Chức vụ trước khi tham gia Ban Chấp hành
41	Huỳnh Việt	Cuối năm 1945	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Đức Phổ
42	Nguyễn Hồng Châu	6-1946	Phó Bí thư Huyện ủy Mộ Đức
43	Nguyễn Quang Lâm	6-1946	Ủy viên thư ký Ủy ban hành chính tỉnh
44	Võ Phấn	6-1946	Bí thư Huyện ủy Sơn Tịnh
45	Trương Quang Tuân	6-1946	Ủy viên Ủy ban Mặt trận Việt Minh tỉnh
46	Hồ Thiết	6-1946	Phó Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời tỉnh
47	Phạm Chương	6-1946	Bí thư Huyện ủy Bình Sơn
48	Nguyễn Cừ	6-1946	Công tác Quân sự tỉnh
49	Nguyễn Hồng Kỳ	6-1946	Bí thư Huyện ủy Sơn Tịnh
50	Võ Lục	6-1946	Bí thư Huyện ủy Sơn Tịnh
51	Nguyễn Thị Nga	6-1946	Phó Bí thư Hội Phụ nữ cứu quốc tỉnh
52	Nguyễn Thị Sâm	6-1946	Công tác Phụ vận tỉnh
53	Trần Văn An	6-1946	Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành
54	Lê Huyền	5-1947	Bí thư Huyện ủy Mộ Đức
55	Vũ Anh Ba (Nguyễn Hồng Ưng)	8-1947	Phó Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh
56	Nguyễn Chí Quyết (Nguyễn Dụng)	8-1947	Thường vụ Mặt trận Việt Minh tỉnh
57	Nguyễn Thiệu	8-1947	Ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ
58	Võ Tùng (Võ Tông)	1948	Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh
59	Lê Diễm	6-1948	Bí thư Huyện ủy Bình Sơn
60	Võ Trung Thành	02-1949	Bí thư Huyện ủy Đức Phổ
61	Nguyễn Liên	02-1949	Bí thư Huyện ủy Sơn Tịnh

62	Phan Thượng Hiền	02-1949	Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy
63	Nguyễn Cao Sâm	02-1949	Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh
64	Phạm Thanh Biền (Phạm Xuân Thượng)	3-1950	Trưởng đoàn Xây dựng căn cứ địa của tỉnh và Khu V
65	Lê Văn Ba (Lê Đình Khoa)	3-1950	Bí thư Huyện ủy Tư Nghĩa
66	Nguyễn Hóa	3-1950	Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy
67	Phan Quyết (Phan Phụ)	3-1950	Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
68	Huỳnh Tuyển	3-1950	Tỉnh đội trưởng
69	Nguyễn Phú Soại	3-1952	Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh
70	Nguyễn Chánh	3-1952	Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy
71	Hồ Văn Điem	3-1952	Tỉnh đội trưởng
72	Lê Văn Phát	3-1952	Phó Trưởng ty Công an tỉnh
73	Phan Phong	7-1953	Tỉnh Đội trưởng
74	Lê Tấn Tỏa (Võ)	4-1954	Bí thư Huyện ủy Bình Sơn
75	Lê Chí Thống	5-1954	Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy

## THỜI KỲ 1954 - 1975

STT	Họ và tên	Thời gian tham gia Ban Chấp hành	Chức vụ trước khi tham gia Ban Chấp hành
76	Trần Xuân Hải	10-1954	Trưởng Ban chuyển hướng huyện Sơn Tịnh
77	Từ Ty	10-1954	Bí thư Ban cán sự khu Tây huyện Tư Nghĩa
78	Nguyễn Hữu Nghĩa	1955	Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy
79	Đình Văn Cả (Đình Trươn)	1955	Bí thư Huyện ủy Trà Bồng

80	Nguyễn Chót	5-1955	Cán bộ ở lại hoạt động bí mật
81	Đình Mô	6-1955	Phó Bí thư Ban cán sự miền Tây
82	Trần Thị Nguyên	8-1955	Phó Trưởng Ban Nông vận tỉnh Gia Lai
83	Lê Long Châu	10-1956	Bí thư Huyện ủy Bình Sơn
84	Trần Lãm (Trần Ruộng)	02-1958	Bí thư Huyện ủy Đức Phổ
85	Nguyễn Quang Giao	6-1959	Phó Bí thư Huyện ủy Ba Tư
86	Trần Vỹ (Trần Động)	6-1959	Bí thư Huyện ủy Sơn Tịnh
87	Trương Ngọc Khang	02-1960	Bí thư Huyện ủy Trà Bồng
88	Đình Xuân Trâm (Đình Văn Gát)	02-1960	Bí thư Đảng ủy Khu VI (Sông Rhe)
89	Nguyễn Tấn Viên (Nguyễn Minh Châu)	02-1960	Phó Bí thư Huyện ủy Trà Bồng
90	Đình Cây (Đình Lãnh)	02-1960	Bí thư Khu VI
91	Đình Cừu (Phạm Ngọc Thi)	02-1960	
92	Huỳnh Phước	02-1960	Bí thư Huyện ủy lâm thời Nghĩa Hành
93	Nguyễn Nghĩa (Nguyễn Nhâm)	7-1961	Phó Ban An ninh tỉnh
94	Hoàng Việt (Nguyễn Thụy)	02-1962	Bí thư Huyện ủy Đông Sơn
95	Đỗ Ngọc Hoa	3-1962	Bí thư Huyện ủy Bình Sơn
96	Nguyễn Ngọc Châu	5-1962	Tỉnh đội trưởng
97	Cao Kết	1963	Bí thư Huyện ủy Sơn Tịnh
98	Đoàn Y Thanh	02-1963	Chính trị viên Tỉnh đội
99	Đoàn Nhật Nam	8-1963	Bí thư Huyện ủy Đức Phổ
100	Đình Văn Thành	5-1964	Phái viên Bộ Tư lệnh Quân khu V
101	Trần Kiên	Cuối năm 1964	Ủy viên Thường vụ Khu ủy V
102	Trương Quang Chân	01-1965	Phó Trưởng Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
103	Ngô Cửu (Ngô Thận)	01-1965	Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành
104	Nguyễn Chử	01-1965	Chính trị viên phó Tỉnh đội
105	Đỗ Ngọc Hồ	01-1965	Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành

106	Hồ Luân	01-1965	Chính trị viên phó Tỉnh đội
107	Nguyễn Thanh Thủy	01-1965	Bí thư Huyện đội Đông Sơn
108	Hà Văn Trí	01-1965	Tỉnh đội trưởng
109	Nguyễn Vy	01-1965	Bí thư Huyện ủy Ba Tơ
110	Nguyễn Huy Chương	9-1965	Chính trị viên Tỉnh đội
111	Trần Anh Tế (Trần Quán)	9-1965	Bí thư Huyện ủy Mộ Đức
112	Lưu Thành Đức	9-1966	Tỉnh đội trưởng
113	Võ Trọng Nguyễn	4-1967	Bí thư Huyện ủy Tư Nghĩa
114	Nguyễn Viết Chới	4-/1967	Trưởng ban Dân vận, Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy
115	Hồ Thị Xuân	4-1967	Hội trưởng Hội Phụ nữ giải phóng tỉnh
116	Nguyễn Ngọc Anh	4-1967	Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy
117	Ngô Việt Anh	4-1967	Bí thư Huyện ủy Bình Sơn
118	Trịnh Nhung (Trịnh Phú Qua)	7-1967	Phó Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy
119	Nguyễn Chức	10-1967	Chính trị viên Tỉnh đội
120	Tôn Long Hòa	10-1967	Chánh Văn phòng Tỉnh ủy
121	Hoàng Tuấn	10-1967	Bí thư Huyện ủy Bình Sơn
122	Lê Đà	10-1968	Trưởng ban Giao vận tỉnh
123	Trần Đình Tiến	10-1968	Bí thư Huyện ủy Mộ Đức
124	Huỳnh Văn Châu	10-1968	Bí thư Huyện ủy Bình Sơn
125	Đình Thị Đào	10-1968	Phó ban Đấu tranh chính trị, binh vận
126	Nguyễn Hữu Đức	10-1968	Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy
127	Tô Hành	10-1968	Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành
128	Võ Thị Hương (Võ Thị Ba)	10-1968	Phụ trách dân vận Huyện ủy Mộ Đức
129	Đình Văn Lá	10-1968	Bí thư Huyện ủy Sơn Hà
130	Trịnh Ái Nghĩa	10-1968	Quyền Bí thư Huyện ủy Bình Sơn
131	Trần Phát	10-1968	Phó Ban An ninh I
132	Lê Thành Tâm (Lê Công Ngũ)	10-1968	Bí thư Huyện ủy Sơn Tịnh



133	Đình Trọng Tân (Đình Thế Sinh)	10-1968	Bí thư Huyện ủy Đức Phổ
134	Lê Văn Tấn	10-1968	Bí thư Huyện ủy Trà Bồng
135	Hoàng Thanh Trà (Nguyễn Văn Hiệu)	10-1968	Phó Trưởng Ban An ninh tỉnh
136	Phạm Ngọc Trâm	10-1968	Phó Chỉ huy trưởng, Tham mưu trưởng Tỉnh đội
137	Trần Thị Yến (Trần Thị Đô)	10-1968	Phó Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy
138	Hồ Chí Trinh (Đỗ Quang Việt)	4-1969	Bí thư Huyện ủy Trà Bồng
139	Lương Thị Bá	4-1969	Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy Sơn Tịnh
140	Quốc A Soa (Đình Núi)	4-1969	Ủy viên Ban Miền núi tỉnh
141	Lương Văn Thủ	4-1969	Tỉnh Đội trưởng
142	Mai Xuân Ba	6-1969	Phó Trưởng Ban Đấu tranh chính trị tỉnh
143	Trương Thanh Hải	11-1970	Bí thư Huyện ủy Sơn Tịnh
144	Võ Quyền	11-1970	Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành
145	Vũ Xuân Căn (Đình Hốt)	11-1970	Bí thư Huyện ủy Minh Long
146	Nguyễn Đình Dần	11-1970	Chính trị viên phó Tỉnh đội
147	Châu Thị Đoàn (Châu Thị Phò)	11-1970	Phó Trưởng Ban Nông hội tỉnh
148	Phạm Duy Hưng	11-1970	Bí thư Tỉnh đoàn
149	Cao Văn Luật	11-1970	Tỉnh đội trưởng
150	Mai Lương	11-1970	Bí thư Thị ủy Quảng Ngãi
151	Phan Minh Nga	11-1970	Bí thư Huyện ủy Đức Phổ
152	Huỳnh Thị Ngọc Sương	11-1970	Phó Trưởng Ban I Bình vận tỉnh
153	Nguyễn Thị Vân	11-1970	Bí thư Huyện ủy Mộ Đức

154	Nguyễn Thị Thùy Vân	11-1970	Phó Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy
155	Ngô Tý	11-1970	Trưởng ban Giao vận tỉnh
156	Trần Quang Hiến (Trần Diễm)	11-1971	Chính trị viên phó Tỉnh đội
157	Lê Ban (Vũ Xuân Đài)	11-1971	Phó Trưởng Ban Binh vận Tỉnh ủy
158	Hồ Chí Mân	01-1972	Bí thư Huyện ủy Trà Bồng
159	Hồ Việt An	1972	Bí thư Huyện ủy Trà Bồng
160	Lý Sang (Lê Xanh)	8-1972	Bí thư Huyện ủy Mộ Đức
161	Lê Thanh Hà	8-1973	Phó Trưởng Ban Tài mậu tỉnh
162	Thu Hảo (Trần Tây Sơ)	8-1973	Phó Trưởng Ban chuyên trách An ninh tỉnh
163	Hà Văn Linh (Y Đênh)	8-1973	Bí thư Huyện ủy Sơn Hà
164	Huỳnh Thị Mỹ	8-1973	Bí thư Thị ủy Quảng Ngãi
165	Nguyễn Hữu Tiến	8-1973	Bí thư Huyện ủy Tư Nghĩa
166	Nguyễn Văn Ngạt	8-1973	Bí thư Nông hội tỉnh
167	Phạm Nhớ	1975	Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, các tập 2, 6, 7, 8, 15, 17, 20, 23, 26, 31, 35, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, các tập 3, 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
5. Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
6. Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 - 1975 - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
7. Ban Chỉ huy quân sự tỉnh Ninh Thuận: *Ninh Thuận - 30 năm chiến tranh giải phóng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997.
8. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Sơ thảo), tập I (1920 - 1954)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981.
9. *Bình Định - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 - 1975)*, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Định, 1992.

10. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954, tập I*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985.
11. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử các đội quân tiền thân Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.
12. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975, tập II: Chuyển chiến lược*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.
13. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975, tập III: Đánh thắng chiến tranh đặc biệt*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.
14. Đảng bộ Quân khu V: *Lịch sử Đảng bộ Quân khu V (1946 - 2010), tập II: Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010.
15. Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1945) (Sơ thảo), tập I*, Nxb. Đà Nẵng, 1991.
16. Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu V: *Lịch sử công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang Quân khu V (1945 - 2000), tập I: Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.
17. Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu VII: *Lịch sử miền Đông Nam Bộ và Cực Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
18. Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
19. *Khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng, tập I: Kháng chiến chống thực dân Pháp*, Bộ Tư lệnh Quân khu V xuất bản, Đà Nẵng, 1986.

20. *Khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng, tập II: Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1968)*, Bộ Tư lệnh Quân khu V xuất bản, Đà Nẵng, 1989.
21. *Khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng, tập III: Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1968 - 1975)*, Bộ Tư lệnh Quân khu V xuất bản, Đà Nẵng, 1989.
22. Kết luận tại Hội thảo khoa học "Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi - Sự kiện và ý nghĩa", do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với Viện Sử học tổ chức ngày 25 và 26-8-2004.
23. *Kỷ yếu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.
24. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (thời kỳ 1930 - 1945)*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ngãi xuất bản, 1975.
25. *Lịch sử Đảng bộ Quân khu V (1946 - 2010), tập 1: Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010.
26. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Gia Lai, tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
27. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kom Tum: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Kon Tum, tập I (1930 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
28. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Khánh Hòa: *Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Khánh Hòa - 30 năm xây dựng, chiến đấu xây dựng và trưởng thành*, 1993.
29. *Lịch sử miền Đông Nam Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1990.
30. *Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 - 1975)*, Nxb. Tổng hợp Nghĩa Bình, 1988.
31. *Quân tình nguyện Việt Nam khu Hạ Lào - Đông Bắc Campuchia*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.

32. *Phú Yên - 30 năm chiến tranh giải phóng (1945 - 1975)*, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Phú Yên xuất bản, 1993.
33. Robert S. McNamara: *Nhìn lại quá khứ - Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
34. Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu V, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi: *Lịch sử Đội Du kích Ba Tư (1945 - 1946)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.
35. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1954 - 1975)*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
36. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.

**Những người thực hiện**  
**“Lịch sử Đảng bộ Đảng bộ**  
**tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1945)”**

**Chỉ đạo nội dung**  
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY  
QUẢNG NGÃI

**Chỉ đạo biên soạn**  
HOÀNG TRƯỜNG  
PHẠM SY

**Ban biên soạn**  
TRẦN THỊ MỘNG NAM  
NGUYỄN ĐÌNH NHON  
NGUYỄN QUÝ  
TẠ THANH

**Có sự đóng góp của các đồng chí**  
TRẦN QUÝ CÁT  
NGUYỄN THÁI BÌNH

**Những người thực hiện**  
**“Lịch sử Đảng bộ Đảng bộ**  
**tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)”**

**Chỉ đạo nội dung**  
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY  
QUẢNG NGÃI

**Chỉ đạo biên soạn**  
PHẠM SY  
PHẠM ĐÌNH KHÔI

**Biên soạn**  
PHẠM NHỚ (Chủ biên)  
TẠ THANH

**Hoàn chỉnh bản thảo**  
VÕ VĂN HÀO

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	9
<i>Chương mở đầu</i>	
QUẢNG NGÃI - ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG	13
<b>I- Điều kiện tự nhiên và tình hình kinh tế - xã hội</b>	13
<b>II- Truyền thống yêu nước và cách mạng</b>	22
<i>Chương I</i>	
ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO CÁC PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VÀ KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THẮNG LỢI (1930 - 1945)	27
<b>I- Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi ra đời, lãnh đạo cao trào cách mạng 1930 - 1931</b>	27
1. Quá trình thành lập Đảng bộ	27
2. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân đấu tranh trong cao trào cách mạng 1930 - 1931	35
<b>II- củng cố tổ chức đảng, tiếp tục lãnh đạo cuộc đấu tranh chống phản động thuộc địa, chống phát xít, đòi các quyền dân sinh, dân chủ và hòa bình (1932 - 1939)</b>	69
1. Củng cố Đảng bộ và lãnh đạo cuộc đấu tranh chống khủng bố (1932 - 1935)	69



2.	Đảng bộ lãnh đạo phong trào đấu tranh chống phản động thuộc địa, chống phátxít, chống chiến tranh, đòi các quyền dân sinh, dân chủ, hòa bình (1936 - 1939)	84
<b>III-</b>	<b>Thành lập ban vận động cứu quốc; khởi nghĩa Ba Tơ, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi (1939 - 1945)</b>	106
1.	Chuyển hướng chỉ đạo của Đảng bộ theo đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng	106
2.	Phong trào cách mạng chuyển sang bước phát triển mới, khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi (ngày 11-3-1945)	111
3.	Cao trào kháng Nhật, cứu nước và Tổng khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945	131
<i>Chương II</i>		
<b>ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TRONG TÌNH CÙNG CẢ NƯỚC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)</b>		
		165
<b>I-</b>	<b>Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi trong năm đầu xây dựng chế độ mới, tích cực chuẩn bị kháng chiến (8-1945 - 12-1946)</b>	165
1.	Tỉnh Quảng Ngãi sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945	165
2.	Tích cực xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng, chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm	172
<b>II-</b>	<b>Ra sức xây dựng và bảo vệ hậu phương vững chắc, đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (12-1946 - 12-1952)</b>	188
1.	Ra sức xây dựng và củng cố hậu phương, đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến	188
2.	Đập tan các cuộc tấn công và lấn chiếm của địch, bảo vệ vững chắc vùng tự do	235

<b>III- Xây dựng hậu phương vững mạnh, cùng cả nước đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi (1953 - 1954)</b>	245
1. Xây dựng hậu phương kháng chiến vững mạnh	245
2. Đốc sức phục vụ chiến trường, cùng cả nước đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi	252
<i>Chương III</i>	
<b>ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TRONG TỈNH KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC, GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (1954 - 1975)</b>	259
<b>I- Đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ; chống chính sách "tố cộng", "diệt cộng" của địch; duy trì và phát triển lực lượng, lãnh đạo khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (1954 - 1959)</b>	259
1. Chuyển hướng hoạt động, đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ và chống địch "tố cộng", "diệt cộng", bảo tồn lực lượng cách mạng	259
2. Kiên định mục tiêu cách mạng, ra sức giữ gìn và phát triển lực lượng, xây dựng căn cứ địa kháng chiến	277
3. Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW, vũ trang khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi thắng lợi	289
<b>II- Phát động nhân dân nổi dậy và tấn công trên ba vùng chiến lược, góp phần đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ (1960 - 1965)</b>	303
1. Giữ vững căn cứ ở miền núi, nổi dậy ở đồng bằng	303
2. Tiếp tục tấn công và nổi dậy phá áp chiến lược, giải phóng đại bộ phận nông thôn đồng bằng; chiến thắng Ba Gia	329

<b>III- Cùng cả nước quyết tâm đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)</b>	349
1. Xây dựng "Vành đai diệt Mỹ", phát triển chiến tranh nhân dân, đánh thắng giặc Mỹ ngay từ trận đầu - chiến thắng Vạn Tường lịch sử	349
2. Góp phần đánh bại hai cuộc phản động chiến lược mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967 của đế quốc Mỹ	361
3. Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, góp phần làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ	377
<b>IV- Cùng cả nước đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ (1969 - 1972)</b>	407
1. Đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, quyết tâm giành và giữ dân	407
2. Tiếp tục đấu tranh chống âm mưu "bình định" của địch, xây dựng và phát triển thực lực cách mạng	430
3. Tham gia tiến công chiến lược năm 1972, góp phần đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ	456
<b>V- Cùng Nhân dân cả nước đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ (1973 - 1975)</b>	479
1. Đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Pari, chống địch lấn chiếm vùng giải phóng, đẩy mạnh phát triển thực lực cách mạng	479
2. Cùng cả nước đánh thắng đế quốc Mỹ, giải phóng Quảng Ngãi, giải phóng miền Nam	495
<i>Kết luận</i>	521
<i>Phụ lục</i>	541
<i>Tài liệu tham khảo</i>	553

Chịu trách nhiệm xuất bản  
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung  
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP  
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ THINH  
ThS. BÙI THỊ ÁNH HỒNG  
CAO THỊ LAN ANH  
Trình bày bìa: LÊ HÀ LAN  
Chế bản vi tính: BÙI THỊ TÁM  
Sửa bản in: TRẦN THỊ KHÁNH VÂN  
Đọc sách mẫu: TRẦN VĂN THÁI

---

In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Công ty TNHH MTV in Tiến Bộ.  
Địa chỉ: 175 Nguyễn Thái Học - Hà Nội.  
Số đăng ký xuất bản: 39-2019/CXBIPH/24-222/CTQG.  
Số giấy phép xuất bản: 3716-QĐ/NXBCTQG, cấp ngày 10-01-2019.  
Mã số ISBN: 978-604-57-4512-0.  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 01 năm 2019.

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn



**LỊCH SỬ**  
**ĐẢNG BỘ**  
**TỈNH QUẢNG NGÃI**  
**(1930 - 1975)**

ISBN 978-604-57-4512-0



9 786045 745120



8935279108985

**Giá: 242.000đ**